

OSHO



CON ĐƯỜNG

BÊN NGOÀI MỌI CON ĐƯỜNG

KHO SÁCH CŨ
0994.838.096

OSHO
Con đường bên ngoài
mọi con đường
Bài nói về Sarvasat Upanishad
HÀ NỘI 5/2010

OSHO
The Way beyond
Any Way
Talks on the Sarvasar Unpanishad

Mục Lục

[Giới thiệu. 4](#)

[1 Một thuyền, hai lữ khách. 6](#)

[2 Truy tìm.. 25](#)

[3 Hiền nhân trả lời 39](#)

[4 Bốn trạng thái của tồn tại 49](#)

[5 Cuộc tìm kiếm cá nhân. 59](#)

[6 Thể vật lí và năng lượng. 71](#)

[7 Thể trí và các thể nhận biết và phúc lạc. 83](#)

[8 Vượt ra ngoài giác quan. 99](#)

[9 Bạn là nhà tù riêng của mình. 111](#)

[10 Chúng ta là điều ta làm.. 122](#)

[11 Vĩnh hằng là gì?. 137](#)

[12 Tình yêu là tự do. 150](#)

[13 Bạn còn nhiều hơn bạn tưởng. 160](#)

[14 Chấm dứt ảo tưởng. 168](#)

[15 Kẻ hầu đã trở thành chủ. 184](#)

[16 Bên ngoài tất cả - nhân chứng. 200](#)

[17 Như thế là bí ẩn này. 215](#)

[Về Osho. 227](#)

Giới thiệu

Ngay lần đọc đầu tiên, tôi đã cảm thấy rân ran khắp người. Lần đọc thứ hai, tâm trí tôi trở thành giống như đông lại. Đến lần đọc thứ ba, tôi tìm tâm trí mình và thấy nó nhão ra trên sàn. Bạn đọc thân mến, cảnh báo trước: loạt bài nói này về Sarvasar Upanishad không dành cho những kẻ nhát gan. Nó là phá huỷ dần tất cả những cái mà người ta níu bám vào nhân danh cá tính mình. Cho nên nếu bạn muốn vẫn còn như bạn hiện thế, dừng lại bây giờ; bằng không, những lời này sẽ ám ảnh bạn và bạn sẽ chẳng bao giờ như cũ nữa.

Những lời này đã được nói ra bởi ai đó, người đã trở thành sự vắng mặt, người đã trở thành phương tiện cho sự tồn tại, phương tiện sẽ mang bạn tới cánh cửa nơi chân lí tự hiển lộ mình trong thuần khiết toàn bộ của nó.

Trong những bài nói này về Sarvasar Upanishad, Osho thổi luồng sinh khí vào những văn bản cổ đại. Người trình bày chúng theo cách mà con người hiện đại có thể hiểu được, theo cách đem ý nghĩa vào những hỗn loạn xảy ra trên khắp thế giới. Những chân lí này đã được biết tới trong hàng thế kỉ rồi và như Osho nói, "Đã được nói thường xuyên, nhưng chúng không thể nào được hiểu chỉ bởi việc nói, chỉ hiểu được bởi việc sống. Sống nó là cách duy nhất để biết nó." Mỗi quan tâm của người là ở chỗ cái thực bên trong bạn bắt đầu lớn lên và rằng nó không trở thành tri thức thêm nữa. Theo khía cạnh này, người quan tâm rất nhiều tới việc hướng dẫn bạn đi qua những đồng nhất giả tạo để cho bạn không trở thành giống như con lừa chất nặng sách vở.

Sâu bướm, ngay cả khi nó nhìn thấy bướm bay, cũng không có ý tưởng rằng điều này sẽ là định mệnh tối thượng của nó. Khi bạn uống những lời này, điều gì đó xảy ra bên ngoài những lời này, và bạn có thể kinh nghiệm tự do của việc là con bướm bay trên bầu trời rộng mở.

Upanishad này bắt đầu với câu hỏi: "Tù túng là gì? Giải thoát là gì?" và kết thúc với câu hỏi, "Ta không là người làm - làm sao có

thể có tù túng hay giải thoát cho ta?" Nếu đây là câu trả lời, sao nó lại không được cho ngay từ đầu? Lí do là ở chỗ Upanishad này là quá trình từng bước hướng tới chứng ngộ, quá trình làm tan biến dần, nơi người tìm kiếm được đưa tới trạng thái vô câu hỏi. Thông điệp bản chất được nêu là ở chỗ thực tại tối thượng là một. "Không có phân tách các cá nhân, chỉ có một sự tồn tại phổ quát."

Một trong những chỉ trích đã được nêu ra trong quá khứ cho quan điểm này đã là: nếu đây là hoàn cảnh, thì chẳng còn gì để làm trong cuộc sống cả; rằng chẳng có đúng hay sai, không tội lỗi hay đức hạnh, rằng bất kì điều gì bạn làm cũng đều tốt. Tuy nhiên, Osho đã làm rõ ràng rằng đây không phải là ý định của người chứng ngộ. Mục đích duy nhất của họ là giúp bạn buông bỏ cấu trúc bản ngã và tan biến vào trong thực tại cái một. Quá trình tan biến này đưa chúng ta vào cuộc hành trình qua bốn trạng thái của tâm thức và năm thể. Bốn trạng thái tâm thức là thức, mơ, ngủ và *turiya*. Năm thể là thể vật lí, năng lượng, tâm trí, nhận biết và phúc lạc. Sau khi giải thích cách chúng ta trải qua năm thể này, Osho lập tức bắt đầu nói về sướng và khổ. Người giải thích rằng lí do cho điều này là ở chỗ nói về năm thể riêng chẳng ích lợi gì cho chúng ta chừng nào chúng ta còn chưa biết nguyên nhân của đồng nhất của mình với thân thể vật lí. Bất kì khi nào chúng ta kinh nghiệm sướng, chúng ta đều nghĩ rằng chúng ta đang có nó từ thân thể mình. Bất kì khi nào chúng ta kinh nghiệm khổ, chúng ta đều cho rằng chúng ta nhận nó từ ai đó khác. Sự tù túng với thân thể là bởi vì chúng ta nói rằng thân thể là nguồn gốc của mọi sướng còn bất kì khổ nào đều do người khác gây ra." Tuy nhiên Osho còn tiếp tục nói rằng, "Thân thể là nguồn gốc của cả sướng và khổ. Chúng sẽ phủ định lẫn nhau, và thế thì bạn sẽ phải tìm cái là nguồn gốc của phúc lạc."

Cho nên đồng nhất vẫn còn dai dẳng bởi vì gấn bó của chúng ta với cái mà chúng ta gọi là tri thức. Vấn đề là ở chỗ tất cả các tri thức của chúng ta đều tới từ người khác. "Bất kì điều gì chúng ta có, chúng ta đều đã nhận từ người khác. Đó là lí do tại sao chúng ta đứng ăn xin trước người khác cả đời mình. Chúng ta sợ rằng nếu người khác từ chối hỗ trợ cho chúng ta, chúng ta sẽ tuột đi và biến mất." Với tan biến của bản ngã chúng ta đi tới việc biết vốn

là trạng thái của hiện hữu và không phụ thuộc vào bất kì đối tượng nào. Bản ngã là bìa đặt của riêng chúng ta và phụ thuộc vào cái gọi là tri thức. Tâm thức không phải là bìa đặt của chúng ta, nó tồn tại trước khi thân thể được sinh ra và sẽ tồn tại sau khi thân thể chết đi.

Chung cuộc, Osho nói, "Chỉ có một cách và đó là cởi bỏ tất cả tri thức của chúng ta như quần áo và gặt nó sang bên, trở thành trần trụi, như nó đã thế. Theo cùng cách này, khi bạn có thể trở thành được trần trụi với mọi tri thức, khái lộ bên trong xảy ra. "

Tôn giáo vậy "là nghệ thuật chết, nghệ thuật triệt tiêu. Bản ngã của chúng ta phải biến mất theo cách mà nó không bao giờ có thể được tìm thấy lại, sao cho chỉ cái trống rỗng là còn lại. Chỉ trong cái trống rỗng đó mà chúng ta mới có thể hiểu ra bản tính thực của mình.

Cầu cho bạn tan biến trong bấu vật này của huyền môn phương Đông và cầu cho hoa mưa rào lên bạn.

Swami Anand Yogendra, B.A., LI.B. Poona, 12/1989

1 Một thuyền, hai lữ khách

Aum.

Cầu cho điều thiêng liêng bảo vệ cả hai chúng ta; Cầu cho điều đó chăm sóc cả hai chúng ta... Cùng nhau chúng ta có thể cố gắng.

Sáng lạn là việc biết của chúng ta. Cầu cho chúng ta không ghen tị. Aum, an bình, an bình, an bình

Chắt lọc ra điều bản chất từ điều thông thường, điều không ý nghĩa đã là đủ khó rồi, nhưng thế rồi chắt lọc ra điều tinh túy của tất cả những điều bản chất còn khó hơn nhiều lắm. Khám phá ra điều có ý nghĩa từ điều không có ý nghĩa đã không dễ dàng rồi, nhưng thế rồi chắt lọc ra ý nghĩa tối thượng từ tất cả những điều có ý nghĩa thì gần như không thể được. Tìm vàng trong cát bụi bộn lộ những thử thách và khó khăn riêng của nó, nhưng tìm ra tinh chất của vàng từ vàng thì gần như là không thể được.

Ý nghĩa của Sarvasar, của Sarvasar Upanishad, là: điều tinh túy, cái nền tảng nhất của tất cả mọi tri thức bí truyền đã từng được phát hiện ra. Điều bản chất mà thậm chí không thể bỏ đi lấy một lời, không cái gì có thể bị cắt bỏ đi, điều bản chất mà những cái thô thiển đã bị khử bỏ hết và chỉ bản thân sự thuần khiết là còn lại, từ đó mà cái thô thiển vốn là vàng đã được tách ra và chỉ còn "tinh vàng" tuyệt đối mới được giữ lại - điều như thế chính là Upanishad này.

Trong việc hiểu Upanishad này, những cánh cửa sẽ mở ra cho hiểu biết sâu sắc nhất mà những thiên tài của loài người đã biết tới. Do đó mới có cái tên của nó, Sarvasar: bí mật của các bí mật, bí ẩn bên trong mọi bí ẩn, điều bản chất của các điều bản chất.

Một điều như vậy cũng là nguy hiểm nữa, bởi vì khi khoa học trở nên ngày một tinh vi, nó cũng trở thành ngày một khó nắm bắt hơn. Chân lí càng thuần khiết, nó càng đi xa hơn khỏi việc hiểu của chúng ta. Đấy không phải là lỗi của chân lí, đấy chỉ là việc hiểu của chúng ta bị giới hạn đến mức lỗ hổng giữa chúng ta và chân lí đã trở thành bao la. Lí do duy nhất cho điều này là ở sự không

thuần khiết của chúng ta. Do đó, chân lí càng tinh tế, nó càng trở nên không thực tế cho chúng ta trong sự tồn tại hàng ngày của mình.

Đó là lí do tại sao, mặc dầu tri thức tối thượng về cuộc sống đã được phát hiện ra trên đất nước này, tất cả mọi điều chúng ta làm là lãng phí thời gian đơn thuần nói về nó. Với chúng ta chưa bao giờ xuất hiện việc chúng ta phải sống nó. Và cho dù chúng ta có muốn sống nó, thì chúng ta cũng không biết cách nào để áp dụng nó - cho dù chúng ta quyết định làm điều này, chúng ta vẫn không biết phải bắt đầu đi vào chiều hướng nào. Nó sâu sắc, tinh tế tới mức chúng ta vứt bỏ mọi hi vọng về việc sống nó. Thế rồi, chỉ để tự lừa dối mình, chúng ta nói về nó và cảm thấy được an ủi.

Cho nên chúng ta đã nói về nó hàng thế kỉ - và chúng ta đã nói về điều không thể nào được hiểu chỉ bởi việc nói nó, về điều chỉ có thể được biết bằng việc sống nó. Sống là cách duy nhất để biết nó. Chúng ta có thể hiểu nó chỉ nếu chúng ta hoà nhập nó vào trong các kiếp sống của mình. Sống nó là hiểu nó.

Có những chiều hướng sâu sắc của cuộc sống nơi không lỗ hổng nào tồn tại giữa biết và hiện hữu; nơi biết nó và hiện hữu nó là một và như nhau; nơi hiện hữu nó là cách duy nhất để biết nó.

Nhưng 'hiện hữu' dường như khó với chúng ta còn

'biết về' thì lại thấy dễ dàng, bởi vì tất cả những gì chúng ta thường ngụ ý qua việc biết là biết vài lời, vài học thuyết, vài triết lí, vài kinh sách. Trí tuệ của chúng ta trở nên được chất đầy với những lời và học thuyết, nhưng trái tim vẫn còn trống rỗng. Và không có tình hướng nào nguy hiểm hơn điều này - nơi trí tuệ sẽ tạo ra

ảo tưởng rằng người ta đã đạt tới, trong khi chẳng cái gì thực tế được đạt tới cả. Với trí tuệ như thế này, người ta cảm thấy rằng người ta tràn đầy, nhưng bên trong tất cả đều trống rỗng và hổng hoác, nghèo và khổ. Linh hồn vẫn còn sống trong ảo tưởng rằng nó là hoàng đế.

Nhiều người bị làm đường lạc lối bởi trí tuệ hơn bởi dốt nát, và nhiều người chết đuối trong khi ngồi trong con thuyền trí tuệ hơn là ngồi trong con thuyền giấy của dốt nát, bởi vì người ta có vẻ như biết rồi - mặc dầu người ta chẳng biết gì cả. Đó là lí do

tại sao tôi đã nói rằng câu cách ngôn tinh tế của trí huệ tối thượng như trong Sarvasar Upanishad cũng là nguy hiểm; nỗi sợ là ở chỗ chúng ta có thể chỉ biến chúng thành đối tượng để nghĩ tới. Chúng ta có thể nghĩ về chúng, hiểu thấu chúng và thế rồi bị kết thúc với chúng. Do đó, tôi dặn trước các bạn rằng dẫn thân vào các giáo huấn của Upanishad cũng giống như chơi với lửa. Upanishad không thể được hiểu mà không trở nên bị biến đổi.

Nhìn vào nó như thế này: có những giáo huấn nào đó có thể được học cho dù chúng ta vẫn còn y nguyên như cũ. Người ta không cần tự biến đổi mình để học toán học hay lịch sử hay cái gì đó giống thế. Con người có thể vẫn còn như cũ còn việc học của người đó sẽ tích lũy lại. Bản thể bên trong của người đó không cần trải qua bất kì biến đổi nào: người đó có thể vẫn còn như cũ và chỉ tích lũy tri thức. Không cần gì tới cuộc cách mạng bên trong để trở thành nhà lịch sử hay nhà toán học hay nhà khoa học.

Nhưng tôn giáo là vấn đề hoàn toàn khác. Trong tôn giáo biến đổi là cần thiết trước khi có thể thu được việc biết. Chừng nào bạn còn chưa thay đổi, bạn không thể nào hiểu được; bạn sẽ phải được biến đổi để hiểu. Chừng nào biến đổi còn chưa mang tính bản thể bên trong của bạn, tích lũy trí tuệ sẽ không có tác dụng; chúng trở thành lừa dối, tự lừa dối. Đó là lí do tại sao tốt hơn cả là vẫn còn dốt nát thay vì tự lừa dối mình bằng giả tưởng sai lầm về tri thức, bởi vì người dốt nát ít nhất cũng còn khiêm tốn, người có học trở nên bản ngã và kiêu ngạo. Người dốt nát ít nhất cũng còn cảm thấy nỗi đau của cái trống rỗng trong mình và nước mắt chảy ra từ mắt người đó, nhưng người có học vênh váo, nước mắt của người đó đã khô mất rồi và cơn khát của người đó đã biến mất dần. Thậm chí nước giả cũng có khả năng thoả mãn cho cơn khát của người ta....

Chúng ta tất cả đều có những mơ thuộc loại này: bạn thực tế rất khát, và thế rồi bạn mơ rằng mình đang uống nước và cơn khát của bạn dịu đi. Theo cách này giấc ngủ của bạn không bị phá vỡ. Mơ được tạo ra chỉ để hỗ trợ cho giấc ngủ của bạn. Nếu bạn cho rằng mơ quấy rối giấc ngủ của bạn, thế thì bạn không nhận biết về khoa học của mơ. Nếu bạn cho rằng không mơ, giấc ngủ

của bạn sẽ sâu hơn, thế thì bạn làm. Bạn thậm chí sẽ không có khả năng ngủ được nếu bạn không có mơ.

Thực tại, mơ đơn giản hỗ trợ cho giấc ngủ của bạn. Bất kì khi nào giấc ngủ của bạn sắp bị phá vỡ, mơ sẽ tới để lừa bạn và giúp cho giấc ngủ của bạn tiếp tục. Bạn đang khát, nhưng nếu bạn không có mơ rằng bạn đang uống nước tại bờ sông thì giấc ngủ của bạn sẽ phải bị ngắt quãng, cơn khát là điều có xu hướng ép buộc thế. Nhưng bạn tạo ra mơ rằng bạn ở bờ sông, hay đang tắm trong hồ và uống nước thoả thích. Bạn có mơ này và cơn khát của bạn được dịu đi; nói được dịu đi là không đúng, thay vì thế nó dường như được dịu đi thôi, và như vậy giấc ngủ tiếp tục. Bạn đói, cho nên bạn mơ rằng bạn được mời tới bữa tiệc trong cung điện hoàng gia và do đó giấc ngủ của bạn không bị phá vỡ. Bạn đã kìm nén thôi thúc về dục của mình - bây giờ nó nảy sinh trong bạn trong mơ. Mơ đem tới phụ nữ đẹp ngay cả cho kẻ ăn mày... và giấc ngủ của bạn tiếp tục.

Cũng như chúng ta làm dịu cơn khát bằng nước tưởng tượng trong mơ, điều đó cũng xảy ra trong cái gọi là trạng thái thức của chúng ta. Upanishad nói rằng trạng thái tỉnh thức của chúng ta cũng chỉ là mơ. Trong trạng thái mơ đó chúng ta đang che giấu dốt nát của mình bằng việc tích lũy tri thức giả, bằng việc học và ghi nhớ nó. Do vậy giấc ngủ của chúng ta không bị phá vỡ và những chuyện trần tục của chúng ta có thể tiếp tục theo cùng cách như giấc ngủ của chúng ta tiếp tục trong đêm.

Cũng như một người tỉnh dậy từ giấc ngủ và ý thức đi vào một chiều hướng khác, theo cùng cách đó, khi một người thức tỉnh từ giấc ngủ gọi là 'thế giới này', thì tính chất sannyas xảy ra và tâm thức đi vào một cõi khác. Tính chất sannyas nghĩa là bây giờ người ta không còn chọn lựa hoạt động trong thế giới này như kẻ mộng du nữa, bây giờ người ta đơn giản muốn sống một cách có ý thức.

Nếu bằng việc nghe những bài nói này về Upanishad mà bạn chỉ trở thành hiểu biết hơn, thế thì tôi đã phạm phải lỗi lầm qua việc nói, tôi đã trở thành kẻ thù của bạn. Nếu với những bài nói này bạn bây giờ bắt đầu cuộc hành trình của tự biến chuyển, thế thì điều tôi nói đã là ích lợi và tốt cho bạn.

Điều tôi sẽ nói có thể trở thành chất độc, chất cực độc, nếu bạn biến nó thành một chủ đề cho việc thảo luận của mình, như thức ăn cho trí tuệ của bạn và như sự bảo vệ cho giấc ngủ của bạn. Điều tôi sẽ nói cũng có thể trở thành nước cam lồ nếu bạn không làm nó thành thức ăn cho trí tuệ, nếu thay vì thế nó phát triển thành một quyết tâm, một năng lượng có tiềm năng làm biến đổi trái tim bạn. Tất cả điều đó sẽ phụ thuộc vào điều bạn làm với Sarvasar Upanishad này. Nếu bạn trở về từ đây chỉ để đã học vài điều mới mẻ thêm thì việc đó sẽ không tốt, tốt hơn cả là bạn đừng đến đây chút nào. Nếu bạn trở về từ đây mà thu được thêm thông tin nào đó, hiểu biết thêm nào đó, thì việc tới và đi của bạn đã hoàn toàn vô dụng.

Không, tôi không có ý định hay ham muốn nào để thêm thông tin cho cái kho hiểu biết của bạn. Thay vì thế, tôi muốn bạn trở về được biến đổi chút ít, được thay đổi chút ít; tôi muốn chính tầm nhìn của bạn thay đổi, không phải kí ức của bạn; việc hiểu biết của bạn trưởng thành, không phải tri thức của bạn. Tôi muốn *bạn* trưởng thành, không phải là trí tuệ của bạn trưởng thành.

Làm sao cái vốn là hiện hữu thực của bạn có thể trưởng thành được - không phải tri thức, mà chính sự hiện hữu của bạn? Đó là lí do tại sao tôi lại nói rằng Upanishad này là nguy hiểm.

Đương đầu với chân lí, cho dù chút ít thôi, cũng không phải là trò chơi; nó là nguy hiểm, bởi vì chân lí sẽ không cho phép bạn vẫn còn như bạn hiện thế. Nó sẽ làm thay đổi, quật đổ, phá huỷ và làm mới bạn. Nó sẽ cho bạn sinh thành mới. Chắc chắn có đau đớn trong việc sinh này, nhưng không đau thì làm sao có thể có việc sinh mới được? Và khi có nhiều đau đớn thế cho bà mẹ trong việc sinh ra một con người khác, thì sẽ còn có nhiều đau đớn hơn trong việc sinh thành ra cái ta riêng của chính mình. Người mẹ mang hài nhi trong bụng chỉ trong chín tháng; chúng ta đã mang bản thân mình bên trong mình vô số kiếp.

Trong biết bao nhiêu kiếp chúng ta vẫn còn trong bụng mẹ, chỉ là một hạt mầm - với vĩnh hằng chúng ta đã mang bản thân mình trong bụng riêng của mình. Chúng ta vẫn còn chưa được sinh ra! Cứ dường như là con bướm đã bị bao kín

trong cái kén của nó trong nhiều, nhiều kiếp: cái kén không bị phá vỡ ra, mà con bướm cũng không được bay - nó chưa bao giờ giang đôi cánh của mình trong bầu trời rộng mở. Và chúng ta bị đóng kín bên trong bản thân mình theo cùng cách đó.

Upanishad này là về khoa học có thể phá vỡ cái vỏ đó. Chúng ta đã lấy cái vỏ này làm cuộc sống của mình, mặc dầu nó thậm chí còn không phải là sự bắt đầu của việc sinh. Hạt mầm có cuộc sống nào? Chắc chắn hạt mầm có đó, nhưng nó có phải là cuộc sống không? Cuộc sống được biểu lộ trong cái cây. Cuộc sống của hạt mầm là gì? - hạt mầm chỉ là một khả năng, đơn thuần là niềm hi vọng, là tương lai, hiện tại của nó chẳng là gì hết cả. Nó chỉ là tiềm năng, nhưng nó không phải là cuộc sống.

Điều chúng ta gọi là cuộc sống thì chỉ là tiềm năng, là hạt mầm trong cái vỏ của nó. Cây có cuộc sống - nó lan toả trong bầu trời rộng mở, vươn lên chạm mặt trời, nó vươn các cành của nó tới chạm các vì sao và mặt trăng. Hoa nở trên nó và chim chóc làm tổ trong nó, có bài ca, có bão bùng - gió lớn, ánh nắng mặt trời và mưa, có tranh đấu và thách thức của cái chết. Khoảnh khắc nọ sang khoảnh khắc kia đều có cuộc sống. Cuộc sống nào có đó cho hạt mầm? Hạt mầm chỉ là phôi thai. Chúng ta cũng là hạt mầm. Và có nhiều đau đớn hơn để đi qua, có nhiều đau đớn hơn ở phía trước. Chúng ta tất cả đều muốn phúc lạc, mà không có đau đớn nào. Đó là lí do tại sao chúng ta chẳng bao giờ đạt tới nó. Ai không muốn phúc lạc? Ai không khao khát hạnh phúc? Từng và mọi thứ thịt đều đòi hỏi phúc lạc, từng và mọi hơi thở đều mong mỏi phúc lạc. Mọi người đều ham muốn cùng một điều, vậy mà phúc lạc không xảy ra bởi vì không ai sẵn sàng trả giá cho nó. Chúng ta muốn tránh đau đớn. Chúng ta đều giống người mẹ muốn tránh nỗi đau đẻ.

Nếu không hôm nay thì có lẽ ngày mai, sẽ không còn bất kì việc đau đẻ nào cho các bà mẹ trên khắp thế giới; sẽ có khả năng sinh con không đau đớn gì. Điều đó đã trở thành có thể. Nhưng ngày đó sẽ không bao giờ tới cho một người sẽ đi vào trong sự tái sinh của linh hồn riêng của mình, khi người đó sẽ cho sinh thành ra bản thể riêng của mình, mà không trải qua cơn đau đẻ.

Và có một điều thú vị khác, một chân lí khác, mà mọi người trên khắp thế giới đang cố gắng làm việc sinh con không đau sẽ

chỉ nhận ra được mãi về sau. Điều thường xảy ra là chúng ta chỉ đi tới nhận ra ẩn ý của cái gì đó khi nó đã tuột khỏi bàn tay ta, và chân lí là ở chỗ người mẹ cho sinh ra đứa con mà không đau đớn gì thì cũng bị tước đi chiều sâu nào đó của tình mẹ, cô ấy sẽ không trở thành mẹ, bởi vì khi đứa trẻ được sinh ra với đau đớn, cái đau đó trở thành thung lũng, và bên cạnh thung lũng đó vươn lên đỉnh núi của tình mẹ.

Khi chúng ta tránh thung lũng, chúng ta cũng tránh đỉnh núi. Nếu chúng ta muốn gạt bỏ thung lũng gần Himalaya và giữ lấy các đỉnh núi, hay giữ lấy đỉnh núi

Everest, thì chúng ta điên; chúng ta không biết gì về logic của cuộc sống cả. Đỉnh núi có đó chỉ bởi vì có thung lũng. Trong thực tế, đỉnh núi và thung lũng là được nối liền với nhau.

Nhưng con người cứ phạm phải cùng sai lầm lặp đi lặp lại mãi. Con người cho rằng nếu tất cả mọi đau và khổ của cuộc sống được xoá bỏ đi thì sẽ có nhiều hạnh phúc. Nhưng sự kiện lạ kì là khi tất cả mọi đau và khổ qua đi, chúng ta cũng đi tới biết rằng không có hạnh phúc nào còn lại ở bất kì đâu cả, bởi vì chúng được gắn liền nhau. Đó là lí do tại sao người giàu thường trở nên bất hạnh hơn người nghèo; xã hội sung túc trở thành ngày một khổ hơn xã hội nghèo.

Đây là vấn đề tại phương Tây ngày nay. Bây giờ họ đã đặt chấm hết cho phần lớn đau và khổ vốn vẫn là nguyên nhân cho biết bao nhiêu khổ ở phương Đông. Họ đã phá huỷ tất cả những khổ đó. Họ đã làm những nỗ lực khổng lồ với hi vọng rằng một ngày nào đó sẽ tới khi không có khổ và chỉ hạnh phúc còn lại. Và khổ đã được chấm dứt, nhưng đồng thời họ lại phát hiện ra rằng hạnh phúc cũng biến mất; thung lũng biến mất nhưng đỉnh núi cũng biến mất. Đêm không còn nữa, nhưng với họ ngày cũng đã biến mất. Chúng ta tách mọi gai ra khỏi bụi hồng, nhưng khi chúng ta bận rộn tách bóc gai chúng ta nhìn lên và thấy rằng hoa cũng đã bị xoá sạch đi rồi. Chúng đã tồn tại cùng với gai, chúng có mối liên hệ mật thiết với nhau.

Một ngày nào đó có thể có khả năng sinh con không đau, nhưng điều đó sẽ không bao giờ là khả năng cho con người đạt tới một cuộc sống mới mà không đau đớn. Điều đó không thể nào xảy ra

được, và nó có lí do. Lí do là ở chỗ bất kì cái gì chúng ta đã từng là cho tới giờ đều phải bị vứt bỏ đi để tạo ra không gian cho cái mới.

Rắc rối của người mẹ trong việc sinh con không phải là cô ấy sẽ bị phá hủy, rắc rối của cô ấy là trong cú sốc rằng cái gì đó hoàn toàn mới đang tách ra khỏi cô ấy, đang trở nên thoát ra khỏi cô ấy. Nhưng khi bạn cho sinh thành cái ta riêng của mình, bạn không cho sinh thành ra cái gì đó tách rời với mình, bạn đang làm công việc kép. Bạn đang xoá bỏ bản thân mình và đồng thời với việc xoá bỏ này đang xảy ra, theo cùng tỉ lệ đó, một cuộc sống mới lại bắt đầu hiển lộ.

Đó là lí do tại sao tôi nói rằng các giáo huấn của Upanishad này là nguy hiểm - bạn phải sẵn sàng với đau đớn cho cuộc cách mạng bên trong. Lời kinh thứ nhất của hiền nhân này có liên quan tới nỗi sợ cái đau đó. Cố hiểu nó.

Aum. Cầu cho điều thiêng liêng bảo vệ cả hai chúng tôi;

Tại sao lại có lời cầu nguyện này? Tại sao hiền nhân này, ngay chỗ bắt đầu của Upanishad, lại cầu nguyện điều thiêng liêng về việc bảo vệ? Bạn có cho rằng ông ấy không có mái nhà hay túp lều nào không? Bạn có cho rằng ông ấy không có bánh mì để ăn và đang chết đói không, hay ông ấy không có quần áo để mặc? Cái gì ông ấy muốn bảo vệ? Cái gì ông ấy ước ao bảo vệ? Và cái đó nữa, lại ngay từ đầu! Chính phát biểu đầu tiên liên quan tới bảo vệ.

Cuộc hành trình hiền nhân này định bắt đầu là cuộc hành trình của cái chết, bởi vì chỉ sau cái chết thì cuộc sống mới mới bắt đầu. “Nhiều nhất điều này là chắc chắn: mình sẽ chết. Nhưng không chắc chắn liệu mình có được sinh ra không - đó là điều không biết được.” Cho nên ông ấy nói, “Xin bảo vệ con.” Ông ấy đang cầu nguyện điều thiêng liêng rằng, “Con bắt đầu khởi hành theo cái không biết, mỗi nguy hiểm là rất hiển nhiên, cái chết là rõ ràng.” Hạt mầm chỉ thấy cái chết của nó - làm sao nó có thể thấy cây được sinh ra? Hạt mầm sẽ tan biến, nó phải chết. Điều này là rõ ràng. Nhưng làm sao hạt mầm có thể tưởng tượng ra được rằng sẽ có cây và rằng hoa sẽ nở ngày nào đó? Những bài ca sẽ vang vọng qua cây, nhạc của tiếng sáo sẽ được chơi dưới cây, cơn gió sẽ xào xạc qua khóm lá - làm sao hạt mầm có thể biết trước tất cả về những điều này? Nó có thể có ý tưởng

nào về mùa xuân tới? Nó có thể có ý tưởng nào về giọt mưa sẽ rơi xuống cây? Điều duy nhất hạt mầm biết là nó sẽ chết; điều này mới được biết, tất cả những cái còn lại đều không được biết... do đó mới có lời cầu nguyện này:

Aum. Cầu cho điều thiêng liêng bảo vệ cả hai chúng ta;

Thầy và đệ tử.... Điều này thậm chí còn thú vị hơn, rằng lời cầu nguyện này là cho cả hai người đó - cho đệ tử và cho thầy nữa. Tỉ như lời cầu nguyện này chỉ dành cho đệ tử thì nó đã dễ hiểu - nhưng nó dành cho cả thầy nữa! Điều này tạo cảm giác kì lạ. Nếu như lời cầu nguyện này là cho đệ tử, người ở đây để học, người mới bắt đầu cuộc hành trình, người chỉ mới lao con thuyền của mình vào cái không biết, thì điều đó là hiểu được. Người đó có thể cầu nguyện về sự bảo vệ, về sự an toàn. Nhưng sao cầu nguyện cho thầy? Phát biểu này là gì, “cả hai chúng ta”? Có lí do cho điều đó, và đấy là ở chỗ mối quan hệ thầy và đệ tử sâu sắc đến nỗi nếu người này chết đuối thì người kia cũng sẽ chết đuối, thế thì cả hai sẽ không được cứu. Mối quan hệ này thân thiết đến độ không có mối quan hệ khác trong thế giới này thân thiết được đến thế - không mối quan hệ chồng vợ nào, không mối quan hệ mẹ con nào, không mối quan hệ anh em hay bè bạn nào. Mối quan hệ này giữa hai người là thân thiết đến độ nếu người này chết đuối thì người kia cũng chết đuối. Đó là lí do tại sao hiền nhân này lại cầu nguyện: ... *bảo vệ cả hai chúng ta* - đệ tử và thầy.

Cũng còn có sáng suốt sâu sắc nào đó trong phát biểu này. Hiền nhân này cũng đang nói rằng là thầy không có nghĩa là người đó không thể bị chết đuối, rằng thầy không thể đi lạc lối. Phát biểu này đòi hỏi sự chú ý của chúng ta. Là thầy không có nghĩa là người đó không thể chết đuối. Trong thực tế, nếu có một trạng thái mà người ta không thể vấp ngã, không thể đi lạc lối, không thể bị lạc trong bóng tối, thì điều đó có nghĩa là người ta đã gần như chết. Trong cuộc sống bao giờ cũng có khả năng đi lạc lối - bao giờ cũng có. Đó là ý nghĩa duy nhất của việc sống động. Ngay cả vị phật cũng có thể đi bước sai - điều vị phật không làm việc đó lại là chuyện khác; điều vị phật không lấy bước đi sai, đấy là chuyện khác - nhưng khả năng có đó. Tôi nói lại điều đó: bước của ông ấy không bao giờ đi sai, chúng không bao giờ sai. Không có

bằng chứng lịch sử nào rằng vị phật đã từng bao giờ lấy bước đi sai. Nhưng ngay cả vị phật trong lời cầu nguyện của mình cũng nói, “Xin bảo vệ tôi.” Sai lầm là có thể. Và điều kì lạ là người cầu nguyện như thế này chẳng bao giờ đi sai, còn người không cầu nguyện như thế này chắc chắn đi sai, bởi vì có bản ngã, và đó là nguồn gốc của sai lầm.

Đó là lí do tại sao hiền nhân này bắt đầu: ...*bảo vệ cả hai chúng ta*, thầy và đệ tử. Lời cầu nguyện này của đệ tử là rất bình thường, nhưng với thầy gắn vào thì nó lại trở thành phi thường. Và chúng ta gọi một người là thầy, người không có bản ngã về việc là thầy. Người không có bản ngã nào về việc là thầy mới là người thầy thực, còn người có bản ngã về việc là thầy thì thậm chí không đủ tư cách là đệ tử.

Lời cầu nguyện này đang diễn tả rằng hiền nhân này không có khái niệm nào rằng mình không cần sự bảo vệ

- rằng “Mình đã biết, mình đã đạt tới, mình đã tới nơi. Mình đang giúp người khác đạt tới. Tại sao mình cần bảo vệ?” Ông ấy không có khái niệm nào như vậy cả; ông ấy cầu nguyện, “Xin bảo vệ cả hai chúng ta.”

Và khiêm tốn duy nhất này là bí mật của việc là thầy. Chúng ta có thể tin cậy rằng con người này có thể nói cho chúng ta những điều sâu lắng, chúng ta có thể tin cậy rằng nếu chúng ta mà có theo con người này với mắt bị bịt kín thì chúng ta vẫn có thể đạt tới mục tiêu, rằng cho dù chúng ta đi theo người này với mắt nhắm thì chúng ta vẫn có thể đạt tới mục tiêu. Nhưng nếu chúng ta theo cái gọi là các *guru*, thì cho dù mắt chúng ta có mở và chúng ta rất thông minh, chúng ta vẫn sẽ rơi xuống hố chứ không đâu khác cả.

Thầy là người thậm chí không nhận biết về sự tồn tại cá nhân của mình. Một sự trống rỗng như vậy chỉ có thể tràn đầy lời cầu nguyện, không có cách khác. Không có cách nào để khác được. ... *bảo vệ cả hai chúng ta*;

Cầu cho điều đó chăm sóc cả hai chúng ta..

Dường như là bảo vệ không đủ: chăm sóc cũng được cần tới.

Bảo vệ không bao hàm cả chăm sóc sao? Không, bảo vệ là hiện tượng tâm linh hoàn toàn. Nó là hiện tượng tâm linh. Cho tới giờ,

chỉ điều này mới được cầu nguyện tới: “Chúng ta đang đi vào cái không biết.” Đệ tử tất nhiên không biết, còn thầy nói rằng mình cũng không biết.

Đây phải là những con người tuyệt vời, bởi vì là thầy thì trước hết bạn phải công bố rằng mình biết, bằng không ai sẽ chấp nhận bạn làm thầy? Khó mà kiếm được dù chỉ một đệ tử nếu thầy không công bố rằng mình biết. Nhưng bậc thầy này nói, “Ta nữa cũng không biết gì cả... xin bảo vệ chúng ta. Chúng ta đã khởi hành hướng tới cái không biết, chúng ta đang dương buồm vượt qua đại dương mà không có bản đồ và thậm chí bờ bên kia cũng mới chỉ được thấy trong mơ, trong linh ảnh. Và điều này nữa cũng chỉ là khao khát; người ta không biết liệu bờ bên kia có tồn tại hay không. Chúng ta đang rời bỏ bờ bên này mà chúng ta đã biết cho tới giờ, và chúng ta đang du hành hướng tới cái chúng ta không biết chút nào.”

Điều đó mà đệ tử nên cầu nguyện thì hoàn toàn chấp nhận được, nhưng thầy cũng nói, “Xin bảo vệ tôi.” Thầy phải biết bờ bên kia chứ! Điều này có chút ít phức tạp. Trong thực tế tên của bờ bên kia là 'cái không biết'. Chính ý nghĩa của bờ bên kia là cái chưa bao giờ được biết tới; dù chúng ta có thể biết bất kì cái gì, thì nó vẫn còn là cái không biết.

Không, cái không biết vẫn có thể được biết tới một ngày nào đó, nhưng cái không thể biết, thì dù chúng ta có biết đến đâu cũng chẳng thành vấn đề, nó vẫn sẽ vẫn còn là cái không biết; dù chúng ta có thể nhận ra bất kì cái gì, thậm chí thế thì nó vẫn còn là cái không thể nhận biết được. Nó được bao hàm, vậy mà nó vẫn còn không bị chạm tới. Chúng ta khám phá ra nó, chạm vào nó, vậy mà tay chúng ta vẫn còn trống rỗng. Người ta biết nó, vậy mà bản ngã của 'việc biết' vẫn không được tạo ra bên trong.

Đó là lí do tại sao thầy nói, “Xin bảo vệ tôi nữa.” Và điều đó là phải khi hỏi xin bảo vệ: cuộc hành trình là điều không biết, con đường là điều không biết, bờ bên kia là điều không biết và đích tới là không rõ ràng. Trong lời kinh tiếp ông ấy nói:

Cầu cho điều đó chăm sóc cả hai chúng ta..

Tại sao? Chăm sóc chỉ thuộc về mức vật lí. Nhưng có lí do cho lời cầu nguyện này, và lí do đó là ở chỗ bất kì ai bắt đầu tìm kiếm

chân lí đều vứt bỏ trò bản ngã về việc cảm thấy rằng bản thân mình chịu trách nhiệm cho thân thể mình. Bất kì ai nghĩ, “Mình kiếm bánh mì, mình xây nhà, quần áo này là của mình, mình duy trì thân thể này và nếu mình không duy trì tất cả những điều này, mọi thứ sẽ tan rã,” đều sống trong ngu ngốc, và người như vậy có thể làm rất giỏi trong thế giới này nhưng người đó không thể nào đi tới chân lí được.

Đó là lí do tại sao hiền nhân này nói, “Ngài chăm nom cho cả chúng tôi nữa, bởi vì từ giờ trở đi chúng tôi sẽ không còn là người làm nữa, từ giờ trở đi chúng tôi thậm chí không thể nào có cảm giác rằng chúng tôi có trách nhiệm nhỏ nhất về bản thân mình.”

Nhưng chúng ta là những người kì lạ: chúng ta không chỉ nghĩ rằng chúng ta chăm nom cho mình, chúng ta thậm chí còn giả định rằng chúng ta chăm nom cho người khác.

Hiền nhân này nói, “Bây giờ chăm sóc cho chúng tôi là trong tay ngài; bây giờ ngài chăm nom cho chúng tôi. Chúng tôi sẽ sống khi ngài nuôi nấng chúng tôi. Nếu ngài bảo vệ chúng tôi thì tốt thôi, nếu ngài phá huỷ chúng tôi thì thế nữa cũng tốt; bây giờ ý chí của ngài sẽ là cuộc sống của chúng tôi. Bây giờ chúng tôi vứt bỏ ngay cả cảm giác về việc là người làm.”

Vứt bỏ cảm giác là người làm là điều quý giá, bởi vì điều đó có ích trong cuộc hành trình. Trong thực tế bất kì ai bị gắn bó với cảm giác là người làm thì đều để con thuyền của mình bị buộc chặt và bờ bên này và người đó không thể nào tiến sang bờ bên kia được. Tất cả mọi neo để phải bị vứt bỏ khỏi bờ bên này; cho dù còn một cái neo cắm vào bờ bên này cũng là nguy hiểm. Nghĩ, “Mình kiếm sống và mình duy trì bản thân mình,” là đủ tạo ra một cái neo.

Hiền nhân này nói: “Sự chăm nom cho chúng tôi nữa....”

Cầu cho điều đó chăm sóc cả hai chúng ta...

Cùng nhau chúng ta có thể cố gắng.

Có tri thức thầy giáo truyền cho học trò, như vẫn được làm trong các trường đại học và cao đẳng - tri thức vốn là tích lũy của cái đã biết. Thầy giáo biết còn học trò không biết; thầy giáo truyền tri thức này cho học trò. Thầy giáo cho nó, còn học trò nhận nó. Điều

này chúng ta biết rất rõ. Tri thức như vậy giống như một vật, giống như tiền - nó trong tay tôi, tôi trao nó cho bạn. Bố có tiền, ông ấy đem nó cho con mình; thầy giáo có tri thức, ông ấy đem nó cho học trò; đây là truyền trao. Nhưng có những tri thức không truyền trao được. Tri thức này thầy không trao, thầy không thể trao được; không có cách nào để cho nó. Nhưng nếu cả hai người trong họ đều nỗ lực cùng nhau thì nó lại có thể được truyền trao cho đệ tử. Cố hiểu khác biệt này.

Có tri thức tất cả chúng ta đều biết, là cho được; người ta được nó, người ta cho nó. Tôi biết, bạn không biết; tôi trao nó cho bạn, thế thì bạn cũng biết nó. Chắc chắn tri thức đó là từ lời, nhưng tri thức như vậy sẽ là nông cạn. Cái có thể được trao qua lời sẽ không sâu sắc hơn bản thân lời. Nó sẽ đem trọng lượng mà lời mang, nó sẽ có cùng giá trị. Tôi chẳng cần biết điều tôi trao cho bạn; ai đó đã trao nó cho tôi và tôi trao nó cho bạn, bạn sẽ trao nó cho ai đó khác.

Cho nên người dốt nát cũng dính líu vào trong việc cho và nhận tri thức này, họ làm nhiều về điều đó. Và khi tri thức được luân chuyển rất nhanh, thì dường như là xã hội đang trở nên rất hiểu biết. Chúng ta đang sống trên tri thức như vậy trong thế kỉ này bởi vì tri thức đang luân chuyển rất nhanh. Những người biết kinh tế đều hiểu điều này nghĩa là gì. Nếu chúng ta có một nghìn ru pi và mọi người đều giữ chúng trong túi, thì chúng sẽ vẫn còn là một nghìn. Nhưng nếu nó bắt đầu luân chuyển - tôi lấy mười ru pi từ bạn, bạn lấy từ anh ấy, anh ấy cho nó cứ như thế như thế - những giao dịch hàng trăm nghìn ru pi có thể xảy ra qua một nghìn ru pi gốc này. Luân chuyển! Các nhà kinh tế nói rằng tiền phải liên tục luân chuyển giống như máu trong thân thể, bằng không thì nó sẽ giảm bớt. Tiền dường như giảm đi nếu nó không được luân chuyển. Càng nhiều tiền luân chuyển trong xã hội, thì xã hội dường như càng giàu có hơn.

Người Mô ha mét giáo vẫn còn nghèo bởi vì, ngay từ lúc đầu, đạo Hồi đã chấp nhận ý tưởng rằng lấy lãi trên tiền bạc là tội lỗi. Bây giờ, nếu lấy lãi trên tiền bạc là tội lỗi thì việc luân chuyển tiền sẽ bị dừng lại, luồng tiền bị chặn lại. Cho nên người Mô ha mét giáo vẫn còn nghèo bởi vì họ đã lấy lời nguyền không lấy lãi trên tiền.

Nếu bạn không lấy lãi thì tiền sẽ bị chặn lại - làm sao nó tuôn chảy được? Nó tuôn chảy với sự giúp đỡ của lãi; nó du hành từ túi này sang túi khác, và một ru pi luân chuyển trở thành một nghìn ru pi.

Mĩ là nước giàu nhất bởi vì tại đó tiền chuyển nhanh chóng. Nếu tiền chuyển nhanh chóng, ngay cả người nghèo cũng có vẻ giàu; nếu nó không chuyển, ngay cả người giàu cũng là nghèo. Nhiều người giàu trên đất nước này hoàn toàn nghèo, tiền của họ không chuyển chút nào. Họ ngồi trên kết sắt của mình. Nếu kết sắt của họ bị lấy đi dưới họ, thì điều đó cũng chẳng tạo ra khác biệt gì cho cảm giác của họ về giàu chường nào mà họ vẫn chưa biết rằng kết sắt đã bị lấy mất. Chính ý tưởng là họ đang ngồi trên kết sắt của mình là đủ làm cho họ cảm thấy rằng họ là người giàu. Nhưng nếu tiền không luân chuyển thì ngay cả người giàu cũng sẽ là người nghèo, còn nếu nó luân chuyển thì ngay cả người nghèo cũng dường như là giàu.

Đây cũng là cách thức với tri thức: nó luân chuyển nhanh. Chúng ta có giáo dục phổ quát; bây giờ có giáo dục trên toàn thế giới. Và tri thức chuyển nhanh: người thứ nhất truyền cho người thứ hai, người này truyền cho người thứ ba, người thứ ba truyền cho nó cho người tiếp; mọi người cứ truyền tri thức cho mọi người khác. Dường như là rất nhiều tri thức, nhưng thực tế thì lại không có.

Hiền nhân này không nói về tri thức đó mà ai đó có thể trao cho bạn. Hiền nhân này nói: *Cùng nhau chúng ta có thể cố gắng* - “Chúng ta chỉ cần phúc lành đó thôi. Chúng ta sẽ sống cùng nhau, chúng ta sẽ thiền cùng nhau, chúng ta sẽ cầu nguyện cùng nhau, chúng ta sẽ tôn thờ cùng nhau; chúng ta sẽ đi cùng nhau, chúng ta sẽ ngồi cùng nhau trong im lặng, trong lời, trong ý nghĩ. Chúng ta sẽ cùng nhau trong niềm khao khát vì ngài, trong nỗ lực của chúng ta để đạt tới ngài. Chúng ta sẽ mơ cùng nhau, chúng ta sẽ hát cùng nhau, chúng ta sẽ im lặng cùng nhau; cùng nhau chúng ta sẽ nhìn vào mặt trời, cùng nhau chúng ta sẽ nhìn lên các vì sao trên trời trong đêm. Chúng ta sẽ cùng nhau.”

Điều này được gọi là *satsang*: chúng ta sẽ cùng nhau. Có lẽ cái không thể nào được trao một cách trực tiếp thì lại có thể

được truyền trao một cách im lặng, cái không thể nào được nói ra qua lời thì lại có thể hạ xuống trong im lặng, cái không thể nào được trao thì lại có thể được trao khi sống cùng nhau.

Bồ đề đạt ma tới Trung Quốc từ Ấn Độ từ một nghìn bốn trăm năm trước. Một đệ tử, Huệ Năng, đã ở với Bồ đề đạt ma trong nhiều năm và anh ta đã nhiều lần hỏi, “Khi nào thầy sẽ trao cho tôi... khi nào thầy sẽ truyền đạt trí huệ đó? Khi nào khoảnh khắc đó sẽ tới khi bình bát của tôi được rót đầy? Tôi đã theo thầy nhiều năm rồi và thời gian đang trôi qua, cuộc sống lại không chắc chắn.” Bồ đề đạt ma chỉ cười mà chẳng nói gì.

Dần dần Huệ Năng chấm dứt việc hỏi. Chẳng có nghĩa gì mà hỏi cả - con người này sẽ chỉ cười. Rồi một hôm hiện tượng đó xảy ra. Huệ Năng tỉnh dậy giữa đêm và lay Bồ đề đạt ma: “Ít nhất thì thầy cũng có thể báo trước cho tôi khi trao điều đó chứ. Và thầy chọn giờ thế đấy! - vào giữa đêm, và trong khi tôi đang ngủ!”

Bồ đề đạt ma lại cười và ông ấy nói, “Im đi và ngủ đi.” Ông ấy lại cười và cười như ông ấy đã cười trước đây.

Lần nữa Huệ Năng hỏi, “Thầy nói cho tôi điều gì đó đi! Thầy đã trao nó cho tôi thế nào? Tôi đã nhận nó thế nào? Thầy đáng ra nên nói sớm hơn cho tôi, thầy đáng phải nói điều gì đó! Thầy đã rót đầy tôi, vậy mà thầy thậm chí lại chẳng báo gì cho tôi cả.”

Bồ đề đạt ma nói, “Ta cũng chẳng biết khi nào điều đó xảy ra cả.”

Truyền trao này... khi nào nó sẽ xảy ra? Chẳng ai biết cả. “Nhưng chúng ta cùng nhau cố gắng.” Nếu chúng ta cùng nhau, đi cùng nhau và sống cùng nhau, điều đó sẽ xảy ra. Nếu một cây nến chưa thắp được đặt gần một cây nến đã thắp sáng, chẳng ai có thể biết được khi nào một cơn gió sẽ mang ngọn lửa tới gần cây nến chưa thắp, khi nào ngọn lửa sẽ nhảy vào cây nến kia. Đây là cách thức, đây là cách việc truyền trao xảy ra.

Cho nên hiền nhân này nói: *Cùng nhau chúng ta có thể cố gắng.* Chỉ thế thì có lẽ điều đó có thể xảy ra, rằng cái mà không thể được trao lại có thể được trao. Nhưng để cho việc xảy ra đó thì cả hai là cần: người này biết và người kia không biết; người được gọi là thầy và người được gọi là đệ tử - họ đồng ý tới gần.

Người ta phải không học từ thầy, chỉ cần sống cùng thầy là đủ. Việc học là dễ dàng, nhưng sống cùng mới khó. Việc học có thể

được thực hiện khi đứng ở xa; việc lại gần hơn là không cần thiết. Nhưng thân thiết sâu sắc là cần để sống cùng nhau; cởi mở bên trong là cần, tin cậy, sùng kính sâu sắc, tình yêu, điên khùng, khả năng nhìn ai đó còn gần hơn cái ta riêng của mình... thế thì truyền trao xảy ra.

Nếu cây nến chưa tắt mà sợ sệt, giữ khoảng cách, không tới gần cây nến đã tắt sáng và nếu bằng cách nào đó, khi ngọn lửa lại gần nó, nó chạy ra xa hơn và sợ hãi, thế thì sự việc trở thành khó khăn. Cho nên hiền nhân này nói: *Cùng nhau chúng ta có thể cố gắng.*

Ong ấy không nói rằng chỉ đệ tử mới phải nỗ lực. Điều đó dường như là thích hợp, chẳng phải thế sao? - điều đó sẽ là đủ. Tất cả những cái gọi là guru đều yêu cầu đệ tử làm việc vất vả, phải nỗ lực. Không cái gọi là guru nào nói rằng chúng ta nên cố gắng cùng nhau - bởi vì không chỉ đệ tử ở gần thầy, điều quan trọng hơn đối với thầy là sẵn có cho đệ tử. Cho dù cây nến chưa thắp có tới rất gần nhưng cây nến đã thắp lại kiên cố ngạo mạn và không sẵn lòng đi theo cơn gió, thì thế nữa chẳng cái gì xảy ra cả.

Nếu thầy cảm thấy mình là thầy thế thì chẳng cái gì sẽ xảy ra, bởi vì cho dù người đó sẵn sàng cho, người đó vẫn không sẵn sàng sống cùng với đệ tử, và điều đó không thể được trao mà không có việc sống cùng nhau.

Đó là lí do tại sao, khi những người tìm kiếm ngày xưa đi tìm kiếm, nơi họ sống cùng thầy đã được gọi là *gurukul*, gia đình của thầy. Đây là gia đình của thầy; người tìm kiếm chỉ trở thành một thành viên của gia đình đó. Người đó trở thành một, được hội nhập với gia đình đó. Nhưng gần gũi này là hai mặt; mọi gần gũi đều hai mặt. Đó là lí do tại sao thầy nói: “Chúng ta cố gắng cùng nhau, phải nỗ lực, làm việc vất vả, thiền cùng nhau.”

Đây là một *sadhana* lớn, một kỉ luật tâm linh lớn đối với cả thầy nữa. Những người biết không chắc đã là thầy được. Cố hiểu điều đó. Nhiều người trong thế giới này biết, nhưng họ không thể giúp được người khác biết. Biết thì không khó thế.

Một hôm, ai đó tới Phật và hỏi ông ấy, “Thầy có mười nghìn sư sống với thầy nhiều năm và thầy đã dạy họ, đã dẫn họ đi trên con đường của *sadhana*, thiền. Bao nhiêu người đã đạt tới trạng thái của thầy? Bao nhiêu người đã trở thành Phật?” Một cách tự nhiên, đây là câu hỏi có liên quan. Nó là phép thử Phật để xem ông ấy đã tạo ra bao nhiêu vị Phật.

Phật trả lời rằng nhiều người trong họ đã đạt tới Phật tính.

Người này nói, “Không ai dường như là Phật cả.” Phật đáp, “Bởi vì họ không phải là thầy.”

Trở nên thức tỉnh là một điều còn giúp người khác thức tỉnh lại là điều hoàn toàn khác. Không nhất thiết là người thức tỉnh bao giờ cũng giúp cho người khác thức tỉnh, bởi vì nếu người thức tỉnh

mà định đánh thức người khác thì người này phải từ tầm cao của mình hạ xuống và đứng cùng người kia trong thung lũng tối tăm của người kia; người này phải ở gần những người đang dò dẫm, nắm tay họ trong tay mình. Nhiều lần người này phải bước xa một chút để đi cùng họ trên con đường của họ nơi chẳng có gì ngoài địa ngục. Để cho nếu người này bước xa một chút cùng bạn bây giờ, cầm tay bạn, chỉ thế thì mới có khả năng về tin cậy nảy sinh trong bạn rằng ngày mai, nếu người này mời bạn trên con đường của mình, bạn sẽ sẵn lòng đi cùng người này.

Thầy phải bước đi cùng với đệ tử, để cho đệ tử có thể bước đi cùng thầy. Và nhiều lần thầy phải bước đi trên con đường mà thầy đáng ra không phải đi, thầy phải lại gần với người thầy muốn thay đổi. Đó là lí do tại sao hiền nhân này nói:

Cùng nhau chúng ta có thể cố gắng. Sáng lạn là việc biết của chúng ta.

Có một kỉ luật tâm linh để biết chân lí, và có một kỉ luật hoàn toàn khác để truyền trao chân lí đó; chúng là khác nhau, khác hoàn toàn.

Người Jainas đã phân biệt giữa hai loại người này. *Kevali* là người đã đạt tới trí huệ tối thượng; *tirthankara* là người đã đạt tới trí huệ tối thượng và cũng là thầy giáo, cũng là bậc thầy - người đó được gọi là *tirthankara*. Không có khác biệt nào khác giữa *tirthankara* và *kevali*. *Kevali* đã đạt tới trí huệ, người đó có hiểu biết tối thượng, nhưng người đó không phải là thầy. Người đó không thể truyền trao, người đó không thể trao điều đó cho người khác được. Người đó không biết cách trao điều đó cho người khác.

Hiểu điều đó theo cách này. Chỉ có vài người trên trái đất trong cả đời mình không làm ra bài thơ nào. Lúc này lúc khác một bài thơ thơ trỗi tình vọng lên bên trong, phát sinh trong mọi người. Nhưng có rất ít nhà thơ. Nhiều người đã cảm thấy tiếng gầm rầm của bài ca, nhưng điều này không làm cho họ thành nhạc sĩ. Cho dù nhạc có sinh ra trong bạn, thì vẫn có thể là bạn sẽ không có khả năng hát nó to lên. Đó là lí do tại sao, khi nghe thơ, bạn lại cảm thấy rằng đây là bài thơ mà đáng ra phải tới qua mình; đây là

bài ca mình đáng ra phải hát lên; đây là cùng giai điệu đã vang vọng bên trong mình, nhưng mình lại không thể tạo ra nó được. Nhìn vào bức tranh nào đó bạn cảm thấy rằng bạn cũng muốn vẽ nó, nhưng ai đó khác đã vẽ nó rồi. Trong thực tế khi bạn thích một bức tranh, điều đó chỉ có nghĩa là nếu bạn có thể vẽ, thì bạn đã vẽ nó rồi - nó đại diện cho bạn, nhưng bạn không thể làm được nó.

Nhiều lần chân lí đã được đạt tới, trí huệ tối thượng hiển lộ, phát sinh. Nhưng thế rồi làm sao trao nó cho người khác? Làm sao truyền đạt nó? Làm sao truyền đạt nó cho người khác?

Là thầy là một vấn đề hoàn toàn khác. Chỉ người sẵn sàng cố gắng cùng với đệ tử mới có thể là thầy. Chỉ người đồng ý bước đi cùng với đệ tử từ những bước đi đầu tiên, người đồng ý bắt đầu lại từ ABC, người có thể cầm tay đệ tử và bắt đầu từ nơi bản thân người đó không cần bắt đầu, thì mới có thể là thầy. Người đang đứng ở đích và phải có lòng dũng cảm để lại lấy bước đi đầu tiên cùng đệ tử, chỉ người đó mới có thể trở thành thầy.

Đó là lí do tại sao hiền nhân này cầu nguyện:

Cùng nhau chúng ta có thể cố gắng. Sáng lạn là việc biết của chúng ta.

Ông ấy tiếp tục cầu nguyện cho cả hai: *Sáng lạn là việc biết của chúng ta.*

Điều này thực lạ, nhưng thường chuyện xảy ra là lần đầu tiên bản thân thầy hiểu ra nhiều điều trong khi dạy điều đó cho đệ tử - lần đầu tiên! Nhiều lần, giúp người khác hiểu là cách dễ nhất để hiểu bản thân mình. Nhiều lần chân lí được kinh nghiệm từ bên trong, nhưng bản thân người kinh nghiệm lại không hiểu hoàn toàn điều đã xảy ra. Cái gì đã xảy ra? Nó đã xảy ra sao? Trong bấy ngày, Phật nghiệm ngẫm: Điều gì đã xảy ra?

Khi người ta đối diện với chân lí lần đầu tiên, người ta chết lặng không nói nên lời. Người ta có thể thấy tất cả, nhưng chẳng có gì được lĩnh hội; mọi thứ đều được hiểu, nhưng dầu vậy chẳng cái gì được hiểu chi tiết cả. Chẳng cái gì được nắm bắt. Cái gì đã xảy ra? Cái đã tồn tại tới ngày hôm qua, nay không còn nữa; cái chưa bao giờ tồn tại trước đây lại hiện diện; cái vẫn được tin là thực đã trở thành mơ; cái không được biết tới ngay cả trong

mơ lại là thực thể ngay trước mắt người ta. Người đã bắt đầu tìm kiếm thì đã biến mất còn người đã đạt tới chân lí này lại không được biết, không thể nhận ra được. Khi Meister Eckhart kinh nghiệm *samadhi* lần đầu tiên, ông ấy đã hỏi hai câu hỏi. Câu hỏi thứ nhất là: Cái gì đang xảy ra? và câu hỏi thứ hai là: Nó đang xảy ra cho ai?

Một trong những đệ tử của ông ấy ở gần ông ấy. Đệ tử này nói, “Ít nhất điều này tôi có thể nói cho thầy, rằng nó đã xảy ra cho thầy, cho nên sao thầy hỏi điều đó xảy ra cho ai?”

Eckhart đáp, “Ông không biết đấy thôi. Người đã bắt đầu việc tìm kiếm đã biến mất trong sự xảy ra này, còn người mà điều đó đã xảy ra cho thì lại là người xa lạ cũng như việc xảy ra này.”

Nhiều lần, điều đã xảy ra chỉ trở nên rõ ràng khi thầy dạy cho ai đó.

Cho nên hiền nhân này cầu nguyện: *Sáng lạn là việc biết của chúng ta*. “Cầu cho việc biết của chúng ta thành sáng tỏ. Cầu cho việc biết của chúng ta thành sắc bén, cầu cho ngọn lửa của trí huệ chiếu sáng... cầu cho nó cứ chiếu sáng.”

Khoảnh khắc này không bao giờ tới khi người ta có thể cầu nguyện với điều thiêng liêng là: “Bây giờ thì đủ rồi nhé.” Khoảnh khắc này không bao giờ tới khi người ta cầu nguyện với sự tồn tại: “Đủ rồi! Bây giờ nếu ngài muốn thì ngài có thể làm dần dần trí thông minh của con, điều đó sẽ là tốt.” Không, những khoảnh khắc như vậy không bao giờ tới cả. Trí huệ là chiếc kiếm với lưỡi bao giờ cũng có thể được mài sắc hơn. Liên tục làm sắc bén và vậy mà... vậy mà cái gì đó vẫn còn để được làm sắc bén. Điều này là vô tận, điều này là vô biên.

Đó là lí do tại sao hiền nhân này vẫn cầu nguyện:

Sáng lạn là việc biết của chúng ta.

Trong thực tế thầy này nói rằng không có lí do gì để tin rằng mình đã trở thành người trí huệ, vẫn còn nhiều trí huệ hơn đang ở phía trước; vẫn còn có dốt nát. Có lẽ người biết thì có thể thấy nhiều dốt nát hơn người không biết, và do vậy người đó có thể nói rằng vẫn còn có dốt nát. Nhưng bây giờ đừng lầm rằng người đó thực sự là kẻ dốt nát. Chớ cho rằng con người này thực tế cần hỏi tri thức và tài giỏi. Nhưng lời cầu nguyện này là phải và nó là biểu tượng.

Nó truyền đạt rằng người trí huệ bao giờ cũng khiêm tốn, và rằng người đó không ngần ngại cầu nguyện.

Chỉ kẻ yếu đuối mới sợ cầu nguyện. Người yếu đuối thì thậm chí không đủ dũng cảm để hỏi. Ngay cả đứng trước điều thiêng liêng, từ đó mà mọi thứ đều có thể được nhận, thì người đó cũng đứng đống cứng như là mình đã có mọi thứ rồi. Cho dù tại cửa của điều thiêng liêng người đó vẫn giữ cái rỗng tuếch của mình không bị động chạm tới và lẩn ra xa che giấu bình bát ăn xin của mình đằng sau mình vì sợ rằng cái đó có thể bị thấy.

Nhưng người biết thì cũng biết rằng việc biết không phải là hiện tượng tĩnh tại. Nó không phải là việc xảy ra có giới hạn như cái ao. Việc biết giống như dòng sông liên tục chảy - không dừng. Việc biết cứ lớn lên vô tận - nó cứ đi mãi. Đây là ân huệ của trí huệ, rằng nó không có điểm kết thúc. Nếu trí huệ có điểm kết thúc, nó sẽ trở thành chết. Hoa của trí huệ nở mãi. Hiểu điều đó như thế này: rằng ngày một nhiều cánh hoa cứ nở ra, và khoảnh khắc việc nở hoàn thành không bao giờ tới cả. Nụ của trí huệ không nở hoa và tàn phai, nó bao giờ cũng vẫn còn là cái nụ, cứ nở hoa. Nó nở hoa bao nhiêu cũng chẳng thành vấn đề gì, nó vẫn còn là nụ.

Cầu cho chúng ta không ghen tị.

Trên cuộc hành trình này hướng tới trí huệ, tại sao cần nói rằng chúng ta không nên ghen tị bất kì ai? Giữa điểm mà lời kinh này bắt đầu và điểm nó đạt tới, điều này dường như chẳng liên quan, đột ngột và cộc lốc. Đây là việc tìm kiếm chân lí. Cuộc hành trình là không biết. Sáng chói của thông minh là cần và trí huệ cũng cần, tâm thức thức tỉnh là cần... tất cả những điều đó là tốt; thầy và đệ tử nên nỗ lực cùng nhau... điều đó là tốt. Nhưng thế rồi bỗng nhiên thầy nói: *Cầu cho chúng ta không ghen tị*. Liên quan của nó là gì? Tại sao nó lại được nhắc tới? Tại sao ông ấy không nói ghen tị người nào? Cố hiểu điều đó.

Những phát biểu của hiền nhân không bao giờ là không liên quan, cho dù chúng dường như có vẻ vậy. Có thể có vẻ như hiền nhân này đã nhảy từ chỗ này sang chỗ khác, mà chẳng có mối nối nào ở giữa. Có nhiều chỗ trong Upanishads mà dường như là một câu kinh này bắt đầu từ một ý tưởng này và kết luận ở đâu đó khác; không có mối nối ở giữa, không có quan hệ. Cho dù thế thì

chúng cũng không nhảy tới kết luận, bởi vì các hiền nhân này, những người thấy này, biết mối nối bên trong nào đó vốn vô hình với bạn. Họ biết sự liên quan bên trong nào đó mà không lọt vào trí thông minh của bạn cho dù là ngày nay.

Cầu cho chúng ta không ghen tị.

Trong thực tế khi một người bắt đầu tìm kiếm cái gì đó thì người đó được thúc đẩy bởi ghen tị với người khác, bởi sự đố kỵ với người khác. Ngay cả trong tìm kiếm chân lí người ta cũng có thể đố kỵ với người khác. Ham muốn về tri thức cũng có thể được dựa trên sự đố kỵ và cạnh tranh với người khác.

Một người bạn của tôi tới tôi tám ngày trước đây và anh ta nói, “Tôi rất phiền não và lo âu: Làm sao tôi có thể đạt tới được Thượng đế?”

Tôi hỏi anh ta, “Lí do của lo âu này là gì? Bạn có thôi thúc mạnh mẽ về điều thiêng liêng và đó là lí do tại sao bạn phiền não sao? Bạn cảm thấy đau đớn khi mất ý nghĩa duy nhất trong cuộc sống, mục tiêu duy nhất của cuộc sống sao? Bạn cảm thấy cuộc sống là vô dụng chừng nào điều đó còn chưa đạt được sao? Bạn đã nếm trải hương vị của nó và hương vị đó đang ám ảnh bạn, lôi kéo bạn, vẫy gọi bạn lặp đi lặp lại mãi sao? Bạn đã thấy điều thiêng liêng qua cửa sổ nào đó, hoặc ở gần kề hoặc có thể từ một khoảng cách và bây giờ bạn thấy khó mà quên được, mà cứ lặp đi lặp lại mãi, bạn nhớ cơ hội đó và nghĩ về cách đạt tới đó sao?”

Anh ta đáp, “Không, chẳng cái gì giống thế cả. Khi *thầy* có thể đạt tới nó, thì sao tôi không thể? Khi Ramakrishna có thể đạt tới nó, sao tôi không thể? Và khi Ramana Maharshi có thể đạt tới nó, thì cái gì sai với tôi? Tôi bị bối rối khi tôi nghe thầy nói với mọi người. Tôi chưa có hương vị, chẳng có thôi thúc, mà tôi thậm chí cũng chẳng chắc liệu điều thiêng liêng có tồn tại hay là không!” Cho nên điều đó có thể không thấy được đối với bạn, nhưng lời cầu nguyện của hiền nhân này là đúng: *cầu cho chúng ta không ghen tị*. Chúng ta không nên bắt đầu việc tìm kiếm của mình bởi vì ghen tị của chúng ta với người khác hay bởi vì chúng ta sợ bị tụt đằng sau.

Tất cả chúng ta đều trong cạnh tranh lẫn nhau, không chỉ vì nhà cửa hay đồ đạc, mà ngay cả để nhận ra điều thiêng liêng. Nếu

một trăm cái tên bị loại ra khỏi lịch sử nhân loại, chúng ta thậm chí có thể quên mất ý tưởng về Thượng đế. Một trăm người này khơi dậy nên ghen tị trong chúng ta. Một Phật được sinh ra và cuộc sống của chúng ta thành khó khăn: Nếu con người này đã đạt tới, làm sao mình có thể tụt lại đằng sau được?

Cho nên ngay đầu tiên chúng ta đã cố gắng đủ mọi cách để phủ nhận thành quả của ông ấy; đó là chiến lược của chúng ta, tự bảo vệ của chúng ta. Đầu tiên, chúng ta làm mọi nỗ lực để phủ nhận thành quả của ông ấy. Chúng ta nghĩ, “Có lần mình đã thấy con người này trông giận dữ thế, có lần mình đã thấy ông ta ăn thức ăn ngon, có lần mình đã thấy con người này đầy bản ngã.” Trước hết, chúng ta tự an ủi mình theo đủ mọi cách rằng ông ấy còn chưa đạt tới, để cho chúng ta có thể tránh vấn đề ghen tị và đố kỵ này, để cho cái cảm giác cạnh tranh này có thể bị né tránh đi. Nhưng một người như Phật không xét tới hay không quan tâm tới chúng ta. Ông ấy sống theo cách riêng của ông ấy.

Thế rồi dần dần chúng ta bị bối rối khi nhận ra rằng ông ấy đã đạt tới cái gì đó. Chúng ta thử ông ấy theo đủ mọi cách, nhưng ông ấy chẳng quan tâm. Dường như là ông ấy đã được cái gì đó. Chúng ta thử ông ấy bằng việc ném đá vào ông ấy, bằng việc bỏ thuốc độc ông ấy, bằng việc đóng đinh ông ấy; chúng ta thử ông ấy theo đủ mọi cách, và thế rồi nghi ngờ lớn lên. Một hôm chúng ta cảm thấy rằng đúng, ông ấy đã có được điều đó. Và thế thì ngay lập tức cuộc vật lộn của chúng ta bắt đầu để đạt tới cùng điều đó.

Khó mà quan niệm rằng thậm chí mọi người sẽ bắt đầu việc tìm kiếm chân lí bằng ghen tị, nhưng điều này lại là thực tại. Ngay cả thế thì ghen tị vẫn tồn tại. Chúng ta không dung thứ cho người khác được giàu, cũng không dung thứ cho người khác được trí huệ. Chúng ta không thể dung thứ cho cảm giác rằng người khác đã đạt tới cái gì đó mà chúng ta không có.

Cho nên hiền nhân này cầu nguyện: *Cầu cho chúng ta không ghen tị.*

Điều này không phải là không liên quan, nó rất liên quan, bởi vì ai đó tìm kiếm chân lí do ghen tị thì có thể đạt tới đâu đó, nhưng không bao giờ đạt tới điều thiêng liêng. Tiền bạc có thể được làm ra do ghen tị, không có vấn đề gì trong đó. Trong thực tế tiền chẳng

bao giờ được làm ra nếu không có ghen tị. Cạnh tranh là tiền đề cho mọi thành đạt trong thế giới này, và cạnh tranh của bạn càng hiểm độc bao nhiêu, bạn càng thành công bấy nhiêu. Ghen tị của bạn càng sâu, bạn càng trở nên mạnh hơn. Nhưng điều này không áp dụng cho việc tìm kiếm điều thiêng liêng, bởi vì người mà thấy người khác là

'người khác' thì người đó không thể nhận ra được điều thiêng liêng. Và người không vui sướng khi thấy trí huệ của người khác thì cũng chưa có khao khát về trí huệ.

Còn có kiểu người khác nữa, người khi gặp một Phật, thậm chí chẳng bận tâm liệu Phật đã đạt tới hay chưa. Người đó không quan tâm, không lo nghĩ liệu con người này đã đạt tới hay không. Người đó không bị bận tâm về việc đạt tới chỉ bởi vì Phật đã đạt tới - không, người đó vui sướng với hương thơm của Phật, người đó xúc động bởi bài ca của Phật; thấy Phật người đó trở nên bị thuyết phục, nhưng người đó không ghen tị với ông ấy.

Thấy Phật người đó cảm thấy được đảm bảo và người đó nói, "Tốt rồi, bất kì niềm khao khát nào trong mình, cùng niềm khao khát này đã đạt tới đại dương trong con người này. Bây giờ mình có thể đi theo niềm khát khao của mình với sự tin cậy." Người đó đạt tới tin cậy sau khi nhìn vào Phật, tin cậy rằng thậm chí điều không thể cũng là có thể, tin cậy rằng ngay cả chân lí xa xăm cũng ở rất gần. Phật tính là rất xa với người đó, nhưng Phật lại rất gần với người đó nữa - người đó có thể chạm chân Phật trong tay mình. Và nếu người đó có thể chạm chân Phật trong tay mình, thì trước khi Phật tính xa xôi cũng có thể được đạt tới - người đó đã đạt tới tin cậy đó.

Thế thì không có ghen tị, thế thì chỉ có tạ ơn, biết ơn. Người đó cảm thấy biết ơn bởi vì ai đó đã nở hoa; người đó được nhắc nhở về cái nụ của riêng mình, người đó được nhắc nhở về cái ta riêng của mình, và nhận biết nẩy sinh. Thế thì cuộc hành trình không bắt đầu bởi vì ghen tị. Đây là cuộc hành trình vui sướng, đáng yêu, không liên quan tới người khác.

Đó là lí do tại sao hiền nhân này cầu nguyện: *Cầu cho chúng ta không ghen tị.*

Nếu không có ghen tị, và chỉ có khao khát riêng của người ta, người ta có thể dễ dàng đạt tới trạng thái nơi người ta có thể nói: “Aum, an bình, an bình, an bình,” nơi người ta có thể nói, “Mọi thứ đều an bình, mọi thứ đã đạt tới thanh thản tối thượng của nó, mọi thứ đều là phúc lạc.”

Đây mới là lời kinh của Upanishad.

Bây giờ có đôi điều gợi ý cho sáng mai, và cuộc tụ tập đêm nay của chúng ta sẽ kết thúc.

Gợi ý đầu tiên là cho tất cả những ngày này của trại thiền. Trong bảy ngày sắp tới bạn phải sống theo cách dùng tối thiểu khối lượng sinh lực. Số tối thiểu phải dùng, bởi vì việc tìm kiếm của chúng ta đi vào chiều mà cần tới rất nhiều sinh lực, nếu bạn làm phí hoài chúng một cách không cần thiết, bạn sẽ không có năng lượng cho việc tìm kiếm đó. Nếu bạn đốt cháy dầu của ngọn đèn của bạn ở chỗ nào đó khác, bạn sẽ không có khả năng thắp sáng ngọn lửa cho mục đích mà bạn đã tới đây; dầu của đèn của bạn phải được gìn giữ.

Cho nên trong bảy ngày, gìn giữ năng lượng của bạn nhiều nhất có thể được. Và để gìn giữ năng lượng, đóng mọi khả năng mở các giác quan của bạn lại bởi vì chúng là cách làm cho năng lượng của bạn, sức mạnh của bạn sẽ bị phí hoài. Giữ cho mắt nhắm nhiều nhất có thể được.

Cho nên, sáng mai làm tấm khăn bịt mắt, hay bạn có thể làm ngay bây giờ. Trong hai mươi tư giờ, bất kì khi nào bạn cần bước đi, hé tấm khăn bịt mắt ra để cho bạn có thể thấy bốn bước phía trước, chỉ thế là đủ - thậm chí không cần đến bước thứ năm. Bước ở đây chỉ nhìn bốn bước phía trước. Ngay khi bạn tới đây, nhắm mắt lại và che chúng kín hoàn toàn bằng miếng che mắt. Trong cả ngày, bắt đầu từ sáng, tấm che mắt nên vẫn còn trên mắt bạn.

Phần lớn năng lượng của bạn bị tiêu tán qua đôi mắt; gìn giữ nó ở bên trong. Năng lượng của mắt đặc biệt cần được gìn giữ, bởi vì điều chúng ta đang tìm kiếm đòi hỏi dùng con mắt bên trong, và năng lượng thì là một. Cái được dùng cho mắt ngoài phải được dùng cho mắt trong nữa - cùng năng lượng này được dùng.

Đó là lí do tại sao chúng ta gọi hiền nhân là người thấy - người nhìn thấy. Đó là lí do tại sao chúng ta gọi kinh nghiệm

đó là *darshan*, việc thấy, kiến. Con mắt trong của bạn nên nhận năng lượng mà con mắt ngoài của bạn đang nhận, cho nên giữ cho mắt bạn khép lại. Trong bảy ngày, để tất cả năng lượng của bạn đi vào bên trong. Giữ cho mắt bạn khép lại và nhớ cả ngày rằng năng lượng của cả hai mắt bạn đều hướng tới con mắt thứ ba, ở giữa hai lông mày, ở giữa trán. Bất kì khi nào bạn nhớ, nhắm mắt lại, ngồi im lặng, và nhớ rằng năng lượng của cả hai mắt đang chảy tới con mắt thứ ba giữa hai con mắt này, giữa hai lông mày, chảy từ hai bên, đi vào trong con mắt thứ ba. Vậy việc thiền của bạn sẽ thành sâu sắc vô cùng.

Mọi lúc có thể, giữ cho tai bạn khép lại. Đừng nghe gì, bởi vì người quan tâm tới việc nghe âm nhạc bên trong thì nên tránh tiếng động bên ngoài. Bằng không, âm nhạc bên trong rất tinh tế nếu so với tiếng động bên ngoài và sẽ khó mà nghe thấy nó, cho nên chúng ta cần hoà hợp trong nó. Nút bông, hay bất kì cái gì bạn muốn, vào lỗ tai mình; giữ cho tai đóng toàn bộ thời gian này - chúng không được cần tới. Nhiều nhất tai bạn sẽ được cần tới chỉ vài phút; ngoài ra thì không cần. Đừng dùng tai trừ khi bạn nghe tôi. Giữ cho chúng được đóng kín, và nhận biết mọi lúc về bất kì cái gì bạn có thể nghe thấy đang xảy ra bên trong - chỉ là việc nhớ lại: có cái gì đó mà có thể nghe được ở bên trong không? Thế thì năng lượng của tai bạn sẽ bắt đầu chảy bên trong và bạn sẽ có khả năng nghe thấy âm thanh bên trong khi thiền, và bạn sẽ có khả năng thấy những linh ảnh bên trong khi thiền.

Tai, mắt và môi bạn. Thứ ba, giữ cho môi bạn khép lại và nói tối thiểu. Tốt nhất là bạn không nói chút nào. Giữ im lặng. Bạn được tự do để chọn điều bạn làm với tai và mắt - nếu bạn muốn bạn có thể để mắt mở, và nếu bạn muốn thì bạn có thể để cho tai mở, bởi vì chỉ bạn bị lỗi - nhưng với môi bạn đang làm hại cho người khác, với môi bạn đang xâm phạm, cho nên đừng nói chút nào. Nghe và nhìn có thể là chọn lựa của bạn.

Bất kì chỗ nào bạn muốn đi, bất kì cái gì bạn muốn làm, bạn có thể làm. Tuy nhiên, nếu bạn đã tới để thiền, giữ cho mắt và tai được đóng. Nếu bạn tỉnh cờ tới đây chỉ bởi việc đi lang thang, đấy là chọn lựa của bạn. Nhưng cho dù bạn đã tới đây một cách tỉnh cờ, bạn cũng không được phép nói, bởi vì trong việc nói

bạn công kích vào người khác; khi bạn nói, bạn làm hại người khác, cho nên xin đừng nói chút nào.

Nhiều người có thể đã tới đây bởi vì họ không thể tán gẫu ở thành phố quê nhà họ ... hay họ không thể tìm được nạn nhân nào, người sẵn có ở đây. Họ hi vọng tán gẫu với những người đó. Tại đây không được phép tán gẫu. Trại này nên hoàn toàn yên tĩnh. Im lặng nên thịnh hành trong phòng bạn, bất kì nơi nào bạn hiện hữu; không ca hát, không bài ca, không nói, không đối thoại, không gì thuộc loại như vậy. Giữ yên tĩnh trong bảy ngày.

Bạn đã nói cả đời mình rồi và bạn đã thu được gì? Sau bảy ngày, bạn có thể làm lại điều đó cho cả phần còn lại của cuộc đời mình. Hay, nếu bạn định có nhiều hơn một kiếp sống, thì bạn có thể làm điều đó trong nhiều kiếp. Nhưng trong bảy ngày này, nghe tôi và đừng nói. Thế thì có khả năng là bạn có thể có thoáng nhìn về im lặng, về điều không thể được biết qua việc nói.

Thế thì với toàn bộ năng lượng của bạn chúng ta có thể đi sâu vào thiền. Cho nên bạn phải giữ ba giác quan này đóng lại.

Và bây giờ, điều thứ tư. Chúng ta sẽ dùng nhiều năng lượng ở đây cho thiền, cho nên tốt hơn cả là làm khối lượng công việc vật lí bên ngoài ở mức tối thiểu. Bạn đừng đi vẩn vơ quanh quất để xem chỗ này chỗ nọ. Bạn sẽ trở về mệt mỏi, và thế thì bạn sẽ phàn nàn rằng chẳng cái gì xảy ra trong thiền cả. Tới đây hoàn toàn tươi tắn, bởi vì bạn phải làm nhiều nỗ lực ở đây. Cho nên đừng đi đâu khác; đừng đi ngắm cảnh trong những ngày này.

Bất kì lúc nào bạn làm được ba điều này, nằm ra đâu đó trong bóng râm của cây cối, giữ nghỉ ngơi hoàn toàn, thư giãn; thành thói tối đa và dùng tối đa các giác quan bên ngoài của bạn.

Ăn rất ít thôi, bởi vì nhiều năng lượng được tiêu thụ trong khi tiêu hoá thức ăn, và năng lượng được dùng trong tiêu hoá thức ăn chẳng tạo ra gì khác hơn bệnh tật. Ăn tối thiểu thức ăn, giữ cho dạ dày được nhẹ để cho năng lượng có thể đi lên. Dạ dày càng nặng, năng lượng càng đi thấp hơn bởi vì nó phải đạt tới dạ dày. Đây là lí do tại sao bạn cảm thấy buồn ngủ sau bữa ăn, bởi vì não phải chuyển năng lượng của nó tới dạ dày và thế thì não trở nên nhàn rỗi và đi ngủ. Đó là lí do tại sao, nếu bạn đói hay bạn đang nhin

ăn, bạn không thể ngủ được vào ban đêm. Lí do là ở chỗ năng lượng liên tục chảy lên và các tế bào não cứ bị giữ thức tỉnh bởi vì chúng đầy năng lượng. Nếu năng lượng chảy hướng nhiều tới dạ dày, nỗ lực có ý thức trở thành khó khăn; cho nên ăn ít thôi.

Bạn sẽ chẳng mất gì trong bảy ngày này với khối lượng thức ăn tối thiểu, và ích lợi lớn lao vô cùng - thậm chí nó có thể có ích cho thân thể. Ăn ít và ăn nhẹ thôi. Bạn nên ăn ít tới mức bạn cảm thấy dường như còn chưa ăn gì, chỉ chừng đó thôi. Cho nên tôi không nói dừng ăn hoàn toàn, bởi vì người dừng ăn hoàn toàn không làm cái gì ngoài việc nghĩ về ăn cả ngày. Bạn chỉ nên ăn ít thôi.

Và điều kì lạ là người ăn quá nhiều thấy khó ăn ít đi. Nếu bạn bảo họ dừng ăn chút nào, họ sẵn sàng đồng ý. Lí do cho điều này là ở chỗ bao giờ cũng dễ đi từ cực đoan này sang cực đoan khác, khó dừng lại ở giữa. Nếu bạn được bảo dừng ăn chút kẹo, bạn sẽ nói, "Được thôi tôi sẽ không nhìn vào chúng." Nhưng nếu kẹo có đó trong đĩa và bạn được bảo lấy hai thìa thôi, thế thì sẽ thực sự khó cố gắng kiểm soát bản thân mình khi cảm dỗ có đó.

Ăn, nhưng ăn ít.

Đây là chương trình cơ sở cho bảy ngày tới.

Vào buổi sáng sẽ là *kirtan*, ca hát và nhảy múa mang tính cầu nguyện, trong mười lăm phút. Tất cả các bạn đều đứng dậy và nhảy một cách phúc lạc trong buổi *kirtan*. Tắm che mắt vẫn còn trên mắt. Bạn có thể lan toả ra, tắm khăn che mắt vẫn còn trên mắt, nhảy múa, làm *kirtan* một cách vui sướng, nhảy múa một cách phúc lạc. Bạn để cho bản thân mình đi vào *kirtan* một cách phúc lạc trong mười lăm phút; điều đó tôi sẽ nói chi tiết cho bạn vào buổi sáng.

Thế rồi *kirtan* sẽ dừng lại và chỉ còn âm nhạc được chơi trong mười lăm phút; bạn lại tiếp tục nhảy múa, nhảy múa một cách tự do. Sau đó, trong ba mươi phút, bạn thành thoi như người chết. Điều đó sẽ là buổi thiền sáng. Sáng mai tôi sẽ giải thích cho bạn về buổi thiền trưa và đêm.

Một thực nghiệm đặc biệt phải được bổ sung vào trong trại này - được thực hiện trước khi bạn đi ngủ. Tôi sẽ giải thích điều đó cho bạn bây giờ, bởi vì điều đó phải được bắt đầu từ đêm nay,

và điều đó là bắt buộc. Nếu bạn làm điều đó, bạn sẽ tạo ra nhiều năng lượng, và năng lượng đó sẽ được sử dụng vào ngày mai. Trước hết, tôi bảo bạn gìn giữ năng lượng của mình, đừng làm phí hoài nó - đó là một điều; bây giờ tôi sẽ bảo bạn cách tạo ra nhiều năng lượng hơn - cách tạo ra nó. Tôi đã bảo bạn đừng dùng điều bạn đã có để cho nó được bảo tồn, và bây giờ tôi sẽ bảo bạn điều tiếp - cách tạo ra nó.

Bất kì năng lượng nào con người có, nói chung đều được chi dùng vào các việc thường lệ hàng ngày, và bất kì năng lượng nào còn lại, đều được tích lũy vào trung tâm dục của bạn. Năng lượng còn thừa lại đó kêu gọi bạn, thúc đẩy bạn đi vào ham muốn dục. Đó là lí do tại sao vô dục dễ thực hành nếu bạn ăn ít - bởi vì năng lượng phụ đó không được tạo ra. Vì năng lượng phụ không được tạo ra, nên nó không tích lũy vào trung tâm dục. Nhưng thế thì *brahmacharya*, vô dục, lại là lừa dối, nó không có nghĩa. Nó xảy ra bởi vì bạn đang sống tại mức thấp chỉ với khối lượng năng lượng tối thiểu. Nếu bạn không ăn thức ăn trong ba mươi ngày, bạn sẽ mất quan tâm tới dục đối lập. Mối quan tâm của bạn đã không dừng lại bởi vì bạn là con người được biến đổi, mà bởi vì năng lượng cần cho mối quan tâm này bây giờ không được tạo ra. Sau ba mươi ngày, nếu bạn ăn cho dù chỉ ba ngày thôi, thì ba ngày của thức ăn đó sẽ phá huỷ điều mà ba mươi ngày nhịn ăn đã tạo ra; bạn sẽ thấy bản thân mình quay trở về cùng chỗ cũ.

Điều thứ nhất là ở chỗ năng lượng phụ này được tích lũy lại trong trung tâm dục của bạn, và điều thứ hai là ở chỗ trung tâm dục là cái máy phát tạo ra năng lượng trong mọi con người, trong mọi sinh linh. Trung tâm dục là cái máy bên trong chúng ta tạo ra năng lượng. Nếu bạn muốn, bạn có thể tạo ra ngày một nhiều năng lượng bằng nó. Nhưng chúng ta dùng cái máy này chỉ để tổng năng lượng ra và không tạo ra nó. Năng lượng được tạo ra bởi trung tâm này, chảy ngược lên, trở thành *kundalini*, hoá xà, lực sống.

Cho nên thực nghiệm này là dành cho kundalini. Và nếu bạn làm nó, bấy ngày này sẽ biến thành hoàn toàn phúc lạc cho bạn; thế thì bạn sẽ không bao giờ có khả năng quên nó nữa.

Đêm nay, khi bạn đi ngủ, và hàng ngày, khi bạn nằm xuống trên giường sau khi hoàn thành mọi thứ, khi bạn sẵn sàng đi ngủ, cởi quần áo và đắp lên mình bằng một chiếc chăn hay tấm trải giường. Nằm ngửa hoặc nghiêng, dạ dày xuống dưới giường, bất kì cách nào bạn cảm thấy thoải mái hơn - bạn có thể quyết định cách nào sau khi thực nghiệm vài ngày. Để thân thể bạn chùng lỏng lại, nhắm mắt, và đưa sự chú ý của bạn vào trung tâm dục.

Tưởng tượng rằng trung tâm dục đang bắt đầu hoạt động và năng lượng chuyển quanh nó. Bạn phải đã thấy xoáy nước, nước xoáy nhanh đến mức tạo thành xoáy. Bất kì cái gì được ném vào trong xoáy này đều chuyển động theo vòng tròn, cho nên cảm thấy nó bên trong bạn - năng lượng chuyển động nhanh xung quanh trung tâm dục. Nếu bạn ném đoá hoa vào nó, nó sẽ xoay tròn và chìm mất vào giữa. Tưởng tượng nó giống thế. Trong ba phút các rung động sẽ bắt đầu bên trong bạn.

Ban đầu những rung động này sẽ giống như những rung động trong việc làm tình; thân thể sẽ rung động. Khi nó rung động, cứ để cho nó rung động một cách toàn bộ, hợp tác với nó, giúp đỡ nó. Chỉ tưởng tượng rằng bạn đang thực sự mê mải trong việc làm tình và toàn bộ thân thể đều rung động. Để cho toàn bộ thân thể trở thành nóng.

Ngay khi bạn cảm thấy rằng toàn bộ thân thể đang rung động và năng lượng đang chuyển động nhanh tại trung tâm dục, để bản thân mình chùng lỏng và tập trung vào một ý nghĩ: rằng năng lượng đó đã bắt đầu đi lên từ trung tâm dục, cũng giống như ngọn lửa bốc cao lên. Đem năng lượng đó vào giữa trán, giữa hai mắt, giữa hai lông mày; bạn phải đem nó tới trung tâm con mắt thứ ba. Năng lượng này sẽ bắt đầu chảy lên. Bạn chỉ phải nhận biết rằng năng lượng này đã tích lũy vào giữa hai mắt và nó đã bắt đầu tuần hoàn ở đó.

Thế rồi quên tất cả về trung tâm dục, và đi ngủ với sự chú ý của bạn vào con mắt thứ ba. Khi bạn dậy vào buổi sáng, trước hết cảm thấy trung tâm này giữa hai mắt và bạn sẽ thấy có cảm giác năng lượng chuyển động nhanh ở đó. Bạn sẽ cảm thấy sự chuyển động rõ ràng.

Điều này bạn phải làm mọi đêm, trong bảy ngày. Nó sẽ chuyển kênh năng lượng phụ vẫn thường chảy vào dục nay vào con mắt thứ ba. Trung tâm dục sẽ tạo ra năng lượng, nhiều nhất có thể được, và tất cả những năng lượng đó sẽ có sẵn cho con mắt thứ ba của bạn. Vào buổi sáng chúng ta sẽ thực nghiệm trên con mắt thứ ba đó, cho nên việc làm thực nghiệm này vào ban đêm là điều bắt buộc.

Đây sẽ là thực nghiệm cho đêm nay. Bây giờ chúng ta sẽ làm kirtan trong vài phút. Mọi người đứng dậy và nhảy múa và thực hành trong kirtan, rồi sau đó chúng ta sẽ giải tán.

2 Truy tìm

Katham bandhah - tù túng là gì? Katham mokshah - giải thoát là gì? Vidya, việc biết thật, là gì và avidya, việc biết giả là gì?

Thức, mơ, ngủ và turiya - cái thứ tư - bốn trạng thái này là gì?

Năm thể này là gì?

- annamay, được tạo nên từ thức ăn; pranamay, được tạo nên từ sinh lực; manomay, được tạo nên từ năng lượng tâm lí; vigyanamay, được tạo nên từ nhận biết; anandamay, được tạo nên từ phúc lạc.

Người làm là gì? Linh hồn hiện thân này là gì?

Năm loại này là gì? Ai là người biết?

Ai là nhân chứng? Ai là người ở chỗ sâu nhất? Ai là người biết về tất cả các ý nghĩ và cảm giác?

Jeevatma, linh hồn cá nhân, là gì, và paramatma, linh hồn vũ trụ là gì? Maya, ảo tưởng là gì?

Sau lời cầu nguyện tới điều thiêng liêng, truy tìm bắt đầu. Truy tìm chỉ có thể bắt đầu sau lời cầu nguyện. Lời cầu nguyện đem trái tim vào một không gian trong đó tạo ra trạng thái nhạy cảm và đón nhận của tâm trí, đến mức mà bây giờ truy tìm không chỉ được tiến hành vì tò mò, nó đã biến thành khát khao giải thoát. Truy tìm không có lời cầu nguyện, chỉ là trò chơi trí tuệ, vài ai đó đi truy tìm mà không cầu nguyện thì chẳng truy tìm chút nào. Nếu ai đó vẫn ngồi trong bóng tối với cánh cửa của mình đóng chặt mà lại truy tìm về mặt trời và về ánh sáng, người đó có thể tiếp tục cuộc truy tìm này nhưng người đó sẽ chẳng bao giờ thu được câu trả lời.

Một trong những trò chơi lớn nhất của tâm trí là: khi nó không nhận được câu trả lời nào, nó bịa ra câu trả lời nào đó trong bóng tối, chẳng bao giờ biết tới mặt trời. Ai đó sẽ phát biểu, “Mặt trời không tồn tại” - không phải bởi vì người đó biết rằng mặt trời không tồn tại, mà bởi vì với người đó thì phủ nhận điều mình không thể biết được còn dễ hơn là cho phép phiền não của người đó, trạng thái không biết của người đó, cứ tồn tại dai dẳng. Phiền não biến mất với phủ nhận; thế thì chúng ta có thể vẫn còn hài lòng trong bóng tối của mình. Người chưa mở ra cánh cửa

của mình thì có thể vẫn tiếp tục truy tìm về mặt trời và về ánh sáng, nhưng người đó sẽ không nhận được câu trả lời. Và khi không nhận được câu trả lời, người đó thậm chí không thể phủ nhận được sự tồn tại của mặt trời, nhưng thay vì thế, có thể bịa ra mặt trời tưởng tượng, bịa ra khái niệm riêng của mình, ý niệm riêng của mình. Và những khái niệm này cũng chỉ là giả tạo như sự phủ nhận của người đó.

Người không tin mà đứng trong bóng tối thì cũng giả tạo như người tin mà đứng trong bóng tối. Không biết về điều thiêng liêng, những phát biểu của họ về sự tồn tại hay không tồn tại của điều thiêng liêng là vô nghĩa. Cả hai phát biểu này đều vô nghĩa. Và điều thực sự thú vị là những tranh luận và thảo luận lớn lao vẫn diễn ra trong bóng tối giữa hai nhóm này, những người chẳng biết gì cả.

Người dốt nát đầy những tranh cãi. Người dốt nát không biết, ấy vậy mà rất hay ba hoa. Tranh cãi cứ tiếp diễn mãi, các học thuyết có thể được lập ra... Trong thực tế các học thuyết chỉ có thể được tạo ra trong bóng tối; trong ánh sáng không thể có niềm tin được. Ánh sáng là đủ; niềm tin là không cần thiết. Mọi học thuyết đều được sinh ra trong bóng tối, vì nơi có ánh sáng thì chẳng cần đến ai cả. Nơi chân lí được hiển lộ, lời tan biến; và nơi chân lí là mọi thứ thì các học thuyết chẳng để làm gì. Niềm tin chỉ là cái thay thế, cái bù đắp; khi chân lí còn không được biết tới, chúng ta tạo ra niềm tin và thế chúng vào chỗ của chân lí.

Truy tìm đúng đắn bắt đầu với lời cầu nguyện. Khi tôi nói điều này, tôi ngụ ý rằng ai đó muốn biết mặt trời, ít nhất cũng phải hoàn thành một điều kiện: rằng người đó nên mở cửa nhà mình. Nếu có khao khát để biết mặt trời, người đó ít nhất cũng nên mở cửa ra để cho nếu mặt trời muốn trả lời, nó có thể trả lời được. Mặt trời có năng lượng vô biên; dù vậy nó sẽ không phá cửa để đi vào nhà bạn. Mặt trời thậm chí sẽ không gõ cửa nhà bạn.

Trong thế giới này chân lí chưa bao giờ xâm nhập vào cuộc sống của người ta, nó chưa bao giờ can thiệp vào cuộc sống của người ta. Chân lí chưa bao giờ đem tới bất kì cảnh nô lệ nào trong cuộc sống của người ta, nó chưa bao giờ đem tới tù túng. Đó là lí do tại sao chân lí là tự do. Chân lí chưa bao giờ áp

đặt bản thân nó một cách cưỡng bức mà không có ý chí của bạn. Chẳng nào bạn còn chưa sẵn sàng, chân lí sẽ đứng đợi mà không gõ cửa nhà bạn. Sẵn sàng của bạn, chỉ lời mời toàn tâm của bạn mới có thể trở thành việc tới của chân lí.

Nhưng lời mời của bạn phỏng có ích gì nếu cánh cửa của bạn không mở ? Bạn nên đứng đợi khách tới khi bạn đã mời. Đó là lí do tại sao Upanishad bắt đầu bằng lời cầu nguyện.

Lời cầu nguyện là cách để mở cánh cửa tới trái tim. Nếu truy tìm mà không có lời cầu nguyện, thế thì nó được khởi đầu phần nhiều bởi hoài nghi của bạn và không được tạo ra bởi tìm kiếm; thế thì truy tìm không với mục đích của việc tìm kiếm, nó là để làm tăng thêm hoài nghi. Người đã khởi hành chỉ để hoài nghi, hoài nghi của người đó trở thành không lành mạnh, nó là ốm yếu.

Và không phải là ai đó mở cánh cửa của mình ra bằng lời cầu nguyện làm mất đi quyền hoài nghi - trong thực tế chỉ người đó mới có quyền hoài nghi, bởi vì bây giờ hoài nghi chỉ là một phần của khao khát về giải pháp; bây giờ hoài nghi mang tính sáng tạo, không mang tính huỷ diệt; bây giờ hoài nghi chỉ là cách tìm ra con đường để loại bỏ đi tất cả mọi rào chắn; bây giờ câu hỏi có đó để tới gần với câu trả lời. Bây giờ truy tìm không phải là trò chơi bệnh tật của tâm trí bệnh hoạn, bây giờ hoài nghi này không phải là bệnh của tâm trí ốm yếu, bây giờ nó là việc tìm kiếm của người lành mạnh.

Hoài nghi mang tính tin cậy - những lời này có vẻ rất mâu thuẫn, nhưng nếu chúng ta cố gắng hiểu chúng từ một góc độ khác thì nó sẽ rõ ràng. Cố hiểu 'tin cậy mang tính hoài nghi'.

Ngay cả khi chúng ta tin cậy, nó cũng đầy hoài nghi. Cho dù chúng ta có đặt tin cậy của mình vào ai đó, nó cũng đầy hoài nghi; hoài nghi là dòng chảy ngầm. Trong thực tế chúng ta tin cậy chỉ bởi vì bên trong có hoài nghi và chúng ta muốn kìm nén nó. Và khi hoài nghi là ở bên trong còn tin cậy ở trên bề mặt, thì tin cậy sẽ yếu đuối, bởi vì cái bên trong mạnh hơn và cái bên ngoài, cái bề mặt, sẽ yếu đuối; cái chỉ ở ngoại vi sẽ yếu ớt, còn cái ở trung tâm trái tim sẽ mạnh mẽ.

Cho nên hoài nghi ở bên trong còn tin cậy chỉ được áp lên bên ngoài như quần áo. Hết như quần áo không xoá đi sự trần trụi

của bạn, chúng chỉ che giấu nó, tương tự vậy, tin cậy được áp đặt ở bên ngoài giống như quần áo không phá huỷ hoài nghi, nó chỉ che giấu hoài nghi.

Điều đối lập cũng là có thể - điều tôi gọi là 'hoài nghi mang tính tin cậy'. Chân lí có đó trong trung tâm, hoài nghi chỉ ở chu vi. Hoài nghi đó trở thành một phần của cuộc hành trình làm mạnh thêm cho tin cậy, bởi vì làm sao ai đó còn chưa hoài nghi lại có thể tin cậy được? Nhưng thực tế người đó tràn đầy tin cậy.

Maulingaputta, một đệ tử của Phật, đã nói với ông ấy, “Tôi hỏi thầy, không phải bởi vì tôi hoài nghi thầy mà bởi vì tôi hoài nghi bản thân mình; tôi hỏi thầy, không phải bởi vì tôi hoài nghi điều thầy nói mà bởi vì tôi hoài nghi liệu tôi có hiểu nó đúng không. Tôi hỏi không phải bởi vì tôi hoài nghi thành đạt của thầy, tôi hỏi thầy bởi vì tôi hoài nghi bước chân mình - và cuộc hành trình rất dài và mơ ước bao la thế. Tôi đã hoài nghi về bước chân riêng của mình. Tôi hỏi thầy để cho tin cậy của tôi được làm mạnh thêm, tôi hỏi thầy để cho tin cậy của tôi trở thành sâu lắng.”

Bất kì khi nào người hỏi có mang tính cầu nguyện, cánh cửa của trái tim người đó mở ra; người đó không tới với hoài nghi, người đó tới với câu hỏi. Câu hỏi có thể có câu trả lời, nhưng hoài nghi có thể không có câu trả lời, bởi vì ai đó muốn hoài nghi sẽ cứ hoài nghi mọi câu trả lời bạn trao cho người đó.

Hoài nghi là thoái lui vô hạn: bạn đưa ra một câu trả lời, người đó hoài nghi nó; bạn đưa ra câu trả lời khác, người đó lại hoài nghi nó; hoài nghi là tiền đề cơ sở của người đó. Bất kì điều gì bạn nói, người đó cũng hoài nghi nó. Thế thì chẳng có cách nào cả. Nhưng nếu hoài nghi chỉ là một phần của việc tìm kiếm, chỉ là phương pháp luận - một phương pháp chứ không phải là mục đích, không phải là giải pháp, không phải là mục tiêu - nếu hoài nghi không phải là tiền đề, mà việc truy tìm mới là tiền đề, thì hoài nghi là rất có ích.

Cho nên, hoài nghi mang tính tin cậy... truy tìm mang tính cầu nguyện.

Chính câu hỏi thứ nhất đã được hỏi trong Sarvasar Upanishad là:
Tù túng là gì?

Xem xét điều này. Mọi người thường hỏi liệu Thượng đế có tồn tại hay không. Thượng đế là gì? Giải thoát là gì? Giải thoát có xảy ra hay không? Linh hồn là gì? Nó có tồn tại hay không? Mọi người bắt đầu từ nơi họ phải kết thúc. Người bệnh hỏi, “Mạnh khỏe là gì?” Nhưng người thông minh, nếu người đó ốm, sẽ hỏi, “Ốm yếu này là gì?” Chẩn đoán sẽ bắt đầu với ốm yếu này. Câu hỏi thứ nhất được nêu lên trong Upanishad này là: Tù túng là gì? Đó là bệnh tật, đó là ốm yếu mà chúng ta nhất định mắc phải.

Ai đó trong tù, bị xiềng xích lại, bị làm nô lệ, và đang hỏi, “Tự do là gì?” Người đó chưa bao giờ nếm trải sự tự do; người đó đã trong xiềng xích từ khi sinh ra, bao giờ cũng trong xiềng xích. Người đó thấy mình trong xiềng xích lâu như nhận biết về chính mình. Nhận biết của người đó và tù túng của người đó cả hai được gắn với nhau, và người đó đang hỏi, “Tự do là gì?” Có lẽ người đó sẽ không có khả năng để hiểu; người đó đã không hỏi câu hỏi đúng. Người đó chỉ nên hỏi điều người đó có thể hiểu được.

Người tìm kiếm thông minh là người chỉ hỏi những câu hỏi mà câu trả lời cho nó sẽ có khả năng hiểu được. Và nếu người đó hiểu một câu trả lời, người đó cũng sẽ có khả năng hiểu những câu trả lời khác.

Đó là lí do tại sao câu hỏi thứ nhất là: *Tù túng là gì?*

- “Làm sao mình bị trói buộc?” - bởi vì người bao giờ cũng trong tù túng thì không biết tù túng là gì. Thậm chí để nhận ra nó là tù túng thì bạn cũng phải có kinh nghiệm nào đó về tự do. Nếu bạn bị cùm tay, bạn sẽ nhận ra rằng mình bị cùm tay. Nhưng nếu đứa trẻ được sinh ra trong xiềng xích, liệu có bao giờ nó có khả năng nhận ra xiềng xích là xiềng xích không? Chúng sẽ dường như là một phần thân thể nó. Và nếu bạn cố gắng bẻ gãy xiềng xích này, nó sẽ kêu khóc rên la, “Ông định giết tôi sao?” Những xiềng xích này là cuộc sống của nó. Chúng không tách rời khỏi nó, chúng là con người của nó.

Và đó là cách chúng ta đang hiện hữu. Như chúng ta đã tồn tại, như chúng ta đã biết rằng chúng ta hiện hữu, nhận biết của chúng ta về sự tồn tại của mình và về nhà tù của mình đã được gắn lại. Chúng ta chưa bao giờ kinh nghiệm tự do. Chúng ta chưa bao giờ

bay trên bầu trời, đôi cánh của chúng ta chưa bao giờ giang ra trên bầu trời rộng mở, chúng ta chỉ biết chúng khép lại vĩnh viễn và không được dùng. Chúng ta chưa bao giờ biết rằng đôi cánh của mình được ngụ ý cho việc bay. Chúng ta được sinh ra và được nuôi dưỡng lớn lên trong nhà tù; nhà tù này đã là chính cuộc sống của chúng ta.

Cho nên truy tìm đúng sẽ bắt đầu với *Tù túng là gì?* Nhưng thậm chí chúng ta cũng chẳng biết gì về cảnh nô lệ cả! Chúng ta ở sâu trong cảnh nô lệ, chúng ta là nô lệ. Vậy làm sao người ta có thể nhận ra được cảnh nô lệ là gì? Nếu một người được sinh ra và người đó chịu đựng chứng đau đầu trong cả đời mình, thì người đó sẽ không có khả năng phân biệt được giữa đau và đau, bởi vì người đó bao giờ cũng biết cái đau mình cùng cái đau.

Simone Weil, một nữ tư tưởng gia của phương Tây, đã viết rằng trong ba mươi năm bà ấy đã không biết đau đầu là gì. Không phải bởi vì bà ấy chưa bao giờ đau đầu, nhưng bởi vì bà ấy bao giờ cũng bị đau đầu. Bà ấy chưa bao giờ biết rằng đau có thể tồn tại mà không có đau đầu; bà ấy không thể nào phân biệt được giữa đau và đau đầu. Và độ tuổi ba mươi, khi bệnh đau đầu của bà ấy được chữa khỏi lần đầu tiên, thế thì bà ấy mới biết rằng nó là đau đầu chứ không phải bản thân cái đau.

Bạn không thể tách bản thân mình ra khỏi cái bạn đã lớn lên cùng. Đó là lí do tại sao bạn lại không có khả năng biết tới thân thể mình tách với bản thân mình - bởi vì bạn lớn lên cùng nó. Do đó mới có sự đồng nhất, là một với thân thể. Đó là lí do tại sao bạn lại không biết tới tâm trí mình là tách biệt với bản thân mình: bởi vì người ta lớn lên cùng nó, việc đồng nhất xảy ra.

Do đó hiền nhân và đệ tử này đã nêu ra câu hỏi đầu tiên trong Upanishad này: *Tù túng là gì?*

Hiểu nó giống thế này: đệ tử đang hỏi hiền nhân, “Tù túng này là gì?” Upanishad này là cuộc đối thoại sâu sắc, sự trao đổi. Nếu người bao giờ cũng trong tù túng có thể nhận ra tù túng của mình, người đó có thể có một ý tưởng, mơ, một khái niệm, hay một cảm giác về tự do.

Người bị bệnh liên miên chỉ có thể quan niệm được một định nghĩa tiêu cực về mạnh khoẻ. Người đó sẽ hiểu mạnh khoẻ chỉ như

thiếu vắng bệnh tật của mình. Người bao giờ cũng sống trong tù, trong xiềng xích của mình, không thể hiểu được định nghĩa tích cực về tự do. Người đó có thể hiểu tự do chỉ như thiếu vắng của xiềng xích - khi các bức tường nhà tù dừng tồn tại, khi không có lính gác mang súng để ngăn cản người đó không cho làm bất kì điều gì người đó muốn, để ngăn cản người đó khỏi đi bất kì chỗ nào người đó muốn đi. Người đó chỉ có thể hiểu bằng định nghĩa tiêu cực đó. Nhưng trước khi người đó có thể hiểu điều này, cũng cần nhận ra rằng có những bức tường của nhà tù, cần nhìn thấy chính bản thân nhà tù, cần thấy lính gác tại cổng, thấy xiềng xích quanh tay mình.

Một nhà huyền môn vĩ đại của vùng Caucasus, Gurdjieff, hay nói: tôi đã nghe nói về một nhà ảo thuật đã thuần hoá nhiều cừu. Hàng ngày ông ấy đều có một con cừu bị giết để chuẩn bị thức ăn cho ông ta. Hàng trăm con cừu đứng và nhìn việc này, nhưng dầu thế chúng chẳng bao giờ nghĩ rằng nếu không hôm nay thì ngày mai chúng cũng sẽ bị giết.

Một khách đang trọ cùng nhà ảo thuật đó nói, “Những con cừu này thật là lạ. Ông giết một con cừu ngay trước các con cừu khác hàng ngày, thậm chí thế mà chúng cũng chẳng lo nghĩ. Chúng không thể quan niệm nổi về cái chết riêng của chúng vào ngày hôm sau sao, rằng bất kì ngày nào dao cũng đều sẽ có thể đâm vào cổ chúng sao?”

Nhà ảo thuật đáp, “Tôi đã thối miên chúng và bảo riêng chúng rằng chúng không phải là cừu, rằng tất cả bọn còn lại mới là cừu; tất cả bọn khác sẽ bị giết, ngoại trừ chúng. Đó là lí do tại sao chúng vô tư; chúng không chạy đi khi chúng thấy bọn khác bị giết.”

Khách hỏi, “Và điều thậm chí còn đáng ngạc nhiên hơn là ông không buộc chúng lại. Chúng không đi lạc lối sao? Chúng không bị lạc sao?”

Ông ta nói, “Tôi cũng đã bảo chúng nó rằng chúng hoàn toàn tự do, chúng chưa bao giờ trong tù túng cả - bởi vì người ta muốn chạy khỏi tù túng, nhưng khi người ta đã tự do rồi thì không có vấn đề chạy trốn nữa. Ham muốn chạy trốn tới khi người ta trong tù túng, nhưng khi không có tù túng và người ta hoàn toàn tự do, thế thì chạy trốn là không cần.”

Gurdjieff hay nói rằng con người cũng gần như ở trong tình huống này: con người coi nhà tù là lâu đài của mình. Cho nên không có vấn đề rời bỏ nó; trong thực tế nếu ai đó tới giúp người đó để thoát ra khỏi nó, người đó sẽ tự phòng thủ cứ dường như chống lại một kẻ thù đang cố gắng lôi người đó ra khỏi lâu đài của mình.

Con người coi xiềng xích của mình như đồ trang sức cho mình. Nếu bạn muốn lấy đi đồ trang sức của người đó, người đó sẽ đứng lên với lưỡi kiếm của mình và tranh đấu.

Cho nên chúng ta không đóng đinh Jesus mà không có lí do, chúng ta không đầu độc Socrates mà không có lí do. Họ là kẻ thù của chúng ta bởi vì họ cố gắng lấy đi đồ trang sức của chúng ta. Điều họ gọi là xiềng xích chính là đồ trang sức của chúng ta, còn điều họ gọi là nhà tù là chỗ ở vương giả của chúng ta; điều họ gọi là cảnh nô lệ chính là cuộc sống của chúng ta, còn điều họ gọi là nỗi buồn lại chính là điều thích thú của chúng ta.

Cho nên Gurdjieff hay nói rằng điều đầu tiên mà tù nhân phải biết nếu người đó muốn tự do là ở chỗ người đó là tù nhân; mọi thứ khác đều là phụ. Nếu nô lệ muốn được tự do, người đó trước hết cần hiểu rằng mình là nô lệ. Điều này phải thấm nhuần vào tâm thức của người đó sâu đến mức người đó cảm thấy thống khổ đau buồn và trở nên được tràn đầy với khao khát tự do... *Tù túng là gì?*

Câu hỏi thứ hai... thế thì câu hỏi thứ hai nảy sinh:

Giải thoát là gì?

Katham bandhah - tù túng là gì? Katham mokshah - giải thoát là gì?

Nếu bạn tới hỏi Phật, “Giải thoát là gì?” Phật sẽ không trả lời. Nhưng nếu bạn hỏi ông ấy, “Tù túng là gì? Giải thoát là gì?” bạn sẽ nhận được câu trả lời - bởi vì nếu bạn không hỏi câu hỏi đúng, bạn không thể nhận được câu trả lời đúng. Câu hỏi sai không có câu trả lời đúng. Và điều bạn hỏi chỉ ra trạng thái của tâm trí bạn. Giải thoát có thể được hiểu chỉ sau khi đã hiểu tù túng.

Và thế thì câu hỏi tiếp là:

Vidya, việc biết thật, là gì, và avidya, việc biết giả là gì?

Tù túng là gì? Giải thoát là gì? Việc biết thật là gì? - Tri thức đúng là gì? Nếu như câu hỏi này là phần thứ nhất thì sẽ tốt hơn - *Tù túng là gì? Giải thoát là gì?* - chúng ta đã hỏi theo thứ tự này:

Việc biết giả là gì? Việc biết thật là gì? Nhưng nó đã không được hỏi như thế. Và điều này không phải ngẫu nhiên. Điều đáng được hỏi trước là, “Dốt nát đúng là gì?” thế rồi, “Tri thức đúng là gì?” Nhưng nó đã không được hỏi như thế, bởi vì ở đây *vidya* mang nghĩa khác. Tại đây *vidya* nghĩa là: Tù túng là gì? Giải thoát là gì? Và khi Upanishad hỏi: *Vidya*, việc biết thật, là gì? thì nó ngụ ý: Phương pháp là gì để được giải thoát? ‘*Vidya*’ mang đích xác nghĩa này.

‘*Vidya*’ nghĩa là: Phương pháp là gì để được giải thoát? Tại đây ‘*vidya*’ không ngụ ý điều chúng ta vẫn hiểu nó ngụ ý.

Phương pháp là gì? Sau khi hiểu tù túng là gì, và giải thoát là gì, thì bây giờ: Phương pháp là gì?

Giả dụ rằng chúng ta đang trong tù, và giả dụ rằng có bầu trời bao la bên ngoài nhà tù và có thể bay trong bầu trời đó, giả dụ rằng có mặt trời bên ngoài những bức tường của bóng tối là việc hoà hợp với mặt trời đó là chỗ trú ngụ của tính bất tử - nhưng thế thì con đường tới đó là gì? Phương pháp là gì? Cho dù chúng ta có biết tù túng là gì và giải thoát là gì, nếu cánh cửa là không được biết tới - đường thoát ra khỏi tù túng và đạt tới giải thoát là không được biết tới - thế thì phải làm gì? Thế thì chẳng cái gì có thể được làm cả.

Phật đã nói về bốn chân lí cao quý, tứ diệu đế, bốn chân lí nền tảng, bốn chân lí cơ sở. Ông ấy nói, “Người biết bốn điều này là biết tất cả.”

Chân lí nền tảng đầu tiên là ở chỗ con người đang trong khổ. Chân lí thứ hai là ở chỗ có nguyên nhân cho khổ đó, ở chỗ người ta không bị khổ mà không có nguyên nhân - bởi vì nếu người ta mà trong khổ chẳng có lí do gì thế thì sẽ không có cách nào để được tự do. Và chân lí thứ ba là ở chỗ cho dù có nguyên nhân, khổ có đó, thì phải có đường ra, bằng không thì sẽ không có khả năng nào vượt lên trên khổ. Cho nên Phật đã nói, “Chân lí thứ nhất là khổ, chân lí thứ hai là nguyên nhân của khổ, và chân lí thứ ba là ở chỗ có con đường để thoát khỏi khổ.”

Nhưng cho dù có khổ, có nguyên nhân cho khổ này, và có con đường để thoát khỏi khổ này, nếu khả năng trở nên thoát khỏi khổ này mà không tồn tại, và nếu trạng thái tự do nơi con người có thể thoát ra khỏi khổ lại không tồn tại, thế thì người đó sẽ

chỉ nhảy từ khổ này sang khổ khác. Cho nên Phật đã nói về chân lí nền tảng thứ tư: sự tồn tại của trạng thái thoát khỏi khổ. Phật đã nói, “Đủ rồi, bốn chân lí này là đủ.”

Tại đây, vidya nghĩa là: Làm sao được tự do? Con đường là gì? Phương pháp là gì? Phương cách cứu chữa là gì?

Có thể chỉ có tù túng, nhà tù, khổ - và con người đang đứng đó bất lực, vô phương cứu chữa! Thế thì tranh đấu sẽ vô nghĩa; thế thì chúng ta sẽ phải được thoả mãn với điều và nơi chúng ta đang hiện hữu; thế thì chúng ta sẽ chỉ phải chấp nhận bất kì cái gì xảy ra như định mệnh của mình. Dù chúng ta là bất kì cái gì, điều đó sẽ là số mệnh của chúng ta; sẽ không có cách nào để thoát ra khỏi nó. Thế thì sẽ là phải mà chấp nhận cái nhà tù này là lâu dài chúng ta mang định mệnh ở đó mà không có khả năng nào để thoát ra - cho nên thế thì phỏng có ích gì mà tạo ra đau khổ không cần thiết bằng việc gọi nó là nhà tù?

Có những nhà tư tưởng tin rằng khổ tồn tại và không có phương cách cứu chữa nào để giải phóng chúng ta khỏi nó; nó là chính bản chất của cuộc sống, việc siêu việt lên là không thể có được.

Diogenes là một nhà tư tưởng Hi Lạp. Khi hoàng đế Hi Lạp đến thăm Diogenes hoàng đế hỏi ông ấy, “Nói cho ta, chân lí vĩ đại nhất của cuộc sống là gì? Nói cho ta về chân lí cao nhất, tối cao nhất.”

Diogenes đáp, “Không có cách nào để biết chân lí vĩ đại nhất đó, cho nên xin để nó đấy và hỏi về chân lí thứ hai.”

Hoàng đế sửng sốt, và ông ta hỏi Diogenes, “Nhưng thế thì ít nhất nói điều gì đó về chân lí thứ nhất này đi.”

Diogenes đáp, “Không, không có cách nào để biết nó, bởi vì chân lí tối cao nhất là: không được sinh ra chút nào. Và bây giờ bệ hạ đã được sinh ra. Chân lí cao nhất là không được sinh ra chút nào. Đây là chân lí thứ nhất. Nhưng bây giờ thì không có cách nào, bệ hạ đã được sinh ra rồi. Ta sẽ nói cho bệ hạ chân lí thứ hai, và đó là: chết đúng sau việc sinh.” Chết đúng sau việc sinh!

“Sao?” hoàng đế hỏi.

Diogenes đáp, “Cuộc sống và khổ của nó là không tách rời; chừng nào bệ hạ còn chưa chết cái chết này, khổ sẽ cứ còn dai

dăng. Sống là khổ. Không có lối ra.”

Một cách tự nhiên, nếu đây là tình huống thế thì không có cách nào ngoại trừ tự tử.

Đã có những nhà tư tưởng tin rằng không có cách nào để thoát khỏi đau khổ của cuộc sống; rằng không có cách nào thoát ra khỏi nhà tù, bởi vì bản thân sự tồn tại là nhà tù, rằng chẳng cái gì tồn tại bên ngoài nó cả. Đó là lí do tại sao câu hỏi này lại có nghĩa: *Vidya là gì, việc biết thật là gì?*

Liệu có cách thức, có phương thuốc chữa nào không, hay chúng ta bất lực? Nếu trường hợp sau xảy ra, thế thì việc cứ giữ lấy mơ mộng là phải rồi, cứ ngủ, coi nhà tù là lâu đài, cho xiềng xích là đồ trang sức. Thế thì điều này sẽ là thông minh. Nhiều người sống với loại thông minh này; họ sống trong lừa dối để không phải nhận biết về khổ và nhà tù bởi vì dường như không có cách nào đi ra khỏi nó.

Vidya, việc biết thật, là gì và avidya, việc biết giả là gì?

Avidya không ngụ ý dốt nát. Nếu ‘*vidya*’ ngụ ý là phương pháp, cách để đạt tới, thế thì nghĩa của ‘*avidya*’ có thể là gì? ‘*Avidya*’ nghĩa là phương pháp có vẻ như phương pháp mà chẳng đưa tới đâu cả: phương pháp giả. Chắc chắn có những phương pháp giả nữa, phương pháp nguy tạo! Có những cánh cửa không tồn tại nhưng chúng lại dường như tồn tại; có những chìa khoá trông đích xác như chìa khoá nhưng chúng không mở được bất kì ổ khoá nào, chúng là vô dụng; người ta có thể chơi với chúng cả đời mình mà chẳng cái gì mở ra cả.

Bất kì nơi đâu có tìm kiếm thì khoá giả đều có thể được phát minh ra bởi vì chúng là tự do, rẻ mạt; chúng dễ dàng có sẵn, chúng có thể được mua ở chợ. Điều bạn gọi là *dharma*, là tôn giáo, nói chung có đến chín mươi chín phần trăm của nó là *avidya*, bởi vì tìm kiếm nông cạn và ham muốn được mọi thứ một cách rẻ mạt tạo ra phương pháp giả trong bãi chợ.

Nhiều con đường tồn tại, phần lớn trong chúng đều là đường giả chỉ dẫn tới quên lãng. Nếu người ta rơi vào quên lãng thì nhà tù không còn nữa. Nếu người ta bị ngậy ngất bởi nhà tù, nhà tù có tồn tại không? Không, trong cơn ngậy ngất cả nhà tù lẫn bản thân người tù đều không tồn tại; mọi thứ biến mất trong vô ý

thức. Và người ngây ngất trở thành hoàng đế của nhà tù này. Người ngây ngất tưởng tượng trong nhà tù của mình rằng mình đang bay cao trên trời. Bây giờ người đó có thể tưởng tượng bất kì cái gì, bởi vì khi người ta ngây ngất, người ta có thể mơ và nhận biết về chân lí bị mất. Giống thế này, người ta có thể thấy linh ảnh Thượng đế. Ai đó thậm chí còn chưa biết tới bản thân mình lại có thể thấy Thượng đế; ai đó thậm chí còn chưa biết tới mình đã biết điều tối thượng. Đây là những phương cách cho lừa dối.

Và thế giới này không bị những người dốt nát làm hại nhiều như cái gọi là những người có hiểu biết, người trao cho bạn chìa khoá giả. Họ được nhiều hài lòng khi cho bạn chìa khoá, còn bạn cũng hài lòng, hài lòng lớn, về việc được cái gì đó cho không mà không mất tiền mua, chẳng phải làm gì. Và phần lớn mọi người đều muốn được cái gì đó mà chẳng phải làm gì cho nó cả.

Bệnh lớn nhất trong các loại bệnh tật của con người là lờ phờ, trì trệ: muốn được cái gì đó mà chẳng mất gì, muốn đạt tới đâu đó mà không phải đi. Trông đợi mục tiêu bước tới mình mà chẳng bước lấy một bước đi - còn cái gì có thể tốt hơn thế nữa? Đám đông nhất định đi theo những người này. Đám đông làm hài lòng cái gọi là những *guru* này và bản ngã của họ được đáp ứng. Cho nên việc khai thác lẫn nhau cứ xảy ra. Cái gọi là các guru với chìa khoá giả luôn sẵn có đấy; còn đệ tử nữa cũng sẵn có, sẵn sàng mua các chìa khoá này. Và như vậy thương mại cứ tiếp diễn.

‘Avidya’ nghĩa là những phương pháp không mở cánh cửa nào, nhưng chúng cho ảo tưởng rằng việc mở tồn tại. Đó là lí do tại sao người truy tìm hỏi:

Vidya là gì? Avidya là gì? Thức, mơ, ngủ và turiya - cái thứ tư - bốn trạng thái này là gì?

Trong thực tế phân biệt giữa vidya và avidya không thể được hiểu nếu bốn trạng thái này của thức, mơ, ngủ và *turiya* không được hiểu.

Trong lịch sử nhân loại, những người tìm kiếm đầu tiên trên trái đất đề cập tới bốn trạng thái của tâm thức con người là ở Ấn Độ. Tâm lí học phương Tây cho tới giờ vẫn còn xoay vòng quanh trạng thái thức; mãi tới năm 1900, tâm lí học phương Tây

vẫn hoàn toàn bị thu hút vào trạng thái thức. Bất kì thảo luận nào về trạng thái mơ cũng đều bị coi là thiếu hiểu biết. Bất kì ai nói về trạng thái mơ đều bị coi là điên. Cái gì có đó trong mơ? Mơ chỉ là mơ, cái gì khác có đó cho nó? Nhưng trong năm mươi năm qua, khi tâm lí học đã đi sâu hơn vào việc hiểu tâm trí con người, đi sâu vào trong việc điều tra các bệnh mất trí, họ dần dần bắt đầu nhận ra rằng dưới trạng thái thức có một tầng của mơ mà thậm chí còn có ý nghĩa hơn là trạng thái thức. Cho đến lúc đó thì mơ vẫn bị coi chỉ là mơ - một vùng vô nghĩa chỉ có tưởng tượng của con người; không cần phải để ý tới nó. Các nhà tư tưởng của phương Tây hay cưỡi phương Đông, nơi người ngu thậm chí vẫn nói về các giấc mơ. Nhưng bây giờ, ngày nay, do nỗ lực của Freud, Jung và Adler, các nhà tâm lí thường nói về mơ.

Nếu bạn tới nhà tâm lí, người đó trước hết sẽ hỏi về mơ của bạn, bởi vì theo ông ta thì bất kì cái gì xảy ra trong trạng thái thức của bạn cũng chỉ là bề mặt, nó không thực sự phản ánh thực tại của bạn; chỉ mơ mới phản ánh thực tại của bạn. Thực tại qua mơ sao? - bởi vì bạn không thể lừa dối trong mơ được. Con người đã trở thành chuyên gia trong lừa dối. Bạn có thể nói về vô dục cả ngày, nhưng mơ của bạn sẽ nói vô dục của bạn đi sâu thế nào; bạn có thể dễ dàng nhin ăn cả ngày, nhưng mơ của bạn sẽ nói ham muốn của bạn về thức ăn sâu đến mức nào. Vậy mà con người vẫn chưa tìm ra được cách lừa dối mơ của mình. Mơ của người đó làm lộ ra thực tại của người đó. Trong mơ kẻ cắp là kẻ cắp và thánh nhân là thánh nhân. Trạng thái thức không tin cậy được; có kẻ cắp trong thánh nhân, và đôi khi thậm chí thánh nhân lại có vẻ như kẻ cắp. Trạng thái thức là không thể tin cậy được. Trạng thái thức không tin cậy được chút nào, bởi vì con người thao túng trạng thái thức theo đủ mọi cách, tô vẽ nó theo đủ mọi cách.

Cho nên điều bạn giả vờ trong trạng thái thức của bạn là hoàn toàn giả dối và tựa mơ. Và chẳng có gì đúng hơn mơ của bạn, bởi vì cho tới giờ bạn không thể lừa dối được trong mơ. Nếu bất kì ai phát hiện ra cách làm điều đó, mơ của bạn cũng sẽ bắt đầu là giả; nhưng cho tới giờ không ai đã phát hiện ra cách làm điều đó. Nếu

bạn phát hiện ra một kĩ thuật như thế một ngày nào đó, bạn có thể chọn là thánh nhân trong mơ của mình. Nhưng cho tới giờ bạn không thể nào thao túng được mơ của mình, cho tới giờ bạn không thể chỉ huy được mơ của mình, bạn chưa thể thấm sâu vào trong chúng; bạn vẫn còn đứng ngoài chúng. Đó là lí do tại sao khi mơ của bạn được điều tra, thì thực tại sâu hơn của bạn trở nên được biết tới; tầng thứ hai này sâu hơn.

Bạn có một tầng trên, đó là trạng thái thức. Bạn làm gì trong thế giới này từ sáng tới tối? Tất cả mọi tưng niệm, tôn thờ và cầu nguyện - không, chúng không phải là điều sâu sắc. Điều bạn làm trong mơ còn sâu lắng hơn; chúng đem lên bề mặt trạng thái hiện hữu bên trong của bạn. Cho nên các nhà tâm lí bây giờ chấp nhận rằng ngay cả mơ cũng không chỉ đơn thuần là mơ, và trong thực tế nó còn đúng hơn trạng thái thức.

Vấn đề là, bốn trạng thái này là gì? Bởi vì không hiểu bốn trạng thái này thì sẽ không thể nào đi vào trong thiền được. Mọi người nói rằng họ muốn biết cái ta thực của mình. Có lẽ họ nghĩ rằng có cách trực tiếp để biết cái ta thực của mình. Không, trước hết bạn phải biết trạng thái thức là gì, trạng thái mơ là gì, trạng thái ngủ là gì, turiya là gì. Thế, chỉ thế thì bạn mới có thể đi vào bản thể bên trong của bạn. Turiya là bản thể bên trong của bạn.

Đây là mối quan tâm lớn của tâm lí học. Bây giờ phương Tây đã chấp nhận rằng mơ là có ý nghĩa. Một thiên tài như Freud đã cống hiến cả đời mình để nghiên cứu mơ của mọi người. Nhưng phương Tây vẫn không chấp nhận tầng thứ ba. Phương Tây vẫn chưa truy tìm, “Giấc ngủ không mơ là gì?” bởi vì họ nghĩ rằng giấc ngủ đơn thuần là giấc ngủ, như họ vẫn thường nghĩ rằng mơ đơn thuần là mơ. Bây giờ họ nghĩ rằng giấc ngủ đơn thuần là giấc ngủ, vấn đề của thanh thoi - người ta mệt và ngủ. Nhưng hoài nghi đã bắt đầu nảy sinh.

Sau năm 1950, trong hai mươi năm này, hoài nghi đã nảy sinh, và bây giờ họ đã bắt đầu nghĩ rằng giấc ngủ không đơn thuần là giấc ngủ. Cho nên bây giờ, ở Mỹ, mười phòng thí nghiệm chính đang làm việc về vấn đề giấc ngủ sâu. Điều đã trở thành rõ ràng cho họ trong hai mươi năm này là chừng nào chúng ta còn

chưa hiểu giấc ngủ thì sẽ khó mà hiểu con người - bởi vì con người sống sáu mươi năm, ngủ đã mất hai mươi năm.

Đây không phải là một tỉ số nhỏ! Hai mươi năm ngủ trong quãng đời sống sáu mươi năm! Một phần ba thời gian chỉ dành cho giấc ngủ! Cho nên ngủ phải có ý nghĩa sâu sắc, nó phải có mục đích. Nó là phần bản chất của cuộc sống. Con người có thể sống ba tháng không thức ăn, nhưng không thể sống được nếu không ngủ; con người có thể nhịn ăn ba tháng, nhưng không thể sống được nếu không ngủ.

Một điều đáng ngạc nhiên hơn đã lôi kéo sự chú ý của các nhà tâm lí phương Tây là ở chỗ con người cũng sẽ phát điên nếu người đó không mơ. Người đó không thể sống được nếu không mơ. Nếu một người được phép ngủ nhưng không được phép mơ.... Họ đã tiến hành những thực nghiệm, bởi vì máy móc bây giờ có sẵn có thể chỉ ra khi nào bạn mơ và khi nào bạn ngủ. Khi bạn mơ, cái kim chuyển động rất nhanh, bởi vì não đang hưng phấn khi bạn mơ. Ngay cả bằng việc chạm vào mắt bạn trong giấc ngủ cũng có thể biết được liệu bạn có đang mơ vào lúc đó hay không, bởi vì khi bạn mơ thì mắt bạn chuyển động theo cùng cách như chúng chuyển động trong trạng thái tỉnh khi bạn đang nhìn.

Và dần dần vấn đề trở nên rõ ràng là các chuyển động mắt sẽ xác nhận kiểu mơ nào bạn đang có. Khi bạn thấy mơ mang tính dục, mắt bạn chuyển động rất nhanh. Các xung trong não và tần số chuyển động của mắt đã được quan sát. Bây giờ bạn không còn có thể không quan tâm rằng người khác sẽ chẳng bao giờ biết được về mơ của bạn; người ngồi trong phòng của bạn có thể biết được tất cả điều bạn đang làm bên trong! Chẳng chóng thì chầy chúng ta sẽ có khả năng phân loại những chuyển động mắt khác nhau và những cách đo khác nhau về các xung não của bạn và chúng mang ý nghĩa gì. Thế thì chúng ta sẽ biết các thánh nhân đang có những kiểu mơ nào!

Khám phá mới nhất là ở chỗ nếu con người không được phép mơ.... Con người mơ quãng tám tới mười lần trong quá trình một đêm. Có giấc ngủ sâu và giữa chúng có những mơ - cho nên khi máy chỉ ra rằng ai đó đang mơ thì người đó ngay lập tức bị

đánh thức dậy. Ngay khi người đó bắt đầu mơ thì người đó bị đánh thức dậy; mơ bị làm gián đoạn, và lần nữa người đó lại được phép ngủ

- người đó được phép ngủ chừng nào người đó chưa bắt đầu mơ lại. Ngay khi người đó bắt đầu mơ thì người đó lại bị đánh thức dậy. Kết quả thật đáng ngạc nhiên: dù bạn có ngủ nhiều bao nhiêu, nếu bạn không được phép mơ thì sau mười lăm ngày bạn bắt đầu phát điên. Mơ là cần thiết, bằng không bạn sẽ phát điên.

Bạn có thể nghĩ rằng mơ quấy rối bạn quá nhiều; nhưng đó là cửa ra cho điên khùng của bạn. Nếu bạn bị ngăn cản không được mơ, bạn chắc chắn sẽ phát điên bởi vì cái vẫn còn lại bên trong bạn sẽ quấy rối bạn cả ngày. Nếu nó không được phép thoát ra trong đêm, nó sẽ trôi lên bề mặt trong ngày. Cho nên tốt hơn cả là nó được thoát ra trong bóng tối của ban đêm, bởi vì nếu mà nó tới vào ban ngày, nó sẽ gây rắc rối. Nếu cơn giận, mà bạn thường vứt nó đi bằng việc giết ai đó trong mơ của mình trong đêm, bị kìm nén trong mười lăm ngày, thì bạn thực tế sẽ giết ai đó - sẽ có tích lũy giận dữ tới mức bạn sẽ phải giết người.

Mơ là cần thiết. Chừng nào ý thức còn chưa đạt tới turiya, mơ là cần thiết. Chỉ ai đó đạt tới turiya thì mới không cần mơ, không cần ngủ, thậm chí không cần trạng thái thức; người đó đi qua cả ba, nhưng người đó không cần tới chúng. Người đó tỉnh thức ngay cả trong mơ, người đó tỉnh thức trong ngủ say; người đó cũng tỉnh thức trong trạng thái thức. Chúng ta mơ ngay cả trong trạng thái thức, chúng ta thậm chí mê trong trạng thái thức.

Bốn trạng thái này là gì?

Trong nửa thứ hai của thế kỉ hai mươi các nhà tâm lí bắt đầu nghĩ rằng giấc ngủ sâu cũng cần được điều tra. Nếu trạng thái ngủ của ai đó có thể được hiểu chính xác, sẽ dễ hiểu nhân cách của người đó và bản tính thực của người đó. Giấc ngủ cũng có những phẩm chất. Mọi người không ngủ trong cùng trạng thái ngủ sâu. Nhưng ngay cả bây giờ, các nhà tâm lí cũng vẫn chưa nhận biết về turiya, trạng thái thứ tư. Nhưng Jung đã nói, “Chúng ta phải chấp nhận phát hiện của phương Đông rằng mơ là có giá trị và rằng chúng nên được điều tra.”

Khi Upanishads được dịch lần đầu tiên ở phương Tây, mọi người đều hỏi, “Upanishad này là gì vậy? Có tâm linh gì trong việc truy tìm vào mơ? Hỏi về điều thiêng liêng, về giải thoát, thì có thể hiểu được... nhưng hỏi về mơ sao? Việc truy tìm này là gì? Và việc truy tìm này lại do người Hindu thực hiện, người tin rằng thế giới này là *maya*, mơ. Và họ đang truy tìm về mơ!” Cho nên Jung đã nói, “Bây giờ, bằng việc cúi đầu mình, chúng ta phải chấp nhận rằng trạng thái mơ còn quan trọng hơn trạng thái thức.”

Nhưng Jung đã chết rồi; ông ấy chẳng bao giờ nhận biết rằng các nhà tâm lý bây giờ đã phải chấp nhận tầm quan trọng của giấc ngủ. Hiện tượng này càng sâu, nó càng trở nên giá trị hơn. Vậy mà họ vẫn không nhận biết rằng có trạng thái đằng sau trạng thái ngủ, điều không phải là một trạng thái mà là bản thân cái ta, được gọi là *turiya*.

Đây là ba trạng thái: thức, mơ, ngủ; và cái thứ tư thì không phải là trạng thái - đó là tự tính của chúng ta, sự hiện hữu của chúng ta.

Cho nên việc truy tìm là có giá trị. Chúng ta sẽ thăm dò vào câu trả lời trong Upanishad lần lượt từng trạng thái một.

Năm thể này là gì?

- *annamay*, được tạo nên từ thức ăn; *pranamay*, được tạo nên từ sinh lực; *manomay*, được tạo nên từ năng lượng tâm lý; *vigyanamay*, được tạo nên từ nhận biết; *anandamay*, được tạo nên từ phúc lạc.

Chúng ta đã nghe nói về 'linh hồn' và việc tìm kiếm của nó, nhưng chừng nào chúng ta chưa biết thể vật lý là gì, chúng ta không tìm được linh hồn. Đây là việc tìm kiếm rất khoa học.

Thể là gì? Nếu như chỉ có một thể thì sự việc đã dễ dàng, nhưng chúng ta có năm thể bên trong bản thân mình. Upanishad đã chia các tầng của các thể của chúng ta thành năm phần. Phần thấy được ở bên ngoài là thể *annamay*. Ẩn đằng sau nó là thể *pranamay* - điều các nhà khoa học ở phương Tây gọi là năng lượng sinh học. Phương Đông đã gọi nó là *prana*; nó là thể năng lượng. Nó là tầng thứ hai bên trong thể vật lý này. Đằng sau nó là thể *manomay*, thể của tâm trí, của năng lượng tâm lý. Những người đã đi vào cuộc hành trình bên trong đều biết rằng tâm trí cũng là một thể. 'Thể' chỉ nghĩa là bạn được bao quanh bởi một tầng của nó. Đằng sau tâm trí có một thể nữa gọi là thể *vigyanamay*.

Điều này chúng ta gọi là ý thức, khả năng của việc biết. Khả năng biết cũng là một thể. Đằng sau đó Upanishads chấp nhận một thể nữa mà họ gọi là thể *anandamay*, thể phúc lạc. Những thoáng nhìn về hạnh phúc mà ngẫu nhiên chúng ta cảm thấy trong cuộc sống đều là việc xảy ra trong thể phúc lạc của chúng ta.

Đây là năm thể. Đằng sau năm thể này tồn tại sự hiện hữu bên trong của chúng ta. Đây là năm bức tường của nhà tù của chúng ta; năm thể này là các nhà tù của chúng ta. Điều thiêng liêng ở bên trong cũng như bên ngoài năm bức tường này. Với việc sụp đổ của năm bức tường này, bên trong và bên ngoài trở thành một. Đôi khi chúng ta có khả năng thấm qua năm bức tường này và chạm tới điều thiêng liêng bên ngoài. Đôi khi điều thiêng liêng bên ngoài có khả năng chiếu tia sáng của nó xuyên qua năm bức tường này và chạm vào bên trong chúng ta. Nhưng hiếm khi điều này xảy ra; hiện tượng này hiếm khi xảy ra.

Đôi khi, trong tình yêu sâu sắc với ai đó, bạn có thể bỗng nhiên vượt ra ngoài năm bức tường này và bạn có được thoáng nhìn về điều thiêng liêng ở phía bên kia. Nhưng điều này chỉ là thoáng nhìn. Thoáng nhìn tới rồi tan biến. Đây là lí do tại sao khi bạn trong tình yêu với ai đó, người kia không có vẻ chỉ là một người, anh ấy hay cô ấy có vẻ như là điều thiêng liêng. Điều này không thể nào sai lầm được; nó là thoáng nhìn, nhưng nó chỉ là thoáng nhìn. Hiện tượng này xảy ra bởi vì năm bức tường đã bị xuyên thấu qua - một chút ít hương thơm đi vào bạn. Nó sẽ không xảy ra hàng ngày. Đây là lí do tại sao những người yêu lại thấy mình trong khó khăn lớn về sau, bởi vì về sau người ta thấy rằng người đàn ông này chỉ là người thường, hay người đàn bà này chỉ là người thường. Thoáng nhìn đó đã đi đâu mất rồi? Nó đã biến mất, nó chỉ là cái thoáng qua.

Thoáng nhìn đó sẽ chỉ tới trong khoảnh khắc rất nhạy cảm nào đó. Đôi khi nó tới khi ngắm hoa nở; đôi khi, xuyên qua năm thể, người ta có được thoáng nhìn khi ngắm đám mây bồng bềnh trên trời; đôi khi mặt trời lên vào buổi sáng và các tia sáng của nó chạm tới không chỉ thân thể mà còn xuyên qua năm thể, chạm tới cái gì đó bên trong.

Chính trong những thoáng nhìn đó mà khái niệm về tôn giáo đã được sinh ra trên thế giới. Hiền nhân đang tắm trong dòng sông... mặt trời lên, và ông ấy đang đứng trên bờ sông mới tắm xong còn tươi tắn và ánh mặt trời đi vào ông ấy.... Mặt trời trở thành thiên thần, mặt trời trở thành thần với ông ấy. Kinh nghiệm của ông ấy hoàn chỉnh trong bản thân nó. Nhưng bây giờ mọi người đứng đó chấp tay trong lời cầu nguyện bởi vì mặt trời đã trở thành thần, mặc dầu họ không thể thấy có điểm sâu sắc gì trong nó. Các sách khoa học nói rằng mặt trời chẳng là gì ngoài quả bóng lửa, và điều này người đó có thể hiểu được, nhưng về thần này thì người đó chẳng có ý tưởng gì hết cả.

Các nhà xã hội học nói rằng có lẽ khi nhìn mặt trời mọi người trở nên sợ hãi và do vậy họ coi mặt trời là thần. Tất cả các tôn giáo đều được sinh ra từ sợ hãi. Mọi người có thể đã sợ lửa, cho nên để bày tỏ kính trọng nó và để thuyết phục lửa đừng làm hại họ hay mặt trời đừng làm hại họ, mọi người đã quì xuống để tôn thờ với đôi tay chấp lại. Đây là hiểu nhầm hoàn toàn. Với nhận biết về năm thể này, cuộc hành trình bên trong bắt đầu.

Người làm là gì? Linh hồn hiện thân này là gì?

Năm loại này là gì? Ai là người biết?

Ai là nhân chứng?

Ai là người ở chỗ sâu nhất?

Ai là người biết về tất cả các ý nghĩ và cảm giác?

Những điều này nghĩa là gì? Tương tự:

Jeevatma, linh hồn cá nhân, là gì, và paramatma, linh hồn vũ trụ là gì? Maya, ảo tưởng là gì?

Những điều này là gì?

Những câu hỏi này là lời mở đầu, thế rồi Upanishad đi vào trong những câu trả lời. Cố hiểu những câu hỏi này cho đúng. Trong bài nói sáng nay, hiểu tâm trí hay hỏi đi; hiểu chiều hướng đúng của câu hỏi. Câu trả lời là không khó, câu hỏi mới thực là vấn đề - bởi vì câu trả lời phải được sinh ra bên trong người hỏi. Câu trả lời không tới từ bên ngoài, câu trả lời không phải ở bên ngoài, nó là ở bên trong bạn. Nếu bạn có thể hỏi câu hỏi đúng, thì câu trả lời đúng bắt đầu nảy sinh trong bạn. 'Câu hỏi đúng' nghĩa là bạn đã bắt đầu chạm vào câu trả lời bên trong mình. Câu hỏi sai nghĩa là bạn không

chạm vào nó chút nào và câu trả lời không bao giờ tới. Câu trả lời có thể được trao từ bên ngoài, nhưng nó không bao giờ đạt tới bạn.

Giao cảm là cần thiết: câu trả lời nên rộn ràng bên trong bạn, và thế thì, khi nó cũng được trao cho từ bên ngoài, chỉ thế thì bạn mới có thể nhận được câu trả lời, bằng không thì không nhận được. Chừng nào bạn còn chưa cảm thấy một sự đáp ứng sâu sắc khi những sợi dây đàn bên ngoài được chơi, chừng nào chiếc đàn *veena* bên trong của bạn còn chưa vang lên, thì cây đàn *veena* bên ngoài có thể tiếp tục chơi đấy nhưng nó sẽ vô tác dụng.

Thông qua Upanishad, tôi sẽ trao cho bạn câu trả lời từ bên ngoài. Nhưng điều đó sẽ không đủ. Nhạy cảm cần được tạo ra bên trong bạn để cho câu trả lời chạm vào đúng chỗ bên trong. Và để chạm vào đúng chỗ thì tất cả lại là vấn đề đấy. Nếu bạn có vang vọng này bên trong, câu trả lời từ bên ngoài có thể có ích; câu trả lời này được hiển lộ ra tại điểm gặp gỡ của cả hai. Và có thể là câu trả lời bên ngoài không cần thiết còn câu trả lời bên trong thì hiển lộ theo cách riêng của nó, nhưng không bao giờ có khả năng câu trả lời bên ngoài được hiển lộ mà không có vang vọng của câu trả lời bên trong. Bên ngoài là phụ - nó có sự tiện dụng của nó, nhưng nó là phụ; nó là cần, nhưng không phải bản chất.

Cho nên có thể là câu trả lời được hiển lộ mà không có câu trả lời nào tới từ bên ngoài. Nếu câu hỏi là sâu sắc, thành tâm, chân thành tới mức cả cuộc sống người ta đem ra đánh cược, thế thì câu trả lời được hiển lộ thậm chí không có câu trả lời bên ngoài. Nhưng theo cách khác thì không thể được - không bao giờ có thể được. Phật có thể đứng bên ngoài, Mahavira có thể đứng đó, Krishna có thể đứng đó và Christ có thể đứng đó, và tất cả họ có thể hô lên câu trả lời, nhưng nếu không có nhạy cảm, nếu không có ước ao, không có khao khát, không có mong mỏi, thì không có cách nào - tất cả những câu hỏi đó, tất cả những câu trả lời đó đều phí hoài.

Từ tối nay chúng ta sẽ bắt đầu hiểu những câu trả lời này.

Bây giờ chúng ta sẽ tiến hành thiền để đánh thức nhạy cảm bên trong. Nếu nhạy cảm có đó, chúng ta có thể đi vào trong câu trả lời.

Cho nên hiểu đôi điều về phương pháp của cách thiền này. Điều thứ nhất... ngồi đấy, trước hết nghe tôi, thế rồi bạn có thể trải rộng ra.

Trong mười lăm phút đầu của thiền sẽ có *kirtan*, ca hát và nhảy múa sùng kính. Làm cho bạn chìm ngập hoàn toàn trong nó. Nếu bạn kìm lại cho dù chỉ chút xíu thôi bạn sẽ bỏ lỡ bước đầu tiên, và thế thì sẽ không có câu hỏi về việc làm bước thứ hai. Cho nên ai đó dù chỉ biểu lộ chút ít hà tiện cũng hoàn toàn ngu xuẩn. Tốt hơn cả là người đó nên rời khỏi đây; người đó đang làm nỗ lực vô ích.

Lưu tâm: hoặc đem mọi thứ ra đặt cược, hoặc không làm điều đó một chút nào. Nỗ lực nửa vời sẽ không có tác dụng. Hoặc dâng hiến toàn bộ bản thân bạn, hoặc không chút nào; đừng làm việc không cần thiết, bởi vì nỗ lực nửa vời đem lại kết quả sai. Bạn sẽ cảm thấy rằng bạn đã thử nó mà chẳng cái gì xảy ra cả. Điều đó tạo ra thất vọng. Không, đừng làm nó chút nào, thế thì ít nhất hi vọng sẽ còn tiếp tục và bạn sẽ thu lấy đúng cảm trong một kiếp sống khác. Đừng nỗ lực hờ hững. Đun sôi lên một trăm độ, thế thì việc bay hơi có thể xảy ra. Tham dự theo cách hờ hững và thế rồi nguôi đi, lại lặp lại điều này lần nữa, dần dần bạn sẽ mất mọi hi vọng rằng bạn nữa cũng có thể đun sôi lên một trăm độ và bay hơi.

Cho nên điều đầu tiên cần được ghi nhớ là đi một cách toàn bộ vào trong kirtan trong mười lăm phút. Với

'toàn bộ' tôi ngụ ý phát điên hoàn toàn; kém hơn thế sẽ không có tác dụng. Vải che mắt phải được đeo trên mắt bạn, với mắt nhắm. Trải rộng ra - bạn có đủ không gian ở đây - trải rộng ra khắp nơi để cho bạn có thể nhảy múa tự do.

Nhảy múa trong mười lăm phút trong kirtan, thế rồi việc hát sẽ dừng lại và âm nhạc vẫn tiếp tục. Trong mười lăm phút đó bạn phải nhảy múa một cách cá nhân theo nhạc. Bất kì năng lượng nào bạn có, dùng nó một cách toàn bộ. Trở thành một luồng năng lượng, để cho vũ công biến mất và chỉ điệu vũ còn lại. Để cho âm nhạc trở thành tất cả và bạn nhảy múa với âm nhạc đó. Nếu bạn có thể làm điều đó với toàn bộ sự mãnh liệt, bạn lập tức sẽ cảm thấy rằng mình đã trở nên tách rời với thân thể. Việc tách ra khỏi thân thể không phải là rất khó - tách khỏi thân thể là rất dễ.

Nếu bạn dùng toàn bộ năng lượng của mình, bạn lập tức trở nên tách khỏi thân thể. Đây là khoa học đằng sau nó.

Cho nên việc hát kirtan sẽ tiếp tục trong mười lăm phút tất cả, thế rồi nó sẽ dừng lại và sẽ chỉ có nhạc - không có hát theo nhóm, chỉ còn nhảy múa... và đặt toàn bộ năng lượng của bạn vào trong nó. Bước thứ hai sẽ tiếp tục trong mười lăm phút. Nếu bạn muốn hét, bạn có thể hét, nhưng hát kirtan sẽ dừng lại. Làm bất kì điều gì bạn cảm thấy thích làm. Nếu cảm giác về hát kirtan vẫn còn dai dẳng với ai đó, người đó có thể tiếp tục theo cách riêng của mình, nhưng hát tập thể sẽ dừng. Một cách cá nhân bạn có thể làm bất kì cái gì bạn muốn làm - nhưng bạn phải không dừng. Đặt toàn bộ năng lượng của bạn vào trong nó trong mười lăm phút.

Thế rồi chúng ta sẽ thành thoi trong ba mươi phút. Nằm dài ra trên đất trong ba mươi phút như cái xác. Bạn có thể nằm ngửa hoặc nằm nghiêng... bất kì tư thế nào thoải mái cho bạn. Nếu ai đó cảm thấy thích đứng, người đó có thể đứng; nếu ai đó muốn ngồi, người đó có thể ngồi. Nhưng là cái xác. Đứng, đứng theo cách mà nếu bạn ngã, bạn sẽ ngã như cái xác. Đừng can thiệp. Tôi sẽ cho bạn vài điều gợi ý trong ba mươi phút này. Khi tôi gợi ý bạn xoa trán bằng lòng bàn tay, tụt tấm khăn che mắt lên trên hay xuống dưới một chút trong một hai phút này. Đó là tất cả những gì tôi sẽ gợi ý để bạn làm trong ba mươi phút này. Khi bạn đã hoàn tất ba mươi phút đầu tiên này, tôi sẽ tiếp tục gợi ý bạn về điều bạn sẽ làm cho ba mươi phút tiếp, và bạn sẽ đi vào cuộc hành trình bên trong.

Nếu cuộc hành trình này có thể được tiến hành, thì câu trả lời của Upanishad sẽ là hiểu được; bằng không thì bạn sẽ bỏ lỡ. Không ai được phép tới vùng cao này. Trải rộng khắp trên đất.

3 Hiền nhân trả lời

Linh hồn là cả hai: vũ trụ và cá nhân.

Qua việc đồng nhất với thân thể, vốn là của cái ta mà không phải là linh hồn, linh hồn trở nên bị sở hữu bằng cảm giác về bản ngã quanh thân thể.

Cảm giác về bản ngã này là sự tù túng của cá nhân, linh hồn được hiện thân.

Khi cảm giác này về bản ngã dừng lại, thì nó được gọi là giải thoát.

Cái cho sinh thành ra cảm giác về bản ngã này được gọi là avidya, việc biết giả, còn cái dẫn tới việc dừng của cảm giác bản ngã này được gọi là vidya, việc biết thật.

Tù túng là gì? Giải thoát là gì? Bây giờ tới câu trả lời cho những câu hỏi này.

Có hai phương pháp, hai cách thức tìm kiếm để hiểu cuộc sống, để hiểu sự tồn tại. Một phương pháp là phương pháp phân tích, và phương pháp kia là phương pháp tổng hợp. Một phương pháp thuộc vào khoa học, phương pháp kia thuộc vào tôn giáo.

Khoa học qui mọi thứ về đơn vị nhỏ nhất của chúng, và qua điều này nó tích lũy tri thức. Khoa học mổ xẻ các đối tượng thành những phần chi li, và chỉ qua mổ xẻ này mà tri thức của khoa học mới được sinh ra.

Quá trình tôn giáo là đối lập lại. Tôn giáo tổng hợp từng và mọi đơn vị bằng cái toàn thể tối thượng, tổng hợp các bộ phận bằng cái toàn thể, thống nhất cái phân chia được thành cái không phân chia được. Chỉ khi mọi thứ là một, tôn giáo mới trở thành tri thức tối thượng.

Hiểu điều đó như thế này. Có một đoá hoa: bạn có thể mổ xẻ nó ra. Nhà khoa học sẽ mổ xẻ nó; để nghiên cứu hoa ông ta sẽ phân tích nó ra thành các cấu phần hoá học, phân tích nó ra thành các yếu tố - nó chứa bao nhiêu chất khoáng, nó chứa bao nhiêu nước, nó chứa những hoá chất nào. Ông ta sẽ mổ xẻ và phân

tích, và có khả năng mô tả các cấu phần của hoa. Nhưng không nhà thơ nào sẽ đồng ý với điều đó; người yêu cái đẹp sẽ gọi việc phân tích này là kẻ sát hại bởi vì trong chính việc phân tích đó đoá hoa bị phá huỷ. Điều chúng ta đã đi tới biết được không phải là đoá hoa. Điều chúng ta đã tìm thấy qua việc phân tích có thể rất đúng là những thành phần cấu tạo nên đoá hoa, nhưng bản thân đoá hoa là cái gì đó khác. Chúng ta đi tới biết các bộ phận của đoá hoa bằng việc phân tích chúng, nhưng bản thân đoá hoa vẫn còn không được biết tới; nó biến mất trong chính việc mổ xẻ và phân tích.

Cái đẹp của đoá hoa sẽ không có đó trong những chai dán nhãn chứa những bộ phận của đoá hoa sau khi nhà khoa học đã mổ xẻ nó; cái đẹp đó là ở tính toàn thể của đoá hoa, trong việc nở hoa toàn bộ của đoá hoa. Cái đẹp đó không có trong các bộ phận của nó, nó là ở trong tính toàn bộ của đoá hoa.

Hiểu điều đó như thế này: ai đó đã viết một bài ca - chúng ta có thể biết bài ca đó tốt hơn bằng việc mổ xẻ nó ra không? Nhà ngôn ngữ học, nếu được yêu cầu giải thích bài ca này, thì có thể giải thích cách bài ca được viết ra, những từ nào đã được dùng, những qui tắc văn phạm nào đã được áp dụng - nhưng bài ca sẽ bị mất đi, bởi vì bài ca không có trong văn phạm của nó. Bài ca, khi được hiểu sâu sắc, không chỉ là tổng cộng của các từ của nó... nó còn nhiều hơn thế, một cái gì đó thêm nữa. Cái thêm nữa đó bị mất đi.

Cho nên khoa học tìm kiếm đơn vị tinh vi nhất, những hạt tối thượng, nhưng nó lại không mô tả được cái toàn thể - nó bỏ lỡ điều thiêng liêng. Tôn giáo nói rằng cái nổi lên từ sự thống nhất hữu cơ của cái toàn thể là điều thiêng liêng. Hai loại tri thức này là hoàn toàn khác nhau, trong thực tế hoàn toàn mâu thuẫn. Nhưng đây lại là hai cách mà theo đó người ta có thể biết được.

Phân tích không bao giờ có thể đưa chúng ta vượt ra ngoài vật chất; nó sẽ không bao giờ làm được. Không, điều đó là không thể được. Thật vô ích mà đi hi vọng rằng một ngày nào đó khoa học sẽ tuyên bố sự tồn tại của Thượng đế. Nhà khoa học có thể nói về sự tồn tại của cái gì đó thiêng liêng, nhưng đó không phải là phát biểu của khoa học.

Trong những ngày cuối của mình Einstein đã bắt đầu kinh nghiệm về sự tồn tại của điều gì đó thiêng liêng - nhưng đó là phát biểu của một nhà khoa học, không phải là phát biểu của khoa học. Nó cũng giống thế này: nhà khoa học yêu ai đó và nói rằng cô ấy là người đàn bà đẹp nhất trên trái đất. Đây không phải là một phát biểu của khoa học mà là phát biểu của nhà khoa học đó. Nhà khoa học có thể cảm thấy phúc lạc khi ngắm một đoá hoa và có thể nhảy múa trong cực lạc, nhưng điều này lại không phải là điệu vũ của khoa học, nó là điệu vũ của nhà khoa học.

Nhưng những người tôn giáo lại thường nghĩ... nếu đôi khi một nhà khoa học thừa nhận sự tồn tại của Thượng đế - một Eddington nào đó, hay Oliver Lodge, hay một Einstein - những người tôn giáo lập tức bắt đầu nghĩ rằng bây giờ khoa học cũng đang nói về Thượng đế. Điều đó là hoàn toàn sai. Những phát biểu này là mang tính cá nhân, chúng chẳng liên quan gì tới khoa học cả.

Khoa học sẽ không bao giờ có khả năng nói về Thượng đế, về thực tại tối thượng, bởi vì chính phương pháp được khoa học sử dụng dẫn tới phân chia, nó không dẫn tới tổng hợp, tới cái toàn thể. Sẽ là vấn đề khác nếu một ngày nào đó khoa học sử dụng phương pháp của tôn giáo và thế thì nó có khả năng nói về điều thiêng liêng, nhưng thế thì nó sẽ không còn là khoa học nữa, nó đã trở thành tôn giáo rồi.

Câu trả lời của hiền nhân này bắt đầu bằng điều này: *Linh hồn là cả hai: vũ trụ và cá nhân.*

Khả năng đó của nhận biết, của ý thức, người biết này bên trong con người, người quan sát, người chứng kiến, đây là điều Upanishads gọi là linh hồn.

Nhưng phát biểu này rất lạ. Nó nói: “Linh hồn, cái ta là Thượng đế. Không có Thượng đế nào khác hơn cái ta này.” Đây là cách thức tổng hợp. Cái ta cá nhân ở bên trong bạn, và cái ta vũ trụ là tên của toàn bộ sự tồn tại.

Bạn có một giọt nước... nếu bạn hỏi nhà khoa học, “Đại dương là gì?” ông ấy sẽ nói nó chẳng là gì khác hơn tổng của nhiều, nhiều giọt nước. Và ông ấy không sai. Nếu bạn chia đại dương ra, bạn thu được gì ngoài những giọt nước? Nhưng đại

dương có thực chỉ là các giọt nước hay không? - bão và sóng không thể phát sinh trong giọt nước được. Đại dương là cái gì đó còn hơn nữa, còn hơn chỉ là một giọt nước. Nhưng thế thì khoa học sẽ hỏi, “Đại dương ở đâu? - nếu chúng ta lấy hết mọi giọt nước ra thì chẳng đại dương nào còn lại cả.” Và họ là phải.

Nếu bạn chặt cụt tay tôi, chân tôi, chặt đầu tôi, chặt mọi chi - thể thì cái gì của tôi còn lại? Vậy mà tôi còn nhiều hơn là chỉ tay và chân mình, và thậm chí khi chân tôi có bị chặt đi thì tôi vẫn còn nhận biết rằng tôi vẫn đang ở đây, rằng không phải là tôi đang bị chặt cắt. Ngay cả khi đầu tôi bị chặt thì tôi cũng vẫn hoàn toàn có ý thức... không chỉ những người khác đang quan sát cái đầu này bị chặt, tôi cũng sẽ quan sát nó bị chặt.

Khi họ giết chết Mansoor bằng việc chặt các chi của ông ấy từng cái một, ông ấy đã cười. Ai đó trong đám đông hỏi ông ấy, “Mansoor, ông có phát điên không đấy? Ông đang bị giết chết vậy mà ông lại cười.”

Mansoor đáp, “Trước đây ta đã điên; thế thì ngay cả cái nhức nhối của chiếc gai cũng làm cho ta phải khóc. Nhưng bây giờ ta không điên, bởi vì cũng như các ông đang quan sát đầu ta sắp bị chặt, ta cũng quan sát nó từ bên trong; nhưng chúng ta cả hai đều là người xem, người quan sát. Các ông đang quan sát thân thể này từ bên ngoài, ta đang quan sát nó từ bên trong.”

Nếu chúng ta hỏi một người tôn giáo, “Giọt nước là gì?” thì người đó sẽ nói, “Nó là bản thân đại dương.”

Các nhà khoa học qui đại dương về một giọt nước, người tôn giáo thấy đại dương trong một giọt nước. Và đây không phải là khác biệt nhỏ, đây là khác biệt hoàn toàn. Khoa học qui mọi thứ về mẫu số nhỏ nhất, tôn giáo gắn mọi thứ vào điểm cao nhất.

Đây không chỉ là việc chơi chữ thông thường để cho bạn có thể nói, “Có khác biệt gì khi nói một giọt nước là đại dương hay đại dương là giọt nước?” Điều đó *quả* có khác biệt. Bởi vì khoa học phân tích, và sau phân tích này, nó chấp nhận mẫu số chung nhỏ nhất làm cơ sở cho mọi cuộc sống. Khi một người được giải phẫu, mọi điều có thể được tìm thấy đều là vật chất - xương, thịt - nhưng không phải linh hồn. Cho nên khoa học nói, “Không có

linh hồn, con người chỉ là tổ hợp của xương, thịt và tuỷ - đây là tổng số; không gì hơn nữa.”

Tôn giáo nói rằng cái cao hơn không thể được hiểu qua cái thấp hơn, nhưng điều đối lập là có thể.... Đại dương không thể nào được hiểu qua những giọt nước, nhưng giọt nước lại có thể được hiểu qua đại dương; cái thấp hơn có thể được hiểu qua cái cao hơn, nhưng cái cao hơn không thể nào được hiểu qua cái thấp hơn. Có lí do cho điều này. Cố hiểu điều này một cách đúng đắn, thế thì bạn sẽ có khả năng hiểu ngôn ngữ của Upanishad.

Trẻ nhỏ không thể nào hiểu được ông già nhưng ông già lại có thể hiểu được trẻ nhỏ, bởi vì ông già đã sống cả hai hình thái. Đứa trẻ chỉ là đứa trẻ, nó vẫn còn chưa già. Qua đại dương chúng ta có thể hiểu đại dương cũng như giọt nước, nhưng qua giọt nước chúng ta không thể nào hiểu được đại dương. Qua vật chất chúng ta chỉ có thể giải thích về thân thể, qua điều thiêng liêng chúng ta có thể giải thích cả thân thể và linh hồn. Vũ trụ bao la chứa phân tử, nhưng phân tử không thể nào chứa được vũ trụ. Qua vũ trụ bao la mà mọi thứ có thể được giải thích, nhưng qua cái nhỏ vô cùng thì không thể nào giải thích được vũ trụ.

Hiểu điều đó theo cách này: khoa học bao giờ cũng hội tụ sự chú ý của nó vào cái đầu tiên còn tôn giáo bao giờ cũng hội tụ vào cái cuối cùng. Khoa học hội tụ vào bước đầu tiên còn tôn giáo hội tụ vào chỗ tới tối thượng

- bởi vì tôn giáo nói rằng nếu không có chỗ tới, thế thì thậm chí bước đầu tiên cũng không thể nào được giải thích. Làm sao bạn thậm chí lại gọi được nó là bước đầu tiên khi không có chỗ tới? Bước đầu tiên đó tồn tại bởi vì bước cuối cùng đang đợi ở tương lai.

Cho nên chúng ta có thể giải thích bước thứ nhất qua chỗ tới; nhưng nếu chúng ta đã chấp nhận bước thứ nhất là mọi thứ, thế thì chỗ tới không thể nào được giải thích

- thế thì ngay cả bước thứ nhất cũng không thể nào được giải thích. Phương tiện có thể được hiểu qua mục đích, nhưng mục đích không thể nào được hiểu qua phương tiện. Cho nên giọt nước không thể nào giải thích được đại dương, nhưng đại dương có thể hấp thu giọt nước.

Hiền nhân này nói:

Linh hồn là cả hai: vũ trụ và cá nhân.

Hai từ đã được dùng: linh hồn vũ trụ, nghĩa là tâm thức thuần khiết, điều thiêng liêng; thế rồi linh hồn cá nhân, hay cái ta.

Cái gì là khác biệt giữa linh hồn cá nhân và điều thiêng liêng? Hiền nhân này nói không có khác biệt. Khác biệt nhiều nhất cũng chỉ như khác biệt giữa đại dương và giọt nước. Giọt nước cũng là đại dương, nó chứa mọi thứ của đại dương. Chỉ một điều cần phải nhớ

- rằng đại dương không phải là tổng của các giọt nước của nó. Điều thiêng liêng cư ngụ bên trong từng con người; thế thì nó được gọi là linh hồn cá nhân.

Điều đó cũng giống như mặt trời lên trên bầu trời, rót đầy sân nhà bạn bằng các tia sáng của nó. Không có khác biệt giữa tia sáng mặt trời trên trời và tia sáng mặt trời trong sân nhà bạn, nhưng những tia nắng trong sân nhà bạn có một ranh giới; những bức tường sân nhà bạn bao quanh tia sáng và ranh giới đã xảy ra.

Linh hồn vũ trụ cư ngụ bên trong những giới hạn được gọi là linh hồn cá nhân. Nhưng có đúng là những tia sáng của mặt trời rót đầy sân nhà bạn là có ranh giới, hay ranh giới thuộc vào sân nhà bạn? Những bức tường có tạo nên cản trở cho tia nắng mặt trời không? Những bức tường bao quanh sân nhà bạn, nhưng làm sao tường bao quanh được tia nắng? Nhưng nếu ánh nắng trong sân nhà bạn có ảo tưởng rằng nó có giới hạn, rằng nó đang trong tù túng, thế thì điều đó sẽ được gọi là bản ngã của tia nắng.

Linh hồn vũ trụ ở bên trong những ranh giới của thân thể được gọi là linh hồn cá nhân. Nhưng nếu linh hồn cá nhân này có ảo tưởng rằng nó là bản thân thân thể, thế thì nó được gọi là bản ngã. Không có khác biệt: ngay cả khi tia nắng đang trong ảo tưởng rằng chúng bị cầm tù trong sân nhà, thì trong thực tế chúng không phải vậy. Tia sáng không thể bị trói buộc; đó là chính bản chất của tia sáng. Bạn nắm bàn tay mình lại và bạn không thể bắt giữ được tia sáng. Chính bản chất của chúng là vô biên - đó là chính tự do của chúng, chính cuộc sống của chúng. Những bức tường không có đó đối với tia sáng, bức tường có đó

cho cái sân; nhưng ảo tưởng có thể được tạo ra. Ảo tưởng gắn linh hồn cá nhân với bản ngã. Với tan biến của ảo tưởng đó, linh hồn cá nhân trở thành linh hồn vũ trụ, cái toàn thể. Tôn giáo thấy cái toàn thể của cuộc sống trong viễn cảnh bao la đó.

Điều rất có ích cho người tìm kiếm là nhớ tới luồng suy nghĩ này bởi vì cuộc hành trình của người đó cũng bắt đầu từ sân nhà - từ những bức tường của sân nhà tới tia nắng, và từ tia nắng tới bản thân mặt trời.

Linh hồn là cả hai: vũ trụ và cá nhân.

Qua việc đồng nhất với thân thể, vốn là của cái ta mà không phải là linh hồn, linh hồn trở nên bị sở hữu bằng cảm giác về bản ngã quanh thân thể.

Bản ngã là sự đồng nhất: ảo tưởng của việc là cái không phải mình. Tia nắng trong sân cứ cho là chúng bị sân ấn định, rằng đây là sự hiện hữu của chúng: đồng nhất này là bản ngã.

Cảm giác về bản ngã này là sự tù túng của cá nhân, linh hồn được hiện thân.

Khi cảm giác này về bản ngã dừng lại, thì nó được gọi là giải thoát.

Cái cho sinh thành ra cảm giác về bản ngã này được gọi là avidya, việc biết sai, còn cái dẫn tới việc dừng của cảm giác bản ngã này được gọi là vidya, việc biết thật.

Cái tạo ra bản ngã này được gọi là *avidya*, việc biết giả. Phương pháp này, cách thức này, quá trình này tạo ra bản ngã được gọi là *avidya*. Còn phương pháp hay cách thức dẫn tới việc dừng bản ngã lại, làm tan rã bản ngã, làm tan chảy bản ngã, làm tàn lụi bản ngã đi, được gọi là *vidya*, việc biết thật.

Tất cả chúng ta đều sống trong *avidya* bởi vì chúng ta không làm gì ngoại trừ việc tạo ra bản ngã. Nếu chúng ta kiếm tiền, chúng ta chỉ kiếm tiền để hỗ trợ cho bản ngã; nếu chúng ta tích lũy tri thức, chúng ta làm điều đó chỉ để đáp ứng cho bản ngã. Và nếu chúng ta cứ tiếp tục cuộc hành trình hướng tới danh vọng và địa vị, trèo từng bước lên để đạt tới thủ đô và đạt tới ngai vàng, thế thì chúng ta sẽ làm gì ở đó? Không phải là bạn trở nên nổi tiếng trên ngai vàng, đấy chỉ là bản ngã trở nên nổi tiếng; không phải là cái

đầu của bạn được đeo vương miện, đây là cái đầu của bản ngã bạn được đeo vương miện.

Chúng ta không kiếm gì hơn bản ngã. Chính quá trình của toàn bộ cuộc sống của chúng ta là cách trở thành cái gì đó. Cách đẩy lùi bản ngã của người khác và tiến lên trước. Cuộc đua vô nghĩa! Nhưng nó cứ diễn ra trong cả cuộc sống của bạn; từ chiếc nôi cho tới nắm mồ cùng một cuộc đua đó tiếp diễn, cùng cuộc đua của ghen tị, kinh địch và cạnh tranh.

Ghen tị là gì? Cạnh tranh là gì? Kinh địch là gì? Tranh đấu này là gì? - và sao tất cả chúng lại tồn tại? Động cơ cơ sở là không bị bỏ lại đằng sau, không vẫn còn là kẻ kém cỏi, không vẫn còn là kẻ hèn kém, mà là được đeo vương miện, được đeo vòng nguyệt quế, vì bản ngã này được nạm bằng đá quý, chói sáng; không phải là không là gì mà trở thành cái gì đó.

Từ cái nhỏ nhất tới cái lớn nhất, tất cả đều được làm trong cuộc đua này. Và cuộc đua này kì lạ tới mức cho dù đôi khi nó có chuyển sang cái đối lập thì động cơ cơ sở vẫn còn như cũ. Người này tích lũy của cải để cho người đó có thể đạt tới đỉnh núi... tới tột đỉnh của của cải, tới đỉnh Everest của của cải. Và người khác thì lại từ bỏ giàu có của mình, đi vào rừng rậm và trở thành người khổ hạnh, và vậy mà người đó có thể vẫn cứ rỗng tuếch và bây giờ bắt đầu thu thập từng đồng tiền, phần thưởng cho khổ hạnh của mình, thay vì những đồng tiền bình thường. Vẫn còn có bản ngã, rằng bây giờ không ai có thể thuần khiết như người đó; rằng không có so sánh nào giữa người đó và thế giới còn lại.

Bản ngã thậm chí có thể tự nuôi dưỡng mình bằng việc tìm kiếm điều thiêng liêng. Bản ngã thậm chí có thể nói về điều thiêng liêng để chỉ ra rằng bây giờ nó không bị dính líu gì vào vật chất thông thường, rằng bây giờ thậm chí nó đã hiểu thấu về Thượng đế!

Nếu quá trình kiếm bản ngã là avidya, thì tất cả chúng ta đều sống trong avidya. Và điều chúng ta gọi là vidya, việc biết, điều chúng ta gọi là trường học, cao đẳng và đại học, nơi học, nếu chúng ta hiểu hiền nhân này một cách đúng đắn thì tất cả những chỗ này đều là việc biết giả. Chúng đều là phản - đại học, bởi vì chẳng cái gì được dạy ngoại trừ nghệ thuật làm đầy bản ngã.

Mọi giáo dục đều là quá trình tạo ra bản ngã; nó là nỗ lực khuấy động bản ngã. Bố bảo con phải nhất lớp và không được tụt lại sau. Và nếu con tụt lại sau bố cảm thấy khổ. Nếu con nhất lớp dường như bản thân bố nhất lớp.

Mọi người đều phải tham gia trong cuộc đua này, đó là trò chơi duy nhất. Nếu đây là avidya, việc biết giả, thế thì cả đời bạn đều là avidya. Thế thì chúng ta chẳng biết gì về vidya, việc biết thật, bởi vì hiền nhân này nói rằng việc biết thật là quá trình, phương pháp làm tan chảy bản ngã, làm tàn lụi bản ngã... và một khoảnh khắc sẽ tới khi bản ngã không còn nữa và chỉ linh hồn còn lại, chỉ sự hiện hữu còn lại.

Bạn có thể gọi cái đó là vidya, tôn giáo, yoga, thiền, cầu nguyện, tôn thờ, bất kì tên nào bạn muốn đặt cho nó

- hàng nghìn tên đã được trao cho nó - nhưng điều tinh túy của vidya chỉ là một: nó phải tạo ra một trạng thái bên trong nơi chỉ bạn còn lại nhưng không có bản ngã, nơi tâm thức còn lại, nhưng không có trung tâm bên trong tuyên bố 'tôi'. Bạn nên có khả năng làm mất đi cái tôi này qua bất kì phương pháp hay quá trình nào. Và việc làm mất này không có nghĩa là rơi vào giấc ngủ hay quên mất bản thân mình, nó nghĩa là bạn nên được bỏ lại hoàn toàn tỉnh thức, tràn đầy ý thức, với việc tự nhớ, và vậy mà cái tôi phải không còn lại; chỉ cái đó mới nên còn lại mà không có nối ghép nào với cái tôi.

Một sáng ai đó tới và cúi mình xuống dưới chân Phật. Một người hay hoài nghi cũng có đấy, ngồi gần Phật. Và người hoài nghi hỏi Phật, "Sao thầy không ngăn người này đừng để chạm chân thầy? - bởi vì đích thân thầy đã dạy chúng tôi không trú ẩn vào bất kì ai, thay vì thế đi tìm lấy cái ta riêng của mình. Con người này đã tới với thầy để trú ẩn mà thầy lại không cản người đó."

Phật nói, "Nếu như ta có đó, thì ta đã ngăn cản người đó." Và Phật tiếp tục, "Và nếu như ta có đó, thì việc ngăn cản người đó đừng chạm chân ta hay xui khiến người đó tới chân ta sẽ là một và cùng một điều. Nhưng người mà có thể đã ngăn cản người đó hay xui khiến người đó lại không còn tồn tại thêm chút nào. Ông thấy người đó cúi đầu, ta cũng thấy. Nhưng có hơi khác

biệt giữa chúng ta. Ông thấy người đó cúi đầu với ta, trong khi ta lại tự hỏi người đó cúi đầu với ai vậy. Ta không thấy ai cả! Người đó đã cúi đầu với ai vậy?"

Hiền nhân này gọi phương pháp luận đem người ta tới khoảnh khắc như vậy trong cuộc sống là vidya, việc biết thật.

Điều tôi gọi là thiền đơn giản là khoa học này của tôn giáo. Bất kì khi nào tôi nói thiền, tôi cũng đều nói tới vidya này.

Tất cả chúng ta đều sống trong vô nhận biết. Chúng ta đang sống cứ như đang ngủ.

Bạn có thể đã thấy một người bước đi trong thôi miên, hay một kẻ mộng du vừa đi vừa ngủ, nhiều người vừa đi và ngủ... có thể có nhiều người trong số các bạn ở đây, bởi vì ít nhất bảy trong số một trăm người bước đi trong giấc ngủ của mình. Ít nhất bảy người! Nhưng người này chẳng bao giờ biết về điều đó, bởi vì người đó bước vòng quanh và rồi cứ ngủ nữa. Người đó bước đi với mắt mở. Mọi người thậm chí còn giết người trong giấc ngủ và đến sáng họ hoàn toàn không nhận biết gì về điều đó, họ chỉ có thể nói rằng họ đã có mơ trong đêm mà trong đó họ đã giết ai đó. Mọi người đã ăn cắp, và họ không chịu trách nhiệm chút nào bởi vì điều đó tất cả đã xảy ra trong khi họ ngủ. Nhưng điều này chỉ nói về vài người vừa đi vừa ngủ.

Và nếu chúng ta nhìn kĩ hơn vào bản thân mình, thì tất cả chúng ta đều sống trong một loại giấc ngủ nào đó. Bất kì cái gì bạn làm bạn đều không nhận biết về nó, nhận biết của bạn ở đâu đó khác. Khi bạn bước đi trên phố, bạn có nhận biết về việc bước đi của mình không? Nhận biết của bạn có thể ở bất kì đâu khác ngoại trừ việc bước. Khi bạn ăn, bạn có nhận biết về việc ăn không? Nhận biết của bạn có thể ở đâu đó khác ngoại trừ việc ăn. Vâng tất nhiên nhận biết của bạn đi tới thức ăn nữa, nhưng điều đó chỉ xảy ra khi bạn không ăn.

Nhận biết của bạn không có đó nơi bạn đang hiện hữu. Thế thì cái gì còn lại khi không có nhận biết? Có giấc ngủ, và tất cả mọi rối loạn xảy ra trong giấc ngủ đó. Khi bạn giận dữ với ai đó, bạn có nhớ... nhận biết của bạn ở đâu? Nếu như đã có nhận biết, thì giận dữ đã là không thể có được. Nhận biết và giận dữ không thể cùng tồn tại được. Giận dữ không thể ở cùng với

nhận biết được. Để giận dữ, giấc ngủ là cần thiết, ngây ngất là cần thiết.

Đó là lí do tại sao người ta trở nên hối tiếc sau khi đã giận dữ, người đó ngạc nhiên là mình đã có thể làm việc như vậy - và để làm gì? Cái gì là ý nghĩa trong nó? Cho dù đấy chính là bản thân người đó đã trở nên giận dữ... và không phải đấy là lần đầu tiên người đó hối tiếc về điều đó. Người đó đã hối tiếc nhiều lần rồi, bởi vì người đó đã giận dữ nhiều lần rồi, và mỗi lần người đó lại tự hỏi sao mình đã làm điều đó, vấn đề là gì? Và sao người đó lại làm việc ấy khi chẳng có vấn đề gì cả? Người này đã không nhận biết, đã không hiện diện; người đó chỉ về nhà sau khi cơn giận đã qua đi. Người đó vắng mặt khi cơn giận xảy ra, và khi người đó quay lại thì người đó hối tiếc. Nhưng vào giai đoạn này cảm thấy tiếc chẳng còn ích lợi gì nữa, cảm thấy hối tiếc chỉ vô ích.

Có vài điều không thể nào xảy ra được nếu có nhận biết.

Điều mà người trí huệ gọi là tội lỗi thì không thể được làm với nhận biết. Đây là định nghĩa về tội lỗi: cái gì đó mà bạn không thể làm được với nhận biết. Và cái mà bạn chỉ có thể làm được trong nhận biết thì được gọi là đức độ. Bạn không thể ăn cắp với nhận biết được, bạn không thể giết người với nhận biết được; nhưng bạn có thể từ bi với nhận biết, bạn có thể yêu trong nhận biết.

Bất kì cái gì có thể làm được với nhận biết, tất cả những cái đó là tôn giáo, là đức độ. Cái mà không thể làm được với nhận biết, cái mà cần phải có giấc ngủ, cái chỉ có thể xảy ra trong vô nhận biết, mới là tội lỗi.

Cho nên chúng ta không sống trong nhận biết. Đôi khi thậm chí lúc chúng ta ngồi thiền chúng ta cũng cảm thấy buồn ngủ - ngay cả thế! Trong thực tế giấc ngủ của chúng ta còn sâu hơn. Lí do cho điều đó là ở chỗ chúng ta không có kinh nghiệm về nhận biết. Cách chúng ta bước đi, ngồi và đứng - mọi thứ đều xảy ra trong giấc ngủ, chúng ta đã quen với nó.

Tôi đã nói rằng chúng ta làm mọi thứ mà không nhận biết thì cũng là trong một loại giấc ngủ.

Tôi đã đọc tiểu sử của một người có tật nói lắp. Các nhà tâm lí đã phân tích điều đó trong nhiều năm, và cho dù sau những nỗ lực tốt nhất và hàng nghìn đô la tiêu ra để chữa bệnh thì cái tật nói lắp vẫn

không hết. Anh ta là con nhà giàu, nhưng chẳng thể tìm được phương thuốc nào. Anh ta đã được cho thuốc, mọi thứ đều được thử, nhưng chúng nói lấp chẳng hết. Thế rồi một sự việc thú vị xuất hiện. Một vở kịch được diễn trong thị trấn và họ cần một diễn viên có thể nói lấp; diễn viên có kinh nghiệm trong việc nói lấp lại bị ốm, anh ta không thể biểu diễn được, cho nên ai đó đã bảo họ về cậu bé này trong thị trấn, một chuyên gia nói lấp như diễn viên này. Cậu bé được gọi tới. Vai này thì nhỏ, và cậu bé lại sẵn đây - huấn luyện ai đó sẽ là việc khó khăn. Cậu bé được đưa lên sân khấu, và phép màu của mọi phép màu đã xảy ra vào ngày đó: cậu bé không thể nào nói lấp được trên sân khấu. Nó đã cố gắng hết mức, nhưng nó không thể nào nói lấp được. Cho nên điều gì đã xảy ra?

Tôi đã ở một thị trấn và một sinh viên từ trường đại học tới tôi. Anh ta đã phát triển một thói quen kì lạ là đi như đàn bà. Anh ta đã cố gắng nhiều thứ nhưng anh ta không cải thiện lên được; thường trên phố anh ta thấy mình bước đi như đàn bà. Chẳng có hại gì trong việc đi như đàn bà - bởi vì đàn bà cũng phải bước đi - nhưng anh ta lại gặp rắc rối và cảm thấy khổ sở.

Trong sự kiện thực tế, phân phối thịt trên thân thể đàn ông và đàn bà là khác nhau. Đàn bà có nhiều thịt ở một số bộ phận nơi đàn ông không có, cho nên khác biệt trong dáng đi của họ là tự nhiên; đấy là khác biệt về thịt.

Nhưng anh ta lại không tích lũy thịt để làm cho mình bước đi như đàn bà - bởi vì đôi khi anh ta cũng bước đi như đàn ông. Chỉ đôi khi anh ta mới bắt đầu bước đi như đàn bà. Anh ta gặp rắc rối lớn.

Tôi bảo anh ta, "Bây giờ làm điều này: cố gắng có ý thức bước đi như đàn bà."

Anh ta nói, "Thầy nói gì vậy? Tôi đã bị rắc rối khi làm điều đó một cách không chủ ý, mà bây giờ thầy lại muốn tôi làm điều đó một cách có chủ ý sao? Tôi cố gắng ngăn cản nó mọi lúc, nhưng bất kì khi nào tôi quên mất thì tôi lại bước như đàn bà."

Tôi nói, "Bạn đã cố gắng ngăn cản nó một cách có ý thức nhưng nó không chấm dứt; bây giờ tôi yêu cầu bạn thử bước đi một cách có ý thức giống như đàn bà. Đứng dậy và bước đi trước tôi xem nào."

Anh ta cố gắng hết sức nhưng anh ta không thể nào xoay xở làm được điều đó. Anh ta nói, "Hôm nay chuyện gì xảy ra thế nhỉ? Thầy phải đã làm phép màu rồi."

Tôi hỏi anh ta, "Đừng kể với ai đấy, bởi vì tôi chẳng liên quan gì tới điều đó cả. Bạn đã thực hiện phép màu này, nhưng bạn không nhận biết về nó."

Vài điều không thể được làm một cách có chủ ý, có ý thức. Và vài điều sẽ bị tự chúng bỏ đi trong nhận biết.

Thiền là phương pháp của vidya. Không thể nào khẳng định được bản ngã với nhận biết. Thử khẳng định bản ngã một cách có ý thức và bạn sẽ hiểu điều tôi đang nói.

Gurdjieff hay bày mưu mẹo với đệ tử của mình. Ông ấy sẽ đẩy họ vào một tình huống mà họ không nhận biết được rằng mình bị chọc giận một cách có chủ ý. Ông ấy sẽ tạo ra một tình huống, hay làm điều gì đó để cho đệ tử này trở nên bị chọc giận, bực tức đến mức người đó sẽ bắt đầu la hét và xỉ vả và trở nên bùng bùng tức giận - và điều đó tất cả đều đã được lập kế hoạch sẵn, và mọi người cứ tiếp tục trò chơi này. Chỉ mỗi người này là không nhận biết rằng mưu mẹo đã được bày đặt ra cho mình.

Khi người này đã bị tan nát trong cơn bão giận dữ, sẵn sàng bỏ đi với mọi hành lí của mình, sự si nhục, thì Gurdjieff sẽ nói, "Tĩnh táo, nhận biết về điều bạn đang làm." Và đệ tử này bỗng nhiên được đem trở lại và mọi thứ trong người đó sẽ dừng lại. Người đó sẽ cười và nói, "Điều này quá đáng! Vậy ra tất cả đều chỉ là trò chơi."

Gurdjieff sẽ cố gắng khuấy động bản ngã, và khi nó có đó thì ông ấy sẽ hét lên vào đúng lúc, "Bây giờ tìm bản ngã ở bên trong!" Đệ tử này, người đang bùng bùng giận dữ với bản ngã vậy sẽ nhắm mắt mình lại, nhìn vào bên trong, và ngồi yên tĩnh... cho tới khi người đó mở mắt ra và nói, "Không, nó không có đó - mình đang tìm kiếm bản ngã, nhưng nó chẳng có đâu mà tìm cả."

Thế thì ai đã tạo ra cơn bão như vậy? Những cơn bão lớn có thể phát sinh trong chén trà nhỏ! Cơn bão mạnh có thể nảy sinh ra từ những cái không bản chất.

Vidya là kinh nghiệm vứt bỏ những dạng sai và vô nghĩa, cái chúng ta đã tạo ra bên trong mình. Có nhiều phương pháp

của vidya.

Chúng ta đang thực nghiệm vài phương pháp ở đây. Bây giờ tôi sẽ giải thích cho bạn về phương pháp chúng ta sẽ dùng vào tối nay, và tôi sẽ trao cho bạn việc giải thích nào đó về những thực nghiệm này vào ngày mai; thế rồi chúng ta sẽ đi vào trong việc thiền đêm.

Trong phương pháp của tối nay, điều chúng ta sẽ làm ngay bây giờ, nhìn thẳng vào tôi trong ba mươi phút mà không chớp mắt, mắt bạn mở to nhất có thể được. Bạn được dự định nối bản thân mình với tôi qua đôi mắt. Mắt là cánh cửa. Bạn được dự định đem tâm thức của mình tới tôi qua đôi mắt của bạn; bạn được dự định trải rộng tâm thức mình hướng tới tôi.

Nếu nó có thể được mở rộng tới tôi, bạn có thể mở rộng nó thêm nữa... đừng lo nghĩ quá nhiều về điều đó. Nếu bạn có thể mở rộng nó tới tôi, sẽ không khó mở rộng nó tới bầu trời.

Cho nên trong ba mươi phút bạn sẽ không chớp mắt. Bạn có thể nói rằng điều này rất khó. Nó không khó chút nào. Bạn không nhận biết rằng khi bạn xem phim bạn đã làm điều đó mà không chớp mắt trong cả giờ. Đó là lí do tại sao mắt bạn bị mỏi; bạn không nhận biết rằng mình đã không chớp mắt, cho nên mắt bị mỏi. Bất kì khi nào bạn nhìn cái gì đó một cách chăm chú, mắt bạn cũng đều không chớp.

Điều đó không khó. Cái khó chỉ là mẹo của tâm trí, ngay khi tâm trí bạn trở nên nhận biết về mối nguy hiểm, rằng sự biến mất của avidya đang xảy ra và, “Toàn bộ trò chơi này sẽ chấm dứt; nếu cú nhảy này xảy ra, mình sẽ biến mất,” thế thì tâm trí lập tức nói, “Mắt mỏi quá rồi. Phải nhắm lại, chớp mắt một chút - mình có điên không đấy?”

Đây là phương cách của tâm trí. Nhận biết về chúng. đừng lo nghĩ, nước mắt là tốt; chúng sẽ lau sạch mắt bạn, bạn sẽ cảm thấy được nhẹ gánh. Đừng nghĩ về cái gì cả. Bạn không chớp mắt trong ba mươi phút. Đây là điều thứ nhất.

Thực nghiệm này cần được tiến hành trong khi đứng. Mắt bạn không chớp chút nào, bạn nhìn chăm chăm vào tôi liên tục. Giơ tay lên trời, bởi vì toàn bộ nỗ lực là để chuyển ý thức đang được hướng vào tôi sang bầu trời vào bất kì khoảnh khắc

nào. Cho nên liên tục giơ cả hai tay lên. Nhìn chăm chăm vào tôi, múa và nhảy và đồng thời kêu to “Hu...Hu...Hu...”. ‘Hu’ này được dùng như một mật chú. ‘Hu’ này chạm vào kundalini, năng lượng hoá xà. Khi bạn kêu “Hu” to, bạn sẽ thấy rằng nó đang chạm vào trung tâm dục của bạn, đích xác vào *muladhar*, trung tâm dục.

Cho nên trong ba mươi phút, với mắt bạn vẫn nhìn chăm chăm vào tôi, tâm thức bạn xô về tôi, ‘Hu’ đập vào kundalini của bạn, tay bạn sẵn sàng cho cuộc hành trình hướng lên trời... và bạn nhảy múa, bởi vì trong nhảy múa cái đập còn mạnh hơn, năng lượng sẽ dâng lên bên trong để đi lên qua tuỷ sống của bạn.

Trong khi đó tôi vẫn im lặng, nhưng thỉnh thoảng tôi sẽ làm một cử chỉ với cả hai tay hướng về các bạn chỉ lên trời. Khi tôi làm cử chỉ đó bằng tay, các bạn đưa toàn bộ năng lượng của mình vào nhảy múa, và kêu to “Hu,” trong khi vẫn nhìn chăm chăm vào tôi - các bạn phải phát điên hoàn toàn. Đặt toàn bộ năng lượng của bạn vào việc đó và cứ nhảy nhót. Khi tôi giang rộng cánh tay hướng lên trên và giữ chúng ở đó, các bạn phải cho ra toàn bộ năng lượng của mình. Tôi sẽ làm những cử chỉ này mười tới hai mươi phút để kéo các bạn từ thấp lên cao. Các bạn đừng hà tiện và khoanh khắc đó, cho ra toàn bộ năng lượng của mình.

Và khi.... ngồi, cứ ngồi, lắng nghe toàn bộ quá trình này....

Khi tôi cảm thấy rằng năng lượng đang chạy trong cột sống của bạn và thân thể bạn đã trở thành một luồng năng lượng nhảy múa, khi tôi cảm thấy rằng nhiều người đã đạt tới điểm mà sự hợp nhất của họ với năng lượng vũ trụ có thể xảy ra, tôi sẽ quay bàn tay xuống. Khi tôi quay bàn tay xuống, các bạn tìm bên trong xem có năng lượng nào còn lại không, thế rồi cho nó ra hết, và tôi sẽ đưa bàn tay xuống. Đây sẽ là một chỉ dẫn rằng trong khoảnh khắc đó, nếu bạn cho ra toàn bộ năng lượng của mình, năng lượng vũ trụ từ phía trên có thể giáng xuống bạn, năng lượng cá nhân.

Và khi hai năng lượng này gặp nhau, có phúc lạc, và khi cả hai chúng gặp nhau, vidya nở hoa. Nơi tâm thức của người ta đồng nhất với thân thể vật lí thì avidya xảy ra, tức là nơi bản ngã hội nhập; còn nơi tâm thức người ta gặp gỡ với tâm thức vũ trụ thì vidya bừng nở, và người ta đạt tới trạng thái vô ngã. Nơi tâm thức người

ta bị đồng nhất với thân thể, bản ngã sinh ra; còn nơi tâm thức người ta gặp gỡ với năng lượng vũ trụ, linh hồn cá nhân được nhận ra. Điều này mô tả cho thực nghiệm của đêm nay.

Một chút ít thông tin thêm nữa. Hôm nay... trong thực nghiệm hôm nay, để làm cho bạn quen với nó, tôi đã không đặt toàn bộ năng lượng của bạn vào trong nó, và giữ cho thực nghiệm này cho chút ít tự do. Thực nghiệm này sẽ sâu sắc hơn từ mai trở đi.

Bây giờ tôi sẽ nói cho bạn việc thu xếp mới cho các thực nghiệm, có thể áp dụng được cho toàn bộ trại từ mai trở đi.

Thực nghiệm buổi sáng này mà chúng ta đã làm hôm nay, bây giờ sẽ được tiến hành vào buổi chiều từ bốn tới năm giờ. Làm kirtan trong mười lăm phút, nhảy múa trong mười lăm phút, và thành thới trong ba mươi phút.

Với các buổi sáng, chúng ta sẽ bắt đầu thực nghiệm khác từ ngày mai trở đi. Nó sẽ là việc thở nhanh trong mười phút; trong mười phút tiếp sẽ có nhảy múa, kêu la, khóc lóc, cười nói, tổng ra tất cả các năng lượng vật lí; rồi trong mười phút kêu to mật chú “Hu” - hết như điều chúng ta sẽ làm tối nay; và rồi thành thới trong ba mươi phút. Điều này sẽ là thực nghiệm buổi sáng.

Thực nghiệm chúng ta đã làm sáng nay sẽ được làm từ bây giờ vào buổi chiều. Còn thực nghiệm chúng ta định làm đêm nay sẽ tiếp tục vào buổi đêm.

4 Bốn trạng thái của tồn tại

Trạng thái linh hồn có thể cảm nhận được những vật thô, như thính giác và xúc giác, được gọi là jagrat, trạng thái thức của linh hồn.

Những vật thô được cảm nhận qua mười bốn công cụ - tâm trí, trí tuệ, tâm trí tích lũy, bản ngã và mười giác quan (năm giác quan của cảm nhận và năm tổ chức giác quan của hành động) - được mặt trời và các thần khác hỗ trợ.

Khi trong thiếu vắng của các vật thô, như thính giác và xúc giác, và do những ham muốn không được thoả mãn và kéo dài của trạng thái thức, qua mười bốn công cụ linh hồn cảm nhận các vật thô đang có đó nhưng lại tạo ra những ham muốn này

- trạng thái này được gọi là swapna, trạng thái mơ của linh hồn.

Có bốn trạng thái của tâm thức con người; chúng ta sẽ bắt đầu việc thảo luận với trạng thái thức. Hiền nhân này nói, “Trạng thái của cảm nhận được đạt tới qua các công cụ của tâm trí và giác quan, được mặt trời và các thần khác giúp đỡ, tràn ngập khắp xung quanh, là trạng thái thức.”

Trạng thái linh hồn có thể cảm nhận được những vật thô, như thính giác và xúc giác, được gọi là jagrat, trạng thái thức của linh hồn.

Những vật thô được cảm nhận qua mười bốn công cụ - tâm trí, trí tuệ, tâm trí tích lũy, bản ngã và mười giác quan - được mặt trời và các thần khác hỗ trợ.

Tâm thức cư ngụ bên trong. Bên ngoài là sự tồn tại vô hạn.

Có hai cách để sự tiếp xúc xảy ra với sự tồn tại vô hạn này. Một sự tồn tại tràn ngập tất cả, là vũ trụ này, và sự tồn tại kia ngụ ở bên trong, là cá nhân - có hai cách cho chúng gặp nhau. Một cách là gián tiếp; nó xảy ra qua các cánh cửa của giác quan. Cách kia là cách trực tiếp, ngay lập tức, không qua trung gian; đó là khả năng qua siêu việt lên trên các giác quan.

Nếu thế giới bên ngoài này mà được biết tới, thì có hai cách. Một cách là ở chỗ tôi phải dùng thân thể và biết nó, và cách kia

là ở chỗ tôi phải bỏ tất cả mọi trung gian và biết nó một cách trực tiếp.

Thông thường, chúng ta không thể biết được ánh sáng của thế giới bên ngoài mà không có mắt, chúng ta không thể biết được âm thanh của thế giới bên ngoài mà không có tai. Các giác quan phải được dùng để biết màu sắc của thế giới bên ngoài. Qua những giác quan này chúng ta biết cái đang có trong thế giới bên ngoài, các giác quan là trung gian của tri thức của chúng ta.

Cho nên tri thức được thu nhận qua các giác quan cứ dường như một sự việc xảy ra ở đâu đó và thế rồi ai đó tới và thông báo cho tôi. Tôi không hiện diện ở đó trong thực tế, một người trung gian nào đó có đó để thông báo cho tôi. Chắc chắn tôi sẽ không nhận được tin tức hết như nó thực tế đã xảy ra, bởi vì diễn giải của sứ giả sẽ được đem vào trong nó.

Khi mắt tôi đem tin tức lại cho tôi rằng một đoá hoa đã nở trên cây - rất đẹp, rất đáng yêu - thông tin này sẽ không chỉ là về cây và về đoá hoa, nó cũng sẽ bao gồm cái thích của mắt tôi. Mắt đã thêm diễn giải riêng của nó vào nữa. Mắt sẽ bổ sung thêm nhiều điều về đoá hoa này và về cây, nhiều màu sắc nữa không có đó trong hoa trên cây này.

Bạn sẽ ngạc nhiên mà biết rằng quăng năm nghìn năm trước con người chỉ có thể thấy được ba màu: trong những cuốn sách được viết năm nghìn năm trước chỉ nhắc tới ba màu. Về sau, mắt con người bắt đầu trở nên nhạy cảm hơn; bây giờ chúng có thể thấy được bảy màu.

Colin Wilson đã tuyên bố trong một trong những cuốn sách vĩ đại của ông ấy rằng rất gần đây thôi, trong vòng bốn năm trăm năm nữa, con người sẽ có khả năng thấy những màu sắc mà chúng ta hiện nay thậm chí không thể tưởng tượng nổi. Mắt đang trở nên ngày một nhạy cảm hơn.

Màu sắc xuất hiện với sự phát triển của mắt. Chúng không thể xuất hiện nếu không có mắt; thế giới là vô màu. Người khi sinh ra đã bị mù thì không có nhận biết gì màu sắc cả; người khi sinh ra đã bị điếc thì không có thế giới âm thanh - với người đó thế giới trống rỗng âm thanh.

Việc biết của chúng ta là qua các giác quan. Chúng ta nhất định chấp nhận điều các giác quan truyền đạt cho chúng ta bởi vì chúng ta không có lựa chọn khác. Nhưng thông tin tới từ các giác quan lại bao hàm luôn cả những diễn giải của bản thân các cơ quan giác quan.

Bạn thấy một khuôn mặt, nó có vẻ đẹp.

Thế rồi nhìn cùng khuôn mặt đó qua kính hiển vi và bạn sẽ bị phân vân: khuôn mặt này sẽ trông gồ ghề thế, đầy những hốc. Bạn sẽ thấy những gò đống và hồ trong nó; vết sẹo trên khuôn mặt sẽ trông giống như các hốc lớn. Kính hiển vi có nói dối không? Không, kính hiển vi đang cho diễn giải của riêng nó, nó thấy sâu hơn mắt bạn.

Thế rồi nhìn cùng khuôn mặt đó qua máy tia X. Bây giờ làn da sẽ biến mất, chỉ bộ xương còn lại bên trong. Tia X có cho thông tin sai không? Không, máy tia X đang cho cách diễn giải của nó.

Khuôn mặt nào là thực? - khuôn mặt bạn thấy bằng mắt thường, khuôn mặt bạn thấy qua kính hiển vi, hay khuôn mặt bạn thấy qua máy tia X? Chúng tất cả đều cho thông tin về cùng một khuôn mặt, tất cả đều đúng, nhưng mọi diễn giải đều mang tính bộ phận và phụ thuộc và trung gian mà qua đó nó được nhìn.

Nhưng có thể thấy thế giới này mà không qua trung gian được không?... bởi vì chân lí chỉ có thể được biết tới khi chúng ta thấy thế giới này mà không qua trung gian. Phát hiện sâu sắc nhất của hiền nhân này là ở chỗ thế giới được biết qua các giác quan là phóng chiếu của các giác quan lên thế giới khi chúng ta thấy nó; điều đó đã được gọi là *maya*. Điều bạn đã thấy không chỉ là khung cảnh khách quan, người thấy cũng đã đóng góp vào cái nhìn.

Trong câu chuyện của Majnu và Laila, khi Majnu nói với ai đó rằng Laila rất đẹp, anh ta không chỉ nói điều gì đó về Laila, anh ta đang nói điều gì đó về cả Majnu nữa. Trong thực tế, chính con mắt của Majnu mới có khả năng thấy Laila đẹp. Không nhất thiết là Laila trông đẹp với mọi người. Những người không thấy Laila đẹp và những người quả có thấy cô ấy đẹp đều đang mô tả về cùng một Laila, nhưng kẻ trung gian này, tâm trí và các giác quan mà qua đó Laila đã được nhìn thấy, cũng đã được bao gồm vào trong những mô tả của chúng.

Cho nên khi một người thông báo cho bạn về ai đó, "Anh ta là người rất tốt," thông tin này không chỉ là về người đàn ông đó, người đó đang cho một diễn giải về bản thân mình nữa. Và khi một người nói về ai đó, "Anh ta là người rất xấu," đấy không chỉ là nói về người đó, nó cũng còn nói về chính bản thân người nói này. Và có thể là thông tin của người này về người kia sai, nhưng nó lại không thể sai được về bản thân người này. Các giác quan của chúng ta bao hàm cả diễn giải riêng của chúng. Chúng không thụ động, những kẻ trung gian dừng đứng, chúng đều tích cực theo cách phóng chiếu nữa.

Cho nên đây là một cách - qua các giác quan - để biết biểu lộ bao la của thực tại. Nhưng những người đã siêu việt lên trên các giác quan và đã thấy thế giới này đều nói rằng tri thức này về thực tại là ảo tưởng, maya. Khi một người như Shankara nói rằng thế giới này là ảo tưởng, bạn chớ hiểu lầm ông ấy và cho rằng ông ấy đang nói rằng thế giới này là không tồn tại. Shankara không thể nói một điều điên rồ như vậy - rằng thế giới này là không tồn tại. Thế giới có tồn tại, nhưng nó không phải là cùng như điều bạn đang thấy. Chính tầm nhìn của bạn làm cho nó giống điều đó, chính cách nhìn của bạn vào nó mới làm cho thế giới này thành ảo tưởng; thế giới như bạn thấy đấy là phóng chiếu của riêng bạn, nó là cách diễn giải riêng của bạn.

Tốt hơn thì phải nói rằng không chỉ có mỗi một ảo tưởng, có nhiều ảo tưởng như có ngàn ấy người trên thế giới này. Mọi người đều đang sống trong thế giới được tạo ra cho riêng mình; mọi người đều có một thế giới bao quanh mình. Bạn đang sống được bao quanh bởi thế giới riêng của mình, hàng xóm của bạn đang sống được bao quanh bởi thế giới riêng của người đó: không có hài hoà giữa hai thế giới này. Và bất kì khi nào chúng ta đặt hai thế giới này cạnh nhau là có đấu tranh, có đụng độ. Đấu tranh giữa chồng và vợ là đấu tranh giữa hai thế giới. Con đang tạo ra thế giới riêng của mình, và bố đã tạo ra thế giới riêng của mình; đụng độ giữa hai thế giới này là không tránh khỏi. Nó không thể tránh được. Nó không thể khác được. Chúng ta sống được bao quanh bởi những cách diễn giải riêng của mình.

Hiền nhân này nói rằng trạng thái mà trong đó thế giới được biết tới qua giác quan được gọi là trạng thái thức. Trạng thái trong đó thế giới này được biết qua giác quan xem như kẻ trung gian được gọi là trạng thái thức. Thêm vài điều nữa cần được hiểu.

Hiền nhân này đã nói: ... *mặt trời và các thần khác*. Mặt trời là trung tâm. Bất kì cái gì chúng ta thấy quanh mình, nếu chúng ta tìm trung tâm của tất cả nó, thì mặt trời là trung tâm. Nếu mặt trời nguội đi, ngay lập tức toàn bộ thế giới của chúng ta sẽ bị thu lại tro tàn. Mặt trời là cuộc sống. Dù cho đó là những chiếc lá xanh trên cây đang rung rinh trong phúc lạc, hay đó là đám mây bay trên bầu trời, hay ai đó ca hát bài ca trên trái đất, hay thổi sáo, hay hạt mầm mọc lên, hay thác nước đổ xuống từ trên núi và tuôn chảy ra đại dương - mặt trời vẫn ở gốc rễ của tất cả những điều này. Nếu mặt trời lạnh đi, tất cả mọi cuộc sống của chúng ta sẽ lạnh đi và tan biến.

Đó là lí do tại sao ông ấy nói: ...*mặt trời và các thần khác*. Mọi thứ khác đều là phụ, mặt trời mới là thần chính. Mặt trời nghĩa là cuộc sống.

Bạn đang thờ, máu bạn ấm, và tim bạn đang đập... mặt trời đã đóng góp vào điều đó. Nếu mặt trời tắt đi, chúng ta sẽ chẳng bao giờ biết được khi nào nó bị tắt cả bởi vì cùng với mặt trời chúng ta cũng sẽ bị tắt đi. Không ai còn sống để viết ra lịch sử - rằng mặt trời đã tắt vào ngày thế này thế nọ - bởi vì với việc nguội đi của mặt trời, thì chúng ta cũng bị kết thúc, ngay lập tức.

Do đó, mặt trời bao giờ cũng đã được chấp nhận là trung tâm - nhưng tại sao nó lại được gọi là điều thiêng liêng? Khoa học không gọi nó là điều thiêng liêng. Và các nhà khoa học ngạc nhiên: “Sao theo thuyết phiếm thần này... cần thấy tính thiêng liêng trong mọi thứ? Mặt trời là mặt trời, cần gì phải thấy cái gì đó thiêng liêng trong nó?” Nhưng các nhà tiên tri Ấn Độ hiểu điều đó theo cách khác.

Đây là cách thức của các nhà tiên tri Ấn Độ - cảm thấy biết ơn với cái đem cho chúng ta mọi thứ, bởi vì linh hồn cá nhân không tiến hoá trong thiếu vắng của biết ơn. Tất cả những điều cao cả trong con người đều trưởng thành cùng với

cảm giác này về biết ơn. Bạn càng cảm thấy biết ơn, linh hồn bạn càng trưởng thành.

Cho nên khi chúng ta nói mặt trời chỉ là mặt trời, điều đó là phải... nhưng không có cảm giác biết ơn trong phát biểu này. Điều đó dường như là chúng ta chẳng nhận cái gì từ mặt trời cả; điều đó dường như là chúng ta không phải là một phần của nó, chúng ta không dựa vào nó; dường như là nó chẳng có liên quan gì với nhịp đập trái tim ta; dường như là chúng ta không phải là sự kéo dài của nó. Vậy mà, mặc dầu chúng ta ở xa nó hàng triệu dặm, chúng ta lại chính là những tia sáng của mặt trời. Chính mặt trời đang đập bên trong chúng ta, chính mặt trời đang sống bên trong chúng ta.

Đó là hơi ấm của mặt trời, đó là trái tim của mặt trời.

Với khoa học không mối quan hệ nào được tạo ra với mặt trời. Nhưng đây là thiếu sót vô cùng của hiểu biết, bởi vì nếu chúng ta không cảm thấy biết ơn người đã trao cho cuộc sống này, điều cao hơn bên trong chúng ta không thể trưởng thành được.

Cảm giác biết ơn là phẩm chất cơ bản của tâm trí tôn giáo. Chính qua cảm giác biết ơn này mà người ta nhận được ân huệ thiêng liêng. Cho nên khi người nào đó, tràn đầy kính cẩn, cúi mình chấp tay trước mặt trời, còn có nhiều điều hơn nó chỉ là quả bóng lửa khổng lồ. Những người này đã bắt đầu hiểu ra và biết rõ chân lí...

rằng việc cúi mình chẳng đem cho mặt trời cái gì cả, nhưng người đang cúi mình đó nhận được nhiều. Khi nhạy cảm về lòng biết ơn được sinh ra, nó tạo ra sự giản dị, và tâm trí trở thành hồn nhiên. Và điều này không chỉ áp dụng cho mặt trời, nó còn là một hiện tượng lớn lao hơn nhiều. Do đó, những người cúi mình trước mặt trời thì cũng cúi mình trước dòng sông và cây cối.

Đôi khi những sự vụ đáng ngạc nhiên xảy ra. Các Phật tử đã từng tôn thờ cây *bồ đề* trong hai nghìn năm trăm năm.

Không ai có thể nói rằng điều này là vô nghĩa: Chỉ là trùng hợp ngẫu nhiên mà Phật đã ngồi dưới gốc cây đó. Cái gì có đó để mà tôn thờ? Ông ấy có thể đã ngồi ở bất kì đâu! Nhưng trong năm mươi năm qua, khoa học đã phát hiện ra một sự kiện rất đáng chú ý. Sự kiện là ở chỗ con mắt thứ ba, ở ngay giữa trán, bao giờ cũng được coi chỉ là tưởng tượng của các nhà khoa học và nhà tư tưởng, và họ đã cười vào điều đó và phủ nhận sự tồn tại của nó.

Nhưng trong năm mươi năm này, khoa học đã tìm ra một tuyến nằm giữa hai con mắt, là tuyến quan trọng nhất trong thân thể con người. Bất kì ý thức nào đã phát triển trong con người, đấy là do việc tiết ra từ tuyến đó. Và tuyến này cũng chính là cái đã được các hiền nhân của phương Đông gọi là con mắt thứ ba. Việc tiết ra bắt nguồn từ tuyến đó - và không có điều đó thì ý thức không thể nào tiến hoá được trong con người, thông minh không thể phát triển được trong con người - cũng đáng ngạc nhiên là nó được tìm thấy theo số lượng lớn trong *cây đa*, *cây đề*. Khi được so sánh với tất cả thực vật trên thế giới thì nó mang khối lượng rất lớn.

Colin Wilson đã viết trong cuốn sách mới của ông ấy, *Điều huyền bí*, “Không có gì đáng ngạc nhiên nếu cây này có thể mang ảnh hưởng của việc ngồi của Phật dưới nó và đạt tới chứng ngộ. Cây này có thể đã ảnh hưởng tới điều đó, điều đó không chỉ là ngẫu nhiên; cây có thể đã giúp cho điều đó.”

Ấn Độ bao giờ cũng tôn thờ cây đa. Theo nghĩa đó, cây đa là cây duy nhất trong tất cả các loài thực vật trên trái đất; tất cả các cây khác đều rất khác biệt. Thật nguy hiểm mà ngồi hay ngủ dưới bất kì cây nào trong đêm, ngoại trừ cây đa. Cây thờ ra oxy vào ban ngày - lại gần chúng là điều có lợi - còn trong đêm chúng thờ ra carbonic. Chỉ mỗi cây đa mới thờ ra oxy trong cả hai mươi tư tiếng. Bạn có thể ở gần nó vào bất kì lúc nào; nó đem lại ích lợi cho cuộc sống.

Những người đã chọn cây đa trong tất cả các cây khác để tôn thờ đều tràn đầy biết ơn. Không phải là trùng hợp ngẫu nhiên mà Phật đã đạt tới chứng ngộ khi ngồi dưới gốc cây này, đấy là chọn lựa có ý thức. Ngồi và thiền dưới cây này là một phần của quá trình khoa học.

Những người đã cảm thấy biết ơn đều cảm thấy điều đó trong từng và mọi sự vật nhỏ bé trong thế giới này. Bất kì khi nào họ cảm thấy cái gì đó đã giúp đỡ họ, trong lòng biết ơn họ đều gọi nó là thần. 'Thần' có nghĩa là cái gì đó mà từ đó chúng ta bao giờ cũng nhận được, chúng ta bao giờ cũng nhận - và nhận mà thậm chí không đòi hỏi điều gì, liên tục nhận mà thậm chí chẳng cảm ơn. Nó được trao cho một cách vô điều kiện, cho nên chúng ta gọi nó

là thần. Chúng ta không thể cho lại được cái gì cả. Nhưng tất nhiên, chúng ta có thể biểu lộ sự biết ơn của mình.

Mọi thứ thật trong con người chúng ta đều được nối với sự tồn tại lan rộng khắp quanh ta. Khi tâm thức biết tới mối nối này qua giác quan, điều đó được gọi là trạng thái thức. Gọi nó là trạng thái thức cũng chỉ là biểu tượng. Bởi vì chúng ta không biết sự thức tỉnh vĩ đại hơn, do đó chúng ta gọi đây là trạng thái thức. Cho nên điều này là tương đối, bởi vì chúng ta chỉ biết ba trạng thái.

Trạng thái thứ nhất này là mối quan hệ của chúng ta với thế giới qua giác quan, trạng thái thứ hai chúng ta biết là trạng thái mơ, và trạng thái thứ ba chúng ta biết là trạng thái ngủ. Chúng ta không biết gì về trạng thái thứ tư. Cái ngày chúng ta sẽ biết tới trạng thái thứ tư, chúng ta cũng sẽ biết rằng điều chúng ta đã hiểu như trạng thái thức cho tới giờ cũng chỉ là một trạng thái mơ và ngủ.

Sri Aurobindo đã nói rằng khi ông ấy thức tỉnh, ông ấy đã nhận ra rằng cho tới lúc đó ông ấy vẫn còn ngủ, và khi ông ấy biết cuộc sống thực, ông ấy thấy rằng điều ông ấy đã coi là cuộc sống chỉ là cái chết. Nhưng điều đó là tự nhiên, chúng ta không thể quan niệm được về điều chúng ta không biết, và chúng ta thậm chí không thể so sánh được.

Trạng thái thức được gọi là vậy trong so sánh với hai trạng thái kia. Chúng ta đã quen thuộc với ba trạng thái này - mơ, ngủ, thức - và điều này có thể được gọi là trạng thái thức trong ba trạng thái này. Cái ngày người ta biết tới trạng thái thứ tư, cả ba trạng thái này sẽ phải trở thành trạng thái ngủ. Thế thì chúng ta sẽ phải định nghĩa chúng theo cách khác nào đó. Thế thì chúng ta sẽ phải nói: ngủ say, ngủ ít say, ngủ ít say hơn. Điều bây giờ chúng ta gọi là trạng thái thức, khi được so sánh với hai trạng thái kia, là ngủ ít say hơn; điều chúng ta gọi là mơ, thì là ngủ ít say; còn điều chúng ta gọi là ngủ, thì là ngủ say hoàn toàn. Tất cả ba trạng thái này đều là trạng thái ngủ... nhưng hiện tại chúng ta gọi nó là trạng thái thức.

Trạng thái thứ hai là mơ.

Khi trong thiếu vắng của các vật thô, như thính giác và xúc giác, và do những ham muốn không được thoả mãn và kéo dài của trạng

thái thức, qua mười bốn công cụ linh hồn cảm nhận các vật thô đang có đó nhưng lại tạo ra những ham muốn này

- trạng thái này được gọi là swapna, trạng thái mơ của linh hồn.

Đôi khi điều đó thực sự đáng ngạc nhiên.... Bây giờ chúng ta nói rằng thế giới này đã trở thành một cái làng lớn - Nguyên soái McLuhan gọi nó là 'làng toàn cầu'. Nhưng điều này dường như không thực tế đúng. Chúng ta chỉ dường như ở gần, bởi vì phương tiện đi lại đã tăng lên. Mọi người đã không tới gần nhau hơn trong tâm thức.

Upanishad này đã định nghĩa về mơ cả nghìn năm trước đây, và trong năm mươi năm qua phương Tây vẫn không có khả năng giải thích được nó một cách toàn bộ, phương Tây vẫn dò dẫm. Điều đáng ngạc nhiên là nhận ra rằng nền văn minh con người đã phát hiện ra nhiều điều nhưng những phát hiện này vẫn còn cục bộ và bị giới hạn vào tôn giáo của họ, không đạt tới toàn thể tâm thức con người.

Hàng nghìn năm trước đây Upanishad này đã phát biểu rằng chúng ta gọi nó là mơ khi các giác quan đã ngừng làm việc và mắt đã nhắm lại, tai đã đóng lại, vậy mà hình ảnh vẫn có thể được nhìn thấy. Tai trở nên bất hoạt trong khi ngủ, âm thanh bên ngoài không nghe thấy được, nhưng ngay cả thế thì âm thanh cũng vẫn có thể nghe được từ bên trong. Tay đang nằm bất động dường như chết, không sờ vào cái gì cả; vậy mà việc chạm vẫn có thể được cảm thấy ở bên trong.

Hiền nhân này nói: “Những ham muốn không được hoàn thành, những ham muốn không được thoả mãn - bất kì cái gì vẫn còn không đầy đủ trong trạng thái thức, chúng được hoàn thành trong mơ. Cho nên trạng thái mơ bổ sung cho trạng thái thức.”

Và nhiều điều có thể vẫn còn không đầy đủ ngày nay. Bạn đang đi trên phố và bạn thấy một người đàn bà đẹp nhưng bạn không thể nhìn chăm chăm vào cô ấy được, đấy không phải là cách thức tốt. Ham muốn nhìn vào cô ấy vẫn còn trong tâm trí; ban đêm bạn sẽ lại thấy cô ấy trong mơ của mình. Khi ăn, đôi khi bạn không thể ăn để thoả mãn bởi nhiều lí do. Bạn có thể phải dồn tâm sức vào công việc hay bạn có quá nhiều điều cần làm, hay có thể là do lễ phép và ngần ngại; trong đêm mơ sẽ hoàn thành ham

muốn ăn vẫn còn lại. Điều còn chưa được thoả mãn trong trạng thái thức, mơ sẽ đi theo nó và hoàn thành nó trong đêm.

Đó là lí do tại sao người sống toàn bộ trong thời gian ban ngày không có mơ. Người sống toàn bộ trong bất kì điều gì mình làm, người làm điều đó một cách toàn bộ và không nửa vời, người sống mọi khoảnh khắc một cách toàn bộ, làm mất đi mọi mơ của mình. Một người như Phật sẽ không có mơ. Có lí do đằng sau điều đó - bởi vì không còn cái gì không được thoả mãn để mà phải được thoả mãn trong đêm.

Hiền nhân này nói: “Khi các giác quan bất hoạt nhưng tâm thức vẫn đang thấy hình ảnh của các vật được giác quan tạo ra, trạng thái này được gọi là mơ.”

Có khác biệt giữa mơ và thức: trong thức, vật vẫn còn ở bên ngoài và ảnh ở bên trong; trong mơ, vật vắng bóng nhưng ảnh lại ở bên trong. Cho nên mơ là dạng thuần khiết, không có vật. Người mà bạn thấy trong mơ của mình không hiện diện ở bên ngoài, vậy mà ảnh của người đó lại hiện diện bên trong. Những hình dạng này do giác quan tạo ra. Nhớ điều đó: những hình dạng này do giác quan tạo ra, chúng là sáng tạo của các giác quan. Làm sao các giác quan tạo ra chúng?

Mọi giác quan đều tích lũy kinh nghiệm của nó. Bất kì màu sắc nào bạn đã thấy cho tới giờ, và bất kì khi nào bạn đã thấy chúng, tất cả những kí ức về màu sắc đó đều được lưu giữ trong tâm trí. Trong mơ, tích lũy đó được sử dụng; mắt lại dùng những màu sắc đó. Bất kì ai bạn đã từng chạm vào, những cái chạm đó, những tiếp xúc đó được thu thập lại. Bên trong cái sọ nhỏ bé của con người là bộ sưu tập lớn về thế giới; bên trong bộ não nhỏ này là mười tỉ tế bào, và mọi tế bào đều chứa một thế giới lớn trong chính nó.

Tuyển tập này không chỉ về kiếp sống này, nó là từ nhiều, nhiều kiếp sống. Đó là lí do tại sao bạn có thể thấy các hình dạng trong mơ mà bạn chưa hề thấy trong kiếp sống này; bạn có thể thấy những khuôn mặt bạn chưa bao giờ gặp, những khuôn mặt bạn không nhớ; bạn có thể thấy những cảnh mà chẳng liên quan gì với kí ức về cuộc sống này. Đó là lí do tại sao đôi khi một giấc mơ sẽ làm cho bạn bị sửng sò, đẩy bạn vào tình thế khó khăn; bạn

không thể nào hiểu nổi mơ này là gì. Những ấn tượng từ nhiều, nhiều kiếp sống đã được tích lũy lại - bất kì cái gì bạn đã từng biết, tất cả những cái đó đều được tích lũy lại. Tâm trí dùng lại nó; nó tất cả đều được lưu giữ ở đó. 'Huấn luyện' nghĩa là kí ức đã được tích lũy lại. Huấn luyện nghĩa là cái đã được thu thập trong các tế bào của bộ não.

Bây giờ các nhà khoa học đã tìm ra một kĩ thuật để họ có thể kích hoạt bất kì phần nào của kí ức của bạn bằng việc gắn một điện cực vào não bạn. Bạn có thể vẫn cứ nói rằng bạn không muốn thấy màu sắc nhưng bạn sẽ không có bất kì kiểm soát nào về nó. Kí ức đã tích lũy về màu sắc trong não bạn có thể được kích hoạt bằng điện cực và tất cả các loại màu sắc sẽ lan toả bên trong bạn. Bạn có thể nói rằng bạn không muốn thấy tất cả những điều này, nhưng điều đó sẽ ở ngoài kiểm soát của bạn bởi vì kí ức này đã bị điện cực chạm vào.

Một điều thú vị nữa là ở chỗ cùng một điểm được chạm vào, thì cùng màu sắc sẽ lặp lại, bởi vì chúng chỉ là bản ghi lại. Cứ dường như là bạn là cái máy hát: nó sẽ lặp lại cùng bài hát mọi lần bạn dùng nó. Giống như thế, mọi tế bào trong não đều là một máy hát: bất kì khi nào bạn chạm vào nó bằng điện cực, cũng dường như là bạn đặt chiếc kim vào máy hát và nó sẽ chơi cùng một điệu, lặp đi lặp lại cùng một điệu. Bạn có thể làm điệu đó hàng nghìn lần và cái máy hát trong tế bào sẽ tự lặp lại nó. Cho nên, một điệu là chắc chắn bây giờ theo thuật ngữ khoa học... bộ não của bạn là việc tích lũy các ấn tượng. Trong trạng thái mơ bạn thấy mọi điệu lặp đi lặp lại từ cùng một tuyển tập này. Nó cũng giống như việc nhai lại.

Con trâu gặm cỏ trong ngày, nhưng không có thời gian nhai bởi vì, ai mà biết được, ai đó khác có thể ăn hết cỏ trong khi nó đang dính vào việc nhai. Cho nên trước hết nó gặm cỏ, thế rồi nó nhai lại lúc nhàn rỗi, đưa cỏ trở lại mồm và nhai lại.

Cả ngày, cả cuộc đời mình chúng ta cứ thu thập, trong các kiếp sống chúng ta cứ thu thập, rồi chúng ta nhai lại trong các giấc mơ của mình. Bất kì chỗ nào tâm trí vẫn còn chưa được hoàn thành, chúng ta mở lại nó, chúng ta mở lại máy hát; chúng ta dàn trải những ấn tượng đó lên màn ảnh.

Việc mơ là cách thu xếp nhờ đó chúng ta có thể phóng chiếu những ấn tượng của mình mà không có giúp đỡ của các giác quan, không có giúp đỡ của thế giới bên ngoài. Đây là của cái riêng tư của chúng ta. Lần nữa chúng ta có thể dần trải thế giới riêng của mình bên trong chúng ta. Bạn có thể tạo ra toàn bộ thế giới. Đó là lí do tại sao, trong trạng thái mơ, bạn chưa bao giờ biết điều bạn đang thấy là trong mơ. Trong khi mơ, điều bạn thấy dường như là thật. Chỉ sau khi tỉnh dậy từ mơ bạn mới biết rằng nó là mơ. Trong trạng thái mơ điều đó chưa bao giờ được nhận ra như là mơ.

Nếu ai đó nhận ra mơ là mơ trong khi mơ, thế thì mơ bị phá vỡ, bởi vì trong hiện diện của người biết thì bản ghi về các ấn tượng lẫn đi, quay trở lại trong tầng sâu hơn. Bây giờ người này là thức tỉnh, việc thức tỉnh đã bắt đầu, trạng thái mơ bị tan tành.

'Trạng thái mơ' có nghĩa là các giác quan đã tích lũy những ấn tượng trong kí ức của chúng ta, và chúng ta có thể tái tạo lại thế giới tưởng tượng này bên trong mình, thậm chí không cần trợ giúp của thế giới bên ngoài. Điều đó chúng ta làm hàng ngày. Đây là trạng thái khác của tâm trí chúng ta. Đây là trạng thái sâu hơn của chúng ta. Bởi vì trong khi thức chúng ta đã phải làm việc chọn lựa theo xã hội, nền văn minh, văn hoá - có cả nghìn hạn chế

- nhưng trong mơ chúng ta được tự do. Chúng ta đã được tự do cho tới giờ, nhưng ai biết được liệu chúng ta sẽ vẫn còn được tự do hay không trong tương lai, bởi vì bây giờ các nhà khoa học đang dần dần trở nên có khả năng đi vào trong mơ của con người.

Trong hai trăm năm qua, trên khắp thế giới, các chính khách đã từng đòi hỏi tự do tư tưởng. Không có gì đáng ngạc nhiên nếu sau thế kỉ này, các cuộc cách mạng nổi lên và bắt đầu đòi hỏi tự do mơ, đòi hỏi không can thiệp vào việc mơ, bởi vì trong tương lai gần các chính phủ sẽ có quyền cho phép bạn mơ điều họ muốn bạn mơ, và hạn chế việc mơ của bạn ở những cái họ không muốn bạn mơ. Nguy hiểm này còn lớn hơn là bom nguyên tử.

Các nhà tâm lí bây giờ đang phát hiện ra các phương pháp và hệ thống để kiểm soát tâm trí từ bên ngoài. Bom nguyên tử chỉ có thể phá huỷ thân thể, nhưng những phương pháp này còn nguy hiểm

hơn bởi vì chúng có thể tạo ra cảnh nô lệ tâm lí sâu sắc. Không có gì ngạc nhiên nếu một ngày nào đó bạn được gọi tới đồn cảnh sát nào đó và bị vấn cung: “Sao anh đã mơ giấc mơ đó đêm qua? Chính phủ hoàn toàn chống lại điều đó. Mơ đó hoàn toàn phản lại quốc gia; anh có vẻ như một kẻ phản bội.” Trong tương lai người ta sẽ có khả năng điều khiển mơ của bạn, cho nên sẽ không có gì đáng ngạc nhiên nếu các chính phủ phát xít của tương lai bắt đầu dùng nó.

Mơ loài người có thể bị thao túng. Nếu bạn biết một kĩ thuật nhỏ thì thậm chí bạn có thể thao túng họ thêm một chút ít. Chẳng hạn, nếu bạn cọ bằng vào bàn chân của một người đang ngủ, người đó có thể bắt đầu mơ ngay rằng mình đang đi trên băng. Hay có thể mơ tương tự sẽ bắt đầu: người đó sẽ bắt đầu mơ rằng trời đang mưa to và chân người đó bị ướt. Người đó sẽ tạo ra một giấc mơ để chứa đựng cảm giác lạnh này nhận được từ bên ngoài và điều đó sẽ kích hoạt mọi ấn tượng về lạnh bên trong não.

Đôi khi, khi ác mộng xảy ra hay một giấc mơ kinh hoàng xảy ra, điều đó có thể đơn giản bởi vì bạn đã để tay lên ngực mình, chứ chẳng bởi lí do gì khác. Nếu bạn đặt tay lên ngực, bạn có thể bắt đầu mơ rằng ai đó đang ngồi lên ngực bạn. Cho nên nếu bạn để gối lên ngực ai đó, bạn có thể thao túng mơ của họ một chút xíu, bạn có thể chỉ đạo mơ của họ.

Điều này bây giờ đã được biết rõ. Nhưng bây giờ các công cụ đã được phát minh ra mà có thể chỉ đạo cho mơ của bạn từ bên trong tâm trí - bởi vì theo cách này các tế bào não bạn có thể được tiếp xúc một cách trực tiếp, và các ấn tượng có thể được kích hoạt.

Không có trợ giúp của các giác quan, không có bất kì mối nối nào với thế giới bao la bên ngoài và chỉ dựa trên cơ sở kí ức cũ, con người tạo ra một thế giới bên trong bản thân mình. Trạng thái đó được gọi là trạng thái mơ.

Đây là hai trạng thái - thức và mơ. Hiểu và siêu việt lên trên trạng thái mơ, thoát khỏi các giấc mơ là cần thiết; chỉ thế thì trong trạng thái thức mắt bạn mới có thể trở thành hồn nhiên, vô tư, trong sạch và không khỏi.

Mắt con vật có hồn nhiên mà mắt con người không có. Lí do duy nhất là ở chỗ chúng có ít mơ hơn, gần như không có. Vậy mà những

con vật sống với con người lại bắt đầu mơ. Mèo và chó mơ bởi vì với việc sống với con người chúng cũng bị nhiễm bệnh. Mơ là phiền não liên tục... phiền não liên tục bên trong bạn, lo âu, căng thẳng; nó ảnh hưởng tới mắt bạn. Nhìn vào mắt con bò mà xem - chúng hoàn toàn trong trẻo, không khói. Mắt chúng giống như bầu trời xanh bình thản mà trong đó bạn thậm chí có thể thấy những viên đá sỏi nằm dưới đáy. Nhìn sâu vào mắt bò mà xem

- chúng hoàn toàn trống rỗng, không có tầng nào ở đâu cả trong chúng. Nhưng nhìn vào mắt người! - có tầng tầng lớp lớp trong mắt họ. Những tầng này là sáng chế của các giấc mơ.

Người càng tham vọng, mắt người đó sẽ càng trở nên nông cạn, bởi vì người đó càng có nhiều tham vọng thì người đó sẽ càng có nhiều mơ. Tôi đã nói rằng bất kì cái gì còn không được hoàn thành thì đều tạo ra mơ; và tham vọng không bao giờ có thể được hoàn thành, nó bao giờ cũng không thể thoả mãn được.

Cho nên tham vọng chưa được hoàn thành rót đầy con người bằng các giấc mơ. Những mơ này có thể trở thành sâu sắc đến mức khó có thể đánh thức được người đó.

Có lẽ một người như Hitler thì không có trạng thái thức bình thường như chúng ta biết nó. Điều đó chỉ trở thành việc được mọi người biết tới về sau này, gần kết thúc của chiến tranh thế giới thứ hai, khi các nhà tâm lí bắt đầu nhận ra rằng con người mà họ đang đánh nhau với, dường như là ngủ, không thức. Trong khi bom đang được dội xuống Berlin và cuộc chiến đang diễn ra trên các phố, khi Hitler đang bị đánh bại trên mọi mặt trận và không có cách nào trốn thoát - đạn bắn ngay phía trước boong ke của Hitler

- ông ta vẫn cho phát thanh rằng ông ta đang thắng ở Moscow.

Hitler phải đã mơ: ông ta không nghe thấy tiếng súng bắn bên ngoài cửa. Bằng không thì dường như không có cách nào để ông ấy có thể công bố, "Chúng ta đang thắng." Khi chỉ huy quân đội tới và thông báo cho Hitler rằng họ đang thua trận chiến này,

Hitler ra lệnh, "Đem bắn nó đi, nó đã phát điên! Chúng ta không thể thua trận chiến này được. Vấn đề này không nảy sinh. Vấn đề chỉ là vài khoảnh khắc... Moscow phải đầu hàng ngay bây giờ." Ông ta đã thua ở mọi nơi - nhưng ông ta vẫn đang mơ, ông ta không trong trạng thái thức.

Có lẽ người tham vọng vẫn còn trong mơ của mình. Càng tham vọng, mơ càng sâu. Cho nên nếu bạn muốn thấy những đôi mắt nông cạn nhất, bạn sẽ tìm thấy chúng ở các chính khách. Những đôi mắt sâu sắc có thể được thấy trong *sannyasin*, bởi vì tính chất *sannyas* có nghĩa là trạng thái mà không tham vọng nào còn lại, không mơ nào còn lại. Và cho dù mơ cuối cùng mà còn lại, thì nó cũng chỉ là về làm sao siêu việt lên trên việc mơ, làm sao gạt bỏ mơ và thoát khỏi nó. Nếu vẫn còn một tham vọng, thì đấy là làm sao thoát khỏi tham vọng... có vậy thôi.

Nếu bạn có thể làm tiêu tan các giấc mơ của mình, thức của bạn sẽ tỉnh táo hơn. Hay, nếu bạn làm cho việc thức của mình được tỉnh táo, mơ sẽ bắt đầu tiêu tan. Nếu bạn sống cuộc sống của mình tỉnh táo hơn, thức tỉnh hơn, mơ của bạn sẽ giảm đi; hay nếu bạn giảm việc mơ của mình đi, thức tỉnh sẽ tăng lên. Tất cả những trạng thái này đều có liên hệ lẫn nhau. Và nếu mơ giảm đi và thức của bạn mạnh hơn, lần đầu tiên bạn sẽ biết giấc ngủ sâu thực sự là gì, bằng không bạn sẽ chẳng bao giờ biết tới nó. Giấc ngủ sâu là gì? Chắc chắn chúng ta ngủ, nhưng chúng ta không biết giấc ngủ là gì - bởi vì làm sao người đang ngủ, ngay cả trong trạng thái thức, lại có thể thức được trong trạng thái ngủ? Làm sao người không thể thức dậy được trong trạng thái thức, lại có thể thức được trong trạng thái ngủ? Thức dậy vào buổi sáng chúng ta có thể nói điều này, rằng chúng ta đã ngủ say - nhưng chúng ta không biết gì về nó cả.

Bạn đã ngủ cả cuộc đời mình, nhưng bạn chưa bao giờ đương đầu với giấc ngủ của mình cả. Bạn đã bao giờ chứng kiến giấc ngủ của mình buông xuống không? Khi màn đêm buông xuống vào buổi tối, mặt trời lặn xuống và bóng tối bắt đầu lan toả hết tầng nọ đến tầng kia trên trái đất... bạn đã bao giờ chứng kiến giấc ngủ buông xuống ý thức của bạn giống thế chưa? Không, bạn chưa quan sát đâu. Bởi vì khi giấc ngủ buông xuống, bạn không hiện diện. Và chừng nào bạn hiện diện, giấc ngủ lại không buông xuống.

Bạn ngủ hàng ngày, nhưng bạn không quen với giấc ngủ của mình, và làm sao người không quen với giấc ngủ của mình quen được với bản thân mình? Người đã trùu bóng tối vào bên trong bản thân mình, một lục địa lớn của giấc ngủ - người ngủ tám

tiếng mỗi ngày và làm mất mọi ý thức - làm sao người đó đạt tới được trạng thái sâu sắc đó nơi ý thức chưa bao giờ bị mất cả? Người đó không thể đạt tới được.

Việc mơ phải bị làm tan tành. Mục đích của công phu tâm linh là để làm tan tành và phá huỷ việc mơ này sao cho trạng thái thức có thể trở thành thức tỉnh hơn, và một khoảnh khắc có thể tới khi trạng thái thức mang tính thức tỉnh đến mức các giấc mơ biến mất. Cái ngày mà trạng thái thức mang tính tỉnh táo tới mức các giấc mơ đã biến mất, ngày đó bạn sẽ kinh nghiệm giấc ngủ lần đầu tiên. Bạn sẽ chứng kiến giấc ngủ của mình. Thế thì bạn sẽ ngủ, và bạn cũng sẽ biết rằng bạn là giấc ngủ.

Cái ngày người ta nhận biết trong giấc ngủ của mình rằng mình đang ngủ, thế thì không có cách nào làm cho người đó hành xử một cách vô ý thức; bây giờ người đó không thể hành động một cách vô ý thức được, bây giờ giận dữ là không thể được. Bây giờ người đó không thể nào giết người, người đó không thể nào ăn cắp được, người đó không thể nào nói dối được. Bây giờ tất cả những điều này là không thể được, bởi vì chính ngọn nguồn của giấc ngủ mà có thể làm cho người đó thành vô ý thức đã bị phá huỷ. Chất độc vẫn làm cho người đó thành vô ý thức, vẫn làm cho người đó ngủ gà ngủ gật, không còn nữa.

Khi người ta nhận biết trong khi ngủ, người ta đạt tới *turiya* - trạng thái thứ tư. Người thức tỉnh trong giấc ngủ đạt tới *turiya*.

Bây giờ các bạn sẵn sàng cho buổi thiền sáng. Trước hết hiểu đôi điều: không cái gì xảy ra với nỗ lực hờ hững; bạn dùng toàn bộ năng lượng của mình. Bởi vì trạng thái mơ còn mạnh - nó đã được tạo ra qua nhiều kiếp rồi - nếu bạn muốn phá vỡ nó, thế thì hãy đập mạnh.

Vải che mắt vẫn cứ để trên mắt, và việc thở nhanh được thực hiện trong mười phút. Thở nhanh lên... cũng giống như ống bễ của thợ rèn. Kundalini phải bị đập mạnh đến mức nó có thể tỉnh dậy. Thở như người điên trong mười phút. Nhảy và múa sẽ bắt đầu theo cách riêng của nó; năng lượng sẽ nảy sinh bởi vì việc thở nhanh.

Thế rồi, trong bước thứ hai, nhảy múa trong mười phút, nhảy nhót, la hét và cười đùa - bất kì cái gì bạn muốn làm,

làm nó một cách toàn bộ. Đừng đứng thụ động, làm điều gì đó
- bất kì điều gì tới trong tâm trí, làm điều đó.

Và trong bước thứ ba, hô “Hu,” đập mạnh vào kundalini
bằng “Hu.”

Trong bước thứ tư chúng ta sẽ thành thoi.

5 Cuộc tìm kiếm cá nhân

Khi có bất hoạt và nghỉ ngơi của mười bốn công cụ thì có thiếu cảm nhận, và các vật thô, như thính giác và xúc giác, không được kinh nghiệm.

Trạng thái này được gọi là sushupti, trạng thái ngủ của linh hồn.

Tâm thức chứng kiến một cách vĩnh hằng biết tới sự hiện diện hay vắng mặt của ba trạng thái, và bản thân nó vượt ra ngoài sự hiện diện hay vắng mặt, là turiya.

Đây là trạng thái thứ tư.

Thức là trạng thái thứ nhất, mơ là trạng thái thứ hai và ngủ là trạng thái thứ ba. *Sushupti*, trạng thái ngủ, nghĩa là không có nhận biết về thế giới bên ngoài, cũng không có kinh nghiệm gì về các đối tượng hay bất kì mơ nào được tạo ra bởi ấn tượng của chúng trong tâm trí. Ý thức hoàn toàn ngủ, không có dấu vết của bất kì nhận biết nào: ý thức có đó nhưng không có nhận biết, cuộc sống có đó nhưng hoàn toàn ngủ - không có hiểu biết về bất kì loại gì. Người này trở thành vô tri vô giác - sống đấy, vậy mà vô tri vô giác, trơ ra.

Cho đến giờ chúng ta đã thảo luận về hai trạng thái: khi chúng ta mở mắt, thế giới bên ngoài được nhìn thấy, khi chúng ta nhắm mắt, thế thì điều chúng ta đã thấy ở bên ngoài lại được thấy ở bên trong, trong mơ của chúng ta. Cái gì đó bao giờ cũng trực quan. Thế giới bên ngoài có thể vắng bóng, nhưng dầu vậy hình dạng được nó tạo ra vẫn tiếp tục chuyển động trên màn ảnh của tâm trí. Cái gì đó bao giờ cũng vẫn còn trên màn ảnh của tâm trí.

Khi màn ảnh này trống rỗng, trạng thái này được gọi là *sushupti*, trạng thái ngủ. Thế thì cả các đối tượng bên ngoài lẫn các ý nghĩ bên trong cũng đều không được cảm nhận, luồng tất cả các ảnh đều dừng lại; màn ảnh trống rỗng, nó bị bỏ trống, không nhận biết nào còn lại - trạng thái đó được gọi là *sushupti*.

Bây giờ, có vài điều rất quan trọng cần hiểu ở đây. Thứ nhất, cần hiểu rằng bạn chưa bao giờ nhận biết về bản thân mình cả. Nếu bạn quả có nhận biết nào đó về bản thân mình,

thế thì cho dù thế giới bên ngoài có biến mất, và thế giới mơ bên trong cũng biến mất, vậy mà một điểm của nhận biết sẽ vẫn còn lại, rằng 'tôi đây'. Mặt trời, mặt trăng và các vì sao có thể không còn thấy được, mắt bạn có thể vẫn còn nhắm mà không mơ nào tuôn chảy, nhưng dầu thế thì nhận biết về 'tôi tồn tại' sẽ vẫn cứ còn. Nhưng như bạn hiện tại, chẳng có nhận biết gì về bản thân mình cả; nhận biết của bạn là hướng đối tượng; bạn nhận biết về người khác, về các sự vật, nhưng không về bản thân mình.

Cho nên khi tất cả mọi đối tượng biến mất, ý thức biến mất. Dù bạn có bất kì nhận biết nào về người khác; bạn vẫn không có nhận biết về bản thân mình. Khi bạn vấp ngón chân vào tảng đá, bạn mới trở nên nhận biết về tảng đá và kinh nghiệm cái đau của chính mình, bạn không nhận biết về người đang cảm nhận mọi thứ.

Ngay bây giờ, tôi đang nói và bạn đang nghe. Bạn nghe lời tôi, bạn đang nghe bằng những rung động trong tai mình, nhưng bạn vẫn chưa biết người nghe đang ẩn kín đằng sau tất cả những điều này. Nếu việc nói bị dừng lại và những lời đang lọt vào tai bạn biến mất và không có gì vang vọng bên trong, thế thì bạn sẽ không có nhận biết nào cả.

Đó là lí do tại sao vài nhà tư tưởng vẫn cứ mở rộng việc nói - và phát biểu của họ đúng tới chín mươi chín trong một trăm lần - họ nói rằng chẳng có gì như ý thức tồn tại cả; tâm thức của bạn chỉ là tiếng vọng bên trong của sự hiện diện của những thứ khác.

Trạng thái thứ ba này của việc ngủ, việc trở thành vô ý thức, phơi bày ra những bí ẩn lớn. Khải lộ thứ nhất là ở chỗ chúng ta đang trong ảo tưởng lớn rằng chúng đã có ý thức. Chúng ta không có ý thức. Đó là lí do tại sao giấc ngủ sẽ ngay lập tức chiếm lĩnh khi bạn không bận bịu. Nếu bạn không bận, giấc ngủ sẽ lập tức bắt đầu hạ xuống bạn, cho nên cần phải bận rộn. Có mặt khác cho nó nữa: khi bạn trở nên quá bận rộn, giấc ngủ sẽ không tới mặc cho nỗ lực tối đa của bạn. Đêm rồi, bạn đang nằm trên giường, nhưng ý nghĩ của bạn chạy tứ tung không dừng và giấc ngủ không tới, bởi vì khi ý nghĩ của bạn xô đi lung tung thì bạn phải tỉnh

táo, bạn không thể ngủ được; sự việc hiện diện, mặc dầu nó không phải là thế giới bên ngoài.

Nếu ai đó đang đánh trống gần bạn, bạn không thể ngủ được. Tại sao lại vậy? Bởi vì rằng việc đánh trống giữ cho bạn tỉnh táo có ý thức, nó không cho phép bạn ngủ. Nhưng cho dù trống không được đánh và bạn đang nằm với mắt nhắm, nhiều ý nghĩ vẫn sẽ chạy xô qua tâm trí bạn, những tưởng tượng sẽ cứ diễn ra trong tâm trí bạn, thế thì giấc ngủ cũng sẽ không tới. Ngay cả bạn có nghĩ tới giấc ngủ, cố gắng ngủ, bạn vẫn không thể ngủ được. Khi bạn đang nghĩ về cách bạn có thể làm cho bản thân mình thiếp đi, về điều bạn có thể làm để thiếp đi, việc ngủ vẫn không xảy ra, bởi vì bạn sẽ vẫn còn có ý thức chừng nào còn có một sự việc. Và thế thì, ngay khi sự việc biến mất, bạn sẽ ngay lập tức chìm vào trong vô thức.

Cho nên ý thức của bạn phụ thuộc vào các sự việc, bạn không là người chủ của nó. Nếu chúng ta hiểu điều đó đúng, thế thì sâu bên dưới là tù túng. Chúng ta có thể vẫn còn thức nếu ai đó hay cái gì đó giữ chúng ta thức; nếu không cái gì giữ chúng ta thức, chúng ta thiếp đi ngay lập tức. Đó là lí do tại sao con người phát minh những cảm giác mới hàng ngày, bằng không thì cuộc sống trở thành chán.

Cùng người vợ ấy! - và cuộc sống bắt đầu mất đi sự kích động của nó; cho nên chồng muốn tìm người đàn bà mới. Cùng ngôi nhà ấy! - và cuộc sống bắt đầu mất đi sự kích động; cho nên ngôi nhà khác được cần tới. Chỉ mỗi một kiểu thức ăn! - cuộc sống bắt đầu mất đi sự kích động; cho nên mọi ngày người ta muốn cái gì đó mới và khác để ăn. Ham muốn thay đổi này là để giữ chúng ta thức, bằng không thì chúng ta sẽ đi ngủ - nếu không có thay đổi, chúng ta sẽ thiếp đi. Do đó tất cả mọi phương pháp đem lại giấc ngủ đều chỉ dùng mỗi một kĩ thuật.

Tất cả các phương pháp được tạo ra để giúp cho những người không thể ngủ được đều dùng kĩ thuật đơn giản nhất của việc lặp lại cái gì đó. Sau một chốc họ bị chán thế bởi vì thiếu vắng cái gì đó mới thì chẳng có lí do gì để thức cả. Ngay cả bạn có lầm nhầm “Rama, Rama, Rama, Rama, Rama, Rama, Rama, Rama,” bạn cũng sẽ thiếp đi. Đó là lí do tại sao những người cứ lầm nhầm

mật chú lại thiếp đi, rơi vào giấc ngủ và những người thờ cúng trong các đền chùa cứ buồn ngủ. Đơn giản không có gì mới, do đó không có thách thức; không có điều gì để duy trì thức tỉnh.

Mẹ vỗ vào trán đứa con năm đến mười lần - cùng việc vỗ đó... cùng việc vỗ đó... cùng việc vỗ đó - và đứa trẻ đi vào giấc ngủ. Chẳng có gì bất thường trong việc vỗ cả; đứa trẻ chỉ phát chán. Chẳng có gì mới xảy ra, cho nên đứa trẻ đi vào giấc ngủ.

Đó là lí do tại sao bạn thiếp đi dễ dàng hơn trong phòng riêng của mình; trong phòng lạ thì phải mất thời gian mới ngủ được bởi vì phòng lạ là không quen thuộc. Bạn thiếp đi rất nhanh chóng trên chiếc gối hay giường của riêng mình nhưng phải mất nhiều thời gian để thiếp đi trên giường của ai đó khác; có cái gì đó mới giữ cho bạn thức tỉnh. Do đó, mọi người đều có nghi thức ngủ của riêng mình.

Đứa trẻ nhỏ, cảm thấy bất ổn, liền đưa ngón tay cái vào miệng. Trong vài khoảnh khắc, bởi vì chẳng cái gì mới xảy ra, nó phát chán và thiếp đi. Không có nhiều khác biệt giữa trẻ con và người lớn. Ai đó không thể ngủ được trừ phi người đó hút thuốc lá vào ban đêm. Người đó hút thuốc - đó là cái thay thế cho việc bú ngón tay cái

- thế thì người đó đi vào giấc ngủ. Thường lệ hàng ngày làm cho người ta cảm thấy chán ngay lập tức. Giấc ngủ cũng khó khăn ở chỗ mới, giữa những người mới, trong ngôi nhà mới, bởi vì có nhiều thứ quanh bạn giữ cho bạn thức đòi hỏi sự chú ý của bạn, nhận biết của bạn - bởi vì cái gì đó là mới.

Giấc ngủ đã bị quấy rối ở phương Tây bởi lí do đơn giản là phương Tây đang thay đổi nhanh chóng tới mức bao giờ cũng có cái gì đó mới. Phương Đông thoải mái khi có liên quan tới giấc ngủ, nhưng điều đó sẽ không còn kéo dài lâu nữa. Dân làng ngủ say; ai đó sống ở thành thị không thể ngủ say được như vậy. Không có lí do đặc biệt cho điều này ngoại trừ rằng dân làng sống trong những hình mẫu cũ, sống trong cái chán chường, không có gì mới giữ cho người đó thức. Với ai đó ở thành thị, hàng ngày đều có cái gì đó mới: phim mới được chiếu, báo mới được in, có người mới mà gặp, hàng hoá mới tới trên thị

trường, ô kính cửa hàng được trang hoàng bằng những đồ trưng bày mới, có kiểu cách mới, mọi thứ đều mới hàng ngày. Tác động của tất cả những cái mới này là ở chỗ người đó thường xuyên thức và khó mà ngủ được. Tại thôn làng mọi thứ đều cũ; cùng làng ấy, cùng phố ấy, cũng những người ấy, mọi thứ đều như thế cả. Nếu tôi trở về làng mình sau một hay hai năm tôi thấy rằng mọi thứ vẫn còn như cũ. Khi tôi về làng tôi biết đích xác tôi sẽ gặp người đưa thư nào tại ga xe lửa và người đó bao giờ cũng gặp tôi - người đó là nhân viên bưu điện duy nhất. Tôi biết người đánh xe ngựa nào sẽ gặp tôi và người đó sẽ nói gì, bởi vì trong nhiều năm bất kì khi nào tôi đã đi từ đó, người đó đều nói cùng một điều. Và khi người đánh xe ngựa này đi qua đường làng, tôi biết ai sẽ ngủ ngoài nhà mình và ho... Tôi biết cái gì sẽ diễn ra trong làng; mọi thứ đều dự đoán được. Tôi đã biết cái gì sẽ xảy ra, gần như chẳng cái gì thay đổi cả. Đôi khi cái gì đó có xảy ra: ai đó trong làng mất, ai đó mới sinh ra - thỉnh thoảng. Mọi thứ khác diễn ra như thường lệ.

Phương Đông đã không có vấn đề gì với giấc ngủ cả, bởi vì mọi thứ đều tĩnh tại. Phương Tây gặp rắc rối; mọi thứ đều đang thay đổi, và thay đổi nhanh tới mức sau năm năm khó mà nói được liệu thành phố của bạn có vẫn còn là cùng thành phố đó không bởi vì mọi thứ đã thay đổi quá nhiều. Khả năng ngủ đã bị khuấy động. Nếu không sự việc nào kích động bạn, giấc ngủ tới một cách tự nhiên; nếu có kích động, bạn vẫn còn thức.

Đây là một định nghĩa kì lạ về sushupti, trạng thái ngủ: rằng chúng ta không có nhận biết, không tự nhận biết; chúng ta không có tự ý thức... chúng ta chỉ ý thức về người khác. Nếu người khác giữ cho chúng ta thức thì chúng ta vẫn còn thức, nếu người khác kích thích chúng ta, chúng ta vẫn còn thức; nếu người khác tạo ra thách thức nào đó, duy trì sự vật lộn hay xích mích với chúng ta, thế thì chúng ta còn thức. Còn nếu không ai giữ chúng ta thức, chúng ta thiếp đi ngay lập tức, chúng ta biến mất trong những chiều sâu của giấc ngủ.

Có lần tôi ở trong một làng, một người bị rắn cắn. Không có bác sĩ trong làng đó cho nên người ta phải đưa anh ta sang làng khác. Những người già cả trong làng gợi ý phải giữ cho anh

ta thức, không cho phép anh ta thiếp đi, bởi vì nếu anh ta thiếp đi, có lẽ sẽ không thể làm anh ta sống lại được. Cho nên mọi người đem anh ta sang làng bên cạnh cứ phải giữ cho anh ta thức, không cho ngủ, vãi nước vào anh ta, dựng anh ta ngồi dậy, lay anh ta để cho anh ta không thiếp đi.

Tôi cũng đi cùng họ một chốc vào ngày đó trong cùng chuyến tàu hoả, và bỗng nhiên tôi chợt nhận ra là người này có thể đã bị rấn cắn, nhưng tất cả chúng ta cũng đang trong cùng hoàn cảnh đó. Nếu mọi người quanh ta không giữ cho chúng ta thức, chúng ta cũng sẽ bị mất đi và thiếp đi. Ai đó liên tục giữ cho chúng ta thức, cảm giác mới giữ cho chúng ta tỉnh táo. Đó là lí do tại sao khi chiến tranh bắt đầu, mắt mọi người đều sáng lên và sự tươi tắn tới trên khuôn mặt họ - cái gì đó mới mẻ đang xảy ra. Vào buổi sáng họ lấy báo ngày, và ngay cả những người thường chẳng bao giờ dậy sớm, cũng dậy sớm và đợi báo. Điều gì xảy ra vậy? Điều đó đáng ngạc nhiên, bạn vẫn cho rằng chiến tranh sẽ đem đến nỗi buồn nhưng nó lại đem tới hạnh phúc, rằng chiến tranh sẽ đem tới phiền não nhưng nó lại đem tới tươi tắn. Ngay cả những quốc gia chết cũng bắt đầu rung động với cuộc sống... máu bắt đầu tuần hoàn nhanh hơn. Sao vậy?

Các nhà tâm lí nói rằng, như con người hiện hữu, người đó phải liên tục tranh đấu hoặc không thì người đó trở thành mê man hoàn toàn và người đó không có hương vị của cuộc sống. Cái gì đó phải liên tục xảy ra ở đâu đó, một loại rắc rối nào đó, bằng không thì chúng ta sẽ chỉ thiếp đi. Chúng ta tất cả đều bị rấn cắn.

Trạng thái thứ ba này, trạng thái của giấc ngủ, xảy ra khi không sự việc nào kích thích chúng ta - không cả từ bên trong lẫn bên ngoài, không trong thế giới các ý nghĩ lẫn trong thế giới sự vật. Chúng ta vẫn sống, nhưng vô ý thức.

Và trạng thái thứ tư được gọi là *turiya*. Khi ai đó đã xuyên thủng trạng thái thứ ba, cho dù toàn thể thế giới bên ngoài có tan biến đi, tâm thức người đó vẫn sẽ còn đó, thức tỉnh. Cho dù các vì sao và mặt trăng có lạnh đi và trái đất này biến mất và mọi thứ bị huỷ diệt, chẳng cái gì còn lại - nếu chỉ mỗi mình tôi hiện hữu, còn lại một mình - cho dù thế thì tôi vẫn còn thức tỉnh, tôi vẫn còn ý thức. Tất cả xung quanh là sự trống rỗng tràn ngập, mọi thứ trở thành không

bản chất - tôi một mình còn lại. Chẳng có gì để biết, chỉ người biết là còn lại. Không âm thanh nào được nghe, chỉ người nghe là còn lại. Chẳng có cái gì để nhìn, chỉ khả năng nhìn là còn lại. Khi tất cả những cái khác không hiện hữu, ấy vậy mà tôi vẫn còn trong nhận biết, các nhà tiên tri Ấn Độ đã gọi trạng thái này là trạng thái thứ tư, trạng thái thực, turiya. Người đạt tới trạng thái này thì cũng đạt tới mọi thứ; người còn chưa đạt tới trạng thái này chỉ cứ tích lũy các sự việc hay ý tưởng và vẫn còn bị lừa gạt, vẫn còn dưới ảo tưởng rằng “Mình biết mình là ai.” Nhưng nếu bạn lấy đi các sự việc và ý nghĩ của người đó thì người đó sẽ bị lạc vào trong giấc ngủ của mình và chẳng cái gì còn lại từ người đó cả.

Nếu một người rất giàu và ai đó đánh cắp tiền bạc của người đó, đau đớn của người đó không chỉ là do mất tiền, mà còn do sự kiện là cùng với tiền, một phần linh hồn người đó cũng bị lấy đi, bởi vì người đó không có linh hồn thực theo đúng nghĩa; nó chỉ có trong mối quan hệ với tiền. Khi chúng ta lấy đi lâu đài của ai đó, đấy không chỉ là lâu đài, linh hồn người đó cũng bị tước đi, bởi vì người đó không có linh hồn thực theo đúng nghĩa; người đó chỉ có ảo tưởng về linh hồn tỉ lệ với kích cỡ và độ lớn của lâu đài của mình. Bởi vì lâu đài bị lấy đi nên linh hồn người đó bị mất đi theo cùng tỉ lệ.

Đó là lí do tại sao trong hàng nghìn năm trên trái đất này, trên mảnh đất này, tính chất *sannyas* - việc từ bỏ

'thế giới này' - đã là một thực nghiệm duy nhất. Tôi sẽ giải thích thực nghiệm đó trong hoàn cảnh này cho bạn. Trong thực tế tính chất *sannyas* không phải là vấn đề từ bỏ, nó thực tế là nỗ lực để thấy xem, sau khi đã từ bỏ mọi thứ, liệu người ta có còn lại đằng sau hay không.

Vấn đề không phải là việc từ bỏ thế giới này bởi vì nó xấu, và vấn đề không phải là việc từ bỏ gia đình bạn bởi vì có cái gì đó sai với nó, hay từ bỏ vợ bạn bởi vì dục là tội lỗi. Chủ yếu thực nghiệm duy nhất về tính chất *sannyas* đã được thực hiện để xem liệu bạn có còn lại khi bạn đã từ bỏ mọi thứ. Nếu bạn không còn lại, thế thì bạn đã không hiện hữu ngay chỗ đầu tiên - “Tôi là ảo tưởng.” Còn nếu bạn vẫn còn lại cho dù sau khi đã từ bỏ tất cả - khi bạn đã thấy vợ không phải là 'của mình', con không phải là 'của

mình', bạn bè không phải là 'của mình', nhà không phải là 'của mình', tiền không phải là

'của mình', khi bạn bắt đầu đứng hoàn toàn trần trụi, một mình trên phố - bạn có vẫn tồn tại không? “Nếu mình tồn tại, mình có linh hồn; nếu mình không tồn tại, mình phải tìm linh hồn.” Mục đích của từ bỏ không phải bởi vì sở hữu là điều xấu, mục đích của nó là để thấy liệu bạn có phải chỉ là tổng cộng của các vật sở hữu của bạn hay liệu bạn tồn tại một cách độc lập, bởi vì khó mà có được hiểu biết rõ ràng trong khi bị bao quanh bởi các vật sở hữu.

Người tìm kiếm hay đi vào trong rừng không phải bởi vì thành thị là xấu, không phải bởi vì không thể nào đạt tới được chân lí ở thị trấn, không phải bởi vì điều thiêng liêng sợ tới thị trấn - không, nó có thể tới đó nữa. Người đó hay đi vào chỗ ẩn dật chỉ để nhìn xem liệu mình có còn ý thức trong đơn độc hay liệu mình sẽ thiếp đi, liệu nhận biết có vẫn còn hay người đó sẽ mất ý thức? Khi người đó đã từ bỏ mọi thứ, cái gì đó vẫn còn lại hay không? Nếu cái gì đó vẫn còn lại, chỉ thế thì người đó mới có một thước đo nhỏ nào đó về linh hồn. Nếu người đó không có thước đo này, người đó không nên khởi hành cuộc hành trình tìm kiếm nó; nếu người đó quả có linh hồn, người đó nên phát triển nó.

Đó là lí do tại sao khi một Phật hay một Mahavira đạt tới chân lí, linh hồn ông ấy, ông ấy quay về phố thị; bây giờ không có sợ hãi, bây giờ không có gì phải lo nghĩ, bây giờ ông ấy biết thực tại của mình.

Chúng ta không tồn tại độc lập với mọi thứ một chút nào, đó là lí do tại sao chúng ta bị gắn bó thể với mọi sự vật; gắn bó đó không phải là với các sự vật - chúng đã trở thành linh hồn của chúng ta. Khi ai đó lấy đi chiếc áo sơ mi của bạn, người đó không chỉ lấy đi chiếc áo đâu, người đó gần như lấy đi cuộc sống của bạn nữa. Nó không chỉ là chiếc áo sơ mi! Nếu như nó đã chỉ là chiếc áo thì đã chẳng có lí do gì để đau khổ nhiều thế.

Jesus đã nói với những người theo mình rằng nếu ai đó lấy chiếc áo khoác của bạn, cho người đó cả áo sơ mi nữa. Ai mà biết được, người đó có thể cần thật nhưng lại ngần ngại lấy nó. Đó không phải là lí do tại sao ông ấy đã nói điều này, nhưng nói như vậy để cho bạn

không bị gắn bó với chiếc áo sơ mi của mình tới mức nó trở thành linh hồn của bạn. Và nếu ai đó yêu cầu bạn mang một vật nặng đi một dặm, mang nó đi hai dặm, để cho bạn có thể cảm thấy rằng thân thể mình không chỉ thuộc vào mình, nó còn thuộc vào người khác nữa.

Tâm thức biểu lộ với sự siêu việt lên trên sushupti. Tôi đã nhắc tới Gurdjieff. Gurdjieff hay nói với những người tìm kiếm của mình: “Tập trung đôi mắt bạn vào việc quan sát, vào kim giây đang chuyển động, và làm một thực nghiệm nhỏ: nhận biết về chiếc kim giây và cứ quan sát nó, và vẫn còn nhận biết, đồng thời, rằng bạn đang nhận biết về nó.”

Đây là một thực nghiệm nhỏ, nhưng lại không nhỏ thế đâu - nếu bạn làm điều đó, bạn sẽ biết rằng nó rất khó. Trèo lên đỉnh Everest còn dễ hơn; thực nghiệm nhỏ này là rất gay go. Kim giây sẽ hoàn thành cái vòng của nó trong một phút. Gurdjieff hay nói rằng nếu bạn có thể nhận biết về nó trong toàn bộ một phút, bạn có một chút ít linh hồn rồi. Chỉ chừng ấy thôi, một phút thôi... rằng kim giây đang chuyển động, và nhận biết đồng thời rằng bạn đang nhận biết về nó - ý thức với mũi tên kép, mũi tên hai đầu - quan sát kim giây và cũng quan sát bản thân bạn đang quan sát nó.

Bạn sẽ ngạc nhiên rằng thậm chí không thể làm được điều đó trong bốn giây; bạn bị mất hút ở giữa. Điều đó thậm chí không kéo dài quá bốn giây - hoặc là cái kim giây bị quên mất hay bạn quên mất bản thân mình; bạn quên mất một trong hai điều này.

Khó cho bạn để nhớ trong một phút rằng 'Mình đây'. Giấc ngủ của bạn phải rất sâu! Nếu kim giây bị quên mất, điều đó nghĩa là bạn đã thiếp đi. Khi nào thì bạn quên kim giây? - bạn quên nó khi ý nghĩ khác nào đó tới với bạn và chú ý của bạn bị phân tán. Nếu kim giây mà không bị quên và bạn đang đặt sự chú ý của mình một cách bắt buộc vào nó, bạn lại mất sự tập trung mà bạn đang hướng vào bản thân mình.

Hoàn cảnh của con người dường như rất đáng thương - rằng thậm chí trong có một phút thôi con người cũng không thể nhớ được rằng mình tồn tại. Nhưng có lí do cho điều đó. Lí do là ở chỗ chúng ta chưa bao giờ ở ngoài luồng chảy của giấc ngủ; sâu bên dưới chúng ta liên tục ngủ. Nhiều nhất thì một hơi chút khó

chịu có thể được cảm thấy từ bên ngoài... như khi một người đang ngủ và bạn kéo chân người đó, thế thì người đó trở mình, mở mắt một chút, càu nhàu cái gì đó rồi lại thiếp đi lần nữa - có vậy thôi. Trạng thái thức của chúng ta cũng tương tự như thế.

Con người bất lực; người đó cảm thấy đói, cho nên người đó dậy vào buổi sáng. Người đó bất lực; người đó phải chăm nom công việc của mình, nuôi nấng con cái, người đó phải tới văn phòng - đi một cách tự động, cứ như là ai đó đang kéo chân người đó trong giấc ngủ vậy. Cứ hễ có lỗi hổng là người đó thiếp đi liền.

Nếu bạn được cho cơ hội ngủ cả hai mươi bốn giờ thì bạn có muốn thức không? Nếu ai đó đã thu xếp cho bạn ngủ hai mươi bốn giờ, bạn có muốn vẫn còn thức không? Không, bạn còn thức là do bị cưỡng bách. Đó là lí do tại sao những người có thể đảm đương được điều đó, họ thậm chí còn gây ra giấc ngủ bằng việc uống rượu; bây giờ họ không bị buộc phải giữ thức tỉnh. Những người có nhiều chọn lựa hơn thì làm chìm ngập mình trong ma túy LSD, marijuana, mescaline....

Bất kì khi nào xã hội có khả năng qui tụ dù chỉ một chút ít giàu có, điều đầu tiên nó chi tiêu quá nhiều tiền là vào rượu. Quên xã hội đi: bất kì người nào có thể đảm đương được xa hoa nào đó thì việc chi tiêu tiền bạc đầu tiên của người đó là vào rượu. Tại sao? Sao lại có ham muốn mãnh liệt để mà vô ý thức? Việc có ý thức lại đau đớn vậy sao? Ý thức mà chúng ta biết là rất đau đớn. Nó cũng giống như ai đó đang dùng vũ lực làm rung chuyển bạn mọi lúc để bạn thức, nhưng ngay khi dù chỉ hơi chút dịu bớt là bạn lại chìm vào giấc ngủ.

Chúng ta bị chất đầy tầng tầng lớp lớp của giấc ngủ, chúng ta được cấu tạo nên bằng giấc ngủ. Đây là trạng thái thứ ba và người tìm kiếm phải biết điều đó cho đúng, bởi vì không có cách nào để đạt tới trạng thái thứ tư mà không làm tan tành trạng thái thứ ba này.

Hiền nhân này nói:

Khi có bất hoạt và nghỉ ngơi của mười bốn công cụ thì có thiếu cảm nhận, và các vật thô, như thính giác và xúc giác, không được kinh nghiệm.

Trạng thái này được gọi là sushupti, trạng thái ngủ của linh hồn.

Tâm thức chứng kiến một cách vĩnh hằng biết tới sự hiện diện hay vắng mặt của ba trạng thái, và bản thân nó vượt ra ngoài sự hiện diện hay vắng mặt, là turiya.

Đây là trạng thái thứ tư.

Đây là ba trạng thái - thức, mơ và ngủ - nhưng những trạng thái này thuộc về ai? Ai là người trải qua tất cả ba trạng thái này? Đây là ai? Ai thức? Ai thấy các giấc mơ? Ai thiếp đi? Chắc chắn người đó phải tách biệt với tất cả những điều này.

Bạn đi qua một ga xe lửa, thế rồi qua ga thứ hai, rồi ga thứ ba - đây là ba ga; chắc chắn người đang du hành phải tách biệt với những ga này. Bạn không phải là nhà ga, bằng không thì làm sao bạn có thể đi tới nhà ga thứ hai? Bạn không phải là nhà ga thứ hai bởi vì bạn đi tới nhà ga thứ ba; và bạn không phải là nhà ga thứ ba bởi vì bạn quay lại nhà ga thứ hai và thứ nhất.

Con người thức, mơ và ngủ; thế rồi người đó lại thiếp đi, thức dậy và mơ - người đó di chuyển qua cả ba. Cho nên hiền nhân này nói rằng người đi qua cả ba trạng thái này là cái thứ tư, người đó không thể là một trong ba điều này.

Chúng ta có thể làm được gì? Làm sao điều ấy lại là có thể được? - làm sao làm tan tành sushupti này? Giấc ngủ bao quanh chúng ta ở mọi nơi. Chúng ta bước đi khi ngủ, chúng ta đứng khi ngủ, chúng ta ngồi cũng ngủ... dù chúng ta đang làm bất kì cái gì, chúng ta đều làm nó trong khi ngủ.

Phật đã bước đi trên con đường. Đây là một sự việc từ trước khi ông ấy chứng ngộ. Một người bạn bước bên cạnh ông ấy, và một con ruồi bay tới đậu lên vai Phật. Phật vẫn tiếp tục nói chuyện với người bạn, vẫn đi trên đường, và phẩy tay đuổi con ruồi đậu trên tay đi. Thế rồi ông ấy đứng lại tĩnh lặng. Người bạn hỏi, “Ruồi đốt anh sao?” Nhưng Phật nhắm mắt, không trả lời người bạn mình, giơ tay lên, chuyển tay tới nơi ruồi đã đậu, phẩy con ruồi đi - mà lúc đó thì còn ruồi đâu - và khoanh tay lại. Người bạn hỏi, “Anh có điên không đấy? Ruồi đã bay từ ngay lúc đầu rồi, anh còn định phẩy nó đi bây giờ nữa sao?”

Phật nói, “Bây giờ tôi đã phẩy con ruồi đi như tôi đáng phải làm điều đó trước đây. Tôi đã phẩy nó đi một cách vô ý thức. Bàn tay đã di chuyển dường như trong giấc ngủ... tôi đã không thức,

tôi đã bận nói chuyện với anh. Bàn tay đã di chuyển và phẩy con ruồi đi, và thế rồi tôi trở nên nhận biết rằng ruồi đã bay đi mà tôi thì làm điều đó một cách vô ý thức. Tôi đã làm điều đó trong giấc ngủ của mình. Để phá vỡ vô ý thức của mình vậy thì tôi đã làm điều đó theo cách tôi đáng phải làm điều đó ngay lần đầu. Bàn tay này giờ lên, cùng với nó ý thức cũng nâng lên; bàn tay này chạm vào vai một cách có ý thức và phẩy con ruồi đi.

“Khi tôi phẩy con ruồi thứ hai này, tôi nhận biết về điều mình đang làm và tôi cũng nhận biết về nhận biết của tôi về điều tôi đang làm. Đây là ý thức mũi tên kép.” Phật nói, “Nếu ruồi đậu lên tôi lần nữa, tôi sẽ phẩy nó đi giống thế này. Đấy chỉ là một thực hành nhỏ; chúng ta đi tiếp đi.” Nếu chúng ta nhìn vào các kiếp sống của mình từ góc độ này, mọi hoạt động của chúng ta đều dường như là được làm trong giấc ngủ. Một người thậm chí không phẩy con ruồi đi một cách vô ý thức thì có thể giận dữ được không? Người đó có thể xúc phạm ai đó được không? Người đó có thể ghen tuông được không? Người đó có thể căm ghét được không? Tất cả những điều này xảy ra chỉ trong giấc ngủ; với ý thức chúng bắt đầu bị loại bỏ.

Ananda đã ở cùng Phật trong nhiều năm. Một hôm ông ấy hỏi Phật, “Mọi điều đều tốt cả, nhưng có một điều tôi không hiểu: thầy có ngủ ban đêm hay không?”

Phật nói, “Ông biết rằng ta đi ngủ hàng ngày cơ mà.”

Ananda nói, “Tôi có thấy điều đó, nhưng bất kì chỗ nào thầy để chân, nó vẫn còn đấy cả đêm, và bất kì chỗ nào thầy để tay, nó cũng vẫn còn đấy. Đêm qua tôi đã thức chỉ để xem liệu thầy có di chuyển tay hay không, liệu thầy có đổi bên hay không, nhưng mọi thứ vẫn còn nguyên một chỗ. Thầy có chăm nom việc không di chuyển cả đêm hay không? Thầy ngủ thế nào? Thầy có thực sự ngủ hay không?”

Phật đáp, “Có lần chuyện xảy ra là ta đã đổi bên mà không nhận biết. Nhưng thế rồi, từ ngày đó ta đã không đổi bên; ta đã chấm dứt việc đổi bên. Cần gì phải gắn với những điều như vậy? Ta ngủ, nhưng ta thức tỉnh bên trong. Bàn tay nên vẫn còn ở đó nơi ta đã để tay; nó là của ta, và nếu nó di chuyển mà không có phép của ta thì ta trở thành nô lệ, ta dừng là người chủ.”

Cho nên bắt đầu trở nên tỉnh táo trong trạng thái thức đi. Bắt đầu thức trong trạng thái này mà chúng ta gọi là 'đang thức tỉnh'. Trở nên tỉnh táo. Thử xem: nỗ lực và thức dậy. Dần dần, dần dần, khi tỉnh táo hoàn toàn đã xảy ra trong trạng thái thức, thế thì bạn có thể đi xa hơn. Người đã trở nên tỉnh táo trong trạng thái thức bỗng nhiên trở nên nhận biết về các giấc mơ của mình trong khi người đó đang mơ. Và ngay khi người đó nhận biết về điều này, mơ biến mất, bởi vì mơ không thể xảy ra khi bạn có nhận biết; vô nhận biết là điều phải có cho mơ.

Và khi mơ của bạn biến mất, thức tỉnh đi vào trong trạng thái thứ ba; mũi tên của nhận biết đi vào trong sushupti, và thế thì người ta cũng nhận biết khi người ta đang ngủ. Điều đó nghĩa là người ta biết rằng thân thể đang thành thoi, có vậy thôi. Giấc ngủ là thành thoi cho những người như vậy, trong khi cách ngủ của bạn chỉ là công việc vất vả.

Nhìn vào người đang ngủ, bạn sẽ biết. Người đó đang làm việc trong giấc ngủ của mình thậm chí còn vất vả hơn là người đó đã làm việc cả ngày - vung tay loạn xạ, đập vào đầu, nhăn mặt và còn gì nữa. Người ta quay phim mọi người trong khi họ ngủ và rồi những phim này được đem chiếu cho họ xem về sau. Họ bị sốc và nói, "Tôi mà làm tất cả những điều này sao? Không thể thế được; phải có lừa dối gì ở đây, có thủ đoạn gì ở đây rồi." Nếu bạn được quay phim trong khi ngủ trong đêm và rồi phim được đem chiếu lại cho bạn xem vào buổi sáng, bạn sẽ biết rằng bạn cũng làm những điều này. Biết bao nhiêu... bao nhiêu là rối loạn ngay cả trong giấc ngủ! Thậm chí không có an bình cả trong giấc ngủ sao?

Ngay cả giấc ngủ của chúng ta cũng là nỗ lực, trong khi đó với người có nhận biết thì ngay cả trạng thái thức cũng là thành thoi. Chúng ta mệt mỏi khi chúng ta thức dậy sau giấc ngủ bởi vì chúng ta đã làm quá nhiều trong cả đêm đến mức vượt ra ngoài sự tưởng tượng. Tôi không nói quá đáng đâu. Chúng ta dậy mệt mỏi ngay cả sau việc ngủ cả đêm, và đây là công việc thường ngày: chúng ta thiếp đi do kiệt sức sau công việc mệt mỏi cả ngày, rồi tỉnh dậy vào buổi sáng lại kiệt sức từ buổi đêm.

Cuộc đời chúng ta là một nhọc lâu dài, gánh nặng mà chúng ta phải mang. Chúng ta chẳng bao giờ có thể gạt bỏ được nó nếu như không có cái chết. Cái chết tới và lấy đi gánh nặng này bằng vũ lực. Nhưng chúng ta đầy những thèm khát và chúng ta bị gắn bó với gánh nặng đó đến mức ngay khi chúng ta chết, tâm thức của chúng ta liền bắt đầu khởi hành cho một lần sinh thành mới - trong việc tìm kiếm một gánh nặng mới, trong việc tìm kiếm những bệnh tật mới, rắc rối mới. Ngay khi mũi tên của tâm thức đi vào trong trạng thái ngủ, nó siêu việt lên trên giấc ngủ sâu của chúng ta, thế thì giấc ngủ chỉ còn như việc nghỉ cho thân thể.

Krishna đã nói trong Gita rằng nhà *yogi* không ngủ ngay cả trong giấc ngủ của người đó. Ông ấy đã không nói rằng nhà *yogi* đó đứng cả đêm với mắt mở như người điên vẫn làm. Điều này là điên khùng! Đây là điên khùng khác. Người điên nào đó không có khả năng ngủ thậm chí với mắt nhắm, người điên nào đó đứng với mắt mở để tránh việc ngủ, bởi vì Krishna đã nói rằng nhà *yogi* không ngủ ngay cả trong giấc ngủ của mình... nhưng họ đã không hiểu. Ông ấy đã không nói hãy đứng với mắt mở. Nhưng có những người....

Một thời gian trước đây tôi ngẫu nhiên ở một làng. Có một Khade Shri Baba, 'Baba đứng' ở đó. Mọi người hỏi tôi liệu tôi có biết về Khade Shri Baba không. "Chuyện gì xảy ra cho ông ấy vậy?" tôi hỏi.

"Ông ấy được gọi là Khade Shri Baba bởi vì ông ấy đã đứng trong mười năm."

Tôi bảo họ, "Đem ông ấy tới bác sĩ đi - tôi có thể làm gì được đây? Cố gắng làm cho ông ấy ngồi xuống bằng cách nào đó đi, làm cho ông ấy ngủ đi."

Nhưng bây giờ ông ấy không thể ngồi được nữa rồi, chân ông ấy bị phù ra như bệnh chân voi. Chân ông ấy đã lưu giữ máu nhiều quá mức, tất cả các mạch máu đều đã thành cứng; bây giờ ông ấy không thể ngồi được. Tôi bảo với mọi người, "Làm điều gì đó đi, làm cho ông ấy bây giờ là Baithe Shri Baba, 'Baba ngồi'. Đừng ngại. Trí thông minh của ông ấy đã bị mất hoàn toàn rồi... nhất định phải là như vậy; tất cả máu đều đã dồn xuống chân ông ấy và chẳng cái gì còn lại cho não cả. Nhìn vào mắt ông ấy mà xem, chúng ngày ra

nư đá. Con người này đang chịu đựng cái chết trong khi ông ta vẫn còn sống.”

Sao ông ấy đứng? Con người có thể làm bất kỳ cái gì vì bản ngã. Mọi người cúi đầu dưới chân người đó, cúng dường hoa, cúng dường tiền bạc, đền chùa được dựng lên theo tên người đó! Sự đổi chác này không tốn kém gì, rẻ là đằng khác; ông ấy được bao nhiêu là đền chùa, bao nhiêu là hoa và bao nhiêu cái đầu cúi xuống! Như tôi thấy ông ta thì ông ta cực kỳ ngu xuẩn. Ông ta có thể cố gắng vất vả trong năm mươi kiếp và ông ta vẫn chẳng có khả năng làm ra chỉ một ngôi đền bằng sáng tạo của riêng mình. Cho nên cách cư xử này chẳng tốn của ông ta cái gì cả. Và đến bây giờ công phu đã mạnh rồi, bây giờ phải làm xoa bóp cực kỳ nhiều để đảo ngược lại công phu này. Điều đó là rất khó; không chắc là chân ông ấy sẽ cong trở lại. Ông ấy chỉ đứng như thẳng ngốc.

Đâu đó, nếu Krishna ngẫu nhiên mà gặp ông ấy, thì ông ấy sẽ khấn khoản với Krishna: “Sao ngài nói trong Gita rằng nhà yogi không ngủ ngay cả trong trạng thái ngủ?” Krishna vẫn ngủ bình thường. Ông ấy chưa bao giờ ngủ đứng cả! Nhưng dầu vậy chúng ta vẫn không thấy thông điệp đúng trong Gita. Không người thông minh nào vẫn còn đứng cả. Những người cúi đầu dưới chân nhà yogi này thậm chí cũng chẳng hỏi ông ta, “Krishna đã không làm công phu này, Phật chưa bao giờ làm công phu này, Christ chưa bao giờ làm nó - ông có định vượt tất cả bọn họ không?” Nhưng điều này không xảy ra cho chúng ta.

Nhận biết này, mà không ngủ trong trạng thái ngủ... Khi thân thể thiếp đi, khi tất cả các thớ thịt và thần kinh của nó thiếp đi, khi mọi thứ đều ngủ, ngọn lửa của nhận biết vẫn còn bùng cháy ở bên trong. Mặt trời vẫn còn toả ánh sáng của nó cho dù bị mây bao phủ.

Khi sushupti này được siêu việt lên, thì turiya, trạng thái thứ tư, được đạt tới. Nó được gọi là một ‘trạng thái’ chỉ bởi ngôn ngữ; bằng không thì nó không phải là trạng thái, nó là bản tính của chúng ta. Chúng ta đã là ‘cái đó’ rồi. Không phải là trước hết chúng ta ở trong ảo tưởng và thế rồi chúng ta được thay đổi. Không, ảo tưởng của chúng ta cũng giống hệt như khi cái que được nhúng vào nước. Trong nước nó có vẻ như bị biến dạng, nhưng nó không biến dạng, nó chỉ có vẻ theo cách đó thôi. Lấy nó ra, nó lại thẳng - nó không

trở thành thẳng, nó đã là thẳng rồi. Khi nó có vẻ như biến dạng, ngay cả thế thì nó vẫn cứ thẳng. Khi nó có vẻ bị biến dạng, ngay cả thế thì nó vẫn cứ thẳng. Khi nó được lấy ra, nó trông lại thẳng. Nước chỉ tạo ra ảo tưởng trong dáng vẻ của nó, không trong bản thể nó.

Cho nên khi tâm thức đang trong ba trạng thái thấp này - trong sushupti, trong mơ và trong trạng thái thức - nó dường như bị mất, nhưng nó chẳng bao giờ bị mất cả, ít nhất cũng không mất; nó chỉ dường như vậy thôi. Khi tâm thức được phục hồi nó chỉ dường như là nó được đạt tới - nó đã không được đạt tới đâu, nó đã có đó rồi. Nhưng ảo tưởng này cứ xảy ra. Và không có việc làm tan tành ảo tưởng này rằng tâm thức cần phải được đạt tới, thì không một thoáng nhìn nào về phúc lạc là có thể có được trong cuộc sống; không làm tan tành ảo tưởng này thì không thể có được hương vị của nước cam lồ của phúc lạc; không làm tan tành ảo tưởng này thì không có khả năng nào nhận ra chân lí.

Nếu các ảo tưởng phải bị làm tan tành, hiểu biết là cần thiết nhưng vẫn không đủ, hiểu biết là điều bản chất nhưng vẫn không đủ.

Người ta phải di chuyển, người ta phải du hành. Chúng ta đã làm cuộc hành trình, bây giờ chúng ta phải quay lại. Chúng ta đã đi xa nhà, bây giờ phải tìm lại nhà mình lần nữa. Có thể có hàng nghìn con đường cho việc tìm kiếm này; lấy bất kì con đường nào và bạn đều có thể đạt tới đó. Nhưng nói chung tôi thấy rằng có ba kiểu người. Có vài người sợ làm mọi thứ - cho nên họ gọi tất cả những điều này là vô nghĩa và vô tồn tại. Họ nói rằng những điều này không tồn tại. Tôi biết nhiều người phủ nhận sự tồn tại của

Thượng đế - không phải bởi vì họ có thù nghịch gì với Thượng đế, không phải bởi vì họ biết rằng Thượng đế quả không tồn tại, không phải bởi vì họ là người vô thần, mà bởi vì họ đơn giản thờ ơ. Nếu Thượng đế có tồn tại, họ sẽ phải biến chuyển, điều đó sẽ là rắc rối. Tốt hơn cả là phủ nhận quách Thượng đế ngay từ đầu. Điều này làm cho họ thoát khỏi bất định và họ định cư hạnh phúc trong thờ ơ của họ. Sao đi tìm cái mà không tồn tại?

Nếu nó quả tồn tại, bạn sẽ bắt đầu cảm thấy lo âu cho dù bạn không tìm kiếm. Nếu Thượng đế hiện hữu mà bạn vẫn còn nằm

dài trên giường, bạn sẽ bắt đầu cảm thấy lo âu. Đâu đó bên trong bạn một tiếng gọi sẽ rung động để tìm cái đang hiện hữu đó.

Do đó, nhiều lần tôi thấy những người tôn giáo có vẻ ngoài phi tôn giáo - chỉ để cho họ không cần chuyển động, không cần đi đâu cả hay không cần làm gì cả. Thờ ơ của họ trở thành chủ nghĩa vô thần của họ. Họ không còn lanh lợi nữa, họ làm ra chủ nghĩa thờ ơ của mình. Họ vẫn còn lảng động trong lười nhác của mình và chỉ nói về Thượng đế.

Rất dễ trở thành một chuyên gia trong việc nói về Thượng đế. Không dễ thế khi nói về các thứ khác bởi vì bạn có thể đưa mình vào rắc rối. Nếu bạn đưa ra một phát biểu về tảng đá, bạn sẽ phải chứng minh điều đó trong phòng thí nghiệm. Nhưng về Thượng đế bạn có thể nói điều bạn thích; nó chẳng thể được chứng minh hay bác bỏ. Không có cách nào để chứng minh nó, dù là đúng hay sai. Đó là lí do tại sao nói về Thượng đế thú vị thế và ngay cả người dờ dẩn nhất cũng có thể tham dự vào điều đó, do đó những người không làm gì thì ham mê nói về Thượng đế.

Nếu họ đưa ra phát biểu nào đó về trái đất, họ sẽ phải đối diện với rắc rối; nhưng nói về thiên đường... chẳng rắc rối gì cả. Nếu bạn vẽ bản đồ về chỗ này, Matheran, bạn sẽ phải chứng minh nó là đúng, bạn sẽ phải đo đạc, và sẽ có cả nghìn vấn đề khác. Sao tạo ra rắc rối làm gì? Vẽ quách bản đồ về Satyakhand, 'Cõi giới của Chân lí', hay vẽ bản đồ của Brahmluk, 'Thế giới của Tuyệt đối', thế thì chẳng ai trên trái đất này có thể thách thức bạn được bởi vì bạn ở ngoài phạm vi thách thức rồi. Mọi người ngồi trong ghế bành của mình và nói về Thượng đế. Họ thậm chí không tới từ đó. Họ nhìn mình như những người hữu thần, nhưng họ lại không phải vậy. Chủ nghĩa hữu thần của họ không được thoả mãn chỉ bằng việc nói, nó đòi hỏi kinh nghiệm.

Cho nên có vài người phủ nhận tất cả những điều này, và với họ thì chẳng có đâu mà đi cả. Có những người khác chấp nhận tất cả những điều này và nói điều đó đã được họ biết tới, và với họ thì cũng chẳng có chỗ nào mà đi cả, "Bất kì cái gì tồn tại, nó tất cả đều có trong kinh sách rồi. Các thánh nhân và hiền nhân đều đã nói

về những điều này” - cho nên bây giờ với họ chẳng cần tìm kiếm nữa.

Nhớ điều đó, đây là khác biệt căn bản giữa tôn giáo và khoa học: trong khoa học, một khi một sự việc đã được phát hiện ra, người khác không cần phát hiện lại nó nữa; nhưng trong tôn giáo, nếu một sự việc được phát hiện ra, bạn đừng nhầm rằng nó đã được phát hiện ra mãi mãi và bạn không cần tìm kiếm nó thêm nữa. Tôn giáo là việc tìm kiếm cá nhân; mọi cá nhân đều phải tìm kiếm nó lặp đi lặp lại. Và đây là cái đẹp; đây là lí do tại sao tôn giáo bao giờ cũng tươi tắn, nó chưa bao giờ cũ rích. Khoa học trở nên cũ rích. Ngày nay, Newton là hoàn toàn cũ rích, nhưng Sarvasar Upanishad này vẫn còn tươi nguyên - bởi vì việc tìm kiếm là được thực hiện lặp đi lặp lại.

Tôn giáo giống như tình yêu. Bạn không nói, “Trông này, Majnu đã yêu, Farhad đã yêu, cho nên sao tôi lại phải nhận lấy rắc rối làm gì? Mọi thứ đều đã được viết ra về yêu - chúng ta sẽ đọc về nó, biết về nó, làm thơ về nó, sao phải nhận rắc rối của việc yêu?”

Không, ai đó có thể đã yêu nhiều, Farhad có thể đã yêu nhiều, nhưng điều này không thể thoả mãn bạn được, bạn sẽ phải tự mình yêu. Bạn sẽ không bằng lòng chừng nào bản thân bạn còn chưa yêu. Yêu là kinh nghiệm cá nhân. Hàng triệu và hàng triệu người có thể đã yêu, điều đó chẳng tạo ra khác biệt gì. Nó chưa bao giờ cũ rích cả. Bạn phải yêu đi yêu lại, và khi bạn yêu thì bạn mới biết nó; trước điều đó thì bạn không biết.

Không có cách nào để biết về yêu từ Farhad, hay từ Phật nữa.

Tôn giáo giống như tình yêu... việc tìm kiếm này giống như chuyện tình vậy: nó phải được phát hiện ra lặp đi lặp lại.

Trạng thái thứ tư, từ đó mà ba trạng thái này được sinh ra - giấc ngủ tới, mơ phát sinh và việc thức xảy ra, thế rồi tất cả ba điều này lại tan biến trở lại vào trong trạng thái thứ tư này - trạng thái thứ tư này không hề được sinh ra từ cái gì mà cũng không tan biến vào cái gì. Nó là nguyên lí vĩnh hằng của cuộc sống, nó là cơ sở của cuộc sống; đây là chính chỗ bắt đầu và đây là chính chỗ kết thúc, và người còn chưa biết tới nó thì vẫn vẫn vơ ở giữa, trong cái vòng cuộc sống và cái chết.

Đủ cho hôm nay.

Bây giờ các bạn chuẩn bị cho thực nghiệm này. Có đôi lời về thực nghiệm này. Hôm qua bụi bặm đã tạo ra quá nhiều rắc rối cho các bạn, cho nên hôm nay những người muốn làm nó mạnh mẽ thì nên đứng ở vùng nổi cao, còn những người khác có thể toả ra trên khắp sân.

Kết quả cách mạng có thể tới trong thực nghiệm này, nhưng để có được điều đó các bạn phải đặt toàn bộ năng lượng của mình vào trong nó. Đó là lí do tại sao tôi đã lập lịch cho nó vào buổi đêm. Các thực nghiệm sáng và chiều sẽ động viên bạn và làm cho bạn có khả năng đặt toàn bộ năng lượng của mình vào thay đổi trong thực nghiệm đêm nay. Sau điều này các bạn sẽ đi ngủ, cho nên đừng lo nghĩ về mệt mỏi. Nhiều nhất các bạn sẽ trở nên mệt mỏi! Chẳng hại gì trong nó cả. Các bạn sẽ đi vào trong giấc ngủ sâu, không cái gì khác sẽ xảy ra.

Cho nên điều bản chất là đặt toàn bộ năng lượng của bạn vào trong nó.

6 Thể vật lí và năng lượng

Việc lắp ráp các tế bào do thức ăn tạo ra là annamay kosh, thể vật lí.

Khi mười bốn gió khác nhau, như gió prana, hoạt động trong thể vật lí, chúng tạo ra pranamay kosh, thể năng lượng.

Con người như một tổng thể được tạo nên từ nhiều tầng, và việc hiểu đúng về tất cả những tầng này là cần thiết để vượt ra ngoài chúng. Điều bản chất là biết rằng chúng ta phải siêu việt lên trên tầng nào, điều bản chất là nhận ra rằng chúng ta phải gạt bỏ tầng nào. Cách con người xuất hiện từ bên ngoài không phải là toàn bộ thân thể, nó chỉ là tầng đầu tiên trong nhiều thể của người đó. Khi chúng ta nhìn vào một người, điều chúng ta thấy ngay qua thoáng nhìn đầu tiên, các hiện nhân đã gọi là *annamay kosh*, thể vật lí.

Thể này được kế thừa từ bố mẹ, nó không phải là của bạn; tầng này không phải là bạn, tầng này có một truyền thống lâu dài đằng sau nó. Hàng nghìn thể đã tạo ra thể này của bạn. Tế bào đầu tiên bạn kế thừa từ bố mẹ mình có chứa đầy đủ các quá trình sẵn có cho thân thể bạn; mọi tiềm năng của sự phát triển của nó đều được ẩn giấu trong nó.

Bây giờ các nhà khoa học nói rằng bất kì cái gì được biểu lộ ra trong thân thể bạn trong suốt cả đời bạn, đều được ẩn giấu trong tế bào hạt mầm đầu tiên đó - ngoài tế bào này thì chẳng cái gì mới có thể xảy ra cả. Màu mắt bạn, màu tóc bạn, màu da bạn, khoảng sống của bạn, bất kì cái gì sẽ nở hoa trong tính cách bạn, tất cả những điều này đều được ẩn kín trong tế bào đó. Nhưng cái đó không phải là bạn. Thân thể đó đã có cuộc hành trình lâu dài của riêng nó: bạn đã nhận nó từ bố mẹ mình, họ đã nhận nó từ bố mẹ họ - nó đã có một cuộc hành trình dài, cuộc hành trình hàng triệu năm.

Nếu chúng ta dõng ngược trong thân thể thì chúng ta sẽ thấy rằng toàn bộ lịch sử của vũ trụ được giấu kín trong thân thể của từng người. Cái gì đó của thân thể bạn phải đã hiện diện từ ngày thế giới này đi vào sự tồn tại lần đầu tiên; dần dần cùng phần đó đã

phát triển thành thân thể hiện tại của bạn. Toàn bộ lịch sử của sự tồn tại được giấu kín trong tế bào hạt mầm nhỏ bé này. Nó không phải là của bạn, nó có một truyền thống lâu dài. Tế bào đó đã du hành tới bạn qua nhiều con người, nhiều con vật, vô số cây cối và khoáng thạch. Đó là tầng đầu tiên của bạn; tầng đó các hiền nhân gọi là annamay kosh, thể vật lí. Nó được gọi là annamay kosh bởi vì quá trình sáng tạo của nó là thông qua thức ăn, nó được tạo ra bởi thức ăn.

Toàn bộ thân thể con người thay đổi cứ sau bảy năm; mọi thứ đều thay đổi - xương, thịt, tủy - mọi thứ đều thay đổi. Nếu một người sống bảy mươi tuổi thì thân thể người đó đã được làm mới lại mười lần. Thức ăn bạn ăn hàng ngày tạo ra thân thể bạn, và hàng ngày bạn tống ra những tế bào chết từ thân thể mình. Khi chúng ta nói rằng ai đó đã chết, điều đó nói tới cái chết cuối cùng của người đó... khi linh hồn của người đó đi khỏi thân thể. Bằng không, thế thì người ta hàng ngày đều đang chết đi, thân thể người đó đang liên tục chết đi. Khi bạn cắt móng tay, bạn không cảm thấy đau vì móng là phần chết của thân thể bạn. Khi bạn cắt tóc cũng không có đau đớn bởi vì nó bao gồm các tế bào chết của thân thể bạn. Nếu tóc mà là phần sống của thân thể bạn, bạn sẽ cảm thấy đau khi cắt nó.

Thân thể bạn tự nó đổi mới hàng ngày. Điều đáng ngạc nhiên là thường tóc và móng của người chết lại mọc dài ra trong mồ. Bởi vì móng và tóc chẳng có liên quan gì tới cuộc sống, chúng có thể tiếp tục phát triển trên thân thể chết; chúng là phần chết... chúng có thể tiếp tục phát triển.

Thức ăn đem cho thân thể bạn những tế bào mới hàng ngày, và phần chết bị thân thể bạn loại bỏ đi hàng ngày. Đây là quá trình thường xuyên. Đó là lí do tại sao thân thể lại được gọi là annamay kosh - bởi vì nó được tạo ra từ *anna*, thức ăn.

Do đó nhiều điều sẽ phụ thuộc vào kiểu thức ăn bạn ăn. Nhiều thứ phụ thuộc vào thức ăn của bạn. Thức ăn của bạn không chỉ hỗ trợ cho cuộc sống của bạn, nó cũng còn tạo ra tầng thứ nhất của tính cách của bạn. Và liệu bạn có thể bắt đầu cuộc hành trình bên trong của mình hay không là tùy thuộc nhiều vào tầng này, bởi vì tất cả các thức ăn đều không như nhau. Có một số

kiểu thức ăn sẽ không cho phép bạn đi vào bên trong, chúng sẽ giữ bạn bị dính với thể giới bên ngoài; một số kiểu thức ăn sẽ không cho phép sự phát triển tâm thức bên trong bạn bởi vì chúng sẽ giữ bạn ở vô thức. Một số kiểu thức ăn sẽ không cho phép bạn an bình và bình thản bởi vì quá trình tiêu hoá bản thân nó tạo ra rối loạn trong thân thể bạn, không thoải mái. Có những thức ăn không lành mạnh, những thức ăn lành mạnh, những thức ăn thuần khiết và những thức ăn không thuần khiết.

Thức ăn thuần khiết là thức ăn không tạo ra những khó khăn cho cuộc hành trình bên trong - có vậy thôi, không có tiêu chuẩn nào khác. Thức ăn thuần khiết chỉ có nghĩa là nó sẽ không tạo ra một thân thể mà sẽ là chướng ngại trên cuộc hành trình bên trong của bạn.

Ai đó có thể xây bức tường của ngôi nhà mình bằng đá đặc, người khác có thể xây bức tường chỉ bằng kính. Kính là trong suốt; đứng ngoài, bạn có thể nhìn vào bên trong. Bức tường đá đặc sẽ không cho phép bạn nhìn vào bên trong từ bên ngoài. Thân thể cũng có thể trong suốt như tấm kính. Thức ăn được coi là thuần khiết khi nó làm cho thân thể thành trong suốt... cho nên nó cho bạn thoáng nhìn về cái bên trong ngay cả khi bạn đang đi bên ngoài. Bạn cũng có thể làm cho thân thể này thành bức tường dày đặc đến mức cuộc hành trình bên trong hoàn toàn bị quên lãng và những thoáng nhìn về bản thể bên trong không bao giờ có thể xuất hiện được.

Mục đích của thức ăn *satvik* và *asatvik*, thức ăn thuần khiết và không thuần khiết, là ở chỗ thể vật lí của bạn, tầng thứ nhất, có thể trở thành trong suốt. Chỉ thế thì cuộc hành trình vào trong mới bắt đầu. Chỉ khi tầng thứ nhất đã trở thành trong suốt thì tầng thứ hai mới được biết tới, không có điều khác hơn. Chúng ta có thể không bao giờ biết rằng có thể khác bên trong thân thể này. Đây là lí do cho nhấn mạnh vào thức ăn *satvik*. Thiền nhân biết rằng thể khác tồn tại bên trong thể vật lí này, bởi vì tầng thứ nhất của người đó đã trở thành trong suốt và những thoáng nhìn về tầng thứ hai đã bắt đầu.

Thế rồi có những cách để làm cho tầng thứ hai thành trong suốt, và thế thì những thoáng nhìn về thể thứ ba bắt đầu tới. Thể thứ

ba này cũng có thể được làm thành trong suốt, và thế rồi đến thể thứ tư. Khi thể thứ tư đã trở thành trong suốt, thì thể thứ năm có đó. Và khi thể thứ năm trở thành trong suốt, thì những thoáng nhìn về cái vốn là vô thể, bên ngoài tất cả các thể, bắt đầu tới. Cho nên bạn có thể làm cho thân thể mình đặc như bức tường đá hay trong suốt như kính.

Do đó các hiền nhân bắt đầu với thể thứ nhất: thể vật lí. Thể này bao quanh bạn chắc chắn được tạo ra bởi thức ăn; chẳng có gì trong nó được dẫn ra từ bất kì nguồn nào khác. Có thể là bố bạn đã ăn thức ăn *đó*, hay ông bạn đã ăn thức ăn *đó*, điều đó chẳng tạo ra khác biệt; chẳng có gì trong thân thể ngoại trừ thức ăn. Khi được phân tích ra, thì tinh trùng và trứng vốn tạo ra tế bào đầu tiên không biểu lộ điều gì ngoài các yếu tố của thức ăn. Tinh túy của thức ăn được chứa trong hạt mầm này.

Những người trí huệ đã làm những thực nghiệm lớn liên quan tới điều này. Trong hàng nghìn năm, thế hệ nó tiếp thế hệ kia, vài gia đình đã dám sống chỉ bằng thức ăn chay. Chẳng biến đổi nào xảy ra trong thân thể nội trong một ngày; thân thể có lịch sử lâu dài, phức tạp. Nhưng nếu một gia đình đã sống với thức ăn chay từ hàng nghìn thế hệ, có thay đổi căn bản trong thân thể. Cũng điều đó xảy ra cho thức ăn không chay, thế nữa thân thể cũng thay đổi căn bản. Qua việc tinh luyện thường xuyên, trở nên ngày một thuần khiết hơn qua một thời gian dài, chính tế bào hạt mầm này cũng được thay đổi. Và chỉ khi tế bào hạt mầm này được thay đổi, thì trong suốt mới xảy ra.

Biến đổi toàn thân bằng việc thay đổi thức ăn được ăn vào là một thực nghiệm duy nhất. Bây giờ các nhà khoa học cũng đồng ý rằng bất kì cái gì chúng ta ăn vào đều làm thay đổi thân thể.

Khác biệt giữa thân thể nam và thân thể nữ chỉ ở vài hoóc môn chứ không gì khác. Khác biệt này là rất nhỏ. Những hoóc môn này cũng được thức ăn tạo ra. Nếu chúng ta chỉ lấy đi vài hoóc môn ra khỏi thân thể nữ, nó sẽ bắt đầu đổi thành thân thể nam. Nếu chúng ta chỉ lấy đi vài hoóc môn ra khỏi thân thể nam, nó sẽ bắt đầu đổi thành thân thể nữ. Sẽ không lâu gì nữa khi một người được sinh ra là đàn ông sẽ có khả năng chọn trở thành đàn bà, hay ai đó được sinh ra là đàn bà sẽ có khả năng chọn trở thành đàn ông,

bởi vì khác biệt chỉ là vài hoóc môn - chỉ vài thôi - và hoóc môn là thức ăn. Hoóc môn là tinh chất được thức ăn tạo ra. Một khác biệt hoóc môn nhỏ cũng tạo ra khác biệt giữa đàn ông và đàn bà.

Một chút ít thay đổi trong thức ăn của bạn cũng có thể làm cho thông minh thành sắc bén hay mụ mị, bởi vì nếu chất dinh dưỡng cần thiết mà lại không được đưa tới bộ não qua thức ăn, thì thông minh trở thành mụ mị. Thế thì, mặc cho tiền năng của bạn, thông minh sẽ không nở hoa, bởi vì việc nở hoa này cần sự giúp đỡ của thể vật lí mà lại chưa sẵn có. Thế thì thông minh trở thành hoàn toàn mụ mị bởi vì chất tại trung tâm con mắt thứ ba trong tuyến yên không được sản sinh ra. Trong thực tế, khi một người uống rượu cồn thì không phải là thông minh bị ảnh hưởng - rượu cồn không ảnh hưởng tới tâm thức - mà tuyến yên dừng sản sinh ra chất dịch và thông minh bị mất. Rượu cồn không ảnh hưởng trực tiếp lên thông minh, nhưng nó ảnh hưởng tới phần trong thể vật lí có liên quan tới thông minh và thế thì thông minh trở nên thiếu hoạt động.

Chúng điên đã bắt đầu lan rộng khắp trên thế giới từ phương Tây: việc dùng những thứ như LSD. Các nhà khoa học nói rằng axit lixegic, hay chất mescaline chất gây ảo giác, hay những thứ giống thế cũng ảnh hưởng tới tuyến yên, và chất dịch được tuyến yên tiết ra, mà đến lượt chúng lại gây ra cản trở cho thông minh. Cho nên chẳng có gì ngạc nhiên nếu thế hệ mới ở phương Tây đang dùng LSD sẽ hạ bệ toàn bộ nền văn minh phương Tây bởi vì LSD chắc chắn gây hại cho thông minh, là chính nền tảng của phương Tây.

Chắc chắn nếu thông minh của con người tụt xuống thì người đó thoát khỏi một loại tù túng nào đó, bởi vì thông minh cũng đem tới loại giới hạn riêng của nó và người đó trở nên tự do với chúng. Một sai lầm lớn là cho rằng thoát ra khỏi những giới hạn này là tự do, bởi vì tự do tới theo hai cách: nó có thể tới bằng việc đi vượt ra ngoài các giới hạn, hay nó có thể tới bằng việc rơi xuống thấp hơn các giới hạn. Tự do mà đi xuống thấp thì chỉ là điên khùng, còn tự do được đạt tới bằng việc vượt ra ngoài các giới hạn là trạng thái tối thượng. Cho nên họ đang mua giải thoát rẻ mạt qua hoá chất. Nhưng ngay cả điều đó cũng chỉ là hoá chất, thức ăn.

Thân thể này, tầng thứ nhất của chúng ta, là tầng của thức ăn. Do đó việc chọn thức ăn đúng là có ý nghĩa - điều đó không phải là mê tín. Là người ăn chay thuần khiết tạo ra sự mềm dẻo cho thân thể vốn thường không có được cho người không ăn chay. Tầng thân thể vật lí của người không ăn chay dần dần, dần dần trở nên giống thân thể con vật.

Điều đáng ngạc nhiên là bạn không hiểu rằng thịt bạn ăn là sáng tạo của những con vật đó, nó là phần cơ quan của các con vật đó. Bạn ăn thịt trực tiếp vào thân thể mình và do vậy dần dần bạn bắt đầu làm cho hệ thống cơ quan của riêng mình thành giống con vật. Hệ thống đó sẽ ảnh hưởng tới bạn. Hệ thống đó sẽ làm cho thân thể bạn thành bức tường đá đặc. Có lẽ lí do tại sao con vật không thể phát triển về thông minh chủ yếu bởi vì thân thể vật lí của chúng. Thông minh đã tiến hoá bên trong bạn sẽ dần dần bị đảo ngược lại với tích lũy của thịt động vật trong thân thể bạn. Và mọi điều nhỏ bé có thể tạo ra những thay đổi cách mạng - nhỏ bé đến mức chúng ta thậm chí không thể nào hiểu được rằng chúng có thể gây ra như vậy.

Các nhà khoa học nói rằng phát triển của thông minh trong bộ não con người là có thể bởi vì con người đứng trên đôi chân của mình; nếu mà con người đi bằng tay và chân thì bộ não đã không thể tiến hoá được. Chính một việc nhỏ bé đến mức đáng ngạc nhiên là nó lại tạo ra nhiều khác biệt thế, khác biệt về thông minh giữa con khỉ và con người, con người và con chó - khác biệt biết bao giữa một Einstein và một con khỉ! Và các nhà khoa học nói rằng khác biệt này là do một điều nhỏ bé thế... đứng trên đôi chân của mình. Làm sao điều đó có thể xảy ra được? Điều đó đã xảy ra bởi vì luồng máu tới óc đã bị giảm bớt; máu bây giờ phải được bơm ngược lên óc. Khi luồng máu bị giảm bớt, óc có thể phát triển các sợi mảnh mai của mình, những thần kinh tinh tế. Nếu luồng máu mà nhanh, thần kinh tinh tế bị phá huỷ. Con vật có một luồng máu lớn thường xuyên dồn lên óc: đó là lí do tại sao thần kinh tinh tế không phát triển. Điều đó cũng giống như dòng sông chảy rất nhanh và không cho phép cây nhỏ mọc lên; thậm chí nhành cỏ tí hon cũng không thể mọc được. Chúng tất cả đều bị xối đi, tống đi mất.

Lí do duy nhất cho nhiều tiến hoá về thông minh của con người trở thành có thể là ở chỗ óc nhận được ít máu. Đây cũng là lí do tại sao khi bạn dậy vào buổi sáng sau giấc ngủ ban đêm thì thông minh của bạn lại tươi tắn. Dùng thông minh của mình cả ngày, đến đêm bạn mệt mỏi tới mức bạn thiếp đi, và trong giấc ngủ nhiều máu hơn lên tới óc bạn.

Cho nên không có nhiều khác biệt giữa việc ngủ của chúng ta và việc ngủ của con vật. Sự khác biệt là trong trạng thái tỉnh thức. Dù bạn nhìn thế nào, bạn cũng không thể biết được khác biệt giữa người ngủ và con vật ngủ, hay bạn có thể biết được? Không, tất cả những khác biệt đều bắt đầu trong trạng thái thức của con người và con vật.

Hiền nhân ngủ và tội nhân ngủ - trong giấc ngủ say, bạn có thể biết được khác biệt không? Bạn có thể phân tích bằng cách mổ xẻ bộ óc của họ, nhưng bạn có thể phân biệt được qua việc này ai là hiền nhân và ai là tội nhân không? Chẳng khác biệt nào có thể được tìm thấy trong giấc ngủ say cả. Trong thực tế, không khác biệt nào còn lại trong giấc ngủ; tất cả mọi khác biệt đều nằm trong trạng thái thức tỉnh. Khác biệt bắt đầu khi chúng ta đứng trên đôi chân sau của mình. Một người là người chứng ngộ, một người là Einstein và một người là kẻ ngốc. Nhưng tất cả những khác biệt này đều trong trạng thái tỉnh thức: khi không có luồng máu lớn lên tới óc thì những khác biệt này về thần kinh tinh tế phát sinh.

Bạn đã bao giờ để ý rằng để có giấc ngủ ngon, bạn cần gối không? Bỏ gối ra và giấc ngủ trở thành khó, bởi vì khi bạn bỏ gối ra, máu xô lên óc. Trong thực tế cấu trúc của đầu con người là sao cho nếu người ta ngủ mà không có gối thì đầu trở thành cái thùng. Trong khi ngủ, so với toàn thể thân thể thì đầu là ở mức thấp nhất, và luồng máu chạy nhanh về đầu. Luồng máu nhanh tới mức nó không cho phép các sợi được thành thoi, thế thì thành khó ngủ. Đó là lí do tại sao, khi thông minh của con người phát triển, con người cần nhiều gối hơn. Có lí do cho điều này: khi các sợi mảnh mai phát triển bên trong, chúng cần được bảo vệ, bằng không sẽ không có giấc ngủ; các sợi mảnh mai sẽ rung động nhanh tới mức giấc ngủ sẽ là không thể được.

Điều nhỏ bé vậy, nhưng các nhà khoa học nói rằng nó làm thay đổi căn bản con người. Tôi đang nói cho bạn một việc nhỏ bé này chỉ như ví dụ để cho bạn hiểu rằng thức ăn có thể không phải là một vấn đề nhỏ bé như vậy. Những điều nhỏ bé có thể tạo ra những khác biệt lớn lao.

Các nhà khoa học nói rằng bởi vì con người có thể đứng thẳng, nên gia đình có thể đi vào sự tồn tại; bằng không chúng sẽ không bao giờ xảy ra. Ai đã cho rằng có thể có mối quan hệ giữa con người đứng thẳng và việc sinh ra gia đình? Và khi không có gia đình, có thể không có nền văn minh hay văn hoá, bởi vì văn hoá và văn minh đều là sự mở rộng của gia đình. Nhưng bạn có thể hình dung ra được rằng việc đứng thẳng lại có thể có cái gì liên quan với sự tồn tại của gia đình không?

Các nhà khoa học nói rằng hiện tượng tình yêu đã được sinh ra bởi vì con người đứng thẳng, bằng không thì điều đó có thể đã không đi vào sự tồn tại. Bạn không thể hình dung nổi rằng việc đứng thẳng lại có gì liên quan tới tình yêu, nhưng đây là cách nó đã xảy ra. Và các nhà nghiên cứu đều đồng thuận về nó. Trong khi con vật làm tình chúng không quay mặt vào nhau - chúng không thể quay mặt vào được. Trong khi con vật làm tình chúng không thể quay mặt vào nhau được bởi vì chúng tiến tới nhau từ đằng sau. Các nhà khoa học nói chính bởi vì con người đứng thẳng và chấm dứt tiến tới nhau từ đằng sau, khi làm tình con người có thể đối mặt với bạn tình của mình - giao hợp theo vị trí mặt đối mặt - và khi chúng ta có thể thấy mặt ai đó chỉ thế thì ý tưởng về tính cách của con người mới xuất hiện, bằng không thì nó không xuất hiện. Cho nên khi đàn ông làm tình với đàn bà mặt đối mặt, mối quan hệ giữa các khuôn mặt họ, giữa họ, chẳng mấy chốc được thiết lập.

Điều thú vị cần để ý là mọi thân thể đều giống nhau thế... không có mấy sự khác biệt, chỉ khuôn mặt là khác. Và chính khuôn mặt mới mang tính cách. Nếu tất cả các bạn đều bị chặt đầu, sẽ khó mà nhận ra được thân thể các bạn. Nhưng khuôn mặt lại có thể được nhận ra bởi vì chúng có tính cá nhân, cách diễn đạt của tính cách của bạn là trong khuôn mặt của mình. Con người có thể nhìn vào khuôn mặt của nhau trong khi làm tình, cho nên ham muốn dục

được chuyển thành tình yêu... và mối quan hệ cá nhân phát triển, gia đình bắt đầu đi vào sự tồn tại, và dần dần phần còn lại của thân thể trở thành thứ yếu và khuôn mặt trở thành quan trọng. Với con vật khuôn mặt là không quan trọng chút nào. Mối quan hệ sâu sắc với khuôn mặt chưa bao giờ được phát triển. Các nhà khoa học nói rằng bởi vì con người đứng thẳng nên gia đình, tình yêu, văn hoá và văn minh vậy mới đi vào sự tồn tại - một điều nhỏ bé như vậy có thể thành có ý nghĩa thế!

Cho nên thức ăn không phải là điều nhỏ; nó là điều lớn, cực kì quan trọng, bởi vì nó tạo ra toàn bộ thân thể. Bất kì cái gì chúng ta ăn vào trong thân thể mình đều có phẩm chất riêng của nó và phẩm chất đó sẽ trở thành phẩm chất của thân thể chúng ta trong thời gian vài ngày. Nếu chúng ta bỗng nhiên yêu cầu ai đó, người bao giờ cũng đổ rượu vào thân thể mình, đừng uống rượu, người đó sẽ không thể nào dừng lại một cách đột ngột được. Tại sao lại thế? Bởi vì bây giờ không phải là người đó uống rượu, mà thay vì thế từng và mọi tế bào của thân thể người đó đều uống rượu - từng và mọi tế bào! Điều đó ở ngoài kiểm soát của người đó; bây giờ mọi lỗ chân lông trong thân thể người đó đã bắt đầu uống rượu... mọi tế bào. Có hàng triệu và hàng triệu tế bào trong thân thể con người, và từng và mọi tế bào đã bắt đầu uống rượu; mọi tế bào đã trở thành kẻ say rượu. Điều này được gọi là nghiện. Không có lí do nào khác cho việc nghiện.

Khi chúng ta nói rằng ai đó bị nghiện, điều đó có nghĩa là không phải người đó uống rượu, mà là từng và mọi tế bào trong toàn bộ thân thể người đó đang kêu cứu, “Uống bây giờ đi, bằng không mình không thể vận hành được - mình không thể bước đi được, mình không thể đứng được, mình không thể ngồi được.” Bây giờ rất khó để bỏ nó, bởi vì hàng triệu mạng sống bên trong bạn đang yêu cầu bạn uống - hàng triệu và hàng triệu tế bào sống! Bạn là một đám đông lớn, một thành phố lớn; bạn không một mình, bạn đang sống trong thành phố lớn đó.

Do đó chúng ta đã chọn từ *purush* cho linh hồn.

‘Purush’ nghĩa là, dân thường trú của thành phố lớn, dân cư ngụ trong thành phố lớn, *purush*. Mọi người đều có một thành phố

lớn bên trong thân thể mình - một thành phố lớn! Nó không phải là một thị trấn nhỏ. Bạn có hàng triệu và hàng triệu mạng sống quanh mình, và khi tất cả chúng đều yêu cầu thì bạn gặp khó khăn lớn, bạn sẽ phải đáp ứng cho yêu cầu của chúng. Bạn không thể thoát ra khỏi tình huống này cho dù bạn muốn thoát ra.

Cho nên cái bạn ăn vào như thức ăn sẽ tạo ra hàng triệu tế bào này và các yêu cầu tiếp đó của chúng. Và thế thì bạn phải sống trong cảnh tù túng với chúng, và những mối ràng buộc này tạo ra rào chắn cho cuộc hành trình bên trong.

Chúng ta gọi thức ăn đó là satvik cái không tạo ra việc nghiện - thức ăn chỉ đem lại cho thân thể năng lượng và không đầu độc nó. Bạn phải hiểu phân biệt này thật rõ ràng: satvik là thức ăn đem cho thân thể năng lượng nhưng không đầu độc nó, là thức ăn cung cấp cho các nhu cầu của thân thể nhưng không tạo ra điên khùng trong thân thể, là thức ăn đáp ứng cho nhu cầu của thân thể nhưng không trở thành đam mê về nó.

Cái gì đó làm nhiễm độc thân thể bạn tới mức nào, thì thân thể sẽ bị ô nhiễm tới cùng mức độ đó. Nhưng chúng ta không nghĩ tới điều này, chúng ta không xét tới nó; chúng ta không để ý tới cái chúng ta ăn, chúng ta không để ý tới cái ta uống, chúng ta cứ làm cùng điều như đám đông đang làm.

Ấn Độ, hơn bất kì đất nước nào, đã làm những bước tiến lớn lao trong nghiên cứu về các nguyên lí của thức ăn. Có lẽ lần đầu tiên ở Ấn Độ người ta hiểu ra rằng đối với cuộc hành trình bên trong, với cuộc hành trình đi vào trong, điều đầu tiên là thân thể phải được biến đổi. Thân thể này như nó hiện tại là không thích hợp cho cuộc hành trình này.

Pavlov đã làm những thực nghiệm trên chó - những thực nghiệm lớn; ông ấy đã làm việc vất vả về điều đó trong năm mươi năm. Ông ấy đã phát hiện ra rằng nếu bạn bỏ đi chỉ một tuyến nhỏ trong con chó, cho dù đó là con chó dữ tợn vừa mới giết chết người khoảnh khắc trước đây, bây giờ dù bạn thử gay gắt đến đâu con chó cũng không tức giận, ngay cả khi nó bị đánh hay bị hành hạ, bởi vì tuyến chất độc nhỏ này đã bị bỏ đi. Điều gì đã xảy ra? Chỉ một chút ít chất độc được lấy ra, và chất độc đó đã tới từ thức ăn của chó. Cho nên không loại bỏ chất độc này, nhưng chỉ

đơn giản thay đổi thức ăn của chó thành cái gì đó không tạo ra chất độc này, thì nó sẽ không dữ tợn chút nào nữa.

Bạo hành trong con người tới từ những chất độc được tạo ra trong thân thể người đó. Nếu những chất độc này bị loại bỏ đi khỏi thân thể người đó thì người đó sẽ không bạo hành nữa, cho nên một số lớn các nhà sinh lí nói rằng gọi kẻ giết người là tội phạm là điều vô nghĩa, họ chỉ là bị bệnh thôi. Một chất độc đặc biệt được tạo ra trong thân thể họ. Họ có thể làm gì được? Cho nên trừng phạt họ hay treo cổ họ là hoàn toàn điên khùng. Nếu mà B.F. Skinner, một nhà tư tưởng và tâm lí lớn của Mỹ, thành công trong việc làm cho thế giới đồng ý rằng tội phạm nên được mổ - rằng họ không phải là tội phạm, rằng chỉ cần loại bỏ đi vài tuyến và họ sẽ không có khả năng giết người hay bạo hành nữa....

Nhưng nếu một nhà khoa học hay một phòng thí nghiệm, một xã hội hay một quốc gia mà loại bỏ đi các tuyến của bạn, thì bạn sẽ trở thành kẻ nô lệ. Nếu bạn không có khả năng giận dữ, thì giá trị của lòng từ bi của bạn là gì? Bất lực không phải là bất bạo hành. Bất lực không có nghĩa bất bạo hành. Các nhà khoa học có thể mổ cho bạn.... Bạn thậm chí không phải thay đổi chế độ ăn uống, bạn có thể cứ ăn bất kì cái gì bạn vẫn ăn, nhưng các tuyến của bạn có thể bị loại bỏ đi, hệ thống tạo ra chất độc có thể bị phá huỷ - bạn sẽ không có khả năng giận dữ nữa, bạn sẽ không có khả năng bạo hành, giết người. Nhưng điều đó sẽ không do phần của bạn và điều đó sẽ không đưa bạn vào cuộc hành trình bên trong. Bạn sẽ chỉ trở thành bất lực.

Nhưng người ta đã phát hiện ra quá trình khác, và quá trình đó không gây sức ép lên bạn từ bên ngoài hay làm què quặt bộ phận nào đó của thân thể bạn, quá trình đó cho phép thân thể bạn vẫn còn như nó thế - chính bạn tình nguyện thay đổi phẩm chất của thức ăn bạn ăn để cho sự biến đổi bên trong xảy ra. Thế thì dần dần thân thể bạn có thể trở nên thoát ra khỏi những chất độc đó, vốn dẫn bạn tới tội ác và làm điều sai, và giải phóng bạn khỏi những kích thích vẫn dẫn bạn tới chỉ hội tụ vào cái bên ngoài.

Và chính cái đối lập lại cũng là có thể có. Đây mới chỉ là một nửa của đồng tiền - nửa tiêu cực - cái tạo ra chất độc bên trong bạn chịu trách nhiệm cho giận dữ của bạn. Có thể tạo ra nước cam lồ

trong bạn làm bạn thành từ bị được không? Skinner không có tri thức nào về điều đó như là câu trả lời có. Nếu bạn có một tuyến làm cho bạn thành nam hay nữ và tạo ra trong bạn thêm khát giới tính đối lập, thì chẳng lẽ không có khả năng tạo ra cái gì đó bên trong bạn mà có thể đưa bạn thoát khỏi sự hấp dẫn này sao?

Tất nhiên, bạn có thể được giải phóng khỏi sự hấp dẫn này bằng cách mổ, nhưng điều đó là rơi xuống thấp; thế thì bạn chỉ trở thành bất lực. Nhưng nếu toàn bộ khả năng của bạn về việc là nam hay nữ vẫn còn và cùng với nó nước cam lồ kia bắt đầu tuôn trào bên trong bạn, cái đưa bạn vượt ra ngoài sự hấp dẫn với giới tính đối lập - nơi ngay cả ý nghĩ về việc là đàn ông hay đàn bà cũng bị quên đi - thế thì bạn đang đi lên, năng lượng đang đi lên.

Thể vật lí là tầng thứ nhất.

Tầng thứ hai của thân thể, tầng thứ hai này các hiền nhân đã gọi là *pranamay kosh*, thể sống. Bạn sẽ biết nó ngay khi thể thứ nhất trở thành trong suốt, bằng không thì nó vẫn còn chỉ là giả thuyết. Dấu kín dưới thể thứ nhất này là thể sống. Thể *prana* nghĩa là thể năng lượng, thể sống.

Đây là khác biệt giữa một hòn đá và một sinh linh sống: hòn đá chỉ có một thể - thể vật lí. Thực vật có thêm một thể bên trong - thể prana. Thực vật có hai thể, hòn đá chỉ có một thể. Thực vật có hai thể, cho nên thực vật không chỉ là hòn đá; có cái gì đó trong nó tương tự như hòn đá, bao quanh nó ở bên ngoài, nhưng bên trong có luồng chảy cuộc sống. Thực vật non vào lúc này và rồi trở nên già; khi nó tràn đầy nhựa sống thế thì nó vui sướng, khi cuộc sống của nó giảm đi nó buồn bã.

Vào buổi sáng khi mặt trời lên hòn đá vẫn là hòn đá, và vào ban đêm hòn đá vẫn là hòn đá. Nhưng thực vật vào đêm là cái này và là cái gì đó khác vào buổi sáng; luồng sống tồn tại trong nó, thể năng lượng trở thành phức tạp với việc mặt trời lên. Năng lượng này mà nó nhận được từ mặt trời đi vào thể năng lượng của nó. Hòn đá vẫn còn là hòn đá trong đêm và nó vẫn còn là hòn đá buổi sáng; hòn đá không bị ảnh hưởng bởi mặt trời.

Khi tôi nói hòn đá, để ý rằng tôi không nói tới núi, bởi vì núi bị ảnh hưởng; núi cũng sống. Vài ngọn núi là trẻ - chẳng hạn rằng

Himalaya vẫn còn trẻ, nó vẫn còn phát triển. Rặng Vindhya đã trở nên già.

Có một câu chuyện tình, rằng Vindhya cúi đầu để nói lời chào tạm biệt với một hiền nhân đang bắt đầu cuộc hành trình và hiền nhân này đã không trở về, cho nên nó vẫn còn cúi đầu. Sự thực là điều gì đó khác. Rặng Vindhya là rặng núi cổ đại - già nhất trên trái đất - rặng Himalaya chỉ là đứa trẻ; Vindhya già nhất. Nhiều năm trước đây nó đã cúi đầu và cổ nó trở nên yếu, nó trở nên già.

Câu chuyện đó là huyền thoại, nhưng đáng yêu. Nhà huyền môn nói rằng bây giờ rặng núi này đã trở nên già tới mức nó không thể ngẩng đầu lên được nữa. Bây giờ, cho dù hiền nhân kia có quay về thì nó cũng không thể nào ngẩng đầu lên được. Nhưng rặng Himalaya thì vẫn còn đang dâng lên, lớn lên hàng ngày. Khó mà nói được nó sẽ lớn đến đâu.

Cũng thú vị là Rigveda không nhắc tới Himalayas. Không thể nào có chuyện một cái gì đó như Himalayas lại bị bỏ sót trong nó. Không thể nào một rặng núi như Himalayas, với những đỉnh Everest và Mount Kailash chói sáng trên bầu trời, chúng có đó mà hiền nhân này lại không ca lên bài ca về niềm vinh quang của chúng - điều đó là không thể được. Trong thực tế khi hiền nhân này ca bài ca của mình thì Himalayas còn chưa được sinh ra. Dường như không có lí do logic nào khác, bởi vì hiền nhân này đã không bỏ sót ngay cả những điều nhỏ nhất, cho nên làm sao ông ấy lại có thể bỏ sót Himalayas được? Chỉ có thể có một lí do, đó là khi hiền nhân này soạn bài ca của mình thì Himalayas còn chưa đi vào sự tồn tại, hay cho dù chúng đã có, thì chúng phải là những ngọn đồi nhỏ tí hèn đến mức người ta có thể bỏ qua chúng được.

Rigveda nhắc tới những cuộc hành trình và nơi chốn không có trong Ấn Độ, những nơi ở Trung Á. Nó nói về những đêm xuất hiện chỉ ở Cực Bắc và chưa bao giờ trong vùng này. Rigveda nhắc tới một nơi có ngày dài sáu tháng và đêm dài sáu tháng. Nhưng Himalayas đã không được nhắc tới! Dường như là Himalayas đã vắng bóng. Và dường như là hoặc hiền nhân này ở

Cực Bắc, hoặc đã có một đường đi trực tiếp giữa Cực Bắc và Ấn Độ mà không có Himalayas ở giữa, không có cản trở nào.

Các học giả, những người tin rằng người Aryans, đã di cư tới Ấn Độ, gặp khó khăn bởi vì họ không thể nào tìm ra bất kì việc nhắc tới những vất vả khi vượt qua Himalayas. Nếu như họ đã di cư vào Ấn Độ, thì không thể nào họ lại không nói nhắc tới những khó khăn khủng khiếp khi vượt qua Himalayas bởi vì biết bao nhiêu điều khác đã được nhắc tới. Đấy đáng phải là kí ức sâu sắc nhất của giống nòi này - biết bao nhiêu người đã chết, biết bao nhiêu người đã mất tích, có thể chỉ mười trong một nghìn người mới đạt tới - nhưng chẳng có nhắc nhở gì về điều đó cả. Himalayas đã không tồn tại. Nó không phải là rặng núi rất già.

Khi tôi nói về hòn đá tôi không ngụ ý tới núi, ngay cả núi cũng có một thể sống. Bất kì chỗ nào có sự trưởng thành thì đều có một thể sống. Mọi sự trưởng thành xảy ra trong prana, trong năng lượng sống, không trong vật chất. Trưởng thành bao giờ cũng xảy ra trong prana, không trong vật chất. Cho nên đôi khi việc xảy ra là người cao lớn dường như hoàn toàn không sinh khí, người đó có thân thể nặng nề nhưng không năng lượng sống. Và đôi khi một thân thể gầy gò, mảnh khảnh lại biểu lộ một năng lượng sống đại dương.

Thể năng lượng này được tạo ra từ prana còn thể vật lí được tạo ra bởi vật chất, được tạo ra bởi thức ăn. Năng lượng này được nhận từ mặt trời, không khí và từ những rung động tinh tế vô hạn.

Cho nên đôi khi cũng có thể xảy ra là một người có thể học nghệ thuật được nuôi dưỡng trực tiếp từ prana này, năng lượng này. Thế thì người đó có thể trở nên tự do với việc ăn thức ăn, hay giảm lượng thức ăn mình cần. Người này có thể dùng năng lượng sống này một cách trực tiếp và có thể hấp thu nó. Nghệ thuật đó tồn tại. Đôi khi điều đó ngẫu nhiên xảy ra....

Vẫn có vài người sống trên trái đất ngày nay mà không ăn thức ăn hàng năm trời. Họ chẳng mất cân nặng nào - và họ đáng phải mất. Dường như là bằng cách nào đó cơ thể của họ hiểu phương pháp thay đổi năng lượng trực tiếp thành vật chất. Và bây giờ, sau Einstein, rõ ràng rằng vật chất và năng lượng không

phải là hai thứ; vật chất chỉ là năng lượng, năng lượng là vật chất - hai trạng thái của một thứ.

Công thức vĩ đại nhất của Einstein chỉ nói lên mỗi điều này, rằng năng lượng và vật chất không phải là hai thứ, chúng là một; chúng là hai trạng thái của một và cùng một thứ. Cho nên vật chất có thể trở thành năng lượng và năng lượng có thể trở thành vật chất. Bom nguyên tử đã được phát triển theo công thức này. Việc nổ bom nguyên tử là lời tuyên bố rằng vật chất chuyển thành năng lượng; một nguyên tử bị phân chia và nó trở thành năng lượng. Điều đối lập lại cũng là có thể. Quá trình này được đảo ngược lại khi một người sống mà không có thức ăn và thân thể không cần thức ăn: năng lượng từ thể năng lượng đổi thành vật chất.

Năng lượng này là tàng bên trong hơn; chúng ta không nhận biết về nó. Đôi khi, trong những khoảnh khắc nào đó người ta cảm thấy nó - một cách ngẫu nhiên. Một hôm bạn đang đứng trên bãi biển và bỗng nhiên bạn thấy một làn sóng năng lượng chạy bên trong mình. Làn sóng đó không xảy ra trong thể vật lí, nó không thể xảy ra được; làn sóng đó là hiện tượng năng lượng. Sóng năng lượng không ảnh hưởng tới vật chất, chúng không thể ảnh hưởng tới đá: chúng là năng lượng. Khi bạn rơi vào tình yêu thì bỗng nhiên rung động, sóng năng lượng phát sinh trong bạn. Những sóng đó không nảy sinh trong thể vật lí của bạn, mặc dầu thân thể cảm thấy cảm giác này, xúc động này, kích động này....

Housman, một nhà tư tưởng phương Tây vĩ đại đã viết: "Tôi có thể gọi cái đó là chất thơ, chất thơ làm cho tóc bạn dựng đứng lên." Ảnh hưởng của chất thơ không phải lên thể vật lí, mà là lên thể năng lượng. Một bài thơ thực là bài thơ đi vào trong thể năng lượng của bạn cho nên bạn có thể cảm thấy những làn sóng bên trong.

Một bài ca không làm cho bạn nhảy múa thì không thực là bài ca - tai bạn có thể đã nghe nó nhưng thể năng lượng của bạn lại không nghe. Nhưng khi bài ca đạt tới thể năng lượng thì nó trở thành điệu vũ. Thỉnh thoảng khi nghe thấy một bài ca, khi nghe thấy điệu đàn *veena*, hay ở cùng với sóng đại dương, trong những khoảnh khắc của tình yêu, nhìn lên mặt trăng trên bầu trời, quan sát

mặt trời lên, cảm thấy luồng gió, nhìn hoa nở, bạn rung động một cách phức tạp. Đó không phải là thể vật lí của bạn, đó là thể năng lượng của bạn.

Các nhà khoa học bây giờ thừa nhận năng lượng sống bên trong; họ gọi nó là năng lượng sinh học. Họ gọi nó là điện thân thể. Một số người có điện thân thể nhiều hơn và một số người có ít hơn. Đây là lí do tại sao một số người có tác dụng thôi miên lên bạn. Bạn tới một người và chẳng có lí do gì bạn bỗng nhiên cảm thấy ảnh hưởng của người đó - đấy là vì thể năng lượng. Người này đã phát triển thể năng lượng, và điều đó là có thể chỉ khi thể thứ nhất là trong suốt, bằng không thì không thể được.

Nếu người đó đã phát triển thể năng lượng, bạn ngay lập tức có thể cảm thấy sóng bên trong thể năng lượng của mình, năng lượng này chạm vào năng lượng kia. Nó có thể bị chạm tới từ khoảng cách xa, khoảng cách không thành vấn đề. Với thể vật lí thì khoảng cách là vấn đề: với thể năng lượng khoảng cách không thành vấn đề. Thế thì cái gì đó bên trong bạn bị chuyển động, cái gì đó rung động, thể năng lượng của bạn giống hệt với nó, thể năng lượng của bạn trở nên được phát triển bởi nó.

Phần có ý nghĩa nhất của thể năng lượng, thấy được trong thể vật lí là đôi mắt. Đó là lí do tại sao chẳng cái gì dường như sống động trong thân thể hơn đôi mắt; phần còn lại của thân thể dường như là chết. Trong thực tế đôi mắt vận hành theo hai cách. Mắt là chỗ trong thể vật lí của bạn mà từ đó thể năng lượng của bạn ló ra, do đó mắt cũng sống động và rung động thế. Đó là lí do tại sao sóng năng lượng lập tức xô vào mắt. Phải mất thời gian để cơn giận đi tới tay bạn: bạn sẽ siết chặt nắm đấm, máu bạn sẽ dồn lên và rồi bạn sẽ lao vào tấn công; nhưng mắt biểu lộ giận dữ trong khoảnh khắc. Tình yêu sẽ cần thời gian để đạt tới thân thể, bạn sẽ phải đợi; nhưng mắt rơi vào tình yêu ngay lập tức.

Mắt bạn là ngôn ngữ của thể năng lượng của bạn. Mọi thứ về thể năng lượng của bạn có thể được thấy trong mắt bạn nếu chúng được kiểm tra kĩ lưỡng. Mắt bạn liên tục phát ra điều đang diễn ra bên trong bạn. Mắt là rất diễn tả, rung động.

Thể năng lượng này cũng cần làm thuần khiết. Thể năng lượng này cần sự trong suốt. Tất cả các bài tập về *pranayama*, bài

tập thở, đều để làm cho thể sống thành trong suốt. Nhiều oxy hơn đi vào thể vật lí, thể sống càng trở nên sạch và thuần khiết hơn; càng nhiều các bồ nic đi vào nó, thể sống càng trở nên không thuần khiết hơn, ô nhiễm hơn và thô hơn.

Đó là lí do tại sao khó ngủ trong ngày và dễ ngủ trong đêm, bởi vì trong đêm trên trái đất mức độ oxy bị giảm đi và mức độ các bồ nic tăng lên. Trong ngày có nhiều oxy hơn và ít các bồ nic hơn. Do đó những người dậy trong *brahmamuhurt*, lúc bình minh, đều tin rằng dậy sớm là tự nhiên, bởi vì nếu thể năng lượng của bạn không bị ảnh hưởng bởi việc mặt trời mọc, bạn đã làm cho nó rất không nhạy cảm, chết. Khi mặt trời lên, ngay cả thực vật cũng cảm thấy ảnh hưởng, ngay cả chim chóc cũng bắt đầu hót, nhưng thể năng lượng của bạn lại không chuyển động. Bạn chỉ quay sang phía bên kia trên giường! Bạn đã trở thành hòn đá.

Thể năng lượng này, vì nó là năng lượng, nên bị ảnh hưởng bởi khí mang năng lượng. Cho nên việc thở của bạn càng sâu, nó sẽ càng mạnh khoẻ. Việc thở của bạn nên tự nhiên. Đừng thở nông. Việc thở của bạn càng sâu, năng lượng của bạn sẽ càng mạnh; việc thở của bạn càng sâu, thông minh của bạn sẽ càng sắc bén.

Nếu đàn bà bị tụt lại sau đàn ông về thông minh, một trong các lí do là ở chỗ nhiều người có thói quen xấu về thở nông. Trong các con vật người ta thường không thấy có nhiều khác biệt giữa thông minh giống đực và cái - dường như không có khác biệt gì. Nhưng có khác biệt bao la thấy được trong con người. Có hàng nghìn lí do cho điều đó, nhưng một lí do là việc thở nông. Lí do tại sao đàn bà thở nông là ở chỗ họ thường xuyên có ý thức tới vú mình. Nếu bạn muốn có cặp vú to, cách thở nông là có ích. Nếu có việc thở sâu, vú sẽ vẫn còn nhỏ. Trong mọi trường hợp, vú to là không cần thiết.

Điều thú vị là, ngoại trừ trong phụ nữ con người, mọi con vật cái có vú lớn chỉ khi vú được cần tới, khi con con cần sữa; sau đó chúng trở thành nhỏ. Chỉ phụ nữ mới phát triển đôi vú vẫn còn to ngay cả khi không cần tới sữa. Điều này là do việc thở nông. Nếu việc thở đi sâu vào bụng thì vú sẽ vẫn còn như khi thân

thể đòi hỏi chúng như thế. Nếu chúng được giữ cho to, bụng phải bị co lại và hơi thở không được phép đi xuống vào bụng.

Lực sĩ không thở xuống bụng chỉ để cho ngực anh ta nở rộng. Đó là lí do tại sao phần lớn các lực sĩ đều không thông minh - họ không thể thông minh được. Họ không thể thông minh được! Tôi chưa nghe nói tới một lực sĩ nào thông minh cả, bởi vì thông minh không thể phát triển nếu thể năng lượng cô đặc. Lực sĩ cũng giữ cho bụng co lại và hơi thở chỉ tới ngực.

Bạn đã thấy đứa trẻ mới đẻ thở chưa? Cách đứa trẻ thở là cách thở đúng. Bụng đứa bé phồng lên xẹp xuống, không phải ngực, bởi vì đứa bé còn chưa bị làm hỏng. Đứa bé không cản trở thành lực sĩ mà cũng chẳng cần có vú to; nó chưa có các vấn đề như vậy. Đứa bé thở như tự nhiên đòi hỏi nó thở. Bụng nó phồng lên xẹp xuống.

Bạn phải ngạc nhiên khi thấy tượng Phật: các tượng Ấn Độ đều có ngực lớn và bụng nhỏ, nhưng tượng Nhật Bản và Trung Quốc lại có ngực nhỏ và bụng lớn. Điều này trông có chút ít xấu nhưng có lí do cho điều đó. Cho dù điều này không phải là thực sự - không đúng là Phật có bụng lớn đâu - nhưng ở Trung Quốc và Nhật Bản họ đã làm những tượng như vậy một cách có chủ ý bởi vì họ nói rằng chú ý nên được dồn vào bụng chứ không phải ngực. Nếu chú ý vẫn dồn vào ngực, thì việc thở là ở bên trong ngực. Cho nên một trong các lí do tại sao nhiều đàn bà kém thông minh là ở chỗ họ thở nông, cho nên thể năng lượng vẫn còn bị co lại, không được tiếp sức sống.

Càng có sẵn không khí sống cho thể năng lượng thì thể này càng trở nên thuần khiết hơn. Thể năng lượng này cũng dùng những thức ăn khác tinh tế hơn. Những rung động đặc biệt hay sóng là có sẵn tại những chỗ đặc biệt: có nhiều loại rung động - rung động thuần khiết và rung động không thuần khiết.

Satsang, trung tâm của giao cảm trung tâm với thầy, là có ích: bạn tới một hiền nhân và chỉ ngồi gần ông ấy mà không nói gì... chỉ ngồi đó - để làm gì? Bởi vì trong im lặng này rung động của ông ấy trở thành sẵn có cho thể năng lượng của bạn.

Một điều duy nhất đã đi vào sự tồn tại ở Ấn Độ là *darshan*, 'kiến'. Tại phương Tây không ai hiểu *darshan* có thể mang nghĩa

gì - “Đi làm darshan, để gặp ai đó sao?” Có thể quan niệm được rằng bạn có thể tới gặp ai đó, nói với người đó, thảo luận với người đó, hiểu điều gì đó...nhưng chỉ tới để gặp người đó sao? Điên làm sao! Darshan này là gì vậy? Darshan đó sẽ làm gì? Darshan làm điều gì đó...làm nhiều lắm. Thường điều gì đó mà không thể xảy ra được trong đối thoại thì lại xảy ra.

Darshan chỉ nghĩa là bạn tới một chỗ nơi có một thể năng lượng, sống động rất nhiều, với bầu không khí bao quanh nó đầy năng lượng, và bởi việc ngồi đó dù chỉ vài khoảnh khắc, thể năng lượng của bạn cũng được chuyển biến, thể sống của bạn được rung động.

Người tìm kiếm hay đi tới núi nom xa xăm, xa khỏi nền văn minh con người, để trốn thoát khỏi những rung động phát ra từ số đông người. Những rung động năng lượng có thể hoặc thuần khiết hoặc ô nhiễm. Đám đông rất mệt mỏi. Bạn đã bao giờ để ý rằng khi bạn ra khỏi một đám đông, năng lượng của bạn có bị giảm đi chút ít không, năng lượng của bạn đã xuống chút ít không? Bạn đã bao giờ để ý rằng đám đông làm giảm thông minh của bạn không? Trong thực tế, nếu bạn muốn cái gì đó được làm ra, rất ngu ngốc và bạn không thể nào có nó do một người làm, thì bạn có thể có nó do đám đông làm. Nếu một nhà thờ Mô ha mét giáo cần phải bị đốt đi hay một ngôi đền cần bị phá hủy, thì chỉ đám đông mới có thể làm cho điều đó được thực hiện, không phải là các cá nhân.

Điều đáng ngạc nhiên là nếu bạn yêu cầu một cá nhân trong đám đông đó làm một điều ngu xuẩn như vậy thì người đó sẽ không đồng ý. Phòng có ích gì mà đốt nhà thờ Mô ha mét giáo? Nhưng khi người đó trong đám đông thì thông minh của người đó giảm xuống và người đó nghĩ “Mình không chịu trách nhiệm cho điều đó,” bởi vì trong đám đông thông minh và trách nhiệm đều bị mất. Người đó nghĩ, “Mình sẽ không chịu trách nhiệm về điều này. Có biết bao nhiêu người làm điều đó, và mình chỉ đi với họ.” Mọi người đều nghĩ theo cách đó. Đó là lí do tại sao đám đông lại phạm những tội còn lớn hơn cá nhân. Cá nhân chỉ phạm tội nhỏ. Khi người tìm kiếm hay đi xa khỏi đám đông đấy chỉ là để thu lấy năng lượng sống thuần khiết, không phải năng lượng do đám đông trao cho.

Moses lên núi Sinai, Mohammed trèo lên núi, Phật và Mahavira lang thang trong rừng, Christ không được biết tới trong ba mươi năm.

Người Ki tô giáo không có ghi chép nào về lịch sử ba mươi năm đầu tiên của ông ấy. Toàn bộ câu chuyện về Jesus chỉ bao quanh ba năm, và điều đó nữa cũng là ba năm trước cái chết của ông ấy. Ông ấy đã ở đâu trong thời gian còn lại? Chỉ có một lời nhắc tới năm thứ bảy của ông ấy, khi ông ấy mới bảy tuổi, và thế rồi lại nói tới ông ấy khi ông ấy ba mươi. Chẳng ai biết về hai mươi ba năm khi ông ấy xa khỏi đám đông. Hai mươi ba năm này là dành cho sự trưởng thành của thể năng lượng của ông ấy, của năng lượng sống của ông ấy.

Chúng ta sẽ nói tới thể thứ ba trong phiên ban đêm. Bây giờ chúng ta làm vài việc.

Khi tôi bảo các bạn thở sâu và nhanh, thì thở sâu và nhanh, tôi đang cố gắng kích hoạt thể năng lượng của các bạn. Đừng là kẻ keo kiệt, đặt toàn bộ năng lượng của bạn vào nó. Khi tôi bảo bạn phát điên và ném mọi thứ ra ngoài, những thứ đang bị kìm nén bên trong, đấy là để làm thuần khiết cho các bạn - ném nó ra! Khi tôi bảo bạn làm “Hu, Hu,” đấy là để đánh vào thể năng lượng của bạn.

Chúng ta đi vào trong thực nghiệm này. Dẫn ra và đứng xa nhau ra. Chẳng cái gì kém hơn sự điên khùng mà có tác dụng. Gạt trí tuệ của bạn sang bên. Dẫu sao đi chăng nữa bạn không có nhiều trí tuệ đâu, cho nên nó không phải là vấn đề! Chẳng cái gì kém hơn sự điên khùng mà có tác dụng.

7 Thể trí và các thể nhận biết và phúc lạc

Khi linh hồn, hợp tác với hai thể này, và qua trung gian của mười bốn công cụ, quan niệm các sự vật như lời, thì nó được gọi là manomay kosh, thể trí.

Khi linh hồn, hợp tác với ba thể này, trở thành ý thức tới mọi cảm nhận, thì nó được gọi là vigyanamay kosh, thể nhận biết.

Khi linh hồn, hợp tác với bốn thể này, vẫn còn trong sự hồn nhiên về nguyên nhân của nó, giống như hạt mầm của cây tre, thì nó được gọi là anandamay kosh, thể phúc lạc.

Thể thứ nhất là thể thô - vật lí và được làm từ thức ăn. Thể thứ hai là thể năng lượng. Chúng ta đã nói về hai thể này trong buổi sáng. Người làm thuần khiết thể năng lượng đánh thức cho thể thứ ba; khi tầng này trở thành trong suốt, những thoáng nhìn về tầng tiếp bắt đầu tới.

Như chúng ta đã hiểu, thể thứ nhất được làm từ thức ăn, thể thứ hai được làm từ năng lượng sống, và thể thứ ba được làm từ sóng ý nghĩ. Ý nghĩ cũng là thức ăn. Ý nghĩ cũng là vật. Ý nghĩ cũng là năng lượng.

Phật đã nói: “Khi ông nghĩ vậy thì ông trở thành vậy. Ông là kết quả của việc nghĩ riêng của mình.” Điều này là đúng cho tới mức độ của thể trí. Phát biểu của Phật là đúng bởi vì những người ông ấy đang nói tới chẳng biết gì bên ngoài tâm trí. Nhưng chúng ta chưa bao giờ coi ý nghĩ như thức ăn cả - ý nghĩ cũng là thức ăn, ý nghĩ cũng đi vào bên trong và tạo ra một thể. Cố hiểu điều này.

Năm 1900, tại Calcutta, một đứa bé biến mất. Sau bảy năm nó bị một người thợ săn dũi theo dấu vết trong rừng rậm và đem về. Nó đã bị bầy sói tha đi. Người ta đã cố gắng hết sức để làm cho đứa bé này thành con người, nhưng việc quá rất khó. Đứa bé này bò bằng bốn chi hết như sói và nó phát ra âm thanh giống như sói. Nó đã trở nên dữ tợn như một con sói, nó chạy nhanh như sói, và rất khó để thử làm cho nó đứng thẳng dậy. Đứa bé này chết bởi vì

những nỗ lực quá mức này. Tâm trí nó đã không phát triển bởi vì tâm trí này đã không nhận được thức ăn.

Điều này đã xảy ra ba hay bốn lần. Tại Uttar Pradesh, quãng mười năm trước đây, một đứa trẻ mười bốn tuổi đã được bắt đem về sau khi đã sống giữa bầy sói. Nhưng đến độ tuổi mười bốn thì quá trễ bởi vì nó không thể nói đến một lời. Sau sáu tháng nó chỉ được dạy nói “Ram.” Họ đã đặt tên cho đứa nhỏ này là Ram; sau sáu tháng chỉ có khả năng dạy nó thế thôi. Nó cũng chết. Nó là đứa trẻ lành mạnh nhưng cũng không thể nào cứu được nó mặc cho những nỗ lực tốt nhất. Bây giờ đã quá khó không thể nào phát triển được tâm trí nó và làm cho nó thành con người bởi vì thể trí đã không được phát triển.

Bạn nói một ngôn ngữ đặc biệt; đây là thức ăn bạn đã được trao cho từ thời thơ ấu. Nếu bạn mà sống trong một gia đình khác thì bạn sẽ nói một thứ tiếng khác. Ngôn ngữ tạo ra một tầng sâu.

Một trong những người bạn tôi rời Ấn Độ từ thời còn thơ ấu và sống hai mươi năm ở Đức. Tiếng mẹ đẻ của anh ta là Marathi, nhưng anh ta đã quên mất nó. Sau khi nói tiếng Đức hai mươi năm anh ta không còn nhớ tới tiếng Marathi - anh ta không thể đọc nó được, anh ta thậm chí không thể nói nó được, nói chi tới hiểu được nó. Thế rồi bỗng nhiên do tai nạn, anh ta bị bệnh. Người em của anh ta từ Ấn Độ sang Đức. Nhân viên bệnh viện yêu cầu anh này ở lại trong bệnh viện với người anh ốm yếu cho dù điều đó đi ngược lại các qui tắc của bệnh viện không được ở qua đêm. Nhưng anh ta phải ở lại, bởi vì bất kì ngôn ngữ nào người anh nói trong trạng thái vô thức của mình thì các nhân viên bệnh viện đều không biết. Chỉ khi anh ta có ý thức thì anh ta mới nói tiếng Đức. Và người em lấy làm ngạc nhiên rằng khi người anh ốm yếu và vô thức thì anh ta nói tiếng Marathi; khi có ý thức anh ta thậm chí không thể nào hiểu được tiếng Marathi, nhưng trong khi vô thức thì anh ta chỉ nói tiếng Marathi và không thể nói lấy một lời tiếng Đức. Trong trạng thái vô thức anh ta không thể hiểu được tiếng Đức chút nào.

Thức ăn, cái tạo ra chính tầng thứ nhất của thể trí, là sâu nhất. Cho nên người ta về sau có thể học ngôn ngữ khác nhưng nó không

thể có chiều sâu của tiếng mẹ đẻ. Điều đó là không thể được, không có cách nào, bởi vì tầng thứ nhất được tạo ra trong thể trí bao giờ cũng vẫn còn là tầng thứ nhất, các tầng khác sẽ được tạo ra từ đó trở đi.

Ngôn ngữ, lời, ý nghĩ, tất cả những cái này tạo ra một thể bên trong chúng ta. Ai đó càng được giáo dục và có văn hoá, thể trí này càng lớn hơn. Nhưng thể này là không thấy được với chúng ta như một thân thể; do đó chúng ta cứ ném mọi loại ý nghĩ vào thể trí mà chẳng chú ý gì. Một người đọc báo vào buổi sáng không hiểu rằng tờ báo này cũng đang tạo ra thể trí của mình. Bước đi trên phố đọc các tờ quảng cáo trên tường, người đó thậm chí không thể nào quan niệm được rằng những lời này đang đi vào người đó và tạo ra tâm trí người đó.

Chúng ta hoàn toàn không nhận biết về cách chúng ta đang tạo ra tâm trí mình, do đó cuộc sống của chúng ta là hỗn loạn. Nếu chúng ta không nhận biết trong việc tạo ra thể vật lí của mình như chúng ta không nhận biết để tạo ra tâm trí mình, thì ngay cả thể vật lí cũng trở thành vấn đề. Chúng ta không chọn ăn sỏi và đá cuội, nhưng khi có liên quan tới tâm trí, cái chúng ta ăn còn tồi tệ hơn thế nhiều. Tất cả những cái đó do tâm trí tạo ra, bất kì cái gì đi vào trong tâm trí một cách có chủ ý hay vô ý, đều trở thành một phần của nó. Nhưng chúng ta không nhận biết rằng thể trí của chúng ta đang được tạo ra từng khoảnh khắc; bất kì cái gì chúng ta nghe thấy, bất kì cái gì chúng ta đọc, bất kì cái gì chúng ta nghĩ, bất kì lời nào dội bên trong chúng ta cũng đều tạo ra thể trí của chúng ta. Nếu hàng xóm bạn bảo bạn điều gì đó vô nghĩa, bạn chẳng bao giờ nói, “Dạ, xin đừng đổ mọi rác rưởi này lên tôi.” Mặc dầu bạn có thể hay không thể nhận biết, việc hấp thu nó cũng dễ dàng thế, vậy mà lại rất khó tống nó ra.

Nếu tôi trút một lời vào bạn, không dễ mà tống nó ra đâu. Bạn cứ thử điều đó mà xem và bạn sẽ biết. Tôi có thể nói từ ‘Ram’ cho bạn; bây giờ dù bạn cố gắng thế nào, bạn sẽ không có khả năng vứt bỏ nó mọi đêm, thay vì thế nó thậm chí sẽ còn đi sâu hơn và lắng đọng bên trong bởi vì bạn càng cố gắng vứt bỏ nó, bạn lại sẽ càng nhớ nó nhiều hơn. Điều mà chúng ta muốn quên đi,

trước hết phải được nhớ để mà quên nó. Và mọi lúc chúng ta nhớ nó, chúng ta lại làm mạnh thêm nó.

Đó là lí do tại sao khi bạn muốn quên ai đó đi, điều đó trở thành không thể được. Bạn có thể quên ai đó, đấy là vấn đề khác, nhưng rất khó quên ai đó một cách có ý thức, và cho dù thế thì việc quên cũng sẽ chỉ là hời hợt, nó sẽ không bị xoá từ bên trong. Tâm trí không đánh mất cái gì cả, nó là kẻ thu thập lớn. Thể trí cứ thu thập theo mọi cách tinh tế. Bất kì cái gì nó nhận được như một sóng ý nghĩ, ngay cả trong kiếp quá khứ, cũng đều được thu thập. Đây là điều bản chất để hiểu thể trí này - bởi vì chỉ thế thì nó mới có thể được siêu việt lên.

Nhớ hai điều. Thứ nhất, tôi bảo bạn rằng thể vật lí là thể thô; đằng sau nó tồn tại thể năng lượng, và đằng sau đó tồn tại thể trí. Thể năng lượng là cây cầu giữa thể vật lí và thể trí. Prana, hơi thở, là mối nối giữa hai thể này. Đó là lí do tại sao khi việc thở dừng lại, thể vật lí bị bỏ ở đây và thể trí bắt đầu cuộc hành trình mới. Trong cái chết chỉ thể vật lí là tan rã, không phải thể trí. Chỉ khi một người đã chứng ngộ, thể trí mới tan biến. Khi một người chết, chỉ thể vật lí của người đó chết, không phải thể trí của người đó; và thể trí đó bắt đầu cuộc hành trình mới với mọi mẫu hình cũ của nó. Tâm trí tìm một thân thể mới và lại tìm thấy một bụng mẹ, và nó nhận thân thể mới theo cùng cách và tạo ra gần như cùng cấu trúc cũ.

Mối nối giữa hai thể này là hơi thở sống. Do đó khi một người trở nên vô ý thức, thế thì chúng ta không nói người đó chết - cho dù người đó còn trong cơn mê vài tháng chúng ta cũng không nói rằng người đó chết. Nhưng nếu việc thở dừng lại, chúng ta lập tức coi người đó là chết bởi vì mối nối giữa thân thể và tâm trí bị phá vỡ.

Và nhớ, với việc thở mối quan hệ giữa tâm trí và thân thể thay đổi mọi khoảnh khắc. Khi bạn giận dữ, nhịp thở của bạn thay đổi ngay lập tức; khi bạn có ham muốn dục, nhịp thở của bạn thay đổi; khi bạn thành thoi, nhịp thở của bạn thay đổi. Nếu tâm trí bạn bị rối loạn, thế nữa nhịp thở của bạn cũng thay đổi. Nhịp thở của bạn đang thay đổi liên tục với sự thay đổi của thân thể hay tâm trí. Đó là lí do tại sao những người có thể làm

chủ thực sự nhích thở đều đạt tới việc làm chủ sâu sắc với tâm trí và thân thể.

Tại Nhật Bản, trẻ nhỏ đều được dạy thả lỏng việc thở của mình bất kì khi nào giận dữ phát sinh, bởi vì giận dữ không thể được thả lỏng một cách trực tiếp. Bạn có thể kìm nén nó nhưng bạn không thể thả lỏng nó, và giận dữ mà bị kìm nén sẽ lại bùng phát một ngày nào đó, hôm nay hay ngày mai, và có lẽ còn độc hơn trong nó. Tại Nhật Bản, trẻ con được bảo thả lỏng việc thở của chúng nếu chúng cảm thấy giận dữ, bởi vì khi việc thở trở nên được thả lỏng, giận dữ đã nảy sinh trong tâm trí sẽ không đạt tới thể vật lí; không có cây cầu của việc thở thì điều đó là không thể được. Và nếu nó không đạt tới thể vật lí, chẳng cần kìm nén lẫn bầy tỏ. Nếu nó vẫn còn trong tâm trí, nó sẽ dần dần tiêu tan, nếu nó đạt tới thể vật lí, nó vượt ra ngoài kiểm soát của bạn. Có những cách làm tiêu tan nó trong tâm trí. Nhưng thể vật lí là một thứ rất thô. Nếu nó bắt được cái gì đó, điều đó chỉ có thể hoặc bị kìm nén hoặc được bầy tỏ. Nếu bạn bầy tỏ nó, điều đó tạo ra vấn đề, nếu bạn kìm nén nó, nó tạo ra phức tạp bên trong thân thể.

Một nhà tâm lí lớn người Mỹ tên là Wilhelm Reich đã chết một thời gian trước đây. Sau những thực nghiệm cả đời với bệnh nhân của mình, ông ấy thấy rằng khi người ta định kìm nén giận dữ, giận dữ lắng đọng vào trong thân thể vật lí dưới dạng các nốt sần. Và cũng khá kì lạ là ông ấy đã phát hiện ra rằng ông ấy có thể làm ai đó giận dữ chỉ bằng việc ấn vào những nốt đó. Sau nghiên cứu cả đời về thân thể bệnh nhân, nếu ông ấy cảm thấy rằng bệnh tật mà họ mang là do giận dữ bị kìm nén, ông ấy sẽ ấn vào những phần đó trên thân thể nơi ông ấy cho rằng giận dữ có thể đã tích lũy lại và người này sẽ ngay lập tức trở nên phát rồ. Ai đó khác có thể chẳng bao giờ trở nên giận dữ nếu cùng chỗ đó bị ấn vào, nhưng bệnh nhân đặc biệt kia sẽ bùng phát giận dữ mà chẳng lí do gì cả; không có việc kêu gọi từ bên ngoài, và không lí do rõ ràng.

Khi bạn kìm nén cảm giác, các nốt sần được tạo ra trong thân thể vật lí, mớ phức tạp được hình thành. Chín mươi phần trăm bệnh tật đều là do kết quả của xúc động bị kìm nén. Đó là lí do tại sao bác sĩ trị liệu chỉ có thể thay đổi chúng chứ không chữa

chúng. Hôm nay có một bệnh, và bác sĩ trị liệu kìm nén nó, kiểm soát nó, nhưng ngày mai nó sẽ bắt đầu xuất hiện dưới dạng khác. Bác sĩ trị liệu chỉ chuyển bệnh đi đâu đó khác. Bệnh nhân cảm thấy chút ít giảm nhẹ. Bệnh này được chữa, bệnh khác sẽ mất thêm chút thời gian để bùng ra.

Mớ phức tạp được tạo ra bên trong, chất độc được tích lũy bên trong, đã trở thành nốt tinh thể, cần phải được tống ra. Nếu chúng còn chưa ảnh hưởng tới thể vật lí, có cách để làm cho chúng tan biến khỏi tâm trí.

Việc thở là cây cầu. Bất kì cái gì được truyền đạt cho thân thể, đều được truyền qua việc thở. Nếu tâm trí bạn đầy những ham muốn dục và việc thở của bạn vẫn còn không bị rối loạn, khó cho ham muốn này đạt tới thể vật lí; chỉ qua việc thở mà nó mới đạt tới thể vật lí.

Có một đạo diễn phim vĩ đại người Nga, Stanislavski, một trong những đạo diễn thông minh nhất của thế kỉ hai mươi. Stanislavski đã đưa ra những phát hiện rất sâu sắc về diễn xuất, và những phát hiện đó là rất có ích, có ích cho mọi người. Phát hiện sâu sắc nhất của ông ấy là việc dùng các nhịp thở khác nhau, điều ông ấy dạy cho các diễn viên. Ông ấy nói: “Nếu bạn phải giận dữ, đừng bận tâm về việc cố gắng giận dữ, chấp nhận một nhịp thở đặc biệt và giận dữ sẽ tới theo cách của nó. Nếu bạn phải bày tỏ tình yêu, đừng cố gắng bày tỏ nó, bởi vì chính nỗ lực đó làm cho nó thành không thật và phá huỷ diễn xuất. Thu xếp việc thở bên trong bạn và thể rồi thở theo nhịp đó - tình yêu bạn muốn sẽ xuất hiện ngay trên khuôn mặt bạn. Và điều này sẽ xuất hiện rất gần với thực tại, nó sẽ không giống như diễn xuất.”

Stanislavski hay nói rằng một nghệ sĩ phải là người chủ của cả thể vật lí và thể năng lượng - người đó phải đặc biệt là người chủ thể năng lượng của mình, chỉ thế thì người đó mới có thể trở thành một chuyên gia trong diễn xuất, không có điều khác.

Nijinsky là một vũ công người Nga. Khi Nijinsky múa, mọi người đều cảm thấy rằng họ đang thấy một ảo cảnh... và điều đó là một phần trong trường hợp này. Mặc dầu đã có nhiều vũ công lớn với cùng tầm cỡ, phải nói rằng chưa bao giờ có và có lẽ chẳng

bao giờ có một vũ công như Nijinsky. Điều kì lạ là ở chỗ khi ông ấy múa và ông ấy nhảy, ông ấy ở trong không trung lâu đến bất thường rồi mới xuống. Không vũ công nào khác làm lâu như vậy; cứ dường như trọng lực ít ảnh hưởng tới ông ấy. Khi ông ấy nhảy lên, cứ dường như là ông ấy chỉ nổi trong không trung và kéo dài thời gian ở đó theo ý mình rồi mới xuống. Những người khác nhảy cùng ông ấy đều đã xuống sàn từ lâu trước khi ông ấy xuống.

Bí mật nào ở đằng sau điều đó? Các nghiên cứu đều chỉ ra rằng đã có một nét đặc biệt trong nhịp thở của ông ấy mà hoàn toàn khác với những người khác. Điều đó là khác thường.

Trong năm mươi năm qua đã có những báo cáo về những người bay lên. Chẳng hạn, có một phụ nữ ở Bolivia nâng mình lên cao trên mặt đất một mét, một mét rưỡi quãng bốn năm lần trong năm. Cô ấy đã được nghiên cứu một cách rất khoa học, được quay phim, nhiều công trình đã được tiến hành, và bây giờ không có hoài nghi gì về điều đó nữa. Người ta đã phát hiện ra rằng nhịp thở của cô ấy là hệt như của Nijinsky. Cô ấy thở theo cùng cách.

Nhiều nhịp thở đã được phát hiện ra trong lĩnh vực *pranayama*, khoa học về thở sống. Khi những nhịp điệu khác nhau này được dùng, thay đổi xuất hiện trong thể trí và thể vật lí. Việc thở là cây cầu giữa thể trí và thể vật lí: thể vật lí tồn tại phía bên này còn thể trí tồn tại ở phía bên kia.

Ý nghĩ là đối tượng tinh tế nhất trong kinh nghiệm của chúng ta, nhưng ngay cả ý nghĩ thực tế cũng tồn tại. Ý tưởng là ý nghĩ không có sự tồn tại vật chất bây giờ đã được chứng minh là sai. Chúng có sự tồn tại vật chất.

Eddington đã viết trong cuốn tiểu sử của mình: “Nhiều lần tôi bị tràn ngập bởi quan niệm rằng ý nghĩ là vật.” Vào thời đó đấy chỉ là một ý tưởng, không có chứng minh, nhưng bây giờ bằng chứng khoa học là sẵn có. Trong mười năm qua người ta đã làm ra những cái máy có thể bắt lấy sóng ý nghĩ của bạn. Nếu bạn đứng trước một cái máy như vậy và tập trung vào một ý nghĩ, nó ghi lại rằng bạn đang tập trung - bạn chỉ phải đứng trước chiếc máy đó theo cùng cách như bạn đứng trước máy chụp

tia X. Nếu bạn thành thoi và buông bỏ ý nghĩ, máy này chỉ ra rằng bạn đã thành thoi.

Có một người ở Mỹ tên là Ted Series. Có lẽ trong thế giới ngày nay bằng chứng của ông ấy là bằng chứng lớn lao nhất trên trái đất chứng minh rằng ý nghĩ là vật chất. Một quyền năng đặc biệt bỗng nhiên xuất hiện trong Ted Series. Ông ta sẽ tập trung vào ý nghĩ nào đó, và hình ảnh của ý nghĩ đó sẽ xuất hiện trong mắt ông ấy và hình ảnh này có thể được chụp lại bằng máy ảnh. Chẳng hạn, nếu ông ấy tập trung một cách an bình vào một ý nghĩ về Taj Mahal thì hình ảnh của nó sẽ xuất hiện trong mắt ông ấy, và cho dù ông ấy chưa bao giờ thực tế thấy Taj Mahal và nó sẽ chỉ nổi lên trong tưởng tượng của ông ấy, nó có thể được chụp hình lại. Ted đã được chụp ảnh ít nhất cũng mười nghìn lần. Thường những quan sát rất thú vị đã được thực hiện; và ảnh chụp đã được xuất bản. Hàng trăm nhà nghiên cứu đã làm việc vất vả bằng việc dùng nhiều cách tiếp cận khác nhau cố gắng phát hiện ra có lừa dối nào không. Nhưng điều đó thực tế là không thể được, bởi vì trong khi các nhà nghiên cứu có thể thấy Taj Mahal trong mắt ông ấy và mặc dầu nhà nghiên cứu có thể bị lừa, rất khó lừa máy ảnh. Bức ảnh trong máy ảnh đã chứng minh cái gì? Nó đã chứng minh rằng nếu một ý nghĩ có thể trở nên đậm đặc và lấy hình dạng của Taj Mahal trong mắt, nó không chỉ là ý nghĩ, nó còn là vật nữa; nó là vật chất, nó là vật liệu, bởi vì chỉ vật chất mới có thể được chụp hình, ý nghĩ không thể được chụp hình. Một vật có thể được chụp hình thì mang tính vật chất nhiều hơn, mang tính chất liệu hơn.

Thường những điều thực sự đáng ngạc nhiên lại xảy ra. Có lần, khi Ted Series đang cố gắng đưa Taj Mahal vào mắt mình, ông ấy nhắm mắt lại và xác nhận rằng ông ấy đã bắt được hình ảnh đó và yêu cầu máy ảnh sẵn sàng. Thế rồi ông ấy mở mắt ra, máy ảnh nháy, và Ted nói, “Xin lỗi, Tôi làm lỡ nó rồi. Bây giờ tôi bắt Khách sạn Hilton - ý nghĩ đã thay đổi bên trong. Xin lỗi, tha thứ cho tôi.” Điều làm sững sốt là máy ảnh đã không bắt hình của Taj Mahal, thay vào đó nó đã bắt hình của Khách sạn Hilton. Chuyện xảy ra vài lần là Khách sạn Hilton đã chồng lên Taj Mahal, cả hai đều bị bắt lại - Taj Mahal đi ra, còn Khách sạn Hilton đi vào.

Ý nghĩ cũng là chất liệu, mặc dầu rất tinh tế. Và chúng ta đang "ăn" chúng nữa, chúng ta ăn chúng trong mọi khoảnh khắc. Những ý nghĩ này đang tạo ra một thể bên trong chúng ta. Do đó kiểu ý nghĩ bạn lấy vào sẽ tạo ra kiểu thể trí bạn sẽ có.

Con người là rất mong manh theo cách này. Ít nhất trong thế kỉ này con người đã trở nên rất mong manh. Đài phát thanh đang đặt các ý tưởng vào đầu bạn, báo chí, chính khách, nhà quảng cáo tất cả đều đang đặt những ý tưởng vào bạn; con người bị nhồi nhét bằng những ý nghĩ từ mọi nơi. Và bạn vẫn nghĩ rằng bạn ra quyết định riêng của mình sao? - bạn lầm rồi.

Vance Packard đã viết một cuốn sách tựa đề *Người khuyên nhủ ẩn kín*. Khi bạn tới cửa hiệu và hỏi mua thuốc lá Berkeley - bạn cho rằng chọn lựa đó là của bạn chứ? Bạn lầm rồi. Có những người khuyên nhủ ẩn kín khắp xung quanh bạn, nói cho bạn qua báo chí, qua dấu hiệu trên cửa tiệm, trên tường, trên ti vi, radio - bất kì chỗ nào bạn nhìn - bảo bạn hãy "mua thuốc lá Berkeley." 'Berkeley' đã được cấy vào trong tâm trí bạn.

Các nhà quảng cáo Mỹ nói: "Bất kì ai mua bất kì cái gì, chúng ta đã tạo ra chín mươi phần trăm quyết định mua của người đó. Mười phần trăm còn lại cũng không phải là sự chọn lựa của người đó, đấy chỉ là vì nghệ thuật quảng cáo còn chưa được phát triển hoàn thiện. Cá nhân không có tự do trong việc này. Khi chúng ta phát triển nó thành một trăm phần trăm, chúng ta sẽ biết trước chúng ta sẽ làm cho người đó mua gì, chúng ta sẽ biết người đó sẽ mua gì."

Cần nhận biết về điều này, bằng không thì bạn không tự do. Nếu người khác đang tạo ra tâm trí bạn thì bạn không tự do. Bố mẹ bạn truyền tôn giáo của họ cho bạn; thầy giáo bạn cho bạn tri thức trong trường phổ thông; các nhà quảng cáo, báo chí và mạng lưới tiếp thị cho bạn lời gọi mua mọi thứ. Bạn đang bị thao túng bởi những lời gợi ý này cả đời mình.

Bây giờ, ở Mỹ, trong khi việc sản xuất xe đã tăng lên, nhu cầu lại giảm bởi vì gần như mọi người đều đã có một xe. Các nhà chế tạo lo nghĩ điều cần làm. Cho nên năm năm qua một ý tưởng mới đã được đề xướng ra: rằng bạn là giàu nếu bạn sở

hữu hai xe. Bây giờ mọi người bắt đầu sở hữu hai xe. Việc sở hữu một xe chứng tỏ cái nghèo của người ta, chỉ có một xe chứng tỏ rằng bạn là nghèo. Và một khi bạn đã gắn việc sở hữu mỗi một xe với nghèo kém, cuộc sống là địa ngục nếu không có hai xe. Người giàu phải có hai nhà - một nhà ở thành phố và nhà kia ở bờ biển hay trên núi - chỉ người nghèo mới sở hữu một nhà. Chỉ cần một ý tưởng và mọi người chạy phát rồ vì nó... và họ bao giờ cũng tin rằng chính họ mới đang quyết định. Họ đang sống trong ảo tưởng.

Thể trí là sáng tạo của lời. Tất cả các bạn đều biết về việc tụng niệm tên Thượng đế, và bạn phải đã thấy những người khác làm điều đó, nhưng bạn có nhận biết rằng đấy đơn giản là một biện pháp bảo vệ chứ không gì khác không? Tụng niệm là một phương cách an toàn. Nếu bạn tham gia vào việc tụng niệm trong khi bạn đang bước đi trên đường thì không lời nào khác đi vào bạn được, bởi vì cần chỗ nào đó cho lời có thể đi vào.

Nếu ai đó đang tụng niệm “Rama, Rama” hai mươi bốn giờ một ngày, dù là đang khóc hay đang ăn hay ở cửa hiệu hay đang nói với ai đó khác, bao giờ cũng tụng niệm “Rama, Rama” cho chính mình, đây là biện pháp bảo vệ; bây giờ bạn không thể áp đặt cái gì vào người đó được. Bây giờ một tầng dày, bức tường Rama đã dựng lên bên trong, và không dễ thấm qua bức tường Rama này. Một người như vậy đang cố gắng tạo ra một dạng và đặc tính đặc biệt cho thể trí của mình.

Và điều rất thú vị là nếu cái gì đó mà thấm qua bức tường Rama này, nó chỉ thấm qua nếu nó tương hợp với khái niệm về Rama, không có trường hợp khác. Sự gần gũi với Rama là cần có để cho nó thấm vào. Chẳng hạn, nếu ai đó hô lên “Ravana” ở gần người này, từ đó sẽ bật lại khỏi bức tường, nhưng nếu ai đó nói “Sita” thì nó sẽ xuyên thấu qua. Tầng này vậy là sự bảo vệ chống lại cái không mong muốn và mở ra với cái mong muốn. Theo một nghĩa nào đó, người này sẽ bắt đầu trở thành người chủ của thể trí của mình; người đó cho phép những ý nghĩ mà người đó muốn và loại bỏ những ý nghĩ mà người đó không muốn.

Và nếu chúng ta thậm chí không là người chủ của tâm trí riêng của mình, chúng ta là chủ cho cái gì? Tâm trí chúng ta gần như

điên bởi vì chúng ta đồng thời chấp nhận những điều hoàn toàn mâu thuẫn - hàng nghìn điều mâu thuẫn. Mọi người phàn nàn về tâm trí họ bất ổn, bối rối, lẫn lộn. Cũng đáng ngạc nhiên là họ nghĩ rằng đây là bệnh tật cần được chữa chạy. Không, đây là sáng tạo riêng của bạn, bạn đang thực hành nó hai mươi bốn giờ một ngày; bạn đang nhận đủ mọi loại điều mâu thuẫn. Bạn nhận ý nghĩ này, thế rồi bạn bắt một ý nghĩ khác hoàn toàn mâu thuẫn. Điều này tạo ra sự không yên. Có phân cực giữa hai ý nghĩ này; chúng đánh nhau và vật lộn với nhau và bạn phải chịu đựng. Không phải là bạn đang trong vật lộn, mà là các ý nghĩ bên trong bạn. Có vô hạn ý nghĩ bên trong bạn, và chúng tất cả đều mâu thuẫn nhau. Một số ý nghĩ muốn đi về phương đông, số khác muốn đi về phương tây, số khác không muốn đi chút nào, và tất cả chúng đều trong xung đột cực kì, cứ dường như bạn đã thắng ách các con bò vào chiếc xe theo cả bốn hướng đồng thời. Đây là tình huống của bạn đấy. Đôi khi chiếc xe đi chút ít về phương đông. Đôi khi con bò theo hướng này mạnh hơn, đôi khi con bò theo hướng khác lại lờ phờ... nhưng cuộc giằng co tiếp diễn và chiếc xe chẳng đạt tới đâu cả. Chung cuộc nó sẽ tan tành và sẽ chẳng đưa bạn tới đâu cả. Chúng ta tất cả đều trong cùng tình huống khó xử. Có lẫn lộn bên trong, xung đột bên trong.

Một người tới tôi và nói, “Tôi muốn mãn nguyện trong cuộc đời mình, tôi muốn thoả mãn trong cuộc đời mình, nhưng tôi không thể tin cậy vào bất kì ai được cho nên tôi phải tới thầy - cho dù tôi không có niềm tin nào vào thầy cả, xin nói cho tôi cách tìm ra mãn nguyện.”

Tôi bảo anh ta, “Tôi sẽ nói cho bạn cách thức, nhưng bạn sẽ không tin cậy vào phương pháp này. Vứt bỏ tìm kiếm này về mãn nguyện đi, bởi vì trong thực tế bạn đang tìm kiếm sự không bằng lòng. Một người không tin cậy vào ai cả thì không thể kinh nghiệm mãn nguyện” - bởi vì bất kì ai không tin cậy thì đều phải tỉnh táo; người đó bao giờ cũng sợ sệt, bao giờ cũng trong nguy hiểm. Bởi vì người đó không tin cậy vào ai quanh mình nên người đó không có tin cậy nào cả. Nếu không tin cậy của người đó trở nên mạnh hơn, người đó sẽ không có khả năng ở trong nhà mình nữa bởi vì, ai mà biết được? - ngôi nhà có thể sập đổ vào bất kì

lúc nào. Và người đó sẽ không thể ở bên ngoài được bởi vì tai nạn nào đó có thể xảy ra. Nếu không tin cậy của người đó cứ tiếp tục phát triển, cuối cùng người đó sẽ chấm dứt với việc không tin cậy vào bản thân mình nữa.

Có thời tôi biết một vị giáo sư đại học, người trong thực tế rất thông minh. Cuối cùng ông ta tới trạng thái không thể nào tin cậy được ngay cả vào bản thân mình. Ông ta chưa bao giờ giữ dao hay đĩa trong phòng mình trong đêm vì ông ta có thể cắt vào mình vào bất kì lúc nào. Ông ta không có niềm tin, không tin cậy vào bản thân mình. Điều này có nghĩa là ai đó phải ở cùng ông ấy trong phòng của ông ấy vào ban đêm - nhưng ông ta không thể nào tin cậy được vào họ. Hay ai đó phải ở bên ngoài, nhưng thế thì chẳng cái gì nguy hiểm có thể bị bỏ lại bên trong phòng bởi vì ông ấy không tin cậy vào chính mình.

Trong thực tế, với ai đó không có tin cậy vào người khác, một ngày sẽ tới khi người đó cũng mất luôn tin cậy vào bản thân mình. Sự kiện là ở chỗ người đó không thể nào tin cậy được vào tất cả; vấn đề chính là về tin cậy... vấn đề không phải là tin cậy vào người khác hay bản thân mình. Thế thì măn nguyện là không thể được. Măn nguyện tới với người giữ tin cậy của mình luôn sống động mặc cho hoàn cảnh mâu thuẫn, mặc cho tình huống không tin cậy.

Một cậu bé đang đi cùng bố, cầm tay bố; nó hoàn toàn thành thoi, trong tin cậy. Tuy nhiên, chẳng có gì chắc chắn rằng người bố lại không thể đẩy nó ngã xuống, chẳng có gì chắc chắn rằng bản thân người bố lại không ngã, và cũng có thể là người bố đang cầm tay con để lấy làm chỗ dựa cho mình. Nhưng đứa trẻ thì thoả mãn. Tôi đã nghe:

Mulla Nasruddin bảo con mình trèo lên thang. Đứa trẻ mới mười tuổi. Mulla đứng dưới chân thang dang rộng cánh tay ra và bảo đứa con nhảy xuống.

Đứa bé ngần ngại: “Nhỡ con ngã thì sao?”

Nasruddin nói, “Con ngu lắm! Bố con ở đây để đón bắt lấy con trong cánh tay này, sao con ngã được?”

“Con sợ lắm,” đứa trẻ nói.

Nasruddin bảo nó, “Sao con lại sợ khi bố đang đứng đây?”

Đưa con ngằn ngại, nhưng người bố cứ thuyết phục mãi và đưa bé nhảy xuống. Nasruddin lánh xa. Đưa bé ngã và bị đau đầu gối. Nó hỏi bố nó, “Sao bố làm thế?”

Nasruddin nói, “Bố cho con một bài học về cuộc sống: đừng tin ngay cả bố mình. Thế giới này không phải là để được tin cậy; chỉ những kẻ lừa dối mới sống trong thế giới này chứ không ai khác cả.”

Mãn nguyện là không thể có được với một tâm tính như vậy. Mãn nguyện là có thể chỉ trong một trạng thái tâm trí nào đó, và trạng thái đó là thái độ tràn đầy tin cậy. Không mãn nguyện là thái độ của hoài nghi. Nếu bạn muốn cả hai, rắc rối nảy sinh.

Một người bạn tới và nói, “Tôi sợ chết lắm, và tôi không có tin cậy nào vào sự tồn tại của linh hồn cả.”

Tôi nói, “Nếu linh hồn không tồn tại, sao sợ chết? Thế thì khi bạn đã chết rồi, cái gì còn lại để chết? Còn nếu bạn có tin cậy rằng linh hồn quả tồn tại, chẳng cần sợ chết bởi vì nó sẽ không chết. Chọn một trong hai điều này. Nếu bạn chắc chắn rằng linh hồn không tồn tại, sợ chết là hoàn toàn điên khùng - làm sao cái gì đó có thể chết mà lại không tồn tại? Thế thì bạn chỉ là sự lắp ráp lại và bạn sẽ chỉ tan rã ra. Ai sẽ cảm thấy đau đớn về sự tan rã đó? - chẳng ai cả. Ai có đó để cảm thấy cái đau khi chiếc đồng hồ bị tháo ra? - chẳng ai cả. Nó chỉ là sự lắp ráp mà bây giờ bị tháo ra. Không ai còn lại để cảm thấy đau đớn. Chắc rằng linh hồn không tồn tại đi, và thế thì bạn chẳng có lí do gì để sợ chết cả.”

Anh ta hỏi, “Thế nếu linh hồn quả tồn tại thì sao?” Nếu! *Nếu* linh hồn tồn tại! - điều đó là vô nghĩa.

Điều đó chỉ có nghĩa là bạn muốn duy trì sợ chết của mình.

Nếu linh hồn tồn tại!... anh ta muốn sợ chết vẫn còn lại. Nếu phủ nhận linh hồn xưa đi nỗi sợ, anh ta thậm chí sẵn lòng chấp nhận sự tồn tại của linh hồn - nhưng thế thì lần nữa phải làm gì với nỗi sợ? Tôi nói, “Nếu linh hồn tồn tại, không cần sợ bởi vì thế thì sự tồn tại của linh hồn có nghĩa là cái chết không tồn tại.”

Nhưng vấn đề của anh ta là gì? Vấn đề của anh ta là ở chỗ sâu bên dưới anh ta muốn tồn tại và sống vĩnh viễn, nhưng vấn đề là ở chỗ anh ta cũng không có niềm tin rằng cuộc sống vĩnh hằng là

có thể có. Anh ta tự mâu thuẫn. Một người như vậy cứ tự mâu thuẫn với mình. Tâm trí trở thành đồng lộn xộn bởi vì chúng ta thu thập đủ mọi ý nghĩ mâu thuẫn. Nếu thể trí được làm thuần khiết thể thì chỉ có một cách, và đó là những ý nghĩ kia phải có sự phối hợp, có nhịp điệu, có hài hoà. Thế thì thể trí được làm thuần khiết và người ta đi vào bên trong.

Thể thứ tư là *vigyanamay kosh*, thể nhận biết. Thể thứ ba được tạo ra bởi ý nghĩ, thể thứ tư được tạo ra bởi ý thức, bởi nhận biết; đó là thể nhận biết. Khi chúng ta trở nên có khả năng quan sát ý nghĩ của mình, cách chúng ta quan sát mây trắng lang thang trên bầu trời, hay đàn sếu bay, khi chúng ta có khả năng quan sát các ý nghĩ của chúng ta từ một khoảng cách, để thấy chúng bay trong bầu trời tâm thức - thế thì chúng ta có khả năng biết tới thể thứ tư.

Nhưng chúng ta bị găn bó quá lớn với thể thứ nhất đến mức thậm chí chẳng biết tới thể thứ hai. Và thế rồi chúng ta lại bị thể thứ ba bắt giữ, cho nên bị nhấn sâu vào trong tâm trí đến mức chúng ta thậm chí không thể nào quan niệm nổi việc siêu việt lên trên nó.

Bồ đề đạt ma tới Trung Quốc quãng một nghìn bốn trăm năm trước đây. Lương Vũ đế, hoàng đế Trung Quốc, hỏi ông ấy, “Tâm trí quả nhân rất bất ổn. Liệu có cách nào tìm lối ra khỏi nó không?”

Bồ đề đạt ma nói, “Ông nói tâm trí ông không bình lặng, nhưng ông đã bao giờ biết tới tâm trí bình lặng chưa?”

Vũ đế ngạc nhiên. Ông ta nói, “Không, quả nhân chưa bao giờ biết tới tâm trí bình lặng cả.”

Bồ đề đạt ma nói, “Thế thì tại sao ông lại nói 'tâm trí bất ổn'? Thực sự, tâm trí là bất ổn. 'Tâm trí bất ổn'...sao ông dùng hai từ này? Bất ổn là tâm trí, còn ông lại muốn làm bình lặng tâm trí sao? Ông sẽ phát điên, nhưng bản thân tâm trí thì không bao giờ có thể bình lặng được.”

Vũ đế nói, “Điều đó có nghĩa là quả nhân sẽ chết với bất ổn này sao?”

Bồ đề đạt ma nói, “Không, ông có thể vượt ra ngoài tâm trí này, và bên ngoài tâm trí này có an bình. Ông không thể bình định được tâm trí đâu, nhưng nếu ông vượt ra ngoài tâm trí thì cái còn lại là an bình; và nếu điều đó đạt được, thế thì tâm trí trở nên bình lặng.”

Trong thực tế 'tâm trí' như vậy biến mất. Ngay khi thể thứ tư phát triển, thể thứ ba bắt đầu tàn lụi đi. Và ngay khi thể thứ tư phát triển lên, thể thứ ba, thể trí, còn chỉ như một vật tiện dụng.

Người đã phát triển thể thứ tư của mình, không bị ý nghĩ bao quanh nữa; khi cần tới nó người đó dùng quá trình suy nghĩ - cũng giống như với chân của chúng ta vậy: khi chúng ta cần chúng thì chúng ta sẽ dùng chúng. Bạn không nói, “Tôi sẽ cứ bước, cứ di chuyển chân ngay cả khi tôi đang ngồi trong ghế.” Mặc dầu vài người thậm chí vẫn làm điều đó. Vài người làm điều đó bởi vì nếu họ không để cho chân chuyển động khi họ đang ngồi, làm sao họ sẽ bước đi được? - họ phải tiếp tục thực hành! Hay là họ không nhận biết về điều đó? Phần lớn các trường hợp đều

là ở chỗ họ không nhận biết rằng chân họ đang chuyển động. Khi người chủ vắng nhà, ai sẽ nhận biết? Nếu chân muốn di chuyển, chúng di chuyển; nếu đầu muốn làm điều gì đó, nó làm điều đó theo ý nó; tất cả đều là nô lệ mà không ai là chủ cả. Và không phần nào sẵn sàng vâng lời, chịu nghe bất kì ai khác. Với kinh nghiệm về thể thứ tư, các ý nghĩ chỉ có chức năng tiện dụng - khi bạn cần nghĩ thì bạn nghĩ, khi không cần nó thì bạn không nghĩ. Nếu bạn nghĩ khi bạn không cần nghĩ, sẽ khó kinh nghiệm thể thứ tư. Sẽ khó bởi vì việc suy nghĩ của bạn sẽ tiếp tục, nó sẽ không vâng lời lệnh dừng của bạn.

Có lí do đấy. Bạn đã bao giờ để ý rằng các ý nghĩ không dừng lại, chúng không dừng mặc cho bạn đã cố gắng hết sức không? Nhưng bạn không nhận biết rằng ngay cả ham muốn của bạn để dừng ý nghĩ của mình cũng là một ý nghĩ; bằng không thì chúng sẽ dừng ngay lập tức. Một ý nghĩ này không thể làm dừng một ý nghĩ khác, chúng cả hai đều có cùng sức mạnh như nhau. Thay vì thế, khi ý nghĩ này cố gắng dừng ý nghĩ kia, ý nghĩ kia sẽ tự khẳng định đó mạnh mẽ hơn: “Mày là ai mà dừng tao lại?” Nếu nô lệ này yêu cầu nô lệ kia dừng lại, nô lệ kia sẽ nói, “Tao muốn chạy đấy. Mày là ai mà dừng tao lại? Tao là chủ đây.” Chính nỗ lực của bạn để dừng ý nghĩ này lại chỉ đơn thuần là một ý nghĩ. Một ý nghĩ này không thể dừng ý nghĩ khác lại được.

Trong thực tế việc dừng lại chỉ có tác dụng khi mệnh lệnh tới từ mức cao hơn, không có điều ngược lại. Khi mệnh lệnh dừng suy nghĩ tới từ *vigyanamay kosh*, thể nhận biết, không ý nghĩ nào dám nhúc nhích, nó dừng lại đó ngay. Nhưng mệnh lệnh phải tới từ mức cao hơn, nó sẽ không có tác dụng nếu nó tới từ cùng mức.

Đây là thể thứ tư - bạn sẽ trở nên nhận biết về nó chỉ nếu bạn cho phép sự trưởng thành của nó. Thế thì sẽ không khó dừng ý nghĩ của bạn lại. Cứ dường như là người chủ đã quay lại và kẻ hầu ngay lập tức cúi đầu dưới chân người chủ, sắp hàng và chờ đợi lệnh của ông chủ. Chỉ mới tí chút trước đây thôi chúng còn đòi là ông chủ, nhưng với sự trở lại của ông chủ, chúng đứng khoanh tay chờ lệnh ông chủ.

Ngay khi thể nhận biết đã thực sự trưởng thành, các ý nghĩ chờ đợi như nô lệ - làm việc của chúng khi được mời làm, bằng không

thì bị bỏ qua. Chúng nằm được bảo quản trong bộ nhớ, và không đưa bạn tới phát khùng hai mươi bốn giờ một ngày để cho đến tối bạn phải cầu xin chúng, “Tha cho tôi đi. Dừng lại đi, cho phép tôi ngủ một chút.” Nhưng chúng không nghe lời bạn chút nào. Ngay bây giờ bạn không hiện diện, vậy chúng phải nghe lời ai? Bạn sẽ bắt đầu hiện diện khi bạn bắt đầu có những thoáng nhìn về thể nhận biết.

Nếu bạn muốn siêu việt lên trên tâm trí, đừng cố gắng dừng nó lại. Bạn không thể dừng nó lại được... nhưng bạn có thể làm cho nó thành hài hoà, bạn có thể làm cho nó thành nhịp điệu. Bản thân tâm trí là lẫn lộn; nhưng nó ở trong tay bạn, bạn có thể làm cho nó thành lành mạnh. Và ngay khi tâm trí trở nên lành mạnh thì bạn sẽ bắt đầu thấy các tầng đằng sau nó - hay bạn có thể định tạo ra tầng thứ tư. Cho nên đừng yêu cầu tâm trí dừng lại. Làm điều gì đó *gây cho* tâm trí dừng lại.

Thiền là cách thức tỉnh thể thứ tư bởi vì thiền làm tăng tâm thức, thiền làm tăng hiểu biết, thiền làm tăng nhận biết. Cho nên thiền là cách để làm tăng tiến, để làm phát triển thể thứ tư.

Tôi bảo bạn... thể thứ tư là nhận biết; thiền là chất nuôi dưỡng nó. Các ý nghĩ là thức ăn cho thể thứ ba, còn thiền là thức ăn cho thể thứ tư. Thiền cũng là năng lượng, thiền cũng là một lực; nó là một lực giống như các lực khác... nhưng rất tinh tế. Bạn có thể hiểu nó bằng việc làm một thực nghiệm nhỏ. Đôi khi cảm thấy mạch của mình, kiểm tra tốc độ của nó. Thế rồi nhắm mắt lại và thiền về mạch của mình trong năm phút... chỉ là nhận biết - và kiểm tra lại nó lần nữa. Bạn sẽ thấy sự thay đổi trong mạch đập, nó không còn như trước nữa. Thiền đã làm gì vậy? Năng lượng của thiền chảy xuống hướng tới mạch đập và làm tăng tốc nó lên. Thiền là năng lượng.

Một người đang bước... theo người đó, tập trung nhận biết của bạn vào cổ người đó, nhìn thẳng vào gáy người đó; không làm gì khác cả, chỉ tập trung. Trong vài giây bạn sẽ thấy rằng người đó cảm thấy không thoải mái. Có chín mươi phần trăm cơ hội là trong vòng hai phút người đó sẽ nhìn lại để xem có vấn đề gì. Bạn đã chẳng làm gì cả, nhưng chỉ với nhận biết, chỉ với

thiền... một năng lượng rất tinh tế đã đi ra khỏi thân thể bạn và chạm vào người đó.

Thiền là năng lượng tinh tế nhất. Tại Nga họ đang quan tâm tới thiền bởi vì họ sẽ phải xem xét tới nó khi cuộc du hành không gian của họ mở rộng... bởi các lí do khoa học, bởi vì máy móc là không tin cậy.

Gần đây một số nhà du hành vũ trụ đã chết bởi vì những hỏng hóc kĩ thuật nào đó. Nếu liên lạc radio bị ngắt, nhà du hành vũ trụ không thể liên lạc được với chúng ta mà chúng ta cũng chẳng trao được cho họ tin tức gì. Và nếu con tàu của họ bị lạc trong không gian bên ngoài, chúng ta sẽ chẳng bao giờ biết được nó đã đi đâu, liệu họ còn sống hay không. Chúng ta sẽ không có khả năng nói điều gì về họ cả.

Một công ti bảo hiểm Mỹ đã quảng cáo bảo hiểm cho các nhà du hành không gian, với điều kiện là việc thanh toán sẽ chỉ được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn về cái chết. Bằng không thì họ có thể bị lạc nhưng vẫn sống. Việc thanh toán sẽ được thực hiện chỉ khi có bằng chứng về cái chết. Nhưng nếu con tàu không gian bị lạc và tín hiệu radio của họ không kiểm soát được, sẽ không có tin tức gì về liệu họ chết hay sống.

Nước Nga đang làm việc cần mẫn về những khả năng của thiền để cho máy móc có thể được hỗ trợ bởi biện pháp khác - và trong chừng mực nào đó thì những cố gắng này đã thành công. Ý tưởng là nhà du hành vũ trụ nên là một thiền nhân, để cho người đó có thể liên lạc qua năng lượng thiền nếu tín hiệu radio bị mất kiểm soát. Và họ đã rất thành công - việc liên lạc là có thể được qua năng lượng thiền. Và sự kiện đáng ngạc nhiên là bất kì khi nào kiểu liên lạc này là có thể thì nó một trăm phần trăm tin cậy, không lỗi nào; còn nếu nó là không thể được thì sẽ không thể liên lạc được theo mọi cách.

Thiền cũng là năng lượng, có thể là năng lượng tinh tế nhất. Ngay cả các nhà vật lí cũng cảm thấy rằng thiền phải là một dạng năng lượng. Không chỉ các nhà sinh lí và nhà tâm lí mà ngay cả các nhà vật lí cũng cảm thấy rằng thiền là năng lượng, bởi vì vấn đề đang dần trở nên rõ ràng rằng nếu chúng ta nhìn vào cái gì đó

một cách thiền thì đối tượng đó được biến đổi; chỉ bởi việc quan sát đối tượng mà nó trở nên được biến đổi.

Nếu chúng ta quan sát một nguyên tử, nguyên tử đó không hành xử hệt như cách nó vẫn hành xử khi không bị quan sát; việc quan sát của chúng ta làm thay đổi hành vi của nó. Chẳng hạn, nếu một người đang bước đi một mình trên phố thì người đó bước đi theo một cách đặc biệt, và nếu bỗng nhiên ai đó khác đi trên phố, thế thì dáng đi của người đó thay đổi ngay lập tức. Sự thay đổi có thể là tinh tế nhưng nó có đó.

Bạn đang tắm trong phòng tắm và nếu bỗng nhiên bạn thấy ai đó nhòm qua lỗ khoá, hành vi của bạn thay đổi. Điều gì đã xảy ra vậy? Sự thay đổi này trong hành vi của con người là có thể hiểu được, nhưng các nhà khoa học nói rằng sự thay đổi đó xảy ra ngay cả trong các sự vật; ngay cả sự vật cũng chuyển khác đi.

Các thực nghiệm với thiền đã được thực hiện trên hoa trong phòng thí nghiệm de la Barr của Oxford. Ai đó thiền một cách yêu mến với một đoá hoa, trong khi đoá hoa khác cũng cùng loại thì bị bỏ không được đoái hoài tới. Không ai thiền về đoá hoa thứ hai; mặc dầu hoa này vẫn được tưới nước, mặt trời chiếu sáng lên nó, mọi sự thu xếp đều như nhau, nhưng bởi vì việc thiền mà đoá hoa thứ nhất phát triển và nở ra nhiều hơn còn đoá hoa thứ hai vẫn còn còi cọc. Hạt mầm được gieo có tính thiền thì mọc nhanh hơn hạt mầm được gieo không có thiền. Điều gì đã tạo ra sự khác biệt cho các hạt mầm này? Hoa có bị ảnh hưởng bởi năng lượng thiền không? Không có mối nối hiển nhiên, nhưng dứt khoát có năng lượng nào đó làm việc ở mức nào đó.

Thiền là thức ăn cho thể thứ tư. Việc thiền chúng ta thực hiện là một nỗ lực để đánh thức thể thứ tư. Bên ngoài bốn thể này còn thể thứ năm, điều các hiền nhân gọi là thể phúc lạc. Khi người ta đạt tới thể nhận biết và làm thuần khiết nó bằng thiền, thể trong suốt nhất nổi ra.

Thể vật lí không bao giờ có thể trong suốt bởi vì chính vật chất tạo nên nó là thô thể; dù bạn có làm thuần khiết nó đến đâu, bởi chính bản chất của nó mà nó không thể nào trở nên trong suốt toàn bộ được. Năng lượng prana là trong suốt hơn, nhưng cũng không toàn bộ. Thể trí có thể được làm trong suốt

hơn thể năng lượng, nhưng nó vẫn không toàn bộ. Trong suốt nhất là thể nhận biết - hoàn toàn trong suốt. Nó trong suốt tới mức bạn không thể chỉ thấy qua nó, bạn thậm chí có thể bước qua nó. Nó trong suốt tới mức nó không có sự ngăn cản nào.

Thiền là năng lượng thuần khiết nhất, năng lượng được làm thuần khiết nhất. Nếu bạn đi qua nó, bạn thậm chí không cảm thấy nó - không kháng cự, không cản trở. Nếu bạn đang trong năng lượng thuần khiết nhất của nhận biết, bạn thậm chí sẽ không biết tới thể thứ tư. Và điều thú vị là ngay khi bạn đi vào thể nhận biết, bạn không cảm thấy thể này, bạn cảm thấy thể phúc lạc.

Cố hiểu điều này. Thể thứ tư là thuần khiết tới mức nó không thấy được một cách tách biệt như là thể thứ tư. Nó giống như cái kính trong nhất, dường như là vô hình. Nếu nó là thấy được, điều đó có nghĩa là vẫn còn cái không thuần khiết nào đó; nếu nó là thuần khiết, chỉ thể thì nó mới hoàn toàn vô hình. Nhưng ngay cả kính cũng là vật chất... nó không thể nào thấy được, không tạo ra chướng ngại gì cho mắt, nhưng nếu bạn bước qua nó, bạn sẽ đụng vào nó.

Nhưng nhận biết là năng lượng thuần khiết nhất đã từng được biết tới, đã từng được nhận ra. Năng lượng tinh tế nhất có sẵn qua yoga, qua thiền là nhận biết, ý thức. Cho nên khi bạn thức tỉnh toàn bộ, bạn không nhận biết về việc nhận biết này, bạn trở nên nhận biết về phúc lạc; bên ngoài thể nhận biết là thể phúc lạc - chỉ thể phúc lạc mới được kinh nghiệm. Thể thứ năm là thể phúc lạc. Và các hiền nhân cũng đã gọi nó là một thể; đây không phải là cái ta, đây cũng là một thể. Các hiền nhân nói phúc lạc cũng là một thể.

Cố hiểu vài sự việc về điều này. Trước hết, như tôi đã nói với các bạn, thể thứ tư là thể thuần khiết nhất, nhưng nó cũng có thể không thuần khiết; mặc dầu nó là thuần khiết nhất, nó có thể trở thành không thuần khiết. Trong chúng ta nó là không thuần khiết, nó là không thuần khiết toàn bộ. Nó được làm thuần khiết qua thiền, nó trở thành không thuần khiết do vô nhận biết; nó trở nên thuần khiết bởi việc có ý thức, nó trở thành không thuần khiết bởi việc vô ý thức. Cho nên tất cả những chất gây say về cơ bản đều làm hại cho thể nhận biết. Chúng có thể làm hại các

thể khác nữa, nhưng đó là chuyện khác. Cũng có thể là chất gây say có thể có lợi cho các thể khác, nhưng chúng là hại cho thể nhận biết. Rượu đôi khi có thể tỏ ra có ích cho thể vật lí, tới chừng mực nào đó. Và cũng có thể xảy ra việc rượu có thể kích hoạt mạnh năng lượng sống của bạn. Cho nên niềm vui và sức mạnh bạn cảm thấy sau khi uống rượu thuộc vào năng lượng sống của bạn.

Rượu có thể có ích cho quá trình suy nghĩ nữa theo cách thức nào đó. Dường như là nó giúp cho những người sống trong ý nghĩ - nhà thơ, nhà văn, họa sĩ, nhà điêu khắc - những người sống bằng tưởng tượng, tạo nên hình dạng cho ý nghĩ của họ, tại đây nó có thể có ích tới chừng mực nào đó. Nhưng chắc chắn nó làm hại cho thể thứ tư và không bao giờ có lợi cho thể thứ tư cả, bởi vì vô ý thức là không thuần khiết, và có ý thức là thuần khiết cho thể thứ tư. Mọi loại vô ý thức đều gây hại cho nó. Thể thứ tư có thể là thuần khiết nhất trong tất cả các thể, nhưng nó có thể trở thành không thuần khiết nữa; cả hai khả năng đều tồn tại.

Điều đặc biệt về thể thứ năm là ở chỗ nó là thuần khiết nhất. Nó không thể nào trở thành không thuần khiết được. Đó là lí do tại sao không có từ nào là từ đối lập với phúc lạc. Niềm vui là đối lập với nỗi buồn, an bình là đối lập với rối loạn, yêu là đối lập với ghét, có ý thức là đối lập với vô ý thức; nhưng phúc lạc không có cái đối lập. Phúc lạc là từ duy nhất không có đối lập. Nếu ai đó mà nói "vô - phúc lạc", điều đó chỉ có nghĩa là thiếu vắng phúc lạc, nó không phải là đối lập của phúc lạc. 'Vô-phúc lạc' không có hình dạng, không vị trí, không sự tồn tại.

Không có năng lượng đối lập với phúc lạc; do đó, thể thứ năm là thuần khiết. Cho nên chẳng cần phải làm gì với thể thứ năm. Khi thể thứ tư được làm thuần khiết, thể thứ năm thành sẵn có.

Thể thứ năm bao giờ cũng hiện diện. Và đó là lí do tại sao mọi người đều cảm thấy rằng phúc lạc là quyền tập ấm của mình, rằng bạn phải có phúc lạc - đó là lí do tại sao bạn tìm kiếm nó. Không ai hỏi tại sao người ta lại tìm kiếm phúc lạc cả: "Có nhu cầu gì mà đi tìm phúc lạc? Mục đích của điều đó là gì?" Mọi việc tìm kiếm đều có thể được hỏi bởi, "Phòng có ích gì?" Tìm kiếm phúc lạc là điều duy nhất mà không thể được hỏi. Việc hỏi dường như vô nghĩa.

Mọi người tới và hỏi tôi, “Sao chúng tôi phải đi tìm điều thiêng liêng? Sao phải đi tìm chân lí? Mục đích của cuộc sống là gì?” Nhưng không ai tới và hỏi tôi, “Sao tôi phải tìm kiếm phúc lạc? Mục đích của phúc lạc là gì?” Phúc lạc được coi như cho không. Ngay cả việc tìm kiếm điều thiêng liêng thì về chung cuộc cũng là việc tìm kiếm phúc lạc: không có mục đích khác. Việc tìm kiếm chân lí chung cuộc là việc tìm kiếm phúc lạc. Nếu bạn đã biết chắc rằng không có phúc lạc sau khi đạt tới chân lí, bạn sẽ chìm ngập trong buồn bã, thế thì bạn đã chấm dứt việc tìm kiếm ngay rồi. Bạn chẳng cần gì làm một việc tìm kiếm vô ích thế.

Nietzsche đã đưa ra một câu hỏi. Ông ấy thường đưa ra những câu hỏi sâu sắc mà ngay cả vị phật cũng gặp rắc rối khi trả lời. Nietzsche đã hỏi: “Nếu phúc lạc là mục đích của cuộc sống, và nếu bạn cảm thấy hạnh phúc trong khi nói dối, trong khi không thực, điều đó có gì xấu? Nếu phúc lạc là mục đích của cuộc sống, và nếu bạn tìm ra trong nó những mơ của mình, sao lại đi tìm thêm nữa về chân lí hay thực tại? Nếu phúc lạc là mục đích của cuộc sống, gạt Thượng đế sang bên. Nếu phúc lạc đạt được qua ảo tưởng, cái gì có đó để mà lo nghĩ? Chỉ có một quyết định để làm: liệu phúc lạc có phải là mục đích của cuộc sống hay không.”

Các nhà đạo đức và các nhà thần học lúng túng khi đưa ra câu trả lời cho câu hỏi của Nietzsche. Và Nietzsche đã hỏi: “Các ông có thể chắc chắn rằng chân lí sẽ không đem lại buồn không? Làm sao các ông có thể chắc chắn được rằng chân lí sẽ không đem tới buồn?” “Bởi vì,” Nietzsche nói, “kinh nghiệm của chúng ta nói rằng chân lí là rất cay đắng và rằng điều đó tạo ra nhiều rắc rối. Các ông có cả quyết rằng ảo tưởng bao giờ cũng đem lại rắc rối và đau khổ không? Kinh nghiệm hàng ngày của chúng ta là ở chỗ ảo tưởng là rất dễ chịu! Tại sao các ông cố gắng phá hủy mơ của mọi người? - bởi vì những mơ đó cũng có thể đẹp và dễ chịu. Tất nhiên chúng là ác mộng, nhưng các ông bao giờ cũng có thể gạt bỏ ác mộng và làm các giấc mơ vui vẻ thành vĩnh hằng, không bao giờ bị tan vỡ. Thế thì cần gì mà phải tìm kiếm?”

Điều này tạo ra vấn đề cho các nhà thượng đế học - các nhà thượng đế học, không phải con người của trí huệ. Con người của trí huệ nói: “Mơ là những thứ không bao giờ có thể được làm thành vĩnh hằng. Chỗ có niềm vui thì chúng sẽ có sau đó là nỗi buồn, chúng là gắn liền với nhau. Nếu bạn đôi khi có được niềm vui từ cái giả, đấy là vì cái giả cho bạn ảo tưởng là cái thực. Nếu bạn đôi khi có những thoáng nhìn về hạnh phúc từ cái giả, đấy là vì cái giả công bố mình là thực. Đó là lí do tại sao không kẻ nói dối nào thừa nhận mình là kẻ dối trá, người đó bao giờ cũng công bố mình là chân lí. Trong thực tế chỉ kẻ dối trá mới công bố là chân lí, trong khi chân lí không cần công bố.” Dối trá phải dùng mặt nạ của chân lí. Nếu mơ mà tồn tại, chúng phải tạo ra ảo tưởng về việc là thực và công bố rằng chúng không phải là mơ.

Phúc lạc không phải là niềm vui, bởi vì niềm vui về bản chất được nối với nỗi buồn. Phúc lạc không phải là mơ, bởi vì mơ nhất định bị phá rối. Và cái có thể bị quấy rối thì không phải là phúc lạc, bởi vì không có đối lập cho phúc lạc, cái có thể gây rối loạn cho phúc lạc. Phúc lạc là bất nhị và một mình. Do đó, tìm kiếm phúc lạc tồn tại bởi vì nó là thể tối thượng - nhưng nó vẫn là một thể.

Việc tìm kiếm của các hiền nhân này là tinh tế tới mức nó không có so sánh. Thậm chí họ gọi phúc lạc là thể. Tại sao vậy? Họ nói: "Chừng nào mà bạn còn chưa biết tới phúc lạc, bạn vẫn còn chưa đạt tới được cái đáng đạt tới; và chừng nào mà bạn ý thức tới việc biết của mình, nhị nguyên vẫn tiếp tục hiện diện - người biết vẫn còn tách rời với cái biết."

Bạn nói, "Tôi phúc lạc." Bây giờ hai điều là hiển nhiên: một người cảm và bản thân sự vật được cảm. Cho nên phúc lạc này cũng là vỏ bọc ngoài quanh bạn và bạn đang đứng tại trung tâm, nhận biết về phúc lạc này. Ngay khi thức tỉnh này tới... và thức tỉnh này còn tinh tế hơn và khó hơn thức tỉnh thứ nhất... tôi bảo bạn rằng thiền là thức ăn cho thể nhận biết; tự do khỏi tâm trí tới từ nhận biết. Nếu ai đó trở nên nhận biết về thể phúc lạc này, người đó cũng siêu việt lên trên phúc lạc và đạt tới cái mà người đó đang là.

Thế thì người đó không phải là thân thể, người đó là cái ta.

Nhưng thức tỉnh khỏi tâm trí - mặc dầu rất khó - vẫn còn dễ nếu so sánh với thức tỉnh khỏi phúc lạc. Có một khó khăn cố hữu trong

thức tỉnh khỏi phúc lạc, bởi vì chúng ta không ham muốn thức tỉnh khỏi nó. Ai muốn thức tỉnh khỏi phúc lạc? Phúc lạc đã là cảm hứng của cả đời - trong nhiều kiếp. Ai sẽ muốn ra đi khỏi phúc lạc? Người ta có thể muốn vứt bỏ gông cùm của mình, xiềng xích sắt, nhưng không ai lại muốn vứt xiềng xích bằng vàng cả. Và phúc lạc không có vẻ gì là xiềng xích cả, nó có vẻ như là bộ đồ trang sức bằng đá quý, bởi vì bản thân tù nhân không muốn vứt bỏ xiềng xích bằng vàng này. Chính cái này làm cho xiềng xích bằng vàng còn mạnh hơn.

Thế phúc lạc là điều cuối cùng. Do đó khi mọi người hỏi Phật, “Cái gì sẽ xảy ra trong niết bàn? ít nhất thì cũng có phúc lạc ở đó chứ?” Phật đã trả lời, “Ông sẽ không có đó, cho nên làm sao phúc lạc có thể có đó được? Cả ông lẫn phúc lạc đều sẽ không có đó.”

Điều này rất thú vị, rằng nhị nguyên là cần để cảm thấy phúc lạc, rằng cần ai đó bên trong để kinh nghiệm phúc lạc. Mọi kinh nghiệm đều là bên ngoài - mọi kinh nghiệm; người kinh nghiệm là ở bên trong. Nhưng thế thì chúng ta có thể nói về "người kinh nghiệm" khi có thiếu vắng của kinh nghiệm không? Khi không có kinh nghiệm, làm sao bạn có thể gọi ai đó là người kinh nghiệm được? Cho nên Phật nói, “Cả hai đều biến mất - cái gì đó còn lại, nhưng không phải là ông; cái gì đó còn lại, nhưng không phải là phúc lạc.”

Nếu thế phúc lạc còn lại, người ta được sinh ra trong phúc lạc - nhưng người ta được sinh ra, cuộc sống không chấm dứt. Người ta được sinh ra một cách phúc lạc. Cuộc sống là điệu vũ, cuộc sống là phúc lạc - nhưng cuộc sống có đó. Niết bàn tới với việc triệt tiêu thế phúc lạc.

Làm sao thức tỉnh khỏi phúc lạc được? Ngay bây giờ chúng ta không biết phúc lạc, và khó mà hiểu được từ bỏ cái mà chúng ta không biết. Làm sao chúng ta buông bỏ cái mà chúng ta không có? Điều đó cũng giống như yêu cầu kẻ ăn mày từ bỏ ngai vàng. Kẻ ăn mày sẽ hỏi, “Ngai vàng đâu mà tôi phải từ bỏ? Chúng ta có thể nói tới từ bỏ về sau, trước hết chỉ cho tôi ngai vàng ở đâu. Trước hết tôi muốn tận hưởng nó, tôi muốn ngồi lên nó.”

Nhưng nói về từ bỏ phúc lạc này ngay từ đầu cũng có ích theo một cách nào đó. Nếu bạn nhận biết ngay trước khi đạt tới ngai vàng rằng nó sẽ phải bị từ bỏ, ngai vàng sẽ không có cái đáng về thôi miên nữa. Sau rốt, nó sẽ phải bị từ bỏ.

Bayazid là một nhà huyền môn Sufi. Ông ấy hay bảo đệ tử của mình, “Bao giờ cũng nhớ câu mật chú này: rằng các ông phải từ bỏ mọi kinh nghiệm, dù nó là cái gì.” Hassan, một đệ tử của Bayazid, hỏi ông ấy, “Kể cả kinh nghiệm về Thượng đế sao?”

Bayazid trả lời, “Nhớ lấy, ngay cả điều đó cũng phải bị từ bỏ. Ông phải tiếp tục từ bỏ mọi thứ cho tới khi không còn lại gì, đừng dừng lại chừng nào vẫn còn thứ để bỏ, bởi vì ta có thể nói cho ông rằng nơi không cái gì còn lại, có Thượng đế. Trước đó, Thượng đế phải là bịa đặt của riêng ông. Cứ từ bỏ mọi thứ đi.”

Thế giới còn tồn tại chừng nào còn các kinh nghiệm. Mọi kinh nghiệm, cho dù là kinh nghiệm tinh tế nhất, đều thuộc vào thế giới này. Kinh nghiệm về phúc lạc cũng là một phần của thế giới này.

Hiền nhân này đã đưa ra một phát biểu rất tuyệt vời. Thật ngạc nhiên khi biết con người dũng cảm như thế đã sống trong thế giới này. Những người dũng cảm đó đã mô tả những kinh nghiệm cách mạng thế - và điều kì lạ đã xảy ra: những người không mang tính cách mạng lại tụ tập quanh họ! Điều đó là kì lạ, bởi vì dường như là họ thậm chí đã không hiểu được.

Hiền nhân này nói:

Khi linh hồn, hợp tác với bốn thể này, vẫn còn trong sự hồn nhiên về nguyên nhân của nó, giống như hạt mầm của cây tre,

Sự hồn nhiên đó về bất kì nguyên nhân cố hữu nào được gọi là thể phúc lạc. Điều này được gọi là sự hồn nhiên cơ sở. Cây tre ẩn kín trong hạt mầm, và chừng nào hạt mầm còn chưa bị vỡ ra thì cây sẽ không được sinh ra. Tương tự, tầng gần nhất với cái ta, tầng sâu nhất và thứ nhất, là thể phúc lạc. Nhưng họ lại ngạc nhiên, những người nói: ...*vẫn còn trong sự hồn nhiên về nguyên nhân của nó* - và sự hồn nhiên đó được gọi là thể phúc lạc này.

Thể phúc lạc này là lớp vỏ của cái ta, giống như lớp vỏ của hạt mầm. Và chừng nào mà phúc lạc đó còn chưa được siêu việt lên,

linh hồn, cái ta vẫn còn chưa được đạt tới; chừng nào hạt mầm còn chưa vỡ ra, vẫn chưa thể có cây được. Những người nghĩ rằng người trí huệ ở Ấn Độ đang tìm kiếm phúc lạc đều sai lầm cả. Người trí huệ ở Ấn Độ đang tìm kiếm trạng thái mà phúc lạc nữa cũng phải bị gạt bỏ như vật vô giá trị, không còn cần thêm nữa. Chừng nào mà phúc lạc vẫn còn được cần tới, chừng nào mà vẫn có ham muốn về phúc lạc, chừng nào mà phúc lạc vẫn làm bạn quan tâm, cái nghèo của bạn vẫn còn tiếp diễn. Bạn là hoàng đế chỉ khi bạn từ bỏ phúc lạc như cách hạt mầm từ bỏ lớp vỏ của nó.

Đây là năm thể. Đạt tới thể thứ năm là siêu việt, bởi vì ngay khi bạn đạt tới thể thứ năm, bạn đang đứng gần với điều thiêng liêng đến mức bạn bị kéo vào. Thế thì chẳng phải làm gì cả. Cũng giống như khi hoa nổi gần xoáy nước: dần dần nó tới gần xoáy nước hơn, và khi nó chạm vào tầng thứ nhất của ngoại vi xoáy nước thì nó bị kéo xuống vực, nó chìm sâu.

Nỗ lực của con người là cần để đạt tới thể thứ năm, nhưng không nỗ lực nào được cần tới để vượt ra ngoài điều đó. Do đó người còn nhớ được khi nỗ lực để đạt tới thể thứ năm rằng chính ân huệ, lòng nhân từ, lòng tốt và từ bi của điều thiêng liêng đã kéo mình từ đó đi tiếp, người này được ân huệ giúp cho. Nhưng nếu ai đó, trong nỗ lực để đạt tới thể thứ năm bắt đầu nghĩ rằng tự mình có thể làm được, thế thì bắt đầu với điều đó đã là khó để đạt tới thể thứ năm. Và cho dù người đó có đạt tới thể thứ năm, trong tính kiêu căng của mình người đó có thể đứng đó mà nghĩ, “Nếu mình đã làm nhiều đến thế, mình cũng có thể vượt ra ngoài thể thứ năm. Nếu mình đã có thể đến nơi xa xôi này, sao mình phải cần ân huệ của điều thiêng liêng?” Thế thì có thể là người đó vẫn đứng ở ngưỡng cửa và lực hấp dẫn có thể không chạm vào người đó, có thể không có tác dụng cho người đó, bởi vì cảm nhận của người đó là phần bản chất trong đó để điều đó có tác dụng - người đó phải sẵn sàng bị hút vào, chỉ thế thì việc này mới vận hành.

Do đó chúng ta không gọi nó là lực hấp dẫn, chúng ta gọi nó là ân huệ. Có lí do cho điều này. Lực hấp dẫn hoàn toàn mang tính cơ giới, lực hấp dẫn hoàn toàn máy móc. Thanh nam châm không phải tự nó sẵn sàng trước một thanh nam châm lớn hơn sẽ hút nó. Không

sự sẵn sàng nào là cần tới về phần của thanh nam châm nhỏ.
Hòn đá có thể không muốn bị hút xuống, nhưng nếu bạn thả nó thì
đất sẽ hút nó xuống.

Do đó chúng ta đã gọi lực này là ân huệ; nó không phải là cơ giới.
Chuẩn bị là cần thiết để nhận ân huệ này... bàn tay người
ta cần phải để mở, giang ra để đón nhận; chỉ thế thì ân huệ này
mới có thể xảy ra.

Việc hiểu về ân huệ là chìa khoá để siêu việt lên trên thể thứ năm,
để đi vào cái ta vô thể.

Đủ cho hôm nay.

Bây giờ chúng ta nên cố gắng đạt tới thể thứ năm. Nhớ tới
ân huệ của điều thiêng liêng. Có thể là bạn lại rơi vào trong
trường hấp dẫn và bị hút vào.

Những người muốn tham gia một cách sôi nổi có thể tới vùng nền
cao này còn những người đi chậm nên đứng sang hai bên. Không
người nào nên còn lười biếng trong vùng nền cao. Nếu bạn muốn
đi chậm, cho dù chỉ hơi chút, đứng sang hai bên.

8 Vượt ra ngoài giác quan

Tuỳ theo khuynh hướng của người ta về vui thích hay đau đớn, khi người ta tập trung vào hài lòng thì đó là tâm trí mang tính sướng, còn khi người ta tập trung vào không hài lòng thì đó là tâm trí mang tính khổ.

Người làm là cái nảy sinh từ các hành động của linh hồn được hiện thân trong nỗ lực của nó để đạt tới sướng và để tránh khổ.

Các giác quan - thính giác, xúc giác, thị giác, vị giác, khứu giác - đều là nguyên nhân cho cả sướng và khổ.

Khi linh hồn bị đồng nhất với thân thể có được do nghiệp thì đây là linh hồn được hiện thân mắc bệnh.

Để đạt tới cái trống rỗng bên trong nhất của bạn, được bao bởi năm thể, sự hiện hữu của bạn, cái bị trói buộc bởi những tầng này của thân thể, điều cốt yếu là hiểu được bản chất của sướng và của khổ, cái gây ra sự tù túng này.

Thân thể không trói buộc bạn, nó không thể trói buộc được. Chính ý tưởng của bạn rằng thân thể có thể cho bạn sướng mới trói buộc bạn vào. Nếu bạn có ý tưởng rằng nhà tù có thể chuyển giao sướng, bạn trở nên bị trói buộc ngay với nhà tù này.

Tại đây cần hiểu rằng điều đó không phải hết như khi ai đó khác khoá cửa nhốt bạn trong nhà tù; nhà tù này chúng ta đang nói tới là chọn lựa của riêng bạn và không ai khác chịu trách nhiệm về việc đặt bạn vào đó. Cho nên trở nên tự do với tù túng này là rất khó nhưng cũng rất dễ. Nó khó bởi vì bản thân bạn đã tạo ra tù túng này và do đó bạn phải tận hưởng tù túng đó, bằng không thì sẽ chẳng có lí do gì để bạn ở lại đó cả. Nếu ai đó khác đã trói bạn lại, bạn sẽ không thích thú gì điều đó. Nhưng bạn đã tự trói mình lại, do đó mới khó khăn. Cũng dễ dàng phá ra để thoát khỏi sự tù túng này bởi vì bạn tự đặt xiềng xích vào mình, cho nên bất kì khi nào bạn chọn thì chúng cũng có thể bị phá vỡ. Nếu ai đó khác đã trói bạn lại, chỉ muốn được tự do cũng vẫn chưa đủ; sẽ cần vật lộn để phá vỡ xiềng xích, sức mạnh sẽ

là nhân tố quyết định. Còn nếu người khác mạnh hơn bạn, tự do của bạn sẽ không chắc chắn.

Nếu chúng ta tự xiềng xích mình lại, chúng ta phải tận hưởng điều đó theo cách nào đó; điều đó không toàn đau đớn được. Có thể sướng này chỉ là ảo tưởng, có thể nó chỉ có vẻ tồn tại - ấy vậy mà nó vẫn hiện hữu. Có thể nó là tựa mơ - có thể là nó giống ảo ảnh, nơi không có nước, chỉ có vẻ có đó thôi. Khi bạn khát, thậm chí cái gì đó chỉ dường như là nước cũng đủ. Người khát không thể có khả năng xa hoa nghĩ về liệu nước trông thấy ở chỗ xa kia có thực tồn tại hay không, người đó đơn giản chạy về hướng nó.

Tất cả mọi nỗ lực của chúng ta đều được định tâm xung quanh sướng và khổ; do đó điều cốt yếu là hiểu bản chất thực của sướng và khổ. Có thể đấy chỉ là vì có khả năng hoặc sướng hay khổ mà điều này trở thành nguyên nhân của tù túng của chúng ta.

Sướng là gì và khổ là gì? Chúng có vẻ mâu thuẫn nhau, hoàn toàn đối lập với nhau, nhưng không phải như vậy đâu. Chúng là hai mặt của cùng một đồng tiền. Chúng ta không chú ý tới nó, nhưng một điều kì lạ xảy ra: điều chúng ta gọi là sướng hôm nay trở thành khổ của chúng ta ngày mai, điều chúng ta gọi là khổ hôm nay có thể trở thành sướng của chúng ta ngày mai. Trong thực tế ngày mai là quá xa xôi - chỉ trong vài khoảnh khắc sướng của chúng ta có thể trở thành khổ. Cũng có thể là ngay cả khi chúng ta gọi nó là sướng thì nó đã trở thành khổ rồi.

Những người đã nghiên cứu về tâm trí con người đều khẳng định sâu sắc rằng ngay khi ai đó nói, "Đây là sướng," nó đã bị chuyển thành khổ rồi. Bởi vì nếu nó là sướng, không có chỗ thậm chí để nói "Đây là sướng." Bạn chỉ có chỗ khi nó đã biến mất.

Điều thứ nhất cần được hiểu là ở chỗ sướng và khổ là không mâu thuẫn, chúng là đối lẫn cho nhau được, giống như sóng - đôi khi vỗ lên bờ này và đôi khi vỗ lên bờ kia. Chúng ta tất cả đều biết về điều này, và chúng ta đã thấy sướng đổi thành khổ, nhưng chúng ta chưa bao giờ học từ nó cả. Chúng ta không cho phép tâm trí học bài học của nó; ngay khi sướng này biến thành khổ, chúng ta lập tức xô đi tìm nguồn sướng khác. Chúng ta không dừng lại để xem chúng ta đã biết gì khi sướng hôm qua đã trở

thành khổ hôm nay - và có thể điều đó bao giờ cũng như thế, rằng bất kì cái gì chúng ta biết tới là sướng đều sẽ cần đổi thành khổ. Tâm trí sẽ nói rằng điều này thực tế đã là khổ ngay chỗ đầu tiên; đã phải có sai lầm nào đó - điều đó đã phải là khổ, cảm nhận nó như sướng chỉ là ảo tưởng.

Đó là lí do tại sao điều đáng ngạc nhiên là bạn càng tưởng tượng sướng lớn bao nhiêu, bạn càng khổ bấy nhiêu khi nó thay đổi. Nếu bạn không lấy nhiều sướng từ cái gì đó, khổ cũng giảm đi theo cùng tỉ lệ khi nó thay đổi. Tỉ lệ sẽ là như nhau.

Chẳng hạn, nếu một người có hôn nhân do bố mẹ thu xếp ấn định, người đó không có nhiều trông đợi về sướng. Kết quả là người đó không rất khổ. Hôn nhân thu xếp không đem lại nhiều khổ như hôn nhân vì tình, bởi vì không có nhiều trông đợi về sướng qua hôn nhân thu xếp. Cái gì có đó mà bị phá đi? Cái gì có đó mà bị làm hỏng hay tan nát? Sẽ không có khổ lớn khi nó tan vỡ - về tình yêu tàn lụi đi, về chia tay. Mong đợi càng lớn thì khổ theo sau càng lớn.

Trong một trăm năm qua, phương Tây đã tin rằng hôn nhân vì tình sẽ đem lại nhiều sướng cho cuộc sống của họ. Và họ cũng phải. Nhưng điều họ đã không biết là ở phía bên kia, rằng hôn nhân vì tình cũng đem lại nhiều khổ, rằng điều đó tới theo độ đo ngang nhau. Mong đợi sướng càng lớn, khổ càng lớn khi nó thay đổi. Người phương Đông trí huệ theo một cách nào đó, cách tiếp cận của họ khác. Họ đã cố gắng không trông đợi quá nhiều sướng cho nên khi thay đổi không tránh khỏi kéo tới, nó không đem lại quá nhiều khổ.

Hôn nhân thu xếp không cho quá nhiều sướng cũng không quá nhiều khổ. Cho nên hôn nhân thu xếp có tác dụng, trong khi hôn nhân vì tình lại không có tác dụng bởi vì khi mọi sự thay đổi sau mong đợi về sướng quá nhiều, nó đem lại nhiều khổ. Khi đỉnh cao được ham muốn và vực thẳm lại xảy ra, tan vỡ là chắc chắn.

Con người chỉ có thể bước trên đất bằng nơi không có quá nhiều vực thẳm không quá nhiều đỉnh cao. Con người không thể bước đi rất lâu ở nơi việc ngã từ đỉnh cao xuống vực thẳm là không tránh khỏi. Đây là lí do tại sao, sau việc kinh nghiệm mới

một trăm năm, phương Tây đang dịch chuyển từ hôn nhân vì tình sang không hôn nhân gì cả.

Trong năm nghìn năm, hôn nhân thu xếp không tình yêu đã có tác dụng ở phương Đông. Hôn nhân không tình yêu giống như đất bằng - không vực sâu, không đỉnh cao. Nhưng phương Tây không thể duy trì khái niệm về hôn nhân vì tình trong ngay cả một trăm năm. Bây giờ người thông minh đang vứt bỏ đi toàn bộ thể chế hôn nhân; dường như chẳng cần tiếp tục nó nữa. Với mục đích sướng hơn mọi người đang chọn vẫn còn tự do, thể chế hôn nhân đang bị bỏ đi.

Nhưng đây lại cũng là cùng sai lầm đó thôi. Người ta cứ cho rằng hôn nhân thu xếp nên bị bỏ đi với mục đích đạt tới nhiều sướng hơn, điều được cho là có sẵn trong hôn nhân vì tình. Hôn nhân vì tình quả có cho nhiều sướng hơn, nhưng chỉ thỉnh thoảng thôi, và thế rồi nó bỏ lại vực thẳm khổ đằng sau. Và vực thẳm khổ này dường như còn sâu sắc hơn nhiều nếu so với sướng tạm thời.

Giới trí thức phương Tây lại lặp lại cùng sai lầm bằng việc bỏ hôn nhân đi với hi vọng đạt tới nhiều sướng hơn. Điều họ không hiểu là ở chỗ nhiều sướng hơn cũng sẽ được theo sau bởi nhiều khổ hơn. Sai lầm này là tự nhiên, bởi vì chúng ta chỉ biết sướng và khổ như những cái đối lập, không như chúng đang thực sự hiện hữu - một thực tại tuôn chảy, thay đổi lẫn nhau. Chúng đối lẫn nhau vào mọi lúc, thậm chí không ngắt quãng một chút trong sự liên tục.

Dựa trên hiểu biết này, phương Đông đã tiến hành một thực nghiệm khác - rằng nếu sướng chuyển thành khổ, tại sao khổ không thể được chuyển thành sướng? Hiểu biết này đã cho sinh thành ra nguyên tắc *tapa*, làm thuần khiết qua khổ hạnh. Nguyên tắc làm thuần khiết qua kỉ luật khổ hạnh này là duy nhất. Nó bắt nguồn từ hiểu biết rằng nếu sướng chuyển thành khổ, phải không khó khăn gì trong việc chuyển khổ thành sướng. Trong thực tế ở phương Đông người ta đã tìm ra rằng khổ có thể được chuyển thành sướng - nếu bạn chấp nhận khổ của mình, nó bắt đầu biến thành sướng. Nếu bạn được lắng đọng vào sướng của mình, nó bắt đầu biến thành khổ.

Thay đổi tới qua chấp nhận của bạn. Bất kì khi nào bạn chấp nhận tình huống, nó trở thành sẵn sàng để thay đổi. Ngay khi bạn chấp nhận nó, thay đổi bắt đầu. Ngay khi bạn nói, "Đây là sướng, mình muốn sống chỉ trong sướng này, mình không muốn nó thay đổi," nó đã bắt đầu thay đổi. Nếu bạn có khả năng nói điều này, ngay cả trong khổ: "Mình chấp nhận nó và không cần thay đổi gì" - bạn sẽ đi theo nguyên tắc này của việc tự làm thuần khiết. Và điều rất thú vị là để ý rằng khổ biến thành sướng.

Nếu bạn phải chọn giữa hai cách, trí huệ hơn là chọn nghệ thuật đổi khổ thành sướng chứ không chọn nghệ thuật đổi sướng thành khổ. Tại sao lại như vậy? Bởi vì người đã xoay xở chuyển khổ của mình thành sướng, sướng của người đó không chuyển ngược lại thành khổ nữa. Nếu người đó thậm chí có thể chuyển khổ thành sướng, làm sao sướng của người đó lại đổi thành khổ được? Khi một người có thể thậm chí đổi khổ thành sướng, sướng không còn có quyền lực gì với người đó nữa và do đó việc đổi sang cái đối lập của nó không xảy ra.

Trong thực tế ai đó có thể đổi khổ của mình thành sướng thì đã vứt bỏ ham muốn về sướng rồi, đó là lí do tại sao người đó có thể thay đổi được điều đó. Và khi không có ham muốn về sướng, sướng mất khả năng của nó để tự đổi thành khổ. Thực nghiệm với điều đó và bạn sẽ ngạc nhiên.

Chấp nhận là giả kim thuật sâu sắc nhất cho biến đổi bên trong bản chất con người. Chấp nhận khổ khi nó tới với bạn. Chính bởi vì bác bỏ mà mới có khổ, chính bởi vì từ chối mà mới có khổ. Chấp nhận bất kì cái gì tới một cách toàn tâm, đồng ý với bất kì cái gì tới - ôm choàng lấy nó, sống với nó, không ham muốn loại bỏ nó - và bỗng nhiên bạn sẽ thấy rằng mọi thứ đã thay đổi. Điều ban đầu bạn cảm thấy là khổ đã biến thành sướng qua chấp nhận của bạn.

Sướng có thể đổi thành khổ, khổ đổi thành sướng - tại sao? Bởi vì chúng là hai mặt của cùng một đồng tiền. Và tại sao chúng thay đổi? Cái gì là lí do cho thay đổi này? Trong thực tế khi một người sống trong sướng, người đó thậm chí có thể phát chán với sướng. Liên kết lâu dài gây ra chán chường - điều đó là tự nhiên. Ngay cả sướng cũng có thể trở thành chán ngán.

Bạn yêu ai đó và muốn bầu bạn cùng người đó cả hai mươi tư giờ một ngày, nhưng nếu bạn cùng ở với người đó mọi lúc thì cuối cùng bạn sẽ muốn mình có thể tổng khứ người đó đi, ít nhất thì cũng thỉnh thoảng như vậy. Bạn sẽ muốn một mình một chỗ. Điều này là rất tự nhiên. Bây giờ, tách rời với người ở cùng bạn mãi lại đem cho bạn sướng, đem lại sướng.

Người ta trở nên chán. Tâm trí mệt mỏi. Trong thực tế tâm trí mệt mỏi về bất kì cái gì bạn trở nên biết rõ. Tâm trí sẽ mệt mỏi về bất kì cái gì mà nó biết rõ. Thế thì nó sẽ bắt đầu tìm kiếm cái gì đó mới. Ngay cả thứ có hương vị cũng có thể nhanh chóng trở thành vô vị. Đừng lặp lại món ăn mà bạn thích hôm nay vào ngày mai, cho dù bởi sai lầm... hay ngày kia; bằng không bạn sẽ làm mất ưa thích về nó. Hiền nhân này nói: *khi người ta tập trung vào hài lòng thì đó là tâm trí mang tính sướng, còn khi người ta tập trung vào không hài lòng thì đó là tâm trí mang tính khổ.*

Tưởng tượng cái gì đó hài lòng là sướng, và tưởng tượng cái gì đó không hài lòng là khổ. Và hài lòng đổi thành không hài lòng và không hài lòng đổi thành hài lòng.

Người nghiện rượu nói rằng lúc đầu rượu chẳng có vị ngon; họ nói rằng bạn phải phát triển việc thưởng thức nó. Những người biết đều nói rằng thực tế vị giác phải bị làm cùn đi, nó phải bị phá hủy.

Khi bạn bắt đầu uống cà phê, đầu có thấy vị ngon, nhưng người uống cà phê nói, “Đừng lo, cứ uống đi sẽ cảm thấy ngon hơn. Bạn phải phát triển việc thưởng thức nó.”

Con người bằng cách nào đó đã phát triển việc thưởng thức về bất kì cái gì! Bạn bắt đầu hút thuốc; ngày đầu tiên thực sự khó chịu, nhưng bạn tưởng tượng rằng việc đó phải là vui thích bởi vì mọi người đều đang tận hưởng nó, và họ không thể tất cả đều là kẻ ngu. Người mới hút thuốc thấy rằng ngay cả những người ngăn cấm hút thuốc cũng hút thuốc. Họ đang nói, “Chúng ta bị nghiện rồi; bạn đừng bắt đầu hút thuốc.” Người mới hút thuốc cảm thấy phải có bí mật gì sâu sắc, cái gì đó bị giấu kín, niềm vui thích nào đó để tận hưởng mà lại đang bị từ chối dành cho mình.

Khi người đó hút thuốc lần đầu tiên thì thấy khó chịu đến mức dường như khó mà là vui thích được. Hít khói vào là cảm thấy đắng, chẳng có gì dễ chịu ở đó cả - làm cho người đó phát ho và

cảm thấy bút rút, đầu phát nóng - nhưng người đó hi vọng vui thích nào đó và cứ tưởng tượng rằng sướng sẽ xảy ra. Dần dần khổ này đổi thành vui thích. Dần dần không thoải mái này đổi thành sướng.

Thực hành biến khổ thành vui thích và vui thích thành khổ. Nếu bạn cứ dung thứ cho khổ, nhạy cảm của bạn sẽ giảm đi và bạn trở nên quen với nó. Khổ trở thành thói quen. Nếu bạn sướng liên tục, điều đó tạo ra chán chường, nó tạo ra không thoải mái, và bạn cũng muốn gạt bỏ nó đi.

Nếu chúng ta có thể hiểu hài lòng là gì và không hài lòng là gì, chúng ta có thể hiểu làm sao sướng biến thành khổ. Hài lòng là gì? Bạn gọi cái gì là hài lòng? Hiền nhân này đã nói: Cái thuận theo và hợp với các giác quan là hài lòng - trong hài hoà với giác quan, không với bạn - còn cái không thuận theo và không hợp với các giác quan là không hài lòng.

Âm nhạc làm hài lòng khi các rung động của âm nhạc là hài hoà với tai bạn - thế thì nó không làm huyên não bạn, thế thì âm nhạc không gây rắc rối cho bạn mà thay vì thế nó giúp làm bình lặng huyên não bên trong. Nhưng điều này không phải bao giờ cũng như vậy.

Với người trong im lặng sâu sắc thậm chí âm nhạc cũng là không hài lòng, bởi vì ngay cả âm nhạc cũng là não động.

Một nhạc sĩ phương Tây vĩ đại, Schubert, hay nói điều này về âm nhạc: Âm nhạc là hợp thành của những âm thanh ít gây khó chịu nhất, ít huyên não nhất. Nhưng có huyên não, bởi vì sau hết, âm nhạc nữa cũng là kết quả của hư cấu. Âm nhạc tối thượng là im lặng, và với ai đó biết cái im lặng đó, âm nhạc không phải là niềm vui cho tai người đó.

Hui-Hai là một nhạc sĩ Trung Quốc vĩ đại. Nhạc ông ấy càng đi sâu hơn, đàn của ông ấy càng trở nên im lặng hơn. Thế rồi một hôm ông ấy ném đàn đi. Danh tiếng của ông ấy đã lan xa và rộng, mọi người hay tới nghe ông ấy từ những chỗ xa. Nhưng ngày hôm sau, vào buổi sáng, khi khách thăm mới tới nghe ông ấy và họ thấy ông ấy đang ngồi đó dưới gốc cây không có đàn, họ hỏi ông ấy đàn đâu rồi.

Hui-Hai trả lời, “Bây giờ đàn đã trở thành não động cho âm nhạc. Khi âm nhạc trở thành đầy đủ, đàn phải bị bỏ đi.”

Và có lí do cho điều đó.... Nếu chúng ta hiểu điều đó đúng, âm thanh của nhạc là dành cho tai chúng ta bởi vì có biết bao nhiêu âm khó chịu bên trong chúng ta, có biết bao nhiêu huyền não và biết bao nhiêu hỗn loạn bên trong chúng ta. Trong hỗn loạn đó, những âm đang ca lên này giống như sự thanh bình. Chúng tạo cho cảm giác vui thích, chúng an ủi, và chúng tạo ra một loại im lặng. Nhưng nếu âm nhạc là hỗn loạn, chỉ là tiếng ồn điên cuồng, nó trở thành đáng ghét và làm đình tai bởi vì nó tạo ra không thoải mái và không đạt tới thanh bình.

Bên trong cơ thể thể chất của chúng ta, các giác quan là những cánh cửa cho phép những điều xảy ra xuất hiện ở thế giới bên ngoài được đi vào bên trong. Bất kì cái gì làm cho chúng cảm thấy bình thản và yên tĩnh đều làm hài lòng chúng, bất kì cái gì làm cho chúng không thoải mái đều không hài lòng chúng. Đây tất cả là ngụ ý cho "hài lòng" và "không hài lòng", không có gì nhiều hơn thế. Nhưng điều làm yên tĩnh cho các giác quan hôm nay lại có thể làm náo động chúng ngày mai, bởi vì các giác quan bản thân chúng giống như dòng sông chảy, thay đổi từ khoảnh khắc nọ sang khoảnh khắc kia.

Chẳng hạn, một nhân viên mới đi làm ở đường sắt Ấn Độ; anh ta nằm xuống ngủ trên sân ga tàu nhưng anh ta không thể ngủ được chút nào bởi vì tiếng ồn của tàu hỏa tới và đi, đầu máy đổi đường sắt và rúc còi, và nhiều huyền não khác, không cho phép anh ta ngủ. Tai bị tiếng ồn dồn dập đổ tới, nhưng ngủ là nhu cầu cơ sở, cho nên sau một chốc khó chịu này cũng bị dẹp đi và giấc ngủ hạ xuống. Nhưng bây giờ điều xảy ra là ở chỗ người này không thể ngủ được ở nhà bởi vì tất cả mọi tiếng động và rung chuyển đã trở thành một phần của giấc ngủ của anh ta. Anh ta chỉ có thể ngủ được khi tất cả những náo động đó diễn ra, khác đi là không được. Nó đã trở thành một phần của quá trình ngủ. Náo động đó đã trở thành cần thiết.

Nhiều người tới tôi phàn nàn về náo động, khó chịu, rắc rối, và tôi biết rõ rằng nếu họ bị tước đi những náo động đó, họ sẽ cầu Thượng đế để lấy lại chúng. Họ không hiểu; họ không biết rằng đây là thánh lễ của họ, rằng họ không thể sống mà thiếu những rắc rối này. Nếu họ bị đưa tới chỗ hẻo lánh, họ sẽ muốn trở về

trong vòng bốn ngày bởi vì họ sẽ cảm thấy trống trải, trống rỗng, vô nghĩa. Ý nghĩa chỉ tồn tại với họ khi tất cả những rắc rối của họ hiện diện. Tại sao lại có điều này?

Nếu bạn nuôi dưỡng các giác quan bằng những thứ không thoải mái, chúng sẽ thích ứng với những thứ đó trong vài ngày bởi vì chúng phải quen, chúng bắt lực, và khi chúng đã trở nên thích ứng, những điều đó, đã có thời là khó chịu, bây giờ lại thành dễ chịu. Hay, nếu bạn liên tục ăn thức ăn ngon, nhạy cảm của bạn sẽ giảm đi và do vậy việc thưởng thức cũng giảm đi, và điều đã có thời là ngon thì trở thành không ưa.

Một nhà thơ nổi tiếng đã tới gặp tôi, và chúng tôi nói chuyện. Chút ít sau đó một nhạc sĩ cũng tới. Nhạc sĩ yêu cầu nhà thơ đọc vài bài thơ. Nhà thơ nói, "Tôi xin lỗi, nhưng tôi thực sự đã chán ngấy với thơ thần rồi. Ta nói chuyện về cái gì khác đi, nhưng đừng nói về thơ nữa." Ông ta là một nhà thơ nổi tiếng, nhưng chán với thơ ca. Nhưng điều đó là tự nhiên. Và đó là lí do tại sao, cũng khác ngạc nhiên, chuyện có thể xảy ra là nhiều lần trong cuộc đời, người đó sẽ lấy bước nhảy - bước nhảy lượng tử.

Đôi khi người rất thông minh sẽ bắt đầu mê đắm vào những thứ rất không thông minh chỉ với mục đích để thay đổi; thay đổi là cần bởi vì họ chán. Do đó bạn có thể bắt gặp một chánh án của toà thượng thẩm nào đó ngồi ngay dưới chân một dân quê rất bình thường, người không có kinh nghiệm gì, không chiều sâu, không giá trị nào. Điều gì đã xảy ra cho vị chánh án này? Ông ta đã trở nên chán với trí tuệ của mình, ông ta đã có đủ nó rồi. Ông ta không thể gạt bỏ đi cái gánh nặng trí tuệ của mình chừng nào ông ta chưa làm điều gì đó không trí tuệ. Thấy ông ta, và biết ông ta là người trí tuệ, nhiều người ngu sẽ theo sau ông ta. Ông ta đã lát đường cho những người không thông minh đi theo mình, những người thậm chí không nhận biết rằng ông ta đơn giản chán trí tuệ riêng của mình - hoàn toàn chán.

Cái làm hài lòng bây giờ không phải bao giờ cũng sẽ còn làm hài lòng mãi. Có nhiều lí do cho điều này. Bạn đang thay đổi vào mọi khoảnh khắc. Đứa trẻ thích thú đồ chơi của nó, nhưng sau một tuổi nào đó nó sẽ không thích chúng nữa bởi vì đứa trẻ đó không còn là đứa trẻ nữa, nó phải ném các đồ chơi đi. Và đây

chính là những đồ chơi mà nếu trước kia chúng bị làm hỏng, với đứa trẻ đó cũng giống như cái chết của người yêu vậy. Nhưng một ngày nào đó nó sẽ bỏ những đồ chơi này lại đằng sau mình bởi vì tâm thức của nó bao giờ cũng phát triển. Điều hôm qua là thích thú thì hôm nay trở thành không thích thú nữa. Đứa trẻ sẽ chạy theo các đồ chơi mới, không hiểu rằng đây cũng chỉ là những đồ chơi mà thôi.

Hôm qua nó mặc quần áo cho búp bê, hôm nay nó sẽ mặc quần áo cho người phụ nữ của nó. Nhưng đấy vẫn là cùng một ý tưởng. Hôm qua nó muốn con búp bê của nó được ngưỡng mộ, hôm nay nó muốn vợ mình được ngưỡng mộ. Nhưng búp bê chỉ là búp bê mà thôi; một ngày nào đó nó sẽ vứt bỏ búp bê chẳng khó khăn gì - không dễ như vậy với việc bỏ vợ. Chỉ vài ngày tâm trí nó sẽ chán ngán với cô ấy và nó sẽ trong khổ não, thế rồi những lời hứa và đảm bảo cũ sẽ tạo ra vấn đề. Con người thấy mình bị ràng buộc bởi sáng tạo của riêng mình: "Mình đã tạo ra mọi thứ này, mình đã nói tất cả những điều đó, và bây giờ khó mà quay lưng với nó được." Bây giờ cái duyên đã mất, say đắm đã qua và anh ta không còn thú vị gì với cô ấy nữa.

Chúng ta liên tục thay đổi. Khi cũng người đàn ông này còn trẻ, anh ta đã không thích đi tới đền thờ. Anh ta sẽ đi qua đền thờ mà nghĩ rằng mọi người phải điên mới đi tới đó. Thế thì nhà chứa là nơi anh ta thích hơn và thấy thoải mái hơn, ngôi đền là nơi dành cho kẻ ngu. Nhưng ngôi đền chẳng mấy chốc lại trở thành có ý nghĩa.

Karl Gustav Jung đã viết trong hồi kí của mình rằng phần lớn bệnh nhân tới ông ấy điều trị đều trên bốn mươi tuổi. Vấn đề duy nhất của họ là ở chỗ họ đã quên mất cổng ngôi đền ở đâu, rắc rối duy nhất với họ là ở chỗ họ thậm chí đã không biết về sự tồn tại của ngôi đền. Sau bốn mươi tuổi cổng ngôi đền bắt đầu trở nên có ý nghĩa... nhưng ngay cả nó cũng là đồ chơi mà thôi. Có đồ chơi cho trẻ con, cho thanh niên và cho người già, và chừng nào chưa tới ngày bạn phát ngán với tất cả những trò đó, chừng nào và cho tới khi bạn chưa trở nên tự do với mọi đồ chơi của mình, rắc rối của bạn sẽ vẫn cứ còn dai dẳng, mặc dầu chúng sẽ thay đổi.

Cho nên ai đó đã trở nên chán với việc tô điểm người phụ nữ của mình bây giờ tô điểm cho bức tượng Rama của mình và phô trương bức tượng thượng đế của mình. Nhưng người đó không hiểu rằng điều này nữa sẽ không kéo dài. Cái mốt nhất thời mới này có thể tiếp tục được bao lâu? Người ta có thể cứ đổi búp bê được bao lâu? Nhưng người đó không thể quan niệm được rằng cái làm hài lòng hôm nay sẽ trở thành chán phèo ngày mai. Chúng ta có thể làm được gì? Cố hiểu bản chất của thích và không thích.

Bất kì cái gì có vẻ như vừa ý với các giác quan vào khoảnh khắc nọ, bất kì cái gì có vẻ như êm đềm và nhịp nhàng, đều được gọi là sướng, còn cái ngược lại chúng được gọi là khổ. "Mình thích sướng và mình ghét khổ; mình muốn sướng tới thật thừa thãi còn khổ thì đẩy ra xa." Ham muốn này là nguyên nhân cho gắn bó với thân thể bởi vì các giác quan của thân thể là cánh cửa cho sướng; và cũng đúng là khổ cũng có thể bị chặn lại. Bởi lí do này tâm thức đồng nhất với thân thể và bị mắc bẫy, và chừng nào mà người ta còn chưa siêu việt lên trên cả sướng và khổ bằng việc hiểu bản chất của mình một cách đúng đắn, người ta không thể vượt ra ngoài thân thể được. Đó là lí do tại sao, sau khi giải thích về năm thể, hiền nhân này lập tức bắt đầu nói về sướng và khổ.

Nói về sướng và khổ là có nghĩa, bởi vì chỉ nói về năm thể thôi sẽ chẳng ích lợi gì nếu như chúng ta không biết nguyên nhân cho sự đồng nhất của mình với thân thể. Trạng thái mà qua đó chúng ta có thể phá vỡ sự đồng nhất này là điều được gọi là làm thuần khiết qua khổ hạnh.

Không ham muốn sướng, và không ác cảm với khổ; đừng đòi hỏi sướng, và đừng bác bỏ khổ. Ai đó chỉ đòi hỏi sướng và tránh khổ thì sẽ vẫn còn bị gắn bó với thân thể. Ai đó không đòi hỏi sướng và chấp nhận khổ khi nó tới, bắt đầu gạt bỏ đi gắn bó của mình với thân thể.

Chính mong đợi về sướng và sợ hãi khổ làm cho người ta thành hướng ngoại, và chính không mong đợi vào sướng và không sợ khổ mới quay người ta vào trong. Đây là khác biệt giữa đam mê và làm thuần khiết qua khổ hạnh.

Nếu bạn đòi hỏi sướng, bạn sẽ phải tranh đấu cho nó, gìn giữ nó và tránh bất kì khổ nào cũng vậy. Vật lộn ác liệt là không tránh

khỏi. Do đó tâm thức bao giờ cũng phải tham dự với bên ngoài trong mọi sự bên ngoài như của cải, quyền lực, tiền bạc, người khác và vân vân.

Làm thuần khiết qua khổ hạnh nghĩa là “Không, mình không có ham muốn về sướng. Mình đã biết nhiều sướng và đã thấy chúng tất cả đều biến thành khổ biết bao nhiêu lần. Bây giờ mình không có ham muốn về sướng thêm nữa, mà cũng không có ham muốn tránh khổ.” Bạn đã tránh khổ lặp đi lặp lại nhưng nó chẳng bao giờ kết thúc cả, nó chỉ trở thành ngày một dai dẳng và thay vì thế, bạn kinh nghiệm nhiều khổ hơn trong cố gắng tránh nó - nó quay lại với việc báo thù. Cho nên bạn phải không tránh nó mà cũng không đòi hỏi sướng, bây giờ chỉ chấp nhận bất kì cái gì tới. Bây giờ cuộc hành trình bên trong bắt đầu, điều có thể giải phóng bạn khỏi tù túng của thân thể.

Người làm điều gì đó để tạo ra sướng hay để tránh khổ, hiền nhân này gọi là người làm. Nhưng người không thấy khác biệt giữa sướng và khổ, người chấp nhận mọi tình huống, không tiếp tục là người làm nữa, người đó trở thành người vô làm. Và một khi bạn đã trở thành người vô làm, bản thân sự tồn tại trở thành người làm. Trạng thái này cho sinh thành ra khái niệm kì diệu về định mệnh.

Định mệnh chẳng liên quan gì tới chiêm tinh bói toán cả, nó liên quan tới tâm linh; nó chẳng liên quan gì tới đường vân tay cả, nó không có quan hệ với tương lai, nó không liên quan gì tới thầy bói trên phố. Ý tưởng về định mệnh được sinh ra khi bạn dừng là người làm và mọi sự bắt đầu xảy ra theo cách của nó. Bạn vẫn còn là người làm chừng nào bạn đang làm điều gì đó để đạt tới sướng và để tránh khổ. Nhưng khi bạn dừng là người làm, chấp nhận bất kì cái gì tới - không bận tâm về kết quả, dù nó là sướng hay khổ - thì dần dần khác biệt biến mất và thậm chí còn khó nhận ra sướng hay khổ nữa. Bạn trở nên dừng dừng với cả hai.

Trong dừng dừng này người làm sẽ biến mất, bởi vì chẳng còn lại cái gì để làm cả. Và điều bạn phải làm là cái gì? Chỉ có mỗi một điều - làm sao để thu được sướng và làm sao tránh khổ. Đó là hoạt động duy nhất của bạn. Bây giờ chẳng hành động nào là cần thiết cả, vậy mà mọi sự vẫn cứ xảy ra. Khi một người không phải là

người làm thì sự tồn tại trở thành người làm, và khi sự tồn tại là người làm thì trạng thái này được gọi là định mệnh, số phận.

Thế thì nếu một người như vậy bị chặt đầu, người đó có thể nói, “Đây là cách điều đó ngụ ý vậy.” Người đó thậm chí không trách móc kẻ hành hình, bởi vì bây giờ người đó tin cậy rằng không ai là người làm cả. Với người đó, người làm đã biến mất - điều đó chỉ có nghĩa là sự xảy ra. Và nếu một người như vậy bị đầu độc, người đó nói, “Điều này nghĩa là việc xảy ra, mình phải uống thuốc độc.” Và nếu ai đó vào lúc uống thuốc độc mà nhận ra đây là điều xảy ra, người đó không thể nào cảm thấy giận dữ cho dù là một khoảnh khắc đối với người đã đưa cho người đó thuốc độc, bởi vì bây giờ người đó biết rằng không ai là người làm cả. Người đó không buộc tội bất kì ai và không ai khác chịu trách nhiệm cả; bất kì điều gì cũng đều là định mệnh tối thượng, điều đó chẳng liên quan gì tới người khác cả. Không có gì ngạc nhiên là nếu một người như vậy đạt tới sự an bình tối thượng và mãn nguyện tối thượng.

Người chọn giữa sướng và khổ sẽ không bao giờ đạt tới mãn nguyện cả, người phân biệt giữa sướng và khổ sẽ không bao giờ tìm được thỏa mãn cả. Nhưng người bỏ đi mọi phân biệt giữa sướng và khổ được hài lòng.

Đôi khi những ý tưởng có giá trị lại trở thành cơ sở cho những khái niệm ngu xuẩn. Những người nói, “Sướng nằm trong mãn nguyện” là người điên, họ không biết mãn nguyện là gì và họ vẫn gắn mãn nguyện với sướng. Họ đang dạy bạn rằng nếu bạn muốn sướng, hãy hài lòng. Và vậy mà nếu bạn cố gắng để có sướng, bạn không thể nào được hài lòng, bởi vì ham muốn về sướng là chính nguyên nhân gốc rễ của không hài lòng. Bất kì ai cố gắng vì sướng cũng sẽ cố gắng tránh khổ, bằng không thì người đó không thể ham muốn sướng được. Cho nên làm sao người đó hài lòng được? Sướng không phải là mãn nguyện, mãn nguyện không phải là sướng. Mãn nguyện là vượt ra ngoài cả sướng và khổ, và chỉ người bỏ qua phân biệt giữa sướng và khổ thì mới được mãn nguyện. Mãn nguyện siêu việt lên trên cả hai. Nếu bạn chọn mãn nguyện vì sướng, bạn đang trong ảo tưởng và mãn nguyện của bạn chỉ là lừa dối.

Định mệnh, số phận và số mệnh là những từ tâm linh vĩ đại. Chúng đại diện cho trạng thái vô ngã, trạng thái không có bản ngã, không phân nân, chỗ bất kì cái gì tới thì đều hoàn toàn được chấp nhận - và không có lí do cho nó phải là bất kì cách nào khác, nó không thể nào khác được. Ham muốn về bất kì cái gì khác không tồn tại. Mơ rằng cái gì đó khác đáng phải xảy ra không phát sinh.

Nếu chấp nhận toàn bộ này, tận tâm với cái như vậy, làm bình lặng đi mọi con sóng ý nghĩa bên trong bạn, có gì đáng ngạc nhiên trong nó không? Có đáng ngạc nhiên nếu tất cả mọi con sóng trong bạn đều biến mất đi không? Và với biến mất các con sóng này, bạn sẽ chìm ngày một sâu hơn vào bên trong mình.

Các giác quan là nguyên nhân cho cả sướng và khổ.

Các giác quan - thính giác, xúc giác, thị giác, vị giác, khứu giác - đều là nguyên nhân cho cả sướng và khổ.

Khi linh hồn bị đồng nhất với thân thể có được do nghiệp thì đây là linh hồn được hiện thân mắc bệnh.

Bạn cư ngụ trong thân thể nhưng bạn không là thân thể. Cư ngụ trong thân thể và bị đồng nhất với thân thể là hai điều khác nhau. Người biết rằng mình ở trong thân thể là linh hồn, còn người nghĩ rằng mình là thân thể là linh hồn được hiện thân - và linh hồn được hiện thân này là mang bệnh, nó bị rơi vào trong ảo tưởng. Nó thực sự không biết cái đang đấy, nó biết bản thân nó là cái không có đấy.

Tại sao đồng nhất với thân thể này lại xảy ra? - bởi vì sướng và khổ! Chừng nào mà chúng ta còn ham muốn sướng và lẫn tránh khổ, chúng ta còn đồng nhất mình với bất kì cái gì dường như là thực hiện điều đó. Người yêu nói với bạn tình của mình, "Không có phân biệt giữa anh và em chút nào nữa... chúng ta đã trở thành một" - mặc dầu cái một này chẳng bao giờ có thể xảy ra cả. Nhưng anh ta nói "Chúng ta đã trở thành một" - tại sao? Bởi vì chúng ta muốn đồng nhất với cái đem lại cho chúng ta sướng, và bất kì khoảng cách nào có thể làm nhỏ bé đi cái sướng này thì cũng không thể chịu đựng nổi. Ngay cả một chút ít khoảng cách cũng không thể chấp nhận được, phân tách nhỏ bé nhất cũng phải bị xoá bỏ. Chúng ta muốn lại gần đến mức không còn khoảng cách

nào còn lại giữa chúng ta bởi vì bất kì khoảng cách nào cũng đều có thể là cản trở cho sự sống của chúng ta.

Do đó chúng ta đồng nhất với cái đem cho chúng ta sự sống, và chúng ta tạo ra khoảng cách với cái gây ra đau đớn. Chúng ta tránh nó, chúng ta không muốn nhìn vào nó, và chúng ta không muốn lại gần nó. Chúng ta muốn hoàn toàn xa lánh nó. Chúng ta thậm chí còn nghĩ tới việc giết chết ai đó, người gây ra cho chúng ta đau đớn, chính sự kiện là người đó sống tạo ra cảm giác một loại gần gũi. Người đó có thể sống ở bất kì đâu - ở Himalayas, ở Tây Tạng - nhưng nếu người đó còn sống đều gây ra cảm giác rằng “Người đó đang thở cùng không khí mà mình thở,” hay “Người đó đang ở dưới cùng một bầu trời như mình đang ở.” Chúng ta không muốn dung thứ cho dù điều này về người đó, chúng ta muốn khừ bỏ người đó; người đó phải không sống, người đó phải không tồn tại, chỉ thế thì chúng ta mới thấy thoải mái. Khoảng cách giữa chúng ta nên trở thành bao la như khoảng cách giữa người chết và người sống. Cho nên bất kì ai gây cho chúng ta khổ, chúng ta đều muốn đẩy người đó ra xa, còn bất kì ai là nguyên nhân cho sự sống, chúng ta muốn giữ gần gũi.

Bây giờ điều đáng ngạc nhiên là ở chỗ bất kì khi nào chúng ta kinh nghiệm sự sống, chúng ta đều nghĩ rằng chúng ta đang có nó từ thân thể mình, nhưng bất kì khi nào chúng ta kinh nghiệm khổ, chúng ta đều cho rằng chúng ta nhận nó từ ai đó khác. Điều này thực sự là rất đáng ngạc nhiên! Điều bí ẩn là bất kì khi nào chúng ta kinh nghiệm sự sống, chúng ta đều cho rằng nó tới từ thân thể mình, rằng không ai khác chịu trách nhiệm cho sự sống này, rằng bản thân chúng ta chịu trách nhiệm cho nó. Nhưng khi có liên quan tới khổ, chúng ta bao giờ cũng cảm thấy rằng ai đó khác chịu trách nhiệm.

Nếu ai đó yêu bạn, bạn chỉ nghĩ rằng bạn xứng đáng với tình yêu đó, rằng đây là cách nó phải thế, không có lí do nào thậm chí để cảm thấy biết ơn: “Mình xứng đáng để được yêu.” Nhưng nếu ai đó giận bạn, bạn nghĩ rằng người này là đồ vô lại và rằng người đó chỉ toàn giận dữ. Thế thì bạn không coi mình là xứng đáng cho cơn giận này chút nào.

Cả hai điều này là cùng nhau. Bất kì phân chia nào cũng đều là bịa đặt, lừa dối. Hoặc là bạn chấp nhận cả hai hoặc bạn không chấp nhận cả hai. Chẳng nào bạn chọn một trong hai điều này, cuộc hành trình hướng tới chân lí trở nên dễ dàng. Người ta có thể chọn cách nào cũng được. Hoặc là bạn xứng đáng yêu và xứng đáng ghét - và nếu đây là sự chọn lựa của bạn, cái nọ sẽ phủ định cái kia bởi vì không thể nào cả hai lại có khả năng cùng lúc được; hay nếu chọn lựa của bạn là ở chỗ bạn không cái này cũng chẳng cái nọ, không xứng đáng yêu không xứng đáng ghét - thì thế nữa bạn trở thành trống rỗng.

Nhưng thủ đoạn chúng ta hay dùng là chúng ta coi hiển nhiên việc chúng ta xứng đáng với mọi sướng tới trên đường của mình. Nếu khổ tới, nó là món quà của ai đó khác, ai đó khác bao giờ cũng là nguyên nhân cho nó.

Đó là lí do tại sao không ai đã từng hỏi tại sao một điều như sướng lại tồn tại trên thế giới này. Nhưng mọi người đều hỏi tôi, “Sao nhiều khổ lại có trên thế giới thế?” Tôi không gặp lấy một người đã hỏi tại sao sướng tồn tại. Họ coi là hiển nhiên việc họ xứng đáng được sướng, cho nên chẳng có gì để hỏi, họ coi hiển nhiên đây là cách thức nó phải như vậy. Câu hỏi thực là: “Tại sao có khổ?”

Chưa bao giờ có ai hỏi tôi, “Tại sao con người sống?” Họ hỏi tôi, “Sao con người chết? Sao có cái chết?” Sống được coi là hiển nhiên. Nhưng sao có chết? Sống dường như ở bên trong chúng ta, nhưng chết tới từ đâu đó bên ngoài. Một ý tưởng kì lạ! Và chúng ta coi rằng chết là ở xa xăm... tới từ bên ngoài để giết chết chúng ta. Sống là của chúng ta, nhưng chết là kẻ ngoài lai mà đôi khi tới trá hình dưới dạng bệnh tật, dưới dạng vi khuẩn hay vi rút, dưới dạng của kẻ thù - nhưng nó bao giờ cũng tới từ bên ngoài, nó tới để giết chết chúng ta. Cho nên câu hỏi của bạn còn lại, “Làm sao để tránh nó?” Và vậy mà bạn cứ nghĩ rằng bạn là bản thân cuộc sống!

Chính phương pháp của chúng ta là bất kì cái gì là sướng đối với chúng ta và bất kì cái gì cho chúng ta niềm vui, chúng ta gắn nó với chính mình; còn bất kì cái gì là khổ, đau đớn, chúng ta gắn nó với ai đó khác. Đó là lí do tại sao các tôn giáo phải quan

niệm về sự tồn tại của quỷ Satan cùng với sự tồn tại của Thượng đế. Tất cả những rắc rối này.... Dường như rất khó hiểu cuộc sống mà không có tồn tại của quỷ Satan. Có thể quan niệm được rằng Thượng đế là từ bi - nhưng rồi đứa trẻ chết vì ung thư. Lời giải thích là gì? Và đứa trẻ này còn chưa phạm phải tội lỗi nào - không ăn cắp, không giết người, chẳng có gì thuộc loại đó cả - thế mà nó vẫn chết, hay nó được sinh ra mà chết. Nhưng nếu điều đó ngụ ý việc xảy ra theo cách này, tại sao Thượng đế tạo ra nó ngay chỗ đầu tiên? Nếu nó phải được sinh ra mà chết, tại sao điều vô nghĩa này lại xảy ra qua việc sinh? Ít nhất thì Thượng đế cũng phải biết rằng đứa trẻ này được sinh ra rồi chết ngay. Thế thì tại sao ông ấy lại làm lắm điều rắc rối thế?

Cho nên chúng ta phải bịa thêm ra một nhân vật khác để phóng chiếu, bởi vì chúng ta muốn đồng nhất bản thân mình với Thượng đế. Nhưng nếu ngay cả Thượng đế cũng đem ung thư tới cho đứa trẻ, trong khi người già muốn chết thì vẫn tiếp tục sống và không thể chết được, và cả triệu người đang đói, và chiến tranh được tiến hành mà trong đó hàng triệu người chết - nếu tất cả những điều này xuất hiện mặc cho sự tồn tại của Thượng đế, làm sao chúng ta có thể đồng nhất với Thượng đế được? Đó là lí do tại sao chúng ta đã giữ cho hình ảnh của Thượng đế hoàn toàn đức độ và thánh thiện. Nhưng chúng ta sẽ giải quyết các vấn đề ác thế nào? Ai gây ra nó? Với điều này một thượng đế khác đã được tạo ra, và chúng ta gọi nó là Quỷ. Quỷ là thượng đế của điều ác, quỷ là đáng trách; Quỷ là nguyên nhân đằng sau mọi điều ác.

Hindu giáo là tôn giáo duy nhất trên trái đất đã dám chấp nhận cả hai thuộc tính này trong Thượng đế - và chính bởi vì điều này mà tôi cho rằng không tôn giáo nào khác có khả năng hiểu chân lí sâu sắc như Hindu giáo. Người Hindus đã đặt cả hai khía cạnh này vào thượng đế của họ - Mahadeva, hay Shiva - người vừa là đấng sáng tạo và đấng huỷ diệt; ông ấy là chúa tể của chất độc và nước cam lồ. Đó là một phát biểu mạnh bạo! Và sống với một Thượng đế như vậy là một cuộc cách mạng vĩ đại bởi vì mọi logic đều phải vứt đi. Tất cả mọi logic về việc đồng nhất bản thân chúng ta với cái thiện và gạt cái ác sang bên

sẽ thất bại; rằng nếu bạn ăn cắp thì là do Quỷ xúi dục, nếu bạn cầu nguyện thì đấy là việc làm của bạn. Ý tưởng kì lạ! Nếu bạn làm từ thiện, đấy là việc làm của bạn, nhưng nếu bạn ăn cắp, có lực qui làm việc ăn cắp qua bạn!

Cho nên chúng ta muốn được đồng nhất với việc thiện nhưng không với việc ác. Nhưng thế giới này là tổ hợp của cả hai. Hoặc từ chối cả hai hoặc chấp nhận cả hai; trong trường hợp nào bạn cũng sẽ được giải phóng khỏi cả hai.

Tù túng của chúng ta với thân thể là bởi vì chúng ta nói rằng thân thể là nguồn gốc của mọi sướng còn bất kì khổ nào đều do người khác gây ra. Và như vậy bạn tránh người khác, hay thay đổi người khác - hay nếu không thì bạn ở với người khác cho tới khi họ bắt đầu gây cho bạn đau đớn, và khi họ gây cho bạn đau đớn, bạn đi khỏi họ. Hôn nhân và li dị không chỉ tồn tại giữa chồng và vợ, nó còn tồn tại trong mọi mối quan hệ.

Một người bạn hay tới thăm tôi bao giờ cũng hỏi, “Làm sao thông minh của tôi phát triển được, làm sao thông minh tinh táo lại có thể được thức tỉnh trong tôi?”

Tôi sẽ an ủi anh ta rằng, “Nó sẽ phát triển, khả năng của trường thành là tồn tại. Nỗ lực đi.”

Anh ta sẽ sung sướng đi và nghĩ về khả năng này. Thông minh không thức tỉnh bởi vì có khả năng, nó thức tỉnh qua nỗ lực của bạn, nhưng anh ta sẽ ra đi sung sướng, và anh ta rất hài lòng. Anh tới vì lời an ủi như vậy cứ một hay hai lần mỗi tháng. Theo cách này, anh ta thu được đủ đà cho mười hay mười lăm ngày, sống như bình thường với sự an ủi về khả năng này. Điều này sẽ tiếp tục cho quãng mười lăm ngày, và rồi bất kì khi nào anh ta hết xăng, anh ta sẽ lại tới tôi, và lại ra đi với sự tái đảm bảo nào đó.

Điều này thỉnh thoảng xảy ra, và rồi tôi nghĩ rằng không có khả năng nào có thể trở thành thực tại theo cách này, cho nên lần sau anh ta tới thì tôi nói, “Bây giờ thì chẳng còn khả năng nào cả.”

Anh ta nhảy lùi lại. Ban đầu anh ta không thể hiểu được vấn đề: “Thầy ngụ ý gì, không có khả năng nào sao?”

Tôi nói, “Không có khả năng nào cả. Không có thông minh trong bạn mà có thể phát triển lên, và thông minh thức tỉnh thì

không dễ thu được thế đâu. Nó nằm ngoài khả năng của bạn, vứt bỏ cái ý tưởng này đi.”

Mặt anh ta tái xanh, và anh ta ra đi rất buồn bã. Bây giờ anh ta chống lại tôi, và anh ta nói, “Con người này không đúng.”

Tôi là người đúng khi tôi còn đảm bảo với anh ta về khả năng nào đó, và anh ta có thể ra đi một cách sung sướng và rạng ngời với niềm vui. Nhưng bây giờ tôi là người sai. Anh ta bảo với những người khác, “Chớ tới ông ấy, ông ấy không phải là người đúng để mà tới.”

Điều này rất kì lạ. Tôi đúng khi tôi làm hài lòng anh ta, và chừng nào tôi còn làm hài lòng anh ta, anh ta nghĩ bản thân mình là vĩ đại bởi vì khả năng này. Nhưng bây giờ tôi đã trở thành nguồn đau đớn cho anh ta bởi vì tôi đã nói rằng không có cách nào cho anh ta trưởng thành, và rằng địa ngục của anh ta là chắc chắn.

Chúng ta muốn đồng nhất với tất cả những cái làm hài lòng chúng ta, chúng ta muốn sống với nó; và chúng ta muốn tách bản thân mình ra khỏi cái đau đớn. Và như vậy chúng ta bị gắn bó với thân thể mình bởi vì chúng ta nghĩ rằng thân thể là nguồn gốc của sướng của chúng ta. Các hiền nhân đã gọi đồng nhất này với thân thể là "bệnh tật", bệnh tật *duy nhất* - ảo tưởng của việc cho rằng linh hồn, cái ta là thân thể.

Cách duy nhất để gạt bỏ bệnh tật này là nhận ra sự kiện rằng thân thể là nguồn gốc của cả sướng và khổ. Chúng sẽ phủ định lẫn nhau, và thế thì bạn sẽ phải tìm cái là nguồn gốc của phúc lạc - cái không phải là sướng cũng không phải là khổ. Phúc lạc không là sướng không là khổ, nó là thiếu vắng cả hai. Đó là điều chúng ta phải tìm kiếm.

Đủ cho hôm nay.

Bây giờ chúng ta lùi xa khỏi thân thể... cố gắng rút ra khỏi thân thể.

9 Bạn là nhà tù riêng của mình

Tâm trí, mạch sống, ham muốn, hiểu thảo và đức độ là năm nút cơ sở.

Khi linh hồn được hiện thân bị đồng nhất với bản chất của năm nút này, thì nó không thể tự do khỏi chúng mà không tự hiểu mình.

Vì năm nổi ưu phiền này linh hồn giống như bệnh tật tinh vi, nên linh hồn được biết tới như ling sharir, sự đồng nhất thân thể.

Đây là nút trong tim.

Cái chiếu sáng tại đó khi tâm thức là kshetranya, người biết.

Tù túng của con người không tới từ bên ngoài con người, nhà tù của người đó là ở bên trong - nó do người đó tự tạo ra. Với chúng ta dường như là chúng ta chỉ sống ở bên ngoài; dường như là sướng tồn tại ở bên ngoài, dường như là khổ tồn tại ở bên ngoài, dường như là tất cả thành đạt đều ở bên ngoài, tất cả mọi thua thiệt và thất bại đều ở bên ngoài, tất cả mọi thành công và thất bại đều ở bên ngoài - điều đó chỉ là dường như vậy thôi theo cách này. Trong thực tế mọi thứ đều ở bên trong cả: mọi nỗ lực đều là từ bên trong, mọi điều đạt được cũng là ở bên trong; thất bại của chúng ta là ở bên trong, sướng dường như ở bên ngoài được kinh nghiệm từ bên trong và nguồn gốc của khổ dường như tới từ bên ngoài cũng ẩn kín bên trong.

Người yêu của bạn có thể dường như là ở bên ngoài nhưng trung tâm của tình yêu là ở bên trong. Nếu trung tâm của tình yêu ở bên trong này bị phá hủy, thế thì người ta không thể thấy được người yêu nào ở bên ngoài nữa. Vàng là ở bên ngoài nhưng tham lam về vàng là ở bên trong. Nếu không có tham lam, có gì khác biệt giữa vàng và bụi? Sự khác biệt có đó bởi vì lòng tham này. Việc mở rộng các đối tượng là ra ngoài, nhưng hạt mầm là ở bên trong.

Hiền nhân này mô tả năm nút cơ sở; bệnh tật bên trong của con người đã được chia thành năm loại, như năm nút. Cổ hiểu từng và mọi loại này.

Đầu mỗi thứ nhất là tâm trí và toàn bộ phóng tác của nó. Tâm trí đã từng được gọi là sự rối rắm, bệnh tật, bệnh hoạn. Vì sao?

Nếu chúng ta đứng trên bờ biển và có một cơn bão với sóng cao và gió mạnh thổi... bản thân đại dương là không thể thấy được, điều thấy được duy nhất là điệu vũ hoang dại của các con sóng gầm. Đại dương cũng ở bên trong những con sóng này và những con sóng này cũng là hình dạng của đại dương - chúng được sinh ra từ đại dương, chúng là hình dáng của đại dương - nhưng dầu vậy những con sóng này vẫn không phải là đại dương, bởi vì đại dương có thể có mà không có sóng. Sau cơn bão biển lại bình lặng; sóng đã qua, nhưng biển vẫn còn.

Điều đối lập lại không bao giờ xảy ra - đại dương không thể nào biến mất đi trong khi sóng vẫn còn đấy. Sóng có thể biến mất nhưng đại dương sẽ vẫn còn. Sự biến mất của sóng không quấy rối sự tồn tại đại dương, nhưng nếu đại dương biến mất thì không thể nào giữ lại được sóng. Cho nên đại dương là nguồn gốc; sóng xuất hiện rồi biến mất.

Đại dương của tâm thức con người cũng giống hệt như vậy: ý nghĩ là sóng, các hình mẫu nảy sinh trong nó. Đó là lí do tại sao tôi bảo bạn hôm qua rằng không có những điều như tâm trí an bình. Bạn đã bao giờ thấy cơn bão an bình chưa? Nói 'cơn bão an bình' là điều vô nghĩa. Nếu nó là bão, nó không thể an bình được, nếu nó là an bình, nó không thể là bão được. Nhưng chúng ta nói, 'tâm trí im lặng' - đấy là lỗi ngôn ngữ. Chẳng nào mà tâm trí có đó, rối loạn còn tiếp tục, bất ổn vẫn cứ dai dẳng.

Náo động là từ khác cho tâm trí. Về mặt sự sống, náo động và tâm trí là đồng nghĩa - nhưng không có trong từ điển. Nếu bạn nhìn vào từ điển, bạn sẽ không tìm ra chỗ nào mà từ 'náo động' có nghĩa là tâm trí, hay

'tâm trí' nghĩa là náo động. Không cần phải là nhà từ nguyên học để biết sự tồn tại. Những người biết tới sự tồn tại thì không tạo ra ngôn ngữ bởi vì họ nói, "Khó mà diễn đạt được nó trong ngôn ngữ."

Kinh nghiệm sống này là: nơi có náo động thì có tâm trí. Tâm trí nghĩa là náo động, cho nên từ 'tâm trí an bình' là mâu thuẫn; trạng thái như vậy không thể tồn tại được. Cũng không có điều

như vậy khi nói bệnh tật mạnh khoẻ hay cơn bão an bình, cho nên cũng không có cái gì như tâm trí an bình cả.

Người bị bệnh có thể trở nên mạnh khoẻ, nhớ điều đó, nhưng bản thân bệnh tật chẳng bao giờ là mạnh khoẻ được. Người bị bệnh có thể trở nên mạnh khoẻ bởi vì bệnh tật không phải là người bị bệnh; nó là tách biệt với người đó, nó tới rồi nó đi. Điều rất thú vị là để ý rằng người ốm có thể có mà chẳng có bệnh nào cả, nhưng bệnh thì không thể tồn tại mà không có người ốm. Tâm thức có thể tồn tại mà không có tâm trí, nhưng tâm trí không thể tồn tại mà không có tâm thức.

Tâm trí là bệnh tật. Hiền nhân này thấy điều đó là *granthi* - một nút, tù túng, không thoải mái, ốm yếu. Tâm trí là bệnh tật. Tâm trí là trạng thái rối loạn của tâm thức - náo động, không ổn định và đầy những sóng. Khi an bình được đạt tới, tâm trí biến mất; khi an bình biến mất, tâm trí xuất hiện.

Nếu chúng ta đi sâu vào nó, có lí do tại sao chúng ta lại mô tả nó là nút. Hiểu từ 'granthi' đi, bởi vì nó là từ có giá trị trong thuật ngữ yoga. Nó giá trị tới mức khi Mahavira trở nên chứng ngộ, người Jainas đã gọi ông ấy là nirgrantha - tự do với mọi granthis, mọi nút - người không có nút nào bên trong. Cố hiểu khái niệm này về cái nút. Nút là một vật kì lạ. Bạn phải đã thấy nhiều nút nhưng chưa bao giờ để ý tới điều này: rằng khi bạn buộc một cái nút trong dây thừng, có thay đổi gì trong dây thừng không, trong bản chất của nó, trong sự tồn tại của nó? Nó có nặng thêm không? Có thay đổi về phẩm chất gì không? Điều gì xảy ra cho dây thừng này? Chẳng điều gì xảy ra cho dây thừng cả...nhưng dầu vậy thì, nhiều điều vẫn xảy ra. Chẳng cái gì xảy ra cho dây thừng, chẳng cái gì được thêm vào cho nó và không cái gì bị lấy đi; nó vẫn còn như nó vậy, nhưng dầu vậy nó vẫn không như cũ nữa; nó đã bị buộc nút lại, mắc mứu lại. Bản chất của dây thừng không đổi lấy một chút gì, nhưng cái nút có thể phát sinh mà không làm thay đổi bản chất của nó. Thực tế chẳng có gì thay đổi trong dây thừng cả, vậy mà mọi thứ lại bị thay đổi. Dây thừng không còn dùng được nữa; bây giờ bạn không thể dùng nó để buộc cái gì bởi vì bản thân nó đã xoắn xuýt lại rồi. Bây giờ nó không còn dùng được nữa, nhưng không có

thay đổi về phẩm chất, không có thay đổi về mặt tồn tại với nó. Nó đã chẳng thay đổi chút nào.

Và cái nút này là gì vậy? Nó có phải là một vật không? Cố hiểu nó cho đúng. Cái nút này có phải là một vật không? Nếu nó là một vật thì nó đã tồn tại mà không có dây thừng, cái nút này có thể đã bị gạt sang bên. Nhưng cái nút lại không thể bị tách khỏi dây thừng được. Điều đó không có nghĩa là dây thừng không thể được tự do với cái nút, nó có thể được tự do. Dây thừng có thể được tự do với nút, nhưng nút không thể nào bị tách rời khỏi dây thừng. Bạn không thể tách cái nút và dây thừng thành hai vật được.

Cho nên nút không phải là một vật. Nó không có bản chất, nó không có sự tồn tại độc lập; nó chỉ là một hình dạng - chỉ là một hình hài, chỉ là một dạng mà không có bản chất nào - chỉ là một dạng và không có gì của chính nó trong nó cả. Bên trong nút này là dây thừng, nhưng bản thân nút này chẳng có gì bên trong nó cả. Do đó có thể hiểu nó theo cách này: rằng nút không có sự tồn tại bản chất, nó chỉ là dạng, nó chỉ có một dạng.

Đó là lí do tại sao các hiền nhân đã gọi thế giới này là *namrup*, nghĩa là cái tên và dạng mà không có sự tồn tại bản chất của riêng nó - chỉ giống như cái nút. Cái nút tồn tại trong tên và có thể nhận ra được trong dạng, nó tạo ra cản trở và nó có thể được hoàn tác, vậy mà nó lại không tồn tại. Cái nút là maya, ảo tưởng. Những người biết đều nói rằng thế giới này là cái nút về tên tuổi và hình dạng - chỉ là cái nút. Và điều này áp dụng cho con người theo cùng cách như nó áp dụng cho thế giới.

Con người nữa cũng chỉ là một cái nút của tên và dạng. Nếu cái nút này được gỡ ra, tháo ra, cái còn lại được gọi là cái ta vũ trụ. Con người chỉ là cái nút; nếu được tháo ra, con người biến mất - tên và dạng biến mất, người đang nói tôi biến mất. Cái tôi biến mất - cái tôi chỉ là tổng cộng của tất cả các nút. Chúng ta sẽ nói về panchvargas, năm loại; cái tôi là tên của tổng năm nút này.

Hiền nhân này gọi tâm trí là cái nút thứ nhất bởi vì tâm trí không có sự tồn tại, nó chỉ dường như tồn tại thôi, nó chỉ là một hình dạng. Khi tâm thức bị khuấy động, tâm trí được tạo ra - nó

chỉ là một hình dạng. Mơ trong đêm không có sự tồn tại nhưng có hình dạng. Bạn đi xem phim: phim không có sự tồn tại trong thực tế nhưng có hình dạng trên màn ảnh, nó chỉ dường như tồn tại. Và điều kì lạ là người ta có thể thấy ngay cả cái gọi là những người thông minh cũng đưa tay lau nước mắt trong rạp chiếu bóng. Ngay cả những người thông minh cũng khóc và cười khi xem phim, mặc dầu họ biết hoàn toàn rõ là chẳng có gì tồn tại trên màn ảnh cả.

Nhưng hình dạng tạo nên ảo tưởng - ảo tưởng về sự tồn tại. Và trong một khoảnh khắc, khi chúng ta bị tràn ngập bởi hình dạng và quên mất cái ta, thế thì hình dạng trở thành rất thực. Nếu bạn có thể nhớ, lần sau khi bạn đi xem phim, làm một thực nghiệm này - cố gắng nhớ tới bản thân mình liên tục và xem phim đồng thời. Thế thì nước mắt sẽ là không thể được. Nước mắt là có thể chỉ nếu bạn quên mất bản thân mình - khi bạn quên bản thân mình là người quan sát, khi bạn trở nên bị đồng nhất tới mức bạn quên mất rằng bạn đã tới để xem phim - chỉ thế thì phim mà bạn đang xem mới tồn tại và bạn không hiện hữu. Khi điều bạn đang xem trở thành mọi thứ và người đang xem bị quên mất thế thì bạn có thể khóc, tâm trí có thể trở nên buồn rầu, tâm trí có thể trở nên hạnh phúc; mọi thứ có thể xảy ra trong tâm trí, mặc dầu không có gì thực trên màn ảnh cả.

Tâm trí là hình dạng. Nhưng người quan sát bên trong, người biết bên trong, đã quên mất sự tồn tại của riêng mình. Có vậy thôi. Chỉ mỗi quên lãng này và phim trở thành mọi thứ; thế thì cái nút được hình thành... nó được hình thành và nó trở thành mạnh hơn. Và trong nhiều kiếp chúng ta đã ngồi trong rạp chiếu bóng này có tên là tâm trí. Cái nút đã liên tục trở nên ngày một rối rắm hơn, làm cho hình dạng ngày một dày đặc hơn.

Tại sao chúng ta gọi một người là 'điên'? Chúng ta gọi người đó là điên bởi vì người đó có tâm trí lớn hơn chúng ta có, không có lí do nào khác. Chúng ta chỉ thấy hình ảnh bên trong bản thân mình, nhưng người đó lại thấy hình ảnh trong thế giới bên ngoài nữa - người đó có tâm trí nhiều khả năng thấy hơn bạn. Bạn nói thầm bên trong mình với người mình yêu, người điên nói to với người mà người đó yêu, người không hiện diện bởi vì tâm trí người đó đã phát triển nhiều hơn theo chiều hướng đó, nó

lớn hơn bạn. Bạn cũng làm điều đó, nhưng một cách bí mật, bên trong mình. Khả năng phóng chiếu của người đó lớn hơn của bạn, người đó thiện nghệ hơn; người đó bắt đầu nói với người không tồn tại đang ngồi đối diện với mình trên ghế. Thế thì chúng ta nói, “Người này đã phát điên rồi.”

Có khác biệt về chất nào giữa người đó và chúng ta không? Chúng ta cũng nói với người mình yêu cứ dường như họ đang ngồi trước chúng ta, nhưng chúng ta làm điều đó bên trong mình. Cơ chế phóng chiếu của chúng ta yếu hơn còn cơ chế phóng chiếu của người đó lại hiệu quả hơn của chúng ta. Máy chiếu của người đó hiệu quả tới mức cho dù bạn có đi vào phòng - và bạn vào thật - người đó sẽ chẳng bận tâm gì tới bạn cả, người đó sẽ chỉ quan tâm tới nhân vật không tồn tại đang ngồi trên ghế.

Cho nên nhiều nhà thơ đã viết những dòng như thế này: “Người yêu của anh, toàn thể thính giả có thể hiện diện nhưng nếu em rời khỏi đám tụ tập đó, chẳng ai khác còn tồn tại với anh cả; và khi em hiện diện thì không ai khác có thể có đó và vậy mà cả thế giới đang hiện diện vì anh.”

Nhà thơ này có chút ít kì quặc, đó là lí do tại sao người đó thấy điều mà chúng ta không thể thấy được, người đó cảm giác điều mà chúng ta không thể cảm giác được, người đó bịa ra điều mà chúng ta không thể bịa ra được. Do đó mới có tương tự nào đó giữa nhà thơ và người điên. Có lẽ nhà thơ này là người điên có phương pháp nào đó, trong khi người điên là nhà thơ không có phương pháp nào, người đó không biết trật tự nào. Nhưng một phẩm chất là chung cho cả hai - khả năng thấy điều không hiện hữu.

Tâm trí là cái máy có thể thấy cái không có đó, cho nên tâm trí là một cơ cấu có thể lái người ta thành điên. Tâm trí là sự mở rộng của việc mơ. Đây là cái nút thứ nhất. Người bị dính líu vào với tâm trí không bao giờ có thể đạt tới cái ta thực của mình, bởi vì cách duy nhất để trở nên bị dính líu vào tâm trí là thông qua việc quên mất cái ta của mình. Bạn không thể biết được cái ta và cứ duy trì tâm trí mình đồng thời. Việc quên cái ta của mình là điều bản chất để tâm trí tồn tại - tâm trí không thể có được nếu không có việc quên lãng về cái ta thực - còn nếu bạn nhớ tới cái ta, thế thì tâm

trí sẽ biến mất. Với nhận biết về cái ta, với thức tỉnh của người quan sát, mọi hình ảnh bắt đầu mờ nhạt đi, trở thành chỉ là cái tên và hình dạng đối với bạn. Không chất liệu nào còn lại trong chúng, chúng mất đi sự nắm giữ của chúng. Cho nên phải làm gì?

Tâm trí này là cái nút thứ nhất. Nếu chúng ta có thể thức tỉnh nhận biết của mình về cái nút này, nó sẽ mở ra. Để mở bất kì nút nào, phương cách sử dụng là đem người quan sát vào, đem nhận biết vào; chứng kiến là phương cách để hoàn tác lại bất kì nút nào. Tất cả chúng ta đều muốn gỡ rối những cái nút của mình, nhưng một điều thú vị xảy ra. Tất cả chúng ta đều muốn gỡ rối những cái nút của mình, tất cả chúng ta - khó mà tìm ra một người không muốn làm điều đó - vậy mà sao chẳng cái gì được gỡ ra cả?

Người ta thường quan sát thấy rằng những người cố gắng gỡ rối cho mình bị rối nhiều hơn. Nỗ lực hoàn tác lại cái nút không có tác dụng - thay vì thế, mỗi rối lại ngày một tồi tệ hơn, mặc dầu mọi người đều muốn được gỡ ra. Chúng ta phải đã phạm phải sai lầm ở đâu đó rồi. Tất cả chúng ta đều muốn trở nên được thoát ra khỏi cảnh rối rắm mà không thức tỉnh nhân chứng.

Chúng ta muốn thoát ra khỏi rối rắm tâm trí bằng việc dùng tâm trí - đây là sai lầm! Tâm trí là rối rắm, do đó tâm trí không thể tự nó tháo nút ra được. Và cố gắng hoàn tác lại cái nút của tâm trí thông qua tâm trí thì cũng giống như cố gắng nắm lấy bàn tay của mình bằng cùng bàn tay đó, cố gắng giữ cái kẹp bằng cùng cái kẹp đó, tìm kính của mình bằng chính chiếc kính trên mũi mình. Một số người làm điều đó - điều đó không phải là bất thường - và chúng ta tất cả đều đang làm cùng việc đó khi có liên quan tới tâm trí.

Bạn đã bao giờ thấy con chó đuổi theo đuôi của nó không? Con chó đang ngồi trên phố; mặt trời buổi sáng đang lên, nó ngồi lười nhác với cái đuôi nằm gần nó - đuôi của nó - và con chó vồ lấy cái đuôi nó để cố gắng bắt lấy cái đuôi này. Cái đuôi rời đi. Một cách tự nhiên, con chó phát cáu - điều đó trở thành thách thức - có một giới hạn! Đấy chỉ là một cái đuôi nhỏ vậy mà vẫn thoát khỏi nó. Con chó nhảy lên mạnh hơn và cái đuôi lại chuyển động nhanh hơn. Một thù hận sâu sắc nổi lên. Cái đuôi là của riêng nó, và bản thân con chó là kẻ đuổi bắt, cái đuôi chưa bao giờ bị bắt và con

chó sẽ bị mệt. Nó không biết rằng việc nhảy của nó cũng là việc nhảy của cái đuôi - rằng chúng không phải là hai thứ khác nhau. Tâm trí mà bạn đang dùng để hoàn tác lại cái nút thì bản thân nó cũng là cơ cấu tạo ra nút - cho nên bất kì cái gì bạn làm bằng tâm trí, nó trở nên ngày một thắt nút nhiều hơn.

Do đó bạn nên nhận biết rằng khi tâm trí con người phát triển thì số người mất trí cũng sẽ tăng lên; tâm trí càng không được phát triển, càng ít người mất trí. Các xã hội nguyên thủy tạo ra rất ít người mất trí. Các nhà xã hội học nói rằng trong thời kì tiền lịch sử xã hội hiếm khi tạo ra người mất trí, và rằng người này đã không được gọi là mất trí, người đó được kính trọng bởi vì người đó là hiếm hoi, người đó là đặc biệt. Cho nên trong xã hội nguyên thủy ai đó mất trí có thể trở thành vị cứu tinh, người đó được kính trọng bởi vì người đó có phẩm chất mà không ai khác có.

Ngày nay người điên bị rắc rối: bây giờ không ai sẵn sàng chấp nhận họ là vị cứu tinh cả mà thay vì thế nhiều người sẵn sàng coi vị cứu tinh là người điên. Tình huống đã hoàn toàn thay đổi. Dần dần mất trí đang trở thành điều thông thường tới mức chỉ những người rất giàu ở Ấn Độ mới nói một cách tự hào rằng một bác sĩ nổi tiếng như vậy là bác sĩ riêng của họ; người Mỹ giàu nói, "Một nhà tâm thần vĩ đại thế là nhà tâm thần tư của tôi." Chỉ người nghèo mới còn thảm hại; họ không thể nói rằng họ có nhà tâm thần riêng của mình. Họ phải tới bệnh viện nơi họ cần chờ đợi xếp hàng cùng với những người bình thường khác để được gặp nhà tâm thần.

Ngày xưa người ta không thể nào quan niệm nổi rằng tới một lúc nào đó mọi người sẽ nói với nhau về những điều như vậy một cách tự hào. Bây giờ tình huống ở phương Tây đến mức là mọi người hỏi lẫn nhau liệu họ đã tới hay không tới làm phân tâm. Bất cứ ai không có cảm giác tự hào đó thì đều khổ bởi vì điều đó nghĩa là người đó không thể đảm đương được việc làm phân tâm. Làm phân tâm là một việc đắt giá - có thể phải mất hai, ba hay thậm chí năm năm, và bao gồm việc chi ra hàng nghìn đô la. Cho nên những người siêu giàu công bố rằng họ đã trải qua phân tâm không chỉ một lần mà là hai, ba lần. Người cực kì giàu đi làm

phân tâm đều đặn. Họ có các buổi hẹn gặp đều đặn hai lần một tuần để làm phân tâm.

Trong quá khứ người ta chưa bao giờ quan niệm nổi rằng bệnh tâm trí lại sẽ trở thành thông dụng thế. Nhưng có lí do cho nó. Khi bạn giáo dục mọi người, cho họ khả năng suy nghĩ, văn hoá, cho họ nhiều tri thức, thế thì tâm trí phát triển nhiều hơn và các cái nút trở nên phức tạp hơn. Và khi tâm trí phát triển, khả năng phóng chiếu của nó cũng tăng lên. Những khả năng này có thể tăng lên tới mức bạn trở nên không được thoả mãn với tâm trí của mình như nó hiện thể và bạn bắt đầu tìm sự giúp đỡ khác cho nó. Những thứ như LSD và ma tuý marijuana là những thứ làm cho tâm trí bạn có nhiều khả năng hơn để phóng chiếu. Dưới ảnh hưởng của LSD bạn bắt đầu thấy những màu sắc mà bạn chưa hề thấy trước đây, cái đẹp mà bạn chưa bao giờ thấy trước đây bắt đầu lan toả xung quanh bạn.

Huxley đã viết trong hồi kí của mình: “Khi tôi dùng thuốc mescaline lần đầu tiên, trong vài khoảnh khắc cái ghế trước tôi trở thành bầy màu” - còn hơn cả cầu vồng. Cái ghế thôi! - trong một chốc các tia sáng bắt đầu toả ra từ nó! Van Gogh, một hoạ sĩ phương Tây vĩ đại, có lần đã vẽ một bức tranh về chiếc ghế. Nhưng không ai được chuẩn bị để nhận ra chiếc ghế này là chiếc ghế mãi cho tới khi Huxley viết về nó trong hồi kí của mình. Van Gogh đã vẽ nó từ một trăm năm mươi năm trước đó. Chiếc ghế đó còn màu sắc hơn ghế thường xảy ra - ông ấy đã vẽ nó như cầu vồng. Mọi người cứ cho đấy chỉ là tường tượng của ông ấy, rằng “Ghế chẳng bao giờ giống thế cả.” Nhưng Aldous Huxley đã viết trong bản hồi kí của mình: “Dưới ảnh hưởng của mescaline chiếc ghế trước tôi biến mất và một chiếc ghế đầy màu sắc, thiên đường và trong suốt xuất hiện. Giá mà tôi có chết đi vào khoảnh khắc đó tôi cũng cảm thấy trọn vẹn.” Kinh nghiệm về chiếc ghế này mạnh và sâu sắc thế cho ông ấy. Sau kinh nghiệm này về chiếc ghế, người ta tin rằng nếu một người thông minh như Huxley có thể thấy những màu sắc này trong chiếc ghế dưới ảnh hưởng của mescaline, chẳng có gì đáng ngạc nhiên rằng một hoạ sĩ như van Gogh đã có khả năng thấy những màu sắc này trong chiếc ghế mà không có mescaline. Nhưng van Gogh đã chết một cách điên loạn

bởi vì tâm trí của ông ấy đi vào hỗn loạn. Ông ấy bắt đầu thấy cái không có đó, ông ấy bắt đầu thấy không phải là cái thực sự ở bên ngoài mà là cái đã tới từ bên trong ông ấy và thế rồi được biểu lộ ra bên ngoài, được phóng chiếu ra bên ngoài.

Tất cả chúng ta đều can dự vào trong hiện tượng này trên qui mô nhỏ. Khi một người yêu tiền có tiền trong tay mình, người đó thấy nhiều thứ trong nó hơn bạn thấy. Đừng nghĩ rằng điều bạn thấy là mọi thứ: ai đó khác, người không yêu tiền, không thể thấy được điều người yêu tiền thấy trong nó.

Tôi biết một quý ông: khi ông đó cầm tờ giấy bạc trong tay, mà không phải là tờ bạc của ông ấy, ông ấy vẫn cầm nó theo cách mà không người yêu nào ôm lấy người tình của mình được như thế. Không nhà thơ nào nhìn đoá hoa lại đáng yêu như ông ấy nhìn vào tờ bạc. Tham lam ướm dẫm khuôn mặt ông ấy, ông ấy nhìn vào nó với sự quyến rũ thế; ông ấy tạo ra mối nối không thể hình dung nổi với tờ giấy bạc này. Bây giờ mọi người gọi ông ấy là kẻ keo kiệt bởi vì ông ấy sẽ không tiêu tiền của mình; việc tiêu tiền của ông ấy là không thể được. Nhưng chúng ta không hiểu sự quyến rũ của ông ấy, thế giới thơ ca mà ông ấy đang sống trong. Hoàn cảnh của ông ấy cũng giống như hoàn cảnh của nhà thơ vậy.

Chúng ta được chuẩn bị để kính trọng nhà thơ nhưng không kính trọng người này, và lí do cho điều đó là ở chỗ nhà thơ không lấy cái gì từ chúng ta cả, trong khi người này dường như lấy tiền khỏi chúng ta; bằng không thì chẳng có khác biệt gì giữa hai người. Chúng ta cho phép nhà thơ có những mơ với cái tẩu của mình, chúng ta coi những mơ đó là vô hại vì nhà thơ không chà nát mơ của người khác. Kẻ keo kiệt này cũng có các giấc mơ nhưng chúng là về tiền, cho nên mọi người đều bị bức dọc bởi người đó. Do đó xã hội lên án người đó, giận người đó, và gọi người đó là người độc ác - trong thực tế coi người đó là kẻ có tội. Nhưng chẳng có khác biệt gì giữa người đó và nhà thơ cả. Chỉ bởi vì kẻ keo kiệt làm tiền thành đối tượng cho thơ ca của mình; lãng mạn của người đó là với tiền.

Đó là lí do tại sao người yêu tiền không thể yêu được ai khác. Người đó không cần tình yêu khác. Tình yêu của người đó

với tiền lớn đến mức vợ, con, văn học, tôn giáo - tất cả những điều này đều trở thành phụ. Tâm trí trở thành cái nút, bởi vì người quan sát đã bị quên lãng trong phóng chiếu tâm trí này. Khi người này nhìn vào đồng ru pi, không thể nào tin được rằng người đó vẫn là một con người; người đó trở thành đồng ru pi. Người đó không phải là nhân chứng, người đó không còn là người quan sát, quan sát đồng ru pi như tách biệt với mình. Bản thân con người này trở thành đồng ru pi.

‘Tâm trí’ nghĩa là bất kì khi nào tâm thức đã quên mất người quan sát, người chứng kiến, thế thì tâm thức vẫn vơ và trở thành bị bệnh - đây là cái nút thứ nhất.

Mạch sống, prana, là cái nút thứ hai. Chúng ta bị kéo đi hoàn toàn, bị lái đi bởi thèm khát cuộc sống của mình, bản năng tồn tại. Thèm khát cuộc sống nghĩa là khao khát, ham muốn sống, sống bằng bất kì giá nào - và thậm chí chẳng hỏi tại sao. Không ai hỏi tại sao lại cứ sống. Chỉ sống... dường như việc sống là đủ trong bản thân nó.

Một người ăn xin trên phố với đầu gối vỡ, các chi hủy hoại, nằm trong rãnh nước, thối rữa, bị dòi bọ đục khoét, nhưng nếu bạn hỏi người đó muốn sống hay muốn chết thì người đó sẽ nhìn bạn giận dữ. Và người đó không sai. Thân thể người đó có thể đã bị tàn tạ, nhưng khao khát cuộc sống thì chẳng bao giờ tàn tạ và nó cũng hết như khao khát của bạn. Thậm chí nó còn nhiều hơn của bạn, bởi vì ngọn lửa sắp tắt lại bùng cháy sáng, đêm còn còn tối hơn trước hoàng hôn. Cảm thấy cái chết gần gang tấc người đó đặt tất cả năng lượng của mình vào níu bám lấy cuộc sống, điều bạn có thể chưa bao giờ làm. Bạn có ngày mai để chờ đợi, nhưng người đó thì không; người đó phải sống bằng bất kì giá nào. Và điều đáng ngạc nhiên là người ta đồng ý sống bằng bất kì giá nào. Đây là lí do tại sao biết bao nhiêu điều tàn ác đã xảy ra trên thế giới này, bằng không thì chúng đã không thể được dung thứ.

Trong năm nghìn năm chúng ta đã làm đẳng cấp tiện dân, đẳng cấp thứ tư và thấp nhất trong người Hindu, luồn cúi như sâu bọ trên trái đất. Và điều đó đáng không thể có được ngoại trừ rằng

khao khát sống là sâu sắc, mạnh mẽ đến mức họ được chuẩn bị để sống trong bất kì tình huống nào.

Hàng triệu người trên thế giới đã bị làm nô lệ như súc vật. Trách nhiệm cho điều này không chỉ ở những người tinh ranh và độc ác bắt họ làm nô lệ; một lí do sâu hơn là ở thèm khát sống của họ, đến mức họ muốn tồn tại dưới bất kì điều kiện nào. Điều khiển này mạnh đến mức ngay cả một người bị buộc phải bò bằng tay và đầu gối trong phần còn lại của cuộc sống mình, người đó cũng sẽ đồng ý làm điều đó, bởi vì điều đó còn tốt hơn chết. Bất kì cái gì cũng tốt hơn chết.

Thèm khát cuộc sống quyết định bất kì cái gì cũng là tốt hơn chết. Người ta được chuẩn bị để sống trong bất kì hoàn cảnh nào. Nhưng nếu một người có nỗ lực quá lớn để tồn tại, cuộc hành trình bên trong trở thành không thể được. Người đó sẽ bị gắn bó với thân thể, với tâm trí, với mạch sống của mình, và gắn bó đó sẽ mạnh đến mức người đó sẽ không có khả năng buông bỏ. Người đó sẽ nắm giữ mọi thứ chặt tới mức chẳng cái gì có thể tuột ra khỏi nắm giữ của người đó - vì sợ hãi người đó có thể trở nên bị lạc.

Mọi người tới tôi để thiền. Trong khi thiền một khoảnh khắc nhất định tới khi người ta kinh nghiệm cái chết - khoảnh khắc này là không tránh khỏi. Cảm giác về cái chết sắc bén thế - kinh nghiệm cận tử. Họ tới tôi và họ nói, "Chúng tôi đã tới để thiền, không phải để chết. Đây là cái gì đang xảy ra bên trong vậy? Chúng tôi sợ chúng tôi có thể chết."

Tôi bảo họ, "Đó là khoảnh khắc quý giá lắm, chết bên trong. Đừng sợ chết. Chấp nhận cái chết này, thế thì bạn sẽ không bao giờ chết cả."

Nhưng họ hỏi, "Không có cách nào khác sao? Việc đi vào bên trong này, việc triệt tiêu này - không có cách nào dễ dàng hơn sao?"

Không, không có cách nào khác cả. Thiền là kinh nghiệm về cái chết - cái chết tự nguyện. Cái chết của bạn cuối cùng sẽ tới, nhưng thế thì sẽ không có kinh nghiệm về thiền. Cái chết đã tới với chúng ta nhiều lần rồi - chúng ta đã chết biết bao nhiêu lần! Ngay cả trong tương lai chúng ta cũng sẽ chết nhiều lần. Chúng ta sẽ cứ chết bởi vì khao khát sống này - sống và chết... sống và

chết... sống và chết. Khao khát sống vất kiệt chúng ta, cuộc sống của chúng ta chưa bao giờ đi tới hoàn thành, cuộc sống chưa bao giờ được kinh nghiệm còn thân thể đi tới chỗ kết thúc. Nhưng khao khát sống chẳng bao giờ chấm dứt, nó tìm thân thể khác. Nó cứ đi tìm thân thể mới... và mỗi lần chúng ta phải chết. Cái chết cứ xảy ra, nhưng khao khát sống không bao giờ chết - nó mạnh tới mức nó cứ được sinh đi sinh lại mãi.

Điều xảy ra trong cái chết cũng xảy ra trong thiền nữa, nhưng trong cái chết nó là một điều bị bắt buộc. Mọi người trở nên vô ý thức vào lúc chết, và phần lớn mọi người đều chết một cách vô ý thức. Kiếp sống khác là chắc chắn cho những người chết một cách vô ý thức, nhưng sẽ không có kiếp sống khác cho những người chết một cách có ý thức. Tại sao chúng ta chết một cách vô ý thức? Vô ý thức không phải là điều tiên quyết cho cái chết. Chúng ta chết một cách vô ý thức bởi vì đây là biện pháp bảo vệ của thân thể.

Đôi khi mọi người nói rằng họ cảm thấy nỗi đau không thể nào chịu đựng nổi. Điều này hoàn toàn không đúng, bởi vì không ai có thể chịu đựng nổi nỗi đau không thể chịu nổi. Con người trở nên vô ý thức trước khi cái đau không thể chịu nổi bắt đầu - đây là biện pháp bảo vệ cố hữu. Khi cái đau tăng lên vượt ra ngoài giới hạn chịu đựng, người ta trở nên vô ý thức. Trạng thái vô ý thức này có nghĩa là ngưỡng đau đã bị vượt quá; việc còn ý thức và mang cái đau là không còn có thể được, cách duy nhất để chịu đựng nó là trở thành vô ý thức.

Do đó chúng ta dùng trạng thái vô ý thức vào thời gian mổ. Nhà giải phẫu trước hết gây mê cho bệnh nhân, bởi vì trong khi mổ, đau sẽ thành không thể chịu nổi và do đó điều nhân đạo và mang tính giúp đỡ là làm cho người đó thành vô ý thức trong kinh nghiệm đó. Tự nhiên có cách thu xếp giải phẫu nội bộ riêng của nó: bất kì khi nào cái đau trở thành không thể chịu được, chúng ta trở nên vô ý thức. Cho nên không ai đã bao giờ kinh nghiệm cái đau không thể chịu nổi. Bất kì cái đau nào bạn đã cảm nhận, đều là chịu đựng được, bằng không thì bạn sẽ mất ý thức.

Chết là giải phẫu lớn lao nhất... tâm thức đang bị loại bỏ khỏi toàn bộ thân thể. Tất cả mọi cuộc mổ đều chỉ là bộ phận -

chỉ một phần bị lấy ra. Đôi khi xương bị lấy ra, đôi khi là một bộ phận, đôi khi là một mẩu thịt vân vân - nhưng cái chết tách toàn bộ tâm thức ra khỏi thân thể, và tâm thức đó thực tế bị đồng nhất với thân thể. Đó là lí do tại sao khả năng cái đau không chịu đựng nổi tồn tại. Chỉ những người như Phật mới không chết một cách vô ý thức.

Điều thú vị khác xảy ra là ở chỗ người chết một cách có ý thức biết trước về cái chết của mình - theo một cách tự nhiên. Điều đó nữa cũng là thu xếp bên trong: người đó không được thông báo về cái chết của mình, nhưng cơ chế thân thể của người đó bản thân nó trở nên nhận biết về cái chết ngăn trở. Nhưng bạn không được thông báo trước về cái chết của mình, bởi vì nếu bạn đi tới biết rằng bạn sắp chết trong bảy ngày, bạn thậm chí sẽ chết trước lúc đó; bảy ngày này sẽ trở thành thời kì chết khủng khiếp. Cho nên bạn không được tin cậy - ngay cả thân thể bạn cũng sẽ không thông báo cho bạn, nó sẽ che giấu bí mật đó với bạn. Nhưng ai đó có thể chết một cách có ý thức, người đó sẽ đi tới biết.

Ngày Phật sắp chết ông ấy đã bảo với các đệ tử của mình, “Bây giờ, hôm nay, đây là thời điểm ra đi. Nếu còn cái gì cần hỏi thì hãy hỏi đi!” Nhưng không có câu hỏi nào hỏi ông ấy về cái gì cả - họ tất cả bắt đầu khóc lóc, than vãn. Phật nói, “Đừng phí thời gian! Đừng vội vã khóc lóc, các ông có thể làm điều đó về sau. Thời gian của ta sắp hết rồi. Các ông còn muốn hỏi gì nữa không?” Nhưng họ đều đau buồn đến mức không thể nào hỏi được câu hỏi nào. Việc hỏi một câu hỏi chỉ có thể khi bạn thấy thanh thản. Và Phật này là loại người gì vậy? Đây có phải là lúc hỏi câu hỏi không?

Ananda nói, “Chẳng câu hỏi nào tới trong đầu tôi cả.”

Phật hỏi lần thứ ba và rồi nói, “Được rồi, thế thì các ông đi làm việc của mình đi, bây giờ để ta làm việc của ta.”

Ông ấy đi tới dưới gốc cây, ngồi trong tư thế thích hợp với mắt nhắm - và câu chuyện kể lại rằng ông ấy bắt đầu đi vào trong cái chết. Bước thứ nhất đã hoàn tất... Phật đã mô tả bốn bước của cái chết. Bốn bước đó thuộc vào thiền nữa. Ông ấy đã hoàn thành bước thứ nhất, thế rồi bước thứ hai. Ông ấy sắp hoàn thành

bước thứ ba thì một người từ làng chạy tới và nói, “Tôi đã nghe nói rằng Phật sắp chết, nhưng tôi có điều cần hỏi.” Họ yêu cầu người đó giữ yên tĩnh bằng việc nói, “Anh tới quá trễ rồi và Phật đã bắt đầu cuộc hành trình bên trong cuối cùng của mình.”

Cái chết chỉ là cuộc hành trình đối với Phật - cuộc hành trình có ý thức. Không phải là cái chết tới với Phật, chính bản thân Phật đang đi vào trong cái chết. Cố hiểu khác biệt này cho đúng. Cái chết tới với chúng ta; chúng ta vật lộn với nó và nó chiếm lĩnh chúng ta. Bản thân Phật tiến tới cái chết, từng bước một.

Cho nên các đệ tử đã nói rằng người đó quá trễ. Nhưng người này khẳng khái, “Tôi không thể dừng được, tôi phải hỏi, bởi vì người ta chẳng bao giờ biết được phải mất bao nhiêu kiếp mới tìm được một người như Phật lần nữa. Và câu hỏi của tôi...”

Các đệ tử hỏi người đó, “Anh ngốc, Phật đã ở trong thị trấn này một thời gian dài. Anh ở đâu?”

Anh ta đáp, “Điều đó không thành vấn đề. Tôi biết rằng Phật đã đi qua thị trấn này từ ba mươi năm nay, nhưng thế rồi tôi quá bận rộn với khách hàng trong cửa hàng, đôi khi thì con ốm ở nhà, rồi đám cưới con gái tôi - tôi cứ trì hoãn đến thời gian thích hợp nhưng bây giờ thì không còn cách nào cả. Ông ấy sắp chết rồi.”

Phật quay lại từ sau cây và nói, “Dừng dừng anh ta lại! Ta vẫn ở trong giai đoạn thứ ba, chưa vào giai đoạn thứ tư... ta không muốn bị nhớ là một ai đó vẫn còn sống trong khi một người có câu hỏi lại phải ra đi mà không có câu trả lời. Để cho người đó có câu trả lời.”

Đây cũng là một cách chết. Nhưng cách chết này chỉ có sẵn cho người đã biết tới nghệ thuật chết trong thiền. Các bước trong thiền và chết là như nhau bởi vì thiền tách rời chúng ta ra khỏi thân thể và đưa chúng ta về trung tâm của tâm thức mình, còn chết cũng đem chúng ta ra khỏi thân thể về trung tâm của tâm thức. Nhưng trong cái chết bạn vô ý thức bởi vì nó chống lại ý chí của bạn, trong khi trong thiền bạn có ý thức bởi vì đó là chọn lựa riêng của bạn.

Cho nên mạch sống, khao khát sống là cái nút thứ hai. Cái nút thứ ba là ham muốn. Bạn đã bao giờ biết tới khoảnh khắc khi

bạn không có ham muốn không? Nếu bạn thậm chí có thể có một khoảnh khắc đi tới trạng thái vô ham muốn, trong chính khoảnh khắc đó bạn trở thành Thượng đế. Mọi người hỏi, “Thượng đế ở đâu? Chúng tôi có ham muốn tìm ngài và tìm ra ngài.” Và chính bởi vì ham muốn này bạn sẽ không tìm thấy ngài. Ngay cả ham muốn này cũng không nhỏ - nó là đủ ngăn cản bạn.

Ham muốn nghĩa là: “Tôi không quan tâm tới điều đã có đây, tôi quan tâm tới điều tôi muốn phải có đó.” Ham muốn nghĩa là gì? Cái gì là điều chúng ta gọi là ham muốn? Ham muốn nghĩa là bạn không quan tâm tới cái đang sẵn có đấy. Mỗi quan tâm của bạn là ở cái đáng phải có sẵn. Nhưng khi nó trở thành sẵn có, bạn sẽ lại không quan tâm tới nó chút nào nữa, bởi vì bây giờ nó đã trở thành hiện tại còn mỗi quan tâm của bạn bao giờ cũng nằm ở tương lai.

Ham muốn bao giờ cũng vươn tới tương lai và bỏ lỡ hiện tại. Và vậy mà bất kì cái gì thực sự tồn tại đều ở đây và bây giờ. Do đó bất kì ai bị ám ảnh với ham muốn đều bị vướng vào các nút; ham muốn càng nhiều, càng có nhiều nút, ham muốn càng sâu, nút càng phức tạp. Chúng ta chỉ là một tuyến tập những ham muốn. Chúng ta tồn tại như những đòi hỏi cấp bách - hàng nghìn kiểu ăn xin khác nhau tồn tại trong chúng ta - và từng và mỗi ham muốn lại đòi hỏi một loại thoả mãn khác nhau. Chẳng cái gì đã bao giờ được đạt tới cả.

Bên trong chúng ta chỉ có một chồng bát ăn xin và chúng tất cả đều trống rỗng, và chúng ta cứ kiếm thêm nhiều nữa. Chúng ta cứ thu thập những bát ăn xin mới hàng ngày. Những ham muốn cũ vẫn còn chưa được thoả mãn và ham muốn mới lại được thêm vào chúng, bởi vì rất dễ cho sinh thành ra ham muốn và hoàn toàn không thể nào đáp ứng được nó. Bất kì cái gì được thấy quanh ta đều trở thành một ham muốn trong ta để có cái này, có cái kia - nhưng không ham muốn nào được hoàn thành cả, chúng chỉ cứ tích lũy. Chúng ta vẫn còn là cái bát rỗng - bát ăn xin, kẻ ăn xin!

Phật đã gọi các sannyasins của mình là kẻ ăn xin, khát sĩ. Ông ấy đang chế giễu chúng ta. Đây là điều mỉa mai, và ông ấy nói nó chỉ là một chuyện đùa, nhưng chuyện đùa lại sâu sắc và

thâm thúy. Phạt tới một làng để xin ăn với bình bát xin ăn, và người giàu nhất trong làng đó nói, “Sao vậy? Một người đẹp như ông” - toàn thân Phạt đẹp thế, có lẽ vào thời đó khó mà tìm được người khác đẹp như ông ấy - “mà ông lại là kẻ ăn xin, trên đường với bình bát ăn xin. Ông đáng là một hoàng đế. Tôi không quan tâm ông là ai, ông làm gì, đẳng cấp của ông là gì, tôn giáo ông, gia đình ông. Tôi sẽ gả con gái tôi cho ông, còn ông sẽ trở thành người chủ mọi gia sản của tôi, bởi vì con gái tôi là người thừa kế duy nhất của tôi.”

Phạt nói, “Ta ước ta đúng là kẻ ăn xin và ông là người chủ - nhưng sự kiện lại là ở chỗ khi ta nói rằng các ông tất cả đều là kẻ ăn xin cứ cho rằng mình là người chủ, ta cầm bình bát ăn xin trong tay riêng của ta. Thấy tình huống này, ta cảm thấy không phải để gọi bản thân mình là người chủ. Tất cả các ông đều gọi bản thân mình là người chủ, còn chúng ta lại vui sướng gọi bản thân mình là kẻ ăn xin! Bởi vì trong thế giới mà kẻ ăn xin nghĩ mình là người chủ, cũng đúng cho người chủ tự biểu lộ mình là kẻ ăn xin.”

Đây là hiện tượng hiếm hoi, hiếm khi xảy ra trên thế gian này. Có rất ít hoàng đế được sinh ra trong thế giới này mà vĩ đại tới mức họ dám trở thành kẻ ăn xin. Ấn Độ là đất nước duy nhất - mỗi một nước trên trái đất này

- nơi con người như Phạt và Mahavira bước xuống đường đi ăn xin. Nhưng đây là chỉ báo về việc làm chủ bên trong vĩ đại. Và đấy cũng là chút ít châm biếm, châm chọc cho tất cả chúng -
châm biếm vĩ đại!

Những người chỉ có bình bát ăn xin bên trong sống dưới ảo tưởng rằng họ là người chủ, còn những người không ham muốn nào còn lại thì bước đi trên phố ăn xin của bố thí. Đây là vở kịch tâm lý, châm biếm cay đắng. Nhưng chúng ta không thể nào hiểu nổi châm biếm của những người như Phạt, và điều đó tạo ra vấn đề.

Ham muốn và tham lam - cứ đòi hỏi, và đòi hỏi và đòi hỏi. Và người cứ đòi hỏi sẽ cứ đi lang thang trên cuộc hành trình bên ngoài, trong thế giới bên ngoài. Chỉ người dừng đòi hỏi mới đi vào chiều sâu bên trong.

Cho nên ham muốn được gọi là cái nút thứ ba.

Đủ cho hôm nay.
Hai lời kinh vẫn còn lại. Những lời này chúng ta sẽ nói tiếp vào
sáng mai.

10 Chúng ta là điều ta làm

Người biết việc sinh và sự tan biến của người biết, việc biết và đối tượng của việc biết, thì là bản thân mình không có sinh hay tan biến, sự tự toả sáng này được gọi là sakshi, nhân chứng. Cái cư ngụ trong tâm thức của mọi sinh linh sống, từ Brahma, vị thần sáng tạo, tới con sâu bọ nhỏ nhất, và cái còn lại ngay cả khi tất các những thân thể thô và tinh không còn nữa, được gọi là kootastha, cái không thể huỷ diệt nổi. Chỉ như một sợi chỉ xuyên qua từng hạt của chuỗi hạt, linh hồn len vào từng tế bào của thân thể để cho nó có thể trở nên nhận biết về bản tính đúng của mình từ trong các đặc trưng khác nhau. Cái một này được gọi là antaryami, người biết về tất cả các ý nghĩ và cảm giác.

Trí huệ Ấn Độ đã coi con người, như con người hiện thể, không là gì nhiều hơn một bọc những bệnh tật; như con người hiện thể, con người là bệnh tật. Nhưng điều này không phải là thái độ chán nản với cuộc sống. Thái độ này không tiêu cực. Như con người hiện thể, con người được coi là bệnh tật, bởi vì chừng nào con người còn tin vào trạng thái bệnh tật này là lành mạnh của mình thì con người không thể đạt tới tiềm năng bản chất của mình được.

Con người có những khả năng vô hạn. Nếu viên kim cương nằm giữa đồng sỏi đá và chấp nhận bản thân mình như một viên đá bình thường, nó chấm dứt khả năng cho mọi sự phát triển; không khả năng nào còn lại cho bất kì sự tinh luyện nào, cho bất kì tiến hoá nào. Nếu chúng ta tin rằng như chúng ta tất cả đang đó, thế thì không có khả năng nào để trưởng thành cả. Trưởng thành là có thể chỉ nếu chúng ta không lấy điều chúng ta đang là làm tiềm năng tối thượng của mình. Bất kì nơi nào có khả năng trưởng thành theo bất kì khía cạnh nào, chúng ta phải tin bản thân mình là chưa hoàn hảo theo khía cạnh đó.

Một điều duy nhất đã xảy ra trong lịch sử nhân loại. Đó là việc phương Tây chưa bao giờ coi các hoàn cảnh bên ngoài của nó là trạng thái hoàn hảo tối thượng; do đó phương Tây đã thành công

trong việc thay đổi những hoàn cảnh này ở một chừng mực lớn lao. Nếu đã có nghèo nàn, nó đã không chấp nhận điều đó, nếu đã có ốm yếu, nó đã không chấp nhận điều đó, nếu chỉ có một cái lều nhỏ để sống trong, nó đã không chấp nhận điều đó, nó đã không chấp nhận con đường gồ ghề gập ghềnh, nó đã không chấp nhận tốc độ chuyển động chậm chạp. Phương Tây đã không chấp nhận hoàn cảnh bên ngoài như chúng tồn tại. Đó là lí do tại sao phương Tây đã thay đổi hoàn toàn chúng.

Nhưng phương Đông đã trải qua một thực nghiệm còn sâu sắc hơn. Phương Đông không chấp nhận trạng thái bên trong của con người như nó hiện thể. Một chỉ báo về điều này được nêu ra khi người ta nói rằng như con người hiện tại, con người là bệnh tật. Con người xứng đáng cho biến đổi; con người nên tự biến đổi bản thân mình. Con người có thể đạt tới bản thể bên trong của mình, chỉ nếu con người thay đổi. Nếu con người biến đổi, chỉ thế thì con người mới có thể đạt tới trạng thái nơi con người có thể an bình, bằng lòng và phúc lạc.

Phiền não của chúng ta là phiền não của hạt mầm. Nếu hạt mầm không trở thành cây, phiền não là tự nhiên. Và nếu hạt mầm tin vào việc vẫn còn là hạt mầm, rằng nó là hoàn hảo như nó hiện thể, thế thì không có cách nào để cho nó mọc lên được.

Do đó hiền nhân này đang giải thích về năm nhóm bệnh tật này. Chúng ta đã nói về ba nhóm đêm qua... bây giờ tới nhóm thứ tư. Nhóm thứ tư là sattva, ngoan đạo, cảm giác về việc là 'thiện', và nhóm thứ năm, punya, đức độ.

Nhóm thứ ba là ham muốn, thèm khát, tham lam. Ham muốn nghĩa là đòi hỏi về đối tượng gì đó. Ham muốn về tiền bạc, ham muốn về danh vọng... tiền bạc và danh vọng tồn tại bên ngoài bản thân người ta. Thậm chí còn có ham muốn tinh vi hơn mà chúng ta thường không hiểu. Hiền nhân này gọi nó là 'sattva'.

Một người không có ham muốn về tiền, về danh vọng, nhưng người đó lại ước ao được là thiện nhân - là thánh nhân, là một sannyasin. Điều này nữa cũng là một ham muốn. Mặc dầu chẳng cái gì được nó thêm vào cho bạn từ bên ngoài, vậy mà điều này nữa cũng là một thèm khát - không phải vì tiền bạc mà vì tôn giáo. Ham muốn là bệnh tật. Ham muốn này, "Mình muốn được thánh

thiện,” cũng được bao hàm; cho dù là nó chỉ liên quan tới bên trong.

Hôm qua một người bạn tới và nói, “Tôi muốn được điểm đạo là sannyas - nhưng sannyas bên trong, không phải cái bên ngoài. Bởi vì bất kì cái gì của bên ngoài cũng dường như là một phần của ham muốn - ngay cả tính chất sannyas bên ngoài.” Tính chất sannyas bên trong không giống như ham muốn - nhưng nó là ham muốn rất tinh tế. Nó cũng là ham muốn. Bất kì khi nào bạn muốn trở thành cái gì đó, ham muốn nhất định có đó.

Hiện nhân này nói rằng nếu bạn bị gắn cho dù với ham muốn về sattva, nó cũng là bệnh tật; ngay cả ham muốn là người thiện, ham muốn về việc làm thuần khiết bên trong, về hoàn hảo, cũng là bệnh tật. Điều này là thú vị. Những bệnh tật này cần được hiểu để cho hoàn thiện bên trong có thể biểu lộ ra.

Bây giờ một điều nữa cần hiểu: tôi đã nói với các bạn về hạt mầm; ví dụ này có tác dụng ở chừng mực nào đó, nhưng nó không đi thật xa. Không ví dụ nào đi thật xa cả, và kéo căng nó ra bên ngoài giới hạn của nó thì sẽ tạo ra vấn đề. Nếu hạt mầm được thoả mãn với việc là hạt mầm, nó sẽ chẳng bao giờ trở thành cây, điều này là đúng. Nhưng thực tại bên trong là con người hiện hữu, đã có đó rồi. Nếu người đó lầm lẫn coi mình là cái gì đó khác, người đó sẽ không có khả năng nhận ra thực tại này, cho dù nó đã có đó rồi. Điều người đó là, ở bên trong, không phải là cái gì đó mà người đó sẽ trưởng thành trong tương lai, nó đã hiện diện ngay từ bây giờ rồi.

Chẳng hạn, một kẻ ăn xin có chìa khoá kho báu trong túi áo mình. Kho báu đó có sẵn ngay bây giờ, chìa khoá cũng sẵn có ngay bây giờ, nhưng kẻ ăn xin quên mất chìa khoá, không nhớ tới nó và cứ tiếp tục đi ăn xin từ sáng tới tối. Người đó bận rộn ăn xin đến mức người đó không có thời gian cho tay vào túi mình bởi vì tay còn đang chìa ra về phía người khác. Và tay đang chìa ra xin người khác không thể nào đưa vào trong túi của mình được, họ bao giờ cũng bận rộn trong việc xin ăn. Tâm trí người đó bao giờ cũng tập trung vào người khác, cho nên người đó không tìm ra được thời gian để tìm kiếm bên trong. Bất kì thời gian nào có được trong đêm người đó đều dùng vào việc đếm đi đếm lại số tiền

nhận được từ người khác. Đến sáng lại cùng điều như vậy diễn ra. Đến tối lại cùng việc đếm đi và đếm lại đó.

Không chỉ các triệu phú mới giữ số tiền gửi, ngay cả kẻ ăn xin cũng làm điều đó. Và đó là lí do tại sao khác biệt giữa triệu phú và kẻ ăn xin chỉ là ở lượng chứ không ở chất; một người có số tiền nhỏ còn số tiền của người kia lớn hơn một chút, nhưng ăn xin vẫn là như nhau.

Cuộc sống đi tới chỗ chấm dứt và kẻ ăn xin vẫn chỉ giữ số tiền; người đó không có thời gian để nhìn vào bên trong. Và một điều là chắc chắn: kẻ ăn xin tin rằng điều mình thiếu, người khác có, và người đó phải lấy nó từ họ. Liên tục ăn xin, người đó trở nên đóng chốt lại trong ý tưởng rằng bất kì cái gì đáng xin đều ở người khác: "Tôi không có nó."

Điều tôi đang nói là đúng cho tất cả chúng ta. Bất kì khi nào chúng ta thấy cái gì đó chúng ta thích, nó thuộc về người khác. Phương tiện đáp ứng cho các ham muốn của chúng ta bao giờ cũng qua người khác, bao giờ cũng bằng người khác. Cho nên chúng ta cứ ăn xin, ăn xin và việc ăn xin liên tục này tạo thành một thói quen mạnh mẽ và không để cho chúng ta có cách nào nhìn vào bên trong mình.

Cho nên bây giờ hiền nhân này nói rằng ngay cả những người có thể cố gắng trở thành tốt hơn không qua tiền bạc hay qua danh vọng mà qua tất cả những ý định

'thiện' - qua việc theo đuổi tôn giáo, qua hành vi từ thiện, qua việc tìm kiếm chân lí, qua việc tìm kiếm sattva này, qua thanh thân - những thứ không ai coi là xấu cả...

Một người tích lũy tiền của; bất kì ai cũng có thể nhìn xuống việc tích lũy của người đó. Thế rồi một người tích lũy tri thức tôn giáo, nhưng không ai sẽ nhìn xuống tích lũy này, mặc dầu cả hai trong họ đều làm cùng một điều - đáp ứng cho ham muốn tích lũy. Mọi người sẽ nói rằng người tích lũy của cải là đang chông chất rác rưởi; và vậy mà người đang chông chất tri thức tâm linh lại được ca ngợi vì người đó đang trên hành trình đức độ, hành trình tôn giáo. Nhưng đồng tiền vô giá trị của tri thức tâm linh chỉ có sẵn ở bên ngoài như tiền bạc mà thôi.

Có những đồng tiền của trí thức nữa. Một người ghi nhớ các kinh sách và trở thành khôn ngoan. Nhưng kinh sách cũng chỉ là một phần của cái bên ngoài như tiền bạc. Người đó không đặt của cải này vào chỗ an toàn mà vào trí nhớ của mình. Trí nhớ cũng là chỗ an toàn. Và theo một cách nào đó người này còn lâu lỉnh hơn, tính toán hơn, bởi vì kết sắt nhà băng có thể bị phá vỡ, có thể bị đánh cắp, nhưng khó mà đánh cắp được từ cái tủ khoá có tên trí nhớ. Chừng nào một người như Mao còn cai trị xã hội, khó mà đánh cắp được từ nó. Nhưng điều đó là có thể.

Bây giờ các nỗ lực đang được thực hiện để can thiệp vào trí nhớ của bạn, để cho bản thân bạn không còn là người chủ của nó nữa. Những thiết bị tẩy não đã được làm ra - não bạn có thể bị tẩy đi, xoá sạch hoàn toàn.

Sau chiến tranh Triều Tiên, Trung Quốc đã làm những thực nghiệm tẩy não triệt để lên những tù nhân chiến tranh Mỹ và một sự kiện thú vị được đưa ra ánh sáng, và thông tin này là có giá trị. Sự kiện này là ở chỗ chỉ năm phần trăm số người mới bị phát sinh vấn đề trong việc tẩy não. Không có vấn đề gì với chín mươi lăm phần trăm còn lại, bởi vì chín mươi lăm phần trăm này không phải là người chủ của trí nhớ của riêng mình, họ có thể dễ dàng bị tẩy não. Trí nhớ bị xoá đi bằng một phương pháp đơn giản, và người đã bị tẩy não không thể chú ý được tới những thay đổi mà mình đã trải qua - quên mất những khái niệm, niềm tin và ý thức hệ cũ.

Stalin và Mao cả hai đã làm những thực nghiệm có ý nghĩa - nguy hiểm, và chống lại tự do con người, nhưng có ý nghĩa bởi vì họ đã làm lộ ra vài điều. Một người không phạm tội giết người có thể bị làm cho phải thú nhận rằng mình đã làm điều đó, và người đó thậm chí còn phát biểu điều này trước toà. Và điều ngớ ngẩn đã xảy ra: kẻ giết người thực đã bị bắt, và vậy mà người bị tẩy não lại đã thú nhận về tội ác mà mình không phạm phải và đã bị treo cổ vì việc đó. Và người đó đã thú nhận không bị sức ép nào. Điều mới về việc đó là ở chỗ người đó không bị đánh đập hay bị buộc phải thú nhận, người đó đơn giản bị tẩy não và rồi bị làm cho phải thú nhận. Một khi đã bị tẩy não, dễ đặt bất kì cái gì vào trí nhớ.

Nếu một người bị giữ cho thức trong bảy ngày và không được phép ngủ thì người đó sẽ trở thành bị loạn trí. Người đó sẽ không rõ ràng được về trạng thái của mình - liệu người đó đang mơ hay đang ngủ hay đang thức. Nếu người đó không được phép ngủ hay mơ hay trong bảy ngày, người đó sẽ bắt đầu mơ mà mắt vẫn mở; thế thì người đó sẽ không chắc chắn liệu bức tường trước mình có thực tồn tại hay chỉ dường như ở đó thôi.

Ngay khi người đó không thể phân biệt giữa mơ và thực, người đó trở thành mong manh, bất kì cái gì đều có thể được đặt vào hoặc lấy ra khỏi bộ não của người đó. Tại thời điểm mong manh này những băng ghi âm được bật lên đem cho người đó những ý tưởng mới và xoá đi những ý tưởng khác. Người đó bây giờ dễ bị ảnh hưởng, và sẽ chấp nhận bất kì điều gì bạn bảo người đó; bất kì điều gì bạn nhồi nhét vào người đó đều sẽ đi sâu vào trong vô thức của người đó. Người đó thậm chí có thể thú nhận trước toà rằng mình đã giết người bởi vì ý nghĩ đó đã được đặt sâu vào trong tâm trí người đó. Người đó không thể phủ định nó - điều đó vượt ra ngoài sự kiểm soát của người đó. Bản thân người đó bây giờ tin rằng mình đã phạm tội ác, bởi vì trí nhớ của người đó đã bị can thiệp vào.

Nhưng mãi tới gần đây không ai có khả năng tấn công và phá vỡ cái kết sắt của trí nhớ, cho nên những người khôn ngoan đã viết - họ không nên được gọi là người trí huệ, họ chỉ là những học giả có hiểu biết... họ đã viết rằng tiền bạc có thể bị đánh cắp, nhưng tri thức thì không. Nhưng bây giờ nó cũng có thể bị đánh cắp, bởi vì nó cũng chỉ là một sự tích lũy. Thói quen tích lũy là như nhau, chẳng có khác biệt gì về điều người ta tích lũy - tem bưu điện, của cải hay tri thức - chẳng khác biệt gì. Niềm vui tích lũy thuộc vào bên ngoài.

Đó là lí do tại sao biết bao nhiêu giá trị được đặt vào vô sở hữu, vào không tích lũy. Vô sở hữu không có nghĩa là từ bỏ vật sở hữu bên ngoài, nó có nghĩa là việc từ bỏ thái độ và ham muốn tích lũy. Chỉ thế thì cuộc hành trình bên trong mới là có thể.

Sattva, ngoan đạo, cũng là một loại tích lũy. Ai đó tự hào nói, "Tôi đã nhịn ăn ba tháng." Người đó không tích lũy gì cả, thậm chí không thức ăn tích lũy vào bên trong thân thể. Người đó thậm chí không

tích lũy thức ăn vào trong thân thể - trong ba tháng đó thân thể người đó mất trọng lượng; người đó mất đi cái gì đó và chẳng tích lũy gì. Nhưng người đó đã tích lũy giá trị công đức tôn giáo ba tháng nhịn ăn! Người đó đã tích lũy điều này. Bây giờ người đó muốn khoe rằng mình đã nhịn ba tháng. Đây là cùng một thái độ tích lũy.

Người khác nói, “Tôi đã làm từ thiện nhiều lắm.” Trong việc làm từ thiện người ta không tích lũy; ngược lại, trong việc làm từ thiện người ta mất. Người ta mất tiền nhưng lại tích lũy tự hào về từ thiện: “Tôi đã làm từ thiện nhiều lắm.”

Một người đàn ông đã tới cùng với vợ mình để gặp tôi. Người vợ đã quen tôi, và cô ấy đã tới để giới thiệu chồng mình cho tôi. Vào lúc giới thiệu cô ấy nói rằng chồng cô ấy đã đem mười vạn đồng ru pi làm từ thiện. Người chồng ngắt lời, “Không, không, đây là mười vạn mười nghìn.” Nó đã được đem cho đi rồi, nhưng tự hào về việc cho được tích lũy lại. Chúng ta không chỉ đếm cái chúng ta sở hữu, chúng ta đếm cả cái chúng ta cho đi. Việc đếm vẫn tiếp tục.

Chúng ta thậm chí còn tích lũy cả ngoan đạo - chúng ta nhớ bất kỳ cái gì thiện chúng ta đã làm. Nhưng kì lạ là chúng ta chọn không nhớ khi chúng ta làm cái gì đó xấu. Cho nên tội nhân không có nhiều tuyển tập về những việc làm ác của mình. Người khác có thể nghĩ anh ta là xấu, nhưng anh ta nói, “Cái gì, tôi sao?” Nhưng cái gọi là người thiện cũng tích lũy những hành động thiện của mình. Cũng khá ngạc nhiên điều thường xảy ra là tội nhân lấy bước nhảy để đi vào bên trong mình còn sớm hơn cái gọi là người thiện. Đó là vì, theo một cách nào đó tội nhân trống rỗng bên trong; người đó không giữ bản kê gì về điều mình đã làm bởi vì bản kê đó là không dễ chịu. Bất kỳ điều gì người đó đã làm, bản thân người đó không thích là mình đã làm nó, do đó người đó không giữ lại bản kê nào về nó cả.

Nhưng người 'thiện'... người đó giữ bản kê về mọi thứ người đó đã làm. Có lẽ người đó đếm ngay cả cái người đó không làm; người đó thổi phồng bản kê lên. Có thể nhiều thứ có trong tâm trí người đó, nhưng không cần, mà người đó vẫn cứ tính tới nó. Việc tích lũy này là chướng ngại.

Chuyện xảy ra nhiều lần rằng ngay cả một Valmiki nào đó, Angulimal nào đó - toàn tội phạm - đặt tới chân lí trong khoảnh khắc. Điều này là vì việc tích lũy những hành động thiện là chướng ngại còn lớn hơn tội ác. Kẻ tội phạm có thể thu thập cái gì? Người đó biết rằng người đó chẳng là gì cả, không có vị trí gì - vô ngã là có thể. Nhưng với một người 'thiện' thì có quá nhiều bản ngã.

Hiền nhân này nói rằng ngay cả sattva, cảm giác về việc là 'thiện', cũng là một bệnh tật. Đây là một phát biểu rất bạo dạn. Không tôn giáo nào ngoài Ấn Độ nói rằng ngay cả điều thiện cũng là bệnh tật. Điều ác đã được gọi là bệnh tật, tội lỗi đã được gọi là bệnh tật, nhưng cái thiện chưa bao giờ bị gọi là bệnh tật cả. Chắc chắn không tôn giáo nào sinh ra bên ngoài Ấn Độ có khả năng siêu việt lên trên đạo đức, do đó không ai có thể trở nên mang tính tôn giáo theo nghĩa thực.

Khi phương Tây trở nên quen với trí huệ phương Đông, lần đầu tiên họ sửng sốt bởi vì những phát biểu này dường như là phi tôn giáo, chúng là những phát biểu rất hỗn loạn. Nếu bạn bảo một người rằng việc tích lũy hành vi thiện cũng là bệnh tật, thế thì bạn đang cho phép người đó đi lạc lối. Nhưng điều đó là hiểu lầm. Những người có thể nói rằng thậm chí việc tích lũy hành vi thiện là bệnh tật, tất nhiên họ hàm ý rằng việc tích lũy hành vi ác là bệnh tật còn lớn hơn. Bệnh tật là việc tích lũy, cho nên tích lũy công đức tôn giáo và điều đó trở thành bệnh tật. Tất nhiên hành vi ác là bệnh tật; không có nhu cầu để nhắc tới nó, nó là hiển nhiên. Nó không cần được thảo luận nữa.

Bảo ai đó rằng ăn cắp là tội lỗi chứng tỏ rằng xã hội còn chưa được tiến hoá tới mức những điều như vậy vẫn còn phải được phát biểu ra. Nhưng phải quan niệm về việc không phải là kẻ cắp thì cũng là một tội lỗi. Và phát biểu này là có thể khi xã hội đã đi ra ngoài giới hạn nào đó mà việc ăn cắp tự nhiên được hiểu là tội lỗi. Thế thì sẽ không có nhu cầu nói về nó!

Khi người Ki tô giáo lần đầu tiên nghiên cứu Upanishads họ rất sửng sốt; chẳng có gì như mười điều răn trong Upanishads cả - không ăn cắp, không ham muốn vợ người khác, không ngoại tình. Họ hỏi, “Mười điều răn ở đâu? Giáo lí cơ bản ở đâu?”

Họ đã không nhận biết rằng người viết ra những lời kinh này đã biết rằng nói về mười lời răn là ngây thơ; rằng điều này chỉ thích hợp cho xã hội nguyên thủy nơi mọi người cần được bảo cho rằng không nên phạm ngoại tình, rằng không nên ham muốn vợ người khác; rằng đây là điều ác. Những phát biểu như vậy truyền đạt rằng những bài học sơ đẳng vẫn còn được dạy. Thời điểm vẫn còn chưa tới khi bản ngã đức độ, bản ngã của người không ham muốn vợ người khác, cũng được coi là tội lỗi. Việc tự ý thức về cái thiện này cũng là tội lỗi, bởi vì điều này cũng làm mạnh cho bản ngã.

Sattva cũng là bệnh tật - bệnh 'thiện'. Điều đó xảy ra cho người thiện; dẫu sao đi chăng nữa nó cũng xảy ra. Bởi vì bệnh tật này mà hoá ra người thiện thường tỏ ra còn tồi hơn cả người xấu, bởi vì họ có tự cao về việc là thiện và điều này tạo ra địa vị thống trị; tự cao tạo ra một loại cảnh nô lệ nguy hiểm được áp đặt lên người khác.

Không dễ gì là con của cái gọi là người bố 'thiện'. Người bố ngoan đạo tỏ ra hà khắc với đứa con đến mức hà khắc này có thể trở thành nguyên nhân cho đứa con biến thành kẻ ác. Quá mạnh mẽ hướng tới trở thành thiện cũng trở thành hấp dẫn biến thành ác. Và nếu người bố thiện tới mức con ông ấy không thể siêu việt lên trên điều thiện của ông ấy thì chỉ còn mỗi một phương án, đó là vượt lên trên ông ấy qua làm điều ác. Đó là lí do tại sao cái gọi là bố 'thiện' nói chung có con không thiện - lí do là rất hiển nhiên: cái thiện thường lệ, lặp lại trở thành chán. Cái thiện có lỗi trong nó - rằng người khác thậm chí không thể nói với bạn rằng bạn sai. Cho nên kiêu ngạo của bạn không thể bị thách thức.

Tôi đã nghe nói về Rinzai, một thiền sư. Đôi khi ông ấy sẽ làm những điều không thiện, mặc dầu ông ấy có cùng tâm cỡ như Phật. Những người biết ông ấy rõ đều đã hỏi nhiều lần, “Sao thầy lại làm những hành vi nhỏ nhen thế, đem lại sỉ nhục không cần thiết và làm xấu đi tên tuổi thầy?”

Rinzai hay đáp lại, “Ta chỉ là con người trong những con người mà thôi, bằng không thì ta đã là siêu nhân. Nếu ta trở thành thiện đến mức ta không có cái ác, đã trở thành hoàn toàn siêu nhân; ta trở thành nặng như hòn đá cho mọi người. Ngay cả đệ tử của ta cũng phê phán ta và do vậy họ cảm thấy nhẹ nhõm, và khi họ có thể

cười ta khi vắng ta, ta được cứu thoát khỏi làm cho họ thành kẻ thù của ta.”

Đây là điều đáng ngạc nhiên thực. Ông ấy phải là một con người kì lạ, nhưng ông ấy có sáng suốt lớn về tâm lí con người.

Thầy giáo giỏi biết rõ rằng học trò phải có cơ hội cười sau lưng mình. Đây là cách tẩy rửa giận dữ mà chúng tích lũy lại trong năm hay sáu giờ bị bắt buộc ngồi trước thầy.

Cho nên người tốt trở thành rất nặng nề, nhưng điều đó chỉ xảy ra nếu sattva, lòng tốt, của họ, là bệnh tật của họ, không phải là chính bản tính của họ.

Khi hiền nhân này nói rằng sattva cũng là bệnh tật, ông ấy không nói rằng là một sattvik, một người làm điều thiện, là bệnh tật. Điều ông ấy ngụ ý là ở chỗ việc tích lũy điều thiện và hành vi thiện và việc gắn nó với bản ngã là bệnh tật. Cái cảm giác rằng ‘Mình là người thiện’ là bệnh tật; làm việc thiện không phải là bệnh tật. Người thiện thực sự thì thiện đến mức người đó bao giờ cũng tha thứ ngay cả cho điều ác.

Bayazid, nhà huyền môn Sufi, đi hành hương trong những ngày lễ Ramadan, thời gian nhịn ăn. Ông ấy có một trăm đệ tử đi cùng mình. Đó là ngày đầu tiên của kì nhịn ăn và họ vừa mới vào thị trấn đầu tiên thì một người nào đó tới và bảo Bayazid rằng một người yêu ông ấy, một thợ làm giày, đã bán ngôi nhà mình chỉ để thu xếp đồ ăn cho Bayazid và cho đệ tử của ông ấy; rằng người đó đã mời cả thị trấn tới ăn bởi vì thầy của người đó đã tới thị trấn này. Người đó đã bán mọi thứ, nói ngày mai sẽ chăm lo cho ngày mai.

Bayazid chấp nhận lời mời và tới, và ngồi xuống ăn. Các đệ tử đều lúng túng, họ thực sự bị bối rối. Họ có thêm một cái cớ để cảm thấy tiếc vì phí hoài kiếp sống của mình cùng với con người tham lam này, Bayazid, người bị quá ám ảnh với việc ăn thức ăn ngon đến mức ông ấy xé bỏ lời nguyện nhịn ăn. Bayazid bắt đầu tận hưởng thức ăn với niềm thích thú lớn. Khi Bayazid ăn, các đệ tử cũng phải ăn. Nhưng Bayazid thấy vui thích trong việc ăn, trong khi các đệ tử lại chịu đựng việc phá bỏ nhịn ăn của mình.

Muộn trong đêm, khi mọi người đã đi, các đệ tử xô lại Bayazid và nói với ông ấy, “Phải có giới hạn chứ! Chúng tôi đã không trông đợi điều này từ thầy. Thầy đã quên rồi sao? Thầy đã quên về nhịn ăn rồi sao? Hay thức ăn này hấp dẫn thầy nhiều thế?”

Bayazid đáp, “Vấn đề không phải là thức ăn - chúng ta có thể kéo dài việc nhịn ăn của mình thêm một ngày nữa. Nhưng người nghèo này, người đã bán mọi thứ để thu xếp thức ăn cho chúng ta sẽ cảm thấy bị tổn thương nếu chúng ta nói về việc nhịn ăn của mình. Điều đó sẽ là tội lỗi. Thật vô ích mà đi nói về điều đó; chúng ta có thể kéo dài việc nhịn ăn của mình thêm một ngày, có hại gì trong việc đó đâu? Tại sao cứ quả quyết tính thiêng liêng của mình mạnh mẽ thế? Và cẩn thận! - có những hoàn cảnh khi người ta muốn khẳng định tính thiêng liêng của mình.”

Điều này là rất tinh tế. Và đó là một cơ hội tốt - cả thị trấn sẽ nhận ra rằng Bayazid thực sự là thánh nhân - nhưng ông ấy đã buông bỏ cơ hội này để trở nên nổi tiếng là một thánh nhân vĩ đại. Thậm chí không có một nhắc nhở nhỏ nhất nào rằng họ đang trong kì nhịn ăn.

Điều này tôi gọi là lòng tốt, điều này tôi gọi là người sattvik – người có lòng tốt. Ngay cả khi ngoan đạo phải được công bố, phải được quảng cáo, hay trông đợi được kính trọng, nó trở thành bệnh tật.

Hiền nhân này đã gọi đức độ là bệnh tật thứ năm. Tội lỗi là bệnh tật trên toàn thế giới, đức độ là bệnh tật chỉ ở Ấn Độ. Ngay cả đức độ cũng là tội lỗi, đức độ là bệnh tật, bởi vì cái cảm giác rằng “Mình đã làm điều tốt” tạo ra bản ngã tinh tế, và cảm giác này rằng “Mình có thể làm điều tốt,” tạo ra bản ngã như một người làm. Tại Ấn Độ người ta hiểu rằng trong thế giới này chẳng cái gì là tội lỗi ngoại trừ bản ngã. Đó là lí do tại sao bất kì cái gì tạo ra bản ngã cũng đều trở thành tội lỗi.

Bồ đề đạt ma tới Trung Quốc từ Ấn Độ. Nhiều khát sĩ Phật tử đã sang Trung Quốc - hàng nghìn và hàng nghìn khát sĩ. Hoàng đế Vũ đã chi hàng triệu bạc cho việc dịch kinh sách Phật giáo, ông ấy đã xây dựng hàng trăm chùa chiền. Thế rồi tin lan tới là Bồ đề đạt ma, con người của trí huệ tối thượng đã tới, cho nên Hoàng đế Vũ ra tận biên cương của vương quốc để nghênh

đón ông ấy. Ngay sau nghênh đón, Hoàng đế Vũ hỏi Bồ đề đạt ma câu hỏi đầu tiên của mình: “Quả nhân đã xây dựng nhiều chùa chiền, nhiều nhà khách, chi tiêu hàng triệu hàng triệu bạc; quả nhân đã cho dịch kinh sách Phật giáo và nuôi dưỡng hàng nghìn khát sĩ mỗi ngày. Quả nhân sẽ được thưởng gì về tất cả những việc làm đức độ này?”

Bồ đề đạt ma đáp, “Ông sẽ xuống địa ngục, thẳng xuống địa ngục.”

Vũ hỏi ông ấy, “Ông nói gì vậy? Địa ngục sao? Ông đùa à?”

Không khát sĩ nào đã dám nói điều này, trong thực tế mọi khát sĩ đều đã nói rằng nhà vua là con người vĩ đại và đức độ. Họ phải đều là kẻ ăn xin, không phải khát sĩ. Bằng việc nói với nhà vua, “Bệ hạ là người vĩ đại và đức độ,” những kẻ ăn xin này có thể xoay xở kiếm được phượng tiện sinh sống từ nhà vua.

Họ tất cả đều nói, “Bệ hạ là người vĩ đại và đức độ; không ai đã từng làm việc từ thiện nhiều thế. Biển tên của bệ hạ sẽ được khắc bằng chữ vàng trên thiên đình, cung điện của bệ hạ đã được chuẩn bị bên cạnh chính Thượng đế...”

Bồ đề đạt ma nói, “Ông sẽ đi thẳng xuống địa ngục.” Phát biểu của Bồ đề đạt ma đã không hấp dẫn Vũ.

Điều đó sẽ không hấp dẫn cho bất kì người đức độ nào, rằng đức độ cũng là tội lỗi.

Vũ nói, “Quả nhân không thể chấp nhận được lời của ông.”

Bồ đề đạt ma nói, “Thế thì ta từ chối vào vương quốc tội lỗi của ông, ta quay về. Ta sẽ ở ngoài vương quốc của ông. Cái ngày ông biết rằng đức độ cũng là tội lỗi, ta sẽ vào.”

Bằng cách nào đó điều này tất cả đã bị bỏ qua và quên mất. Vũ trở thành chống đối Bồ đề đạt ma, và các sư khác cũng quay sang chống lại ông ấy... họ đã phó thác hi vọng của mình vào ông ấy, rằng việc tới của ông ấy sẽ mở rộng công việc. Hoàng đế đã sẵn lòng, nhưng Bồ đề đạt ma làm hỏng mọi sự.

Sau mười năm Vũ đã trên giường chết, và khi nỗi sợ bắt giữ ông ấy thì ông ấy nhớ tới Bồ đề đạt ma. Ông ấy có thể thấy rằng mặc cho biết bao nhiêu việc làm đức độ mà cái chết với ông ấy cũng là một như cái chết của kẻ tội lỗi, ông ấy già yếu hơn trong tuổi già như bất kì kẻ tội nhân nào cũng vậy. Sau khi làm bao nhiêu

việc làm đức độ vẫn chẳng có an bình vào lúc chết, cho nên làm sao ông ấy lại có thể an bình được sau cái chết? Tâm trí hoàng đế rất bối rối.

Ông ấy cho mời Bồ đề đạt ma đến: “Mời ông ấy lại, ta đã phí hoài mười năm. Hôm nay ta cũng cảm thấy rằng ta đang đi thẳng xuống địa ngục.”

Nhưng Bồ đề đạt ma cũng đã chết. Tuy nhiên ông ấy có một thông điệp được viết trên nắm mồ mình, biết rằng “Nếu không phải hôm nay, ngày mai, hay vào thời điểm chết, Hoàng đế Vũ sẽ nhớ tới ta.” Bởi vì tự lừa dối mình thì dễ trong khi người ta còn sống, khi người ta còn đang vui vẻ phấn chấn và dưới tác động của ảo tưởng của cái gọi là cuộc sống. Người ta hiểu ra tình huống thực chỉ khi cái chết tiến tới.

Bồ đề đạt ma đã nói, “Vũ sẽ nhớ tới ta vào lúc chết của ông ấy. Cho nên đây là thông điệp của ta cho hoàng đế, ghi điều đó lên nắm mộ của ta: ‘Ông đã làm việc thiện cả đời mình. Nếu ông có thể buông bỏ những việc thiện đó ngay từ bây giờ, vào lúc chết, cánh cửa của thiên đình là rất gần.’” Vứt bỏ găng bó của bạn với việc mang tính đức độ. Bạn đã vứt bỏ nhiều thứ để được đức độ, bây giờ vứt bỏ ngay cả cái đức độ đó.

Điều đó là rất khó. Rất dễ vứt bỏ dây xích sắt, nhưng rất khó vứt bỏ dây xích vàng, chúng có vẻ giống như đồ trang sức. Và đức độ! - cái gì còn vàng son hơn đức độ đây? Nó là vàng ròng, người ta không dám vứt nó đi. Nhưng ai đó người nhận ra rằng dây xích vẫn cứ là dây xích thì thấy chẳng có gì phân biệt giữa xích sắt và xích vàng cả. Các bức tường nhà tù có thể được trang hoàng như tường lâu đài, điều đó cũng chẳng tạo ra khác biệt gì. Bản ngã là nhà tù, do đó hiền nhân này đã nói về năm bệnh tật. Chừng nào người ta còn chưa biết tới đặc trưng của năm bệnh tật này, chừng nào người ta còn chưa đi vào trong bản chất của năm bệnh tật này, người ta không thể nào thoát khỏi được chúng. Trong thực tế không có cách nào để gạt bỏ đi bất kì cái gì ngoại trừ bằng việc biết nó. Việc biết một mình nó là tự do, việc biết một mình nó là giải thoát. Ngay khi chúng ta biết một điều trong tính toàn bộ của nó, chúng ta trở nên tự do với nó.

Dốt nát là tù túng, không hiểu biết là tù túng. Tự do xảy ra với hiểu biết. Giận dữ chiếm hữu chúng ta trong khi chúng ta không biết nó. Ngay chúng ta biết giận dữ của mình, ngay chúng ta đi vào trong các tầng của nó, ngay chúng ta thấy giận dữ trong sự trần trụi của nó, chúng ta được tự do khỏi giận dữ.

Sau việc biết thì chẳng cái gì còn cần được làm về tự do nữa: cố hiểu trí huệ sâu sắc này của các nhà tiên tri phương Đông. Không phải là trước hết bạn cần biết giận dữ là gì và thế rồi bạn phải làm điều gì đó để vứt bỏ giận dữ - không. Khái niệm phương Đông là ở chỗ việc biết là tự do, chẳng cái gì cần được làm bên ngoài việc biết. Nếu việc làm là cần thậm chí sau việc biết, điều đó nghĩa là việc biết vẫn còn chưa đầy đủ.

Các bệnh tật tâm lí không đòi hỏi trước hết phải chẩn đoán rồi mới chữa. Bản thân chẩn đoán chúng là việc chữa rồi. Tại sao? Bởi vì các bệnh tâm lí là do dốt nát, chúng không có nguyên nhân khác.

Chẳng hạn, trời tối và trong bóng tối này có rắn và bọ cạp. Thế rồi bạn thắp đèn lên. Bây giờ hai bước phải xuất hiện. Tất cả rắn và bọ cạp bây giờ sẽ trở thành thấy được, mặc dầu chúng sẽ chưa biến mất bởi vì chúng không chỉ là tác động của bóng tối, bóng tối chỉ là nguyên nhân của việc không thấy được

chúng. Nhưng bây giờ trời không tối và rần là thấy được. Tuy nhiên không ai có thể nói rằng rần đã biến mất chỉ bởi vì đèn đã được thắp sáng; bước tiếp là ở chỗ rần và bọ cạp phải bị loại bỏ. Cho nên một mình việc hiểu chưa đủ, cái gì đó thêm nữa cần được làm, một bước nữa cần tham dự vào.

Nhưng một điều nữa đang xảy ra bên cạnh: khi đèn được thắp sáng, bạn có loại bỏ bóng tối đi không? Bạn có bao giờ tự hỏi: Được rồi, đèn đã thắp sáng, nhưng bây giờ làm sao tôi loại bỏ đi bóng tối được? Không, nguyên nhân của bóng tối là việc thiếu vắng ánh sáng.

Đau ốm thể chất yêu cầu cả chẩn đoán và chữa chạy. Nhưng với các bệnh tật của tâm thức thì bản thân chẩn đoán là việc chữa chạy... ngọn đèn được thắp sáng và bóng tối ra đi. Bệnh tật của tâm thức cũng giống thế này.

Hiền nhân này nói:

Khi linh hồn được hiện thân bị đồng nhất với bản chất của năm nút này, thì nó không thể tự do khỏi chúng mà không tự hiểu mình.

Chúng ta làm gì? Chúng ta trở nên bị đồng nhất với chúng và chúng ta thu được các thuộc tính của chúng. Làm những hành động đức độ chúng ta trở thành đức độ, thường xuyên làm những hành vi thiện chúng ta trở thành thiện, thực hiện những hành vi ác chúng ta trở thành tội nhân - bất kì điều gì chúng ta làm, chúng ta đều trở thành một với nó. Sự đồng nhất này bản thân nó là dốt nát của bạn. Nếu bạn muốn biết, cần phải đứng ra từ một khoảng cách. Một chút ít khoảng cách, một chút ít lỗ hổng là cần để biết. Trong thực tế chúng ta chỉ có thể biết cái mà chúng ta thấy từ một khoảng cách, bằng không thì chúng ta không thể biết được. Bất kì điều gì chúng ta muốn biết, trước hết phải được đặt trước mắt chúng ta để quan sát.

Nếu bạn muốn biết giận dữ, điều đó là không thể biết được khi bạn bị đồng nhất với giận dữ. Giận dữ chỉ có thể được biết sau khi tách bạch giận dữ ra khỏi bản thân người ta, bằng việc vượt ra ngoài giận dữ để nhìn vào nó một cách trung lập, như chúng ta làm với một vật... giống như nhà khoa học trong phòng thí nghiệm của mình quan sát một sự vật từ một khoảng cách.

Thiền là khoa học của việc đặt bản thân người ta ra một khoảng cách. Việc nhìn vào bệnh tật tâm trí của riêng mình từ một khoảng cách, và đi hoàn toàn vào trong những cái nút này, trở thành sự giải thoát.

Vì năm nổi ưu phiền này linh hồn giống như bệnh tật tinh vi, nên linh hồn được biết tới như ling sharir, sự đồng nhất thân thể.

Đây là nút trong tim.

Đó là bệnh tật cơ bản của trái tim. Bệnh này thực tế là bệnh nơi chúng ta bị mắc kẹt. Năm bệnh này cùng nhau tạo ra một bệnh, và bệnh đó là sự đồng nhất - chúng ta trở thành một với điều chúng ta làm. Ăn cắp, chúng ta trở thành kẻ cắp; thiền, chúng ta trở thành con người tâm linh; chúng ta trở thành một với điều chúng ta làm, chúng ta không thể vẫn còn tách rời khỏi nó.

Nếu chúng ta hiểu điều này đúng, đây là ý nghĩa của tính chất sannyas: trong khi chúng ta đang làm bất kì cái gì chúng ta không trở thành người làm, chúng ta chỉ vẫn còn là người quan sát. Ý nghĩa cơ sở của tính chất sannyas là ở chỗ chúng ta thực hiện các hành động, nhưng chúng ta lại không trở nên bị dính líu với chúng nhiều hơn là một diễn viên. Chúng ta có thể đóng một vai trong vở kịch sân khấu, nhưng ngay khi chúng ta rời sân khấu, chúng ta bỏ vai diễn mình vừa đóng. Diễn viên bỏ lại vai diễn của mình đằng sau. Khi người đó nằm trên giường người đó không tự hỏi về điều gì có thể xảy ra bây giờ cho quý bà chính đã gặp rắc rối trong vở kịch. Nhưng đôi khi những ảo tưởng như vậy vẫn xảy ra.

Tôi đã nghe nói rằng có lần rắc rối xảy ra trong vở kịch về câu chuyện cuộc sống của thần Rama.

Diễn viên đóng vai Ravana, một tá điền, đã đóng vai đó hàng năm và cô gái đóng vai Sita, vợ Rama, cũng đã đóng vai của mình trong nhiều năm. Mọi năm anh ta đều đóng vai Ravana, bắt cóc Sita và giam giữ cô ta trong khu Vườn Ashoka của mình - cùng trò chơi tình nghịch mọi năm. Nhưng chàng diễn viên này lại đâm ra yêu cô gái kia.

Vở kịch Ramaleela đã xảy ra lần nữa. Khi tới phần buổi lễ mà trong đó Sita sẽ chọn chồng, Ravana cũng tới như một người cầu hôn có thể trong buổi lễ. Thế rồi các sứ giả tới với tin tức rằng lửa đã

bùng ra ở Lanka, kinh đô vàng của Ravana. Nhưng Ravana đáp lại, một cách bất ngờ, “Mặc xác đám cháy đấy! Lần này, ta sẽ không đi đâu nếu không cưới nàng.” Anh ta cầm lấy cái cung của Thần Shiva vẫn được dành cho việc thử để tìm ra người cầu hôn đúng và bẻ nó vụn thành từng mảnh.

Janak, bố của Sita, lâm vào tình thế khó khăn; điều này không có trong vở kịch, nó là một vấn đề bất ngờ. Công chúng cũng bị ngạc nhiên - điều gì đang diễn ra vậy? Điều gì sẽ xảy ra bây giờ? - Sita có lấy Ravana không? Nhưng Janak là một người lão luyện và có kinh nghiệm. Anh ta đã đóng vai của mình trong nhiều, nhiều năm cho nên anh ta có thể ứng khẩu luôn. Anh ta gọi những người hầu tới và quát lên, “Sao chúng mày lại để cung và tên đồ chơi cho trẻ con ở đây? Hãy đem cái cung thật của Thần Shiva lại đây.” MÀN hạ xuống, và diễn viên khác được đem vào để đóng vai Ravana... bởi vì diễn viên ban đầu vẫn còn la hét rằng anh ta sẽ không đi nếu không cưới Sita.

Bây giờ anh chàng đáng thương đóng vai Ravana này phải không ngủ ngon được ban đêm. Với anh ta chuyện diễn không còn là vấn đề đóng kịch nữa, nó đã trở thành cái gì đó rất thật!

Tính chất sannyas nghĩa là buông bỏ sự đồng nhất tinh tế này với thân thể. Nó có nghĩa là trạng thái mà bạn đã tạo ra bằng việc đồng nhất bản thân mình với những bệnh này, như bạn dường như là vậy, sự đồng nhất thân thể đó phải ra đi.

Cái chiếu sáng tại đó khi tâm thức là kshetranya, người biết.

Người biết, nhãn quan người biết, cảm nhận nó tất cả ở bên trong sự đồng nhất thân thể này. Nhưng chúng ta không nhận biết về nó chút nào; người biết này bị lạc trong số tất cả những cái chúng ta biết. Phát hiện ra người biết đó là khoa học của tôn giáo.

Câu hỏi này đã được hỏi: Ai là *sakshi*, nhân chứng? Ai là *kootastha*, người ngụ ở chỗ sâu nhất? Ai là *antaryami*, người biết về tất cả các ý nghĩ và cảm giác?

Ba người này là các chiều của linh hồn trong ba hoàn cảnh khác nhau. Điều đó giống thế này: bạn là bố trong quan hệ với con bạn, là chồng trong quan hệ với vợ bạn, là con trong quan hệ với bố bạn. Giữa các bạn bè thì bạn không nằm trong những quan hệ

này. Trong văn phòng bạn thậm chí không là bạn, nhưng mặc cho tất cả những điều này bạn là một và cùng một người.

Sakshi, kootastha và antaryami là tên của các chiều hướng trạng thái khác nhau của linh hồn. Tất cả ba đều không là gì khác ngoài linh hồn, nhưng ba từ này được dùng trong ba hoàn cảnh khác nhau. Cố hiểu các hoàn cảnh.

Người biết việc sinh và sự tan biến của người biết, việc biết và đối tượng của việc biết, thì là bản thân mình không có sinh hay tan biến, sự tự toả sáng này được gọi là sakshi, nhân chứng.

Nếu bạn đi vào trong bản thân mình, bất kì cái gì bạn đi tới biết, bạn cũng không thể là cái đó. Nhớ lời kinh này: bất kì điều gì bạn có thể biết, bạn không thể là cái đó, bởi vì bạn bao giờ cũng là người biết. Cho nên điều đó nghĩa là bất kì điều gì bạn biết, bạn đều đứng đằng sau hiểu biết đó, bằng không bạn sẽ không biết nó. Bất kì điều gì có thể được biết, bạn đều không thể là cái đó. Nguyên lí cơ bản, nền tảng, mật chú hạt mầm của sadhana yoga, công phu thiền, là: bạn không thể là cái bạn biết.

Bạn có thể biết khi bạn nhắm mắt rằng thân thể vật lí của mình tồn tại quanh mình. Bạn có thể biết, bạn có thể cảm thấy cái đau của gai mắc vào chân bạn; bạn có thể biết nhịp tim mình đập - bạn có thể biết tim mình đang đập nhanh khi bạn lo âu, bạn có thể cũng biết nhịp tim chậm đi khi bạn an bình. Cho nên người biết là khác với nhịp tim, khác với cái đau ở chân, khác với hình dạng của thân thể này, bởi vì nhị nguyên là cần thiết để biết.

Nhị nguyên là điều tiên quyết cho việc biết, lỗ hổng là cần để biết. Việc biết xảy ra bởi vì lỗ hổng đó, bằng không thì không có việc biết. Đó là lí do tại sao khi bạn nhìn vào bóng mình trong gương, bạn phải giữ một khoảng cách nào đó. Nếu bạn tới rất gần và bạn đặt đầu mình vào gương, sẽ khó thấy bóng mình trong gương. Bạn có thể thấy một chút ít bởi vì vẫn còn lỗ hổng, nhưng bạn càng thu nhỏ khoảng cách, lỗ hổng, càng khó thấy được cái gì. Nếu không có lỗ hổng nào giữa bạn và gương, bạn sẽ không thể nào thấy được cái gì cả. Khoảng cách nào đó là cần cho việc biết, hay thấy.

Hiền nhân này nói: Tất cả những cái được sinh ra, được tạo ra và bị phá huỷ, tất cả những điều này được biết bởi

người ngụ bên trong.

Trong đêm, khi giấc ngủ bắt đầu hạ xuống, bạn sẽ biết nó đang hạ xuống. Một điều là chắc chắn: bạn không phải là giấc ngủ, bằng không thì ai biết nó? Người mà giấc ngủ đang hạ xuống phải tách rời khỏi nó.

Vào buổi sáng bạn ngồi cạnh cửa, mặt trời đã lên, ánh nắng lan trải; bạn biết mặt trời đang chói sáng. Thế rồi mặt trời lên trên bầu trời và hơi nóng tăng lên, thế rồi mặt trời ở trên đầu bạn, trưa rồi. Bạn không phải là buổi trưa, không là buổi sáng. Thế rồi đến tối mặt trời lặn, bóng tối buông xuống; bạn nhận biết về bóng tối buông xuống, điều có nghĩa là bạn không phải là bóng tối.

Buổi sáng xảy ra, buổi trưa xảy ra, thế rồi buổi tối tới; bạn biết mặt trời lên, khi nó ở trên đỉnh, và mặt trời lặn. Bạn không thể là một với mặt trời được, bạn là tách rời với nó. Tương tự, bất kì cái gì xảy ra trong cuộc đời bạn đều được biết tới bởi một người ngụ bên trong. Và điều thú vị là ở chỗ bạn không bao giờ có thể bắt giữ được người biết này.

Cố hiểu.... Bạn có vết đau ở chân. Bạn biết rằng có cái đau ở chân mình, cho nên người biết đã trở nên tách rời với cái đau ở chân. Bây giờ bạn cũng có thể biết rằng bạn biết cái đau ở chân. Bây giờ bạn đã đi ra đằng sau việc biết này. Cố hiểu điều đó cho đúng: bạn có chỗ đau ở chân, bạn biết cái đau trong chân, do đó việc biết của bạn là tách rời với cái đau ở chân bạn. Nhưng bạn cũng biết rằng bạn biết cái đau ở chân. Thế thì việc biết thứ hai này đã đi ra đằng sau việc biết thứ nhất.

Bạn có thể biết ngay cả việc biết này, cái sẽ là việc biết thứ ba. Và thế thì ngay cả việc biết này cũng có thể được biết - điều đó sẽ là việc biết thứ tư. Một điều là chắc chắn, rằng bất kì cái gì bạn biết, bạn có thể đi lùi lại từ đó; bạn sẽ không bao giờ bị bắt trong bất kì việc biết nào, bạn bao giờ cũng sẽ vẫn còn là người biết, không phải là cái biết được. Người biết tối thượng này, cái ta chứng kiến tối thượng này đằng sau mọi việc biết, chính là điều bí ẩn. Nó rất bí ẩn.

Có lẽ đây là bí ẩn sâu sắc nhất trong cuộc sống, rằng chúng ta không thể thu bản thân mình thành một vật, cái được quan sát, bằng bất kì phương tiện nào; chúng ta bao giờ cũng vẫn còn là

người biết, người quan sát. Đó là lí do tại sao một người như Mahavira, một người đã tìm kiếm sâu về cái ta chứng kiến tối thượng, đã nói rằng thật vô nghĩa mà nói rằng vẫn còn người biết trong trạng thái tối thượng của bản thể, chỉ việc biết là tồn tại ở đó. Bởi vì cho dù chúng ta có duy trì ở đó một người biết, người biết mọi việc, chúng ta lại đi tới biết người biết đó, chúng ta đã lùi xa đằng sau nó. Chúng ta chỉ nên nói rằng đơn giản chỉ có việc biết. Cho nên Mahavira đã gọi trạng thái tối thượng này là *keval gyan*, chỉ việc biết; thậm chí không người biết, không cái được biết, chỉ việc biết - việc biết thuần túy. Và việc biết thuần túy này cứ lùi xa mãi đằng sau mỗi việc biết.

Người biết bí ẩn này, người kinh nghiệm bí ẩn này, đã được gọi là sakshi, cái ta chứng kiến. Cái ta là nhân chứng, bởi vì người biết, cái biết và việc biết, tất cả ba đều được sinh ra từ nó và tan biến vào trong nó, nhưng nhân chứng bao giờ cũng còn lại đứng ngoài.

Trong tiếng Anh có một từ, một từ rất quý, 'ecstasy' (trạng thái mê li), giúp cho người ta hiểu khái niệm về cái ta chứng kiến. Ecstasy tại gốc của nó nghĩa là, 'đứng ra ngoài'. Ecstasy nghĩa là, ở ngoài đó. Dù bạn có cố gắng theo bất kì cách nào, cũng không có cách cho bạn ở bên trong kinh nghiệm này; bạn bao giờ cũng ở ngoài cái có thể được kinh nghiệm. Bất kì khi nào bạn đứng, bạn đều 'đứng ngoài'.

Đó là lí do tại sao các nhà huyền môn phương Tây dùng từ 'ecstasy' cho samadhi, việc thức tỉnh tối thượng. Ecstasy nghĩa là cái ta chứng kiến. Ecstasy không nói tới samadhi, nó nói tới việc chứng kiến. Bạn có làm cái gì cũng chẳng thành vấn đề, bạn cố gắng bao nhiêu, cũng không có cách nào bạn có thể làm cho cái ta chứng kiến khác hơn bản thân nó, nó vẫn còn là nhân chứng.

Đây là một định nghĩa tình huống của linh hồn.

Mọi định nghĩa đều mang một chiều hướng đặc thù. Đó là lí do tại sao không một định nghĩa nào có thể truyền đạt được toàn thể bản chất của linh hồn, và điều đó cũng là lí do tại sao lại có nhiều khác biệt thể giữa các tôn giáo. Không có các lí do nền tảng cho những sự khác biệt này - tôn giáo này nhấn mạnh vào định nghĩa này của linh hồn tương ứng theo chiều này, trong khi tôn giáo

khác lại nhấn mạnh định nghĩa khác theo chiều khác. Những định nghĩa này sẽ có vẻ là khác nhau. Theo nghĩa này thì Upanishads vượt ra ngoài tất cả các tôn giáo bởi vì chúng chấp nhận mọi định nghĩa. Định nghĩa này về cái ta chứng kiến do triết học Jaina, tôn giáo Jaina đưa ra.

Câu hỏi thứ hai là: Kootastha, cái không thể huỷ diệt nổi, là gì? Hiền nhân này nói:

Cái cư ngụ trong tâm thức của mọi sinh linh sống, từ Brahma, vị thần sáng tạo, tới con sâu bọ nhỏ nhất, và cái còn lại ngay cả khi tất cả các những thân thể thô và tinh không còn nữa, được gọi là kootastha, cái không thể huỷ diệt nổi.

Cái còn lại... cái còn lại ngay cả sau sự huỷ diệt của mọi thể được gọi là linh hồn kootastha - cái bao giờ còn lại. Làm bất kì cái gì bạn muốn, nó vẫn còn lại.

Ngay cả khoa học cũng chấp nhận rằng vật chất có một dạng kootastha bởi vì vật chất là không thể huỷ diệt nổi, chúng ta không thể phá huỷ được nó. Chúng ta có thể thay đổi hình dạng của nó, nhưng điều đó không phải là huỷ diệt - nó là sự biến đổi. Trạng thái kootastha của vật chất bao giờ cũng còn lại, và Upanishad nói rằng tâm thức nữa cũng có trạng thái kootastha vốn là vĩnh hằng.

Bạn có thể là đứa trẻ, thanh niên, ông già; bạn có thể trở thành tội nhân hay người đức độ; bạn có thể bỏ mọi tội lỗi của mình, từ bỏ giá trị tôn giáo của mình, từ bỏ đam mê của tuổi xuân, trở thành già cả, vẫn còn trong thân thể hay rời khỏi thân thể - làm bất kì cái gì bạn mong ước - nhưng sau khi tất cả những điều này đã bị phá huỷ, cái vẫn còn lại, cái không thể huỷ diệt được, là kootastha.

Đây là định nghĩa thứ hai về linh hồn. Điều này nữa cũng thuộc vào một hoàn cảnh đặc biệt; đây là từ khía cạnh của cái huỷ diệt được và cái không huỷ diệt được; điều này được gọi là kootastha. Trong chiều của hiểu biết nó là sakshi, nhân chứng, còn trong chiều của cái không thể huỷ diệt nổi thì nó là kootastha, cái không thể huỷ diệt nổi.

Chỉ như một sợi chỉ xuyên qua từng hạt của chuỗi hạt, linh hồn len vào từng tế bào của thân thể để cho nó có thể trở nên nhận biết về bản tính đúng của mình từ trong các đặc trưng khác nhau. Cái

một này được gọi là antaryami, người biết về tất cả các ý nghĩ và cảm giác.

Hai định nghĩa trước có hơi chút quá xa xôi với bạn, bởi vì là nhân chứng là trạng thái tối thượng của việc biết và để đạt tới trạng thái của cái không thể huỷ diệt nổi, bạn phải hoàn toàn sẵn sàng chết như bạn hiện hữu.

Để biết nhân chứng người ta phải đi sâu vào trong sự thuần khiết của việc biết tối thượng nơi không sự vật nào còn lại và chỉ người biết còn lại, nơi không có gì còn lại để được biết, chỉ người biết còn lại. Đây là một quá trình rất gay go của việc loại trừ - cứ phủ nhận bất kì cái gì bạn đi tới biết, vứt đi bất kì cái gì trở thành đối tượng của hiểu biết.

Điều thú vị là để ý rằng mặc dầu bạn đã bắt đầu cuộc hành trình của mình để biết, bất kì cái gì bạn biết cũng sẽ phải được vứt đi, chỉ thế thì việc biết tối thượng mới xảy ra. Bất kì cái gì trở thành kinh nghiệm, nói, "Nó là vô dụng." Đây là kỉ luật gian truân! Bất kì cái gì trở thành một phần của kinh nghiệm của bạn, tuyên bố nó là vô dụng. Cho dù kinh nghiệm về điều thiêng liêng xảy ra, trở nên nhận biết rằng, "Mình là cái ở bên ngoài cái đó," bởi vì bất kì cái gì có thể trở thành kinh nghiệm, "Mình không phải là cái đó." Cho nên Mahavira và Phật đơn giản phủ nhận sự tồn tại của Thượng đế; họ nói bất kì cái gì có thể được kinh nghiệm đều không phải là nó.

Mọi người nói rằng họ đã kinh nghiệm Thượng đế, rằng họ đã thấy Thượng đế, rằng họ đã có thoáng nhìn về Thượng đế. Nếu bạn đã có thoáng nhìn về Thượng đế, một điều là chắc chắn: rằng bạn thậm chí chưa có thoáng nhìn về cái ta riêng của mình, bởi vì bất kì cái gì bạn có thể thấy đều trở thành một vật, người khác, và bạn vẫn còn ở ngoài nó. Cho nên ở đây bạn thậm chí đã vượt ra ngoài Thượng đế!

Chắc chắn bất kì điều gì bạn đã thoáng nhìn, đã kinh nghiệm, đều phải là tưởng tượng riêng của bạn, không phải Thượng đế. Thượng đế là nhân chứng vĩnh hằng, điều thiêng liêng. Ngài được biết tới khi tất cả các kinh nghiệm tan biến đi. Nói về kinh nghiệm về Thượng đế là dốt nát. Không thể có kinh nghiệm về

Thượng đế được. Ngay cả nói như vậy cũng là vô dụng. Nó là biến mất của tất cả các kinh nghiệm.

Cho nên một người như Phật trở thành không thể nào hiểu được với chúng ta bởi vì ông ấy đưa ra lời phát biểu tối thượng. Ông ấy phủ nhận sự tồn tại của Thượng đế, linh hồn và giải thoát, bởi vì bất kì cái gì trở nên được biết thì đều vô dụng, và cái mà không được biết, dùng từ nào, làm sao cho nó cái tên? - cho nên Phật vẫn còn im lặng.

Bất kì khi nào ai đó hỏi Phật về cái thực sự tồn tại, ông ấy sẽ đáp, "Nếu ta nói điều gì đó thì nó cũng trở thành một vật, do đó ta sẽ không nói về nó." Ông ấy gợi ý cứ phủ định mọi kinh nghiệm và mọi đối tượng của hiểu biết. Theo cách này, một ngày nào đó bạn sẽ đi tới một điểm nơi không cái gì còn lại cả.

Thật khó để điều này được hiểu: chúng ta tìm tòi để đạt tới cái gì đó, còn Phật nói rằng chẳng cái gì còn lại cả. Điều đó nghĩa là gì? Điều đó không có nghĩa là không có gì, nhưng có nghĩa là không có gì còn lại để được biết, không cái gì được kinh nghiệm, không cái gì được nhận ra - không đối tượng biết được, không người biết và không tri thức. Bộ ba của việc biết biến mất, nhưng cái còn lại là tất cả.

Nhưng những định nghĩa này có chút xa xôi với bạn. Định nghĩa thứ ba mà có thể cảm thấy gần hơn cho bạn là: Cái đang sống trong từng tế bào của thân thể, len qua năm thể như sợi dây xuyên qua những hạt của chuỗi hạt, chìm trong năm bệnh tật, làm rối rắm trong thế giới....

Chỉ các hạt là của thế giới; sợi dây bao giờ cũng là của linh hồn. Chỉ các hạt mới là của thân thể, của bệnh tật; sợi dây bao giờ cũng là của linh hồn. Điều quan trọng nhất trong chuỗi hạt là sợi dây. Các hạt không thể làm ra vòng hạt được nếu không có sợi dây; hạt sẽ lăn ra khắp chỗ, vòng hạt sẽ tản mát. Sợi dây là mối nối giữ chúng lại với nhau. Nhưng sợi dây là không thấy được, chỉ các hạt mới là thấy được. Cho nên bất kì ai chưa thấy vòng hạt được làm ra sẽ không hiểu sự tồn tại của sợi dây nếu vòng hạt bỗng nhiên được đặt trước người đó; người đó sẽ chỉ thấy các hạt vì sợi dây là không thấy được, nó ẩn kín bên trong các hạt.

Chúng ta cũng trong cùng tình huống: thân thể là thấy được nhưng sợi dây lại không. Mọi thứ là thấy được trừ sợi dây, và chúng ta cứ nhảy từ hạt nọ sang hạt kia. Những thân thể này là không thể có được nếu không có linh hồn - nhưng linh hồn là không thấy được. Thân thể này gần thân thể kia, hạt này gần hạt kia, đến mức bạn trượt từ hạt này sang hạt tiếp, sang hạt tiếp, và cứ bỏ lỡ sợi dây.

Dù chúng ta là cái gì bên trong tất cả những thân thể này, mọi bệnh tật này, ở đó linh hồn không chỉ là kootastha và sakshi, nó cũng là antaryami, người biết về tất cả những ý nghĩ và cảm giác. 'Antaryami' nghĩa là, nó là ở đây nữa. Chỗ kia, trong trạng thái tối thượng mà chúng ta gọi là nhân chứng, nó chắc chắn hiện hữu.

Khi chúng ta đi tới điểm của triệt tiêu tối thượng tất cả, cái còn lại chúng ta gọi là kootastha, cái không thể huỷ diệt nổi, bởi vì nó sẽ vẫn còn; nhưng nó ở đây nữa, bên trong chúng ta như chúng ta hiện hữu.

Tại đây nó là không thấy được, tại đây nó bị giấu kín dưới các hạt; tại kia nó sẽ hiện hữu mà không có các hạt che phủ, tại kia chỉ sợi dây còn lại. Tại đây có nhiều hạt và nó ở bên trong chúng, nhưng dầu vậy thì nó vẫn ở đây. Bởi vì cái mà tồn tại ở kia thì cũng phải ở đây nữa; bằng không đơn giản sẽ không có cách nào đạt tới đó. Do đó nó đã được nói:

Chỉ như một sợi chỉ xuyên qua từng hạt của chuỗi hạt, linh hồn len vào từng tế bào của thân thể để cho nó có thể trở nên nhận biết về bản tính đúng của mình từ trong các đặc trưng khác nhau. Cái một này được gọi là antaryami, người biết về tất cả các ý nghĩ và cảm giác.

Bắt đầu cuộc hành trình từ người biết về tất cả những ý nghĩ và cảm giác, làm việc chứng kiến chìa khoá của nỗ lực tâm linh của bạn, và cái mà không thể bị huỷ diệt sẽ là cái đạt tới. Bắt đầu tại antaryami, thực hành sakshi, và kootastha là cái đạt tới.

Đủ cho hôm nay.

11 Vĩnh hằng là gì?

Linh hồn, thực tại tối thượng, được gọi là twam, người, khi tự do khỏi mọi tướng mạo

- chân lí, trí huệ, cái vô hạn, chỗ của phúc lạc - cũng như vàng khi tự do khỏi mọi hình dạng vòng đeo hay mũ miện.

Linh hồn vậy được hiển lộ trong tự tính của riêng nó, cảm nhận và ý thức.

Brahman, thực tại tối thượng, là chân lí.

Nó là vô hạn và là chỗ của việc biết. Chân lí là không thể huỷ diệt được.

Cái không bị huỷ diệt, ngay cả như trung gian của không gian, thời gian và sự vật bị phá huỷ, là avinashi, cái không thể bị huỷ diệt nổi.

Những đồ trang sức có thể được làm ra từ vàng và nhiều hình dạng là có thể - đẹp hay xấu - nhưng hình dạng không phải là vàng. Dầu sao đi chăng nữa thì hình dạng không thể xuất hiện được nếu không có vàng, nó không thể tồn tại một mình được. Hình dạng không có sự tồn tại độc lập, nó xuất hiện chỉ khi nó bao cái gì đó.

Cho nên vàng có thể lấy nhiều hình dạng, nhưng không hình dạng nào là vàng cả. Vàng là tự do với mọi hình dạng, đó là lí do tại sao hình dạng này có thể đổi thành hình dạng khác. Nếu như vàng mà có hình dạng cố định, thế thì nó không thể lấy hình dạng khác được. Tuy nhiên chúng ta chưa bao giờ thấy vàng mà không có hình dạng - bất kì khi nào chúng ta thấy nó, nó đều có hình dạng. Nhưng vàng cũng có thể thay đổi hình dạng của nó - hôm nay nó là vòng đeo, ngày mai nó có thể được đúc khuôn thành hình dạng khác nào đó, và ngày kia lại một cái gì khác nữa. Hình dạng thay đổi, nhưng bản chất bên trong của vàng là bất biến. Cho nên chúng ta không thể thấy vàng vô dạng, ấy vậy mà vàng không phải là hình dạng.

Hiền nhân này bắt đầu nói với ví dụ này. Ông ấy nói: “Bất kì cái gì chúng ta thấy trong thế giới này tất cả đều là hình dạng. Cơ

sở trên đó hình dạng xuất hiện là vô dạng, và việc tìm kiếm cái vô dạng này là việc tìm kiếm chân lí. Nhưng để tìm nó, hình dạng phải bị vứt bỏ. Tất cả các hình dạng và tất cả các thuộc tính đều cần bị dẹp đi, tất cả mọi giới hạn phải được siêu việt lên, chỉ thế thì người ta mới có thể đạt tới cái vô hạn, cái vô giới hạn, cái vĩnh hằng.”

Tâm trí được bao quanh bởi hình dạng. Quen biết đầu tiên của người ta chỉ là với hình dạng; hình dạng là cái đầu tiên được thấy. Cái vô dạng không thấy được ở bên ngoài; bất kì cái gì thấy được ở bên ngoài thì tất cả đều là hình dạng. Đó là lí do tại sao chúng ta trở nên bị ám ảnh với hình dạng và quên mất rằng *cái đó* phải là vô dạng, bằng không làm sao nó có thể lấy nhiều dạng thế?

Cái là hạt mầm hôm nay sẽ trở thành cây ngày mai. Hạt mầm mà có thể trở thành cây phải chứa cái gì đó vô dạng bên trong, cái có thể lấy hình dạng của hạt mầm cũng như hình dạng của cái cây. Cái vô dạng đó phải ẩn giấu trong hạt mầm bởi vì một hạt mầm đó có thể tạo ra đủ cây bao phủ toàn bộ trái đất. Một hạt mầm tạo ra một cây, và một cây mang hàng triệu hạt mầm. Nếu chúng ta gieo hàng triệu hạt mầm, từng và mọi hạt mầm đến lượt chúng sẽ mang hàng triệu hạt mầm nữa; một hạt mầm có thể bao phủ toàn bộ trái đất bằng cây cối. Chỉ trái đất mới có thể hết chỗ, từ chối nó và nói, “Đủ rồi! Đừng thêm nữa.”

Có biết bao nhiêu thứ ẩn chứa bên trong một hạt mầm mà không thể được chứa bên trong hình dạng vật lí của nó. Hình dạng của hạt mầm là không có ý nghĩa, gần như là cái không. Cái là vô dạng phải được ẩn giấu bên trong hạt mầm, bởi vì một hạt mầm có thể mang vô số hạt mầm. Hình dạng không thể tạo ra cái vô hạn được; bất kì cái gì được sinh ra từ hình dạng đều sẽ hữu hạn. Hạt mầm phải có khả năng hữu hạn, chỉ thế thì hình dạng của nó mới có nghĩa gì đó. Nhưng tôi đã bảo các bạn rằng một hạt mầm có thể tràn đầy cả trái đất - cho dù điều này chỉ là một cách diễn đạt. Bằng không, nếu chúng ta mở rộng toán học của nó một cách đúng đắn, một hạt mầm có thể rót đầy cả vũ trụ, và ngay cả vũ trụ cũng trở thành không đủ và hạt mầm yêu cầu nhiều không gian hơn bởi vì sẽ không có chỗ dút cho nó.

Một hạt mầm tạo ra triệu hạt mầm, và từ triệu đó, lại hàng triệu và hàng triệu hạt mầm... không có chấm dứt cho nó.

Cho nên cái gì được ẩn kín trong hạt mầm đầu tiên mà có thể được hàm chứa trong bản thân hình dạng? Cái vô hạn không thể bị hàm chứa trong cái hữu hạn. Hình dạng chỉ có thể hàm chứa cái hữu hạn. Bản thân hình dạng là giới hạn, cho nên làm sao nó có thể hàm chứa cái vô dạng, vô giới hạn được? Cho nên khi chúng ta chỉ thấy hình dạng trong hạt mầm, đấy là lỗi của tầm nhìn của chúng ta bởi vì chúng ta không có khả năng thấy toàn bộ hạt mầm với mọi tiềm năng của nó. Cái mà có thể hiện hữu được, theo một cách nào đó, là vốn có trong nó ngay bây giờ, bằng không thì làm sao nó có thể biểu lộ được trong tương lai? Nếu một hạt mầm này không hàm chứa tất cả các hạt mầm của thế giới, làm sao chúng có thể biểu lộ trong tương lai? Chúng được ẩn kín trong nó hôm nay, ở đây và bây giờ, chỉ mắt chúng ta không có khả năng thấy chúng. Cho nên hình dạng của hạt mầm là ảo tưởng của chúng ta - bản chất thực của hạt mầm là vô dạng. Bất kì chỗ nào hình dạng được thấy, đấy là vì tầm nhìn sai sót của chúng ta.

Cũng giống như nhìn bầu trời qua cửa sổ. Nếu bạn chưa bao giờ thấy bầu trời bên ngoài, bầu trời sẽ trông dường như nó bị đóng khung. Hình dạng của cửa sổ sẽ dường như là hình dạng của bầu trời. Cửa sổ đem hình dạng cho bầu trời - nhưng bầu trời là vô dạng. Ngay cả khi chúng ta đứng bên ngoài nhà mà nhìn lên trời và không có cửa sổ, thế nữa thì trái đất lại vận hành giống cửa sổ và bầu trời dường như được uốn vòm. Lí do duy nhất cho cái dáng uốn vòm của bầu trời là ở tính tròn của trái đất. Bầu trời không tròn - trái đất trở thành cửa sổ và cho nó hình dạng. Mắt chúng ta không nhiều hơn cửa sổ; mắt chúng ta sẽ ấn định một hình dạng trên bất kì cái gì chúng ta thấy.

Cho nên, trong thực tế, nhìn ra bên ngoài chúng ta bao giờ cũng gặp hình dạng và không thấy cái vô dạng. Để tìm cái vô dạng chúng ta phải nhìn vào bên trong nơi chúng ta có thể gạt bỏ mọi cửa sổ. Với mắt nhắm chúng ta không cần nhớ tới cửa sổ - chúng ta không cần mắt nào, cửa sổ nào, hay thậm chí trái đất nào. Đi vào bên trong, chúng ta đi vào trong cái vô dạng.

Chân lí tồn tại ở bên trong và bên ngoài, nhưng trước hết người tìm kiếm phải biết chân lí bên trong. Cái này người đó biết tới cái vô dạng bên trong, cái vô dạng trở thành rõ ràng ở bên ngoài nữa. Thế thì hình dạng còn lại chỉ trên bề mặt như một dáng vẻ, do tự người ta tạo ra.

Cái vô dạng này là tự do với mọi mô tả như chân lí, trí huệ, cái vô hạn, chỗ của phúc lạc, nó là tâm thức và việc biết tựa vàng ròng. Khi một tâm thức như vậy được kinh nghiệm... lời kinh này rất quý giá... khi một tâm thức như vậy được kinh nghiệm thì nó được gọi là *twam*; nó được gọi là người, không phải tôi.

Khi chân lí vô dạng được kinh nghiệm, không có cách nào để nói tôi, bởi vì tôi là một giới hạn. Và điều bạn đã gọi là tôi mãi cho tới nay không tồn tại nữa. Bây giờ phải gọi nó là gì? Nó bao quanh bạn từ mọi hướng, nó hiện diện bên trong và bên ngoài. Mà chúng ta chỉ có hai từ chúng ta có thể dùng: hoặc tôi hoặc người. Chúng ta không thể nói tôi, bởi vì chỉ với sự biến mất của tôi thì vô dạng mới được kinh nghiệm. Cho nên với sự không thích hợp của ngôn ngữ chỉ còn lại một cách để mô tả nó, và đó là gọi nó là người. Cho nên những người sùng kính đã gọi thực tại tối thượng là người.

Lí do đầu tiên để gọi nó là người là bởi vì không có cách nào gọi nó là tôi cả. Thực tế, gọi nó là người cũng không phải, bởi vì người bao giờ cũng trong quan hệ với tôi; nó là mối quan hệ. Chừng nào mà tôi có đó, ai đó tồn tại như người. Và khi người có đó, tôi nữa cũng tồn tại. Trong những khoảnh khắc như vậy người ta kinh nghiệm cái vô tích sự của ngôn ngữ. Tôi không thể được nói bởi vì nó không còn nữa; nói người cũng khó khăn, bởi vì thế thì ai sẽ nói nó? Ai sẽ nói người? Nhưng nếu cái gì đó phải được nói, thế thì nói người còn đúng hơn là nói tôi. Cho dù điều đó là không đúng, nói người là không đúng, dầu vậy vẫn tốt hơn khi được so sánh với nói tôi... ít nhất nó cũng truyền đạt việc vắng bóng của tôi. Đây là lí do thứ nhất.

Thứ hai là chúng ta có thể đã gọi nó là *cái đó* - không tôi, không người, mà là *cái đó*. Người trí huệ cũng đã gọi nó là *cái đó*. Nhưng khi sự tồn tại được gọi là *cái đó*, dường như không còn mối quan hệ yêu thương nào trong nó; nó có vẻ dường như là

một đối tượng. Chúng ta dùng 'cái đó' cho sự vật, và người cho cá nhân. Và khi kinh nghiệm về điều thiêng liêng xảy ra, nó không giống như việc kinh nghiệm một vật, nó giống như việc kinh nghiệm một thực thể tối thượng - cái sống tối thượng tràn đầy tình yêu vô hạn đang mưa xuống. Kinh nghiệm này giống như việc ôm chàng người yêu, cho nên gọi nó là 'cái đó' sẽ là bất kính, còn gọi nó là tôi thì lại ở ngoài vấn đề. Hiền nhân này gọi điều này là tâm thức thuần khiết, không có mọi thuộc tính và tự do với mọi hình dạng, twam, hay người. Martin Buber, một nhà tư tưởng Do Thái vĩ đại của thế kỉ hai mươi, đã viết một cuốn sách, *Tôi và Người*. Ông ấy là một trong số ít những người trong lịch sử nhân loại đã giải nghĩa mối quan hệ sâu sắc nhất giữa tôi và người.

Con người có thể sống theo ba cách: giữ tôi ở trung tâm và làm người thành ngoại vi - cách mọi người thường sống - tôi bao giờ cũng ở trung tâm, người ở ngoại vi. Chúng ta dùng người, chúng ta khai thác người, và chúng ta thiết lập mối quan hệ với người, nhưng bao giờ cũng vì tôi. Ngay cả nếu chúng ta đôi khi buông xuôi theo người, đấy là trong hi vọng để làm cho người buông xuôi vì tôi; nhưng mối quan tâm bao giờ cũng là tôi. Đây là trạng thái của bản ngã - muốn đem cả thế giới về dưới chân bạn và trang điểm cho cái tôi của bạn. Tôi đứng ở trung tâm và toàn bộ thế giới trở thành ngoại vi: đây là trạng thái của tâm trí của người phi tôn giáo.

Trạng thái khác của tâm trí là giữ người ở trung tâm và tôi ở ngoại vi. Trạng thái này là nơi chỉ một khao khát còn lại và đó là buông xuôi bản thân mình, xoá bỏ bản thân mình, nơi chỉ một khát khao còn lại và đó là làm sao làm tan biến cái tôi vì người. Đây là trạng thái của người sùng kính, của người tôn giáo: người còn lại và tôi cứ lùi dần, co lại. Tôi trở thành một ngoại vi mỏng, người trở thành trung tâm mạnh. Đây là trạng thái vô ngã.

Có trạng thái thứ ba mà bao giờ cũng khó diễn đạt, nơi không người không tôi tồn tại - không ngoại vi không trung tâm tồn tại. Những người như Phật đã cố gắng diễn đạt trạng thái này nhưng họ đã thất bại. Không có cách nào diễn đạt nó, bởi vì mọi ngôn ngữ đều xoay quanh tôi và người. Chính việc sinh thành của

ngôn ngữ là trong đối thoại giữa tôi và người. Do đó ngôn ngữ là không có khả năng truyền đạt cái ở bên ngoài tôi và người. Đó là lí do tại sao hiền nhân này phải gọi nó là *twam*, người.

Tại đây hiền nhân này đang cố gắng phạm phải lỗi lầm ít nhất, nhỏ nhất. Chân lí toàn bộ không thể được nói ra, do đó cái phi chân lí gần nhất với nó, cái phi chân lí ít nhất, mới được nói ra. Trạng thái này không thể được diễn đạt một cách đích xác bởi vì không tôi không người tồn tại ở đó, nhưng một cách diễn đạt nào đó về nó là điều phải có, thông điệp phải được truyền đạt. Trở về từ cõi không biết đó hiền nhân này muốn truyền đạt cho người mình yêu mến điều ông ấy đã biết, điều ông ấy đã thấy.

Cho nên hiền nhân này gọi nó là người. Điều này ông ấy nói cho đệ tử những người đang ngồi cùng ông ấy để học, người đang có đó với niềm khao khát biết. Anh ta được bảo cho rằng khi kinh nghiệm về tâm thức thuần khiết xảy ra, chúng ta gọi nó là người.

Người là một từ đáng yêu, và gần gũi hơn với chân lí. Và nếu ai đó bắt đầu sống cuộc sống của mình định tâm vào việc hiểu về người, điều đó là rất cách mạng.

Toàn bộ công phu tâm linh của Ramakrishna đều xoay quanh người. Nhà huyền môn tên là Totapuri, thực hành *vedanta*, đã tới thăm Dakshineswar nơi Ramakrishna sống. Totapuri hỏi ông ấy, “Sao ông lặp lại người mãi - nhiều người thế? Vứt nó đi, và đến tới nơi không tôi không người tồn tại.”

Ramakrishna là người khiêm tốn như những người sùng kính phải vậy. Đôi khi tính khiêm tốn trở thành một hiện tượng lớn. Ramakrishna nói, “Bày cho tôi cách thức đi. Tôi chấp nhận lời mời của ông.”

Ramakrishna là một người đáng kính. Những người sùng kính của ông ấy gọi ông ấy là *paramahansa*, con thiên nga vĩ đại; hàng triệu người cúi mình dưới chân ông ấy. Totapuri chưa bao giờ trông đợi rằng ông ấy cũng đồng ý học dễ dàng thế. Ngay cả Totapuri, nếu có được hỏi, cũng không nói có dễ dàng thế. “Ta là *brahman* - Ta là Thượng đế,” là mọi điều ông ấy nói. Khi ai đó tuyên bố, “Ta là *brahman*, ta là điều thiêng liêng,” thì chẳng còn lại gì để học nữa. Nếu tuyên bố này là chân lí, không

việc học nào là cần nữa. Nhưng việc tuyên bố này cũng có thể là lừa dối. Nếu nó được nói ra sau khi kinh nghiệm điều thiêng liêng, tốt, nhưng nếu nó được nói ra trong khi vẫn dưới cảm dỗ của cái tôi, thế thì nó là nguy hiểm. Bất kì ai cũng có thể vui mừng trong việc nói ra phát biểu này, nhưng nếu kinh nghiệm này thực tế xảy ra, nói “Ta là brahman” chỉ được dùng như phương tiện diễn đạt. Thực tế, tốt hơn thì phải nói, “Cái tôi không còn tồn tại nữa và chỉ brahman hiện hữu.”

Totapuri ngạc nhiên, nhưng ông ấy không nhận biết rằng người giữ người ở trung tâm có thể dễ dàng đồng ý với bất kì cái gì - miễn là người thực sự ở trung tâm của họ. Không thể có chuyện tôi là trung tâm được.

Ramakrishna đã đồng ý và nói, “Đem ta tới nơi mà không tôi không người tồn tại.” Đây là cách thức của ai đó giữ người ở trung tâm.

Chuyện xảy ra theo cách thật ngạc nhiên: khi Totapuri hỏi, “Ông có sẵn sàng toàn tâm toàn ý không?”, Ramakrishna đáp, “Để ta tới đền thờ và hỏi Mẹ, nữ thần Kali, xem liệu ta có thể từ bỏ bà ấy hay không. Để ta xin phép bà ấy để từ bỏ bà ấy.”

Totapuri nói, “Thế thì tất cả mọi việc nói đều vô nghĩa. Nếu ông muốn từ bỏ bà ấy, sao ông cảm thấy cần xin phép? Vậy thì cái gì là cần để xin phép bà ấy ra đi?”

Ramakrishna đáp, “Tôi không còn tồn tại nữa, cho nên làm sao tôi có thể từ bỏ cái gì được? Chỉ bà ấy còn lại - từ bỏ cái gì đó hay không, điều đó tất cả là tùy vào Mẹ. Tôi không hiện hữu, cho nên tôi không thể ra quyết định này được. Cái ngày tôi bỏ lại mọi thứ cho bà ấy thì cũng bao hàm ngay cả quyết định này. Nếu bà ấy không cho phép tôi thì tôi sẽ chết mà không biết, nhưng không có cách nào khác.”

Đây là cảm giác của ai đó người giữ người ở trung tâm - người đó thậm chí đồng ý chết là kẻ dốt nát. Thậm chí không gian nhỏ thế này cũng không có cho cái tôi rằng tôi có thể chọn để quyết định ngay cả về cơ hội cho việc biết tối thượng.

Trong bài hát của mình những người sùng kính nói rằng họ không khao khát giải thoát, tự do, niết bàn, chỉ muốn ở trên phố nơi Krishna đã bước đi là đủ, bởi vì giải thoát là cho cái

tôi, còn nhảy múa trên phố Vrindavan là cái gì đó để làm với người. Đó là lí do tại sao những người sùng kính đã nói, “Chúng tôi không muốn giải thoát, bởi vì giải thoát nghĩa là giải thoát của tôi - sau rốt, điều thiêng liêng không cần tới giải thoát nào. Nhớ điều đó: giải thoát là cho tôi, niết bàn là cho tôi, trí huệ của việc biết là cho tôi. Cho nên họ hát, “Tôi không muốn giải thoát, niết bàn hay trí huệ của việc biết, cứ để tôi lang thang trên con đường nơi điều thiêng liêng có lần đã bước qua, điều đó là đủ.” Đây là cảm giác của người chấp nhận người tại trung tâm.

Có nhiều lí do để gọi tâm thức thuần khiết là người. Một trong chúng là ở chỗ chấp nhận bản chất của tâm thức thuần khiết như người là có ích cho người tìm kiếm

- nó là một giả thuyết rất có ích. Nếu tâm thức được cảm nhận có bản chất của cái tôi, nhiều lúc điều đó có thể là nguy hiểm. Nếu tâm thức thuần khiết được chấp nhận như có bản chất của cái tôi, có chín mươi chín phần trăm cơ hội là thay vì xoá bỏ đi bản ngã, bản ngã sẽ trở nên mạnh hơn.

Upanishads là phải khi họ tuyên bố “*Aham brahmasmi*, ta là điều thiêng liêng.” Nhưng tuyên bố này chỉ thỉnh thoảng mới xảy ra, với một trong hàng trăm người đã thấu hiểu.

Tuyên bố này là ngoại lệ. Nó là phát biểu của những người đã làm tan biến mọi thứ vào trong cái tôi của họ, cái tôi của họ trở thành bao la đến độ ngay cả mọi phân biệt về người khác, về người, cũng đã trở thành được hàm chứa bên trong nó. Điều này là cực kì khó bởi vì cái tôi là rất thoả mãn, và toàn bộ thích thú cho cái tôi nằm ở chỗ tương phản với người - bằng không thì nó mất cái duyên dáng của nó. Cái gì là mục đích trong việc tuyên bố tôi, nếu tôi là một mình và không có người, không có người khác tồn tại trên thế giới này?

Đáp ứng cho bản ngã phụ thuộc vào người khác. Đó là lí do tại sao điều rất thú vị là bản ngã có thể tuyên bố bản thân nó là tự do, không nhận biết rằng về cơ bản nó là phụ thuộc, rằng nó không thể tồn tại mà không có người khác. Khi một người nói, “Ta là hoàng đế,” người đó không nhận biết rằng sự tồn tại của mình phụ thuộc vào thần dân của mình, rằng người đó phụ thuộc vào chính những người mà ông ta cai trị. Khi ai đó tuyên bố, “Ta là

chủ,” người đó không biết rằng người đó không thể nào là người chủ mà không có nô lệ - và người đó phụ thuộc vào nô lệ của mình nhiều thế, làm sao người đó có thể là chủ được? Người chủ là phụ thuộc, người đó bị gắn với nô lệ của mình. Mọi tuyên bố của cái tôi, của bản ngã, chỉ tồn tại để làm cho người nhỏ đi.

Bản ngã cũng có thể được đáp ứng theo cách này.

Khi Upanishads tuyên bố “Aham brahmasmi, ta là điều thiêng liêng,” thì thế giới lúc đó do những cư dân hồn nhiên và đơn giản cư ngụ. Nhưng dần dần vấn đề trở nên rõ ràng là giữ cái tôi ở trung tâm là nguy hiểm. Trong việc giữ cái tôi ở trung tâm, chín mươi chín phần trăm mọi người đều đi lạc lối, chỉ một phần trăm mới đạt tới chân lí. Sarvasar Upanishad này được ngụ ý giúp cho đa số những người tìm kiếm bằng việc diễn đạt điều tinh túy của một số lớn chân lí, do đó từ ‘người’ đã được dùng, không phải “Aham brahmasmi, ta là điều thiêng liêng.”

Cho nên sẵn sàng xóa bỏ cái tôi để đạt tới chân lí. Cuộc hành trình này là cuộc hành trình của việc làm tan biến cái tôi. Nếu bạn có thể nhớ trong từng hơi thở rằng cái tôi không tồn tại, rằng chỉ người, điều thiêng liêng, thực tại tối thượng tồn tại, bạn sẽ thấy rằng trong một thời gian ngắn tất cả mọi căng thẳng đều rơi rụng đi, tất cả mọi phiền não của tâm trí đã tiêu tan và lo nghĩ đã biến mất, bởi vì lo nghĩ, phiền não và căng thẳng tất cả đều yêu cầu cái móc của cái tôi để treo lên, bằng không thì chúng không thể treo lên được. Nếu cảm giác này sâu sắc thêm, rằng “Tôi không hiện hữu, chỉ người hiện hữu,” bỗng nhiên một ngày nào đó bạn sẽ thấy rằng những lo nghĩ của bạn đã biến mất, và cho dù bạn có muốn được lo nghĩ thì bạn cũng không thể làm được, bởi vì lo nghĩ là cái bóng của cái tôi. Với biến mất của cái tôi, lo nghĩ cũng biến mất. Thanh bình là cái bóng của người - với việc làm sâu sắc người, thanh bình tự nó nở hoa.

Nietzsche đã cố gắng cả đời mình để sống dường như không có Thượng đế. Ông ấy tuyên bố rằng nếu Thượng đế mà đã từng tồn tại, bây giờ ngài chết rồi. Nietzsche là một thiên tài vĩ đại, ngang hàng với bất kì Phật hay Krishna nào. Ông ấy có một trí tuệ thấu suốt, nhưng việc phủ nhận Thượng đế đã biến trí tuệ của ông ấy thành phiền não, tài hoa của ông ấy biến

thành lo nghĩ. Cũng đáng chú ý rằng khi một người tầm thường mà bị lo nghĩ, lo nghĩ của họ nhỏ mọn; khi một người thiên tài vĩ đại mà lo nghĩ, lo nghĩ của người đó cũng theo cùng tỉ lệ to lớn. Không có phương án nào cho Nietzsche ngoại trừ việc phát điên, loạn trí là kết quả của phủ nhận của ông ấy.

Những thiên tài lớn không có mối lo nhỏ, họ có lo nghĩ lớn.

Nietzsche có thể đã đạt tới an bình của vị phật, ông ấy chẳng thiếu cái gì, nhưng ông ấy chỉ đạt tới cùng điên khùng như hàng nghìn người điên. Và lí do cho điều đó là ở chỗ ông ấy đã cố gắng xây dựng toàn bộ nhân cách của mình trên cái tôi.

Nietzsche đã viết trong nhật kí của mình: “Nếu Thượng đế tồn tại, tôi muốn trở thành Thượng đế số một, và ông ấy có thể được đặt sau tôi. Nếu ai đó có thể trở thành Thượng đế, sao tôi lại không - tôi thiếu cái gì? Hay nếu Thượng đế tồn tại, tôi có thể công bố phủ nhận của mình - tôi tự do để phủ nhận ông ấy. Ít nhất thì tôi cũng toàn bộ trong việc phủ nhận sự tồn tại của ông ấy, tôi không thể bị

bó buộc phải chấp nhận sự tồn tại của ông ấy. Ngay cả Thượng đế cũng không thể buộc tôi phải chấp nhận ông ấy.

Về điểm này tôi còn cao hơn Thượng đế - ông ấy yêu cầu sự thừa nhận của tôi để tồn tại. Nhưng nếu tôi phủ nhận ông ấy, ông ấy chẳng có cách nào làm cho tôi chấp nhận sự tồn tại của ông ấy.” Đây là kết quả của việc sống với cái tôi ở trung tâm.

Rất khó hiểu phiền não của Nietzsche, nhưng chúng ta có thể hiểu những mối lo nghĩ nhỏ mọn bởi vì chúng ta cũng sống với bản ngã.

Thỉnh thoảng làm một thực nghiệm nhỏ; loại bỏ cái tôi ra khỏi trung tâm trong hai mươi tư giờ, và đặt người vào trung tâm. Chỉ trong hai mươi tư giờ nhớ tới người một cách liên tục. Cho dù viên đá có đâm vào chân bạn, cho dù bạn bị xúc phạm, cho dù ai đó ném than hồng vào bạn, cho dù bạn được ca ngợi, cho dù ai đó cúi mình dưới chân bạn - chỉ trong hai mươi tư giờ, nhớ rằng người là ở trung tâm, không phải tôi. Điều đó sẽ là việc bắt đầu mới trong cuộc sống của bạn. Nếu việc nhớ này có thể thực hiện được trong hai mươi bốn giờ - hay thậm chí nếu bạn không thể làm được điều đó, nếu điều đó chỉ trong hai mươi tư phút, bạn sẽ không còn như cũ nữa. Một khi bạn biết tới những khoảnh khắc của thanh

bình của người, bạn sẽ không bao giờ muốn sống với cái tôi nữa. Khi sự nhấn mạnh dịch chuyển từ tôi sang người, điều đó trở thành dễ dàng hơn để nhận ra tâm thức thuần khiết. Hay, nếu tâm thức thuần khiết được đạt tới, thế thì cảm giác ngay lập tức dịch chuyển từ tôi sang người; đó là lí do tại sao tâm thức thuần khiết được gọi là twam, người.

Brahman, thực tại tối thượng, là chân lí.

Nó là vô hạn và là chỗ của việc biết. Chân lí là không thể huỷ diệt được.

Nhiều người đã cố gắng nêu một định nghĩa cho chân lí. Chân lí là gì? Con người đã suy tư về nó từ nhiều khía cạnh. Chân lí là gì? Chúng ta ngụ ý gì bởi ‘chân lí’?

Khoa học coi sự kiện là chân lí, và định nghĩa này ngày nay được chấp nhận rộng rãi. Khoa học nói: sự kiện là chân lí. Sự kiện là cái có thể được kiểm nghiệm và kiểm tra bằng thực nghiệm, với sự kiện có bằng chứng trong thế giới vật chất.

Giả sử tôi giơ tay lên và chỉ một người trong nhiều người ngồi đây nói rằng người đó thấy tay tôi giơ lên còn số còn lại trong các bạn không thấy nó. Khoa học sẽ nói rằng người đó đang mơ, bởi vì người đó không có bằng chứng khác. Nó không phải là sự kiện, bằng không thì người khác những người có mặt đã trông thấy bàn tay giơ lên. Nó phải là mơ. Mơ mang tính cá nhân, sự kiện mang tính tập thể.

Cái bàn trong phòng bạn có thể được mọi người thấy, được mọi người đồng ý, nhưng nếu bạn nói rằng Thượng đế hiện diện trong phòng bạn thì họ sẽ nói,

"Anh có thể thấy ông ấy, nhưng chúng tôi không thấy. Anh phải đang tưởng tượng mọi thứ, anh phải đang mơ."

Điều rất thú vị là không thể chia sẻ mơ được. Hai người không thể thấy cùng một giấc mơ, hay họ có thể tạo ra được? Điều đó chưa xảy ra! Không cộng tác nào, không tình bạn nào là có thể trong mơ, mơ bao giờ cũng mang tính cá nhân. Với khoa học, cái mang tính cá nhân là mơ thì không phải là sự kiện, còn cái mang tính tập thể mới là sự kiện. Với khoa học, chân lí được định nghĩa như là sự kiện.

Upanishads không phản đối gì về định nghĩa này, trí huệ phương Đông không phản đối gì về định nghĩa này. Nhưng trí huệ phương Đông nêu ra một câu hỏi sâu sắc hơn, một câu hỏi mà khoa học không thể nào trả lời được. Trí huệ phương Đông nói: “Chúng ta chấp nhận rằng hiện tượng hiện diện khách quan là chân lí. Nhưng cái hiện diện hôm nay có thể vắng bóng ngày mai và cái vắng bóng hôm qua có thể hiện diện hôm nay. Tại phương Đông chúng ta gọi chỉ những hiện tượng không bao giờ vắng bóng mới là chân lí. Khi nó là vĩnh hằng, chúng ta gọi nó là chân lí - cái còn lại chúng ta chỉ gọi là sự kiện.”

Trí huệ phương Đông tạo ra ba phân chia: mơ là cái thuộc vào tưởng tượng của một cá nhân; sự kiện là cái thuộc vào kinh nghiệm tập thể; chân lí là cái vĩnh hằng. Bởi vì sự kiện không phải bao giờ cũng vẫn còn là sự kiện.... Hôm qua bạn còn trẻ và mọi người đã chứng kiến điều đó; hôm nay bạn không trẻ. Điều gì đã xảy ra cho chân lí? Và nếu chân lí có thể thay đổi giống như thế qua một thời kì mười năm, thế thì sự khác biệt giữa chân lí này và mơ mà vẫn tiếp tục cả đêm và thay đổi qua một khoảng thời gian mười giờ chỉ là khác biệt về thời gian.

Một người mơ trong tám giờ rằng mình là hoàng đế và đến sáng người đó lại trở thành kẻ nghèo túng - nhưng người đó đã là hoàng đế trong tám giờ. Bạn có thể nói rằng bạn đã không là nhân chứng cho điều đó, nhưng tất cả những người hiện diện trong mơ đều là nhân chứng - người mơ không một mình trong mơ; người đó có người hầu và người phục vụ, các quan thượng thư, quân đội, kinh đô lớn - tất cả trong số họ đều là nhân chứng của người đó, và họ đã chấp nhận người đó làm hoàng đế.

Cho nên khác biệt là ở chỗ mơ kéo dài chỉ tám giờ, trong khi tuổi thanh niên của bạn kéo dài mười hay hai mươi năm... khác biệt chỉ về thời gian. Giả sử ai đó còn trong cơn mê trong hai mươi năm và tiếp tục mơ rằng mình là hoàng đế... Điều đó đôi khi xảy ra.

Tôi đã tới một làng nơi một phụ nữ đã trong cơn mê trong chín tháng, và các bác sĩ đều có ý kiến rằng cô ấy có thể còn mê theo cách đó thêm ba năm nữa, sống nhưng trong cơn mê. Nếu người phụ nữ này mà mơ trong chín tháng - và cô ấy phải đã mơ,

thứ nhất bởi vì cô ấy vô ý thức, và thứ hai bởi vì cô ấy là phụ nữ, cô ấy phải đang mơ! Và không có cách nào cho cô ấy biết rằng điều cô ấy đang thấy trong chín tháng chỉ là mơ - và mọi người hiện diện trong mơ đều đồng ý. Mơ có trở thành chân lí chỉ bởi vì nó đã diễn ra trong chín tháng không? Cũng có thể xảy ra là mơ hôm nay có thể trở thành chân lí cho đám đông ngày mai.

Abraham Lincoln có một giấc mơ ba ngày trước cái chết của ông ấy. Ông ấy thức dậy nửa đêm, lay vợ dậy và bảo với bà ấy, “Tôi đã có một giấc mơ gây bối rối trong đó tôi bị ám sát, và xác tôi nằm trong phòng nào đó của Nhà Trắng. Bà đang đứng gần đầu tôi, hai người đàn ông đứng gần chân tôi, một người mặc quần áo đen, nhưng anh ta trông không quen với tôi.”

Bà vợ đáp, “Ông ngủ lại đi, đấy chỉ là mơ.”

Lincoln nói, “Tôi chỉ muốn kể cho bà, có vậy thôi,” và trở lại giấc ngủ.

Ba ngày sau, Lincoln bị ám sát. Ông ấy nằm chết trong chính cái phòng đó. Vợ ông ấy đứng gần đầu ông ấy và hai người đàn ông đứng gần chân ông ấy, một người mặc quần áo đen, và bà vợ biết rằng người đó không quen với Lincoln. Toàn bộ cảnh này là hết nhau.

Cho nên điều gì đó đã là mơ ba ngày trước đã trở thành sự kiện tập thể sau ba ngày. Cho nên có khác biệt mấy giữa mơ và sự kiện? Khác biệt chỉ là ba ngày. Khác biệt chỉ là về một khoảng thời gian nào đó.

Mơ xảy ra đúng, và chân lí trở thành mơ. Điều chúng ta biết như sự kiện thì có thể một ngày nào đó biến mất và rơi vào quên lãng. Hôm nay bạn yêu ai đó và bạn nói, “Anh sẵn sàng chết vì em - tình yêu này là thực.” Rồi ngày mai? - ngày mai thậm chí đến tro của tình yêu cũng mất rồi. Tình yêu này cháy nhiều tới mức nó đáng phải để lại chút khói đằng sau, nhưng sau đó thậm chí cũng chẳng còn dấu vết của khói nữa. Nó chẳng để lại dấu vết gì! Tình yêu này thật thế, thật tới mức bạn đã cho nó cả cuộc sống của mình - bây giờ ai quan niệm nổi rằng tình yêu đó sẽ trở thành không thật vậy?

Người duy vật chỉ làm hai phân chia: một là mơ, không thực, hư cấu; và cái kia là sự kiện, sự kiện bản chất. Sự kiện là

cái được đám đông đồng ý, cái có sự tồn tại vật chất, cái chúng ta có thể kiểm nghiệm và kiểm tra một cách khách quan. Nhưng hiền nhân Upanishad này nói rằng chân lí là cái bất diệt, không thể huỷ diệt được.

Chúng ta tạo ra ba phân chia. Chúng ta gọi cái là kinh nghiệm cá nhân là mơ; nó có thể không nhất thiết là hư cấu, nó có thể lấy hình dạng của sự kiện. Thế rồi cái là kinh nghiệm tập thể được gọi là sự kiện, nhưng nó bao giờ cũng có thể không còn là sự kiện nữa, nó có thể trở thành mơ. Hai điều này không thể được gọi là chân lí: chân lí là cái bao giờ cũng còn lại y hệt - nó không phải là mơ, cũng không là sự kiện. Nó không bao giờ thay đổi, nó không bao giờ biến đổi bản thân mình - nó đơn giản hiện hữu. Không cái gì kém hơn thế lại được chấp nhận là chân lí. Định nghĩa của phương Đông về chân lí đặt nền tảng của nó vào tính vĩnh hằng và tính không thể huỷ diệt được. Đó là lí do tại sao chúng ta gọi thế giới này là *maya*, ảo vọng; không có lí do khác đằng sau nó.

Khi chúng ta nói thế giới này là ảo tưởng, hay như Shankara nói, "Thế giới là ảo tưởng," thì điều đó không có nghĩa là thế giới này không tồn tại, nó có nghĩa là bản chất của thế giới này là ở chỗ nó sẽ không còn lại y nguyên vĩnh viễn. Khi Shankara gọi thế giới này là *maya*, mọi người đã hiểu lầm nó có nghĩa là ảo tưởng, dường như thế giới này là không tồn tại... cây trước bạn là không tồn tại, bạn ngồi đây nhưng bạn lại không hiện hữu... Không! Shankara không ngụ ý điều này. Shankara đang nói rằng bạn có tồn tại, nhưng bản tính của bạn là ở chỗ bạn tồn tại bây giờ và sẽ dừng tồn tại vào ngày mai. Cho nên chúng ta không nói rằng bạn là thực, chúng ta nói rằng bạn là ảo tưởng. Chúng ta gọi chân lí là yếu tố bên trong bạn đang tồn tại bây giờ, sẽ tồn tại ngày mai khi bạn biến mất, cái đã tồn tại thậm chí trước cả việc sinh ra của bạn và sẽ tồn tại khi bạn chết; sẽ tồn tại trong tuổi thanh niên của bạn, trong tuổi già của bạn; cái tồn tại khi bạn ở cực điểm tiếng tăm lừng lẫy và khi bạn rơi vào vực thẳm của nhục nhã, cái tồn tại trong mọi tình huống... trong *mọi* tình huống không tình huống nào tạo ra bất kì khác biệt nào cho sự tồn tại của nó. Chỉ cái đó chúng ta mới gọi là chân lí, tất cả các cái còn lại đều là ảo tưởng.

Cho nên cái gì là khác biệt giữa ảo tưởng và mơ? Với trí huệ phương Đông, mơ tập thể được gọi là thế giới còn thế giới cá nhân được gọi là mơ. Mơ tập thể là thế giới còn thế giới cá nhân là mơ... và chân lí vắng bóng từ cả hai điều này.

Nhưng chúng ta nhìn vào nó xa thêm nữa. Không cái gì dường như là không thể bị huỷ diệt - bạn đã bao giờ thấy một vật không huỷ diệt được chưa? Không cái gì dường như không thể bị huỷ diệt; mọi thứ dường như đều huỷ diệt được, mọi thứ đều tạm thời. Không cái gì vượt qua được giới hạn của thời gian vào vô thời gian, không cái gì vượt lên trên thời gian; mọi thứ đều tàn lụi đi theo thời gian. Chẳng chóng thì chầy mọi thứ đều tàn lụi đi, thời hạn không thành vấn đề - theo thời gian mọi thứ đều bị triệt tiêu.

Bạn đã bao giờ thấy một vật bất diệt, một vật sẽ không bao giờ hữu diệt không? Chúng ta không thể thấy một vật như vậy trong thế giới bên ngoài bởi vì bản thân vật trung gian không phải là bất diệt, đôi mắt mà qua đó chúng ta thấy được là hữu diệt. Cái bất diệt không thể được thấy qua cái hữu diệt. Đây là một sự kiện đơn giản, rằng cái bất diệt không thể được thấy qua cái trung gian hữu diệt. Mắt không thể thấy được cái cao hơn bản thân chúng. Mắt có thể thấy được bên trong giới hạn của chúng - mắt là hữu diệt, do đó người ta chỉ có thể thấy cái hữu diệt. Tai là hữu diệt, do đó người ta chỉ có thể nghe thấy cái hữu diệt. Tay là hữu diệt, do đó người ta chỉ có thể chạm vào cái hữu diệt. Làm sao tay có thể chạm vào cái bất diệt được? *Làm sao* nó có thể chạm vào cái bất diệt được?

Vật trung gian bất diệt được là cần để tìm kiếm cái bất diệt; một vật trung gian hữu diệt sẽ không tìm được cái bất diệt, và tất cả các giác quan của thân thể chúng ta đều hữu diệt. Cho nên hiền nhân này nói rằng cuộc hành trình tới cái bất diệt là cuộc hành trình vào trong, nơi các giác quan không có chỗ dùng. Khả năng để thấy không có mắt, không có ánh sáng, để nghe không có tai, để sờ không có tay, là tồn tại ở bên trong.

Những linh ảnh, âm thanh và cảm giác có thể được kinh nghiệm bên trong, không cần sự giúp đỡ của các giác quan hữu diệt. Nhưng cái không được biết qua các giác quan có nhất thiết là bất diệt không? - bởi vì linh ảnh dường như ở bên trong có thể

thấy được hôm nay, nhưng chúng vẫn có thể biến mất vào ngày mai.

Một người bạn hôm qua tới và nói rằng vào ngày thiên đầu tiên một ánh sáng lớn đã xuất hiện bên trong, nhưng vào ngày thứ hai nó không xuất hiện. Chắc chắn ánh sáng đã xuất hiện rồi biến mất không thể nào là bất diệt - cái mà có lần tồn tại và rồi mất đi chỉ là hình dạng.

Tôi bảo anh ta rằng dù có thấy ánh sáng hay không, một điều vĩnh viễn trong cả hai tình huống là người thấy, người quan sát. Người quan sát quan sát cả sự hiện diện của ánh sáng và sự thiếu vắng của ánh sáng: nó tồn tại trong cả hai tình huống.

Kinh nghiệm bên trong không nhất thiết là bất diệt, bởi vì chúng có thể tồn tại hôm nay và biến mất ngày mai. Nhưng một phẩm chất bao giờ cũng có đó: người biết, người quan sát, cái đó là vĩnh hằng. Cái đó là bất diệt bên trong chúng ta. Nếu chúng ta nhận ra cái đó, chúng ta có thể nhận ra yếu tố bất diệt trong thế giới này. Khác hơn cái đó, mọi cái khác đều hữu diệt.

Có thời bạn đã là đứa trẻ, bây giờ thời thơ ấu của bạn đã trôi qua... nhưng người đã kinh nghiệm thời thơ ấu này vẫn còn tồn tại bên trong. Bạn đã là thanh niên, bây giờ thời thanh xuân của bạn đã trôi qua... nhưng người đã kinh nghiệm thời thanh xuân này vẫn ở bên trong. Bây giờ bạn già, thời già sẽ qua đi... nhưng người đang kinh nghiệm thời già này sẽ vẫn còn bên trong. Người đang kinh nghiệm cả ba thời này - thơ ấu, thanh niên và già lão - dường như có sự thường trực; mọi thứ khác đều tới rồi đi. Cái ta chứng kiến quan sát vui và buồn, phẩm giá và sỉ nhục; người quan sát này còn lại - tất cả những cái khác tàn lụi đi.

Nếu bạn dù chỉ có một thoáng nhìn nhỏ về cái ta chứng kiến này, bạn có thể biết rằng nhân chứng này đã chứng kiến sinh và cũng sẽ chứng kiến chết; theo cách này bạn sẽ tìm thấy sợi dây vĩnh hằng. Với việc đạt tới sợi dây này, hiểu biết này, sự tồn tại lập tức trở thành vĩnh hằng; với việc nhận ra sợi dây vĩnh hằng này chúng ta đạt tới tầm nhìn có thể nhận ra tất cả những cái vĩnh hằng và tất cả những cái tạm thời. Thế thì tất cả các hình dạng đều trở thành tạm thời và cái vô dạng ẩn đằng sau chúng được thấy là vĩnh hằng.

Sự kiện là hình dạng, chân lí là vô dạng. Đó là lí do tại sao tôn giáo cho định nghĩa về chân lí sắc sảo hơn, định nghĩa rộng khắp hơn định nghĩa của khoa học về sự kiện.

Brahman, thực tại tối thượng, là chân lí.

Nó là vô hạn và là chỗ của việc biết.

‘Nó là chân lí’ nghĩa là nó là bất diệt, ‘nó là vô hạn’, nghĩa là nó là vô giới hạn, bởi vì bất kì cái gì có giới hạn đều sẽ hữu diệt. Thực tế, tan rã bắt đầu với chính sự tồn tại của bất kì giới hạn nào. Bản thân biên giới bắt đầu tan rã. Bởi vì khi bạn lập quan hệ với các cái khác, có biên giới, và đây là nơi cọ xát xảy ra. Nếu thân thể bạn mà vô giới hạn, không cái chết nào là có thể bởi vì thân thể vô giới hạn nghĩa là không cái gì bị bỏ ra ngoài nó, ngoài thân thể của bạn. Cho nên làm sao nó chết được? Cái chết tới từ đâu? Sẽ không có bệnh tật, không có người báo trước cái chết, bởi vì không cái gì khác hơn bạn sẽ tồn tại.

Thân thể suy tàn bởi vì có quá nhiều thứ bên ngoài thân thể và do đó có cọ xát vào mọi khoảnh khắc. Các nhà khoa học nói rằng thân thể con người có thể sống bốn trăm năm nhưng nó suy tàn chỉ bởi vì cọ xát, vật lộn. Cũng giống như sắt mục nát bởi vì nó gỉ và gió thổi làm yếu cây, hay ánh mặt trời... tất cả xung quanh đều có vật lộn và những cú đánh vào thân thể bạn làm mòn mỏi nó dần. Nó trở thành kiệt quệ sau bảy mươi năm. Cái chết đơn giản có nghĩa là thân thể của bạn đã không chịu nổi những tác động của biên giới của nó.

Cái hữu hạn tự nhiên trở nên cạn kiệt; nó không thể là bất diệt được, bởi vì vật lộn và xung đột này từ bên ngoài biên giới của nó mang đặc trưng đều đặn. Cọ xát là liên tục. Nếu chúng ta làm đông cứng một thân thể đặc biệt, giải thoát nó khỏi mọi vật lộn và cọ xát, chúng ta có thể gìn giữ thân thể này trong hàng nghìn và hàng nghìn năm. Không có vấn đề gì trong nó, bởi vì cái chết chỉ xuất hiện bởi cọ xát bên ngoài này. Nhưng cho dù thế, sau hàng nghìn năm, nó cũng trở nên bị cạn kiệt. Sau rốt, nó có giới hạn. Sự kéo dài của nó có thể lâu, nhưng nó không thể vĩnh hằng được.

Đây là lí do tại sao chúng ta nói rằng brahman, thực tại tối thượng, là vô hạn - không có giới hạn nào, không có biên giới nào.

Chỉ cái không có biên giới mới có thể là cái toàn thể, còn cái có kết thúc, có biên giới, tạo ra biên giới bởi vì cái khác, không phải bởi vì chính nó.

Nhà của bạn kết thúc nơi nhà người khác bắt đầu. Nếu như không có nhà người khác trên trái đất, bạn sẽ chẳng cần xây dựng hàng rào quanh nhà mình, toàn bộ trái đất sẽ là nhà bạn. Hàng rào là cần bởi vì hàng xóm của bạn; các giới hạn và biên giới đi vào hiện hữu bởi vì sự tồn tại của người khác.

Nếu điều thiêng liêng là cái toàn thể, nó chỉ có thể hiện hữu không có giới hạn. Tất cả những cái không là toàn thể không thể nào bất diệt được, bởi vì bất kì giới hạn nào cũng đều mang tan rã, huỷ diệt bên trong bản thân nó, bất kì giới hạn nào cũng đều mang cái chết. Đây là lí do tại sao brahman được gọi là chân lí, cái vô hạn và chỗ của việc biết.

Kinh nghiệm vĩ đại nhất cho con người là kinh nghiệm về việc biết. Điều này sẽ khó cho việc hiểu. Người này có thể nói kinh nghiệm vĩ đại nhất là kinh nghiệm về tình yêu, người khác có thể nói rằng kinh nghiệm vĩ đại nhất là kinh nghiệm về phúc lạc, hay cái gì đó khác, nhưng trong thực tế cái vĩ đại nhất là việc biết - không có nó thì tình yêu không thể còn lại được, không có nó thì phúc lạc không thể được cảm thấy. Việc biết siêu việt lên trên cả hai; không có nó thì cả tình yêu lẫn phúc lạc đều không thể được biết tới. Việc biết có thể tồn tại mà không có tình yêu và phúc lạc, nhưng tình yêu và phúc lạc không có sự tồn tại nếu không có việc biết. Cho nên hiền nhân này đã gọi điều thiêng liêng là

'chỗ của việc biết'.

Jesus đã nói, “Thượng đế là tình yêu.” Điều này là rất có ý nghĩa: “Thượng đế là tình yêu.” Định nghĩa này là bởi vì một tình huống đặc biệt; mục đích của nó là hoàn toàn khác. Nó chỉ tái khẳng định cho bạn rằng điều thiêng liêng là tình yêu để cho bạn có thể hi vọng vào lòng nhân từ, sự giúp đỡ... rằng bạn không một mình và bất lực. Hỏi xin tình yêu và nó sẽ được ban cho bạn. Jesus định nghĩa Thượng đế là tình yêu để cho con người có thể được tái đảm bảo.

Tôi cũng nói rằng Thượng đế là tình yêu, hay tình yêu là Thượng đế, chỉ bởi vì nói “Thượng đế là việc biết” chẳng phục vụ cho mục đích gì. Chúng ta không thể đặt quan hệ với 'việc biết'; với 'việc biết' một khoảng cách, một lỗ hổng giữa bản thân chúng ta và việc biết bao giờ cũng còn. Khó mà chạm tới nó, không có cây cầu nào giữa việc biết này và chúng ta. Đó là lí do tại sao chúng ta nói Thượng đế là tình yêu.

Chắc chắn Thượng đế là tình yêu, nhưng đó không phải là định nghĩa tối thượng. Định nghĩa tối thượng là như hiền nhân này nói: “Thượng đế là chỗ của việc biết.” ‘Thượng đế là tình yêu’ là một định nghĩa tình hướng giữ con người trong tâm trí, vì ích lợi cho con người, bởi vì việc biết không có mục đích, không có sức hấp dẫn, mặc dù nó là định nghĩa đúng nhất, định nghĩa phải nhất.

Một số người đã nói Thượng đế là phúc lạc, chỗ của phúc lạc - điều này cũng là một định nghĩa tình hướng. Con người đang trong đau khổ nhiều tới mức chừng nào Thượng đế không là phúc lạc thì không cuộc hành trình nào là có thể; nếu nó không như vậy thì sao bạn phải đi tìm điều thiêng liêng ?

Triết lí của Phật đã bị nhổ bật rễ khỏi Ấn Độ trong vòng năm trăm năm; lí do là ở chỗ Phật đã không cho bất kì định nghĩa tình hướng nào. Phật đã nói rằng nó tất cả là *shunya*, trống rỗng và hư không. Không ai muốn đi tới cái trống rỗng cả. Trong thực tế người ta sẽ tránh đi tới đó, tránh mối nguy hiểm này. Trống rỗng... bạn sẽ làm gì ở đó?

Bất kì khi nào Phật được hỏi, “Thượng đế có là phúc lạc không?” - ông ấy sẽ nói, “Không, chỉ có vắng bóng của đau khổ, vắng bóng của buồn, có vậy thôi.”

Điều này không gây hứng khởi cho bạn đi tìm điều thiêng liêng. Cũng tốt là không có buồn, nhưng điều này không phải là lí do đủ để bắt đầu cuộc hành trình. Con người đang trong đau khổ, đau khổ sâu sắc, do đó mới có định nghĩa tình hướng này rằng Thượng đế là phúc lạc.

Nhưng đây không phải là định nghĩa tuyệt đối. Nếu chúng ta không tính tới con người thế thì định nghĩa chính xác là: Thượng đế là chỗ của việc biết, việc biết thuần khiết.

Upanishads chưa bao giờ là phổ cập cho quần chúng bởi vì những định nghĩa tuyệt đối này, bởi vì mọi người không thể có quan hệ với các định nghĩa tuyệt đối. Kinh Thánh thấm sâu vào con người hơn Upanishads. Mặc dầu Kinh Thánh không đứng được ở đâu trong so sánh với Upanishads, nhưng bởi vì định nghĩa tình huống của nó là rất gần với con người, nên nó có tiện dụng của nó.

Mặt trời có thể cháy bùng nơi xa, xa xăm, xa hàng tỉ dặm, nhưng nó chẳng hữu dụng cho chúng ta. Chỉ một ngọn đèn nhỏ cũng trở nên có ích bởi vì bạn phải bước đi ở đây trên trái đất. Bạn phải bước ở đây, lấy từng bước trong bóng tối, cho nên sao lại bận tâm về mặt trời ở nơi xa xăm kia? Nó có thể có đó, nhưng nó không giúp chúng ta bước đi dù chỉ một li trong đêm tối. Ngọn đèn của bạn có thể không là mặt trời, vâng, ngọn đèn của bạn là rất nhỏ, nhưng nó giúp bạn lấy từng bước và đi trên con đường, và những bước nhỏ này có thể đưa bạn tới mặt trời nơi tất cả mọi ngọn đèn đều có thể được vứt bỏ đi. là có thể trong những ngày đó: rằng Thượng đế là chỗ của việc biết.

Và việc biết thuần khiết này là chân lí, nó là bất diệt.

Cái không bị huỷ diệt, ngay cả như trung gian của không gian, thời gian và sự vật bị phá huỷ, là avinashi, cái không thể bị huỷ diệt nổi.

Cái mà bao giờ cũng còn lại, cho dù thời gian và không gian có biến mất, cho dù tất cả vật chất và vũ trụ có biến mất, cái mà là cốt lõi bản chất của tất cả cái đang đó được gọi là *avinashi*, cái bất diệt.

Nhưng Upanishads cho định nghĩa tối thượng, bởi vì vào lúc Upanishads được sinh ra thì mọi người không trong đau khổ nhiều thế mà phải được an ủi bằng phúc lạc, cũng không bắt lực đến mức phải được an ủi bằng tình yêu. Con người hoàn toàn hồn nhiên và bằng lòng trong bản thân mình. Định nghĩa tối thượng và tuyệt đối

12 Tình yêu là tự do

Tâm thức vĩnh hằng,

ở bên kia sáng tạo và huỷ diệt, được gọi là việc biết.

Tâm thức tràn đầy và tràn ngập toàn thể vũ trụ - giống như đất sét trong những thứ được làm từ đất sét, giống như vàng trong những thứ được làm từ vàng, và giống như sợi chỉ trong mọi thứ được làm từ sợi chỉ

- được gọi là cái vô hạn.

Tâm thức vui sướng, phúc lạc đại dương không giới hạn, cái vốn là bản chất tinh túy của mọi niềm vui, là phúc lạc.

Hiện nhân này đã gọi sự tồn tại tối thượng, *brahman*, là cái tuyệt đối, cái một bất diệt - tri thức, việc biết. Nhưng điều đó chẳng liên quan gì tới điều chúng ta gọi là tri thức cả. Nếu chúng ta có thể hiểu đúng điều chúng ta gọi là tri thức, sẽ dễ hiểu điều hiện nhân này gọi là tri thức.

Điều thứ nhất là: tri thức của chúng ta bao giờ cũng về sự vật nào đó của việc biết; chỉ việc biết, việc biết thuần khiết chưa bao giờ xảy ra cho chúng ta cả. Chúng ta bao giờ cũng đạt tới tri thức về sự vật nào đó; chỉ việc biết, hiện tượng biết thuần khiết chưa bao giờ xảy ra cho chúng ta. Chúng ta biết cây, người, tảng đá trong phố, mặt trời trên bầu trời; bất kì khi nào chúng ta biết, thế thì chúng ta cũng biết cái gì đó như một sự vật. Việc biết thuần khiết chưa bao giờ được kinh nghiệm cả.

Các hiện nhân gọi việc biết về các sự vật là tri thức không thuần khiết, bởi vì trong đó nhấn mạnh là vào sự vật, không vào bản thân việc biết. Khi chúng ta nhìn lên mặt trời trên bầu trời, mặt trời trở thành sự hội tụ của chúng ta, không phải là hiện tượng của việc cảm nhận, của việc biết.

Nếu mọi sự vật bị lấy đi khỏi chúng ta, tri thức của chúng ta sẽ biến mất ngay lập tức bởi vì nó không có sự tồn tại mà thiếu những sự vật này. Điều đó có nghĩa là tri thức này không phụ thuộc vào chúng ta, nó phụ thuộc vào các sự vật. Nếu mọi sự vật đều bị loại bỏ đi và chỉ có hư không bao quanh chúng ta, tri thức của chúng ta

sẽ biến mất. Chúng ta vẫn chưa biết tri thức đến tận gốc rễ của nó; tri thức của chúng ta bắt rễ vào các sự vật. Đây là một kết luận rất đơn giản: với việc loại bỏ đi mọi sự vật, tri thức của chúng ta cũng sẽ tan biến. Điều này thật đáng ngạc nhiên - điều đó nghĩa là tri thức này không phụ thuộc vào chúng ta, nó phụ thuộc vào sự vật mà chúng ta kinh nghiệm. Đây là trạng thái của tri thức của chúng ta.

Hiền nhân này không ngụ ý loại biết này khi ông ấy nói, “Brahman là việc biết,” bởi vì tri thức mà phụ thuộc vào người khác thì các hiền nhân gọi là dốt nát. Nếu bạn không có tự do để là người chủ tri thức riêng của mình, bạn có thể có tự do và quyền làm chủ ở đâu khác được?

Tri thức này của chúng ta có liên quan tới mọi kinh nghiệm khác của chúng ta. Tất cả các kinh nghiệm của chúng ta đều giống tri thức này. Bạn có thể vẫn còn trong trạng thái yêu khi không có người để yêu không? Bạn có thể vẫn còn yêu trong sự vắng mặt của người yêu của bạn được không? Bạn có thể nghĩ là bạn có, nhưng điều đó là có thể chỉ khi ít nhất bạn đem được người yêu của mình vào trong tưởng tượng của mình, bằng không thì không thể được. Tưởng tượng này về đối tượng sẽ có ích, nhưng bạn không thể yêu theo cách riêng của mình được, cho nên làm sao tình yêu này có thể là bản chất cố hữu của bạn được? Tình yêu này phụ thuộc vào người khác.

Đó là lí do tại sao những người yêu trở thành kẻ nô lệ tồi tệ nhất trên trái đất - mặc dầu tình yêu đáng phải đem lại quyền làm chủ cái ta của mọi người, tình yêu đáng phải là tự do tối thượng của bạn bởi vì nó là kho báu lớn lao nhất. Nhưng chúng ta không biết tới kho báu này. Điều chúng ta gọi là tình yêu bao giờ cũng phụ thuộc vào người khác. Nó trở thành phụ thuộc tới mức nó trở thành cảnh nô lệ.

Tình yêu là tự do, cho nên tình yêu của chúng ta, và tình yêu được Jesus hay Phật nói tới như tự do, là những điều hoàn toàn khác nhau.

Chúng ta trở nên nhận biết về cái đẹp khi chúng ta thấy một đoá hoa, chúng ta trở nên nhận biết về cái đẹp khi chúng ta thấy mặt trời lặn - nhưng chúng ta có nhận biết về cái đẹp mà không phụ thuộc vào sự vật, mà là cái đẹp trực tiếp và thuần khiết không?

Không, chúng ta còn chưa biết tới cái đẹp như vậy. Tất cả mọi kinh nghiệm của chúng ta đều hướng vào cái khác, và chúng ta là tổng của những kinh nghiệm này.

Cho nên chúng ta có sự tồn tại riêng của mình, tính cá nhân riêng của mình, hay chúng ta chỉ là một tuyển tập, tổng của vài kinh nghiệm phụ thuộc vào người khác? Nếu hoa không nở, cái đẹp tan biến đối với chúng ta. Nếu không có sự vật nào, tri thức của chúng ta tan biến. Nếu không có người yêu, tình yêu tan biến đối với chúng ta.

Bất kì cái gì chúng ta có, chúng ta đều nhận nó từ người khác. Sự tồn tại của chúng ta được vay mượn. Đó là lí do tại sao chúng ta đứng ăn xin cả đời mình trước người khác - bởi vì chúng ta sợ mọi lúc rằng nếu người khác từ chối hỗ trợ cho chúng ta, chúng ta sẽ tuột đi và biến mất.

Khi người yêu của bạn chết, bạn không đau đớn bởi cái chết của cô ấy hay anh ấy, bạn đau đớn bởi vì đấy là cái chết của tình yêu của riêng bạn; bạn chưa bao giờ biết tới một tình yêu có đó mà không có người yêu. Khi bạn mất của cải, đau đớn không phải vì việc mất mát này; nó là do sự kiện là cùng với của cải, thực tại của bạn là người giàu có cũng mất đi. Nếu bạn lấy đi kinh sách của người có học, bạn không chỉ lấy đi kinh sách đó, cùng với điều đó chính tri thức của người đó cũng mất đi. Đó là lí do tại sao một bác học, một học giả coi trọng sách của mình còn hơn cái đầu của mình, người đó đánh giá sách còn trên sự tồn tại riêng của mình - người đó cúi mình trước kinh sách của mình. Nếu chân người đó ngẫu nhiên chạm vào sách, người đó hoảng sợ. Nếu tri thức của người đó phụ thuộc vào sách này đến thế, đây không phải là tri thức.

Cho nên điều thứ nhất là: mọi kinh nghiệm của chúng ta đều được vay mượn. Nếu mọi kinh nghiệm của chúng ta đều bị lấy đi khỏi chúng ta, chúng ta sẽ tan biến như cái máy có mọi bộ phận bị tháo rời và loại bỏ đi. Cái máy không là gì ngoài một tổng của các bộ phận của nó. Và người chỉ là một tuyển tập như thế sẽ không có khả năng biết được linh hồn vốn là tự do tối thượng.

Cố hiểu việc biết này mà các hiền nhân gọi là *brahmagyan*.

Điều thứ nhất là ở chỗ nó không phụ thuộc vào người khác, vào sự vật, vào cái gì đó. Khi tri thức phụ thuộc vào sự vật, nó là mối quan hệ, khi nó không phụ thuộc vào sự vật, nó là trạng thái hiện hữu. Có hiểu khác biệt giữa trạng thái hiện hữu và quan hệ.

Bạn nói, “Anh yêu em” hay “Em yêu anh”. Bây giờ, tình yêu này sẽ biến mất nếu bạn không có đó bởi vì tình yêu này là mối quan hệ, nó cần hai thực thể, mối quan hệ là giữa hai thực thể. Nếu một trong hai bị loại bỏ đi, mối quan hệ cũng biến mất. Bạn không thể xây cái cầu chỉ dùng một bờ sông được, bờ bên kia cũng được cần tới. Cây cầu là mối quan hệ giữa hai bờ.

Nhưng Phật tràn đầy tình yêu ngay cả khi ông ấy trong đơn độc ngồi dưới cây mà không ai ở xung quanh cả, cũng như khi hàng nghìn người tới thăm ông ấy. Điều đó tuyệt đối không khác biệt gì cho tình yêu của ông ấy cả. Tình yêu của ông ấy không phải là mối quan hệ, nó là trạng thái hiện hữu. Phật không bị gán bó vào ai cả, tình yêu là chính bản tính của ông ấy. Tình yêu của ông ấy sẽ mưa rào xuống ngay cả ở nơi hoang vắng, như khi hoa nở trên con đường hoang vu và lan toả hương thơm của nó. Điều đó cũng giống như ngọn đèn sáng trong bóng tối: không ai có đó mà nhìn nó nhưng nó vẫn cứ toả ánh sáng bởi vì nó không có quan hệ với cái khác; lan toả ánh sáng là chính bản chất của nó.

Mặt trời chiếu sáng theo cùng cách đó khi chúng ta đã không tồn tại trên trái đất. Nó sẽ toả sáng theo cùng cách khi chúng ta không ở đây. Không có mối quan hệ giữa việc toả sáng của mặt trời và việc chúng ta nhìn nó. Toả sáng là chính bản chất của mặt trời.

Một người như Phật bao giờ cũng tràn đầy tình yêu - trong thực tế, chỉ vị Phật mới tràn đầy tình yêu - bởi vì tình yêu này không thể bị lấy đi; cho dù một mình, ông ấy cũng vẫn tràn đầy tình yêu. Tình yêu này không phải là cây cầu, không phải là mối quan hệ, tình yêu này là trạng thái hiện hữu, trạng thái của tâm thức.

Khi điều thiêng liêng được gọi là việc biết, khi cái ta vũ trụ được gọi là việc biết, điều đó ngụ ý việc biết là chính bản chất, không phải quan hệ.

Cho nên hiền nhân này nói:

Tâm thức vĩnh hằng,

ở bên kia sáng tạo và huỷ diệt, được gọi là việc biết.

Mỗi quan hệ được sinh ra và nó chết đi, nhưng bản chất cố hữu thì không được sinh ra mà cũng chẳng chết đi. Hôm nay tôi có tình yêu với bạn, hôm qua nó còn chưa có đó - nhưng hôm nay nó hiện hữu. Tình yêu này có sinh thành, nhưng điên rồ bắt đầu khi chúng ta muốn làm cái gì đó có sinh thành trở thành vĩnh hằng. Đó là điên rồ! Chết là không tránh khỏi với bất kì cái gì có sinh. Cái ngày nó được sinh ra, bạn nên hiểu rằng một ngày nào đó nó sẽ chết. Những việc chuẩn bị cho lễ tang đang ẩn kín trong tiếng kèn vui mừng của chính ngày sinh. Vấn đề chỉ là thời gian thôi. Đoá hoa đang nở ra, và nó cũng đang bắt đầu việc tàn héo của nó. Sống được gắn với chết; nếu sống là một đầu thì chết là đầu kia. Cho nên tình yêu được sinh ra thì nhất định sẽ chết đi; cái được tạo ra sẽ bị phá huỷ nữa.

Tri thức được sinh ra - và nó được sinh ra thật: bạn đã mở mắt ra, có một đoá hoa trước mắt bạn; tri thức đã xảy ra cho bạn rằng có một đoá hoa, rằng nó đẹp, rằng nó thơm. Đây là sinh thành của tri thức. Tri thức này sẽ chết đi. Đoá hoa này sẽ chết đi và tri thức này về nó cũng sẽ chết đi.

Nhưng brahman là việc biết mà không bao giờ được sinh ra và không bao giờ chết. Điều đó nghĩa là nó không có quan hệ với sự vật nào đó, nó là chính bản chất cố hữu của nó - nó là vĩnh hằng.

Các thiền sư yêu cầu đệ tử của mình tìm kiếm khuôn mặt nguyên thủy của họ: Khi bạn không được sinh ra, khuôn mặt của bạn là gì? Khi bạn đã qua đời, khuôn mặt của bạn sẽ là gì? Họ làm cho đệ tử của mình thiền về điều đó. Điều đó là rất khó. Bạn sẽ nghĩ gì? Bạn sẽ thiền về cái gì? Họ cho bạn việc thiền này để cho suy nghĩ đưa bạn tới vô suy nghĩ, bởi vì bạn không thể nào cứ nghĩ về điều không thể nghĩ nổi. Một khoảnh khắc sẽ tới khi mọi việc suy nghĩ của bạn phải dừng lại.

Các thiền sư yêu cầu đệ tử của mình thiền về tiếng vỗ tay của một bàn tay. Tiếng vỗ tay của một bàn tay là không thể được - nhưng họ cứ khẳng định về điều đó. Nếu thiền nhân nói rằng điều đó là không thể được, thầy đáp rằng đệ tử đó không nên bận tâm về khả năng này; thầy nói rằng điều đó là có thể và rằng đệ tử

trước hết hãy thiền vài tháng về tiếng vỗ tay của một bàn tay - khả năng này không phải là vấn đề.

Thiền nhân tới đi tới lại và cứ báo cáo rằng điều đó là không thể được; điều đó đã là hai mươi bốn giờ. Nhưng thầy đáp rằng anh ta không nên lo nghĩ về khả năng này. "Câu hỏi của ta là: 'Tiếng vỗ tay như thế nào?'" Thầy nói, "Đi và thiền đi."

Nhiều tháng trôi qua - cái đầu của người ta bắt đầu cảm thấy choáng váng, tâm trí người ta bắt đầu cảm thấy ngất ngây, mọi thứ dừng lại bên trong. Sau khi suy nghĩ và suy nghĩ và suy nghĩ mãi điều đó dường như thành cực kì điên khùng, nhưng thế rồi một khoảnh khắc tới khi vấn đề thành rõ ràng rằng không thể có thêm được suy nghĩ nào nữa. Suy nghĩ dừng lại một khoảnh khắc và thiền nhân chạy xô tới nói, "Tôi đã nghe thấy tiếng vỗ tay của một bàn tay."

Ngay khi suy nghĩ dừng lại, bản chất cố hữu của cái ta được lộ ra.

Tìm kiếm khuôn mặt đã có đó trước việc sinh của bạn. Điều đó là không thể được, bởi vì không có khuôn mặt nào trước khi sinh cả - chính việc sinh đem lại cho sự sinh khuôn mặt của người ta - và sẽ không có khuôn mặt nào sau cái chết cả, bởi vì cái chết lấy đi khuôn mặt.

Suy nghĩ! Một khoảnh khắc tới sau khi suy nghĩ và suy nghĩ và suy nghĩ khi việc suy nghĩ dừng lại, dây chuyền này bị phá vỡ, và thế thì cái được thấy là khuôn mặt nguyên thủy - cái chính là bản tính của bạn, cái tồn tại trước việc sinh của bạn và cái sẽ có đó thậm chí sau cái chết của bạn.

Tâm thức vĩnh hằng, vốn ở bên kia sáng tạo và huỷ diệt, được gọi là việc biết.

Tại đây việc biết là tương đương với tâm thức, không tương đương với hành động của tri thức, bởi vì tri thức bao giờ cũng là về sự vật nào đó. Tại đây sự biết có nghĩa là tâm thức, chứng ngộ. Từ tri thức đã bị làm ô uế, bởi vì chúng ta bao giờ cũng gắn nó với hiện tượng biết sự vật nào đó.

Nếu bạn được giới thiệu như một người có tri thức lớn lao, ngay lập tức sẽ có một câu hỏi về chủ đề của tri thức của bạn là gì.

Nếu bạn nói, “Chẳng có gì đặc biệt cả, tôi chỉ là con người của tri thức, có vậy thôi,” điều đó sẽ không thuyết phục được ai cả. Điều đó nghĩa là gì? Bạn biết cái gì? Họ sẽ muốn biết liệu bạn có biết về y học hay kinh tế học hay triết học hay thần học không - bạn là con người của tri thức về chủ đề gì? Nhưng nếu bạn nói, “Không, tôi chỉ là con người của tri thức,” điều này sẽ tỏ ra là một phát biểu vô nghĩa bởi vì với chúng ta tri thức bao giờ cũng đi đôi với cái gì đó, nó là trong mối quan hệ với sự vật nào đó.

Cái loại tri thức này, không có quan hệ với việc biết, được nói tới trong lời kinh này như một định nghĩa về brahman, thực tại tối thượng. Sự biết đó là tâm thức vĩnh hằng, bên kia sinh và tử. ‘Nhận biết’ là từ đúng cho nó - hay tốt hơn thế là ‘tĩnh táo’, chỉ cảm nhận thuần khiết - bởi vì nhận biết nữa cũng dường như là có quan hệ với cái gì đó. Không, chỉ có một ngọn đèn thấp sáng và không có vật nào được chói sáng cả, chỉ ngọn đèn đang bùng cháy rõ ràng - không cái gì bao quanh được chói sáng cả. Không cái gì được chói sáng, chỉ có ánh sáng. Tôi đang nói điều này như một ví dụ để bạn có thể quan niệm sự biết được ngụ ý gì.

Tâm thức tràn đầy và tràn ngập toàn thể vũ trụ - giống như đất sét trong những thứ được làm từ đất sét, giống như vàng trong những thứ được làm từ vàng, và giống như sợi chỉ trong mọi thứ được làm từ sợi chỉ

- được gọi là cái vô hạn.

Tâm thức này không bị hạn chế bởi biên giới của một người. Chúng ta tất cả đang ngồi ở đây - khác biệt của chúng ta là do thân thể chúng ta, không do tâm thức chúng ta.

Nếu chúng ta thấp sáng hàng nghìn đèn đất trong căn buồng này thì khác biệt sẽ là ở bình đất sét, hay ở dầu, hay ở bấc, nhưng ánh sáng sẽ là một và như nhau. Chúng ta có thể thấp hàng nghìn ngọn đèn ở đây và mọi ngọn đèn có thể khác về cấu trúc, về hình dạng, về dáng kiểu; tất cả những điều này có thể khác nhau, nhưng bạn có thể làm khác biệt ánh sáng được không, ánh sáng nào thuộc về ngọn đèn nào? ánh sáng sẽ là một, tràn ngập khắp - nhưng đèn có thể khác. Khác biệt của chúng ta cũng hết như những đèn này vậy. Vật chất của thân thể, hình dáng, nhiên liệu

trong thân thể, cái bắc, tất cả những điều này có thể khác nhau nhưng tâm thức - ánh sáng bên trong chúng ta - là một.

Cuộc hành trình bên trong, dần dần, đưa chúng ta tới cái một, và cuộc hành trình bên ngoài đưa chúng ta tới sự đa dạng. Cho nên hiền nhân này nói: “Cái tràn ngập như vàng trong những vật bằng vàng và như đất sét trong những vật bằng đất sét, là một.”

Bây giờ ngay cả các nhà khoa học cũng đồng ý với điều đó. Năm mươi năm trước đây họ còn chưa đồng ý bởi vì hồi đó khoa học đã tin rằng vật nọ không thể được chuyển thành vật kia, còn những người tin rằng chuyển đổi như vậy là có thể đều bị coi là dốt nát. Tại phương Tây những người này đã được gọi là các nhà giả kim thuật, còn tại phương Đông họ đã được gọi là những nhà tìm kiếm đá phép màu, "hòn đá của triết gia" biến kim loại thành vàng bằng việc chạm vào. Các nhà giả kim thuật cũng tham gia vào việc tìm kiếm bí mật của biến kim loại thường thành kim loại quý.

Nhưng trong hai trăm năm qua khoa học đã tin rằng đây tất cả đều là điên khùng, rằng điều đó là không thể được. Làm sao sắt có thể đổi thành vàng được? - dường như không có cách nào. Những người đã đưa ra tuyên bố này đều bị coi hoặc là kẻ ngu hoặc kẻ lừa đảo, người đang cố gắng lừa dối mọi người. Nếu họ có thể biến sắt thành vàng thì phải có thủ thuật nào đó tham dự vào. Sắt không thể nào được biến thành vàng, cho nên phải có lừa dối và lừa đảo nào đó. Mọi sự còn đi tới điểm mà, ngay cả khi bằng chứng đích thực trở thành sẵn có, những người này vẫn không được tin cậy.

Một nhà tư tưởng và nhà khoa học Đức đã tham gia trong nhiều năm trời vào việc cố gắng chứng minh rằng giả kim thuật là trò hề. Hasenhoff là tên ông ấy. Ông ấy đang ngồi tại bậu cửa một buổi sáng khi một người tới ông ấy và nói, "Tôi đã nghe nói rằng ông không tin vào giả kim thuật, nhưng tôi có thể biến sắt thành vàng ngay bây giờ."

Hasenhoff nói, “Ông dường như là một người thú vị đây, nhưng sắt không thể nào biến thành vàng được. Ông đã phát điên rồi, tôi đã từng nghiên cứu về điều này trong nhiều năm và điều đó là không thể được.”

Người này nói, “Ông sẽ tin tôi nếu đích thân tôi chỉ cho ông xem không?” Ông ta mở cái hộp nhỏ ra và nói, “Đây là cái đấy, chỉ hơi chạm vào là nó sẽ biến sắt thành vàng.”

Hasenhoff không thể tin được điều đó chút nào; ông ấy nghĩ: “Người này chắc phải điên. Làm sao mà sắt lại có thể được biến thành vàng?” Ông ấy đã nghiên cứu giả kim thuật trong nhiều năm. Dầu vậy, ông ấy vẫn sờ vào vật này bằng bàn tay và cào nó bằng móng tay. Rồi Hasenhoff yêu cầu người này hôm sau quay lại để cho ông ấy có thể chắc chắn rằng không có bịp bợm ở đây. Rồi ông ta thu xếp để kiểm ít sắt và mời một chuyên gia tới kiểm tra lại nó. Người kia không bao giờ quay lại nữa, và Hasenhoff hối hận và tiếc cả đời mình bởi vì về sau ông ta chạm vào miếng sắt nào đó bằng móng tay mình, và miếng sắt đó đã biến thành vàng. Người kia không bao giờ xuất hiện nữa, nhưng chất liệu đã tụ lại dưới móng tay ông ấy và với cái cào nhỏ đó đã biến sắt thành vàng.

Hasenhoff đã viết trong tiểu sử của mình: “Tôi có thể đợi người đó hết kiếp nọ tới kiếp kia. Bây giờ thì tôi khó khăn. Cho dù nó có là một trò bịp bợm, nó cũng tuyệt vời. Dầu sao, bây giờ không có cách nào cho bất kì trò bịp nào, bởi vì chỉ với một lượng hạt nhỏ ở vết cào với tôi mà nó cũng đã biến sắt thành vàng - vàng ròng.”

Mọi loại phép thử đã được tiến hành đều cho sự thoả mãn, nhưng rồi họ bắt đầu hoài nghi Hasenhoff. Ông ấy có bịp họ không? Không ai sẵn sàng chấp nhận lời kể lại của ông ấy, và làm sao ông ấy có thể chứng minh được điều đó? Ông ấy nói: “Bản thân tôi không thể nào tin được vào điều đó, nhưng nó đã xảy ra. Và bây giờ không ai sẵn sàng tin tôi cả.”

Mọi người viết: “Dường như là Hasenhoff đã phát điên do việc khảo cứu quá mức của ông ấy về giả kim thuật. Ông ấy đã bị lừa. Mặc dầu con người này trung thực và chân thành, vẫn có ngờ vực, dường như là bằng cách nào đó ông ấy đã rơi vào việc tự lừa dối mình; tâm trí ông ấy đã trở nên lẫn lộn. Vàng ròng - điều đó là không thể được.”

Bây giờ, trong hai mươi năm cuối cùng này, khoa học đã đi tới kết luận rằng không có khó khăn cơ bản nào trong việc làm

điều này. Các nhà giả kim thuật đã đi theo đường đúng, những người tìm kiếm hòn đá của triết gia đã đúng bởi vì khoa học đã phát hiện ra rằng mọi thứ đều được tạo nên từ cùng một chất liệu cơ sở; chỉ số lượng điện tử, protons và neutrons là khác. Chẳng hạn, một nguyên tố nào đó có thể chứa một trăm điện tử và một nguyên tố khác có thể chứa một trăm linh một điện tử, nhưng bản chất cơ sở của điện tử thiết lập nên hai yếu tố này là như nhau. Cho nên nếu chúng ta có thể tách một điện tử khỏi nguyên tố được tạo nên từ một trăm linh một điện tử, nó sẽ đổi thành nguyên tố có một trăm điện tử.

Vàng và sắt không khác nhau về bản chất cơ sở của chúng, chúng chỉ khác nhau về số lượng điện tử. Nếu số điện tử của một nguyên tử sắt bị thay đổi, bạn có thể làm sắt biến thành vàng. Hay nếu chúng ta thay đổi số điện tử trong nguyên tử vàng, nó có thể biến thành nguyên tử sắt.

Khoa học đã đạt chiều sâu tới mức nó đã tìm ra rằng bản chất của vật chất là một, mặc dầu hình dạng khác nhau. Bản chất này là năng lượng, nó là như nhau trong mọi vật chất. Tuy nhiên khoa học vẫn còn chưa tìm ra kĩ thuật nào để biến sắt thành vàng cho rẻ bởi vì nghiên cứu để biến đổi nguyên tử là rất tốn kém; còn tốn hơn vàng nguyên gốc. Trong tương lai chúng ta có thể tìm ra một quá trình rẻ hơn, nhưng đó lại là vấn đề khác; chúng ta không quan tâm tới điều đó. Thậm chí nếu không bao giờ tìm ra được quá trình rẻ hơn, một điều vẫn là chắc chắn: sắt có thể được biến thành vàng.

Bất kì vật nào cũng đều có thể đổi thành vật khác; không chỉ trong sự vật mà trong cả năng lượng nữa. Đó là bí mật của năng lượng nguyên tử - biến vật chất thành năng lượng; do đó mới có vụ nổ nguyên tử. Với việc chẻ một nguyên tử nhỏ ra, năng lượng cực kì lớn được giải phóng.

Các hiền nhân của Upanishads bao giờ cũng nói rằng các nguyên tử của tâm thức cũng không khác biệt, chúng là như nhau; hình dạng của chúng ta trên bề mặt là khác nhau, nhưng tâm thức bên trong là một.

Cho nên khi chúng ta đi ngày càng sâu hơn vào bên trong, chúng ta đi xa khỏi tính cách bên ngoài của mình; chúng ta bị tước bỏ đi

ngày càng nhiều hơn và vũ trụ trụ ngày càng nhiều hơn. Người ta chết đích xác tại trung tâm riêng của mình. Đi vào bên trong là tan biến vào cái chết của riêng mình, bởi vì khi chúng ta tan biến như một tính cách, chúng ta biến mất như ngọn đèn và còn lại như ánh sáng. Ánh sáng đó là không giới hạn.

Tâm thức tràn đầy và tràn ngập toàn thể vũ trụ - giống như đất sét trong những thứ được làm từ đất sét, giống như vàng trong những thứ được làm từ vàng, và giống như sợi chỉ trong mọi thứ được làm từ sợi chỉ

- được gọi là cái vô hạn.

Vô hạn, bởi vì mặc dầu nó nằm bên trong các giới hạn, nó vẫn không bị giới hạn. Nó là vàng nhưng không chấm dứt trong vàng, nó là bên trong bạn nhưng không chấm dứt trong bạn - nó cứ mở rộng và mở rộng mãi - chính phẩm chất của nó là mở rộng không chấm dứt, nó là tràn ngập khắp nơi, vũ trụ.

Hiểu nó như một đại dương bao la, và chúng ta là cá trong đại dương này. Cá được sinh ra trong đại dương và chết đi trong đại dương; cá được tạo ra từ nước đại dương và nó hội nhập trở lại trong nước đại dương. Nhưng cá, khi nó tồn tại, tồn tại như một người vậy: rồi nó biến mất trong đại dương và lại lấy hình dạng của đại dương - nó là đại dương.

Hay nếu điều đó có chút ít khó hiểu về cá, thế thì lấy ví dụ về tảng băng nổi trong biển. Nó dường như hoàn toàn tách biệt. Nó vươn cao đầu, và nó dường như hoàn toàn khác với nước, hoàn toàn cứng rắn - nhưng dầu thế thì nó vẫn là biển, và ngay khi nó tan ra nó sẽ biến mất.

Quá trình tan này đã được gọi là việc loại bỏ bản ngã; khi chúng ta tan ra, bản ngã biến mất và chúng ta trở thành một với đại dương bao la. Tảng băng có thể nghĩ nó là khác nhưng không phải vậy. Bất kì khác biệt nào chúng ta cảm thấy cũng là do đốt nát của mình; trí huệ của chúng ta trở thành tuyên ngôn về cái một của mình.

Cái vô hạn tràn ngập này đã được gọi là brahman, điều thiêng liêng. Từ 'brahman' là rất quý giá; nó có nghĩa cái gì đó đang mở rộng vô tận. Brahman nghĩa là sự mở rộng vô hạn. 'Mở

rộng' và 'brahman' có cùng gốc. Brahman nghĩa là cái cứ mở rộng, cứ mở rộng mãi; không có giới hạn cho việc mở rộng của nó.

Không từ nào như brahman tồn tại trong các ngôn ngữ khác trên thế giới. Nó không thể nào dịch được. Brahman không gắn gì với 'trời' hay 'thượng đế'; không có mối nối. Đó là lí do tại sao Shankara đã dám nói rằng ngay cả Thượng đế cũng là một phần của ảo tưởng - ngay cả Thượng đế - bởi vì Thượng đế của bạn nữa cũng có hình và dạng. Brahma là đấng sáng tạo, Vishnu là đấng duy trì và Mahesh là đấng huỷ diệt - tất cả đều có hình hài; họ cũng là một phần của ảo tưởng. Hình dáng và hình dạng thuộc vào ảo tưởng. Cái vô hình vượt ra ngoài tất cả những hình dạng này là brahman - nó là tên cho sự mở rộng, cho sự mở rộng vô hạn tràn ngập toàn thể sự sáng tạo; chưa bao giờ dừng, nó cứ mở rộng mãi. Do đó, nó là vô hạn.

Tâm thức vui sướng, phúc lạc đại dương không giới hạn, cái vốn là bản chất tinh túy của mọi niềm vui, là phúc lạc.

Cố hiểu nó: *Tâm thức vui sướng...*

Bất kì khi nào bạn kinh nghiệm hạnh phúc, bạn không kinh nghiệm rằng bạn là hạnh phúc, bạn cảm thấy rằng bạn là ai đó mà hạnh phúc này đang xảy ra cho. Hạnh phúc là việc xảy ra cho bạn - nó không phải là bản tính bạn, bởi vì người ta không thể đánh mất cái vốn là bản tính của người ta - nhưng như nó hiện thể thì bạn cứ làm mất hạnh phúc của mình. Hạnh phúc của bạn vào buổi sáng đổi thành nỗi buồn vào buổi tối.

Cho nên hạnh phúc tới, nỗi buồn tới, nhưng chúng tới với bạn. Chúng xảy ra cho bạn và rồi chúng ra đi; đây chỉ là việc xảy ra. Cho nên khi brahman được gọi là hiện thân của phúc lạc, điều đó nghĩa là hạnh phúc không phải là việc xảy ra cho nó mà là bản chất cố hữu của nó; brahman bao giờ cũng hạnh phúc, nó là bản thân hạnh phúc.

Khi hạnh phúc là bản chất cố hữu của chúng ta thì nó được gọi là phúc lạc.

Khi phúc lạc chỉ là việc xảy ra, nó được gọi là hạnh phúc.

Sự xảy ra nghĩa là nó là cái gì đó ngoại lai hay xa lạ. Nó xảy ra cho chúng ta, nó tới từ bên ngoài, nó xảy ra bên ngoài ngôi

nhà của chúng ta. Dù chúng ta có thể nghĩ nhiều bao nhiêu rằng chúng ta là một với nó, chúng ta vẫn chẳng bao giờ thực sự là nó.

Diogenes, một nhà huyền môn Hi Lạp, lang thang trần trụi. Có lần ai đó hỏi ông ấy, “Sao ông bỏ mặc quần áo?”

Diogenes đáp, “Tôi đã cố gắng hết sức để giữ chúng nhưng tôi không thể giữ được, cho nên tôi đã vứt bỏ chúng. Tôi đã cố gắng vất vả để níu bám lấy việc mặc quần áo, để làm cho chúng trở thành một phần của tôi, nhưng tôi không thể làm được. Thế rồi tôi nghĩ: Điều mình không thể trở thành được thì phải là hiện tượng bên ngoài, cho nên nó nên bị vứt bỏ. Trần trụi là bản tính của tôi và quần áo chỉ là việc che đậy trên bề mặt; chúng có thể đã có đó nhưng tôi bao giờ cũng trần trụi bên trong.”

Mọi người đều trần trụi bên trong quần áo của họ; không có cách nào khác để hiện hữu. Quần áo có thể lừa người khác trong việc nghĩ rằng bạn không trần trụi, nhưng chúng không thể lừa bạn được. Vậy mà chúng lại lừa được bạn. Điều này đáng ngạc nhiên: mọi người mặc quần áo cứ nghĩ rằng họ không trần trụi - nhưng quần áo chỉ thuộc vào bên ngoài. Cho nên Diogenes nói, “Tôi đã làm hết sức để giữ việc mặc quần áo, nhưng chung cuộc tôi thấy rằng tôi không thể giữ được; chúng vẫn còn ở bên ngoài, chúng vẫn còn tách biệt. Không có cách nào làm cho chúng thành một phần của tôi, và điều mà không phải là một phần của tôi, cần gì cố gắng mà tin rằng nó là của tôi? Do đó tôi đã vứt bỏ chúng.”

Khi Alexander hành quân tới Ấn Độ, Diogenes đang nằm bên vệ đường. Ông ta thấy Diogenes và hỏi ông này, “Ông dường như hạnh phúc thế, đầy niềm vui thế, vậy mà ông chẳng sở hữu cái gì sao?” Alexander không thể nào hiểu được rằng bạn có thể vui sướng chẳng có lí do gì cả. Làm sao bạn có thể hạnh phúc chẳng lí do gì?

Các hiền nhân nói rằng cái ngày bạn hạnh phúc chẳng bởi lí do gì là ngày của phúc lạc. Nhưng logic của chúng ta nói: “Ông chẳng có gì cả - không vợ, không con, không của cải, không lâu đài, không tiện nghi; ông đang nằm trần trụi trên đường, trên đất, ấy vậy mà ông dường như hạnh phúc thế! Lí do là gì?”

Diogenes đáp, “Tôi không thể nào hạnh phúc chừng nào còn có lí do cho hạnh phúc của tôi. Thế rồi tôi nghĩ tới bỏ việc tìm kiếm lí do này cho hạnh phúc và tìm hạnh phúc vẫn tồn tại mà không có lí do, cái không thể nào bị lấy đi khỏi tôi được.”

Bất kì cái gì có lí do cho sự tồn tại của nó đều có thể bị lấy đi, bởi vì bản thân lí do đó có thể bị lấy đi.

Chẳng hạn, có người đàn bà và bạn hạnh phúc vì cô ấy - nhưng cô ấy có thể chết vào ngày mai hay ngày nào đó, và do vậy cô ấy có thể bị giăng ra khỏi bạn. Và cho dù cô ấy không chết thì cô ấy vẫn có thể bỏ bạn và mối quan hệ chấm dứt; hạnh phúc của bạn sẽ đi đời. Hay, chẳng hạn, hôm nay bạn giàu có, nhưng ngày mai mọi của cải của bạn có thể biến mất, hạnh phúc của bạn sẽ bị mất. Cho dù của cải của bạn tiếp tục còn với bạn, hạnh phúc của bạn chẳng nào cũng sẽ rời bỏ bạn bởi vì bất kì cái gì liên tục có sẵn thì không tạo ra hạnh phúc.

Hạnh phúc sẽ không kéo dài lâu bất kì khi nào có lí do cho nó. Hạnh phúc phụ thuộc vào lí do bên ngoài nào đó đều tạm thời. Nhưng liệu có thứ như hạnh phúc mà không có lí do không? Hạnh phúc không lí do là điều chúng ta gọi là phúc lạc. Nếu có phúc lạc và không có lí do cho nó, điều này nghĩa là nó không tới từ bên ngoài, nó tới từ bên trong. Nếu có phúc lạc nhưng có lí do cho nó, điều này nghĩa là nó tới từ bên ngoài. Đó là lí do tại sao chúng ta lại phụ thuộc vào bên ngoài - chúng ta phụ thuộc vào người khác. Bất kì ai cũng đều có thể lấy đi hạnh phúc của chúng ta, bất kì ai cũng đều có thể lấy nó đi vào bất kì khoảnh khắc nào. Và làm sao bạn có thể là người chủ của cái tới từ bên ngoài?

Nhưng cũng có một chiều hướng khác nữa - nơi phúc lạc tới từ bên trong, nơi luồng chảy hoàn toàn được đảo ngược.

Radha là tên của người yêu của Krishna. Cái tên này là việc đảo ngược vầng của của *dhara*, dòng chảy, luồng chảy. Cái tên này là rất thú vị, bởi vì không có nói gì tới Radha chút nào trong câu chuyện về cuộc sống của Krishna, thậm chí đến một lời. Không kinh sách cổ nào nhắc tới Radha, không hồi nào kể tới Radha. Mãi về sau

- người ta có thể nói, tới những năm gần đây - mà Radha lần đầu tiên mới được nhắc tới, mà cái tên của Radha mới được thêm vào câu chuyện. Chắc chắn có việc nhắc tới một người bạn

trong câu chuyện về cuộc đời của Krishna, nhưng cô ấy không có tên, cô ấy đã bị bỏ không tên. Người ta đã chủ ý làm điều không cho cô ấy cái tên, bởi vì cô ấy đã là người bạn, người vượt ra ngoài tên và hình. Ngay cả hình dáng cô ấy cũng không được nhắc tới, cô ấy trông thế nào, khuôn mặt cô ấy - chẳng có gì cả.

Trong thời trung cổ các thánh nhân đã gọi cô ấy là Radha. Họ đã đặt tên cho cô ấy một cách có chủ ý, bởi vì đây là việc đảo ngược âm tiết của dhara, dòng chảy, luồng chảy.

Có luồng chảy phúc lạc tới từ bên ngoài - đó là dhara - và khi phúc lạc tới từ bên trong thì nó là *radha*. Krishna chỉ có thể yêu kiểu Radha này, người tuôn chảy từ bên trong; Krishna không có quan hệ với Radha người tới từ bên ngoài.

Khi phúc lạc bắt đầu tuôn chảy từ bên trong, khi nó trở thành Radha này, bạn đã tìm thấy người bạn đó, người không bao giờ mất, người không thể bị mất được.

Tâm thức vui sướng, phúc lạc đại dương không giới hạn, cái vốn là bản chất tinh túy của mọi niềm vui...

Khi mọi nguyên nhân cho hạnh phúc đã bị bỏ lại đằng sau và khi mọi thứ đã mất rồi nhưng hạnh phúc vẫn còn lại - thì hạnh phúc đó là bản tính của brahman. Điều này đã được gọi là phúc lạc.

Chúng ta không biết phúc lạc, chúng ta không nhận biết về phúc lạc, bởi vì phúc lạc chỉ có thể được biết khi dhara, luồng chảy từ bên ngoài, trở thành radha, luồng chảy từ bên trong. Thế thì một chiều hướng mới đã mở ra bên trong.

Cho nên Diogenes nói, “Tôi hạnh phúc bởi vì tôi là hạnh phúc, tôi không hạnh phúc vì lí do nào cả.”

Alexander cảm thấy ghen tị: đây là biến cố tối thượng trong thế giới này khi một hoàng đế ghen tị với kẻ ăn mày. Và Alexander thậm chí đã nói, “Nếu ta mà được sinh ra lần nữa thì ta không muốn là Alexander, ta muốn là Diogenes; ta cũng đang tìm kiếm phúc lạc này.”

Còn Diogenes đã nói với Alexander, “Tìm kiếm! Ông sẽ chẳng bao giờ kiếm được cái gì bởi việc tìm kiếm. Dừng lại ở đây đi. Vẫn còn đủ chỗ đây, thành thoi bên cạnh ta. Ta đã đạt tới điều đó mà không đi đâu cả - ngay đây! Ông đang chạy đi đâu vậy? Còn đủ chỗ mà - lại đây và nằm xuống đây bên cạnh ta.”

Alexander đáp, “Ngay bây giờ thì khó. Ta phải bắt đầu chinh phục thế giới.”

Diogenes nói, “Không chỉ khó ngay bây giờ đâu, nó bao giờ cũng khó cho người đã bắt đầu chinh phục thế giới bởi vì cuộc hành trình chinh phục này là cuộc hành trình của nỗi buồn. Nếu ông muốn chinh phục cái gì đó, chinh phục bản thân mình đi; trong chinh phục người khác, thất bại của ông đã ẩn nấp ở đấy rồi. Khi ông còn đi chinh phục người khác, ông đánh mất bản thân mình bên trong. Để người khác một mình đấy, bởi vì trong khi ông vật lộn với người khác, ông đang đánh bại mình bên trong. Chinh phục bản thân mình đi, biết tới chính mình.”

Alexander đáp, “Ta sẽ ở với ông khi ta quay lại.” Diogenes nói, “Ông có thể không quay lại nữa, và ông làm mất khoảnh khắc này - khoảnh khắc này, cái chắc chắn ở đây và bây giờ - và vậy mà ông vẫn đang nghĩ tới khoảnh khắc còn chưa tới.”

Và như định mệnh đã xảy ra, Alexander không thể quay về được. Ông ấy chết giữa cuộc hành trình của mình khi trở về từ Ấn Độ.

Không cuộc hành trình chinh phục nào được hoàn thành cả; cái chết tới ngay giữa. Chúng ta đã tiến hành nhiều cuộc hành trình chinh phục, trong nhiều kiếp sống, và mỗi lần chúng đều không hoàn thành. Cái chết tạo ra gián đoạn. Lần nữa chúng ta bắt đầu một cuộc hành trình chinh phục và lần nữa nó lại không hoàn thành. Cái chết lại ngắt ra lần nữa.

Chỉ một cuộc chinh phục có thể được hoàn thành.

Chỉ một phúc lạc có thể được đạt tới, và phúc lạc đó không tới từ bên ngoài, nó hiện diện ở bên trong, tại khoảnh khắc này.

Đủ cho hôm nay.

Bây giờ sẵn sàng cho thiền.

13 Bạn còn nhiều hơn bạn tưởng

Cái là chân lí, việc biết, vô hạn và phúc lạc, và cái không đổi qua trung gian của thời gian, không gian và vật chất là tat, cái đó, hay paramatma, cái ta vũ trụ. Cái tách biệt khỏi người và cái đó, là tinh tế như bầu trời, bản chất duy nhất của nó chỉ là hiện hữu; điều này chúng ta gọi là param brahman, thực tại tối thượng.

Những người bị gắn với cái tôi, bản ngã, thấy rất khó vươn tới cái người, điều thiêng liêng. Làm sao bất kì ai bị bao quanh bởi cái tôi lại có thể đi tới chân của người được? Buông xuôi sẽ là rất khó.

Đó là lí do tại sao hiền nhân này nói làm người thành trung tâm và làm tôi thành ngoại vi. Ông ấy cũng nói rằng sự tồn tại có ý thức, thuần khiết có bản chất của người. Đó là bước nhảy vĩ đại từ tôi tới người; có lẽ không bước nhảy nào khác lớn lao hơn điều này. Bỏ cái tôi của bạn khó khăn thế - điều đó không giống như cởi quần áo của bạn, điều đó giống nhiều với việc bóc đi lớp da của bạn. Vứt bỏ cái tôi hay loại bỏ nó là rất khó bởi vì trong chính nỗ lực này cái tôi cứ ngẩng đầu nó lên mãi.

Và ai sẽ là người vứt bỏ cái tôi này? Bất kì ai vứt bỏ cái tôi, đều là cái tôi. Cho nên làm sao vứt bỏ được cái tôi? Bất kì phương cách nào được dùng, nó vẫn ở trong tay của cái tôi. Nhưng cái dường như không thể được lại trở thành có thể được nếu bạn có lòng dũng cảm. Cố hiểu lòng dũng cảm này, thế thì bạn sẽ có khả năng hiểu cú nhảy này.

Bất kì ai cố gắng xoá bỏ đi cái tôi đều sẽ trong rắc rối, bởi vì xoá bỏ nó cũng là một việc làm, và mọi việc làm đều làm mạnh thêm cho người làm. Bất kì ai ham muốn vứt bỏ cái tôi đều sẽ gặp rắc rối, bởi vì trong chính nỗ lực vứt bỏ cái tôi bạn lại thừa nhận sự tồn tại của nó. Bất kì cái gì bạn ham muốn vứt bỏ, bạn cũng chấp nhận rằng nó còn mạnh hơn bạn đang đó. Bạn chỉ tránh cái mà bạn sợ.

Cho nên bạn không thể xoá bỏ cái tôi bởi vì việc xoá bỏ là một việc làm, mà bạn cũng không thể tránh cái tôi bởi vì bạn có thể

trốn đi đâu để tránh nó? Bất kì cái gì bạn tránh bao giờ cũng săn đuổi bạn. Bất kì cái gì bạn sợ, bạn chạy xa khỏi nó và nó trở thành cái bóng liên tục.

Thế thì phải làm gì với cái tôi để cho bước nhảy hướng tới người trở thành có thể? Cách duy nhất là không chạy trốn, không cố gắng xoá bỏ, không cố gắng tránh nó mà quan sát nó, nhận ra nó, biết nó và quen thuộc với nó.

Chỉ có một cách để phá huỷ cái bóng; lưới kiếm không thể chém được nó - hay có thể? Lưới kiếm sẽ bị gãy, nhưng dầu vậy cái bóng không thể bị phá huỷ. Nếu như nó có sự tồn tại thực thì nó đã có thể bị loại bỏ nhưng nó lại vô tồn tại, nó chỉ dường như tồn tại thôi. Bạn có thể thoát khỏi cái bóng của mình bằng việc chạy đi khỏi nó không? Bạn càng chạy nhanh thì cái bóng cũng sẽ theo bạn nhanh hơn bởi vì nó là cái bóng *của bạn* - nơi nào bạn sẽ trốn thoát tới được, nơi nào bạn sẽ chạy tới được?

Chỉ có một cách duy nhất để gạt bỏ cái bóng và đó là biết cái bóng, nó để làm gì, thế thì bạn có thể được tự do. Không cần loại bỏ nó mà cũng không cần trốn chạy khỏi nó, bởi vì ngay khi bạn biết cái bóng là cái bóng thì không sợ hãi nào còn lại, không mối quan tâm nào để xoá bỏ nó còn lại. Trong việc biết cái bóng, bạn biết rằng nó không tồn tại, nó chỉ dường như tồn tại mà thôi.

Chỉ có một cách để tự do khỏi cái tôi và đó là đi tới biết cái tôi sâu sắc tới mức nó dường như là cái bóng, và chính khoảnh khắc đó bạn được tự do với nó. Đó là lí do tại sao những người thực hành khiếm tốn chẳng bao giờ có thể đạt tới người.

Khiếm tốn là một dạng lịch sự của bản ngã. Nó càng lịch sự, nó càng nguy hiểm, và tinh tế nữa. Đó là lí do tại sao bản ngã của một người mà chúng ta gọi là khiếm tốn, đức độ, lại tăng lên trong người đó và lộ ra mọi khoảnh khắc. Khiếm tốn là đồ trang sức của bản ngã, đồ trang sức đẹp nhất mà bản ngã có thể đeo. Khiếm tốn là cái mặt nạ đẹp nhất mà bản ngã có thể trưng ra.

Khiếm tốn không bao giờ thẳng thắn. Trong thực tế, khi bản ngã không có mặt nạ, nó còn đơn giản và thẳng thắn hơn khiếm tốn. Người xấu chân thật và trong sạch hơn người tốt bởi vì người xấu là kẻ ích kỉ thẳng thắn, trong khi người tốt là kẻ ích kỉ gián tiếp. Bản ngã của họ ở sau nhiều tầng - rất lịch sự, tao nhã. Bản ngã

của người thường không được tinh chế, chưa được mài nhẵn như viên kim cương thô, trong khi cái gọi là bản ngã của người tốt lại giống như kim cương đã đẽo gọt - được cắt xén và đánh bóng, chói sáng. Nó có vẻ chói sáng đẹp, rực rỡ, nhưng tia lửa trong bản ngã này lại là chất độc. Dù bạn có đánh bóng cho bản ngã của mình hay che giấu nó hay tránh né nó hay cố gắng trốn khỏi nó, bạn vẫn không thoát khỏi nó. Đi tới việc biết về bản ngã mình, đi vào trong và nhận ra bản ngã này là gì.

Cho nên đừng vội vàng, đừng đưa ra đánh giá gì.

Chúng ta phạm sai lầm trong các kiếp sống của mình khi đưa ra đánh giá trước khi chúng ta có kinh nghiệm, và chúng ta bắt đầu từ những đánh giá đó. Chúng ta giống như trẻ con tính tổng, nhìn ngay vào đáp số ở cuối sách và rồi bắt đầu từ đó. Thế thì chúng chẳng bao giờ học được phương pháp cả - sao chúng phải học?

Chúng đã có đáp số rồi. Thế thì cần gì học phương pháp? Nhưng đáp số này ở trang cuối của cuốn sách không phải là đáp số của bạn, nó được vay mượn, nó sẽ không làm biến đổi cuộc sống của bạn. Ai đó không học phương pháp và không rút ra kết luận riêng của mình thì sống cuộc sống vay mượn, và tất cả các kết luận của bạn cũng đều là vay mượn cả.

Bạn đọc trong kinh sách rằng bản ngã là xấu. Kết luận này không phải là của bạn - nó là trong kinh sách. Bạn thậm chí không biết bản ngã này là gì; liệu nó tốt hay xấu có thể được quyết định sau. Bạn không quen thuộc với nó là cái gì, bạn thậm chí không có thoáng nhìn về nó là gì nhưng bạn vẫn cứ có kết luận về nó.

‘Giận dữ là xấu’ là một kết luận rút ra từ kinh sách. Từ kinh sách bạn đi tới biết mọi thứ là tốt và xấu, nhưng bạn vẫn còn như bạn hiện thế, cho dù bạn dường như biết mọi thứ.

Mọi người tới tôi và nói rằng họ biết mọi điều này, chẳng có gì mà họ không biết - nhưng bây giờ biến đổi đã trở thành khó hơn bởi vì họ nghĩ họ biết mọi thứ. Họ đã vay mượn tri thức này, bây giờ không có chỗ để biết và do đó không có khả năng nào cho biến đổi.

Cho nên nhớ lời kinh này trong đầu: tri thức mà không làm biến đổi bạn là vay mượn. Kết luận của bạn không phải là của bạn

bởi vì tri thức của bạn không phải là của riêng bạn, nó không phải là kinh nghiệm *của bạn*. Nó là cũ rích, chết và vô tích sự.

Cố hiểu bản ngã mình và đừng đưa ra đánh giá gì, rằng cái này là tốt hay cái này là xấu; nhìn vào nó một cách trực tiếp. Và nếu bạn thậm chí không thể thấy được bản ngã riêng của mình, bạn sẽ chẳng bao giờ có khả năng thấy người hay *cái đó*, bởi vì bản ngã là tầng ngoài hơn của bạn còn người là trung tâm của bạn. Làm sao người còn chưa đi tới biết bản ngã của mình lại biết tới người hay *cái đó* được?

Cho nên trước hết biết lấy cái tôi này và khi bạn đi tới biết cái tôi này, nó sẽ tan mất đi. Ngọn lửa của việc biết này thu cái tôi về tro tàn. Cái tôi tan biến như làn khói, cứ dường như nó chưa bao giờ có, nó tan biến như cái bóng. Ngay khi nó tan biến, người tìm kiếm đứng đối diện với người. Nhưng hiền nhân này nói người này cũng vẫn chưa là điều tối thượng bởi vì nó tồn tại trong mối quan hệ với cái tôi, cái đã tồn tại trước đó; cái người này đã dựa trên kí ức về cái tôi.

Ngay cả nếu tình huống thay đổi, kí ức chúng ta vẫn không đổi, nó cần thời gian để thay đổi. Kí ức về cái tôi đã tồn tại từ nhiều, nhiều kiếp quá khứ. Cho nên cho dù bản ngã có trở thành cái bóng hôm nay thì ngôn ngữ sẽ không thay đổi, bởi vì ngôn ngữ được tạo ra xung quanh cái tôi. Chúng ta sẽ vẫn nói cùng ngôn ngữ ấy. Mặc dầu bản ngã đã được chứng tỏ là không tồn tại và đã phai mờ đi và bây giờ được biết chỉ là cái bóng, dầu vậy ngôn ngữ chúng ta đã được sinh ra quanh cái bóng đó; ngôn ngữ mới còn chưa được tạo ra trong một ngày. Cách nhìn của chúng ta bao giờ cũng từ vị trí đó.

Nếu người mù lấy lại khả năng nhìn của mình, người đó sẽ không có khả năng vứt bỏ cây gậy của mình đi ngay lập tức được. Cho dù người đó có thu lại thị lực của mình, người đó sẽ vẫn bước đi với cây gậy thêm chút nữa bởi vì người đó đã liên kết với nó trong thời gian lâu thế, và bây giờ thật khó làm mất đi sự phụ thuộc vào nó. Mặc dầu cây gậy bây giờ đã trở nên vô dụng, vẫn phải mất thời gian cho người đó tìm ra tin cậy hoàn toàn vào mắt mình và từ bỏ cây gậy đằng sau.

Cho dù cái tôi có biến mất, ngôn ngữ và kí ức sẽ vẫn di chuyển quanh nó. Đây là lí do tại sao thoáng nhìn đầu tiên về thực tại sẽ là trong ngôn ngữ của người. Trong kinh nghiệm đầu tiên về thực tại cũng sẽ có thoáng nhìn về tình yêu sâu sắc. Lí do đằng sau nó là ở chỗ chúng ta bao giờ cũng tìm kiếm tình yêu mà chúng ta chưa bao giờ thấy; chúng ta đã đi tìm nhiều kiếp và thất bại. Cho nên khi lần đầu tiên điều thiêng liêng tự biểu lộ mình ở bên trong và tâm thức tối thượng tràn ngập, nó dường như giống gặp gỡ với người yêu; rằng ngôi đền chúng ta tìm kiếm là ở đây, rằng cánh cửa chúng ta dò tìm lại ở ngay trước chúng ta.

Cho nên ngôn ngữ đầu tiên sẽ là ngôn ngữ của cái tôi và của tình yêu. Người sùng kính bao giờ cũng nói ngôn ngữ này.

Nhưng hiền nhân này nói rằng nó không phải là ngôn ngữ tối thượng. Khi người mù vứt cây gậy của mình đi, khi kí ức về cái tôi tan biến, thế thì làm sao bạn sẽ có khả năng gọi nó là người được? Ai có đó bây giờ để gọi nó là người? Ý nghĩa gì sẽ còn lại trong người? Khi cái tôi đã ra đi, cái người sẽ trở thành vô dụng, nó sẽ trở thành vô nghĩa.

Đó là lí do tại sao bước nhảy thứ hai xảy ra từ người tới *cái đó*; trong bước nhảy này người biến mất, trong bước nhảy này điều thiêng liêng biểu lộ dưới dạng *cái đó*. Thế thì chúng ta có thể nói không tôi không người - chúng ta nói *cái đó*. Trong *cái đó* này, thậm chí không có một dấu vết của cái tôi còn lại. Thậm chí không còn cả cái mà đã có thời chúng ta gọi là người. Cái tôi biến mất như đường vẽ trên nước. Với điều này, cái người nữa cũng biến mất bởi vì nó chỉ là mặt kia của cái tôi. Bây giờ chỉ *cái đó* còn lại. *Cái đó* là sự xác nhận thuần khiết nhất, bây giờ không có dấu ấn nào của kí ức hay của quá khứ tạo nên cái bóng của nó. *Cái đó* là hoàn toàn không ràng buộc và dừng
dừng....

Cái đó có bốn thuộc tính: ...*chân lí, việc biết, vô hạn và phúc lạc* - điều chúng ta nói tới trong sáng nay. Hiền nhân này gọi chúng là những thuộc tính. 'Thuộc tính' là những mô tả về cách *cái đó* được nhận ra, hay cách theo đó chúng ta nhận ra *cái đó*. Đây là hai điều khác nhau.

Nếu hiền nhân này nói, nó là *chân lí, việc biết, vô hạn và phúc lạc*, điều đó cũng sẽ tạo ra những giới hạn. Nếu ông ấy nói rằng *cái đó* là vô hạn, định nghĩa này nữa sẽ làm cho *cái đó* thành hữu hạn.

Cố hiểu điều này. Nó là một cảm nhận rất tinh tế - rất tinh tế, chi li và tinh vi. Khi người ta nói rằng điều thiêng liêng là không thể định nghĩa nổi, người ta đã định nghĩa nó rồi. Phát biểu này có vẻ mâu thuẫn nhưng nó không phải vậy, bởi vì bạn đã định nghĩa nó là không thể định nghĩa được. Bạn đã chấp nhận định nghĩa này rồi - "Nó là không thể định nghĩa nổi." Điều đó cũng là một định nghĩa, bạn đã nói điều gì đó - và bạn đã nói nhiều. Nếu nó là phải thì bạn đã định nghĩa nó một cách hoàn toàn. Nếu nó là đúng, rằng điều đó là không thể định nghĩa nổi, thế thì điều này trở thành định nghĩa. Còn cái gì khác có thể là định nghĩa được?

Định nghĩa ngụ ý cái gì? Định nghĩa ngụ ý nói cái gì đó thực về cái gì đó. Ngay cả nếu chúng ta chỉ nói điều này - rằng một định nghĩa là không thể có - thì chúng ta đã định nghĩa nó rồi. Nếu chúng ta chỉ nói rằng chân lí là định nghĩa của nó, chúng ta đang gắn nó với một giới hạn; cho dù chúng ta dùng một từ hay, chân lí, nó cũng vẫn là một giới hạn. Khi chúng ta nói rằng nó là chân lí, chúng ta đang vẽ ra một vạch để loại trừ cái phi chân lí và do đó phân tách nó với chân lí. Và chúng ta đang gắn chân lí với vạch phân chia này; cái phi chân lí rơi ra ngoài và chân lí phải còn lại bên trong vạch đó.

Hiền nhân này nói rằng điều này là không đúng bởi vì nếu cái phi chân lí tồn tại, nó cũng bị chứa bên trong điều thiêng liêng. Không cái gì có thể tồn tại bên ngoài *cái đó*. Và nói rằng *cái đó* là chân lí duy nhất là cho *cái đó* một giới hạn, một biên giới. Đó là lí do tại sao một số người đã không nói gì về *cái đó* - chỉ bởi vì nói bất kì cái gì cũng đều phạm phải sai lầm. Nếu chúng ta nói nó là việc biết, chúng ta đang vẽ ra một đường biên. Nếu chúng ta nói nó là vô hạn, điều nghĩa là nó không có giới hạn... nhưng nếu chúng ta đi tới biết rằng nó là vô hạn, nó phải trở thành hữu hạn.

Ai đó nói rằng đại dương là không thể dò được. Điều đó có thể nghĩa là gì? Hoặc người này đã từng ở giới hạn của đại dương và

đã thám hiểm toàn bộ đại dương và thấy nó không thể dò được - điều này là không thể được, bởi vì nếu không có giới hạn cho chiều sâu của nó, *làm sao* người đó có thể đi tới kết luận rằng nó là không thể dò được? Người đó đã đạt tới giới hạn của nó chưa, người đó đã thám hiểm toàn bộ cái bao la của đại dương chưa? Và nếu người đó đã làm, thế thì nó có giới hạn. Và nếu người đó chưa từng ở chỗ xa đó thì người đó không nên gọi nó là không thể dò được; người đó chỉ nên nói rằng tới xa như người đó đã tới thì không tìm thấy giới hạn nào cả.

Đó là lí do tại sao hiền nhân này lại nói 'thuộc tính'. Thuộc tính nghĩa là: xa tới mức như tôi có thể đi tới, tôi thấy đại dương là không thể dò được. Nhưng đây chỉ là kinh nghiệm của tôi, *làm sao* tôi có thể nói điều này là trạng thái thực tại của đại dương được? Có thể rằng cái giới hạn này chỉ là một bước chân nữa phía trước nơi tôi kết thúc thám hiểm - điều này không phải là không có khả năng theo bất kì cách nào. Tôi không thể tìm ra một giới hạn, nhưng *làm sao* tôi có thể loại trừ khả năng của giới hạn chỉ ở ngay phía trước tôi? Tất cả những điều tôi biết là tri thức, nhưng *làm sao* tôi có thể nói rằng không có gì nhiều hơn bên ngoài tri thức *của tôi*?

Đó là lí do tại sao hiền nhân này lại gọi chúng là thuộc tính. 'Thuộc tính' nghĩa là cái chúng ta nhận ra rằng nó là cảm nhận của chúng ta, cái tới chừng mực hiểu biết của chúng ta thì chúng ta chấp nhận rằng nó là chân lí, nó là việc biết, nó là vô hạn và nó là phúc lạc. Chúng ta đã thấy nó là như vậy.

Hiền nhân này bao giờ cũng chú tâm rằng sẽ có sai lầm, nó phải rơi vào phần của chúng ta, phía con người. Hiền nhân này bao giờ cũng chấp nhận một cách có ý thức rằng họ có thể phạm phải sai lầm, nhưng không có lí do là sai lầm của họ lại được áp đặt lên điều thiêng liêng.

Tâm trí chúng ta làm việc theo những cách mâu thuẫn hoàn toàn. Bất kì kết luận nào chúng ta rút ra, chúng ta ngay lập tức áp đặt chúng lên người khác. Chúng ta không hiểu rằng chúng ta bao giờ cũng dùng một cách tiếp cận này. Một người trông đẹp trai và chúng ta nói, "Anh ấy đẹp trai." Chúng ta nên tự hạn chế mình để nói, "Anh ấy đẹp trai *với tôi*" - chỉ thế này thôi, thế này là đủ. Còn nếu người này dường như xấu, chúng ta không nên

nói, “Anh ấy trông xấu”; nói đủ là, “Anh ấy trông xấu *với tôi*, đây là cảm giác của tôi.” Với ai đó khác người đó có thể lại đẹp trai. Và nếu một người với tôi dường như là một thánh nhân, tôi nên tự hạn chế mình để nói rằng “Anh ấy cứ như là thánh *với tôi*.” Người đó có thể không là thánh với tất cả mọi người khác - và đâu là cách thức để bất kì ai cũng biết được người đó thực sự là gì?

Điều bạn biết từ dáng vẻ bên ngoài là cảm nhận của bạn - cái thích của bạn, cái không thích của bạn. Bạn hiện diện trong chúng. Nhưng bạn ngay lập tức loại trừ mình ra và áp đặt kết luận của mình cho người khác. Thế thì khó khăn phát sinh.

Hiền nhân này nói, đây là những thuộc tính. Phúc lạc nữa, ông ấy nói, là một thuộc tính, bởi vì bạn đã trong thất vọng trong biết bao nhiêu kiếp đến mức kinh nghiệm này có thể đã được cảm thấy giống phúc lạc đối với bạn. Nó cũng giống như một người đang đói trong nhiều ngày và thế rồi có được mẩu bánh mì khô. Người đó nói, “A! Thức ăn hôm nay ngon thế và đã đời thế, hết như đang được thưởng thức điều tối thượng; không có gì ngon hơn.” Người đó đang nói điều đó cho bản thân mình. Người đó đơn giản nói rằng người đó đã đói thời gian dài rồi và trong thực tế hương vị của thức ăn là do phần lớn bởi cái đói của người đó, phần nhỏ mới do thức ăn. Đó là lí do tại sao ai đó, người biết, sẽ nói, “Tôi rất đói và đó là lí do tại sao thức ăn lại ngon thế.” Thuộc tính nghĩa là nó là một cảm nhận.

Một khoảnh khắc tới khi chúng ta hoàn toàn được trống rỗng: cái tôi hoàn toàn bị xoá bỏ, cái người bị xoá bỏ và mọi kinh nghiệm của chúng ta đều bị xoá bỏ. Thế thì chúng ta sẽ nói gì? Chúng ta có gọi nó là cái vô hạn không? Chúng ta gọi nó là vô hạn bởi vì bất kì cái gì chúng ta đã biết trước đây đều hữu hạn; so sánh với kinh nghiệm trước đây của chúng ta thì *cái đó* là vô hạn. Điều chúng ta đã biết trước đây là buồn rầu, cho nên trong so sánh với điều này là phúc lạc. Điều chúng ta đã biết trước đây chỉ là dốt nát và so sánh với điều này thì nó là việc biết. Điều chúng ta đã biết trước đây là phi chân lí, trong so sánh với điều này thì nó là chân lí. Nhưng khi chúng ta hoàn toàn biến mất, thế thì làm sao chúng ta có thể định nghĩa *cái đó* được?

Bất kì khi nào Phật được hỏi về định nghĩa *cái đó*, ông ấy vẫn còn im lặng, hay ông ấy sẽ nói, “Hỏi về điều gì đó khác.” Khi Phật vào một thị trấn ông ấy sẽ thông báo cho mọi người rằng không nên hỏi ông ấy mười một câu hỏi, và một trong chúng là định nghĩa về *brahman*. Nhiều người hỏi Phật, “Thầy không có khả năng nói cho chúng tôi bởi vì thầy không biết chứ gì?”

Tất nhiên, bạn sẽ bắt đầu nghĩ theo góc độ riêng của mình; nếu Phật không nói cho bạn thì bản thân ông ấy phải không biết rồi. Cho nên nhiều người ra đi khi kết luận rằng Phật đã không biết và chưa kinh nghiệm điều đó, do đó mới có im lặng của ông ấy.

Điều họ nên nói là: “Như chúng tôi hiểu điều đó, những người nói là những người biết còn những người không nói thì không biết nó. Đó là lí do tại sao chúng tôi nghĩ rằng vì Phật im lặng nên bản thân ông ấy có thể không biết nó.” Nhưng không, thay vì thế họ lại đưa ra kết luận: “Phật không biết nó, đó là lí do tại sao ông ấy lại im lặng. Làm sao ông ấy có thể nói cho chúng ta khi bản thân ông ấy còn không biết?” Nhiều người khác rút ra kết luận: “Kinh nghiệm này là sâu sắc tới mức chúng ta sẽ không hiểu, do đó ông ấy không nói. Ông ấy sẽ nói khi chúng ta xứng đáng.” Nhiều người nghĩ, “Những kinh nghiệm này không tồn tại và Phật không muốn làm tổn thương chúng ta, do đó ông ấy không phủ nhận chúng mà giữ im lặng.”

Nhưng hiếm khi ai đó kết luận rằng Phật vẫn còn im lặng bởi vì ông ấy đã siêu việt lên trên cả hai cái tôi và cái người và đã đạt tới điểm từ đó người mà thấy các thuộc tính đã biến mất; từ điểm đó trở đi không cái gì có thể được nói về *brahman*.

Cho nên hiền nhân này nói *cái đó*, cái là những thuộc tính này....

Thuộc tính nghĩa là cái gì đó chúng ta cảm nhận.

... cái không đối qua trung gian của thời gian, không gian và vật chất...

Có hai cách cho thay đổi xảy ra trong thế giới này: thay đổi này xảy ra trong không gian, thay đổi kia xảy ra trong thời gian. Mọi thay đổi đều xảy ra trong không gian và thời gian. Bạn đã tới đây từ thành phố của mình - cho nên hai loại thay đổi xảy ra; bạn rời khỏi thành phố của mình, bạn đã đổi không gian; và thế rồi phải mất

thời gian để tới đây, vậy bạn đã thay đổi theo thời gian. Bạn lên đường vào buổi sáng, bạn tới đây vào buổi tối, bạn đã đi từ chỗ A và tới chỗ B. Hai loại thay đổi xảy ra, thay đổi trong thời gian và thay đổi trong không gian.

Thời gian và không gian là cơ sở cho thay đổi, nhưng thời gian và không gian không tạo ra thay đổi nào cho thực tại tối thượng. Cái gì có thể là lí do cho điều này? Lí do duy nhất là ở chỗ chúng ta sống trong thời gian và không gian, trong khi thời gian và không gian bản thân chúng lại sống trong thực tại tối thượng; *cái đó* không có khả năng rời khỏi chỗ này và đi tới chỗ khác bởi vì mọi không gian đều bên trong *cái đó*, và *cái đó* không có khả năng đi vào trong năm sau từ năm nay bởi vì mọi thời gian đều được hàm chứa bên trong *cái đó*.

Đây là lí do tại sao chúng ta nói điều thiêng liêng ở bên ngoài thời gian và không gian, bởi vì cho dù thời gian và không gian có tồn tại, 'ở đâu' đó vẫn cần - điều bao giờ cũng tồn tại bên trong điều thiêng liêng. Chúng ta đã định nghĩa Thượng đế là sự hiện hữu, sự tồn tại hay cái đang đó, cho nên nếu thời gian cũng tồn tại thì nó chỉ có thể ở bên trong Thượng đế. Bất kì cái gì tồn tại thì cũng chỉ có thể tồn tại bên trong điều thiêng liêng. Đây là lí do tại sao thời gian và không gian không tạo ra thay đổi gì trong điều thiêng liêng.

Với chúng ta có ba phân chia về thời gian: hiện tại, quá khứ và tương lai. Với điều thiêng liêng, thời gian bao giờ cũng hiện tại. Với chúng ta, đây và kia tồn tại, nhưng với điều thiêng liêng thì mọi thứ đều ở đây và bây giờ. Với chúng ta, hôm qua và ngày mai có một lỗ hổng thời gian, nhưng với điều thiêng liêng mọi thứ đều ở đây và bây giờ; với điều thiêng liêng nó là như vậy vĩnh hằng. Cho nên trong ngôn ngữ của sự tồn tại không có từ khác ngoại trừ ở đây và bây giờ khi có liên quan tới thời gian và không gian. Điều chúng ta ngụ ý bởi 'Thượng đế' là sự tồn tại. Sự tồn tại được gọi là *cái đó*. Nó chứa cả cái tôi và cái người. Cái tôi và cái người được sinh ra trong nó và cũng biến mất trong nó. Cái mà không thay đổi được gọi là *cái đó*. Hai điều này, người và *cái đó*, cũng là các thuộc tính.

Hiền nhân này ở đây đang bước xuống từng bước một. Trước hết ông ấy nói tôi là một thuộc tính và người đại diện cho điều thiêng liêng, còn bây giờ ông ấy nói người cũng là một thuộc tính, và cuối cùng *cái đó* cũng là như vậy.

Cái tách biệt khỏi người và cái đó, là tinh tế như bầu trời, bản chất duy nhất của nó chỉ là hiện hữu;

Chỉ tồn tại là bản tính của nó - đây là *param brahman*, vượt ra ngoài thực tại tối thượng. Đây thực tế là thực tại tối thượng - cái một mình này hiện hữu! Một bước nhảy đã được thực hiện từ cái tôi tới cái người, thế rồi từ cái người lên *cái đó*; bây giờ nó phải được thực hiện từ *cái đó* lên sự tồn tại tối thượng - nơi không còn cả không gian cho *cái đó*. Bởi vì chúng ta nói *cái đó*, lỗ hổng vẫn tồn tại - người nói đang hiện diện, ngón tay chỉ tới *cái đó* vẫn còn hiện diện. Chúng ta vẫn còn tách bạch ở đâu đó - có thể không trong hình dạng của cái tôi, nhưng chúng ta vẫn còn hiện diện. Chúng ta có thể đã biết rằng cái tôi không tồn tại và rằng cái người không tồn tại, nhưng người nói điều này vẫn hiện diện.

Ngay cả lỗ hổng này, ngay cả cái lỗ hổng nhỏ bé này, cũng là không chấp nhận được với các nhà huyền môn, ngay cả cái khoảng cách này cũng không thể được dung thứ. Khoảng cách này là không thể chấp nhận được. Một cú nhảy nữa - và cú nhảy này là tới nơi thậm chí không có cả *cái đó*.

Phật gọi nó là hư không, bởi vì không cái gì còn lại - không tôi, không người, không *cái đó*. Upanishads gọi nó là sự tồn tại. Phật gọi nó là hư không, bởi vì không cái gì còn lại từ bất kì cái gì chúng ta đã biết; Upanishads gọi nó là sự tồn tại, bởi vì bất kì cái gì chúng ta đã biết đều không có đó ngay chỗ đầu tiên. Chỉ cái là chân lí mới còn lại. Cái không là chân lí đã biến mất. Mọi mơ đã tan biến và chỉ cái đang đó còn lại. Bây giờ không cái gì còn lại mà có thể bị loại ra khỏi nó. Đây là lí do tại sao nó đã được gọi là *param brahman*, cái mà thậm chí còn vượt ra ngoài *brahman*.

Mãi cho tới giờ tất cả các định nghĩa của chúng ta đều đã gắn liền với *brahman*, chúng là các định nghĩa về *brahman*. Bây giờ hiền nhân này gọi nó là cái thậm chí còn vượt ra ngoài *brahman*,

vượt ra ngoài thực tại tối thượng. Ông ấy nói, bây giờ vứt cả brahman này, và vượt ra ngoài ngay cả brahman này mà chúng ta đã nghiên cứu sâu sắc thế; bây giờ chúng ta sẽ nói về cái ở bên ngoài ngay cả tất cả những điều này. Điều đó chỉ nghĩa là bây giờ tất cả mọi lời và nguyên tắc đã biến mất, bây giờ giờ thậm chí người tìm kiếm và cái được tìm đều đã tan biến - bây giờ cái gì còn lại?

Hiền nhân này nói: "Chỉ cái bây giờ còn lại, mới tồn tại". Gọi nó là *shunya*, hư không, hay gọi nó là *poorna*, tràn đầy... hay còn im lặng về nó, hay nói về nó cả đời. Nó là cái chúng ta đang tìm kiếm. Không thể có bất kì nghỉ ngơi nào nếu không phát hiện ra nó bởi vì chừng nào chúng ta còn chưa đạt tới nó, chúng ta sẽ cứ tiếp tục chết; cái chết sẽ xảy đi xảy lại, đau khổ sẽ tiếp tục. Chừng nào chúng ta còn chưa nhận ra không gian nơi bất kì cái gì hữu diệt đều hữu diệt, cái chết sẽ là điều không thể tránh được. Sau khi đạt tới chỗ bên kia, bên kia thực tại tối thượng, thế thì... kinh nghiệm về cái bất tử.

Sống và chết không xảy ra cho cái đang hiện hữu, chúng xảy ra cho cái chúng ta đã tạo ra. Bản ngã là việc tạo ra của chúng ta, của việc chế tạo ra của chúng ta; nó lấy việc sinh ra và nó chết đi. Tâm thức không phải là việc tạo ra của chúng ta; nó tồn tại trước khi chúng ta sinh ra và sẽ tồn tại sau khi chúng ta chết đi. Nó không bao giờ chết, nó không bao giờ lấy việc sinh ra.

Bokuju là một sư. Là một tu sĩ trong chùa, ông ấy cúng dường hoa cho tượng Phật vào buổi sáng. Vài người đã tới nghe ông ấy. Trong bài thuyết giảng của mình ông ấy nói, "Hôm nay tôi muốn nói cho các ông rằng người được gọi là Phật này chưa bao giờ tồn tại cả. Ông ta chưa bao giờ tồn tại, tất cả đều là trò dối trá lớn."

Mọi người nhảy lùi lại. Họ nghĩ rằng Bokuju đã phát điên, ông ấy nói như kẻ điên. Ông ấy không phải là sư của Phật, và trước đây họ đã thấy ông ấy trong chùa cúng dường hoa cho Phật, tôn thờ tượng Phật. Họ hỏi Bokuju, "Ông có điên không hay là ông đùa đấy? Ông vừa mới tôn thờ ông ấy xong."

Ông ta đáp, "Tôi đã tôn thờ ông ấy, và trong tối nay nữa tôi sẽ tôn thờ ông ấy, nhưng tôi nói cho các ông người này chưa

bao giờ tồn tại cả. Tôi đã không hiểu người này mãi cho tới nay, đó là lí do tại sao tôi đã nghĩ rằng ông ấy đã được sinh ra và rằng ông ấy đã chết; nhưng bây giờ thì tôi biết. Tôi vẫn nghĩ tôi điên, nhưng các ông còn chưa nghe nói về một điều nữa. Tôi có thể nói cho các ông rằng tôi nữa cũng chưa bao giờ sinh và tôi sẽ không bao giờ chết cả.”

Họ chắc chắn rằng ông ấy đã điên rồi. Phật thì riêng ra - ông ấy có thể có hay có thể không hiện hữu; vấn đề đó đã cũ hai mươi năm thế kỉ rồi và có thể hoài nghi được, ông ấy có thể đã không tồn tại - nhưng Bokuju lại đã nói, “Tôi có thể nói cho các ông một điều nữa, rằng tôi chưa bao giờ sinh và tôi sẽ không bao giờ chết.”

Vài người đứng dậy để đi và xin phép ra đi. Bây giờ bài nói của ông ấy đã vượt ra ngoài giới hạn.

Bokuju nói, “Trước khi các ông đi, nghe điều thứ ba nữa: Tôi bảo các ông rằng các ông chưa bao giờ sinh và các ông sẽ cũng không bao giờ chết.”

Nếu tất cả mọi người khác đều phải thì Bokuju là điên, còn nếu Bokuju là phải thì tất cả những người khác là điên. Không có cách nào khác. Nhưng tất cả những người trí huệ trên trái đất đều nói rằng Bokuju là phải.

Với cái là điều tinh túy thuần khiết, sự tồn tại thuần khiết, sự hiện hữu thuần khiết, sống và chết không gì nhiều hơn làn gió thoảng. Nhưng sống và chết trở thành quan trọng với bạn tới mức bạn không biết chúng. Cái mà bạn biết là bản ngã, là việc tạo ra của bạn và nó run rẩy ngay cả trong làn gió nhẹ nhất; chỉ một làn gió nhẹ và ngọn lửa của bản ngã bắt đầu lay lắt: “Bây giờ mình qua đời, bây giờ mình qua đời!” Luật của cuộc sống là rất kì lạ. Nếu có ngọn lửa của chiếc đèn tí hon, thế thì ngay cả một làn gió nhẹ cũng thổi tắt nó. Nhưng nếu nó là đám cháy lớn, ngay cả một cơn bão cũng chỉ làm cho nó mạnh thêm.

Cho nên nếu nó là bản ngã đang đối diện với làn gió, cái chết dường như xảy ra; nếu nó là sự hiện hữu thuần khiết đối diện, thoáng nhìn về cuộc sống được hiển lộ. Một làn gió nhỏ chạm vào bản ngã... và cái chết, chỉ cái chết xuất hiện. Nhưng ngay cả bão có đánh vào linh hồn, bản thể, mật ngọt của cuộc sống lại mưa rào xuống.

Cơn gió nhỏ thổi tắt ngọn đèn nhưng làm cho đám cháy ngày một lớn hơn. Bản ngã là rất nhỏ, nó là bìa đặt của chúng ta - nhưng chúng ta bao la bởi vì chúng ta không phải là việc tạo ra của riêng mình, chúng ta do cái vô hạn tạo ra.

Cho nên hiểu rằng bạn bao giờ cũng lớn hơn bạn tự thấy mình - bạn còn bao la hơn bản thân mình; bạn bao giờ cũng ở bên ngoài bản thân mình. Tất cả mọi cái nhỏ nhen của bạn đều là kết quả của nỗ lực riêng của bạn, của việc làm riêng của bạn; tất cả mọi thảm hại của bạn đều là kết quả của nỗ lực anh hùng riêng của bạn. Chính hành vi dũng cảm riêng của bạn là ở chỗ bạn vẫn còn là ngọn lửa nhỏ của chiếc đèn, sợ chết mọi khoảnh khắc, lo nghĩ về đau khổ, rắc rối, đau đớn và âu lo.

Lấy cú nhảy ra khỏi cái điên khùng của mình đi. Cú nhảy đó bắt đầu từ bản ngã.

Đủ cho hôm nay.

Bây giờ chúng ta làm nỗ lực nào đó cho cái nhảy này.

14 Chấm dứt ảo tưởng

*Cái không có bắt đầu nhưng lại kết thúc, cái hiện diện bình đẳng
trong cả cái được thấy và được không thấy,
Cái không thực, không giả, không thực-giả, và cái bản thân nó
dường như thuần khiết nhất, hoàn thiện nhất- năng lượng đó được
gọi là maya, ảo tưởng.
Nó không thể được mô tả theo bất kì cách nào khác.
ảo tưởng là dốt nát, nó không có nghĩa và là giả.
Nhưng với người si mê,
ảo tưởng là thật trong ba trạng thái thời gian: quá khứ, hiện tại và
tương lai.
Do đó bản chất thực của nó không thể được truyền đạt chỉ bởi
nói, “Nó là thế...”*

Việc hiểu thực tại của cuộc sống sẽ rất đơn giản nếu như chỉ có hai phân loại bên trong sự tồn tại - cái thực và cái giả. Thế thì chúng ta có thể đã dễ dàng nói rằng cái gì đó tồn tại hay không tồn tại. Sẽ không có khó khăn gì nếu như có phân chia rành mạch trong cuộc sống, trong sự tồn tại. Nhưng có một phân loại nữa của sự tồn tại mà chúng ta không thể nói rằng nó tồn tại hay không tồn tại. Cái đó tạo ra toàn bộ sự phức tạp.

Điều đó cũng giống như khi chiếc dây thừng nằm trên đường, mà với bạn thì trông giống như con rắn bởi vì có bóng tối. Con rắn này có tồn tại hay không? Nói rằng có, nó tồn tại hay không, nó không tồn tại thì đã là đơn giản. Thế thì sẽ không có phức tạp. Nhưng con rắn được thấy trong chiếc dây thừng theo một cách nào đó là không tồn tại - bởi vì khi điều tra bạn thấy ra rằng nó thực tế là chiếc dây thừng chứ không phải là con rắn - nhưng theo một nghĩa khác thì rắn lại hiện hữu, bởi vì nó đã xuất hiện cho bạn. Và nó không chỉ xuất hiện, nó đã làm cho bạn phải bỏ chạy. Bạn có thể bị ngã khi vội vã và thậm chí làm mình bị thương. Nó có thể làm tăng nhịp tim đập của bạn, làm bạn toát mồ hôi, và nếu bạn chưa bao giờ quay lại điều tra nó, bạn bao giờ cũng sống với ý tưởng rằng nó là con rắn.

Người ta có thể chạy trốn khỏi cái gì đó không tồn tại hay không? Có thể toát mồ hôi bởi vì cái gì đó không tồn tại hay không? Có thể run tim bởi vì cái gì đó không tồn tại hay không? Tất cả những điều này có thể xảy ra bởi vì một hiện tượng không tồn tại hay không? Nếu tất cả những điều này có thể xảy ra, thế thì chúng ta phải chấp nhận sự tồn tại của nó theo một nghĩa nào đó, bởi vì không thể nào phủ nhận được hoàn toàn một hiện tượng không tồn tại mà có thể gây cho những điều này xảy ra.

Bạn có giấc mơ ghê rợn trong đêm; giấc ngủ của bạn bị quấy rối và vậy mà bạn biết nó chỉ là mơ - nhưng nhịp tim nhanh của bạn vẫn không được giảm đi và các chi của bạn vẫn tiếp tục run run. Đã được thừa nhận, nó chỉ là mơ, và bây giờ bạn cũng biết rằng nó chỉ là mơ, nhưng đầu thế trái tim thực vẫn run và hoang mang vẫn tiếp tục. Phải mất một khoảng thời gian giấc ngủ mới tới lại.

Hiền nhân này nói rằng gọi cái gì đó là không tồn tại là không đúng nếu nó có ảnh hưởng tới thực tế thực tại. Và điều thú vị là loại thứ ba này chi phối tới mức toàn bộ cuộc sống của chúng ta đều dưới ảnh hưởng của nó; do đó không thể phủ nhận nó được. Loại thứ ba này có ý nghĩa tới mức toàn bộ cuộc sống của chúng ta đều chịu ảnh hưởng bởi nó và xoay quanh nó.

Đó là lí do tại sao Ấn Độ đã phát minh ra một từ mới, *maya*, ảo vọng. Maya không phải thực không phải giả, nó là ở giữa. Theo cách này nó hiện hữu và theo cách khác nó không hiện hữu. Nó đã được gọi là maya bởi vì nó chỉ dường như hiện hữu.

Nhà ảo thuật có thể tạo ra cây. Trước hàng nghìn con mắt cây này sẽ bắt đầu mọc và trong một khoảnh khắc nó bắt đầu ra quả, và quả trở nên to ra trông thấy. Tất cả những người đang xem điều này đều biết rằng điều đó là không thể được, rằng điều này không phải như vậy, nhưng vậy mà nó lại dường như là vậy.

Ý nghĩa cơ bản của maya là nghệ thuật của ảo tưởng. Ý nghĩa cơ bản của maya là ảo thuật. Nó nghĩa là có một khả năng cho cái không tồn tại được mọi người thấy. Và mặt khác, cũng có thể là

cái đang hiện hữu lại có thể không được thấy. Cái đang có thì có thể dấu kín đi, còn cái không có lại có thể biểu lộ.

Đây là ba trạng thái: không tồn tại thuần khiết, với nó ảo tưởng là không thể có được; tồn tại thuần khiết, với nó ảo tưởng cũng là không thể có được; thêm nữa, cái tồn tại theo cách này và không tồn tại theo cách kia - chỉ ở đây ảo tưởng mới có thể có. Trạng thái thứ ba này cũng là một dạng của sự tồn tại; nó được gọi là maya, ảo vọng. Đây là ý nghĩa ngôn ngữ của maya. Nếu chúng ta có thể đi tới hiểu cái bao la của maya thì chúng ta sẽ biết những chiều khác của nó trong cuộc sống.

Cái mà đang hiện hữu, là như vậy vĩnh hằng. Nó không có bắt đầu và nó không có kết thúc, nó sẽ còn lại vĩnh hằng. Cái mà không tồn tại thuần khiết, nó nữa cũng không có bắt đầu. Làm sao nó có thể có bắt đầu khi nó không tồn tại? Nó không có kết thúc bởi vì nó chưa bao giờ tồn tại cả! Maya không có bắt đầu, nhưng nó có kết thúc; nó là một loại ở giữa. Nó không có bắt đầu, nó là vô thủy - nhưng nó có kết thúc..

Ta hiểu nó như thế này: bóng tối đang có đó, nó là vĩnh hằng, nhưng nó có thể bị kết thúc; nếu đèn được thắp lên, thế thì bóng tối biến mất. Loại thứ ba này, loại của maya, là trong sự tồn tại một cách vĩnh hằng, giống như bóng tối. Vậy mà khi người ta thức tỉnh trong tâm thức thì maya chấm dứt; khi tâm thức tràn đầy ánh sáng, bóng tối của maya tan biến. Cái được gọi là maya là mơ bao la.

Mơ có một đặc trưng đặc biệt là ở chỗ khi nó có đó, người ta cảm thấy nó là thực trong khi nó còn kéo dài. Tất cả chúng ta đều có những giấc mơ và thế rồi nhận ra vào buổi sáng rằng mơ này không thực, nhưng khi chúng ta có mơ khác vào đêm hôm sau, lại cảm thấy nó là thực. Trong khi mơ chúng ta chưa bao giờ nhớ rằng nó là giả. Nếu chúng ta có thể nhớ được, mơ sẽ tan biến.

Mơ có một đặc thù cố hữu; khi nó đang xảy ra, nó hoàn toàn thực - thậm chí không có lấy một chút hoài nghi nảy sinh, không có đến một hoài nghi. Những nhà hoài nghi vĩ đại, người có thể hoài nghi liệu thế giới này có tồn tại hay là không, vẫn không thể hoài nghi được về mơ trong khi nó xảy ra.

Berkeley, một nhà tư tưởng phương Tây vĩ đại, nói: “Tôi hoài nghi liệu thế giới này có tồn tại hay không, bởi vì có khả năng là nó có thể chỉ là mơ dài. Làm sao tôi có thể tin được rằng bạn đang thực sự đứng ở đây? Tôi có thể đơn giản đang mơ. Làm sao tôi có thể chắc chắn rằng mọi người tôi đang thấy đây thực sự có đó? Tôi có thể nói với họ trong mơ của mình. Bất kì mơ nào cũng hết như là thực như bạn đang thực ngồi ở đây.” Cho nên Berkeley hỏi: “Làm sao mà tin được? Làm sao để chắc chắn rằng bạn đang đấy?”

Chúng ta gọi mơ là mơ bởi vì nó tan biến vào buổi sáng. Nhưng điều chúng ta gọi là thức cũng tan biến vào buổi tối. Khi chúng ta thức dậy vào buổi sáng từ mơ chúng ta thấy nó là giả, nó đã tan biến. Ai đó là hoàng đế trong đêm trong khi người đó mơ thấy mình là kẻ ăn xin vào buổi sáng. Và thế rồi, sau khi là kẻ ăn xin cả ngày dài, khi người đó ngủ ban đêm, người đó hoàn toàn quên mất về việc ăn xin. Trong đêm ai nhớ về việc là kẻ ăn xin? Có khác biệt gì giữa một hoàng đế và kẻ ăn xin trong khi ngủ không? Trong giấc ngủ ngay cả hoàng đế cũng không thể nhớ được rằng mình là hoàng đế. Vậy mơ của ban ngày tan biến trong đêm.

Thế thì khác biệt là gì? Mơ này tan biến vào buổi sáng còn mơ kia tan biến vào buổi tối. Chúng ta quên mất ngày trong mơ đêm và chúng ta quên mất đêm trong mơ ngày - khác biệt là gì?

Cho nên Berkeley nói: “Làm sao tôi có thể tin được rằng có sự tồn tại nào đó bên ngoài tôi?”

Đó là một ý tưởng rất thú vị, nhưng ngay cả Berkeley cũng không có khả năng nhớ được trong khi mơ rằng điều ông ấy đang thấy có thể bị hoài nghi. Trong trạng thái thức hoài nghi là có thể, nhưng trong khi ngủ thì hoài nghi là không thể. Ngay cả những người vĩ đại nhất trong những người hay hoài nghi cũng không có khả năng hoài nghi trong mơ.

Thế giới ảo tưởng của mơ rất kì lạ. Ngay cả trạng thái thức cũng không có nhiều quyền năng; nó còn kém quyền năng hơn bởi vì chúng ta có thể hoài nghi nó. Chúng ta có thể nói rằng người ta chẳng bao giờ biết liệu cái được thấy có thực tồn tại hay không. Nhưng ảo tưởng bên trong mơ là không thể tin được.

Trong mơ chúng ta hoàn toàn bị mất hút và chìm ngập, chúng ta chấp nhận những tình huống hoàn toàn phi logic. Mơ không cho phép bất kì logic nào; nếu logic còn lại, hoài nghi cũng còn lại.

Trong mơ bạn thấy người bạn đang đứng trước mình bỗng nhiên biến thành con ngựa - và bạn chẳng bao giờ hoài nghi: Làm sao điều đó có thể được? Trong mơ của mình bạn chưa bao giờ hoài nghi cả. Khi bạn mơ bạn tràn đầy tin cậy, tin cậy của bạn là tuyệt đối. Trong trạng thái thức ngay cả người đáng tin nhất cũng bị hoài nghi, nhưng trong trạng thái mơ ngay cả người đáng hoài nghi nhất cũng được tin cậy. Bạn chưa bao giờ hoài nghi lấy một khoảnh khắc bạn mình biến thành ngựa - nhưng làm sao điều đó có thể xảy ra được?

Trong mơ mọi thứ đều được chấp nhận - mơ không có logic. Mơ có phẩm chất này - người ta không thể hoài nghi trong khi mơ. Bất kì cái gì được thấy trong mơ đều cảm như thực chừng nào mơ còn tiếp tục. Bất kì cái gì có thể xảy ra trong mơ, nó sẽ không là không nhất quán. Nó chỉ là cùng cõi giới bên trong hài hoà.

Mơ và điều được gọi là maya có một đặc trưng chung. Hiểu điều đó như thế này - maya là việc mơ trong trạng thái thức. Đó là lí do tại sao tâm trí được bao quanh càng nhiều bởi ảo tưởng, càng khó để nó hoài nghi, để nêu ra hoài nghi về maya này. Trạng thái này của maya cho người ta cảm thấy hoàn toàn thực với nó. Bạn thấy một khuôn mặt và nó trông đẹp với bạn, dường như là cuộc sống của bạn có thể được hi sinh cho khuôn mặt này ...

Trong câu chuyện tình của Laila và Majnu, Laila chưa bao giờ xuất hiện với bất kì ai khác như cách cô ấy được Majnu nhìn. Cả làng đều cảm thấy nỗi đau của Majnu, cho nên ông trưởng thôn gọi Majnu tới và nói, “Cậu hoàn toàn điên rồi. Sao cậu chỉ nghĩ mỗi về cô ấy thôi? Cô ấy là đứa con gái rất bình thường, rất thông thường. Sao cậu lại phát rồ lên vì cô ấy thế? Tôi cảm thấy thương hại cho cậu” - bởi vì Majnu cứ lang thang khắp làng kêu, khóc, đi tới hết cửa nhà nọ tới nhà kia, cứ gọi “Laila ơi...Laila ơi!”

Tin tức lọt tới tai nhà vua. Ông ta cũng thấy nỗi niềm đau khổ của Majnu và cảm thấy rằng điều đó là thực, rằng việc khóc lóc của anh ta là thực, và động lòng trắc ẩn với anh ta. Ông ta triệu

một tá cô gái trong cung điện tới và bảo Majnu anh ta có thể chọn bất kì ai trong số họ và quên Laila đi.

Majnu nhìn vào mười hai cô gái này; họ đều là những cô gái đẹp nhất vương quốc, nhưng anh ta nói, “Laila đâu? Họ thậm chí không bằng hạt bụi dưới chân Laila.”

Nhà vua nói, “Hoặc là cậu điên hoặc là cậu đã mất hết cảm giác rồi. Ta đã thấy Laila và cô ấy là cô gái trông rất bình thường. Sao cậu lại nói rằng những cô gái đẹp nhất này thậm chí không bằng hạt bụi dưới chân Laila?”

Majnu nói, “Để thấy Laila, cần phải có con mắt của Majnu.”

Nhưng những con mắt này, con mắt của Majnu, chúng làm gì với Laila? Chúng đang áp đặt cái gì đó lên Laila mà cô ấy không có. Những con mắt này đang tạo ra mơ nào đó về Laila; những con mắt này đang tạo ra maya nào đó, ảo vọng nào đó quanh Laila mà cô ấy không có. Laila, như được biết với Majnu, chứa nhiều phần Majnu hơn phần của bản thân Laila. Laila hiện diện thậm chí không được mười phần trăm, cô ấy chín mươi phần trăm là Majnu. Và có khả năng là cô ấy chỉ có một phần trăm Laila còn chín mươi chín phần trăm là Majnu. Điều Majnu đang thấy là phóng chiếu riêng của anh ta, đó là sáng tạo riêng của anh ta; đó là tâm trí riêng của anh ta đang thêu dệt ra mơ xung quanh khuôn mặt của Laila. Chính tâm trí của Majnu đang dệt ra một mạng nhện, trùm lên Laila bằng hương thơm, vẻ đẹp, bằng giai điệu.

Tâm trí con người dệt nên ảo tưởng và rồi phóng chiếu chúng từ bên trong bản thân người đó, cách con nhện nhả tơ từ thân thể mình và dệt nên mạng nhện. Chỉ một vật đỡ được cần tới từ bên ngoài - có vậy thôi. Ngay cả con nhện cũng cần một vật đỡ từ đó để treo mạng nhện lên, con nhện cần một bức tường hay cánh cửa để treo mạng nhện của mình lên. Nó chỉ cần một vật đỡ để treo nó lên, phần còn lại là sáng tạo của riêng nó.

Con người nữa cũng cần cái gì đó xung quanh để bịa ra ảo tưởng của mình. Laila không nhiều hơn một cái giá để treo nó lên. Dáng vẻ của Laila không là gì nhiều hơn bịa đặt của Majnu, cái mạng nhện của anh ta. Maya nghĩa là khả năng tâm trí con người

tạo ra mơ xung quanh bản thân mình. Và điều rất thú vị cũng là ở chỗ con nhện bắt đầu bước đi trên mạng nhện của mình, nằm trên nó, cư ngụ trong nó. Mạng nhện bắt nguồn từ bên trong nó và nó cũng trở thành con đường của nó, đường đi của nó. Mạng nhện là nhà của nó, phương tiện kiếm thức ăn của nó, phương tiện sinh nhai của nó. Mạng nhện sẽ bẫy thức ăn cho nó, và mạng nhện là sáng tạo riêng của con nhện.

Đôi khi sự việc cũng xảy ra là bản thân con nhện trở nên bị bắt giữ trong mạng nhện của chính mình và khó mà thoát ra được. Đôi khi mạng nhện trở nên rối rắm, cơn gió mạnh nào đó có thể làm quán mạng nhện xung quanh con nhện. Đôi khi mạng nhện bị rách và con nhện bị treo trên không trung. Điều thú vị là ở chỗ mạng nhện là sáng tạo riêng của con nhện - nó tới từ bụng nhện - và nó cũng có thể làm nhện mắc bẫy. Đôi khi nhện cũng bị mắc bẫy trong cái mạng nhện của chính mình đến mức nó không thể nào thoát ra khỏi mạng được; cùng cái mạng nhện đó đã là cuộc sống của nó một ngày nào đó có thể trở thành cái chết của nó.

Maya nghĩa là khả năng của tâm trí con người thuê dệt lên thế giới mơ xung quanh bản thân mình. Mơ này có nhiều thích thú trong đó, bằng không thì con người đã không tạo ra nó; nó cũng có nhiều hạnh phúc trong đó, bằng không thì tại sao con người lại tạo ra nó? Mơ này cũng chứa nhiều đau khổ trong nó, bằng không thì sao một Phật hay một Mahavira lại định thoát ra khỏi nó? Thích thú của mơ này chỉ kéo dài chừng nào chúng ta còn đang mơ nó.

Và điều rất thú vị là đối tượng mà quanh người đó mơ này được tạo ra lại trở thành lí do cho sự tan nát mơ

- bởi vì, trong thực tế, con người này không tương ứng gì với mơ của chúng ta cả; người đó có sự tồn tại riêng của mình, mơ riêng của mình. Bạn gặp một người - rất đáng yêu, rất đẹp, duyên dáng - và bạn phóng chiếu mơ của mình lên người đó. Không nhất thiết là người đó cũng phóng chiếu mơ của mình lên bạn. Đây là chỗ những người yêu bị trục trặc.

Những người yêu tới tôi và một trong họ hỏi, “Tôi yêu anh ấy nhiều thế mà sao anh ấy lại không yêu tôi?” Anh ấy không phải yêu, anh ấy có tự do để bịa ra mơ riêng của mình. Anh ấy có thể

làm bạn thành cái móc để treo mơ của mình lên hay anh ấy có thể không làm - anh ấy có thể đã chọn cái móc khác nào đó. Điều đó không thể bị ép buộc lên anh ấy được. Anh ấy đang dệt mạng nhện của mình từ cái giá đỡ riêng của mình, cái móc riêng của anh ấy, và bạn đang dệt mạng nhện của mình lên anh ấy. Trục trặc nhất định nảy sinh một ngày nào đó: vào một lúc nào đó cái mạng nhện của bạn sẽ làm cho anh ấy cảm thấy giống như tù túng và vào lúc khác cái mạng nhện của anh ấy, được dệt quanh ai đó khác, sẽ là nỗi đau cho bạn. Cho dù chúng ta giả thiết rằng hai người dệt các cái mạng nhện của mình quanh lẫn nhau, thế nữa, đấu tranh vẫn là không tránh khỏi bởi vì từng người đều đang dệt mạng nhện của riêng mình. Đau đớn là không tránh khỏi, con đường của họ xung đột, những mong đợi tan tành và mơ bị phá vỡ. Từng người đều có kế hoạch riêng của mình để thêu dệt mơ bên trong của mình.

Hiểu điều đó như thế này: nếu hai người đang chiếu hai bộ phim khác nhau từ hai máy chiếu cùng một lúc lên cùng một màn ảnh - hai bộ phim trên một màn ảnh - trục trặc nhất định nảy sinh. Mọi thứ sẽ chèn lấn và chẳng cái gì rõ ràng cả. Nhưng ở đây không chỉ có hai phim đang chiếu trên màn hình, mà có lẽ đến mười, mười lăm hay hai mươi người đang chiếu phim của mình lên cùng một màn ảnh. Điều đó tạo ra lẫn lộn, chẳng cái gì được đạt tới, và tất cả đều là nỗi buồn và khổ. Mọi mơ đều tan tành. Đến cuối cuộc đời mình kho báu duy nhất mà con người còn giữ lại trong tay mình là vỡ mộng; chỉ tro tàn của những mơ đã tan nát và mạng nhện vướng vào.

Tâm trí có khả năng kép: một là phóng chiếu, lan toả một ý tưởng, một cảm giác, một bịa đặt, và khả năng kia là trở nên bị thôi miên bởi phóng chiếu của riêng mình - một trạng thái tự thôi miên, bị bắt giữ trong bịa đặt của riêng mình. Trước hết chúng ta đặt cái đẹp vào một khuôn mặt, trước hết chúng ta nói, “Em đẹp lắm” - nhưng bản thân chúng ta lại đang tạo ra cái đẹp và thế rồi chúng ta bị mê hoặc bởi nó! Đây là phần kia, tự thôi miên.

Cho tới ngày nay, không định nghĩa nào về cái đẹp đã được tìm thấy và sẽ không bao giờ tìm được bởi vì nó là phóng chiếu cá nhân, nó không phải là sự kiện thực. Đó là lí do tại sao khi thời

gian thay đổi, kiểu cách cũng thay đổi và tiêu chí về cái đẹp thay đổi. Đôi khi mũi tẹt lại đẹp, đôi khi mũi lõ lại đẹp; đôi khi khuôn mặt trắng là đẹp, đôi khi khuôn mặt ngăm đen là đẹp.

Chúng ta quan niệm về Rama và Krishna có da sẫm; màu sẫm là đẹp nhất trong những ngày đó. Chúng ta không biết liệu họ sẫm hay trắng, nhưng màu sẫm đã được ngưỡng mộ trong những ngày đó; vào thời đó, màu sẫm được coi là đẹp. Đó là lí do tại sao chúng ta không quan niệm về Krishna có da sáng màu - ngay cả cái tên Krishna hay Shyam cả hai cũng đều đồng nghĩa với màu đen.

Ngày nay chúng ta không quan niệm về màu đen là đẹp, bởi vì trong một trăm năm qua, một trăm năm mươi năm qua, màu trắng đã trở nên chi phối. Cho nên khi chúng ta nói rằng màu đen là đẹp, điều đó tạo ra hoài nghi - mặc dầu điều này sẽ không kéo dài lâu, bởi vì cái đẹp Mĩ đang làm nỗ lực lớn để có được màu sẫm, nằm trên bãi biển với hi vọng rằng ánh mặt trời có thể làm cho họ sẫm lại. Trắng - quá nhiều trắng - tạo ra chán, và trắng dường như nông cạn. Khi dòng sông sâu, nó trở thành sẫm; dòng sông nông trông trắng, có nhiều bọt trắng trên bề mặt. Mầu sẫm dường như có chút ít chiều sâu hơn. Ngay cả bề mặt của dòng sông cũng biểu lộ thực tại của nó - nếu nó sẫm thì nó sâu, nếu nó sáng thì nó nông. Nhưng ý tưởng này thay đổi với thời gian thay đổi; đôi khi trắng dường như thực sự đáng yêu, thế rồi chúng ta phát chán với nó và sẫm trở thành đẹp.

Có những bộ lạc thích phụ nữ của mình để đầu trọc. Chúng ta cạo trọc đầu của các *sannyasins* để cho họ trông không hấp dẫn, không có lí do nào khác. Một sannyasin không nên trông đẹp bởi vì người đó đang rời bỏ thế giới của ham muốn và cái đẹp. Nhưng có những bộ lạc, người nguyên thủy châu Phi, cạo đầu phụ nữ - nhưng không cạo đầu đàn ông, bởi vì đàn ông có thể làm việc không cần đẹp. Họ cạo đầu phụ nữ bởi vì cái đầu trọc trông đẹp với họ. Có lẽ ý tưởng của họ là có nghĩa bởi vì họ nói, "Chừng nào đầu còn chưa được cạo đi, những đường cong chi li trên sọ là không thấy được bởi vì đầu bị tóc bao phủ. Cái sọ xấu có thể bị che khuất. Nhưng khi cái đầu hoàn toàn cạo sạch thì người ta có thể biết hình dạng thực và những tỉ lệ; bằng không thì người ta có thể bị lừa dối."

Đẹp là gì? - chính chúng ta là người phóng chiếu nó. Chúng ta phóng chiếu những quan niệm của mình; thế thì nó trông đẹp với chúng ta và chúng ta bị quyến rũ bởi nó. Bạn đã bao giờ bị mê hoặc bởi chính mình khi đứng trước gương không? Thế thì bạn sẽ hiểu điều tôi đang nói.

Có một câu chuyện Hi Lạp về Narcissus, người nhìn vào chính mình trong nước hồ và trở nên bị mê hoặc - người đó đi yêu chính mình. Thế là người đó gặp rắc rối lớn bởi vì rất khó tìm bản thân mình. Làm sao làm điều đó được? Anh ta nhìn mọi nơi nhưng anh ta không thể nào tìm ra được khuôn mặt mà mình đã yêu.

Freud đã gọi những người đi yêu mình là narcissists

- người tự yêu mình. Phần lớn chúng ta đều rất gần với người tự yêu mình - chúng ta cũng giống như Narcissus. Chúng ta yêu chính bản thân mình, mặc dầu chúng ta có thể không nói ra điều đó. Một người như Byron yêu hàng trăm phụ nữ. Ông ấy có thể đã không thừa nhận điều đó, nhưng các nhà tâm lý nói rằng lý do ông ấy yêu nhiều phụ nữ thế là ở chỗ mọi lúc phụ nữ bảo ông ấy rằng ông ấy rất đẹp trai... cho nên đấy chỉ là để đoan chắc lại, đấy chỉ là để tự hâm mộ mình. Việc tìm kiếm này không là gì ngoài việc tìm kiếm để yêu cái ta riêng của mình; hàng nghìn phụ nữ phải nói rằng bạn rất đáng yêu... Ông ấy chỉ yêu mỗi mình ông ấy; nhưng khi hàng nghìn phụ nữ nói điều đó, niềm tin của người ta vào nó thành sâu đậm hơn.

Khi chúng ta yêu ai đó, chúng ta đang yêu những quan niệm riêng của mình, tưởng tượng riêng của mình về cái đẹp, cảm giác riêng của mình, lý tưởng riêng của mình - chúng ta bị bao quanh bởi chính mình, mọi người trong chúng ta đều là một Narcissus. Nhưng tất cả những phóng chiếu này đều dường như thật đến mức nó tất cả đều dường như đúng.

Nếu mạng nhện rách về một phía, nhện sẽ lại bắt đầu dệt từ chỗ đỡ khác. Chúng ta cũng làm cùng điều này. Nếu mơ của chúng ta bị tan nát bởi người này, chúng ta bắt lấy người khác như cái giá đỡ và lại bắt đầu dệt cái mạng nhện của mình. Mơ này bị tan tành và ngay lập tức chúng ta bắt đầu mơ khác, nhưng chúng ta chưa bao giờ trở nên nhận biết về sự kiện rằng điều chúng ta đang làm chẳng

có gì liên quan với thực tại cả. Chắc chắn nó không hoàn toàn giả, bằng không thì chúng ta đã chẳng xoay xở với nó; nó cũng không hoàn toàn thực, bằng không thì chúng ta đã chẳng đau khổ. Nó là ở giữa - nó là giả, nhưng nó có vẻ giống như nó là thật. Đây là điều được ngụ ý bởi maya:

Cái không có bắt đầu nhưng lại kết thúc...

... Cái không bao giờ bắt đầu, vậy mà đi tới kết thúc. Kí ức không nhớ được khi nào maya bắt đầu. Kí ức không nhớ được khi nào chúng ta rơi vào cái mạng nhện này. Không có cách nào để biết khi nào chúng ta rơi vào trong bóng tối này; nó là vô thủy. Nhưng kết thúc là có thể.

Khi ai đó hỏi Phật làm sao buồn đi vào trong sự tồn tại, ông ấy đáp, “Đừng lo nghĩ về điều đó. Hỏi làm sao nó có thể được kết thúc. Đừng hỏi về cái bắt đầu, ông nên hỏi về cách kết thúc nó - và ta biết cách kết thúc nó.”

Phật còn nói thêm, “Một người trúng tên ngã xuống đất, mũi tên cắm vào ngực anh ta. Ta tới anh ta để rút mũi tên ra, nhưng người này lại nói, ‘Trước hết nói cho tôi ai bắn mũi tên? Tại sao người đó lại làm điều đó? Khi nào người đó bắn mũi tên? Nó có thuốc độc hay không? Đây có phải là nghiệp quá khứ của tôi không?’

“Ta sẽ bảo anh ta, ‘Đừng hỏi những câu hỏi này. Ta có thể nói cho anh kĩ thuật lấy mũi tên ra và cách chấm dứt cái đau của anh.’”

Maya là vô thủy. Điều rất giá trị là các nhà tiên tri Ấn Độ đã dũng cảm thể trong việc chấp nhận các sự kiện. Rất ít luồng tư tưởng có khả năng chấp nhận rằng cái gì đó tồn tại mà vô thủy. Tâm trí nói rằng phải có cái bắt đầu, rằng ở đâu đó, lúc nào đó, phải có sự bắt đầu.

Đó là lí do tại sao người Ki tô giáo đã nói rằng thế giới này đã đi vào sự tồn tại từ bốn nghìn lẻ bốn năm trước Jesus. Họ thậm chí còn ấn định cả ngày tháng. Thế rồi họ thấy mình bị rắc rối vì các nhà khoa học đã thấy rằng trái đất rất già - bốn tỉ năm. Nhưng con người sống trong mơ và logic riêng của mình.

Người Ki tô giáo đã gặp khó khăn khi người ta phát hiện ra những hoá thạch mà ngày tháng lùi lại hàng triệu năm, và khi các nhà khoa học tìm thấy kim loại và đá hàng tỉ năm. Nhưng người Ki tô giáo đang nói nó mới bắt đầu bốn nghìn lẻ bốn năm trước

Jesus, có nghĩa là chỉ mới sáu nghìn năm trước. Điều đó trở thành vấn đề, bởi vì các nền văn minh đã được phát hiện ở cực đỉnh của họ quăng bảy nghìn năm trước. Có những tham chiếu tới mười nghìn năm. Rigveda nói tới hình thể các sao và hành tinh có ngày tháng lùi ngược tới chín mươi nhăm nghìn năm. Phải làm gì với tất cả những điều này?

Cho nên bây giờ con người đã tạo ra giả-logic: Người Ki tô giáo đã bắt đầu nói rằng mặc dầu Thượng đế đã tạo ra thế giới này từ bốn nghìn năm trước, đấy chỉ là để thử thách niềm tin của con người mà ngài đã để mọi thứ nằm đấy hàng triệu năm. Ngài đã tạo ra những cái xương đó - bởi vì không cái gì là không thể được đối với ngài. Nếu ngài đã có thể tạo ra cả trái đất này, chẳng lẽ ngài không thể tạo ra được một mảnh xương hàng triệu năm sao, cái có thể dường như là hàng triệu năm sao? Ngài đã để những bộ xương đó ở đó để cho niềm tin và sự tin cậy của con người có thể được thử thách.

Điều đó chỉ có thể là việc thử thách niềm tin khi tất cả mọi lí do cho việc không tin đều hiện diện và, mặc cho những lí do này, họ có thể cứ chấp nhận cái ý tưởng về việc sáng tạo chỉ mới bốn nghìn lẻ bốn năm trước Jesus. Đây là việc hợp lí hoá, chúng ta cố gắng hợp lí hoá ảo tưởng của mình bằng logic.

Những nhà tiên tri Ấn Độ này đang theo một con đường dũng cảm, họ chấp nhận các sự kiện. Người trí huệ nói rằng thế giới này không có bắt đầu. Về cơ bản, Ấn Độ là dân tộc duy nhất trên trái đất chấp nhận hiện tượng vô thuỷ. Không ai khác có thể chấp nhận nó: bằng cách này cách khác phải có sự bắt đầu, cho dù điều đó có thể không được biết với chúng ta - bởi vì làm sao có thể không có bắt đầu chút nào mà lại vẫn tồn tại? Nhưng đây là một kiểu logic rất hời hợt. Chân lí là ở chỗ nếu cái gì đó được bắt đầu, phải có cái gì đó trước đó, bằng không thì làm sao nó có thể bắt đầu được? Ngay cả cái bắt đầu cũng cần cái gì đó tồn tại trước nó để bắt đầu.

Cho nên các nhà tiên tri Ấn Độ này nói rằng ngay cả với cái bắt đầu, cái gì đó phải đã hiện diện rồi. Đây là lí do tại sao bất kì khái niệm nào về cái bắt đầu đều vô nghĩa. Chúng ta có thể quan niệm về cái bắt đầu vào bất kì lúc nào, vào bất kì ngày tháng nào - hàng triệu hay hàng tỉ năm trước - nhưng bất kì khi nào nó

bắt đầu, nó lại không thể là cái bắt đầu được vì điều bản chất phải có cái gì đó đã tồn tại trước để cho nó bắt đầu. Đó là lí do tại sao chúng ta lại chấp nhận rằng sự tồn tại này là vô thủy. Khái niệm về cái bắt đầu gây ra hồi qui vô hạn; nó không có nghĩa và trở thành giống như trò chơi trẻ con. Chẳng hạn, chúng ta nói A sinh ra từ B, và B được sinh ra từ C, và C được sinh ra từ D - nhưng nếu cái gì đó cần tồn tại để cho sự sinh thành ra cái tiếp, tới một điểm mà chúng ta phải chấp nhận rằng toàn bộ dây chuyền này là vô thủy. Bằng không thì chúng ta cứ đi lùi lại phát minh ra những từ mới, và tất cả những từ đó sẽ không giải quyết được vấn đề - mặc dầu chúng dường như trả lời cho nó. Nhưng câu hỏi sẽ vẫn còn đó như trước; nó chỉ dường như là logic thôi.

Chẳng hạn, người ta có thể hỏi, “Trái đất đứng trên cái gì?” Và chúng ta có thể đáp rằng nó dựa trên lưng voi và con voi đó đứng trên con rùa. Nhưng điều chỉ có vẻ giống logic, bởi vì nếu bạn phải dừng ở đâu đó thì sao không dừng với bản thân trái đất? Trái đất không đứng trên cái gì cả. Nếu chúng ta phải nói rằng nó là vô thủy, rằng nó chưa bao giờ bắt đầu, sao lại đi xa thế trên cuộc hành trình ngu xuẩn này? Chấp nhận chân lí đơn giản rằng cái gì đó là vô thủy, rằng nó chưa bao giờ bắt đầu.

Nhưng một điều rất đặc biệt về nó là ở chỗ cái gì đó vô thủy lại có thể có kết thúc. Bây giờ điều đó thậm chí còn trở nên khó hơn cho logic, bởi vì cái vô thủy phải không có kết thúc - đây là suy diễn đơn giản. Làm sao cái gây không có chỗ bắt đầu lại có chỗ kết thúc khác? Hoặc cả hai đầu tồn tại hoặc không có đầu nào. Đây là suy luận đơn giản - rất rõ ràng. Thậm chí các nhà toán học cũng sẽ nói điều đó là sai. Nếu nó có bắt đầu thì nó phải có kết thúc - vậy có hai đầu. Nhưng bạn nói rằng chỉ có một đầu - cái cuối cùng - và rằng không có điểm bắt đầu. Điều này không thể xảy ra được. Chúng ta cũng nghĩ theo cùng cách này. Tôi sẽ nêu cho bạn một ví dụ để hiểu điều này. Trong một trăm năm qua điều chúng ta gọi là logic Aristote, logic tuyến tính đã thất bại. Một truyền thống lâu dài hai nghìn năm của kiểu logic này không còn hợp lệ nữa, nó đã thất bại bởi khoa học. Cú đánh lớn nhất là từ phát hiện ra nguyên tử, bởi vì ngay khi các nhà vật lí nhìn vào nguyên tử thì một hiện tượng duy nhất đi tới được biết đến mà không logic nào có thể hiểu thấu.

Và hiện tượng này đã là ở chỗ khi nguyên tử nổ, các hạt cơ bản của nó - điện tử - dường như vừa cả hạt và sóng, đồng thời. Theo logic thì điều này là không thể có được, điều đó là không thể được. Aristotle đã nói rằng điều này là vô nghĩa, nó hoặc là hạt hoặc là sóng. Làm sao một vật lại vừa có thể là hạt và sóng đồng thời được? Sóng có nghĩa là cái không phải là hạt, còn hạt nghĩa là cái không chuyển động, bất động và không gợn sóng. Sóng có thể chứa hạt trong nó, nhưng hạt không thể chứa sóng trong nó được - một sự kiện rất đơn giản.

Nhưng một khó khăn lớn nảy sinh. Ngay cả các nhà vật lí cũng gặp rắc rối, bởi vì toàn bộ suy nghĩ phương Tây đã chấp nhận Aristotle như cơ sở của nó. Trong hai nghìn năm nó chưa bao giờ thất bại, Aristotle bao giờ cũng đúng; đó là lí do tại sao ông ấy đã được gọi là 'cha của logic'. Nhưng hiện tượng này về sóng và hạt, những điện tử này đã đẩy Aristotle vào khó khăn.

Bây giờ chỉ có hai khả năng: hoặc là theo Aristotle và nói rằng điều đó không thể xảy ra được, cho dù nó đang xảy ra - rằng hạt có thể đồng thời là sóng - phủ nhận nó và nhắm mắt lại... Nhưng làm sao các nhà khoa học lại có thể nhắm mắt lại được? Điều đó đã xảy ra! Hoặc nếu không chỉ còn lại mỗi cách là quên Aristotle đi. Việc theo ông ấy đã là điều phải cho tới giờ, bởi vì không khái niệm mâu thuẫn nào đã được lưu ý mà lại bác bỏ ông ta. Bây giờ sự kiện này đã phủ nhận logic của ông ấy. Chúng ta định tin vào cái nào - logic hay sự kiện? Nếu chúng ta đã tin chỉ vào logic, toàn bộ tiến triển của khoa học đã bị dừng lại.

Các nhà khoa học thu lấy can đảm và đồng ý cải tiến logic của Aristotle bởi vì không có cách nào để thay đổi chân lí. Bây giờ phải làm gì? Bởi vì hạt đồng thời là sóng, nên một từ mới - lượng tử, một hạt-sóng - từ chưa bao giờ có trước đây, đã được thai nghiệm ra. Tiếng Hindu đã không có thuật ngữ như vậy, đây là lí do tại sao chúng ta phải nói 'hạt-sóng'. Tiếng Anh đã tạo ra một từ mới - quantum lượng tử: nó có nghĩa là cùng một thứ là cả hai, đồng thời. Cho nên logic của Aristote bị mang tai tiếng.

Các hiền nhân của Ấn Độ, trong việc tìm kiếm tâm linh của mình, cũng đạt tới những không gian nơi sự kiện đánh bại logic. Sự kiện này là một trong những ví dụ như vậy. Các nhà tiên tri Ấn Độ chấp nhận rằng logic là đúng, rằng cái gì đó không có bắt đầu không thể có kết thúc, nhưng chúng ta đã thấy nó kết thúc và chúng ta bất lực! Chúng ta đã kinh nghiệm ở bên trong mình rằng maya tới chỗ kết thúc và nó không có bắt đầu. Bây giờ phải làm gì? Khó khăn của chúng ta trong cõi kinh nghiệm bên trong cũng giống như khó khăn của phương Tây trong việc tôn trọng cơ chế lượng tử. Chúng ta cũng biết logic mà chúng ta đã phát triển lâu từ trước Aristotle. Logic Aristote đã phát triển qua

hai mươi năm thế kỉ, trong khi trường phái logic phương Đông đã tồn tại ít nhất bảy nghìn năm. Chúng ta cũng biết rằng đây là qui tắc của logic; chúng ta biết hoàn toàn rõ, nhưng phải làm gì đây? Phải làm gì nếu sự kiện không thuận theo logic? Chúng ta nhất định chấp nhận sự kiện phi logic. Sự kiện này ở ngoài logic.

Maya không có bắt đầu; tìm và tìm chúng ta đã thấy rằng dù cái gì chúng ta có thể gọi là bắt đầu cũng chẳng thành vấn đề, nó thực sự không thể là cái bắt đầu, vì để cái gì đó bắt đầu, cái gì đó phải tồn tại trước nó - và lần nữa việc tìm cái bắt đầu khác lại bắt đầu. Nhưng khi chúng ta đi sâu vào bên trong, một khoảnh khắc tới khi toàn bộ sự dính líu của các phóng chiếu của chúng ta bị tan tành và chúng ta thoát ra khỏi maya. Maya không có bắt đầu, nhưng nó kết thúc; điều này chúng ta biết như một sự kiện qua kinh nghiệm của mình. Đó là lí do tại sao Upanishads không phải là tuyên bố logic, chúng là kết luận của quan sát bên trong của chúng ta. Bất kì khi nào một sự kiện là sâu sắc, logic phải bị vứt bỏ, không có cách khác.

Tâm lí học phương Tây bây giờ đã phát hiện ra sự kiện nơi logic thông thường phải thay đổi. Tôi vừa nói về vật lí... bây giờ với Jung, tâm lí học phương Tây cũng đã đi tới một khái niệm mới. Chúng ta bao giờ cũng nghĩ rằng nam là nam và nữ là nữ, nhưng Jung đã phát hiện ra rằng mọi đàn ông đều có đàn bà bên trong và mọi đàn bà đều có đàn ông bên trong, chỉ tỉ lệ là khác nhau. Chúng ta gọi là đàn ông những người có sáu mươi phần trăm đàn ông và bốn mươi phần trăm đàn bà, và là đàn bà những người có sáu mươi phần trăm đàn bà và bốn mươi phần trăm đàn ông. Khác biệt chỉ về lượng - không có khác biệt rõ rệt - cho nên trong mọi đàn ông đều có đàn bà, và trong mọi đàn bà đều có đàn ông.

Cho nên Jung nói: “Chúng ta nên nói rằng khái niệm cũ - rằng đàn ông là đàn ông và đàn bà là đàn bà - đã tỏ ra sai. Gọi đàn bà mang tính đàn ông, hay gọi đàn ông mang tính đàn bà đều là vô nghĩa. Con người là lưỡng dục. Phân chia giới tính cũ lạc hậu rồi.”

Và Jung đã đẩy chúng ta vào khó khăn hơn. Ông ấy nói: “Khi tôi đi sâu vào kinh nghiệm của mình, tôi đã thấy rằng tỉ lệ này là

không chắc chắn, nó thay đổi nhiều lần trong ngày. Một người có lẽ nhiều tính đàn bà hơn vào buổi sáng và nhiều tính đàn ông hơn vào buổi tối. Cũng có thể là bạn hành xử như đàn ông hôm nay và ngày mai bạn hành xử như đàn bà.”

Bạn đã bao giờ chú ý tới điều này chưa? Tôi biết một người đàn ông, một đàn ông rất dũng cảm, bạo dạn: vậy mà khi nhà anh ta bốc cháy thì anh ta bắt đầu khóc, đấm ngực và dứt tóc mình, còn hơn cả đàn bà đã làm. Khi tôi thấy anh ta khóc tôi không thể nào tin được rằng anh ta là cùng con người đó. Anh ta đã hành xử hết như đàn bà. Nếu chúng ta theo logic cũ thì chúng ta sẽ nói rằng điều này biểu lộ sự yếu đuối của anh ấy, cái vô ý thức của anh ấy. Nhưng tâm lí học hiện đại sẽ nói rằng đấy không phải là yếu đuối, đấy chỉ là tỉ lệ đã thay đổi và người đàn bà bên trong của anh ta đã trở thành thống trị.

Đôi khi chúng ta đã thấy đàn bà đánh nhau và vật lộn như đàn ông. Đôi khi một Nữ hoàng của Jhansi, Joan-of-Arc của Ấn Độ, hành xử như đàn ông, thế thì chúng ta gọi bà ấy là mang nam tính, tin rằng bà ấy là một người đàn bà đặc biệt. Không phải vậy đâu, điều đó có thể biểu lộ trong bất kì đàn bà nào. Và nhiều lần chuyện xảy ra là khi nam tính của đàn bà biểu lộ thì cô ấy còn mang nam tính nhiều hơn đàn ông, bởi vì nam tính của cô ấy là tươi tắn và hoang sơ. Nó đã ngủ và vẫn còn không được dùng tới, giống như đất vẫn còn chưa được trồng cấy hàng trăm năm và do vậy rất màu mỡ; nếu hạt mầm được gieo trong nó thì sản lượng sẽ rất lớn, cánh đồng bao quanh cho sản lượng cao vì bao nhiêu năm trông khô cằn. Vậy, khi người đàn bà mang nam tính, người đàn ông ẩn kín của cô ấy, nam tính ngủ của cô ấy, là rất tươi tắn và mạnh mẽ bởi vì nó vẫn còn chưa được biểu lộ - do đó có bùng nổ. Và khi một đàn ông mang nữ tính, sự dịu dàng của anh ấy vượt quá ngay cả sự dịu dàng của đàn bà; anh ấy còn nữ tính hơn bất kì đàn bà nào.

Với tâm lí mới, suy nghĩ tuyến tính và logic thất bại. Logic nói rằng đàn bà là đàn bà và đàn ông là đàn ông; đàn ông không phải là đàn bà và đàn bà không phải là đàn ông, nhưng sự kiện là ở chỗ cả hai là cả hai. Đã đến lúc phải bỏ các khái niệm cũ.

Jung nói rằng sự hấp dẫn là do điều này, bằng không thì sẽ không có sự hấp dẫn nào. Một hiện tượng duy nhất đã được lưu ý tới, rằng đàn ông tìm đàn bà giống với người đàn bà bên trong mình. Chỉ thế thì tình yêu mới xảy ra, bằng không nó không xảy ra.

Và đó là lí do tại sao sự việc lại xảy ra là bạn có thể yêu một người đàn bà hay một người đàn ông, và thế rồi ngày mai tình yêu đó ra đi. Thế rồi bạn giận dữ, nói rằng có lẽ người đàn ông này hay người đàn bà này là không đúng. Nhưng lí do lại chỉ là ở chỗ mối quan hệ với người đàn bà bên trong hay người đàn ông bên trong đã bị mất. Bạn đã làm ra hình ảnh người nam hay người nữ bên trong mà bạn đi tìm kiếm, và khi bạn đang trong quan hệ với hình ảnh đó, bạn gọi nó là tình yêu.

Tình yêu không là gì ngoài mối quan hệ với ai đó hài hoà với hình ảnh bên trong của bạn. Nhưng mọi người đều cứ thay đổi, đó là lí do tại sao mối quan hệ hôm nay có thể không còn tác dụng vào ngày mai. Nó có đó vào buổi sáng và có thể đi mất vào buổi tối.

Những người trí huệ của Ấn Độ đã kinh nghiệm cái không có bắt đầu nhưng có kết thúc, và cái không có kết thúc nhưng có bắt đầu.

Bây giờ tôi sẽ nói cho các bạn về phần thứ hai: maya không có bắt đầu, chứng ngộ có bắt đầu nhưng không có kết thúc.

Chứng ngộ, *moksha*, nghĩa là tự do với maya. Nó có bắt đầu - bởi vì một ngày nào đó bạn vượt lên trên maya

- nhưng nó chưa bao giờ kết thúc cả. Mahavira đã trở nên chứng ngộ, và bây giờ việc chứng ngộ này không có kết thúc.

Những nhà tiên tri Ấn Độ có thể thấu hiểu rằng maya là trạng thái không có bắt đầu vậy mà có kết thúc: chứng ngộ là trạng thái khác có bắt đầu nhưng không có kết thúc. Nếu chúng ta đặt cả hai điều này lại cùng nhau thì vòng tròn đầy đủ. Cái vô thủy trong maya, là vô chung trong chứng ngộ. Cái là bắt đầu của chứng ngộ, là cái kết thúc của maya. Cái kết thúc của maya, là cái bắt đầu của chứng ngộ. Vòng tròn đầy đủ.

Vòng tròn này là kinh nghiệm tâm linh, nó không phải là logic. Nếu người ta muốn có kinh nghiệm này qua logic, điều đó cũng giống như cố gắng bước đi bằng chân và tay bị cột lại với nhau. Nếu vậy bạn không thể nào bước được, điều đó không có

nghĩa là hiện tượng bước là giả, nó chỉ có nghĩa là bạn bị cột chặt vào logic riêng của mình.

Cái không có bắt đầu nhưng lại kết thúc, cái hiện diện bình đẳng trong cả cái được thấy và được không thấy,

Cái không thực, không giả, không thực-giả, và cái bản thân nó dường như thuần khiết nhất, hoàn thiện nhất- năng lượng đó được gọi là maya, ảo tưởng.

Nó dường như là không khiếm khuyết bởi vì trong khi nó được thấy thì nó xuất hiện, như mơ, rất thực và thật sự. Khi nó biến mất, không phải là nó được thấy với khiếm khuyết, nó chỉ biến mất. Khi nó được thấy, nó xuất hiện như thực tại rắn chắc, khi nó không được thấy, nó hoàn toàn không thực. Sự tồn tại này của maya giữa hai trạng thái này đã được gọi là *sansara*, thế giới này.

Nó không thể được mô tả theo bất kì cách nào khác.

Không gì nhiều hơn có thể được nói về nó. Để biết nhiều hơn người ta phải kinh nghiệm nó. Nói đã đủ rồi và không gì thêm nữa được cần tới. Nhiều hơn điều này là không thể được. Lời kinh này là đầy đủ. Nếu người ta muốn biết nhiều hơn, người ta phải biết qua việc kinh nghiệm.

ảo tưởng là đốt nát, nó không có nghĩa và là giả.

Nhưng với người si mê,

ảo tưởng là thật trong ba trạng thái thời gian: quá khứ, hiện tại và tương lai.

Do đó bản chất thực của nó không thể được truyền đạt chỉ bởi nói, "Nó là thế...."

Có ba điều ở đây: đốt nát - chúng ta không biết và đó là lí do tại sao ảo tưởng lại xuất hiện; đốt nát của chúng ta là cơ sở cho nó.

Khi dây thừng dường như là con rắn, cơ sở cho nó là gì? Việc nhận diện đúng về dây thừng bị thiếu, do đó nó có vẻ như là con rắn. Giá mà chúng ta lại gần nó hơn, thắp ngọn đèn và nhìn vào nó, rắn đã biến mất; con rắn tồn tại bởi vì việc không biết của chúng ta, không phải bởi vì dây thừng.

Cố hiểu điều đó cho đúng. Con rắn tồn tại bởi vì sự đốt nát của chúng ta, không phải bởi vì cái dây thừng; cái dây thừng vẫn là cái dây thừng cho dù sau khi nhận ra nó. Nó đã là dây thừng trước

khi chúng ta nhận ra nó. Nhưng thế rồi một khoảnh khắc tới khi chúng ta thấy một ảo tưởng trong bóng tối, chúng ta đã thấy nó từ khoảng cách xa và chúng ta bỏ chạy. Trong bóng tối và không có rấn; con rấn mà chúng ta thấy đó đã tới từ đâu? Nó tới từ cái không biết của chúng ta và từ kí ức của chúng ta. Trong quá khứ chúng ta đã thấy rấn và cái dây thừng lại giống rấn - dây thừng giống như rấn bởi vì trời tối, và chúng ta bỏ chạy. Nỗi sợ làm việc, kí ức làm việc

- kí ức cũ về rấn đã phóng chiếu lên màn ảnh, cùng với bóng tối, làm việc. Chúng ta đã không tới đủ gần; đốt nát đã làm việc và dây thừng trở thành rấn. Đôi khi điều đối lập cũng xảy ra, đôi khi con rấn lại trở thành dây thừng. Chuyện đã xảy ra cho Tulsidas. Anh ta bí mật tới gặp vợ, nhưng anh ta không thể nào vào được bằng cửa trước bởi vì chưa tới một ngày từ khi vợ anh ta về nhà mẹ mình ở, và anh ta lại nhút nhát đến mức anh ta không thể đi tới qua cửa trước cho nên anh ta trèo lên phía sau ngôi nhà. Lúc đó là đêm mưa và rấn đang treo rũ xuống. Anh ta cứ tưởng đó là cái dây thừng và tóm lấy nó và trèo lên. Điều này cũng xảy ra: nếu dây thừng có thể trông giống rấn, sao rấn lại không thể trông giống dây thừng được?

Lí do cho điều này cũng nằm ở kí ức - rằng nó trông giống dây thừng. Anh ta đã trong vội vã tới mức anh ta không có thời gian để nhìn xem nó là cái gì. Anh ta sợ ai đó có thể thấy mình, có thể bắt mình. Không có cơ hội nào để điều tra nó, để kiểm tra nó, bằng không thì anh ta đã đi qua cửa trước rồi. Không có cách nào để đem đèn theo mình vì kẻ trộm không mang đèn. Một sự cuồng dại sâu sắc, một ham muốn sâu sắc để ở cùng với vợ... cho nên rấn trở thành dây thừng. Rấn vẫn là rấn - cơ sở vẫn là sự đốt nát.

... nó không có nghĩa và là giả.

Mọi thứ quanh chúng ta đều nhỏ bé và tầm thường, mọi thứ bạn phóng chiếu ảo tưởng của mình lên đều tầm thường. Nó cũng giống như màn ảnh phim: chẳng có gì cho nó cả, chỉ màn ảnh trắng trống trơn, nhưng thế rồi bạn chiếu biết bao nhiêu hình ảnh lên nó và thế rồi lấy niềm vui lớn trong chúng - bạn gần như phát cuồng về những hình ảnh! Những phim này chỉ là trò chơi của

ánh sáng và bóng tối, chỉ là các hình mẫu của ánh sáng và không gì khác, nhưng bạn lại phát rồ lên về chúng.

Bây giờ có phim lập thể. Khi phim lập thể lần đầu tiên được sản xuất, chúng trông hoàn toàn như thật. Cho nên khi phim lập thể lần đầu tiên được chiếu ở London, và một người cưỡi ngựa phi nhanh tới và ném giáo ra, mọi người trong rạp đều cúi đầu né tránh cái giáo bởi vì nó trông thật thể. Chiếc giáo có bề dài, bề rộng và bề sâu, và khi nó được ném ra thì dường như là đang lao về phía khán giả. Không có thời gian để nhớ rằng họ đang ngồi trong rạp chiếu phim. Họ cúi đầu, bởi vì dường như là không có khác biệt gì giữa cái giáo thật và cái giáo này trong phim. Và cái gì xảy ra? - chẳng cái gì cả, chỉ là trò chơi của ánh sáng và bóng. Nhưng ảo tưởng là có thể ...

Bởi vì cái đang đó, lại không có mấy ý nghĩa và tầm thường thế, bản thân bạn làm cho nó thành lớn. Bạn đem ý nghĩa cho mơ của mình và làm cho nó thành rất quan trọng. Đó là lí do tại sao khi mơ của bạn tan nát, người mà mơ của bạn đã phóng chiếu lên mất đi mọi vẻ duyên dáng của họ và trở thành đáng chán. Con người thì vẫn thế, chỉ có điều là bây giờ bạn đã vứt bỏ mơ của mình.

...và là giả.

‘Giả’ nghĩa là cái không có đó, cái không tồn tại, nhưng thực sự dường như tồn tại. ‘Giả’ là đồng nghĩa với maya. Chúng ta tạo ra sự kiện giả qua maya. ‘Giả’ nghĩa là sự kiện giả, còn maya là năng lượng để tạo ra những sự kiện giả này.

Nhưng với người si mê...

Người si mê không phải là kẻ ngu. Hiểu rằng si mê không có nghĩa là ngu. Ngay cả người thông minh cũng có thể si mê, người có học, vĩ đại cũng có thể si mê. Si mê không có nghĩa là ngốc, si mê có nghĩa là bị chìm ngập trong maya, bị mất đi và bị thôi miên bởi maya. Cho nên một bác học vĩ đại có thể cũng si mê - Tulsidas đã là một học giả vĩ đại, và không cái gì thiếu trong vốn học thức của ông ấy, nhưng ông ấy si mê.

Tại phương Đông có câu ngạn ngữ rằng người mẹ mất hai mươi năm năm nuôi lớn đứa con thông minh, và chỉ mất hai phút cho thiếu phụ trẻ làm cho anh ta thành kẻ si mê. Người mẹ phí hoài hai mươi năm năm để làm cho anh ta thông minh -

trong học hành, trong hiểu biết - và người mẹ không nhận biết rằng một phụ nữ trẻ bình thường sẽ làm si mê anh ta trong vài phút, và thế thì mọi thông minh đều bị mất.

Si mê không có nghĩa là ngu, si mê nghĩa là ở trong trạng thái ảo tưởng. Bất kì ai cũng có thể si mê, và khi người ta si mê thì thông minh không tính tới. Ai đó có thể thông minh khoảnh khắc này và khoảnh khắc tiếp mọi thông minh của người đó có thể bay đâu mất, cứ dường như người đó đã trở nên bị ngây ngất, hay giống như người đi bộ trên phố, có ý thức, và bỗng nhiên người đó được cho viên thuốc làm cho người đó vô ý thức và người đó bắt đầu loạng choạng, nghiêng ngả.

Tất cả chúng ta bên trong đều có tiềm năng này về năng lượng maya. Khi chúng ta cho nó cơ hội, nó xoè tấm ô của nó ra và chúng ta bị bao phủ bởi nó. Việc ở dưới cái ô maya này được gọi là si mê.

Cho nên chúng ta có ba từ: một là maya - maya là năng lượng; từ khác là *mithya* – mithya nghĩa là cái giả hay sự kiện giả được sinh ra từ maya này; từ thứ ba là *moodhata* - si mê, ảo tưởng, tâm thức bị bao phủ bởi maya.

Cho nên khi chúng ta gọi ai đó là *moodh*, ngu si, điều đó không có nghĩa là người đó là kẻ ngu, điều đó chỉ ngụ ý người đó đã bị tự mình làm thành ngu si. Người đó cũng có thể trở nên thông minh. Thông minh lớn là không cần để gạt bỏ ảo tưởng này. Hiểu phần thứ hai này: không nhất thiết cho một người phải rất thông minh để làm điều đó, thậm chí có thể ngay cả kẻ ngu si cũng gạt bỏ được ảo tưởng của họ - bởi vì người thông minh cũng có thể là kẻ ngu si.

Đôi khi chuyện xảy ra là một dân làng đơn giản lại đạt tới trí huệ tối thượng. Điều đó có nghĩa là người đó ở ngoài ảo tưởng, có vậy thôi. Kabir hay Nanak, Taran, Dadu hay Farid, tất cả đều là những người thất học. Mohammed và Jesus đều không là người hiểu biết theo bất kì nghĩa nào; họ không có tâm trí phức tạp, không có giáo dục. Họ là những người rất bình thường, nhưng bỗng nhiên họ đã nhảy ra khỏi ảo tưởng của mình và đạt tới trí huệ tối thượng, trở thành những người chứng ngộ tối cao.

Trí huệ tối thượng này bùng lên sau khi xoá bỏ ảo tưởng, và tri thức thông thường, học thức, tới sau khi xoá bỏ đi cái dốt nát, ngu si. Dễ dàng xoá bỏ dốt nát, nó bị xoá bỏ bởi việc tích lũy tri thức. Việc không biết về nhiều điều được gọi là dốt nát. Một người biết về nhiều điều được gọi là học giả, nhưng học giả và kẻ dốt nát là trong cùng một loại, họ chỉ khác nhau ở phần lượng. Người dốt nát biết ít, học giả biết nhiều hơn. Khác biệt là về lượng, không về chất, bởi vì cả hai đều có thể bị si mê; vào bất kì lúc nào một trong họ cũng có thể bị si mê.

Cái đối lập của ảo tưởng được gọi là trí huệ còn cái đối lập của dốt nát được gọi là tri thức. Đó là lí do tại sao tri thức có thể được học nhưng trí huệ thì không. Tri thức có thể được vay mượn, nhưng không có cách nào vay mượn trí huệ cả. Tri thức chỉ là tích lũy, nhưng trí huệ là cuộc cách mạng bên trong. Ảo tưởng có thể tan biến. Ảo tưởng nghĩa là bị thôi miên và bị mê mẩn bởi maya. Khả năng thoát ra khỏi ảnh hưởng của maya được gọi là trí huệ.

Nhưng với người si mê,

ảo tưởng là thật trong ba trạng thái thời gian...

Ba trạng thái thời gian này là gì khi maya dường như là thật đối với người si mê? Mọi thứ đều có ba khoảnh khắc tồn tại: khi nó chưa có, khi nó có, và khi nó lại đi vào không tồn tại. Mọi thứ đều trải qua ba chiều thời gian này.

Tôi thấy bạn ngay bây giờ và tôi không trong tình yêu với bạn; đây là một trạng thái. Thấy bạn, tôi đắm yêu; đây là tình huống thứ hai. Ngày mai, tình yêu tan biến; đây là trạng thái thứ ba. Đây là ba trạng thái của tình yêu - nó đã không có, rồi nó có, và nó lại không có.

Hiền nhân này nói rằng người si mê thấy maya như thực trong cả ba trạng thái này. Khi nó không có đó, người đó nghĩ tình yêu không tồn tại và rằng đây là thực tại; khi nó xuất hiện, người đó nghĩ nó tồn tại và rằng đây là thực tại; khi nó dừng lại, người đó lại nghĩ nó không tồn tại và rằng đây là thực tại. Không một điều nào trong ba điều này là thực tại cả, chúng chỉ là ba trạng thái của thời gian. Mọi kinh nghiệm về maya, mọi si mê đều có ba khoảnh khắc: trước khi hiện hữu, hiện hữu, và

sau khi hiện hữu. Về tất cả ba trạng thái này, bất kì cái gì xảy ra cho một người vào thời điểm đó thì người đó đều tin nó là thực.

Điều này nghĩa là gì? Nó nghĩa là nếu một người đang yêu tin rằng có tình yêu và rằng nó là cái gì đó thật, thế thì khi tình yêu biến mất người đó sẽ tin rằng không có tình yêu - và người đó sẽ tin điều này với cùng chiều sâu và sự thuyết phục như người đó trước đây đã tin rằng đã có tình yêu.

Nhưng người đó không có khả năng thấy rằng việc này mà bây giờ trở thành không tồn tại đã không có sự tồn tại ngay chỗ đầu tiên, hay rằng cái gì đó bây giờ tồn tại và đã không có đó ở khoảnh khắc trước. Có thể rằng sự tồn tại hiện tại của nó nữa cũng chẳng là cái gì ngoài ảo tưởng về sự hiện hữu đang xảy ra thì sao? Bởi vì cái đang có, bao giờ cũng có, và bao giờ cũng sẽ có đó; cái tới rồi đi hay xuất hiện rồi biến mất chỉ có thể là ảo tưởng, lừa dối, thôi miên.

Với người si mê thì nó là thực trong cả ba trạng thái của thời gian. Do đó rất khó làm cho người si mê hiểu được maya là gì.

Hiền nhân này nói:

Do đó bản chất thực của nó không thể được truyền đạt chỉ bởi nói, “Nó là thế....”

Cái gì là cái không thể được truyền đạt?... Bởi vì khi chuyện tình của người đó qua đi và người đó được bảo rằng sự tồn tại của tình yêu này chỉ là ảo tưởng, người đó tin vào điều đó. Nhưng lần nữa, ngày mai, khi một chuyện tình mới xuất hiện - thử nói với người đó điều này lần nữa mà xem! Người đó sẽ từ chối. Người đó sẽ nói rằng tình yêu trước có thể không tồn tại, nhưng tình yêu này thì có. Con người có khả năng trở lại bị si mê.

Tôi đã nghe nói về một người lấy vợ đến tám lần. Theo một cách nào đó điều này là tốt rằng có nhiều cơ hội đến thế để lấy vợ; có lẽ anh ta có thể đi tới ý thức sau khi lặp lại sự si mê của mình nhiều lần thế. Nhưng con người có khả năng vô hạn để si mê.

Anh ta đã ngạc nhiên khi anh ta lấy vợ lần thứ nhất và trở nên hết si mê sau sáu tháng. Mọi thứ đều mất, mơ của anh ta đã tan tành và anh ta cứ nghĩ rằng anh ta đã chọn đàn bà sai. Anh ta lấy vợ lần thứ hai và sau sáu tháng lại thấy rằng mình lại đã chọn

đàn bà sai. Người đàn bà thứ hai đã tỏ ra giống hệt người thứ nhất.

Anh ta đã chọn tám lần mà đàn bà cứ tỏ ra là cùng một kiểu.

Nhưng ngay cả thế anh ta cũng vẫn không thể nào hiểu nổi rằng chính anh ta là người làm việc chọn lựa, cho nên làm sao sự chọn lựa mới có thể khác được? Làm sao điều đó có thể xảy ra được? Vẫn là cùng người đàn ông đã làm việc chọn lựa thứ nhất! Cách làm việc chọn lựa của anh ta - cách anh ta nhìn, phóng chiếu của ảo tưởng của anh ta, khái niệm của anh ta về cái đẹp, tưởng tượng của anh ta về tình yêu - tất cả vẫn như thế cho lần thứ hai, và lần thứ ba và cứ như thế, nhưng mọi lần anh ta nghĩ rằng anh ta đã chọn lựa người đàn bà sai. Chưa bao giờ anh ta chợt thấy rằng người chọn, người thực hiện việc chọn này, không thể làm bất kì cái gì khác hơn việc chọn sai. Chính người sai này lại định ra tiêu chuẩn để chọn người sẽ khớp với các tiêu chí của mình.

Khó khăn với việc si mê trong ba trạng thái thời gian là ở chỗ bạn chưa bao giờ cảm nhận rằng đấy chính là do cái mạng nhện riêng của bạn dệt nên, bạn bao giờ cũng đi trách người khác. Nếu tôi yêu bạn, tôi không thấy rằng chính tôi đã rơi vào tình yêu, tôi chỉ thấy rằng bạn cũng đáng yêu, đáng yêu hoàn hảo thế. Thế rồi ngày mai, bởi vì phóng chiếu mà tôi đã làm, trực trặc bắt đầu nảy sinh. Tôi đáng chỉ nên nói: “Bởi vì cái kiểu người mà anh đang là, nên việc rơi vào tình yêu với em là không tránh khỏi.

Em không chịu trách nhiệm cho nó - em chỉ là cái giá treo quần áo còn anh là chiếc áo choàng; anh tự treo mình lên em, em không có cách nào phải chịu trách nhiệm cho điều đó cả. Em không bị dính líu vào việc này. Giá mà anh không gặp em thì anh đã tìm loại giá quần áo nào khác khớp với anh. Chỉ ngẫu nhiên mà chúng ta đã gặp nhau và anh đã treo áo choàng của anh lên em.”

Nhưng cái người mà tôi đang nói với, “Anh yêu em bởi vì em đáng yêu thế,” lại cũng không thấy ra vấn đề là ngày mai sẽ có trực trặc. Người đó đáng ngay lập tức phải nói, “Xin anh, em xin lỗi. Em không đáng yêu đâu. Em chỉ dường như theo cách đó với anh thôi. Nhưng một khoảnh khắc sẽ sớm tới khi tất cả tình yêu của anh ra đi và anh sẽ bắt đầu lấy chiếc áo choàng của anh ra khỏi cái móc này. Và thế nữa anh sẽ nói điều đó là bởi vì em đã không tỏ

ra là người đáng yêu, đó là lí do tại sao anh đã lấy lại chiếc áo của anh.”

Khi ai đó nói với bạn, “Em là người đáng yêu đến mức anh không thể dừng được việc yêu em,” bạn không muốn phủ nhận điều đó; bạn cảm thấy rằng bạn là người đáng yêu đó, và đó là lí do tại sao người khác lại yêu bạn. Chẳng ai thích là cái giá treo quần áo cả, cho nên bạn bao giờ cũng muốn đi cùng với ý tưởng rằng bạn là người rất đáng yêu và đó là lí do tại sao người đó yêu bạn.

Nhưng bạn không biết rằng bạn đang mời trục trặc tới. Ngày mai, khi người đó phát chán với cái giá này và lấy áo choàng của mình đi, người đó sẽ nói, “Cái móc này cũ rồi. Mình không thể treo áo choàng của mình lên nó được,” thế thì sẽ có đau đớn. Nhưng trong cả hai tình huống người đó đều làm cùng một điều - đổ trách nhiệm lên người khác chứ không vào bản thân mình.

Trong ảo tưởng, trách nhiệm bao giờ cũng đổ lên người khác, trong khi trong trí huệ người ta cảm thấy trách nhiệm dồn lên mình. Do đó nếu bạn lăng mạ ai đó như Phật, ông ấy biết rằng bạn đang tìm kiếm một cái móc; nếu bạn cúi mình dưới chân ông ấy, ông ấy biết rằng bạn đang tìm kiếm cái móc. Trong cả hai tình huống ông ấy chưa bao giờ coi bản thân mình là quan trọng. Khi bạn cúi mình dưới chân ông ấy thì ông ấy vẫn còn như một tảng đá còn khi bạn gọi tên ông ấy, thế nữa ông ấy cũng vẫn còn như tảng đá - bởi vì ông ấy biết đấy là nhu cầu của bạn, nó chẳng liên quan gì tới ông ấy cả. Chỉ ngẫu nhiên mà ông ấy đã ở đó, điều đó là ngẫu nhiên thuần khiết. Cho nên khi bạn nói, “Ông là người xấu,” ông ấy chỉ nghe vẫn biết rằng như cách bạn đang là thì bạn chỉ có thể thấy con người xấu trong ông ấy, có vậy thôi. Không có gì nhiều hơn trong đó. Còn khi bạn nói, “Ông là người trí huệ nhất,” thế nữa ông ấy cũng hiểu; ông ấy biết rằng theo cách bạn đang là, ông ấy dường như là người trí huệ nhất đối với bạn. Đây là con mắt của bạn, ông ấy không lấy tự hào gì trong đó mà cũng không coi là kết án gì.

Nhưng chúng ta cảm thấy khó với con người như vậy. Chúng ta cảm thấy không thoải mái, một con người như vậy cứ ném đi ném lại chúng ta trở về với chính mình. Chúng ta ham

muốn cuõĩ lên người khác, làm họ thành phươĩg tiện cho mình, dùng đôi vai của người khác, và con người này lại cứ ném đi ném lại chúng ta trở lại đôi vai của mình. Do đó một người như Phật chỉ trở thành nguyên nhân cho thất vọng của chúng ta chừng nào ảo tưởng của chúng ta còn có đó. Ngay cả một người như Phật cũng chỉ là nguyên nhân cho đau khổ của chúng ta chừng nào chúng ta còn bị si mê. Ông ấy nói hay làm cái gì cũng chẳng thành vấn đề, bất kì cái gì chúng ta cảm nhận trong đó qua ảo tưởng của mình thì đều sẽ là nguyên nhân cho đau khổ của chúng ta. Chừng nào chúng ta còn chưa sẵn sàng làm tan tành các ảo tưởng của mình, chúng ta vẫn không thể nào thấy được khuôn mặt thật của Phật - bởi vì điều chúng ta thấy là phóng chiếu của riêng mình.

Cho nên, với một người si mê thì không gì nhiều hơn điều này có thể được nói ra: rằng đây là tình huống - thức tỉnh ra khỏi nó. Nhận ra nó, thám hiểm nó, và trở nên ý thức về nó.

15 Kẻ hầu đã trở thành chủ

Ta chưa hề sinh

Ta không là thân thể, ta không là mười giác quan.

Ta không là trí tuệ. Ta không là tâm trí. Ta thậm chí không là bản ngã vĩnh hằng.

Ta hiện hữu không có prana, hơi thở sống của cuộc sống.

Ta hiện hữu không tâm trí. Ta là tự tính thuần khiết.

Ta là nhân chứng bên ngoài trí tuệ. Ta là bản thân tâm thức vĩnh hằng. Về điều này không có hoài nghi.

Cái 'tôi đây' thực chỉ có thể được nói tới khi cái tôi bị xoá bỏ.

Chúng ta quen với một cái tôi, và cái tôi này mà chúng ta biết thì chẳng là gì ngoài tổng số của tất cả các ảo tưởng của chúng ta. Chúng ta tạo ra cái tôi này, chúng ta nuôi dưỡng, chăm nom, làm giàu và làm mạnh thêm cho nó và làm cho nó thành mạnh mẽ. Nhưng bởi vì nó là giả và là bịa đặt riêng của chúng ta nên chúng ta bị rắc rối bởi nó, chúng ta trở nên lo nghĩ, phiền não, bởi vì cái không phải là bản chất của chúng ta thì bao giờ cũng trở thành gánh nặng.

Các nhà khoa học nói rằng mười triệu năm trước, con vật với thân thể khổng lồ đã tồn tại trên trái đất. Voi chưa là gì khi so với chúng, chúng mười lần lớn hơn voi. Các nhà nghiên cứu điều tra tiến hoá của cuộc sống đã gặp khó khăn lớn trong việc tìm ra tại sao những con vật này lại bị tuyệt chủng. Không có manh mối rõ rệt về một thảm hoạ lớn nào đó trên trái đất gây ra sự tuyệt chủng của chúng. Sự biến mất hoàn toàn của chúng đáng lí là không thể được, cho dù đã có động đất hay phun trào núi lửa ảnh hưởng tới toàn thể trái đất. Cho nên điều gì đã xảy ra?

Gần đây, trong năm mươi năm qua, một manh mối mới tới trong tâm trí họ. Có thể là những con vật này làm to thân thể của mình đến mức chúng chết dưới trọng lượng của thân thể riêng của chúng. Không có lí do rõ rệt khác có thể đã là nguyên nhân cho cái chết của chúng. Thân thể của những con vật này trở nên khổng lồ quá - thân thể là phương tiện sống của

chúng - những thân thể này lớn vượt ra ngoài giới hạn và trở thành nguyên nhân cho cái chết của chúng. Chúng trở nên khó di chuyển với trọng lượng như vậy và việc nuôi dưỡng thân thể này cũng thậm chí trở nên khó hơn khi nhu cầu về thức ăn tăng lên.

Nhu cầu thức ăn này cứ tăng lên với sự phát triển của thân thể chúng. Cho nên thân thể, theo một cách nào đó, là phương tiện cho sự tiếp tục của cuộc sống, một phương tiện cho cuộc sống, nhưng chỉ tới một giới hạn nào đó; nó có thể trở thành định mệnh bên ngoài chừng mực đó.

Tôi đã nói với các bạn điều này để giúp bạn hiểu rằng bản ngã, cái tôi của chúng ta, cũng là một phần và một bọc chủ yếu của hệ thống cuộc sống của chúng ta. Nhưng nó cứ to mãi lên và chúng ta quên mất rằng cái chúng ta chọn để dùng làm phương tiện bây giờ đang dùng chúng ta như một phương tiện. Cái chúng ta đã muốn dùng thì lại đang dùng chúng ta, và cái chúng ta đã tạo ra để bảo vệ mình, chúng ta bây giờ lại đang bảo vệ bằng giá của cuộc sống của mình. Nhưng rất khó biết khi nào biên giới đã bị vượt qua, khi nào người chủ trở thành người hầu cho người hầu của mình, khi người lãnh đạo trở thành người theo của người theo của mình. Nhưng điều đó xảy ra - nó xảy ra bởi vì hạt mầm của điều này là ở bên trong hệ thống của nó.

Như tôi đã nói với bạn, khó mà biết khi nào người lãnh đạo trở thành người theo của người theo của mình. Để trở thành lãnh đạo người đó phải thoả mãn cho những người theo mình, và trong khi cố gắng thoả mãn họ thì người đó phải đi theo người theo mình; để vẫn còn ở phía trước, đầu tiên người đó phải đi theo. Nếu bạn không theo những người đi theo mà bạn lãnh đạo, họ sẽ không sẵn sàng chấp nhận bạn làm người lãnh đạo của họ. Đây là điều rất thú vị xảy ra: người lãnh đạo phải theo bởi vì người đó phải lãnh đạo. Người lãnh đạo bị mất hút trong chính quá trình trở thành người lãnh đạo, bởi vì người đó phải nhân nhượng với những người mình điều khiển và không để ý tới điều đó, dần dần trong nhân nhượng này, người đó trở nên bị làm thành nô lệ.

Cùng điều đó xảy ra với cái tôi. Nó được cần tới. Như tôi đã nói với bạn nó là cần thiết cho hệ thống của chúng ta, nó vận

hành. Nhưng cái tôi không có sự tồn tại, nó chỉ vận hành - vận hành theo nghĩa là nó đại diện cho và chỉ báo về cái gì đó. Nó cũng giống như cái tên của chúng ta vậy - người này được gọi là Rama và người kia được gọi là Krishna; không ai được sinh ra mà không có tên, cái tên nói chung là một ước lệ sai lầm. Nhưng rất khó vận hành mà không có tên. Có sáu tỉ người trên trái đất khổng lồ này, và nếu chúng ta cố gắng sống mà không tên thì sẽ rất khó, sẽ không thể nào biết được ai vào với ai. Cho nên chúng ta phải được dán nhãn. Nhãn là giả, nhưng chúng lại vận hành.

Khi tôi nói chúng vận hành, tôi ngụ ý rằng nó là tiện lợi. Chúng ta biết rằng người này được gọi là Krishna và người kia được gọi là Rama - mặc dầu không ai là Rama và không ai là Krishna; tất cả mọi cái tên đều hoàn toàn giả. Chúng ta được sinh ra không tên và chúng ta chết đi không tên. Chúng ta chấp nhận cái tên trên trái đất này và chúng ta bỏ nó khi chúng ta ra đi, nhưng nó có tiện ích ở giữa. Chẳng có hại gì trong nó cả, chừng nào có hiểu biết về tiện ích của nó. Nhưng bạn biết bạn có thể dễ dàng quên mất rằng cái tên chỉ có mục đích tiện dụng.

Khi một người sẵn sàng chết vì cái tên của mình, rắc rối phát sinh. Người đó nói, “Chính vấn đề là cái tên của tôi. Tôi sẽ không để cho tên mình bị bôi nhọ thậm chí với cái giá của cuộc đời tôi.” Điều này chỉ ra rằng cái tên đã không còn là một tiện ích đơn thuần nữa. Bạn đang bị cái tên đó sử dụng; cứu lấy cái tên và bạn được cứu, mất cái tên và bạn mất.

Một buổi tối, khi Swami Ramateertha ở Mỹ, ông ấy trở về nhà cười to và bạn ông ấy hỏi, “Có chuyện gì vậy? Ông cười cái gì thế?”

Ông ấy đáp, “Người nào đó đã gặp ta trên đường và họ bắt đầu sỉ nhục Rama. Ta đã cười to bởi vì họ đang sỉ nhục Rama - cứ như là ta là Rama.”

Bạn bè ông ấy đều là những người mới, không quen với cách nói của ông ấy, cho nên họ hỏi, “Ông đang nói gì vậy? Ông không phải là Rama sao? Ông là Rama chứ. Nếu họ mà sỉ nhục ai đó, họ đang sỉ nhục ông ấy.”

Ramateertha đáp, “Nếu cái tên không chỉ là tiện dụng và ta bị đồng nhất bản thân mình với cái tên này thế thì sỉ nhục là ngụ ý nói về ta, thế thì ta phải phản ứng. Nhưng ta biết rõ

rằng cái tên chỉ là để vận hành. Nếu ngày mai ta trở thành Krishna thay vì Rama, điều đó cũng chẳng khác biệt gì; chỉ cái tên sẽ thay đổi và ta sẽ vẫn còn như cũ. Ta có thể có một nghìn cái tên và chúng tất cả đều bề mặt. Sĩ nhục cái tên không có nghĩa sĩ nhục ta. Ta còn nhiều hơn cái tên, và tách biệt khỏi cái tên.”

Nếu chúng ta có thể nhớ điều này cũng trong quan hệ với cái tôi, thế thì cái tôi cũng chỉ là một tiện dụng. Nhưng chúng ta không biết về một hiện tượng thú vị: chúng ta gọi người khác bằng tên, nhưng nếu chúng ta gọi bản thân mình bằng tên thì điều đó lại thành bất tiện.

Nếu tôi mà gọi bản thân mình bằng tên thì điều đó sẽ dường như tôi gọi ai đó khác, do đó cách thông thường chúng ta mô tả bản thân mình là như tôi. Chúng ta dùng tên để mô tả người khác và chúng ta dùng tôi để mô tả cho bản thân mình. Do đó tôi có tác dụng cho từng người để trở tới chính mình. Khi chúng ta dùng tôi, chúng ta biết rằng chúng ta đang trở tới bản thân mình, khi chúng ta dùng một cái tên thì nó trở tới ai đó khác.

Đó là lí do tại sao những người quanh Ramateertha lại thấy khó hiểu ông ấy, bởi vì khi ông ấy nói thì ông ấy không dùng cái tôi. Ông ấy hay nói, “Rama đang bước đi trên làn đường và vài người bắt đầu sĩ nhục ông ta.” Ông ấy sẽ nói, “Rama đang đi tới thị trấn để nói trong buổi nói chuyện.” Ông ấy không nói, “Tôi đang đi tới buổi nói chuyện.” Nghe ông ấy, cứ dường như là ông ấy đang nói về ai đó khác.

Không có gì sai trong việc dùng từ tôi; không có tội lỗi hay tội ác gì trong việc dùng tôi, nó là thực tế và tiện dụng. Chỉ mỗi điều này cần phải nhớ: cái tôi là để cho thuận tiện và nó không phải là thực. Thế thì cái gì là vấn đề trong việc gạt bỏ cái tôi? Vấn đề nảy sinh khi cái nhãn trở thành linh hồn chúng ta; chừng nào nó chỉ là ở bề mặt thì không vấn đề gì nảy sinh.

Nhưng chúng ta trở nên gắn bó với cái nhãn tới mức chúng ta dán những cái nhãn này trên khắp mình. Tại khắp nơi chúng ta chỉ là cái nhãn và nhãn, việc tìm ra con người đậm thành khó. Những cái nhãn đơn thuần tiện dụng này dính nhanh vào chúng ta tới mức đôi khi, thay vì có ích, nhãn lại trở thành có hại.

Tôi đã từng nghe: Nasruddin làm việc ở một văn phòng lớn. Một số đồ thủy tinh cần đưa đi phân phát và ông chủ yêu cầu anh ta dán nhãn lên hộp để chỉ ra cách hộp để thẳng đứng, cho nên nó sẽ không bị đặt lộn ngược. Thế là anh ta dán nhãn lên hộp và hộp được gửi đi. Khi ông chủ hỏi anh ta, “Anh đã quên không đặt nhãn vào phải không?”

Nasruddin đáp, “Quên mất rồi! Tôi đã dán chúng khắp mọi chỗ rồi - chúng là thấy được từ mọi phía.”

Đấy cũng là tình huống của chúng ta. Cái nhãn sẽ có ích nếu như nó được đặt chỉ vào một phía, phía dựng đứng lên, để cho người ta có thể chăm nom tới, Nhưng Nasruddin lại dán chúng ở mọi phía, thấy được ở mọi bên. Bây giờ cái hộp này không thể nào được chăm nom nữa vì phía bên nào cũng là phía 'dựng lên'.

Với chúng ta khía cạnh tiện dụng cũng trở thành tự tử. Nó có thể đã có tác dụng, nhưng thực thể có tên đó lại bị quên mất và chỉ cái tên còn lại. Nó sẽ là phải chỉ nếu những người khác cũng rơi vào trong ảo tưởng này, nhưng việc xảy ra là bản thân người này cũng lại rơi thành con mồi cho ảo tưởng này và nó cứ đi sâu bên trong người đó.

Nếu tất cả chúng ta ngồi đây đều ngủ đêm nay và nếu ai đó lại buột mồm gọi, “Rama,” thì không ai sẽ nghe thấy tiếng nói này ngoại trừ người có tên là Rama. Điều đó rõ ràng chỉ ra rằng ngay cả trong giấc ngủ người đó vẫn nhận biết rằng mình là Rama. Mọi người còn lại vẫn đang ngủ. Họ thậm chí không nhận biết rằng ai đó đang gọi Rama. Nhưng con người này, cho dù trong giấc ngủ say hay chìm trong mơ, vẫn biết rằng mình là Rama.

Cái tên đi sâu thế, nó cứ thấm vào giống như mũi tên cắm vào ngực - cái tên đi vào giống thế, quyền lực đi vào giống thế, tiền đi vào giống thế. Bản ngã là việc tích lũy của mọi cái như thế mà lại là cá tính của chúng ta: tên, danh tiếng, tiền bạc và quyền lực - tất cả những cái này cùng nhau tạo ra bản ngã.

Hiện nhân này trước hết nói về sự tan biến của bản ngã, việc loại bỏ maya này, và bây giờ ông ấy đang đưa ra lời kinh hay nhất này. Ông ấy nói về cái nhảy từ tôi sang người, từ người sang *cái đó*, rồi từ *cái đó* sang bản thân sự tồn tại. Thế rồi ông ấy nói về

brahman, thực tại tối thượng, và maya, ảo tưởng - và bỗng nhiên tới lời kinh này:

Ta chưa hề sinh, Ta không là thân thể.

Ta không là mười giác quan.

Ta không là trí tuệ. Ta không là tâm trí. Ta thậm chí không là bản ngã vĩnh hằng.

Cuộc hành trình đã bắt đầu với cái tôi, tiến dần sang người, đạt tới *cái đó*, và thế rồi đến sự tồn tại trống rỗng. Lại cái ta được dùng, nhưng bây giờ nó không cùng là cái tôi đã được nhắc tới lúc ban đầu; cái tôi đó đã bị bỏ. Bây giờ chúng ta đã đi tới cái ta khác. Cái ta này chỉ xuất hiện khi cái tôi đã biết trước đây được tan biến đi. Cái ta này là cái ta thực. Cái ta này không có nghĩa bản ngã, nó có nghĩa linh hồn. Chúng ta đã không tạo ra cái ta này; nó không có nghĩa cái tên, danh tiếng, uy tín, quyền lực, văn hoá hay giáo dục của chúng ta. Cái ta này nghĩa là sự tồn tại của chúng ta, sự hiện hữu của chúng ta. Nhớ một điều: cái tôi đã được từ bỏ, cái chúng ta đã thảo luận từ bỏ, cái đã bị bỏ đi, đã là 'việc làm' của chúng ta; cái ta thứ hai này là 'sự hiện hữu' của chúng ta. Cái tôi kia là việc làm của chúng ta, cái ta này là sự hiện hữu của chúng ta. Cho nên cố hiểu sự khác biệt giữa việc làm và việc hiện hữu. Điều này sẽ cho bạn thoáng nhìn rõ ràng về cái ta thứ hai.

Có những thứ chúng ta làm, cái mà nếu chúng ta không làm chúng thì chúng sẽ không xảy ra. Chẳng hạn, nếu bạn không được giáo dục, bạn sẽ vẫn còn thất học; nếu bạn không học một ngôn ngữ thì bạn sẽ không biết nó. Nếu bạn muốn là nhà khoa học, bạn có thể trở thành nhà khoa học, hay nếu bạn cố gắng trở thành thợ rèn, bạn có thể trở thành thợ rèn - nếu bạn làm điều gì đó thì bạn sẽ trở thành ai đó. Nhưng có những điều tồn tại bên trong bạn mà không phải là việc làm của bạn - nó là sự hiện hữu của bạn. Sự hiện hữu của bạn không phải là việc làm của bạn. Bạn tồn tại trước mọi hành động của mình; bằng không ai sẽ làm nó?

Đứa trẻ lớn lên trong bụng mẹ. Đứa trẻ thậm chí không phải thở trong bụng mẹ, nó thậm chí không cần làm điều này. Nhưng cố hiểu hiện tượng rất thú vị này: đứa trẻ đang tồn tại, nó không thở vậy mà nó vẫn tồn tại. Sự hiện hữu của nó đang đấy, sự

hiện diện của nó đang đấy, linh hồn của nó đang đấy; linh hồn là sự hiện diện hoàn toàn.

Các nhà sinh lí học bao giờ cũng nêu ra câu hỏi này: Khi nào cuộc sống bắt đầu? Từ khi nào? Nếu chúng ta nghĩ rằng cuộc sống dừng lại với việc ngừng thở, thế thì cuộc sống phải bắt đầu với việc bắt đầu thở. Cho nên khi đứa trẻ khóc lần đầu tiên sau khi sinh và lấy hơi thở đầu tiên thì tiếng khóc của nó làm việc như một cú sốc, một cái đẩy để bắt đầu việc thở của nó, tim đập, bây giờ bộ máy bắt đầu vận hành. Khi đứa trẻ cất tiếng khóc đầu tiên, đây là việc làm đầu tiên của nó; tiếng khóc đầu tiên của nó là việc làm đầu tiên của nó.

Nhưng câu hỏi là, liệu đứa trẻ có tồn tại trước khi khóc hay không. Nếu nó không hiện hữu, thế thì ai khóc? Nếu nó không hiện hữu, thế thì ai lấy hơi thở đầu tiên? Nó đã hiện hữu, bằng không điều này không thể xảy ra được. Cho nên điều này, cái tồn tại trước hơi thở đầu tiên là sự hiện hữu của chúng ta; đó là việc hiện diện của chúng ta, đó là linh hồn của chúng ta.

Căng điều đó sang phía bên kia nữa. Trong trường hợp thứ nhất các nhà sinh lí học có thể đồng ý với tôi về hiện tượng này - rằng nếu không ai đã hiện diện trước hơi thở đầu tiên, thế thì ai là người thở lần đầu tiên? Nhưng ở phía bên kia, các nhà sinh lí học sẽ cảm thấy nhiều vấn đề hơn khi tôi nói rằng khi việc thở dừng lại, cái đã hiện diện trước hơi thở đầu tiên sẽ vẫn hiện diện về sau. Nó không liên quan tới việc dừng thở, nó đã tồn tại hoàn hảo trước việc thở, cho nên nó có thể tồn tại hoàn hảo sau khi việc thở đã dừng lại.

Bạn sẽ dễ dàng hiểu luận cứ thứ nhất: Ai sẽ thở nếu ai đó đã không hiện diện? Luận cứ thứ hai là còn quan trọng hơn nhiều: Ai là người buông bỏ việc thở nếu không có sự hiện hữu bên trong, khác hơn việc thở? Nhưng luận cứ thứ hai không thể được hiểu dễ dàng. Nếu luận cứ thứ nhất được hiểu, không có khó khăn gì trong việc hiểu luận cứ thứ hai.

Cho nên chúng ta làm rõ một phân loại: có những điều chúng ta làm. Đây là lí do tại sao một người càng làm nhiều, người đó càng trở thành một bản ngã lớn hơn. Thế thì người ta có thể nói rằng những người lười biếng được ân huệ, bởi vì không có

nhiều 'việc làm' quanh họ để qua đó họ có thể xây dựng nên bản ngã của mình. Dầu vậy tâm trí con người cũng rất thủ đoạn: họ có thể coi lười biếng của mình là một loại việc làm. Họ có thể nói, "Chúng ta đang trong hành động của việc thành thoi hay không làm."

Bất kì điều gì chúng ta làm, chúng ta đều dùng nó chỉ để làm nâng cao bản ngã của mình. Bất kì điều gì chúng ta làm, chúng ta đều làm mạnh thêm cho cái tôi của mình. Cái tôi của chúng ta là tổng số của việc làm của chúng ta - tổng cộng. Đó là lí do tại sao bản ngã lại cứ tăng lên hàng ngày. Bởi vì điều này mà trẻ con thì đơn giản còn người già lại phức tạp. Điều đó không có mối quan hệ khác với tuổi tác ngoại trừ nhân tố này, rằng bản ngã đã có thời gian để trở nên mạnh hơn trong người già. Đó là lí do tại sao người già có thể dễ dàng trở nên cáu bẳn, giận dữ và khó tính. Điều này xảy ra tự nhiên; trẻ con ngày nay cũng sẽ chứng tỏ là giống như ngày mai, chúng cũng sẽ trở thành giống như thế này.

Có lí do cho điều đó, nhưng nó chẳng liên quan gì tới tuổi cả, nó liên quan tới việc làm vẫn cứ tăng lên hàng ngày. Người già đã làm quá nhiều. Đó là lí do tại sao người già bao giờ cũng nói về việc làm của mình - tôi đã làm cái này, tôi đã làm cái nọ. Trẻ con có thể nói được gì về điều này? Chúng còn chưa làm cái gì cả. Ngay bây giờ chúng chỉ tồn tại; chúng thờ, động đây chân tay - điều này không thể tạo ra nhiều bản ngã được. Cho nên trẻ con trông đơn giản và lí do cho tính đơn giản của chúng là ở chỗ chúng chưa có cơ hội nào để phát triển bản ngã của mình.

Đó là lí do tại sao hiền nhân này nói rằng khi người già trở thành như trẻ thơ thì đó là việc nở hoa tối thượng. Vậy mà thông thường thì tình huống hoàn toàn đối lập: trẻ con trở thành giống người già còn người già không hành xử như trẻ con. Nếu người già mà như trẻ con, đấy là việc nở hoa tối thượng; nếu trẻ con trở thành giống người già, đấy là tổn thất tối thượng, sụp đổ tối thượng. Nhưng đấy lại là điều đang xảy ra.

Tất cả chúng ta đều cố gắng giúp cho đứa trẻ phát triển bản ngã của nó; đứa trẻ cũng cố gắng làm cùng điều này. Đôi

khi đưa trẻ lại những nỗ lực nhiều tới mức không thể nào hiểu nổi, nhưng nếu bạn đi sâu vào trong nó thì bạn sẽ hiểu.

Một hôm tôi đi qua một trạm bưu điện và tôi thấy một cậu nhỏ hút thuốc lá, một đứa bé rất nhỏ. Nó đeo râu giả đáng một hay hai đồng. Mặt trời còn chưa lên - lúc đó nó mới sắp lên thôi, và chúng tôi có mỗi mình trên đường. Khi nó thấy tôi, nó lẩn trốn vào sau gốc cây. Tôi đi theo nó, và khi tôi nói với nó, nó nhanh chóng dụi tắt điếu thuốc lá và tháo râu giả ra. Tôi tới gặp bố nó và thấy rằng đứa bé này chỉ đang cố gắng bắt chước anh ta - anh ta đeo râu và hút thuốc lá. Cho nên đứa bé đáng thương này đã cố gắng tận hưởng làm người lớn. Và việc bắt chước bố cách đi của bố nó cũng đáng nhìn - hút thuốc và bước đi, và đeo râu!

Các ông bố đều thuyết giảng cho con mình đừng hút thuốc, nhưng họ không biết rằng thuốc lá không chỉ tạo ra việc hút thuốc, nó còn tạo ra bản ngã nữa. Thuốc lá đã trở thành biểu tượng của người lớn - chỉ người lớn mới hút thuốc! Nó là biểu tượng rằng duy nhất người lớn mới có thể hút thuốc. Nếu đứa trẻ hút thuốc, mọi người nói, "Không phải tuổi cháu - trước hết là người lớn đi, thế thì cháu có thể hút thuốc." Cho nên đứa trẻ nghĩ, "Nếu hút thuốc là biểu tượng cho người lớn, hại gì trong việc hút thuốc? Nó sẽ chỉ gây ra chút ít ho, chút ít rắc rối, vài giọt nước mắt trong mắt. Mình sẽ quen với điều đó, và với chút ít thực hành điều đó sẽ ổn thỏa."

Cho nên trẻ con đang cố gắng bắt chước người lớn; bản ngã đang cố gắng diễn đạt nó. Nó sẽ phát triển và nó sẽ bành trướng. Việc làm của chúng ta là bản ngã của mình, sự hiện hữu của chúng ta là linh hồn của mình.

‘Hiện hữu’ nghĩa là cái chúng ta đã là, cái người ta không phải tạo ra. Chúng ta đã chẳng làm gì cả để đạt tới nó hay tạo ra nó. Làm sao chúng ta có thể làm cái gì cho nó được? Hiện hữu đứng trước mọi việc làm của chúng ta.

Bây giờ chúng ta sẽ bắt đầu nói về cái ta có nghĩa là sự hiện hữu, có nghĩa là *hiện hữu*. Chúng ta sẽ phải diễn đạt nó theo cách phù hợp, bằng không thì chúng ta sẽ không có khả năng hiểu nó. Chúng ta chỉ hiểu cái tôi nói, "Đây là nhà *của tôi*. Đây là cửa hàng *của tôi*. Đây là vị trí *của tôi*."

Cố hiểu điều đó. Cái 'của tôi' càng lớn thì cái tôi càng lớn. Đó là lí do tại sao cái tôi trong người nào đó nói đây là quốc gia *của tôi*, đây là tôn giáo *của tôi*, lại trở thành thậm chí lớn hơn. Bạn có một mảnh đất nhỏ - thế thì chắc chắn bạn không thể có cái tôi khổng lồ được. Làm sao bạn có thể được? Người khác có mảnh đất to hơn, và vậy mà người khác lại nói có cả một đất nước, cả quốc gia; chắc chắn cái tôi của người đó là lớn nhất.

Bành trướng của cái 'của tôi' là bành trướng của việc làm, của quyền sở hữu; cái tôi cũng phát triển cùng điều đó. Cho nên khi của cải của bạn bị đánh cắp, không chỉ là của cải bạn bị đánh cắp, cái gì đó của bạn cũng bị lấy đi nữa. Bạn đã bị cướp và điều đó được cảm thấy như là linh hồn của bạn đã ra đi. Cảm giác này của việc bị cướp không chỉ có liên quan tới của cải của bạn, nó có liên quan tới bạn bởi vì bây giờ cái 'của tôi' của bạn đã bị giảm bớt cùng nó. Cái 'của tôi' của bạn đã bị xén tía đi cùng với của cải của bạn; một lượng cái tôi của bạn cũng đã chết đi cùng nó.

Cái tôi giả tạo của chúng ta có liên quan tới cái 'của tôi'. 'Của tôi' là đế quốc, vương quốc mà trong đó cái tôi sống. Dùng biểu tượng về ngọn đèn, nó là dầu, chất đốt của 'cái tôi' giữ cho ngọn bắc của cái tôi cháy. Nếu năng lượng được trao cho 'của tôi' mà cạn đi, ngọn lửa của cái tôi sẽ tắt.

Chắc chắn, việc thảo luận về cái ta khác sẽ phải bắt đầu bằng sự phủ nhận.

Ta không là mười giác quan.

Quên của cải đi - nó là bên ngoài; quên danh tiếng đi - nó là bên ngoài.

Các giác quan là rất sâu và bên trong, vậy mà: *Ta không là mười giác quan*. Giác quan bằng cách nào đó vẫn là bên ngoài.

Ta không là trí tuệ.

Trí tuệ thậm chí còn sâu hơn. *Ta không là tâm trí.*

Ta là cái gì đó mà đơn giản chưa bao giờ được tạo ra: ta không sinh.

Ta không là thân thể. Và điều cuối cùng:

Ta thậm chí không là bản ngã vĩnh hằng.

Chúng ta đã thảo luận về một kiểu cái tôi, bản ngã. Bản ngã này không phải vĩnh hằng, nó chỉ tới rồi đi, nó hình thành và nó tan

biến. Câu cuối này trong lời kinh này là tuyệt diệu. Bản ngã thứ nhất là tạm thời, nó biến mất, cho nên chúng ta thường ao ước phá huỷ bản ngã tạm thời này chỉ để cho chúng ta có thể đạt tới bản ngã vĩnh hằng nào đó.

Các nhà lãnh đạo tôn giáo thuyết giảng cho mọi người vứt bỏ bản ngã tạm thời này bởi vì nó là chốc lát. Điều rất thú vị là họ nói, "Vứt bỏ bản ngã này đi, nó là nhất thời, đạt tới linh hồn cái không bao giờ có thể bị huỷ diệt."

Tham lam nảy sinh trong tâm trí chúng ta và chúng ta nghĩ, "Điều này vĩ đại đây! Thế thì chúng ta sẽ đạt tới bản ngã vĩnh hằng. Chúng ta vứt bỏ bản ngã tạm thời này đi, nó sẽ bị bỏ lại đằng sau, nó là nhỏ bé; nếu mình vứt bỏ bản ngã này thì mình sẽ đạt tới bản ngã kia."

Người mà trong tâm trí mình tham lam này xuất hiện sẽ không bao giờ có khả năng vươn lên trên bản ngã. Do đó hiền nhân này đưa ra một lời kinh rất cách mạng. Ông

ấy nói: *Ta thậm chí không là bản ngã vĩnh hằng.*

Đừng nghĩ rằng có một cái tôi mà sẽ còn lại mãi mãi, cái tôi bao giờ cũng là nhất thời; không có gì giống như cái tôi vĩnh hằng cả. Cái tôi tan biến, trở thành cái không, và không bản ngã thuộc bất kì loại nào còn lại cả.

Nhưng tâm trí tham lam của chúng ta là tâm trí bị ám ảnh bởi bản ngã. Chúng ta cảm nhận linh hồn chẳng là gì ngoài một loại trạng thái thuần khiết của bản ngã. Khi chúng ta nói 'linh hồn', chúng ta thấy nó như có nghĩa bản ngã vĩnh hằng - rằng cái bản ngã nhỏ sẽ bị vứt bỏ nhưng cái tôi bên trong thực sự sẽ không bao giờ bị mất. Hiền nhân này nói không có cái tôi như vậy ở bên trong, và chỉ khi bạn đi tới nhận ra điều này, bạn mới biết cái bên trong.

Ta thậm chí không là bản ngã vĩnh hằng.

Lời kinh này tương tự như từ của Phật *anatta*, 'vô ngã'. Phật hay nói không có cái ngã (ta), chỉ có 'vô ngã'. Đó là lí do tại sao sự việc lại trở thành rất khó cho Phật để phát triển gốc rễ ở Ấn Độ. Khái niệm của Phật có thể đã không có sức hấp dẫn sâu sắc cho mọi người bởi vì ông ấy đã không gọi ra bất kì tham lam nào.

Nghe Mahavira bạn có thể trở nên tham lam, cho dù ông ấy đã không chủ định điều đó. Mahavira nói, "Bạn sẽ trong *moksha*, bạn sẽ trong trạng thái của tâm thức thuần khiết, thức tỉnh." Và người nghe nghĩ, "Vậy thì mình sẽ vẫn ở lại đó." Cái gì đó đã đi sai ở đây giữa Mahavira và người nghe. Mahavira nói, "Bạn sẽ vẫn còn thuần khiết, thức tỉnh và vĩnh hằng," còn người nghe chẳng có ý tưởng gì về 'bạn' mà Mahavira đang nói tới là cái nào. Người đó nghĩ, "Điều đó thực vĩ đại! Cho nên mình sẽ ở đó, mình sẽ tồn tại."

Nhưng người đang nói lại không là gì khác hơn cái tôi mà người đó đã tích lũy. Người đó nói, "Chẳng hại gì, thế thì chẳng có gì phải lo nghĩ cả. Cho dù cái nhà này có bị bỏ lại đằng sau thì cũng không có vấn đề gì, cho dù tiền bạc này bị bỏ lại đằng sau thì cũng không có vấn đề gì, mình sẽ vẫn có đó." Và cái tôi này lại không là gì khác hơn là tổng của chính những thứ này.

Phật nói, "Các ông sẽ chẳng còn lại gì hết cả. Mọi thứ khác có thể còn lại, nhưng không phải các ông."

Người tham lam không thể nào chấp nhận được phát biểu này. Người đó sẽ nói, "Thế thì còn có ích gì? Sao tôi lại phải mất mọi thứ mà chẳng thu được cái gì? Cái gì sai trong bản ngã tạm thời?"

Và bạn nói, "Bởi vì niềm vui này là tạm thời."

Thế rồi người đó nói, "Thôi được, nếu có niềm vui vĩnh hằng nào đó, tôi có thể liêu."

Nhưng thế rồi bạn nói, "Không có cả niềm vui vĩnh hằng nữa."

"Thế thì tôi có thể cứ tận hưởng những niềm vui tạm thời này."

Người tham lam nói, "Tôi chấp nhận rằng bản ngã này là khổ, nó là đau đớn, tôi đau khổ - nhưng tôi sẽ được gì nếu tôi bỏ nó?"

Nếu cái gì đó lớn hơn có thể được đạt tới, tâm trí kinh doanh của chúng ta đồng ý. Chúng ta sướng với thỏa thuận trao đổi đó. Đầu tư này không phải là đầu tư lỗ - bỏ đi cái bé mà thu về nhiều hơn; bỏ đi cái tạm thời và thu về cái vĩnh hằng; giọt nước biến mất mà lại thu được đại dương. Hại gì? Cái gì sai trong nó? Lòng tham của chúng ta nói, "Toán học là rõ ràng, có thể chấp nhận rủi ro được."

Nhưng Phật nói, “Không, không có cái ta, cái ta không tồn tại. Không có linh hồn bên trong ông, ông chỉ là bản ngã. Và bản ngã chỉ là đau khổ, do đó bỏ bản ngã đi. Đừng hỏi ta sẽ đạt được gì. Chẳng cái gì đạt được cả.”

Cho nên người tìm kiếm nghĩ, “Thế thì mình sẽ cứ bám chặt với cái mình có vậy.”

Hậu quả là Phật đã không thể được mọi người hiểu, bởi vì ông ấy đã không dùng ngôn ngữ của tham lam. Phật có thể là người duy nhất trên thế giới này không dùng ngôn ngữ của tham lam. Hiền nhân này cũng đang nói cùng điều đó. Ông ấy nói: ta thậm chí không là bản ngã vĩnh hằng - ta không tồn tại cho dù nói tôi. Đây là phủ nhận tuyệt đối

Ta không là mười giác quan.

Nhưng bạn có hiểu ý nghĩa của điều này không? Bạn có thể không hiểu thấu nó có nghĩa là gì: *Ta không là mười giác quan*. Bạn đã bao giờ có kinh nghiệm mà không có giác quan không? Bất kì điều gì bạn đã biết, bạn đều biết qua mười giác quan này. Tưởng tượng: *Ta không là mười giác quan*.

Điều đó nghĩa là mọi kinh nghiệm của bạn đều bị mất, bạn bị bỏ lại trắng tay, chẳng còn lại cái gì. Tình yêu bạn đã biết, kính trọng bạn đã biết, sỉ nhục bạn đã nhận, hoa bạn đã thấy, cái đẹp bạn đã kinh nghiệm qua mắt, âm nhạc bạn đã nghe qua tai, hương thơm, mọi thứ đều sẽ mất; cái chạm này - mọi thứ sẽ tan biến. Bạn sẽ có cái gì còn lại?

Khi hiền nhân này nói: *Ta không là mười giác quan*, ông ấy ngụ ý rằng bất kì kinh nghiệm gì của mười giác quan mà bạn đã tích lũy thì bạn đều không là những cái đó. Thế thì bạn là hoàn toàn trống rỗng, chỉ bình bát xin ăn còn lại mà không có gì trong bình bát cả, bởi vì mọi thứ đã được đặt vào trong nó bởi mười giác quan.

Điều đó cũng giống như dòng sông Hằng nói, "Ta không là những con sông kia đã hội nhập với ta." Rắc rối mà sông Hằng sẽ phải đối diện thì chúng ta cũng phải đối diện. Sông Hằng là gì nếu không có chúng? - nó là sự trộn lẫn của tất cả các con sông và nhánh sông hội nhập lại với nhau. Nếu như sông Hằng mà nói, "Bất kì con sông nào đã hội nhập vào ta, ta đều không phải là những sông đó. Tất cả nước đã tuôn chảy trong ta đều không phải là ta" - thế thì sông Hằng có còn là con sông nữa không? Chỉ sa mạc khô cằn sẽ còn lại.

Chúng ta cũng là tổng số của những con sông đó mà các giác quan đã đem lại cho chúng ta. Mọi giác quan đều đã đóng góp cho luồng vui thích trong ta. Mắt đã đem tới việc nhìn, tai đã đem tới việc nghe, lưỡi đã đem tới việc nếm. Chúng ta là tổng số của tất cả những điều này. Loại bỏ những giác quan này từng cái một - cuộc hành trình được thực hiện bằng chân bạn, những thành tựu của tay bạn, những phát biểu của bạn được thực hiện qua lời bạn và được nghe bằng tai bạn. Nếu tất cả mà bị loại bỏ đi, cái gì sẽ còn lại bên trong? Và hiền nhân này nói: *Ta không là mười giác quan*. Cho nên bạn có thể nghĩ: "Chẳng cái gì có thể còn lại -

nhưng cho dù thế thì vẫn có đủ trí tuệ còn lại để biết rằng không cái gì còn lại cả." Nhưng thế rồi hiền nhân này nói;

Ta không là trí tuệ.

Tại sao? Đây là một phát biểu rất đáng ngạc nhiên: *Ta không là trí tuệ*. Việc phủ nhận mọi thứ khác là còn hiểu được. Không có nhiều vấn đề trong việc phủ nhận các giác quan bởi vì chúng là một phần của thân thể vật lí, nhưng trí tuệ - ý nghĩ và tâm trí - được bắt rễ sâu sắc.

Thực tế, trí tuệ được sinh ra từ cuộc đấu tranh giữa tâm thức bên trong và thế giới bên ngoài. Đó là lí do tại sao nếu bạn không có thách thức trong cuộc đời mình thì trí thông minh của bạn sẽ không nở hoa. Do đó, con của nhà giàu vẫn còn không thông minh, không có thách thức để đánh thức trí thông minh của họ và không có cơ hội nào cho sáng tạo và diễn đạt của nó.

Tưởng tượng rằng bạn lập tức có được bất kì cái gì bạn muốn. Chẳng hạn, tưởng tượng rằng một ngày nào đó chúng ta có thể tạo ra một *kalpa-vriksha*, cây thoả ước huyền thoại trên trái đất - mà con người đang cố gắng, con người đang cố gắng vất vả - người ngồi dưới gốc cây đó có thông minh nào không? Cứ tạo ra một điều ước, và bạn lập tức có ngay điều mình muốn mà chẳng phải tranh đấu, chẳng một thách thức nào - bạn cần gì thông minh? Cho nên thông minh cũng giống như việc mài sắc lưỡi kiếm. Sự sắc bén của lưỡi kiếm là do cọ xát. Nếu không có cọ xát vào lưỡi kiếm, nó không thể có cạnh sắc được. Cho nên người ta có thể có thông minh bên trong, nhưng nó chỉ phát triển và biểu lộ sau khi có tranh đấu bên ngoài. Đó là lí do tại sao người thông minh được sinh ra trong thời tranh đấu; khi cuộc đấu tranh qua rồi họ biến mất. Bạn càng có nhiều thách thức trong cuộc sống, bạn sẽ càng có sắc bén hơn, và nếu không có thách thức nào cả, sắc bén bị mất.

Ngày nay, nếu người Mỹ trẻ đang bỏ trường học, cao đẳng và đại học, lí do duy nhất là ở chỗ họ không cần chúng; tất cả những thuận tiện và thoải mái của cuộc sống đều sẵn có đấy. Để có được những thoải mái này học sinh thường phải mài sắc trí thông minh của mình, để học hành chống đối lại những cái bất tiện, làm bài tập về nhà dưới ánh đèn của cột đèn trên phố. Ngày

nay họ tất cả đều giống như kẻ ngốc. Ngày nay nhiều học sinh Mĩ đang nói, "Phòng có ích gì mà tới trường đại học? Phòng có ích gì mà nghiên cứu?"

Cũng không có gì đáng ngạc nhiên nếu trong năm mươi năm tới các đại học Mĩ ngày càng trống rỗng hơn - và họ có những đại học tốt nhất. Đây là điều đặc biệt kì lạ của con người. Trong thực tế cuộc tranh đấu đang mất đi, thách thức đang mất đi.

Ngày nay, Mĩ có những phương tiện tốt nhất cho việc phát triển trí tuệ, nhưng mức độ trí tuệ riêng của Mĩ lại không phát triển lên. Phần lớn trí tuệ của nó đã được vay mượn từ các quốc gia khác. Mĩ có thể mua nó, nhưng được bao lâu? Tình huống này nay đang tạo ra vấn đề cho các quốc gia khác, và nhiều quốc gia ở châu Âu đã bắt đầu tạo ra các qui chế không cho phép những người thông minh của mình được di cư sang Mĩ bởi vì điều đó đang tạo ra việc chảy não. Người thông minh được sinh ra ở bất kì đâu chẳng chóng thì chầy đều kết thúc ở Mĩ; điều đó trở thành không thể tránh khỏi bởi vì phần lớn các quốc gia đều không thể cung cấp được các tiện nghi cho công việc hàn lâm mà cũng không cung cấp được tiền bạc, uy tín, phòng thí nghiệm - chẳng cái nào trong điều đó - như Mĩ có thể cung cấp. Cho nên việc chảy não cứ xảy ra ở mọi nước; trí thông minh cứ tuột đi khỏi các quốc gia khác theo một cách tinh tế.

Cũng như đã có thời trong quá khứ khi của cải trên khắp thế giới đã được hút về London, bây giờ mọi thông minh đang bị kéo về New York. Và việc khai thác của cải là vấn đề tầm thường, không phải là chuyện lớn, nhưng trí thông minh bây giờ bị hút đi thì lại là vấn đề quan trọng. Và Mĩ có thể sống trên trí thông minh vay mượn được bao lâu? Mĩ có thể hấp dẫn những người thông minh từ Ấn Độ hay từ Anh và vân vân, nhưng thế thì con cái họ nhất định sẽ từ chối vào các đại học. Khi không có tranh đấu, thông minh không phát triển.

Cho nên hiền nhân này nói: *Ta không là trí tuệ*, bởi vì trí tuệ nữa cũng là bên ngoài, trí tuệ nữa cũng phát triển từ cuộc tranh đấu bên ngoài. "Không," hiền nhân này nói, "Ta cũng không là sự sắc bén này vốn tới từ cuộc tranh đấu bên ngoài."

Ta không là tâm trí.

Sau rốt, chúng ta suy tưởng về cái gì? Chúng ta chỉ suy tưởng về đối tượng nào đó trong thế giới bên ngoài khi nó trở thành có giá trị cho chúng ta. Chúng ta nghĩ, chúng ta suy tư, chúng ta nghiền ngẫm. Trí tuệ là hệ thống logic đó làm sắc cho nhân cách của con người và làm cho con người hiệu quả hơn trong cuộc đấu tranh trên thế giới. Và tâm trí có nghĩa là khả năng để suy tư, suy nghĩ và nghiền ngẫm, điều cho con người lối vào và khả năng ngẫm nghĩ về cái trừu tượng, cái không biểu lộ.

Cố hiểu điều đó như thế này: nếu bạn biết hay đã thấy trò chơi cờ vua, bạn sẽ biết rằng người có thể hình dung ít nhất năm bước đi trước sẽ trở thành kì thủ tài ba. Người đó phải tưởng tượng trước: "Mình sẽ đi cách này, nước đáp lại sẽ là thế này, nước đáp lại của đối thủ mình sẽ là thế này, và thế thì đây sẽ là nước đi của người kia; thế thì mình sẽ đi theo cách này và đối thủ của mình sẽ đi như thế này."

Một người được coi là chuyên gia tới mức độ nào đó là người có thể suy tư trước theo cách này. Dầu là những nước đi này còn chưa được tiến hành, và những nước đi đó còn chưa được gặp phải, bởi vì chúng còn chưa được tạo ra ở phía bên kia. Khả năng lập kế hoạch trước được gọi là suy tính trước. Nhưng ngay cả điều đó cũng là bên ngoài, việc tính toán các nước đi bên ngoài - nó không liên quan tới cái bên trong.

Khi đứa bé được sinh ra, nó không có trí tuệ lẫn tâm trí, chỉ có tiềm năng. Thế rồi tiềm năng trở thành thực tại. Cách thức nó trở thành thực tại lại tùy thuộc vào cơ hội, hoàn cảnh.

Chúng ta không là cái nào trong những cái này. Thế thì chúng ta là cái gì? Thế thì cái gì là ý nghĩa của sự tồn tại của chúng ta? Đây chỉ là việc phủ định - không cái này, không cái này, không cái này, không cái này.

Ta hiện hữu không prana, hơi thở sống của cuộc sống.

Ta hiện hữu không tâm trí.

Ta bao giờ cũng là tự tính thuần khiết.

Ta bao giờ cũng là nhân chứng bên ngoài trí tuệ.

Ta là bản thân tâm thức vĩnh hằng. Về điều này không có hoài nghi.

“Ta chưa hề sinh, bao giờ cũng không có hơi thở sống của cuộc sống, và không có tâm trí....” Tôi mới bảo bạn, hơi thở sống của cuộc sống là cái bắt đầu ngay khi đứa trẻ thở. Đây là cách yoga đi tìm các kĩ thuật làm cho người ta có khả năng sống chỉ như đứa trẻ có thể tồn tại mà không thở. Tại sao phải có vấn đề kiểm soát việc thở của chúng ta theo cách chúng ta có thể tồn tại mà không thở? Yoga đã tìm ra những kĩ thuật như vậy, và từ hiểu biết của nó rằng, như đứa trẻ có thể tồn tại không thở thì chúng ta cũng nên có khả năng làm như vậy, một phương pháp công phu đã được tạo ra.

Yoga đã làm nhiều công việc về *pranayoga*, kỉ luật của hơi thở sống, và với việc thở ra rất, rất chậm cố gắng đem nó về trạng thái trung lập trong đó đứa trẻ ở trước hơi thở đầu tiên của nó, hay trong đó nó sẽ theo sau hơi thở cuối cùng của nó.

Có một nhà *yogi* ở Nam Ấn Độ tên là Brahmayogi. Bỗng nhiên, vào năm 1930, tên ông ấy lan khắp thế giới, bởi vì ông ấy có thể dừng việc thở của mình trong mười phút. Khi ông ấy làm buổi trình diễn đầu tiên của mình tại Đại học Calcutta thì mười bác sĩ, những bộ óc y học thông minh nhất của Đại học Calcutta, đã tụ tập quanh ông ấy. Brahmayogi đã bảo họ viết giấy xác nhận cái chết cho ông ấy trong trường hợp ông ấy được coi là chết trong quá trình thực nghiệm. Tất cả mười bác sĩ đều kí giấy xác nhận cái chết của ông ấy khi việc thở của ông ấy đã dừng lại bởi vì tất cả các triệu chứng của cái chết đều rõ ràng, theo y học.

Nhưng sau mười phút nhà yoga này quay lại cuộc sống. Khi ông ấy gấp tờ giấy xác nhận và đút vào túi thì các bác sĩ yêu cầu ông ấy trả lại tờ xác nhận và nói, “Ông định kiện chúng tôi, đưa chúng tôi ra toà sao? Nếu vậy, chúng tôi sẽ bị rắc rối lớn.”

Mười bác sĩ này đã xác nhận rằng con người này đã chết.

Nhưng việc thở của ông ấy phục hồi lại. Brahmayogi hay nói, “Tôi đưa việc thở tới điểm nơi nó ở trong đứa trẻ ngay trước khi sinh, cho tới khoảnh khắc trước khi sinh. Chậm dần lại, ngày một chậm hơn nữa, việc thở đi tới điểm dừng, và cùng với việc dừng này, nhịp tim và mạch cũng dừng lại.”

Nhưng linh hồn vẫn có đó, bằng không thì ai quay lại? Con người này đã quay lại. Ông ấy đã thực hiện thực nghiệm này

tại Rangoon và tại Oxford nữa.

Các bác sĩ bảo ông ấy, “Nếu ông đúng và chúng tôi đã không bị gạt theo cách nào đó, chúng tôi sẽ phải thay đổi định nghĩa của mình về cái chết. Mãi cho tới nay chúng tôi đã xác nhận một người là chết nếu người đó biểu lộ tất cả các triệu chứng lâm sàng của cái chết. Chúng tôi đã xác nhận nhiều người là chết; bây giờ chúng tôi không thể biết được bao nhiêu người trong số họ là thực sự chết hay không. Bây giờ dường như không còn có cách để kiểm tra kếp về nó!”

Chân lí là ở chỗ không người nào trong số họ chết cả. Nếu chúng ta lấy ý nghĩa của cái chết như việc triệt tiêu, không ai trong số họ bị triệt tiêu cả. Định nghĩa duy nhất về cái chết mà chúng ta có là ở chỗ cái máy được dùng để thở không còn có khả năng thở nữa. Brahmayogi đang làm điều đó theo cách khác; cái máy này còn có khả năng nhưng ông ấy không thở gì nữa. Người chết là ở tình huống đối lập: người đó muốn thở nhưng cái máy không còn khả năng nữa. Nếu một trong hai điều trên bị thiếu, việc thở sẽ dừng: hoặc là cái máy trở nên không có khả năng, hoặc người đó không muốn thở.

Trong những khoảnh khắc ngắn ngủi, chúng ta cũng dừng thở - bất kì ai đều có thể làm điều này. Nhưng nếu chúng ta có thể dừng thở dù chỉ một khoảnh khắc, với khoảnh khắc đó chúng ta đã xoay xở được không cần hơi thở sống. Và nếu chúng ta có thể xoay xở không cần nó cho dù là một khoảnh khắc, chúng ta có thể xoay xở cho mười khoảnh khắc; đó không phải là điều lớn. Thế thì nó chỉ là vấn đề công phu.

Không hơi thở sống ... không tâm trí.

Chúng ta hiện hữu, ngay cả khi chúng ta không nghĩ. Ngay cả trong giấc ngủ sâu, khi tất cả các ý nghĩ biến mất và mơ biến mất, chúng ta vẫn hiện hữu.

Bây giờ các nhà khoa học nói rằng cho dù họ có lấy ra toàn bộ não của con người thì sự hiện hữu của người đó vẫn không bị phá hủy, người đó vẫn có đó. Tâm trí không phải là bản chất để tồn tại. Trong thực tế chúng ta phải ngủ hàng ngày bởi vì chúng ta bị mệt mỏi với tâm trí tới mức cần phải bỏ nó lại đằng sau một chốc, bằng không thì chúng ta cảm thấy già lão và cũ mèn.

Ta không là tâm trí...

Ta là nhân chứng bên ngoài trí tuệ.

Người ta có thể cố gắng là nhân chứng bằng việc dùng tâm trí. Bất kì khi nào bạn đang thực hành là nhân chứng, bạn đều đang làm như vậy về mặt trí tuệ. Bạn nói, "Tôi sẽ vẫn còn là nhân chứng, tôi sẽ cố gắng là nhân chứng."

Mọi nỗ lực, mọi cố gắng đều thuộc vào tâm trí. Không ai có thể là nhân chứng qua tâm trí được; việc chứng kiến chỉ có thể khi tâm trí tan biến. Tâm trí không bao giờ có thể trở thành nhân chứng được. Cố hiểu điều đó thật cẩn thận.

Tâm trí không thể còn lại mà không có đánh giá, còn việc chứng kiến có nghĩa là không đánh giá. Việc chứng kiến nghĩa là nếu tôi thấy đoá hoa, tôi vẫn còn chỉ thấy nó; không có ý nghĩ rằng nó là đẹp nảy sinh trong tâm trí tôi mà cũng không có ý nghĩ rằng nó là xấu; không có ý nghĩ nảy sinh rằng nó là hoa hồng mà cũng không ý nghĩ rằng nó là hoa nhài; không có ý nghĩ hái nó nảy sinh mà cũng không có ý nghĩ bỏ nó đấy - tâm trí không len vào giữa. Đoá hoa ở đó và tôi ở đây; không cái gì nảy sinh ở giữa, không sóng ý nghĩ nào len vào giữa. Nó tất cả đều là trống rỗng, hư không ở giữa - đoá hoa ở đó và tôi ở đây. Chỉ thế thì tôi mới là nhân chứng.

Nếu bạn tự nói với mình một cách kiêu ngạo, "Thôi được rồi, khoảnh khắc này mình là nhân chứng cho đoá hoa," ngay cả khi bạn nói điều này thì bạn cũng đang có liên hệ với ý nghĩ này và không liên hệ với đoá hoa. Và nếu trong việc nhìn đoá hoa này một chớp loé nhỏ tới trong đó "Nó đẹp thật" - cho dù chưa bằng lời, chỉ là một chớp loé - thì thế nữa tâm trí đã bước vào. Tâm trí không thể nào tồn tại mà không đưa ra đánh giá.

Trong thực tế, chính chức năng của tâm trí là để đánh giá. Bạn sẽ phải đánh giá ủng hộ hay chống đối, bên này hay bên kia. Bạn sẽ phải ở đâu đó - với tâm trí bạn không thể trung lập được. Và bạn chỉ có thể là nhân chứng khi tâm trí dừng làm bất kì cái gì.

Ta là nhân chứng bên ngoài trí tuệ.

Bạn thấy, nhưng bạn không nghĩ; bạn hiện hữu, nhưng bạn không tạo ra ý kiến. Tâm thức có đó trong tính toàn bộ của nó, nhưng không hình bóng nào của ý nghĩ trùm lên nó.

Ta là bản thân tâm thức vĩnh hằng.

Không phải là đôi khi bạn có ý thức và đôi khi bạn vô ý thức; bạn bao giờ cũng là tâm thức.

Với nỗ lực chúng ta đôi khi có thể có ý thức một chốc. Một người chĩa dao găm vào ngực bạn và bạn ý thức vào khoảnh khắc đó; thời gian sống của giấc ngủ đi mất trong một khoảnh khắc. Cạnh sắc của lưỡi dao găm đã xuyên qua chiều sâu bóng tối bên trong, vượt lên trên tất cả năm thể, tất cả các giác quan và mọi ý nghĩ, bạn chỉ là nhân chứng. Có một môn phái các thiền sư ở Nhật Bản dạy thiền qua kiếm thuật. Họ nói thiền không thể nào đạt được nếu kém hơn thế này, rằng một người lười và ngủ tới mức chùng nào chưa có lưỡi kiếm sắc ngay trước người đó thì không việc thiền nào có thể xảy ra. Các trung tâm dạy kiếm thuật được gọi là trung tâm thiền. Trên lối vào có viết 'Trung tâm Thiền', nhưng đi vào bên trong bạn sẽ ngạc nhiên khi thấy rằng họ đang tập luyện kiếm. Bạn thậm chí không thể quan niệm được lưỡi kiếm có thể có liên quan gì với thiền.

Nhật Bản đã cho sinh thành một loại chiến binh rất đặc biệt gọi là samurai - võ sĩ đạo. Một samurai là người lính tổ hợp thiền với lưỡi kiếm. Không ở đâu khác trên trái đất này có những người lính như samurai. Lính Rajput ở Ấn Độ cũng chưa là gì nếu so với những samurai này bởi vì phần bản chất của việc huấn luyện là ở chỗ trí tuệ, tâm trí, phải không có đó khi người này sử dụng kiếm. Đây là việc huấn luyện: khi bạn cầm lưỡi kiếm trong tay thì tâm trí phải không có đó để can thiệp. Để lưỡi kiếm làm việc của nó mà không có can thiệp của tâm trí.

Khi hai samurai tham chiến, thắng hay thua là rất khó phân định. Lưỡi kiếm đi mà không có can thiệp nào từ tâm trí của họ. Các bậc thầy samurai nói: "Anh lỡ một chuyển động chỉ khi tâm trí anh len vào và đó là lúc anh phạm sai lầm, bởi vì đó là lúc anh trở nên vô ý thức trong hành động."

Bạn đang trong một trận chiến ác liệt, trong cuộc đấu kiếm, và bỗng nhiên một ý nghĩa loé lên trong tâm trí bạn rằng vòi nước trong nhà vẫn còn mở; bạn đi mất rồi! Đó là cách ý nghĩ len vào - không chỉ trong đấu kiếm mà khi bạn đang ngồi trong đền chùa để tôn thờ hay thiền. Bạn bỏ lỡ khoảnh khắc này! Bạn đã được mang đi xa khỏi đó. "Chính trong lỗ hổng này," bậc thầy

samurai nói, “lưỡi kiếm của người kia sẽ xuyên vào thân thể anh.” Lưỡi kiếm phải di chuyển, nhưng không nên có ý nghĩ bên trong.

Thế thì ai sẽ có đó bên trong? Sẽ chỉ có nhân chứng bên trong - duy nhất nhân chứng. Nó sẽ chứng kiến lưỡi kiếm di chuyển, và cho dù lưỡi kiếm có xuyên vào thân thể thì nó sẽ chứng kiến điều đó nữa - nhưng chỉ nếu có một nhân chứng; thế thì nó sẽ thấy lưỡi kiếm xuyên vào bên trong. Lưỡi kiếm chẳng liên quan gì tới nhân chứng, lưỡi kiếm không bao giờ có thể xuyên vào nhân chứng được.

Đó là lí do tại sao Krishna nói: “*Nainam chhindanti shastrani...* vũ khí không thể cắt được nó, lửa không thể đốt được nó.” Đốt nó trong lửa và nó vẫn còn không bị cháy, không bị động chạm tới.

Ta là bản thân tâm thức vĩnh hằng.

Không chỉ thỉnh thoảng.... Thỉnh thoảng chúng ta mới trở nên có ý thức, trong một tai nạn hay trong khoảnh khắc mãnh liệt nào đó. Điều rất thú vị là bất kì khi nào chúng ta hoàn toàn có ý thức, đó là khi chúng ta có được một thoáng nhìn nhỏ về phúc lạc trong cuộc sống. Hiếm khi, rất hiếm khi, có thể chỉ một hay hai lần trong cuộc sống, vài khoảnh khắc như vậy xuất hiện khi chúng ta bỗng nhiên có được một thoáng nhìn, và điều đó không bao giờ xảy ra lại. Lí do chúng ta có được thoáng nhìn là như nhau: bởi lí do nào đó chúng ta trở nên ý thức ở bên trong. Bất kì lí do nào! - lí do có thể là bất kì cái gì. Tâm thức này nở hoa vào một khoảnh khắc, cái đỉnh này chúng ta chưa bao giờ đạt tới lần nữa. Và chúng ta cứ tìm kiếm kinh nghiệm khác giống thế này trong phần còn lại của cuộc đời mình.

Nó có thể xảy ra ở bất kì đâu. Nó có thể xảy ra trong những khoảnh khắc tĩnh lặng sâu sắc của ban đêm khi không có ý nghĩ nào bên trong, khi chỉ có tiếng dế kêu còn lại; phúc lạc được kinh nghiệm trong khoảnh khắc đó chưa bao giờ được biết tới trước đây. Vào buổi sáng, thấy mặt trời lên, đôi khi nó có thể xảy ra. Mặt trời mọc lên và khi bạn quan sát nó thì không có ý nghĩ bên trong; thậm chí không có đến cả ý nghĩ này, rằng "Nó là mặt trời"; thậm chí không có cả từ 'mặt trời' tới trong tâm trí. Trong kinh nghiệm đó mặt trời trở thành điều thiêng liêng. Kinh nghiệm đó không bao giờ có thể bị quên đi.

Những điều như vậy xảy ra một cách ngẫu nhiên, đôi khi. Nhưng để làm cho nó xảy ra qua việc dùng phương pháp thì được gọi là thiền - rằng người ta vẫn còn thức tỉnh. Nhưng có nỗ lực trong nó.

Hiền nhân này nói: “Khi nỗ lực không có đó và việc thức tỉnh là tự nhiên - đó là bản chất thực của ta, đó là điều ta đang là.”

Về điều này không có hoài nghi.

Không có hoài nghi về nó. Tại sao? Bởi vì đây không phải là lí thuyết. Hiền nhân này nói: “Không có hoài nghi về nó bởi vì ta đang nói điều đó từ kinh nghiệm riêng của mình.”

Vivekananda tới Ramakrishna và hỏi, “Thượng đế có tồn tại không?”

Ramakrishna không nói có hay không. Ông ấy đã không ngồi xuống để thảo luận hay giải thích, không, tất cả điều ông ấy nói là, “Anh có muốn gặp ông ấy ngay bây giờ không, chính khoảnh khắc này?”

Vivekananda đã nói ở đâu đó, về sau, “Tôi lưỡng lự một thoáng chốc; tôi có muốn gặp Thượng đế bây giờ hay không? Con người kia đã không lưỡng lự, và câu hỏi tôi đã hỏi lại là một câu hỏi khó: 'Thượng đế có tồn tại hay không?' Ông ấy đáng phải lưỡng lự, bởi vì câu hỏi này là rất phức tạp. Không dễ dàng mà nói có hay không. Nếu bạn nói có thì bạn sẽ phải chứng minh nó, và ai đã có khả năng chứng minh sự tồn tại của Thượng đế?”

Có lẽ nhiều người không có khả năng chấp nhận Thượng đế chỉ bởi vì không ai cho tới giờ đã có khả năng chứng minh sự tồn tại của ngài - bằng không thì người vô thần đã biến mất từ lâu rồi. Nhưng họ đã không biến mất, cho nên điều này cứ chứng tỏ rằng Thượng đế là cái gì đó không thể chứng minh được - bằng không thì những người không tin đã phải biến mất từ lâu rồi.

Thế gian đã tạo ra biết bao nhiêu những người hữu thần vĩ đại, và vậy mà người vô thần vẫn còn không bị ảnh hưởng; người hữu thần thậm chí không tạo ra được đến một li thay đổi trong người vô thần, người đó vẫn còn như người đó thế. Cho dù chúng ta có đem tất cả những người hữu thần lại với nhau, họ cũng không thể nào thay đổi được một người vô thần. Cái gì có

thể là lí do cho điều này? Chỉ duy nhất một lí do: người vô thần yêu cầu bằng chứng và không có bằng chứng - do đó bất lực.

Cho nên Vivekananda đã nghĩ, “Ramakrishna sẽ gặp rắc rối đây; ông ta chỉ là một dân quê, thất học, ông ta mới học hết cấp hai trong tiếng Bengali, cho nên ông ấy có thể biết được gì?”

Vivekananda là người vô thần, và ông ấy thông minh, được học hành đến nơi đến chốn, một trong những thiên tài vĩ đại nhất mà Bengal có thể sản sinh ra, một chuyên gia trong tranh luận, trong logic, trong triết học của Aristotle và của Ấn Độ. Vivekananda đã hỏi người dân làng này, người dân quê mùa chất phác, và người dân quê này đã đẩy Vivekananda vào trạng thái lưỡng lự. Ông ấy đã hỏi Vivekananda liệu ông này có sẵn sàng gặp Thượng đế - ngay bây giờ không!

Có một phẩm chất đặc biệt trong câu trả lời này, và đó là sự cả quyết của Ramakrishna - cứ dường như Thượng đế có đó, ngay phòng bên cạnh, và chỉ cần bạn hỏi và bạn có thể gặp được ông ấy. Con người này biết tận bên ngoài hoài nghi - không hoài nghi nào hết cả. Hoài nghi chỉ có thể không tồn tại khi có kinh nghiệm.

Cho nên hiền nhân này nói: *Về điều này không có hoài nghi.*

Mọi điều ông ấy đang cố gắng nói là : “Ta đã biết nó và ta đang nói điều này từ kinh nghiệm tồn tại của ta. Đây không phải là lí thuyết hay giáo điều. Đây không phải là ý nghĩ của ta, ý tưởng của ta, khái niệm của ta. Ta đã biết nó hiện hữu như vậy; ta đã sống nó như vậy.”

Trước điều này Vivekananda đã tới bố của Rabindranath Tagore, Devendranath. Ông ấy là một Maharishi, một người đáng kính. Ramakrishna chưa là cái gì vào thời đó; Maharishi Devendranath đã là một người vĩ đại. Thứ nhất, ông ấy xuất thân từ gia đình đáng kính của Tagore - bố ông ấy đã được gọi là vua - và thế rồi ông ấy lại trí huệ và được kính trọng như một hiền nhân vĩ đại. Ông ấy có nhân cách của một hiền nhân.

Phần lớn thời gian ông ấy sống trên chiếc nhà thuyền trên sông. Cho nên vào nửa đêm Vivekananda bơi tới nhà thuyền này. Minh mảy ước sững, trong bóng tối ban đêm, ông ấy đẩy cửa mở ra. Cửa không khoá, bởi vì không có vấn đề về việc bất kì ai

tới vào giữa đêm; và ai sẽ tới trên chiếc nhà thuyền này? Đó là một trong những lí do tại sao ông ấy đã sống trên nhà thuyền.

Vivekananda đẩy cửa mở và bước vào. Devendranath đang ngồi thiền với mắt nhắm. Việc đẩy cửa, âm thanh đó, sự rung chuyển của nhà thuyền, cánh cửa mở ra - và bỗng nhiên có người thanh niên này nắm lấy cổ áo Devendranath, lay ông ta và hỏi, “Thượng đế có tồn tại không?”

Devendranath nói, “Ngồi xuống đi và bình lặng lại hơi thở của anh. Đây có phải là lúc để hỏi câu hỏi đó không? Đây có phải là lúc tới thăm không? Đây là cách cư xử gì vậy?”

Vivekananda nói, “Khi nhà đang cháy ai để ý tới cách cư xử? Trả lời câu hỏi của tôi đi, quên hết mọi chuyện khác đi - chẳng cần xã giao gì cả: Thượng đế có tồn tại không?”

Có một thoáng ngần ngại bên trong Devendranath; điều đó khó mà nói có, còn không thì lại ở ngoài câu hỏi này. Nhưng làm sao trả lời một người như thế này, người nói rằng nhà đang cháy, người đã tới bằng cách bơi tới nhà bạn vào giữa đêm, mình mẩy ướt sũng - ngay cả khuôn mặt anh ta cũng còn chẳng thể thấy được rõ ràng- lại hỏi về Thượng đế sao? Đây có phải là cách thức của người tìm kiếm không?

Ông ấy nói, “Ngồi xuống đi, ta sẽ giải thích.”

Nhưng Vivekananda nháy ngược xuống sông... tiếng nước bắn toé lên...Maharishi Devendranath với với theo, “Này cậu thanh niên, đợi đấy!”

Vivekananda đáp, “Lượng lự của ông đã nói mọi điều rồi - chẳng còn lại gì mà đợi cả.”

Đó là lí do tại sao hiền nhiên này nói: *Về điều này không có hoài nghi.*

Lượng lự này là đủ làm lộ ra hoài nghi của người đó. Nhưng Vivekananda đã cúi đầu trước Ramakrishna - trước người dân quê, người mộc mạc, ông ấy đã cúi đầu. Devendranath là một trong những người trí huệ nhất, nhưng đã có lượng lự.

Tâm trí bao giờ cũng lượng lự; chính chỉ kinh nghiệm mới không có lượng lự. Dù bạn có thể nghĩ nhiều bao nhiêu cũng chẳng thành vấn đề, lượng lự sẽ vẫn còn lại. Làm sao có thể không lượng lự khi dùng tâm trí được? Bạn có thể cứ

nghĩ, cứ tin và tự thuyết phục mình vô tội rằng Thượng đế tồn tại, nhưng một tiếng nói nào đó bên trong bạn sẽ cứ nói: “Mình vẫn còn chưa biết điều đó, mình còn chưa đạt tới điều đó, mình còn chưa kinh nghiệm điều đó.” Cho dù logic và bằng chứng tất cả đều đã nói với bạn rằng Thượng đế tồn tại, vậy mà kinh nghiệm bên trong của bạn sẽ cứ nhắc nhở bạn rằng bạn vẫn trống rỗng và không được thoả mãn.

Đó là lí do tại sao hiền nhân này nói:

Về điều này không có hoài nghi.

Tôi đang nói chân lí mà tôi đã kinh nghiệm.

16 Bên ngoài tất cả - nhân chứng

Ta không là người làm không là người kinh nghiệm. Ta hiện hữu nhưng là nhân chứng cho mọi biểu hiện. Chính bởi vì sự gần gũi của ta với chúng mà thân thể, vân vân, dường như là ý thức, và bắt đầu vận hành tương ứng.

Ta là cái không thay đổi, cái vĩnh hằng.

*Ta bao giờ cũng là nhà của phúc lạc, của thuần khiết và việc biết.
Ta là toàn năng.*

Ta là linh hồn rõ ràng hiện diện trong mọi sinh linh hữu tình như một nhân chứng.

Về điều này, không có hoài nghi.

Để đi vào trong chiều sâu và sự sâu lắng của sự tồn tại, điều bản chất là hiểu thêm vài sự phủ định nữa. Hôm qua chúng ta đã thảo luận rằng bạn không là thân thể, không là giác quan, không là tâm trí, không là trí tuệ; bạn là tâm thức. Nhưng dầu vậy những tầng tinh vi hơn vẫn tồn tại, và những tầng tinh vi này lại được tạo ra chỉ bởi vì sự xấp xỉ của chúng với tâm thức.

Tâm thức chiếu sáng bất kì cái gì trong sự gần gũi với nó. Cũng giống như chiếc đèn sẽ chiếu sáng mọi thứ ở gần đó. Chúng ta thắp đèn, và ngay lập tức mọi thứ bên trong phạm vi của nó đều được chiếu sáng. Tương tự, mọi thứ bên trong chúng ta gần với tâm thức đều được chiếu sáng. Và chính với chiếu sáng này mà rắc rối bắt đầu.

Cố hiểu điều đó giống như thế này: nơi không có đèn thì trời tối và chẳng cái gì là thấy được. Thế rồi chiếc đèn được thắp lên. Nếu ánh sáng của chiếc đèn không có ý thức, nó sẽ trong ảo tưởng rằng tất cả những cái trở nên được chiếu sáng, thấy được, đều là một phần của bản thân cái đèn. Ánh sáng sẽ trong ảo tưởng rằng tất cả những cái trở nên được chiếu sáng đều không tách rời khỏi nó, bởi vì "Khi ta không có, nó không có đó; cả tường lẫn đồ đạc của căn phòng đều không thấy được. Khi ta không có đó, chẳng có gì cả. Mọi sự chỉ tồn tại khi ta có đó.

Một cách tự nhiên, chính logic đơn giản là sự tồn tại của mọi thứ đều được hàm chứa bên trong sự tồn tại của ta.”

Điều đó cũng giống vậy với tâm thức. Nếu như không có tâm thức thì sẽ không có năm thể, không có tâm trí, không có trí tuệ, không có giác quan - không có gì! Mọi thứ tới trong sự tồn tại với việc nổi lên của tâm thức. Nếu tâm thức trở thành vô ý thức, nếu nó biến mất trong giấc ngủ sâu, thế thì ngay cả thân thể cũng không được cảm thấy, tâm trí không được cảm nhận. Đó là lí do tại sao khi bạn phải chịu cuộc mổ thì một tầng của vô ý thức sâu được tạo ra quanh tâm thức của bạn để cho bạn sẽ không cảm thấy đau ngay cả khi tay bạn bị cắt cụt. Bạn thậm chí sẽ không biết liệu toàn thể thân thể có bị cắt thành từng mảnh hay không, bởi vì ánh sáng của ngọn đèn đã chiếu sáng tất cả điều này bị bao phủ bằng vô ý thức.

Cho nên ý thức, chiếu sáng bất kì cái gì ở gần nó, trở nên bị đồng nhất với chúng. Bởi vì sự gần gũi này mà nó cảm thấy rằng “Bản thân mình là cái này.” Đây là toàn bộ sai lầm của sự đồng nhất. Và thế rồi chúng ta bắt đầu hành xử tương ứng với bất kì cái gì đang đó mà chúng ta đã đồng nhất bản thân mình với nó.

Chẳng hạn, chúng ta thở; nếu tâm thức của bạn rời bỏ thân thể thì hơi thở sẽ rời bỏ theo. Quá trình thở diễn ra chỉ khi ánh sáng của ý thức còn rơi lên nó. Một cách tự nhiên, ý thức đồng nhất: “Khi mình hiện hữu, việc thở hiện hữu, còn khi mình không hiện hữu, việc thở không có. Cho nên mình phải là bản thân việc thở, bản thân mình là việc thở.”

Nhưng điều này không đúng. Bạn chưa bao giờ làm việc thở cả. Việc thở xảy ra: bạn chỉ là nhân chứng. Chắc chắn, nhận biết về việc thở xảy ra chỉ khi bạn hiện hữu, nhưng quá trình thở hoàn toàn tách biệt thế; nó có thể diễn ra ngay cả lúc bạn vô ý thức. Và bây giờ các nhà khoa học còn nói rằng ngay cả khi bạn chết thì họ vẫn có thể giữ cho quá trình thở diễn ra với sự giúp đỡ của máy móc.

Việc thở là một cái máy tách biệt, một hệ thống tách biệt, bạn chỉ là việc nhận biết về nó. Bạn đã bao giờ làm việc thở chưa? Nếu đấy là bạn làm việc thở thì bạn đã chết từ lâu rồi, bởi vì nếu bạn quên mất việc thở một chốc thôi, mọi thứ đã tan rã rồi.

Và con người có thể phạm phải đủ mọi loại sai lầm khác, điều đó là được, nhưng nếu con người quên mất thở thì điều đó không thể được. Đó là lí do tại sao bạn không là người làm, bạn chỉ là nhân chứng cho nó. Máu tuần hoàn trong thân thể bạn, bạn không làm nó tuần hoàn. Bạn không là người làm. Trái tim đập - bạn không là người làm, bạn chỉ là nhân chứng.

Nếu bạn hiểu hiện tượng này về trái tim, việc thở, mạch đập và việc tuần hoàn máu, không phải rất khó để hiểu cách tâm trí làm việc. Bạn không làm cho nó làm việc, nó nữa cũng là một cái máy - tâm trí nữa cũng là một cái máy.

Một người bị xâm chiếm bởi ham muốn dục; nếu người đó nghĩ rằng mình đang làm thì người đó lầm. Nó chỉ là việc xảy ra. Điều này nữa cũng chẳng là gì nhiều hơn vài tuyến nội tiết, chất dịch nào đó được tiết ra từ những tuyến này. Khi các tuyến dục đã chín muồi vào độ tuổi mười bốn, chúng làm cho ham muốn dục thành có thể. Nếu như bạn bị cắt bỏ đi những tuyến này, khả năng của bất kì ham muốn dục nào cũng sẽ tiêu tan. Bạn thậm chí cũng chẳng là người tạo ra những ham muốn dục của mình, và đó là lí do tại sao rất khó loại bỏ chúng. Việc đó sẽ dễ làm sao nếu bạn đã tạo ra chúng. Nếu như bạn đã là người tạo ra những ham muốn dục của mình thế thì sẽ chẳng khó khăn gì, bạn sẽ chỉ nói, “Mình không muốn điều này,” và nó sẽ chấm dứt. Nhưng bạn nói rằng bạn sẽ không có ham muốn dục nào và nó cứ nảy sinh ra, nó không rời bỏ bạn. Tại sao? Nếu bạn là người làm, người sáng tạo, thế thì khó khăn gì ở đây?

Khó khăn là ở chỗ bạn không là người làm và, vẫn cứ tin mình là người làm, bạn lâm vào rắc rối kép. Trước hết bạn coi mình là người làm, và thế rồi bởi vì điều đó bạn nghĩ rằng nếu bạn muốn thì bạn có thể là người kiểm soát nữa. Bạn nghĩ, “Bản thân mình là người làm và mình có thể dừng ham muốn dục nếu mình muốn.” Nhưng nó không dừng; bạn không thể làm nó phát sinh mà cũng không thể chấm dứt được nó.

Điều đó có nghĩa là bạn không bao giờ có thể gạt bỏ được ham muốn dục hay không? Vâng, bạn có thể tự do với nó vào ngay chính khoảnh khắc này. Nếu cảm giác người làm tan biến, và

nếu bạn vẫn còn là một nhân chứng, thế thì bạn được tự do với ham muốn. Ham muốn còn lại ở một bên, cái máy vẫn còn tách rời khỏi nó và bạn đừng tách xa; lỗ hồng phát sinh ra ở giữa.

Một điều nữa cần được hiểu. Bạn không là người làm đối với cái máy này, nhưng sự hiện diện của bạn là cần để cho nó vận hành - chỉ sự hiện diện của bạn. Bạn không là người làm.

Mặt trời khi nó mọc lên vào buổi sáng không làm nỗ lực nào để mở từng nụ hoa. Có lẽ thậm chí nó còn không nhận biết về bao nhiêu hoa đã nở bởi vì nó, bao nhiêu chim đã bắt đầu hát. Nó không phải là người tạo ra tất cả những điều này, vậy mà những điều này sẽ không xảy ra nếu không có mặt trời. Nếu mặt trời không mọc vào sáng mai thì chim chóc sẽ không có khả năng hát, hoa sẽ không nở và hoa sen sẽ vẫn còn đóng. Vậy mà mặt trời không phải là người làm bởi vì không có vấn đề về việc làm. Các tia sáng của nó không tới và mở từng cái nụ ra, từng cái một. Các tia sáng của nó không vươn tới để tạo ra tiếng hát trong họng từng con chim. Không có nỗ lực, chỉ sự hiện diện của nó làm việc.

Khoa học chấp nhận một sự kiện được gọi là 'tác nhân xúc tác'. Khoa học nói rằng có những thời điểm khi chỉ sự hiện diện của tác nhân xúc tác cũng tạo ra hiệu quả. Chẳng hạn, nước bao gồm hydro và oxy, nhưng nếu bạn trộn lẫn hydro và oxy thì kết quả sẽ không là nước. Bạn có thể cứ trộn chúng, nhưng chúng sẽ không tạo ra nước khi tác nhân xúc tác không hiện diện. Mọi thứ khác đều hiện diện... bởi vì nước không chứa gì khác hơn hydro và oxy.

Hiện tượng này của tác nhân xúc tác nên được hiểu đúng vì nó sẽ rất có ích trong việc hiểu nhân chứng. Khi chúng ta phân tích nước, chúng ta không tìm thấy gì ngoài hydro và oxy - chỉ hai chất này. Thế thì sao chúng ta không thu được nước khi chúng ta trộn lẫn hydro và oxy? Hai chất này đáng phải trở thành nước, nhưng việc đó lại không xảy ra chừng nào chưa có điện hiện diện. Đó là lí do tại sao khi sét loé lên trên bầu trời nắng, đấy lại là dấu hiệu của mưa, bằng không mây chỉ cứ lang thang và sẽ không có mưa. Khoa học vẫn còn bị phân vân về việc điện đóng vai trò gì, nhưng người ta đã không tìm thấy đóng góp trực tiếp nào của điện trong việc tạo ra nước. Đó là lí do tại sao khi chúng ta phân tích nước chúng ta không tìm thấy điện

đâu cả. Thế thì điện làm gì? Nó chẳng làm gì cả, nhưng sự hiện diện của nó là bản chất; nước sẽ không xảy ra nếu không có sự hiện diện của nó. Cho nên điện đã làm việc như tác nhân xúc tác. Tác nhân xúc tác nghĩa là hiện tượng không thể xảy ra nếu không có sự hiện diện của nó, và vậy mà nó chẳng làm gì cả. Cho nên việc thở là không thể có được nếu không có sự hiện diện của tâm thức, trái tim sẽ không đập nếu không có sự hiện diện của tâm thức, trí tuệ sẽ không làm việc nếu không có sự hiện diện của tâm thức. Và vậy mà tâm thức lại không phải là người làm.

Nhưng điều này tạo ra bên trong chúng ta ảo tưởng của việc là người làm - "Nếu điều gì đó không thể xảy ra mà không có mình, thế thì mình là người làm" - bởi vì chúng ta có thể hiểu chỉ hai khái niệm trong tâm trí mình: thứ nhất, "Nếu mình là người làm, thế thì mọi sự xảy ra," và thứ hai, "Nếu mình không có, chúng không xảy ra." Cho nên kết luận tự nhiên là "Mình là người làm."

Chúng ta không biết chiều thứ ba chút nào, khi chỉ sự hiện diện của tâm thức làm việc. Khi chúng ta giả thiết vai trò của người làm bởi vì sự hiện diện này, thế thì điều này trở thành sự tù túng của chúng ta. Nếu sự hiện diện này vẫn còn là sự hiện diện không bị đồng nhất, thế thì đó là nhân chứng. Chúng ta chỉ cần biết rằng chúng ta là nhân chứng, rằng mọi sự chắc chắn xảy ra trong sự hiện diện của chúng ta, nhưng chúng ta không phải là người làm. Khi điều này được hiểu, một khoảng cách được tạo ra giữa bản thân chúng ta và máy móc của mình.

Thế thì nhiều điều sâu sắc xảy ra bởi vì sự hiện diện không đồng nhất này. Chẳng hạn, trung tâm dục của bạn có thể cố gắng tự khẳng định nó, nhưng nếu bạn vẫn còn là một nhân chứng thì nó sẽ không có khả năng làm, bởi vì ngay khi bạn trở thành nhân chứng, bạn đã lùi lại vào trong bản thân mình và bạn đã làm cách xa bản thân mình với trung tâm dục của mình. Sự gần gũi của tâm thức, mà trung tâm dục của bạn cần để vận hành, bị gián đoạn. Trung tâm dục có thể vẫn còn rung động và kêu gọi, các tuyến dục có thể tiếp tục đòi hỏi hành động dục, nhưng sự hiện diện của bạn lại không có sẵn.

Đó là lí do tại sao điều đáng ngạc nhiên đôi khi xảy ra. Bạn đang ngồi đó, tràn đầy ham muốn dục, tâm trí bạn hoàn toàn bị cuốn hút vào nó, và bỗng nhiên ai đó kêu lên rằng nhà bạn bị cháy. Tại sao chính ham muốn dục của bạn lại tan biến khỏi tâm trí chỉ chốc lát? - bởi vì tâm thức đi khỏi đó và trở thành được nối với ý nghĩ về nhà đang bị cháy. Bằng không cứ thử tách tâm trí bạn ra khỏi ham muốn dục mà xem và bạn sẽ biết rằng điều đó không có tác dụng! Bạn không thể tách khỏi nó được. Nhưng ngay khi bạn nghe thấy tin về cháy - cho dù là báo động giả - thì toàn bộ cơ chế của ham muốn dục của bạn đi tới chỗ dừng lại; bạn quên mất về nó và nó kết thúc.

Điều gì đã xảy ra? Sự hiện diện của tâm thức bạn đã dịch chuyển. Một tình huống khẩn cấp đã nảy sinh, và bây giờ tâm trí không thể đi đâu khác được. Nó đi ra khỏi ham muốn, còn ham muốn này biến mất trong chính việc rời đi này. Cái máy của ham muốn dục vẫn còn đó, và bạn nữa cũng đang hiện diện bên trong cái máy này - nhưng thế rồi cái gì đã thay đổi? Cái đã thay đổi là ở chỗ bạn không còn hiện diện gần ham muốn này nữa; tâm thức bạn đã dịch chuyển ra khỏi nó, sự chú ý của bạn đã ra đi. Việc tự do khỏi ham muốn dục không đạt tới được qua nỗ lực, nó được đạt tới qua việc chứng kiến vô nỗ lực, bởi vì bạn không phải là người làm. Cho nên hiền nhân này bắt đầu lời kinh này:

Ta không là người làm không là người kinh nghiệm.

“Ta không là người làm” - đây là cái gì đó có thể lĩnh hội được; “Ta thậm chí không là người kinh nghiệm” - điều này khó hiểu thấu hơn. Trong việc làm, chúng ta làm điều gì đó ở bên ngoài, việc làm bao giờ cũng bên ngoài, nhưng việc kinh nghiệm là ở bên trong. Khi chúng ta làm điều gì đó chúng ta đi ra ngoài, còn khi chúng ta kinh nghiệm điều gì đó thì chúng ta đi vào trong.

Việc kinh nghiệm là bên trong, do đó nó ở gần hơn. Đó là lí do tại sao, có thể, bạn có thể hiểu rằng bạn không phải là người làm, nhưng lại rất khó hiểu rằng bạn không là người kinh nghiệm nữa. Nhưng người không phải là người làm thì không thể là người kinh nghiệm được, bởi vì sâu bên dưới việc kinh

kinh nghiệm cũng lại là một hành động, một việc làm. Nói "Tôi đã kinh nghiệm" cũng là một việc làm tinh vi. "Tôi đã làm" là việc làm thô thiển, "Tôi đã kinh nghiệm" là việc làm tinh vi.

Cho nên khi cảm thấy việc làm là ở ngoài, đồng thời việc cảm thấy người kinh nghiệm xảy ra bên trong. Và cảm giác về việc làm càng lớn, ham muốn của người kinh nghiệm cũng càng lớn. Do đó cảm giác về việc làm càng lớn thì càng nhiều phiền não trong cuộc sống, bởi vì ham muốn của người kinh nghiệm tăng lên theo cùng tỉ lệ - đam mê càng lớn, không hài lòng càng lớn. Đó là lí do tại sao những người cố gắng nhiều thì thường thấy rất khổ bởi vì họ cảm thấy rằng họ đã làm nhiều thế, nhưng họ đạt được gì? Họ có thể tận hưởng cái gì?

Trong thực tế bạn cứ làm và làm trong hi vọng rằng một ngày nào đó bạn sẽ ngồi lại và tận hưởng. Điều đó cứ diễn ra theo cách này trong cả đời bạn, nhưng khoảnh khắc để tận hưởng chẳng bao giờ tới.

Có ví dụ khác về sự gần gũi này. Bạn biết khi bạn ăn thức ăn rằng bạn không tạo ra cơn đói - do đó bạn không phải là người làm. Điều này không khó hiểu mấy. Bạn không tạo ra cơn đói, nó đơn giản tới. Nếu nó không tới, chẳng có cách nào tạo ra nó. Cho nên điều này là rõ ràng, rằng cơn đói xảy ra, chúng ta không tạo ra nó. Chúng ta ăn thức ăn bởi vì có cơn đói. Nhưng chúng ta kinh nghiệm việc thưởng thức - cảm thấy ngon hay không ngon, đắng hay ngọt. Cho nên chúng ta chấp nhận rằng cơn đói không do chúng ta tạo ra, chúng ta không sản sinh ra nó - nó tới. Chúng ta không tạo ra cơn đói nhưng chúng ta chắc chắn có kinh nghiệm thưởng thức. Thưởng thức là tinh tế hơn. Chúng ta có thực sự kinh nghiệm thưởng thức không? Hay điều đó cũng xảy ra trong cái máy của thân thể chúng ta và bởi vì sự gần gũi của chúng ta với nó mà chúng ta nghĩ, "Mình đang thưởng thức nó."

Việc thưởng thức cũng xảy ra trong cái máy của chúng ta. Đó là lí do tại sao khi bạn bị sốt, bạn không thấy ngon với cái gì cả. Bạn vẫn vậy, nhưng cái máy của bạn bị trì trệ đi và không có khả năng kinh nghiệm việc thưởng thức. Việc thưởng thức xảy ra trong cái máy này.

Pavlov đã làm nhiều thực nghiệm ở Nga. Có cái gì đó cần được hiểu trong hoàn cảnh này từ những thực nghiệm đó. Pavlov hỏi: “Việc thưởng thức là kinh nghiệm thích thú hay kinh nghiệm khó chịu? Nếu mùi hôi bốc ra quanh bạn mọi lúc bạn đang ăn thức ăn, dần dần việc ăn sẽ trở thành điều khổ sở. Hay nếu bạn bị gây sốc điện qua ghế bất kì khi nào bạn ăn, sau mười hay mười lăm ngày mỗi lúc ăn bạn sẽ kinh nghiệm cái đau,

'Bây giờ nó lại tới đây!' Một khi hình mẫu này được thiết lập, thế thì cho dù không bị gây sốc thêm nữa bạn sẽ không có khả năng thưởng thức thức ăn.”

Nhiều người mẹ gặp phải vấn đề với con mình, rằng chúng không thích ăn. Họ làm cả nghìn lẻ một nỗ lực, nhưng con họ không muốn ăn. Và điều không bao giờ xuất hiện với họ là trẻ con không có lỗi. Trong thực tế cách thức mà người mẹ có thể đã hành xử bất kì khi nào trẻ con đòi sữa chính là điều đã làm hỏng mối quan tâm của nó tới thức ăn. Một liên kết đã được hình thành. Bất kì khi nào đưa trẻ đòi sữa, cách người mẹ đáp ứng đã tạo ra một liên kết xấu, một sở thích xấu. Cho nên hành vi của người mẹ đã trở thành được liên kết với thức ăn.

Trong thực tế sự hấp dẫn của đàn ông tới cặp vú của đàn bà là kết quả của nỗ lực của người mẹ cai sữa. Mọi người mẹ đều cố gắng dứt đứa con ra khỏi bầu vú sớm nhất có thể được, và kết quả là ở chỗ nó sẽ không có khả năng quên đi bầu vú trong cả đời mình. Người đó nhìn vào bầu vú ngay cả trong tuổi già của mình. Sự hấp dẫn mà đàn ông có tới bầu vú không phải là không có lí do. Trong thời thơ ấu của mình khi bầu vú mẹ là mọi thứ với đứa trẻ - chúng đã là chính cuộc sống của nó - chúng đã bị dứt ra mạnh tới mức chúng sẽ ám ảnh kí ức nó trong phần còn lại của cuộc đời nó. Chúng bị mắc kẹt trong tâm trí người đó và một nỗi ám ảnh ngu si được sinh ra quanh cặp vú. Mọi người hoàn toàn bị ám ảnh. Chỉ những phần này của thân thể phụ nữ dường như mới có ý nghĩa. Các họa sĩ phí cả đời mình để vẽ chúng. Mọi người gọi các họa sĩ này là thiên tài, nhưng tất cả mọi điều họ làm là vẽ vú phụ nữ; các nhà điêu khắc tạc tượng chúng, còn các nhà thơ thì viết thơ về chúng. Và đây là những người được gọi là thông minh!

Điều có quá nhiều thơ ca, điêu khắc và tranh vẽ về cặp vú là những chỉ báo về sự điên rồ của con người. Con người là điên rồ, nhưng sự việc làm lấy cớ cho tất cả những điều này là rất tầm thường. Đó là lí do tại sao trong những bộ lạc nơi người mẹ thích nuôi con bằng vú mình thì người ta không quan tâm tới cặp vú.

Trong các bộ lạc nguyên thủy, trong cái gọi là những bộ lạc chưa phát triển, người mẹ thích nuôi con bằng vú mình.

Và điều cũng thú vị là sự kiện trẻ con thích bú sữa chỉ mới là một nửa của chân lí; người mẹ cũng thích nuôi con bằng vú, thậm chí còn hơn trẻ con. Nếu nền văn minh và sự huấn luyện và tất cả những điều này không can thiệp vào, trẻ con sẽ tự do với người mẹ theo cả nghìn lẻ một sự căng thẳng.

Đó là lí do tại sao không có quan tâm như vậy trong các bộ lạc nguyên thủy. Chúng ta cảm thấy ngạc nhiên rằng phụ nữ của bộ lạc này đi quanh với vú để trần. Trong thực tế chúng ta nên ngạc nhiên rằng phụ nữ của chúng ta che nó đi. Điều điên rồ là che đi cái đang đó. Và điều đáng ngạc nhiên là ở chỗ nỗ lực che giấu chúng không gì nhiều hơn nỗ lực để phơi bày chúng, bởi vì nếu vú hoàn toàn để trần thì chẳng ai sẽ nhìn chúng cả. Chẳng có gì trong chúng để nhìn. Không ai nhìn vào những phần thân thể để trần. Bất kì cái gì được phơi bày ra đều cần được bao phủ và trang trí thì nó mới hấp dẫn. Đây là một trò chơi kép: che cái bạn muốn phơi bày, dấu cái bạn muốn để lộ ra. Trò chơi này tạo ra những phức tạp có những hậu quả của chúng. Bạn đang ăn. Bất kì cảm giác thích hay không thích bạn có trong khi ăn đều được tạo ra bởi môi trường của bạn. Cái máy của bạn nhận những ấn tượng và tùy theo những điều này nó quyết định liệu điều bạn ăn là ngon hay không ngon. Đó là lí do tại sao những người không ăn cá bị ngạc nhiên khi thấy làm sao những người khác lại có thể thích ăn cá thể. Nó có mùi tanh, nhưng lại là mùi rất ngon cho những người ăn cá.

Cho nên mùi vị là gì? Nó là huấn luyện, thói quen. Thói quen đó xảy ra trong cái máy của bạn và bạn hiện diện ngay đằng sau nó. Bạn ở gần nó tới mức bất kì cái gì được chiếu sáng bởi vì bạn, bạn coi cái đó là bản thân mình. Việc thưởng thức không thể được kinh

nghiệm mà không có bạn, cho nên bạn trở thành việc thưởng thức, bạn trở thành người kinh nghiệm.

Trong thực tế, sâu bên dưới bạn chỉ là một nhân chứng cho việc thưởng thức. Bạn nhận ra mùi vị là ngọt hay đắng - người nhận ra nó là bạn. Bạn không phải là vị ngọt, bạn là người nhận ra cái ngọt. Có ba điều xảy ra: bạn ăn đồ ngọt, bạn đang kinh nghiệm cái ngọt, và bạn nhận biết về kinh nghiệm này. Người nhận biết về kinh nghiệm này là bạn.

Đó là lí do tại sao hiền nhân này nói:

Ta không là người làm không là người kinh nghiệm. Ta hiện hữu nhưng là nhân chứng cho mọi biểu hiện.

“Ta chỉ là việc chứng kiến, và mọi thứ đang xảy ra bên ngoài ta.” Tâm thức chỉ chứng kiến, mọi thứ khác đang xảy ra trong thế giới được biểu hiện. Mọi thứ đang xảy ra quanh bạn - bạn chỉ đang chứng kiến nó. Nhưng chúng ta đánh mất việc chứng kiến này khi chúng ta hoặc trở thành người làm hoặc người kinh nghiệm. Và đau khổ bắt đầu ngay khi chúng ta trở thành người làm hay người kinh nghiệm.

Tôi đã nghe nói về một ngôi nhà bị cháy. Người chủ của ngôi nhà đang kêu khóc và đấm ngực. Thế rồi một trong những người hàng xóm tới và bảo người đó, “Sao ông khóc? Tôi ngẫu nhiên biết rằng con ông đã bán ngôi nhà này hôm qua và cũng đã nhận tiền rồi.”

Nước mắt biến mất, tiếng khóc dừng lại, và người này trở nên hoàn toàn bình thường. Điều gì đã xảy ra? Ngôi nhà vẫn còn đang cháy, người này vẫn hết thế, chẳng cái gì đã xảy ra cả. Nếu chúng ta nhìn, chẳng cái gì đã xảy ra ở bên ngoài. Lúc này ngọn lửa còn bốc cao hơn, người đó đáng phải khóc to hơn, nhưng người đó lại không khóc - sự đồng nhất đã bị phá vỡ, tâm thức người đó đã không tham dự vào trong đó. Ngôi nhà không còn thuộc vào người đó. Sự việc qua rồi.

Nhưng bỗng nhiên người con chạy tới, kêu lên, “Sao bố cứ đứng đấy?” Người bố đang đứng đó như người xem còn người con thì yêu cầu, “Sao bố cứ đứng bất động thế? Việc mua bán vẫn đang diễn ra. Ngôi nhà đã bán được đâu.”

Người bố lại bắt đầu khóc và đấm ngực, mặc dầu hiện tượng bên ngoài vẫn thế. Điều gì đã xảy ra ở giữa? Điều gì đã thay đổi trong vài khoảnh khắc đó? Đám cháy vẫn đó, nhưng sao nước mắt đã biến mất? Sự đồng nhất của người đó đã bị phá vỡ. Khi chúng ta lấy cái gì đó là 'của mình', chúng ta cảm thấy gần gũi với nó; khi chúng ta biết nó 'không phải của mình', gần gũi biến mất. Gần gũi này, đồng nhất này, là đầu mối của mọi niềm vui, của mọi nỗi buồn, của việc trở thành người làm và trở thành người kinh nghiệm của chúng ta.

Tôi đã nghe nói rằng một người tới ở trọ tại một quán trọ ban đêm và ra đi lúc bốn giờ sáng. Sau một năm người này quay lại, và lại trọ ở cùng chỗ cũ. Người chủ quán trọ ngạc nhiên giật nảy người lên và nói, “Ông vẫn còn sống à!”

Lữ khách đáp, “Ông định nói gì? Ông đã nghe tin đồn tôi chết rồi sao?”

Ông chủ nói, “Vấn đề không phải là tin đồn. Lần trước ông ở đây tất cả mọi người đã ăn ở đây đêm đó đều bị chết vào sáng hôm sau trừ mỗi ông, và vì ông đã ra đi trước bình minh nên chúng tôi không thể nào chắc chắn được về ông; thức ăn đã bị bỏ thuốc độc.”

Nghe thấy điều này, ông lữ khách lặn đùng ngất xỉu.

Đây là một sự kiện thực. Nhưng điều gì đã thực sự xảy ra? Cũng cùng một loại hiện tượng đã xuất hiện vào lúc ngôi nhà kia bị cháy. Trong trường hợp kia sự đồng nhất bị phá vỡ, trong khi ở trường hợp này sự đồng nhất lại được tạo ra. Người lữ khách đã đồng nhất với ý tưởng bị đầu độc, trở nên ngất xỉu và chết. Ít người chết vì đầu độc hơn là chết vì sự đồng nhất của họ với ý tưởng bị đầu độc. Bản thân chất độc không hiệu quả thế, nó cần cả sự đồng nhất nào đó.

Tôi đã nói trước đây về Brahmayogi, người đã dừng việc thở của mình trong mười phút. Ông ấy cũng có thể chứa bất kì chất độc nào trong thân thể mình trong ba mươi phút. Ông ấy sẽ nuốt nó, cất nó trong dạ dày, và rồi thải nó ra qua nước tiểu. Ông ấy có khả năng giữ nó ở bên trong tới ba mươi phút, nhưng không lâu hơn. Nhưng ông ấy đã chết ở Rangoon, bởi vì ông ấy không thể nào chứa nó bên trong nhiều hơn thế này. Ba mươi phút cũng

không phải là thời gian ngắn! Các nhà hoá học tất cả đều ngạc nhiên và kinh ngạc, bởi vì chất độc này thậm chí có thể gây ra cái chết cho người ta vào khoảnh khắc nó chạm vào lưỡi. Người ta sẽ không có khả năng còn sống đủ lâu cho dù chỉ để nói điều gì đó, thậm chí cũng không đủ để nói, "Tôi đang chết" - mà con người này lại có khả năng chứa loại chất độc này trong cơ thể của mình tới tận ba mươi phút!

Nhưng ông ấy đã chết trong khi làm thực nghiệm này tại Rangoon. Điều đó là điều ngạc nhiên. Điều gì đã xảy ra? Bí mật là gì? Ông ấy đã uống thuốc độc tại Đại học Rangoon và đi về nơi ông ấy trọ, nhưng chiếc xe ông ấy đi lại bị hỏng trên đường cho nên ông ấy đã không tới được đó trong suốt ba mươi lăm phút sau đó, ông ấy bị ngất xỉu. Ông ấy không có khả năng chứa chất độc này trong thời gian dài này, và năm phút chậm trễ bởi vì chiếc xe hỏng đã gây ra cái chết của ông ấy. Điều đó đã là bí mật của ông ấy, về tới chỗ trọ của ông ấy trong vòng ba mươi phút và thải chất độc qua nước tiểu

Bất kì khi nào ông ấy được hỏi làm sao ông ấy có thể giữ chất độc trong cơ thể của mình với thời gian này thì ông ấy sẽ đáp, "Tôi không trở nên bị đồng nhất với nó; tôi không cho phép bất kì cảm giác nào rằng tôi đã uống thuốc độc. Nhưng tôi lại không thể kéo dài điều đó hơn ba mươi phút. Sau khoảng thời gian đó tôi sẽ bắt đầu bị nó chế ngự, và thế thì nó sẽ xuất hiện với tôi rằng tôi đã uống thuốc độc và rằng tôi có thể chết. Ngay khi ý nghĩ này tới, rắc rối bắt đầu. Sự đồng nhất đó! Lập tức ý nghĩ này sẽ đem tâm thức của tôi vào sự đồng nhất với nó và tôi sẽ trở thành người làm hay người kinh nghiệm."

Nếu tâm thức có thể vẫn còn không bị đồng nhất, điều gì cũng là có thể được. Nếu bạn đã từng thấy một thực nghiệm thôi miên, bạn sẽ bị ngạc nhiên. Nếu thân thể bạn được đặt nằm qua hai chiếc ghế, duỗi dài ra, chân bạn trên ghế này còn đầu bạn trên ghế kia, bạn có thể nằm được thế không? Với chân bạn trên ghế này còn đầu bạn trên ghế kia, phần giữa của bạn có còn thẳng được không? Làm sao nó có thể giữ thẳng được? Bạn sẽ ngã ngay lập tức. Nhưng nếu bạn bị thôi miên và được bảo rằng bạn là cái bảng không thể uốn cong được, thế thì ai đó thậm

chỉ có thể bước lên bạn và bạn vẫn không cong. Điều gì đã xảy ra? Thân thể vẫn thế, nó không đổi. Xương vẫn cong tại các khớp khi chúng được sử dụng, vậy mà ai đó đang ngồi lên bạn và thân thể bạn lại không cong. Điều gì xảy ra? Sự đồng nhất đã bị loại bỏ.

Ý tưởng về việc ngã, về việc sụp đổ mà bạn bao giờ cũng mang theo, rằng bạn sẽ ngã nếu điều như vậy được làm cho bạn, đã bị loại bỏ và một ý tưởng mới đã được trao cho bạn.

Ramamurti thường chịu một con voi dẫm lên ngực mình. Bí mật của ông ấy là gì? Ngực không mạnh để cho voi dẫm lên nó - không ai có ngực mạnh như thế, ngay cả ngực của Ramamurti. Điều đó không thể xảy ra được, chính vấn đề này chưa hề nảy sinh. Ngực con người là ngực con người, và dù nó mạnh đến đâu cũng chẳng thành vấn đề, chân voi sẽ chà nát nó thành từng mảnh. Thực nghiệm của Ramamurti không chứa gì nhiều hơn nghệ thuật loại bỏ đi sự đồng nhất. Nếu bạn có thể loại bỏ đi sự đồng nhất này thì bạn thậm chí có thể để voi dẫm lên ngực mình mà xương không gãy. Xương gãy bởi vì cái ý tưởng rằng chúng sẽ gãy đã trở thành được tập trung thể trong bạn. Trọng lượng của bản thân voi không làm vỡ chúng được - đó là điều đáng quan tâm nhất.

Lão Tử đã kể một câu chuyện về bốn người đang ngồi trong chiếc xe bò kéo. Một trong số họ là người say còn ba người kia không say. Chiếc xe gặp tai nạn và lật úp, nhưng người say chẳng hề hấn gì còn ba người kia tất cả đều bị gãy xương nhiều chỗ. Bí mật của người say là gì? Người đó đáng phải bị thương nhiều nhất chứ! Hoàn toàn say với rượu, bạn sẽ cho rằng người đó đang chuẩn bị xuống địa ngục, nhưng xương người ấy lại không gãy. Người đó nằm thanh thoi bên vệ đường, còn ba người kia thì kêu la khóc lóc với xương bị gãy.

Người say thậm chí không nhận biết rằng chiếc xe đã bị lật úp, và rằng người đó có thể đã bị gãy xương. Nhận biết này là cần để tạo ra sự đồng nhất. Người đó vô nhận biết. Người đó thậm chí đã không nhận biết rằng chiếc xe đang đi hay rằng nó đã bị lật hay liệu người đó ở bên trong hay bên ngoài xe, cho nên sự đồng nhất với xương người đó không được tạo ra và người đó vẫn còn không bị thương. Đó là lí do tại sao trẻ con cứ đi loạng choạng và ngã. Bạn thấy người say ngã đấy, nằm dài trên đường, nhưng họ chưa bao giờ bị thương nặng cả. Vào buổi sáng họ lại dậy tươi tắn và đi tiếp. Bạn thử ngã và xem điều gì xảy ra - mà không say! Một lần sẽ đủ để làm cho bạn khó ra khỏi giường. Đó là sự đồng nhất. Tâm thức lập tức đồng nhất với thân thể khi nó thấy một tai nạn xảy ra. Cho nên bất kì điều gì bạn đang nghĩ bên trong vào cái khoảnh khắc thời gian ngắn ngủi đó, nó đều vật chất

hoá ra bên ngoài. Nếu một khoảng cách được duy trì, điều đó tạo ra sự khác biệt... điều đó tạo ra sự khác biệt.

Ta không là người làm không là người kinh nghiệm. Ta hiện hữu nhưng là nhân chứng cho mọi biểu hiện. Chính bởi vì sự gần gũi của ta với chúng mà thân thể, vân vân, dường như là ý thức, và bắt đầu vận hành tương ứng.

Thân thể giả thiết rằng điều này là như vậy. Nhưng đây chỉ là niềm tin của chúng ta. Thế giới của chúng ta là niềm tin của chúng ta, và chừng nào niềm tin này còn chưa bị phá vỡ thì chúng ta không có cách nào đạt tới giải thoát.

Ta là cái không thay đổi, cái vĩnh hằng.

Ta bao giờ cũng là nhà của phúc lạc, của thuần khiết và việc biết.

Ta là toàn năng.

Ta là linh hồn rõ ràng hiện diện trong mọi sinh linh hữu tình như một nhân chứng.

Về điều này, không có hoài nghi.

Ngay khi ý tưởng là người làm và người kinh nghiệm biến mất, hiện tượng chứng kiến bắt đầu. Hay, ngay khi việc chứng kiến bắt đầu... những ý tưởng về việc là người làm và người kinh nghiệm biến mất. Điều đó tùy ở bạn nơi bạn muốn bắt đầu. Bắt đầu từ bất kì đâu, và hiện tượng này bắt đầu xảy ra. Dừng là người làm trong khi làm, dừng là người kinh nghiệm trong khi kinh nghiệm, và nhân chứng bắt đầu nổi lên. Giữ cố để sinh thành ra nhân chứng, cố để vẫn còn thường xuyên tỉnh táo và người làm và người kinh nghiệm sẽ bắt đầu biến mất. Đây là hai đầu của một hiện tượng.

Có hai cách: một là thiền, và cách kia là khổ hạnh. Khổ hạnh là phương pháp loại bỏ đi người kinh nghiệm và người làm. Thiền là phương pháp được dùng để trở thành nhân chứng, người quan sát. Hãy bắt đầu từ bất kì đâu, kết quả sẽ là như nhau.

Điều đó cần được hiểu tại sao người khổ hạnh đi vào khổ sở. Tại sao sau rốt, người khổ hạnh lại chọn khổ sở? Tại sao Mahavira lại cần đứng trần dưới mặt trời như thiêu như đốt? Cần gì cho thân thể trần trụi của ông ấy run lên trong giá lạnh? Tại sao bước trên những con đường gập ghềnh bằng chân trần và từ chối cho mình thức ăn hàng tháng trời cho đến cuối? Hoặc ông ấy

điên, mà đấy lại không phải là trường hợp này... Trong thực tế khó mà tìm được ai an bình, định tâm, trí huệ như ông ấy, cho nên không có cách nào gọi ông ấy là điên rồ cả.

Đôi khi các nhà tâm lí học phương Tây nghi ngờ rằng Jesus là người điên, nhưng ngay cả vậy thì họ cũng không thể có hoài nghi về Mahavira. Một số phát biểu của Jesus chứng tỏ dường như là ông ấy điên thật. Chẳng hạn: “Ta là đấng con duy nhất của Thượng đế, ta là vua của toàn thể sự sáng tạo. Trên trời ta sẽ ngồi cạnh Thượng đế. Những người theo ta sẽ được cứu rỗi, còn những người bỏ ta sẽ bị rơi vào địa ngục vĩnh viễn.” Và thế rồi bỗng nhiên ông ấy bị đóng đinh, và chết như bất kì người thường nào. Điều gì xảy ra cho vương quốc của ông ấy? Ông ấy đã hứa cứu toàn thể thế giới mà chẳng thể cứu được bản thân mình! Và nếu ông ấy là đấng con duy nhất của Thượng đế, làm sao Thượng đế có thể cho phép con mình bị đóng đinh?

Các nhà tâm lí học phương Tây ngờ rằng ông ấy phải đã bị ảo tưởng. Nhưng không có chân lí nào trong sự hoài nghi đó; họ đang phạm phải sai lầm. Họ không hiểu ngôn ngữ của Jesus. Jesus đã nói cho những người chỉ là dân làng, quê mùa, vô giáo dục, người đã không hiểu được ngôn ngữ của triết học phức tạp. Ngôn ngữ của ông ấy phải là ngôn ngữ của thế giới trần tục.

Những hoài nghi như vậy không thể nào được đưa ra với Mahavira bởi vì ông ấy đang dùng một ngôn ngữ rất có văn hoá... không có chỗ sơ hở nào trong nó để chứng minh ông ấy là điên rồ! Thế thì tại sao Mahavira lại tự áp đặt khổ lên mình? Lí do là ở chỗ đấy là một thực nghiệm trong việc thoát khỏi người làm và người kinh nghiệm.

Chính sự kiện là bạn có thể dễ dàng trở thành người kinh nghiệm trong vui thích, nhưng lại không dễ dàng với khổ sở. Chính khổ sở, chính cái đau không cho phép bạn chỉ là người kinh nghiệm. Chiếc gai đâm vào chân bạn và vào lúc đó bạn dễ dàng trở thành nhân chứng của cái đau này - bạn phải trở thành, bởi vì làm sao bạn có thể tận hưởng nó được? Không có vui thích trong nó, bạn không có thích thú gì về nó cả, bạn muốn cách xa nó. Một khoảng cách là tự động được tạo ra với cái đau, cái khổ sở; sự đồng nhất bị phá vỡ bởi vì không ai muốn sống trong khổ sở.

Chúng ta không có ham muốn ở gần nó. Nó tới - đó là vấn đề khác - nhưng chúng ta muốn giữ nó ở một khoảng cách.

Nhưng khi vui thích tới, chúng ta lại tới rất gần chúng, thế thì chúng ta không muốn giữ khoảng cách nào. Khi mọi người đón chào bạn với vòng hoa tôn vinh thì không có ham muốn là nhân chứng. Trong khoảnh khắc đó bạn không cảm thấy bất kì quan tâm nào trong việc là nhân chứng. Trong khoảnh khắc như vậy khao khát của bạn là thu lấy những lời ca ngợi nhiều nhất có thể được. Chưa bao giờ xuất hiện cho bạn là người này có thể làm điều gì đó sai, hay rằng người đó có thể đánh giá sai bạn vì ai đó khác - rằng điều đó có thể là trò đùa, ảo tưởng. Không, trong khoảnh khắc như vậy tâm trí bạn nói, "Đây không phải là ảo tưởng. Điều đó đáng phải xảy ra từ lâu trước đây rồi - phải mất thời gian lâu thế này bởi vì cái ngu ngốc của mình. Ít nhất thì cuối cùng các người đã thừa nhận tôi; điều đáng phải xảy ra từ lâu trước đây thì cuối cùng bây giờ cũng đang xảy ra."

Nhưng nếu ai đó lại đặt vòng hoa giầy lên cổ bạn - sĩ nhục kiểu Ấn Độ, dấu hiệu của bác bỏ - thì một khoảng cách sẽ ngay lập tức được tạo ra. Bạn sẽ nghĩ rằng điều đó không thể được ngụ ý cho mình, rằng phải có hiểu lầm nào đó, rằng điều đó phải được ngụ ý cho ai khác. Hoặc là người này phải điên, đồ vô lại, kẻ lừa gạt. Bạn không nghĩ điều đó là phải, bạn ném nó ngược lại cho người khác. Nhưng nếu một vòng hoa được đem tới cho bạn thì bạn lại xác nhận nó, bạn nghĩ mình xứng đáng với nó - bạn không coi nó đơn giản là hành động lịch thiệp về phần người khác. Bạn bị đồng nhất với vòng hoa. Bạn muốn được đồng nhất với những vui thích bởi vì bạn muốn vui thích. Điều bạn muốn bạn trở thành bị đồng nhất với nó. Bạn chưa bao giờ muốn khổ sở, trong thực tế bạn bao giờ cũng muốn khổ sở lui ra xa, cho nên cho dù nó tới bạn cũng cố gắng lánh mình ra xa khỏi nó.

Cho nên điều này trở thành nguyên tắc của khổ hạnh

- đứng ở giữa chỗ khổ sở để cho từ từ, dần dần, sự việc trở thành rõ ràng rằng bạn không là người làm, rằng bạn không là người kinh nghiệm.

Mahavira sẽ sống không thức ăn trong ba mươi ngày, để cho khi ông ấy đói, thế thì ông ấy biết rằng đấy không phải là ông ấy

đói - đây là thân thể, còn ông ấy chỉ là nhân chứng cho nó. Vào ngày thứ ba mươi mốt ông ấy sẽ tới thăm một làng, ăn thức ăn nào đó, và biết rằng ông ấy không là cơn đói trước đây cũng không là sự thoả mãn bây giờ. Cả hai hiện tượng này đều ở ngoài ông ấy. Trong khổ sở của mình ông ấy đã thấy sự tách biệt của nó với cái ta của ông ấy, và thế rồi ông ấy sẽ cố gắng duy trì cùng sự tách biệt đó đối với cả vui thích nữa.

Cho nên khổ hạnh là một kĩ thuật. Nó là một cách thức, một phương tiện để phá vỡ sự đồng nhất của chúng ta với người làm và người kinh nghiệm; thế thì sinh thành của nhân chứng bắt đầu. Một mặt người làm và người kinh nghiệm biến mất, và mặt khác nhân chứng bắt đầu lấy sự sinh thành.

Thỉnh thoảng bạn thử thực nghiệm này. Không cần bạn phải đi tìm khổ sở bởi vì biết bao nhiêu khổ sở đã tới với bạn theo cách riêng của chúng. Cho nên khi buồn tới, thực nghiệm bằng kĩ thuật này của khổ hạnh. Bạn không cần áp dụng cuộc sống khổ hạnh như Mahavira. Ông ấy đã thuộc vào một gia đình nơi ông ấy đã tận hưởng nhiều vui thích cho nên có lẽ ông ấy đã không có kinh nghiệm về khổ sở chút nào, và đó là lí do tại sao ông ấy đã làm chọn lựa này.

Cuộc sống của bạn đã toàn những tầng khổ sở và khổ sở - bạn không cần đi tìm nó. Cố gắng đừng đồng nhất với người làm và người kinh nghiệm trong chính khổ sở đó. Khi bạn ốm, giữ một khoảng cách với ốm yếu và vẫn còn là nhân chứng. Đừng kinh nghiệm bản thân mình đang ốm, chỉ kinh nghiệm bản thân mình như nhân chứng cho cái ốm đó. Khi bạn kinh nghiệm bản thân mình theo cách này, bạn bỗng nhiên thấy rằng mọi thứ đều mạnh khoẻ bên trong. Cứ dường như là ai đó bỗng nhiên thấp lên ngọn đèn trong bóng tối và mọi thứ trở nên rõ ràng. Khoảnh khắc của sáng tỏ đó là khoảnh khắc của việc chứng kiến.

Kĩ thuật khác là thiền. Nhấn mạnh của Mahavira là vào khổ hạnh. Nhấn mạnh của Phật là vào thiền. Đó là lí do tại sao những người theo cả hai không thể hiểu được nhau. Họ đều là người cùng thời, nhưng những người theo họ không thể hiểu được lẫn nhau chút nào bởi vì nhấn mạnh của họ là khác nhau và chúng trông có vẻ đối lập lẫn nhau.

Mahavira nói: “Làm sao có thể có thiên mà lại không có khổ hạnh được?” Còn Phật nói: “Khổ hạnh có trước thiên là vô nghĩa.” Và cả hai phát biểu đều đúng.

Và điều thú vị là ở chỗ trong thế giới này hai điều không thể trở thành sai chỉ bởi vì chúng đối lập. Hai điều đối lập có thể đồng thời đúng. Thế giới này phức tạp, đầy những bí ẩn tới mức hai điều đối lập nhau về bản chất lại không sai.

Logic thông thường coi rằng nếu hai điều là đối lập, hoặc cả hai trong chúng là sai, hoặc một trong chúng có thể sai và cái kia đúng, nhưng cả hai không thể đúng được. Điều này chỉ chứng minh cái dốt nát về bí ẩn của cuộc sống. Bí ẩn của cuộc sống nói cả hai có thể đồng thời cùng đúng. Cho nên Mahavira và Phật cả hai đều đúng vào cùng lúc, đúng ngang nhau; chỉ chiều hướng con đường họ là khác.

Mahavira bắt đầu với người kinh nghiệm, người làm, và cái còn lại sau khi tách biệt với nó là nhân chứng. Phật bắt đầu với việc đánh thức nhân chứng. Khi nhân chứng thức tỉnh, cảm giác về việc là người làm và người kinh nghiệm bắt đầu tàn lụi đi. Khi nhân chứng thức tỉnh hoàn toàn, cả người làm và người tận hưởng đều biến mất. Đó là lí do tại sao Phật có thể ảnh hưởng tới cả thế giới nhiều hơn Mahavira. Lí do cơ bản là ở chỗ không ai có nhiều hạnh phúc tới mức người đó sẽ đi tìm khổ. Mọi người đều đã có đủ khổ rồi, cho nên chính ý tưởng về việc chọn khổ thêm nữa dường như kì quái; khổ đã có sẵn quá dư thừa rồi.

Giáo huấn của Phật có thể được hiểu dễ dàng hơn bởi vì chúng không làm tăng thêm khổ của người ta. Chúng là một thực nghiệm để đánh thức nhân chứng một cách trực tiếp, cái làm giảm khổ đi.

Một ngày nào đó giáo huấn của Mahavira có thể trở nên có ảnh hưởng và một ngày nào đó có thể, khi thế giới trở nên quá giàu có, giáo huấn của Phật sẽ biến mất. Cũng có thể là trong thế kỉ tới, ở Mỹ, giáo huấn của Mahavira có thể được sống lại - phồn vinh có thể đã tăng lên tới mức ngay cả khổ cũng có thể bắt đầu có hấp dẫn; thịnh vượng và vui thích có thể có sẵn nhiều tới mức ngay cả khổ có thể có vẻ như thay đổi đón chào.

Tại đây, hai nữ sannyasins phương Tây đã ngủ bên ngoài trời dưới gốc cây. Họ bảo tôi vào buổi sáng rằng mọi người Ấn Độ dường như lo nghĩ về điều này. Họ nói, "Bất kì ai gặp chúng tôi cũng đều nói, 'Các chị làm gì vậy? Đừng làm thế! Ngủ ngoài trời dưới gốc cây trong đêm là nguy hiểm.' Mà chúng tôi thì lại thích điều đó."

Tôi bảo họ, "Các bạn có thể không hiểu tại sao người Ấn Độ không thể thấy thích ngủ dưới gốc cây - họ nghèo thế nên họ đã sống dưới gốc cây! Bạn có thể thích điều đó bởi vì biết bao nhiêu khoảng cách đã xuất hiện giữa bạn và cây đến mức có một cuộc phiêu lưu cho bạn."

Cho nên cả hai kĩ thuật đều có thể giúp cho hiện tượng này xảy ra, rằng chỉ nhân chứng còn lại. Thế thì, cho dù nhân chứng này có thể ở bên trong chúng ta, nó cũng không phải là của chúng ta; nó là sự tràn ngập khắp. Với việc kinh nghiệm về nhân chứng, bản ngã biến mất, bởi vì bản ngã không là gì ngoài tổng của người làm và người chứng kiến. "Tôi đã làm", "Tôi đã kinh nghiệm", "Tôi đã đạt tới" - tất cả những điều này tạo ra cái tôi của bạn, bản ngã. Nếu tôi đã không làm và tôi đã không kinh nghiệm và tôi đã không đạt tới, cái tôi của bạn có thể đứng ở đâu? Toàn bộ tích lũy này sụp đổ rời ra.

Cho nên nhân chứng không phải là 'của tôi'. Hiểu điều này cho đúng: nhân chứng không phải là 'của tôi' - bạn trở thành nhân chứng cho tất cả những cái bạn đã gọi là 'của tôi'. Ngay khi nhân chứng thức dậy thì cái tôi tan biến. Nhân chứng giống như đại dương vô hạn bên trong chúng ta. Nó là bên trong tôi, bên trong bạn, bên trong mọi người; ở đâu đó nó ngủ, ở đâu đó nó thức, ở đâu đó nó lắng lắng và xoay tròn, ở đâu đó nó mơ mộng, ở đâu đó nó hoàn toàn tỉnh thức và ở đâu đó nó ngủ, trong giấc ngủ, nhưng nhân chứng là một. Nó là cùng trong cái cây, nó là cùng trong tảng đá - trong giấc ngủ, giấc ngủ say. Nó là cùng trong con vật - nó mới chỉ bắt đầu cựa quậy. Nó là cùng trong chúng ta - thỉnh thoảng thức dậy một chút. Nó là cùng trong Phật và trong Christ - hoàn toàn thức tỉnh. Những khác biệt này chỉ là về lượng. Nhưng ai đó biết tới nó trong trạng thái thức tỉnh hoàn toàn thì thấy ngay lập tức rằng nó là đại dương bao la.

Nhân chứng mang tính đại dương, thấm nhuần tất cả chúng ta. Chúng ta tất cả đều trong nó, và nó là trong tất cả chúng ta. Nhưng nó là một, và nó là có mặt khắp nơi. Hiền nhân này nói: *Về điều này, không có hoài nghi.* "Tôi nói điều đó sau khi biết nó, tôi nói điều đó sau khi hiểu nó, tôi đã thấy nó là vậy."

Thường có vẻ như những phát biểu của hiền nhân này là những khẳng định rất bản ngã. Những người không biết thì nhất định cảm thấy như thế. Những người không hiểu ngôn ngữ nào khác hơn ngôn ngữ của bản ngã đều nhất định cảm thấy theo cách đó. Nói rằng không có hoài nghi nào về nó, điều đó chẳng độc đoán sao? Nếu như chúng ta hỏi Krishnamurti, ông ấy không thấy điều đó là độc đoán và là một nỗ lực để tạo ra một giáo điều tối hậu sao? Krishnamurti sẽ không thích nói, "Điều tôi nói là ở bên ngoài mọi hoài nghi." Ông ấy sẽ nói, "Điều này sẽ có nghĩa là tôi đang gây sức ép lên bạn để tin vào tôi." Và có lẽ ông ấy cũng phải.

Có những người tuyên bố mọi thứ một cách độc đoán chỉ để cho điều đó được chấp nhận. Nhưng cũng sai mà tin rằng tất cả mọi người đều giống thế. Những người thích hiền nhân này cũng tồn tại, những người không áp đặt bất kì sự độc đoán nào lên bất kì ai, người chỉ phát biểu một sự kiện - một thông tin khiêm tốn nào đó về điều họ không có hoài nghi. Và nếu họ *không có* hoài nghi thế thì nói vậy là sai sao? Hay họ phải nói rằng họ có hoài nghi chỉ bởi vì nỗi sợ rằng phát biểu của họ có vẻ độc đoán? Hay bạn cho rằng điều phải với họ là nói rằng họ không biết dù họ có hoài nghi hay không? Hay họ không nên nói điều gì hết cả, bởi việc sợ rằng điều đó có thể giống như một phát biểu độc đoán với ai đó? Dẫu sao đi chăng nữa, nỗi sợ này có tạo ra bất kì khác biệt gì không?

Krishnamurti đã từng nói trong cả đời mình rằng ông ấy không phải là thầy tâm linh của bất kì ai, rằng phát biểu của ông ấy không nên được lấy làm giáo điều tối thượng, rằng không cần chấp nhận điều ông ấy nói; rằng ông ấy không có thẩm quyền. Nhưng điều thú vị nhất là ở chỗ hàng trăm người chấp nhận ông ấy như là người có thẩm quyền. Và sự việc còn trở thành thú vị hơn, và trong thực tế là một chuyện đùa, là mọi người chấp nhận ông ấy như một người có thẩm quyền bởi vì ông ấy phủ nhận điều đó là

như vậy; mọi người coi ông ấy đáng là bậc thầy chỉ bởi vì ông ấy phủ nhận rằng ông ấy là bậc thầy!

Một trò chơi rất thú vị của tâm trí con người là khi ai đó nói với bạn rằng người đó không phải là thầy thì bản ngã bạn cảm thấy được thoả mãn - "Điều này vĩ đại đây, con người này có thể là người bạn; cúi mình dưới chân người này là không cần thiết, chúng ta có thể ôm người đó, chúng ta có thể là bạn bè với người đó, người đó không ở trên chúng ta." Đúng là khi ai đó cố gắng cao hơn thì đó là bản ngã. Nhưng khi ai đó tuyên bố rằng mình không ở trên ai cả chỉ để cho người khác có thể cảm thấy thoải mái, điều này nữa cũng là bản ngã - tất nhiên, từ phía bên kia, từ phía của bạn. Nếu ai đó bảo bạn chạm chân người đó thì người đó sẽ dường như là kẻ bản ngã đối với bạn. Nhưng khi ai đó yêu cầu bạn không chạm chân người đó bởi vì chẳng có gì đặc biệt về người đó cả, bạn không nhận biết rằng sự thoả mãn bạn có được từ điều này cũng là bản ngã của bạn. Và nếu, ngược lại, con người này chạm chân bạn, phải nói gì về bản ngã của bạn!

Một người bạn tới tôi và bảo tôi, "Tôi chỉ thích mỗi Krishnamurti - ông ấy dường như là người trí huệ duy nhất."

Tôi hỏi anh ta tại sao, và anh ta đáp, "Khi tôi tới gặp ông ấy, ông ấy đã đi tới gần tôi và bắt đầu vỗ bàn chân tôi."

Krishnamurti có thể đã làm điều này trong khoảnh khắc của tình yêu, nhưng ông ấy không nhận biết rằng trong khi ông ấy có thể đã vỗ vào bàn chân người này, điều thực sự được vỗ về là bản ngã của người này. Và Krishnamurti hấp dẫn anh ta bởi vì điều đó!

Con người là câu đố rất phức tạp.

Cho nên khi hiền nhân này nói rằng không có hoài nghi về bất kì cái gì, ông ấy không ngụ ý rằng bạn nên tin vào điều ông ấy nói. Không, ông ấy chỉ ngụ ý rằng phát biểu của ông ấy không đơn thuần là phát biểu, chúng đang tới từ việc hiểu của ông ấy. Và chẳng có gì sai trong việc nói điều đó. Ông ấy tuyên bố rằng bên trong mình không có hoài nghi. Tuyên bố này rằng *Về điều này, không có hoài nghi* - nếu đây là cách nó như vậy, có gì sai trong nó? Nếu ông ấy biết nó, ông ấy phải diễn đạt nó. Nói ra chân lí là khiêm tốn.

Điều rất thú vị là chúng ta cứ lặp lại - đặc biệt trong quá khứ một trăm năm nay, ý tưởng ngu xuẩn này đã đi sâu hơn và đã trở thành rất ảnh hưởng - rằng chúng ta tất cả đều bình đẳng, rằng không ai thấp hơn và không ai cao hơn. Điều này đã không làm thay đổi cái gì. Điều đó không có nghĩa là chúng ta đã dừng suy nghĩ về bản thân mình như là cái gì cao hơn. Không, tất cả điều đó nghĩa là chúng ta đã dừng việc suy nghĩ về người khác như là cao hơn chúng ta. Khi chúng ta nói không ai thấp hơn và không ai cao hơn, điều đó không có nghĩa là chúng ta đã dừng việc coi ai đó khác là thấp hơn, nó chỉ có nghĩa là chúng ta đã dừng việc coi bất kì ai khác là cao hơn.

Khi chúng ta nói rằng tất cả đều bình đẳng, trong nghĩa sâu nhất thì điều này là đúng, nhưng chúng ta lại không có hiểu biết về chiều sâu đó. Chúng ta vẫn còn chưa đi tới điểm mà phát biểu này là đúng; nơi chúng ta hiện hữu, phát biểu này hoàn toàn sai. Tại đó, nơi chúng ta đang hiện hữu, chúng ta tất cả đều không bình đẳng, trong thực tế chúng ta tất cả đều bất bình đẳng. Nhưng chúng ta đã chấp nhận ý tưởng này rằng sự bình đẳng tồn tại. Nhưng nơi chúng ta đang hiện hữu, chúng ta tất cả đều hoàn toàn khác nhau và bất bình đẳng.

Vấn đề khác nảy sinh khi một người tin rằng mọi người đều bình đẳng: thế thì người đó sẽ không bao giờ phát hiện ra cái điểm mà sự bình đẳng là thực sự có thể. Ai đó bắt đầu từ tiền đề là mọi người đều bất bình đẳng thì một ngày nào đó sẽ đạt tới điểm nơi sự bình đẳng sẽ trở thành có thể, bởi vì người đó sẽ làm cái gì đó về nó: người đó sẽ tiếp tục cuộc hành trình, làm nỗ lực nào đó hướng tới việc hoàn thiện bản thân mình, tinh luyện mình, thay đổi tình huống. Nhưng ai đó tin bản thân mình là bình đẳng với Phật... điều này chẳng làm hại Phật theo bất kì cách nào. Nếu như điều đó làm hại Phật theo bất kì cách nào thì sẽ không có vấn đề gì, nhưng nó làm hại cho người tin vào ý tưởng này.

Vậy mà nếu Phật nói, "Bạn sai" - thế thì với bạn Phật sẽ dường như là người bần ngã bởi việc tuyên bố rằng bạn bất bình đẳng! Thế thì Phật phải làm gì? Ông ấy không thể nói, "Vâng, bạn bình đẳng với tôi, không chỉ bình đẳng mà còn cao hơn tôi" - điều này thoả mãn bản ngã của bạn, nhưng cuộc hành

trình của bạn để biến đổi và hoàn thiện sẽ không bắt đầu. Hay, nếu Phật nói theo một cách tự nhiên và tự phát, “Không chúng ta không bình đẳng” - điều đó làm tổn thương bản ngã bạn.

Phật, Mahavira, Krishna hay Christ đều không tuyên bố rằng nơi chúng ta đang hiện hữu bây giờ chúng ta là bình đẳng. Chắc chắn họ biết rằng tại điểm nào đó, tại trung tâm, chúng ta tất cả đều bình đẳng, nhưng đó là đích cuối cùng của chúng ta; chúng ta không bình đẳng nơi chúng ta đang hiện hữu bây giờ. Có lỗ hổng lớn, những khoảng cách lớn giữa chúng ta trên con đường, trong cuộc hành trình, nhưng không có lỗ hổng nào giữa chúng ta tại đích.

Đó là lí do tại sao phát biểu của Krishnamurti hấp dẫn mọi người, nhưng nó lại nguy hiểm bởi vì ông ấy nói tất cả chúng ta đều bình đẳng ngay cả trên đường; rằng không ai là thầy và không ai là đệ tử, rằng không ai ở trước, không ai ở sau. Điều này là đúng tại đích, nhưng không đúng chút nào trên đường. Và người tin rằng tất cả chúng ta đều bình đẳng trong khi đang trên đường sẽ không bao giờ đạt tới đích.

Khi hiền nhân này nói: *Về điều này, không có hoài nghi*, đây chỉ là phát biểu khiêm tốn về bản thân ông ấy. Điều ông ấy ngụ ý là ở chỗ ông ấy không nói như vậy qua một quá trình suy nghĩ về nó mà qua việc biết. Và nó còn có nghĩa theo một cách nữa: bởi vì chúng ta đang sống trong nghi ngờ, trong hoài nghi.

Như tôi đã nói với bạn... con chim mới nở từ trứng cố gắng chỉ vẫy cánh đậu bên ngoài tổ, nhưng không có đủ dũng cảm để bay bởi vì nó chưa bao giờ bay cả. Nó không có ý tưởng rằng đôi cánh này là để bay. Nó cũng không tự tin bởi vì đôi cánh của nó còn bé thế, mà bầu trời bao la thế. Làm sao chúng có ích trong bầu trời bao la này?

Và làm sao tin cậy nảy sinh với cái không quen thuộc, cái không biết, con đường chưa ai đặt chân tới, bầu trời bao la mà trong đó người ta chưa bao giờ bay cả? Thấy con chim nào đó khác đang bay, ngay cả thế tin cậy vẫn không nảy sinh rằng "Mình cũng có thể bay," bởi vì không nhất thiết là người ta có thể làm được điều người khác làm.

Nhưng nếu con chim khác có thể nói với con chim này, “Tôi cũng đã trải qua pha này rồi. Một hôm nào đó, đậu ngoài tổ mình,

tôi cũng đã lo nghĩ. Tôi cũng đã không có khả năng tin cậy vào đôi cánh của mình là tôi có thể bay trên bầu trời, bởi vì tôi không có kinh nghiệm trước. Nhưng bây giờ tôi có thể bảo bạn từ kinh nghiệm của tôi rằng không có hoài nghi về nó; mặc dầu bạn có đôi cánh tí hon, bầu trời này được tạo ra cho đôi cánh của bạn và bạn có thể bay. Cánh của bạn là đủ lớn, thậm chí toàn bộ bầu trời này còn quá nhỏ cho chúng. Bạn có thể bay - điều này vượt ra ngoài hoài nghi. Tôi nói điều đó từ kinh nghiệm riêng của mình.”

Kinh nghiệm nghĩa là người ta đã biết cả hai tình huống, bằng không nó sẽ không là kinh nghiệm. Người đã biết tình huống thứ nhất mà trong đó con chim nhỏ bé hôm nay, vẫy đôi cánh mình, không thể thu được can đảm, và người cũng biết tình huống thứ hai, kinh nghiệm về việc bay trên bầu trời, điều này người ta có thể nói với con chim này, “Đừng sợ, nhảy đi!”

Về điều này, không có hoài nghi.

Tuyên bố này là có ích. Tuyên ngôn này không có nghĩa điều Krishnamurti chắc chắn phải tính tới nó để ngụ ý - ý nghĩa đó cũng đúng, nhưng không nhất thiết là như vậy. Nó không có nghĩa là con chim kia đang cố gắng tạo ra thẩm quyền của mình và thúc ép các con chim khác phải tin vào điều nó nói. Nó không có nghĩa là con chim kia đang cố gắng trở thành thầy và làm cho con chim nhỏ này thành đệ tử. Không, không có điều đó. Vâng, điều đó có thể là như vậy, nhưng điều đó không phải là không tránh được. Con chim lớn đơn giản nói với con chim nhỏ hãy nhìn vào mình, rằng điều nó đang nói không chỉ là vô căn cứ, rằng nó đang nói điều đó sau khi biết nó. "Nếu bạn cũng có khả năng nhìn tôi và biết tôi, thế thì tin cậy này có thể trở thành tiềm nhiệm và cho sinh thành tự tin trong bạn nữa."

Thầy trở thành điều phiền hà, cản trở cho bạn khi ông ấy yêu cầu bạn tin cậy vào ông ấy; thầy trở nên có ích khi ông ấy làm nảy sinh tin cậy của bạn vào cái ta riêng của bạn. Trong cả hai tình huống này, một tuyên bố rằng không có hoài nghi về điều đó là bản chất.

17 Như thế là bí ẩn này

Ta là brahman này được biết tới bởi mọi vedanta, trạng thái bên ngoài tri thức.

Ta không thể nhận biết được ngay như bầu trời và không khí vân vân,

Ta không hình dạng không tên tuổi không hành động.

Ta là brahman này, thực tại tối thượng: chỗ cư ngụ của sat, chit, anand - chân lí, tâm thức, phúc lạc.

Ta không là thân thể - làm sao có thể có sinh và tử cho ta?

Ta không là hơi thở sống - làm sao có thể có đói hay khát cho ta?

Ta không là tâm trí - làm sao có thể có buồn rầu hay vui thích cho ta?

Ta không là người làm - làm sao có thể có tù túng hay giải thoát cho ta?

Như thế là bí ẩn này.... Tại đây kết thúc Upanishad.

Xa như việc mở rộng của tri thức có thể đạt tới, điều đó sẽ được gọi là veda. 'Veda' nghĩa là hành động của việc biết, biết. Veda và vidvan - học giả - có cùng một gốc. Veda nghĩa là tri thức.

Những cũng có một chiều của cuộc sống, một trạng thái ẩn kín của sự tồn tại nơi thậm chí tri thức cũng không thể nào ném vào được ánh sáng nào, nơi tri thức không truy nhập tới, nơi việc truy nhập là có thể chỉ nếu tri thức bị bỏ ra ngoài. Do đó Ấn Độ đã thai nghiệm ra một từ duy nhất - bạn phải đã thường nghe nói về nó nhưng có lẽ không hiểu nói: từ đó là vedanta.

Vedanta nghĩa là trạng thái nơi thậm chí veda, tri thức, cũng đi tới chỗ kết thúc, nơi ngay cả tri thức cũng không thể tiếp cận được, nơi bạn phải đi thậm chí vượt ra ngoài tri thức, nơi tri thức trở thành vô nghĩa, nơi tri thức không truy nhập tới được. Veda nghĩa là tất cả các tri thức, xa tới mức nó có thể đi tới được. Nhưng ngay cả điều đó cũng không ích gì. Tất cả những cái đã được biết đều không có ích gì; tất cả những cái đã được kinh nghiệm, tất cả những kho báu tri thức đều không còn có ích. Đây là điểm mà từ đó vedanta bắt đầu.

Nơi veda đi tới *anta*, chỗ kết, tại đó vedanta, trạng thái vượt ra ngoài tri thức, bắt đầu. Nếu chúng ta dịch từ vedanta sang tiếng Anh, nghĩa đích xác sẽ là 'vô tri thức'.

Hiểu ba bước này. Một là *agyan*, dốt nát, bước tiếp được gọi là *gyan*, tri thức, và trên nó là bước được gọi là *gyanatit*, bên ngoài tri thức. Dốt nát là khi chúng ta không biết, tri thức là khi chúng ta biết; nói cách khác, khi chúng ta đã đi ra ngoài dốt nát. Gyanatit nghĩa là chúng ta đã đi thậm chí còn ra ngoài tri thức. Không chỉ dốt nát tạo ra tù túng, tri thức cũng ràng buộc bạn. Giải thoát là trạng thái khi tri thức cũng đã bị bỏ đi. Dốt nát phải bị xua đi, nhưng điều đó là không đủ. Nhiều phương pháp để phá huỷ dốt nát đã được tạo ra trên trái đất, và nhiều trường phái tư duy đã đi vào tồn tại trên toàn thế giới, cố gắng xua đi dốt nát. Nhưng có lẽ duy nhất những người trí huệ phương Đông tạo ra một trường phái tư duy nói rằng một trạng thái sẽ tới khi ngay cả tri thức cũng phải bị loại bỏ, nơi ngay cả tri thức cũng trở thành tù túng. Không chỉ dốt nát là tù túng, tri thức nữa cũng có thể trở thành tù túng bởi vì tri thức là hữu hạn. Dù người ta có thể biết nhiều đến đâu, tri thức cũng không thể nào là vô hạn được. Nếu bạn muốn biết cái vô hạn thì bạn sẽ phải vứt bỏ mọi tri thức.

Đó là lí do tại sao, theo một nghĩa sâu sắc hơn, con người của trí huệ tối thượng dường như là người dốt nát. Theo một cách nào đó thì người đó trở thành người dốt nát bởi vì người đó nữa cũng không có tri thức. Nhưng theo nghĩa khác thì người đó hoàn toàn đối lập với người dốt nát; người dốt nát theo cách đó bởi vì người đó không có tri thức, còn người của trí huệ tối thượng thì dốt nát bởi vì người đó đã buông bỏ tri thức này nữa.

Cố hiểu điều đó như thế này, một người được sinh ra là kẻ ăn xin và người đó lớn lên với việc đi ăn xin trên phố. Thế rồi có Phật Gautama, người từ bỏ cung điện của mình một ngày nào đó và bỗng nhiên đi ăn xin trên phố. Phố xá vẫn như vậy, bình bát xin ăn có thể vẫn như vậy, còn người ăn xin và Phật có thể bước đi cùng nhau trên cùng một phố để xin ăn. Cho nên khác biệt là gì? Cả hai đều đi ăn xin, cả hai đều có bình bát xin ăn trong tay, cả hai đều đứng ăn xin tại nhiều cửa nhà; cả hai đều là kẻ ăn xin - nhưng họ có thực

sự như nhau không? Khác biệt là không thấy được trên bề mặt, nhưng khác biệt lớn nằm ở bên trong.

Kẻ ăn xin chỉ là kẻ ăn xin, người đó không có gì hết cả. Người đó chưa bao giờ biết giàu có nào và do vậy người đó đang chịu đựng việc không có gì. Người đó không có tiền - Phật nữa cũng không có tiền - nhưng kẻ ăn xin chưa bao giờ biết tới tiền, đó là lí do tại sao việc thiếu tiền cũng giống như tính hồng cho người đó, cái hốc; đấy là một điều khổ, một vết thương - nó rỉ ra. Chính sự hiện hữu của người đó là trống rỗng; bình bát ăn xin của người đó không chỉ trong tay người đó, việc ăn xin của người đó đã đi sâu vào bên trong người đó. Còn Phật này đang đứng gần người đó cũng là một người ăn xin, nhưng ông ấy biết tới giàu có. Rắc rối của ông ấy không phải là thiếu tiền, rắc rối của ông ấy là quá nhiều tiền. Ông ấy đã có quá nhiều tiền, nhiều hơn mức đủ, và do đó điều đó trở thành vô nghĩa. Ông ấy còn tiền sau khi biết nó, tiền đã trở thành vô nghĩa với ông ấy. Nhưng với người ăn xin này thì nó lại rất có ý nghĩa.

Cả hai đều là người ăn xin, nhưng việc ăn xin của Phật có vẻ duyên dáng của hoàng đế. Ngay cả trong việc ăn xin của mình Phật cũng là người chủ. Với ông ấy tiền bạc đã trở thành vô nghĩa, nó đã bị loại bỏ. Người kia cũng là kẻ ăn xin, nhưng người đó thực sự là kẻ ăn xin; tiền bạc là rất có ý nghĩa với người đó, và ham muốn về tiền vẫn tiếp tục.

Tình huống này là hết giữa người dốt nát và người của trí huệ tối thượng. Người trí huệ từ bỏ tri thức theo cùng cách Phật đã từ bỏ của cải - sau khi biết nó, sau khi tận hưởng nó, sau khi có nó. Ông ấy thấy rằng ngay cả tri thức cũng có biên giới, rằng tất cả mọi thông thái đều dừng lại ở đó và không có gặp gỡ nào với điều vô hạn xảy ra cả, cho nên ông ấy từ bỏ tri thức. Ông ấy châm lửa vào tri thức của mình, đặt thông thái của mình lên lửa và đốt nó. Ông ấy trở thành giống như người dốt nát, nhưng ông ấy không dốt nát. Người dốt nát vẫn còn tìm kiếm tri thức, trong khi con người này đã hoàn thành cuộc hành trình về tri thức của mình và đã đi ra ngoài nó.

Do đó, hiền nhân này nói:

Ta là brahman này được biết tới bởi mọi vedanta, trạng thái bên ngoài tri thức.

Ông ấy không nói: “Ta là *brahman* kia được biết tới bởi mọi Veda, kinh sách cổ,” bởi vì ông ấy không là *brahman* mà kinh sách đó nói tới. *Brahman* đó là hữu hạn, bị giới hạn bởi các khái niệm của tri thức. “Ta là *brahman* được biết tới trong trạng thái bên ngoài tri thức. Ngay cả kinh sách cũng không thể biết được nó. Chỉ người nào dám từ bỏ kinh sách của mình, tri thức của mình, mới có khả năng biết nó; ta là *brahman* đó.” Điều đó sẽ trở nên dễ dàng nếu chúng ta cố gắng hiểu nó từ bên trong.

Chúng ta có thể biết mọi thứ qua tri thức ngoại trừ bản thân chúng ta, bởi vì mọi thứ đều ở trước tri thức còn chúng ta chỉ ở sau nó. Chúng ta biết mọi thứ qua năng lực của tri thức, nó chỉ là phương tiện cho chúng ta.

Hiểu điều đó như thế này: chúng ta có thể thấy mọi thứ qua mắt mình ngoại trừ bản thân đôi mắt. Và nếu bạn đang thấy chúng qua gương, bạn không thấy mắt mình, bạn đang thấy chỉ phản xạ của mắt mình. Phản xạ là cái gì đó khác. Mắt thấy mọi thứ, nhưng tại sao chúng lại không thể tự thấy mình được? Vấn đề là gì? Để thấy một vật thì khoảng cách là cần có, lỗ hổng là cần có để thấy cái gì đó; điều cần thiết là chúng đối diện lẫn nhau theo cách nào đó. Bây giờ làm sao mắt bạn đối diện với nó được? Điều đó là không thể được. Đó là lí do tại sao mắt có thể thấy mọi thứ trừ bản thân nó.

Tri thức nữa cũng có thể biết mọi thứ trên thế giới này trừ mỗi *brahman*, thực tại tối thượng - cái bị ẩn kín bên trong chúng ta, cái mà chúng ta là. Tri thức là con mắt của *brahman* đó bên trong chúng ta, và tất cả những cái khác có thể được cảm nhận qua nó. Tuyển tập của tất cả cảm nhận đó được gọi là veda, tri thức. Điều mà *brahman* này biết được gọi là veda, tri thức, còn điều mà qua đó *brahman* này có thể được biết được gọi là vedanta, trạng thái bên ngoài tri thức.

Bây giờ, làm sao để biết *brahman* này, thực tại tối thượng? Người sẽ biết nó là ai? Trong thực tế chính ngôn ngữ của việc biết phải bị bỏ đi bởi vì việc biết bao giờ cũng hàm ý cái khác. Làm sao có thể biết chính mình được? Làm sao bạn có thể

biết bản thân mình là gì? - và ai sẽ biết nó? Từ chiều nào, theo cách nào bạn sẽ đi tới biết nó? Đó là lí do tại sao bất kì cái gì chúng ta đi tới biết về bản thân mình đều sẽ trở thành cái gì đó khác hơn bản thân chúng ta - chỉ ngay trong chính việc biết về nó. Trong thực tế cái ta của riêng người ta là ở bên ngoài tầm với của việc biết của người ta.

Chỉ có một cách và đó là cởi bỏ tất cả tri thức của chúng ta như quần áo và gặt nó sang bên, trở thành trần trụi, như nó đã thế, không quần áo. Theo cùng cách này, khi bạn có thể trở thành được trần trụi với mọi tri thức thì khả lộ xảy ra không phải là tri thức, nó là khả lộ bên trong. Xúc động của cực lạc lan toả bên trong, việc nhận ra điều xảy ra, mà không có bất kì việc biết hình thức nào, được gọi là vedanta, trạng thái vượt ra ngoài tri thức.

Con người rất láu lỉnh, con người đã tạo ra kinh sách ngay cả quanh vedanta - trạng thái ở bên ngoài tri thức. Con người đã tạo ra tri thức ngay cả từ trạng thái ở bên ngoài tri thức. *Các bác học* cứ tuyên truyền rằng vedanta không phải là kết thúc của kinh sách có tên Veda, tri thức, mà là chính điều tinh túy của những kinh sách này. Họ cứ khẳng khẳng rằng vedanta là phần vật lí của những kinh sách này. Đây là điều đối trá hoàn toàn, nó hoàn toàn sai.

Toàn bộ nỗ lực của hiền nhân này đã là bằng cách nào đó giải phóng bạn khỏi lời nói, giáo điều, tri thức sao cho bạn có thể trở nên lắng đọng trong thực tại tối thượng đó, cái không có sẵn qua tri thức mà chỉ có qua hiện hữu. Tri thức là rào chắn cho hiện hữu, bởi vì tri thức không là gì ngoài mở rộng, bành trướng ra ngoài của người ta. Hiện hữu là chìm vào bên trong người ta, lắng đọng vào bên trong cái ta riêng của người ta, đi tới trung tâm ngọn nguồn.

Cho nên vedanta nghĩa là trạng thái khi bạn sẵn sàng từ bỏ tất cả mọi tri thức của người ta, cũng hết như Phật Gautam sẵn sàng từ bỏ mọi của cải của mình. Tri thức của bạn nữa cũng là một loại của cải, nó là tích lũy của cải bên trong.

Điều rất thú vị là ngay cả của cải của chúng ta cũng không phải là của chúng ta, chúng ta chỉ sở hữu nó như một móc xích ở giữa trong một dây xích lớn - con kế thừa của cải của bố, thế rồi con của con lại kế thừa nó từ người con này. Không ai được sinh ra

cùng của cái cả, điều này là chắc chắn: người đó xuất xứ từ đâu chẳng thành vấn đề, không ai được sinh ra cùng nó. Nó có thể được quốc gia cho, nó có thể được gia đình cho, xã hội cho, hay phong tục tập quán cho, nó có thể được kiếm qua làm việc vất vả, hay nó có thể bị đánh cắp, nhưng một điều là chắc chắn: không ai được sinh ra cùng nó và không ai chết đi cùng nó. Cho nên của cái là hiện tượng xảy ra ở lưng chừng đâu đó và ở ngoài chúng ta.

Điều đó cũng hết như vậy với tri thức: nó được thu lấy từ người khác. Tri thức là tiền lãi được tích lũy của xã hội. Đó là lí do tại sao con vật lại không thể có hiểu biết được - chúng không có ngôn ngữ qua đó tích lũy tri thức của chúng. Đó là lí do tại sao khi con vật bố chết đi, nó không có khả năng trao kinh nghiệm của riêng nó cho con nó, không có cách nào. Con phải bắt đầu lại từ nơi bố đã bắt đầu; do đó con vật không thể phát triển được.

Xã hội thất học không thể tạo ra tiến bộ nào. Thông tin truyền miệng từ người bố là không đủ. Nhiều điều bị thất lạc và con phải bắt đầu lại lần nữa - từ ABC.

Khi ngôn ngữ tiến hoá nó đã tạo ra những báu vật về tri thức. Và khi chúng ta tạo ra chữ viết và phát hiện ra cách viết, mọi sợ hãi về việc mất tri thức đó biến mất. Đó là lí do tại sao hiện tượng này đã trở thành có thể chỉ với con người. Với con vật, con bắt đầu đích xác tại cùng điểm khi bố đã bắt đầu - con chết đi tại cùng điểm bố đã chết, con nó lại bắt đầu lại mọi sự từ chính lúc ban đầu - đó là lí do tại sao không tiến bộ nào trở thành có thể. Mọi tiến bộ nhân loại xảy ra bởi vì từng người con kế tục chỗ người bố bỏ lại; khối lượng tri thức cứ tăng lên mãi và của cái tri thức cứ được tích lũy lại. Mọi thế hệ đều tích lũy tri thức và trao nó cho thế hệ tiếp. Đó là lí do tại sao xã hội càng tích lũy được nhiều tri thức hơn, nó càng trở nên thông minh hơn. Tri thức là sự tích lũy.

Tưởng tượng rằng trong hai mươi năm mọi đại học, cao đẳng, trường phổ thông đều bị đóng cửa, rằng tất cả các thư viện đều bị đốt cháy, và trong hai mươi năm không phương tiện giáo dục nào có sẵn; rằng bố dừng dạy dỗ cho con, thầy dừng giảng dạy cho trò... bạn có biết điều gì sẽ xảy ra không? Trong hai mươi năm bạn sẽ ở chỗ bạn đã ở cách đây hai triệu năm. Mọi thứ sẽ mất.

Tri thức là việc tích lũy và nó phải được truyền trao thường xuyên, do đó mới tồn tại trường học. Trường phổ thông, cao đẳng đại học để làm gì? Họ trao việc tích lũy tri thức từ thế hệ bố sang thế hệ con, không gì khác. Công việc của thầy giáo là làm việc truyền trao này, toàn bộ nghiệp vụ của ông ấy là trao cái mà thế hệ già hơn đã tích lũy được cho thế hệ mới - đó là công việc duy nhất của ông ấy, đó là mối nối trung gian.

Tri thức cũng là của cải thu được từ những người khác. Tất cả các tri thức gắn lại với nhau mới có thể được gọi là veda. Tại Ấn Độ chúng ta gọi Veda là *samhita*. 'Samhita' nghĩa là cái đã được thu thập, mọi thứ được biết tới đều được soạn ra. Đó là lí do tại sao tôi không đồng ý rằng veda chỉ bao gồm bốn kinh sách Ấn Độ được gọi là Veda. Bất kì cái gì đã được tích lũy lại trên thế giới như tri thức thì đều là veda; tri thức vậy cũng là veda, samhita, tuyển tập, bởi vì nó đã được tích lũy lại.

Đó là lí do tại sao hiền nhân này lại nói điều đó rất có ý thức, có chủ ý - chúng không phải là những lời nói ngẫu nhiên ... *được biết tới bởi mọi vedanta, trạng thái bên ngoài tri thức*. Không được biết qua Veda, bởi vì cái được biết qua tri thức đã tích lũy không phải là việc biết. Việc biết về thực tại tối thượng không phải là tri thức được tích lũy, nó đã ở bên trong bản thân chúng ta; nó không cần được mang vào từ bên ngoài.

Cho nên có thể là các đại học bị đóng cửa và hệ thống giáo dục bị gián đoạn - phong trào này dường như xảy ra trên khắp thế giới. Nếu phong trào thanh niên, người hippy và những người khác mà thành công, các đại học sẽ không hoạt động nữa và các thư viện sẽ bị đốt; chẳng mấy chốc mọi thứ sẽ kết thúc. Nhưng sẽ không có hại gì được làm đối với *brahmangyan*, việc biết về brahman, việc kinh nghiệm brahman. Tất cả các Veda có thể bị đốt, Kinh Thánh và kinh Koran có thể bị phá hủy, nhưng việc biết về brahman sẽ không bị ảnh hưởng bởi vì nó chưa bao giờ được đạt tới qua chúng. Chúng chẳng có liên quan gì tới nó. Bất kì khi nào việc biết về brahman xảy ra, nó đều tới từ bên trong. Nó có thể đã được diễn đạt ở bên ngoài, nhưng việc đạt tới nó chưa bao giờ là từ bên ngoài.

Veda có thể đã cố gắng nói điều về việc nhận biết brahman là gì, nhưng điều đó chưa bao giờ được đón nhận từ Veda. Chúng có thể chứa cách diễn đạt - mọi người đã biết tới trạng thái này đều đã cố gắng truyền đạt nó, và việc biên soạn tất cả những điều này đã tạo ra Veda - nhưng bất kì ai đã biết tới trạng thái này thì đều đã không biết nó qua Veda, người đó đã biết nó bởi vedanta, bằng việc đi ra ngoài tri thức. Và khi tôi nói

‘trạng thái bên ngoài tri thức’, tôi ngụ ý việc kết thúc của tri thức - khi tri thức được siêu việt lên, khi người đó buông bỏ tri thức.

Một người như vậy nói: “Tôi đã biết mọi điều, nhưng tất cả những tri thức đó đã tới từ bên ngoài. Bây giờ tôi từ bỏ tất cả nó và muốn biết cái ở bên trong, cái chưa bao giờ tới từ bên ngoài. Bây giờ tôi muốn tìm kiếm và biết rằng thực tại thuần khiết mà chưa bao giờ có sẵn từ bên ngoài thì bao giờ cũng hiện diện ở bên trong.”

Do đó hiền nhân này nói:

... được biết tới bởi mọi vedanta, trạng thái bên ngoài tri thức.

Điều này cần được hiểu. Nếu hiền nhân này đã chỉ nói rằng “cái đã được biết tới bởi vedanta,” thì điều đó có hơi sai.

Nhưng hiền nhân này nói “cái đã được biết tới bởi mọi vedanta.” Bởi vì không phải là hiểu biết về vedanta được sinh ra chỉ ở Ấn Độ, không. Bất kì chỗ nào nó xảy ra, bất kì chỗ nào trạng thái bên ngoài tri thức này xảy ra, tất cả đều được bao hàm.

Điều Jesus đã hiểu ra cũng là vedanta, trạng thái bên ngoài tri thức này, mặc dầu ông ấy đã không nhận biết về Upanishads - điều đó là không cần thiết. Khi Lão Tử tới hiểu ra điều đó, đó là qua vedanta; khi Eckhart tới hiểu ra điều đó, đó là qua vedanta - bất kì khi nào bất kì ai trên thế giới đã hiểu rõ điều đó, điều đó xảy ra qua vedanta, trạng thái bên ngoài tri thức. Bất kì tuyến tập tri thức nào họ có, chỉ qua việc vứt bỏ nó mà họ mới đi tới hiểu rõ thực tại tối thượng.

Cho nên hiền nhân này nói:

... bởi mọi vedanta,

Bất kì chỗ nào, vào bất kì thời đại nào, tại bất kì chỗ nào, và trong bất kì hoàn cảnh nào nó bao giờ cũng được hiểu qua vedanta,

trạng thái vượt ra ngoài tri thức, chỗ dừng lại của tri thức. Đây là ý nghĩa toàn diện của vedanta, trạng thái vượt ra ngoài tri thức.

Nhưng như con người hiện hữu, và như tâm trí con người hiện hữu, chúng ta vẫn bắt gặp những người cứ khoe khoang là *vedantins* - người ủng hộ vedanta. Không ai có thể là vedantin, điều này cực kì ngu xuẩn. Không ai có thể là một vedantin bởi vì vedanta không phải là 'chủ thuyết', học thuyết, giáo điều. Bất kì 'chủ thuyết' nào thì cũng lại là kinh sách, lại là Veda. Cho nên nếu ai đó nói người đó theo vedanta thì người đó hoàn toàn sai lầm, bởi vì nơi vẫn có việc đi theo, làm sao tri thức có thể được loại bỏ? Là người theo sau là thuộc vào tri thức, cho nên không ai là vedantin cả, người theo sau vedanta. Và khi tôi nói điều này, điều tôi ngụ ý là ở chỗ không ai có thể làm ra 'chủ thuyết', lí thuyết từ nó được. Bất kì ai cố gắng làm điều đó thì đều đã không hiểu biết về nó, người đó đã bỏ lỡ vấn đề; người đó đã bỏ lỡ điều thực. Chính ý nghĩa của vedanta là: không 'chủ thuyết', không lí thuyết, không kinh sách, không tri thức. Vậy thì làm sao bạn có thể trở thành người theo của nó được?

Trong thực tế để đi vào trạng thái này, mọi lí thuyết, mọi kinh sách, mọi nguyên tắc đều phải bị bỏ lại đằng sau. Ngay cả những kinh sách cổ đại nhất cũng phải bị bỏ đi. Thế thì chúng ta có thể nói rằng một người như vậy là trong trạng thái của vedanta - nhưng người đó không phải là vedantin, người theo sau.

Người đó đã đi vào trong trạng thái bên ngoài tri thức, điều nhiều nhất có thể nói ra được, nhưng người đó không thể nói rằng mình là người theo nó. Điều này sẽ là không nhất quán, chính ý nghĩa của từ này sẽ bị mất.

Ta là brahman này được biết tới bởi mọi vedanta, trạng thái bên ngoài tri thức.

“Ta là cái mà các hiền nhân này đã hiểu ra khi họ vứt bỏ mọi tri thức của mình.” Hiền nhân này đang tuyên bố là lời tuyên ngôn từ thực tại tối thượng. Người ta có thể nghĩ rằng tuyên bố này là rất bản ngã: “Ta là cái đó, cái đã được mọi vedanta biết tới, trạng thái bên ngoài tri thức!” Không, không chút nào, không có dấu vết nào của bản ngã ở đâu cả. Hiền nhân này chỉ đang nói: “Bây giờ ta đang nói về thực tại đó, thực tại tối

thượng đó mà không thể được tiếp cận tới qua tri thức. Ta cư ngụ là có thể, nơi chỉ 'sự hiện diện' thuần khiết mới có thể vào; nơi tri thức trở thành rào chắn, nơi tri thức là bệnh tật, nơi tri thức tạo ra bất ổn - ta ngụ ở đó, nơi thậm chí không có một gợn tri thức tồn tại.”

Chúng ta tất cả đều đã nghe nói rằng nếu ý nghĩ dừng lại, thiền xảy ra. Nhưng bây giờ cố hiểu điều gì đó sâu sắc hơn - khi việc biết dừng lại, brahman xảy ra. Với việc dừng lại của ý nghĩ thì thiền xảy ra, nhưng khái niệm về việc biết vẫn còn trong thiền này. Khi khái niệm về biết cũng biến mất, khi không có một gợn biết, khi tất cả tri thức biến mất, brahman, thực tại tối thượng xảy ra.

Ta không hình dạng không tên tuổi không hành động.

Ta là brahman này, thực tại tối thượng: chỗ cư ngụ của sat, chit, anand - chân lí, tâm thức, phúc lạc.

Ta không là thân thể...

Phần cuối là phát biểu rất quý giá, cực kì quý giá.

Ta không là thân thể - làm sao có thể có sinh và tử cho ta?

Ta không là hơi thở sống - làm sao có thể có đói hay khát cho ta?

Ta không là tâm trí - làm sao có thể có buồn rầu hay vui thích cho ta?

Phát biểu cuối là lời đáp lại cho việc hỏi ban đầu này, nơi Upanishad này đã bắt đầu. Câu trả lời đã tới sau một cuộc hành trình dài như vậy quả là lạ lùng. Lời đáp là:

Ta không là người làm - làm sao có thể có tù túng hay giải thoát cho ta?

Upanishad này đã bắt đầu với: *Tù túng là gì? Giải thoát là gì?* Đây là những câu hỏi đầu tiên. Hiền nhân này đã thảo luận mọi điều chi tiết, đi sâu vào trong thực tại của cuộc sống, đến mức bạn không bao giờ có thể tưởng tượng được rằng đây sẽ là lời đáp cuối cùng mà ông ấy đưa ra. Ông ấy đáng phải nói như vậy ngay từ đầu! Điều hiền nhân này bây giờ mới nói là “Khi không có tù túng ngay chỗ đầu tiên, làm sao có thể có bất kì giải thoát nào được? Ta không là cái gì đó có thể bị giới hạn, ta không thể bị giới hạn được; tự do là bản tính của ta, cho nên ai có thể đặt ta vào tù túng được? Làm sao ta có thể bị giới hạn? Làm sao bất kì tù túng nào lại có thể dính vào ta được? Ta thậm chí không

có sự tồn tại này mà để có thể bị gắn bó với. Thân thể có thể bị gắn bó với là ở đâu? Hình dạng có thể bị cầm tù là ở đâu? Đường nét của nó ở đâu?" Chỉ sau khi đi ra ngoài tất cả các giới hạn, đã thảo luận về tự do từ mọi hình dạng đầy đủ chi tiết... Có lẽ đến giờ bản thân người tìm kiếm có thể đã quên mất rằng việc truy tìm nguyên thủy của mình đã là: *Tù túng là gì? Giải thoát là gì?* Việc truy tìm đó đã rút lui xa đến mức có lẽ bạn đã không nhớ đến nó nữa! Việc truy tìm này đã bị bỏ lại đằng sau xa tới mức, việc thảo luận đã đi sâu tới mức bây giờ hiền nhân này nói:

Ta không là người làm - làm sao có thể có tù túng hay giải thoát cho ta?

“Nếu tù túng không tồn tại, ý nghĩa gì có đó trong giải thoát? Nếu tù túng là không thể có với ta, vấn đề giải thoát nảy sinh ở đâu?”

Upanishad này bắt đầu với một câu hỏi và nó kết thúc với một câu hỏi. Hiền nhân này nói, “Làm sao có thể có tù túng được - và do đó làm sao có thể có giải thoát được? Nơi ta hiện hữu, tù túng và giải thoát không thể tồn tại được.” Nhưng nếu đây là câu trả lời, ông ấy có thể đã nói điều này từ ngay lúc bắt đầu!

Tôi nhớ tới một câu chuyện Sufi. Hassan, một fakir, bỏ làng mình lên đường tìm kiếm thầy. Một thầy tu già đang ngồi bên tảng đá và Hassan nói với ông ấy, “Tôi khởi hành đi tìm thầy đây. Tôi không có hi vọng nào đạt tới chân lí trong làng này” - trong làng của riêng người ta không ai có hi vọng như vậy - “và nếu những người tôi biết có bất kì chân lí nào trong họ thì điều đó ở ngoài tưởng tượng của tôi, điều này là chắc chắn. Đó là lí do tại sao tôi lại rời bỏ chỗ này. Xin ông hãy hướng dẫn tôi xem tôi phải đi đâu, tôi nên tìm kiếm ở đâu?”

Ông thầy tu già nói, “Con đường này là rất khó, nó rất gian nan. Nhưng vì anh đã hỏi, ta sẽ bảo anh. Nếu anh tìm thấy một người có khuôn mặt như thế nào đó và người khớp với mô tả như thế nào đó, đừng buông bỏ người đó, theo người đó bằng mọi giá; một người với khuôn mặt và đôi mắt như thế nào đó, với kiểu khăn chít đầu như thế nào đó trên đầu, mặc loại áo choàng như thế nào đó, ngồi theo tư thế như thế nào đó trên một

tảng đá như thế nào đó, dưới gốc cây như thế nào đó - nếu anh tìm thấy con người này, đừng từ bỏ người đó.”

Hassan tiếp tục tìm kiếm mãi con người này. Tương truyền ông ấy tới mọi thị trấn và làng mạc nhưng ông ấy không thể nào tìm được cái cây, tảng đá lẫn con người này. Ông ấy đã lang thang trong ba mươi năm. Ông ấy đã lang thang cho tới khi trở nên bị mệt mỏi, hoàn toàn chán ngán, cạn kiệt, mòn mỏi. Ông ấy đã không tìm thấy dù chỉ một thoáng chân lí và chính khát khao của ông ấy về chân lí gần như đã bị phai nhoà và nó mất mọi mãnh liệt. Bây giờ ông ấy thậm chí bắt đầu hoài nghi rằng có điều như vậy rằng chân lí ở khắp mọi nơi, cho nên làm sao ông ấy có thể tìm thấy nó? Ông ấy đã trở nên giận dữ với ông già kia: “Vô nghĩa làm sao! Ông ấy đã đẩy ta vào nhiều rắc rối thế, bảo ta đi tìm một người với mô tả thế này, tại chỗ đặc biệt này. Giá mà ông ấy đã không làm như vậy, có lẽ ta đã thành công trong việc tìm kiếm của mình. Ta đã bị tàn tạ đi bởi việc tìm kiếm con người này, bởi việc tìm kiếm này, mà ta không tìm thấy chỗ ông ấy tả, cũng chẳng thấy người đó.”

Hassan trở về làng mình. Ông già đó vẫn ngồi tại lối vào của làng. Thấy điều này, Hassan ngạc nhiên - cây trông giống như cây ông ấy đã nói, đá trông cũng giống hệt. Ông ấy tới gần và thấy rằng mắt cũng là một. Hassan sụp xuống dưới chân ông già và khóc, “Thầy có điên không? Nếu thầy là người mà tôi đã tìm kiếm, sao thầy không bảo tôi ngay từ đầu? Sao thầy lại làm cho tôi cứ lang thang suốt ba mươi năm qua?”

Ông thầy tu già đáp, “Ta đã bảo ông điều đó vào chính ngày đó, nhưng ba mươi năm lang thang là cần thiết để ông nhận ra ta. Ta đã bảo ông mọi điều vào chính cái ngày đó nhưng ông đã không nhìn vào ta, ông cũng chẳng nhìn vào tảng đá hay nhìn vào cây. Ông đang vội vã thế, tất cả đều sẵn sàng và hăm hở đi tìm kiếm. Ông đã coi là đương nhiên rằng chân lí không thể được tìm thấy tại chỗ này mà ông đã bỏ lại sau. Ta đã tả đôi mắt - ông đã thậm chí chẳng nhìn vào mắt ta. Ta đã tả nét mặt nữa. Không chỉ ông đã gây ra nhiều rắc rối, còn ta thì sao? - Ta đã không thể rời khỏi tảng đá này trong ba mươi năm! Ta đã phải đợi ông, cho tới khi ông quay lại.

“Điều này là chắc chắn, rằng ông sẽ quay lại; ông còn có thể đi đâu khác được? Tất cả mọi mô tả ta đã nêu ra không sánh được ở bất kì đâu khác ngoại trừ tảng đá này, cái cây này. Cho nên ông cũng đã tạo ra rắc rối cho ta. Nhưng ba mươi năm lang thang của ông là cần thiết; việc ông trải qua chịu đựng này là rất bản chất. Phiền não này là kỉ luật tâm linh cho ông.”

Hiền nhân này cũng đã có thể trao cho anh ta câu trả lời ngay từ đầu. Ông ấy có thể đã nói, “Tù túng gì? - ai có đó mà bị giam cầm? Và khi không có tù túng, giải thoát có nghĩa lí gì? Ai để mà được tự do?” Nhưng thế thì không cuộc hành trình nào để đi tìm kiếm là có thể và có lẽ người tìm kiếm có thể đã im lặng quay về, nhưng không an bình.

Có lẽ người đó có thể đã ngậm miệng, có lẽ người đó có thể đã không có khả năng nói ra một lời để đáp lại, nhưng điều này không phải là giải pháp; điều đó sẽ không ích gì cho người đó cả. Hiền nhân này phải đợi. Đó là cuộc hành trình dài. Từng li một trên cuộc hành trình dài này người đó xoá dần người tìm kiếm đi.

Điều đáng lưu ý là hiền nhân này hoàn toàn bỏ qua việc truy tìm ban đầu. Ông ấy đã không chú ý gì tới điều người tìm kiếm đã hỏi và thay vì thế chỉ bắt đầu xoá bỏ đi người tìm kiếm bằng việc nói: “... không là thân thể, không là giác quan, không là tâm trí, không là trí tuệ, không tôi, không bạn, không *cái đó*, cũng chẳng kinh sách, chẳng tri thức - bên ngoài tất cả và mọi thứ.” Hiền nhân này cứ tháo dỡ người đó, làm tan biến người đó. Và bây giờ, khi quá trình làm tan biến đã hoàn tất và ông ấy đã thấy rằng tảng băng, tới như một người tìm kiếm, đã tan ra và trở thành một vớ đại dương, ông ấy hỏi người tìm kiếm, “Tù túng là gì? Tù túng cho ai? Anh nghĩ anh là ai mà có thể bị trói buộc? Anh ở đâu mà có thể bị trói buộc? Và khi thực tại là ở chỗ anh chưa bao giờ bị trói buộc, giải thoát này là gì mà anh đi tìm kiếm? Ai là người anh muốn giải phóng? Ai sẽ đạt tới việc giải thoát này?”

Upanishad này là tuyệt diệu theo khía cạnh này. Nó bắt đầu với một câu hỏi và nó kết thúc với một câu hỏi, nhưng hình dạng của câu hỏi, ngữ cảnh của câu hỏi, phẩm chất của câu hỏi đã thay đổi. Lúc ban đầu đệ tử này đã hỏi câu hỏi đó, và bây giờ đến cuối

thầy đang hỏi câu hỏi này. Và đâu đó ở giữa hai điều này, câu trả lời nằm đó. Đó là lí do tại sao cả hai đã cầu nguyện : ... *bảo vệ cả hai chúng ta. Cầu cho điều đó chăm sóc cả hai chúng ta. Cùng nhau chúng ta có thể cố gắng...* “bảo vệ cả hai chúng, để chúng ta chìm ngập ở giữa.”

Chỉ trao một câu trả lời sẽ là rất dễ dàng, nhưng để giúp ai đó đạt tới giải pháp, tới trạng thái không câu hỏi, là rất khó. Bất kì ai cũng đều có thể cho câu trả lời, cho câu trả lời không làm cho người ta thành thầy; người ta có thể trở thành thầy giáo, nhưng người đó sẽ không là thầy.

Đây là khác biệt giữa thầy và thầy giáo. Thầy cho giải pháp: trạng thái không câu hỏi; thầy giáo cho câu trả lời. Bạn có thể hỏi thầy giáo cái gì là cái gì và ông ấy sẽ nói cho bạn. Nhưng ngay cả câu trả lời này cũng có thể không nhất thiết là câu trả lời của riêng ông ấy, ông ấy có thể đã nhận được nó từ ai đó khác. Cũng không nhất thiết là câu trả lời ông ấy trao sẽ giải quyết cho vấn đề của riêng người ấy. Điều này nữa cũng không phải là cần thiết. Nó là câu trả lời cố định, nó là truyền thống; thầy giáo chỉ truyền nó cho học trò. Nhưng thầy không trao câu trả lời, thầy chỉ cho giải pháp. Và giải pháp chỉ có thể được cho qua chứng ngộ của bạn - không có cách khác. Trong thực tế chỉ chứng ngộ mới đem tới giải pháp, trạng thái vô câu hỏi.

Toàn bộ quá trình được Upanishad này mô tả là quá trình của chứng ngộ. Nếu bạn đi dần từng bước qua quá trình này, bạn sẽ đạt tới chứng ngộ. Chứng ngộ là giải pháp.

Cái ngày giải pháp được đạt tới, thầy đặt câu hỏi ngược trở lại cho đệ tử: “Bây giờ ta hỏi ông!” Bởi vì tất cả mọi việc hỏi này đều, như tôi đã nói trước đây, giống như ảo tưởng khi bạn thấy rấn trong dây thừng vào lúc chạng vạng, và thế rồi bạn bỏ chạy tới tôi nói với tôi về rấn và hỏi tôi cách xua nó đi, cách loại bỏ nó. Phải giết nó bằng gậy hay bằng đạn - hay không đi đường đó nữa?

Nếu tôi chỉ nói với bạn rằng không có chuyện rấn ở đó, rằng bạn đang dưới ảo tưởng, rằng đấy là phóng chiếu tâm trí của bạn và rằng bạn lầm, thế thì không thể trông đợi bạn chấp nhận phát biểu của tôi được. Bạn có thể im lặng, nhưng rấn với bạn còn thực hơn phát biểu của tôi. Tôi chỉ nêu ra một phát biểu! Rấn còn

thực hơn. Không, tôi có thể cho bạn câu trả lời, nhưng điều đó sẽ không giải quyết được vấn đề. Thích hợp hơn cả là đem chiếc đèn tới với bạn và nói, “Chúng ta xem con rắn to chừng nào để chúng ta đem kiếm hay gậy với kích thước thích hợp tới, hay chúng ta sẽ làm việc thu xếp thích hợp để giết nó - nhưng trước hết, chúng ta tới và xem kích cỡ của con rắn này.”

Ai đó biết rằng không có rắn và vậy mà vẫn cầm đèn và tới với bạn, không phải là thầy giáo. Thầy giáo sẽ chỉ trao cho bạn câu trả lời. Có thể là ông ấy đã giải thích cho bạn thỉnh thoảng mọi người cũng làm dây thừng là rắn. Ông ấy có thể đã giải thích mọi thứ, nhưng nếu bạn yêu cầu ông ấy tới và đi cùng đường với bạn thì ông ấy sẽ nói, “Câu trả lời của ta chỉ là điều ta đã nghe nói. Ta không muốn dính vào rắc rối nào - có thể có rắn ở đó, ta không muốn dính líu với nó. Câu trả lời của ta được lấy từ kinh sách. Ta biết nó. Thầy giáo ta đã nói cho ta về nó, thầy giáo của thầy đã nói điều đó cho thầy; ta biết nó rõ lắm. Ta sẵn sàng nói cho ông mọi điều nhưng ta không định đi tới đó.”

Thầy sẽ đi cùng bạn - vẫn biết rõ rằng không có rắn. Nhưng thực tại không có rắn đó phải trở thành kinh nghiệm riêng của bạn. Thầy sẽ tới với bạn, mang theo cây đèn. Toàn bộ Upanishad này đi phía trước bạn, mang theo cây đèn. Từng li một con đường được chiếu sáng lên, bóng tối bị xua đi, và chẳng mấy chốc thầy đi tới cái dây thừng. Bạn có thể vẫn thấy rắn nhưng thầy nói, "Nhìn đây, rắn đâu nào? Đây không phải là đuôi rắn, đây là dây thừng; đây không phải là thân rắn, đây là dây thừng; đây không phải là đầu rắn, đây là dây thừng.”

Điều này là điều đã được thảo luận ở đây, rằng bạn không thể này cũng chẳng thể nọ - không là cái gì ngoài việc khừ bỏ đi con rắn. Khi cái tôi đã hoàn toàn bị xoá bỏ và chỉ dây thừng còn lại, thầy hỏi đệ tử, “Bây giờ làm sao giết con rắn này? Con rắn nào cần phải bị giết? Và nếu không có rắn, gươm giết cái gì? Và nếu không có rắn, ta có thể trao cho ông lời khuyên gì để được an toàn với nó? Ông nói cho ta hay!” Và với câu hỏi này, Upanishad kết thúc.

Tại đây kết thúc Upanishad.

Không có đến một câu trả lời từ đệ tử. Đệ tử này bây giờ nên nói điều gì đó; ít nhất thì cũng một lời cảm ơn - ít nhất cũng một thái độ

biết ơn nào đó, ít nhất cũng bày tỏ cách diễn đạt về sùng kính và vui sướng... cái gì đó! Đệ tử nên nói điều gì đó! Nhưng đệ tử này hoàn toàn im lặng. Đệ tử này im lặng bởi vì theo một nghĩa nào đó anh ta không còn tồn tại nữa, nói gì tới việc nói ra. Không chỉ răn đã bị xoá bỏ đi, mà đệ tử này nữa cũng đã bị xoá bỏ đi. Người đã tới để hỏi không còn nữa, tâm trí đã tới hỏi nay không còn nữa, bản ngã đã có câu hỏi và muốn câu trả lời nay không còn nữa. Trong thực tế người đã tới không còn nữa và người bây giờ còn lại thì chưa bao giờ tồn tại trước đây, cho nên ai đưa ra lời cảm ơn? đưa lời cảm ơn cho ai? Câu trả lời nào có thể có đó?

Thiền sư Lin Chi quen nói với đệ tử của mình, “Nếu ông không trả lời câu hỏi của ta thì cây thiền trượng này sẽ đánh vào đầu ông; còn nếu ông trả lời, thế nữa cây thiền trượng này cũng đánh vào đầu ông.”

Chắc chắn rồi, đấy là một công án bởi vì ông ấy đã chẳng để đường ra nào cả. Và đó là thực hành của Lin Chi để hỏi các đệ tử mình những câu nói. Ông ấy hay nói, “Ông có thể hỏi ta câu hỏi chỉ nếu ông trước hết trả lời câu hỏi của ta, đây là điều kiện.”

Thầy hay bảo đệ tử trả lời câu hỏi của mình trước, và chỉ thế thì thầy mới trả lời câu hỏi của họ. Và Lin Chi cầm cây thiền trượng trong tay. Thế rồi ông ấy sẽ nói, “Ta sẽ đánh ông nếu ông trả lời và nếu ông không trả lời, thế nữa ta cũng sẽ đánh ông.” Thường mọi người đều chạy mất tăm, nhưng những người biết cách thức của ông ấy thì ở lại. Khi Bokuju tới gặp ông ấy lần đầu tiên, ông ấy nói với Lin Chi, “Chúng ta làm điều đó theo cách này - trước hết hoàn thành việc đánh của thầy đi, để cho việc đó qua đi, thế rồi câu hỏi và câu trả lời có thể xảy ra tiếp sau. Bằng không thì điều này sẽ tạo ra phân tán và rối loạn không cần thiết. Đây là việc dễ dàng, chúng ta để cho nó xong đi với điều thứ nhất; câu hỏi và câu trả lời là vấn đề khó. Trước hết làm việc đánh của thầy đi - đầu tôi đây.”

Và Lin Chi nói, “Vậy là người đã tới. Ta sẽ không hỏi ông các câu hỏi - ông có thể hỏi ta.”

Nếu việc hỏi của bạn chỉ là từ tò mò, điều đó là vấn đề khác, nó không có giá trị. Nhưng nếu việc hỏi là một phần của việc truy tìm của bạn thế thì đó là việc mạo hiểm, đó là việc mạo hiểm lớn, bởi

vì để hỏi những câu hỏi như: *Tù túng là gì? Giải thoát là gì?* là đặt cuộc sống của người ta vào nguy cơ. Sau khi xoá bỏ đi mọi thứ, sau khi chùi sạch toàn bộ thiên kiến đến mức thậm chí không lời nào còn lại trên nó, đến cuối thầy đẩy câu hỏi lại cho đệ tử. Đến mức thậm chí không việc biết nào có thể còn lại, cuối cùng thầy chùi nốt điều đó nữa và nói, “Không kinh sách và không ý nghĩa nào của việc biết có bắt kì lối vào nào ở đó.”

Thầy đã phá huỷ mọi thứ, thiêu đốt mọi thứ thành tro, đốt cháy chính bản thân hạt mầm. Và thế rồi thầy hỏi, “*Tù túng là gì? Ai có đó để mà bị trói buộc? Giải thoát là gì?* Khi người ta chưa bao giờ bị trói buộc ngay chỗ đầu tiên, giải thoát nào là cần tới?”

Giá mà đệ tử đã nói, cho dù nói “Cám ơn,” thì toàn bộ Upanishad này sẽ phải bắt đầu lại lần nữa, bởi vì điều đó sẽ có nghĩa là trong khi rắn có thể không còn ở đó nữa thì đệ tử này vẫn còn ở đó. Đệ tử vẫn nói, đệ tử vẫn có đó để nói, “Lòng từ bi của thầy thật vĩ đại. Thầy đã giải thích mọi điều, con đã hiểu tất cả điều đó. Con đã đạt tới việc biết.”

Nếu bạn trở về từ thầy như người biết, điều đó đã là phí phạm thời gian đi tới thầy. Thầy là người phá huỷ bạn, từ thầy *bạn* không thể trở về được bởi vì bạn không còn tồn tại nữa; chỉ thế thì việc đi của bạn tới thầy mới có nghĩa.

Tôn giáo là nghệ thuật chết, nghệ thuật triệt tiêu; nó là khoa học của việc làm tiêu tan cái ta của bạn theo thoả thuận riêng của bạn. Điều đó cũng giống như khi ai đó thổi tắt ngọn đèn và ngọn lửa biến mất: tương tự, bản ngã chúng ta, cái tôi của chúng ta, phải biến mất theo cách mà nó không bao giờ có thể được tìm thấy lại, sao cho chỉ cái trống rỗng là còn lại đằng sau - hư không. Chỉ duy nhất trong cái trống rỗng đó mà chúng ta mới có thể nhận ra sự hiện hữu thực của mình. Do đó phát biểu cuối cùng: *Như thế là bí ẩn này...*

Như thế là bí ẩn này.... Tại đây kết thúc Upanishad.

‘Upanishad’ nghĩa là bí ẩn, và ‘bí ẩn’ nghĩa là cái mà thậm chí chúng ta hiểu, nó vẫn còn ở bên ngoài việc hiểu của chúng ta, hoặc cái mà chúng ta có thể không hiểu và vậy mà lại dường như đã hiểu rồi. Đây là điều bí ẩn nghĩa là gì. Những người không

hiểu mang một khái niệm sai lầm là họ đã hiểu, còn những người hiểu thì biết rằng điều đó ở bên ngoài nhận thức; đây là ý nghĩa của bí ẩn. Nếu cái gì đó được hiểu qua việc hiểu biết của bạn thì nó không phải là bí ẩn, nếu cái gì đó không được hiểu chỉ bởi vì bạn đã không hiểu thì thế nữa nó cũng không là bí ẩn. 'Bí ẩn' hàm ý rằng những người không biết, cảm thấy rằng họ biết; còn những người biết lại cảm thấy rằng họ không thực sự biết.

Trong những ngày cuối đời mình Socrates nói, “Điều đó là tốt trong khi tôi không biết; ít nhất thì cũng là ảo tưởng về việc biết có đó. Nhưng bây giờ sự việc đã trở thành khó khăn bởi vì từ khi tôi đã biết, tôi biết rằng mình không biết.”

Đây là điều được gọi là bí ẩn.

Nhà tiên tri của Delphi đã công bố rằng Socrates là người trí huệ nhất ở Hi Lạp. Mọi người chạy tới Socrates nói, “Thầy có biết rằng nhà tiên tri của Delphi đã công bố rằng thầy là người trí huệ nhất không?”

Socrates đáp, “Nhà tiên tri bị muộn trong lời công bố của bà ấy; khi tôi còn trí huệ, chẳng ai tới nói cho tôi về điều này. Đã có thời tôi trí huệ, nhưng thế thì chẳng ai công bố điều đó. Vào lúc đó, bản thân tôi đã nghĩ lan man quanh việc công bố nó! Còn bây giờ, khi tôi đi tới biết rằng tôi chẳng biết gì, bây giờ ý nghĩ kì lạ này lại len vào tâm trí nhà tiên tri này. Phải có sai lầm ở đâu đó. Các bạn đi và hỏi lại bà ta lần nữa xem sao.”

Họ quay lại. Họ sung sướng quay lại bởi vì họ bị tổn thương khi nghe nói rằng Socrates là người trí huệ. Nếu Socrates mà nói, “Vâng, tôi là người trí huệ,” họ sẽ không tin ông ấy về điều đó. Nhưng ông ấy nói, “Tôi là người dốt nát nhất.” Họ nói, “Socrates phải đúng rồi, và nhà tiên tri kia phải nhầm lẫn.”

Họ quay lại và hỏi lại: “Dường như có sai lầm gì đó....”

Nhưng nhà tiên tri đáp, “Tôi chưa bao giờ lầm cả.” Thế là họ nói, “Phải có nhầm lẫn bởi vì đích thân

Socrates nói, ‘Ta là người dốt nát.’”

Nhà tiên tri đáp, “Đó là lí do tại sao ta lại công bố ông ấy là người trí huệ - đây là lí do. Chẳng nào mà ông ấy còn là người trí huệ, ta không thể công bố điều đó.”

Đây là điều được gọi là bí ẩn. ‘Upanishad’ nghĩa là bí ẩn. Bằng không thì từ *upanishad* về từng chữ có nghĩa rằng cái đã được hiểu ra bằng việc ngồi gần thầy - không phải bởi việc nghe thầy mà bởi việc ngồi gần thầy; bởi vì trong việc nghe người ta chỉ nhận được lời, nhưng bằng việc ngồi gần thầy người ta nhận được cái gì đó nhiều hơn. Nhưng ngồi gần thầy là nghệ thuật. Nghe là rất dễ, ngồi gần thầy là rất khó.

Từ ‘upanishad’ nghĩa là cái người ta đạt tới bằng việc ngồi gần thầy - đơn giản bằng việc ngồi gần thầy, bằng việc tới gần thầy hơn, bằng việc buông xuôi theo thầy, bằng việc hiện hữu trong tình yêu với thầy, bằng việc hiện hữu như cái không gần thầy, quên đi bản thân mình khi ở gần thầy. Trong thực tế đó là lí do tại sao điều thầy nói là không quan trọng như điều thầy là gì, bởi vì điều thầy nói là được nghe thấy, nhưng điều thầy là, được nhận bởi việc ngồi gần thầy. Điều thường xảy ra là khi Gurdjieff có một đệ tử ngồi gần mình, ông ấy sẽ nhìn vào đệ tử đó với giận dữ tới mức trái tim của đệ tử này sẽ run lên. Nhiều đệ tử đơn giản trốn khỏi ông ấy. Gurdjieff là chuyên gia về điều đó; ông ấy giỏi tới mức những người ở gần ông ấy nói rằng những người ngồi phía bên này của ông ấy sẽ thấy giận dữ trong mắt này, trong khi ông ấy lại đang diễn đạt tình yêu qua con mắt kia cho những người ngồi phía bên kia ông ấy. Và những người ngồi phía đối diện đôi khi lâm vào biện luận với những người quan sát của họ về việc Gurdjieff thuộc loại người gì.

Người này nói, “Gurdjieff là người đáng yêu làm sao

- có tình yêu thuần khiết tuôn ra từ đôi mắt ông ấy.” Người khác sẽ nói, “Anh có điên hay thế nào không đấy? Tôi cũng ở đó, và mắt ông ấy biểu lộ chỉ toàn độc ác và dữ tợn chứ không gì khác.”

Alan Watts, một nhà tư tưởng phương Tây lớn, đã gọi ông ấy là ‘thánh nhân bất lương’ - vị thánh mà vẫn là kẻ bất lương. Nhưng Gurdjieff là một người tuyệt diệu. Rất dễ dàng là vị thánh thông thường hay là kẻ bất lương thông thường. Nhưng những người biết ông ấy, người đã ngồi gần ông ấy, bao giờ cũng nói với người khác đừng lo nghĩ về điều ông ấy làm, điều ông ấy nói, cách ông ấy chuyển động mắt, nhưng quan tâm tới bản thân mình về việc

hiện hữu trong toán của ông ấy, ở gần ông ấy. “Điều ông ấy nói qua mắt ông ấy, qua lời ông ấy hay qua điệu bộ nét mặt không cần là mối bận tâm của bạn, bởi vì để học cái gì đó từ ông ấy thì chỉ cần hiện hữu với ông ấy, ở gần ông ấy là đủ.” Họ nói, “Đừng lo nghĩ về cách diễn đạt của ông ấy hay liệu ông ấy đang gọi bạn bằng tên, bày tỏ giận dữ hay bày tỏ tình yêu; đừng chú ý tới tất cả những điều đó, đây tất cả đều là cách thức của ông

ấy. Qua chúng ông ấy tìm ra liệu bạn tới chỉ để nghe ông ấy hay để hiện hữu với ông ấy.”

Nếu bạn đã tới chỉ để nghe và hiểu ông ấy, ông ấy gạt bỏ bạn, bởi vì ông ấy nói rằng một người tới chỉ để nghe ông ấy thì không thể đi xa được. Người ta phải đến gần ông ấy - thân mật, gần gũi, gần bó là cần thiết. Trong gần gũi đó, tâm thức bắt đầu hội nhập lại với nhau

- những cánh cửa giữa các bạn mở ra và tâm thức bắt đầu đi vào lẫn nhau.

Cái ngày luồng tâm thức bên trong này xảy ra, upanishad xảy ra. Vào ngày đó... chỉ vào ngày đó, và không trước ngày đó.

Về Osho

Osho sinh ra tại Kuchwada, Madhya Pradesh, Ấn Độ, vào ngày 11 tháng 12 năm 1931. Từ thiếu thời ông đã là một tinh thần độc lập và nổi dậy, nhấn mạnh tới chứng nghiệm chân lí cho chính mình thay vì thu nhận tri thức và niềm tin do người khác trao lại.

Sau khi chứng ngộ ở tuổi hai mươi mốt, Osho hoàn thành học tập hàn lâm và dành nhiều năm giảng dạy triết học tại Đại học Jabalpur. Đồng thời, ông đã du hành trong toàn Ấn Độ để nói chuyện, thách thức các nhà lãnh đạo tôn giáo chính thống trong các cuộc tranh luận công khai, đặt câu hỏi về những niềm tin truyền thống và gặp gỡ mọi người từ mọi nẻo đường cuộc sống. Ông đọc rất nhiều, mọi thứ ông có thể tìm thấy để mở rộng hiểu biết của mình về hệ thống niềm tin và tâm lí của con người hiện đại.

Đến cuối những năm 1960 Osho đã bắt đầu phát triển các kĩ thuật thiền động duy nhất của mình. Con người hiện đại, ông nói, bị quá nặng gánh với những truyền thống lạc hậu của quá khứ và những lo âu của cuộc sống hiện đại đến mức người đó phải trải qua quá trình tẩy rửa sâu sắc trước khi người đó có thể hi vọng khám phá ra trạng thái thanh thoi, vô suy nghĩ của thiền.

Trong quá trình làm việc của mình, Osho đã nói về mọi khía cạnh thực của việc phát triển tâm thức con người. Ông đã cô đọng tinh hoa của điều có ý nghĩa cho việc truy tìm tâm linh của con người hiện đại, dựa trên không chỉ hiểu biết trí tuệ mà được kiểm nghiệm lại theo kinh nghiệm sống của riêng ông.

Ông không thuộc về tín ngưỡng nào cả - “Tôi là người bắt đầu cho tâm thức tôn giáo hoàn toàn mới,” ông nói. “Xin đừng gắn tôi với quá khứ - điều đó thậm chí chẳng đáng nhớ.”

Bài nói của ông cho các đệ tử và người tìm kiếm tâm linh đã được xuất bản trong hơn sáu trăm năm mươi tập, và đã được dịch sang hơn bốn mươi ba thứ tiếng. Và ông nói, “Thông điệp của tôi không phải là học thuyết, không phải là triết lí. Thông điệp của tôi là giả kim thuật nào đó, khoa học về biến đổi, cho nên chỉ những ai sẵn

sàng chết như họ hiện tại và được sinh ra lần nữa trong cái gì đó mới đến mức họ không thể nào hình dung ra được điều đó ngay bây giờ... chỉ vài người dũng cảm mới sẵn sàng lắng nghe, vì lắng nghe là sắp nguy hiểm.

“Lắng nghe, bạn đã bước đi bước đầu tiên hướng tới tái sinh. Cho nên đây không phải là triết lý mà bạn có thể chỉ choàng vào người và đi khoác lác về nó. Đây không phải là học thuyết mà bạn có thể tìm ra khuây khoả cho những câu hỏi phiền nhiễu. Không, thông điệp của tôi không phải là truyền giao bằng lời nào đó. Nó còn nguy hiểm hơn thế nhiều. Nó không gì khác hơn là chết và tái sinh.”

Osho rời khỏi thân thể ngày 19 tháng 01 năm

1990. Công xã khổng lồ của ông ở Ấn Độ tiếp tục là trung tâm trường thành tâm linh lớn nhất trên thế giới hấp dẫn hàng nghìn khách thăm quốc tế, người tới để tham dự vào thiền, trị liệu, các chương trình sáng tạo, hay chỉ để chứng nghiệm bản thể trong phật trường. **Công xã Osho quốc tế**

Pune, Ấn Độ

Công xã này là trường phái kì diệu cho việc thám hiểm bên trong. Đó là phiêu lưu lớn lao nhất có đó, và cũng là lễ hội lớn nhất.

Con đường bạn phải đi qua, bạn sẽ phải đi một mình; nhưng biết rằng bao nhiêu người cũng đang du hành một mình sẽ đem lại cho bạn động viên lớn lao.

Một ốc đảo nhỏ mà trong đó cuộc sống đang diễn ra với tầm nhìn hoàn toàn khác; nơi cuộc sống diễn ra có mục đích, ý nghĩa, nơi cuộc sống diễn ra có phương pháp, nơi cuộc sống diễn ra trong tỉnh táo, nhận biết, tỉnh thức; nơi cuộc sống không phải chỉ là điều ngẫu nhiên, nơi cuộc sống bắt đầu trở thành ngày một trưởng thành hơn theo chiều hướng nào đó.

Và đây không phải là tu viện Ấn Độ; đây là công xã quốc tế, nơi gặp gỡ của Đông và Tây. Công xã này đại diện cho toàn bộ loài người, không phải về quá khứ mà là về tương lai.

Nỗ lực của chúng tôi là để làm cho thiền trở thành có sẵn cho từng người và mọi người; bất kì ai muốn thiền, thiền đều

sẵn có tương ứng với kiểu của người đó. Nếu người đó cần nghỉ ngơi, nghỉ ngơi cũng nên là thiền của người đó. “Ngồi im lặng không làm gì, rồi xuân tới và cỏ tự nó mọc lên” - đó sẽ là thiền của người đó. Chúng ta phải tìm ra thật nhiều chiều hướng cho thiền, nhiều như số người trên thế gian này. Và khuôn mẫu phải đừng quá cứng nhắc, vì chẳng có hai cá nhân nào giống nhau cả. Đây là cuộc cách mạng. Cá nhân phải không bị gò khít vào khuôn mẫu; nhưng khuôn mẫu thì phải vừa vặn với cá nhân. Đó là lí do tại sao bạn thấy có nhiều cách thiền thế đang diễn ra ở đây. Cách thức thì có thể là tích cực hay thụ động, cũng chẳng thành vấn đề gì, mục tiêu là một: làm sao làm cho bạn thành im lặng đến mức tất cả mọi suy nghĩ đều biến mất và bạn chỉ còn là tấm gương, phản chiếu cái đang đấy.

Đa đại học Osho

Trong công xã này có ít nhất năm mươi nhóm trị liệu đang tiến hành, bởi những lí do nào đó. Đấy chỉ là cách làm cân bằng lại hàng nghìn năm kìm nén. Đấy chỉ là để đem lại nhẹ nhàng cho tất cả những cái bạn đã kìm nén - như người Ki tô giáo, người Hindu giáo, Phật tử. Nó chỉ hoàn tác lại cái hại của hàng thế kỉ cũ kĩ đã gây cho bạn. Các nhóm trị liệu này không phải là cứu cánh; chúng chỉ chuẩn bị cho bạn để thiền, chứng kiến thụ động về các ý nghĩ, tình cảm và hành động mà không đánh giá hay đồng nhất.

Sự bừng sáng của mỗi ngày là việc gặp gỡ vào buổi tối: một buổi lễ hai giờ với âm nhạc, nhảy múa và thiền im lặng theo dõi một trong những bài nói của Osho.

“Đấy không phải là bài học; đấy chỉ đơn thuần là phương tiện để làm cho bạn thành im lặng, vì nếu yêu cầu bạn phải im lặng không nỗ lực gì, bạn sẽ thấy rất khó khăn. Tôi đang làm cho bạn im lặng mà không phải nỗ lực gì về phần bạn cả. Việc nói của tôi trước hết là để dùng như một chiến lược tạo ra im lặng trong bạn.” **Để biết thêm thông tin**

<http://www.osho.com>

Osho Commune International

17 Koregaon Park

Pune 411 011 (MS) India

Tel: + 91 (212) 628 562

Fax: + 91 (212) 624 181

Email: osho-commune@osho.com

Osho International

37 Upper Brook Street, London W1K 7PR United Kingdom

Tel. +44. (0) 207 493 5001

Fax. +44. (0) 207 493 1203

Office email: oshointernational@oshointernational.com

<http://www.osho.com/oshointernational>

Để xem một số bản dịch tiếng Việt của sách Osho, các bạn có thể vào trang web:

<http://oshovietnam.wordpress.com/>

Để xem các trích đoạn bài nói của Osho, các bạn có thể ghé thăm trang web

<http://www.thiencungyoga.edu.vn/forum>

“Lời thầy hàm chứa im lặng quanh đó, lời thầy không phải là tiếng động. Lời thầy có giai điệu, có nhịp điệu, có âm nhạc và tại chính cốt lõi của lời thầy là im lặng hoàn toàn. Nếu bạn có thể hiểu thấu lời thầy, bạn sẽ đi xuyên vào im lặng vô hạn này. Nhưng để hiểu thấu lời của Phật, cách thức không phải là phân tích, cách thức không phải là biện luận, cách thức không phải là tranh luận. Cách thức là chìm vào quan hệ với thầy, trở thành hoà hợp với thầy, đồng bộ với thầy. Trong hoà hợp đó, trong sự chân thành đó, người ta đi vào trong chính cốt lõi lời thầy. Và ở đó bạn sẽ không tìm thấy bất kì âm thanh nào, bất kì tiếng động nào; ở đó bạn sẽ thấy im lặng tuyệt đối. Và nếm trải nó là hiểu thầy.”

Osho, *Dhammapada: Con đường của Phật*, 5

“Từ lời tôi bạn có thể bùng cháy, nhưng bạn sẽ không thể nào tìm ra bất kì lí thuyết, học thuyết nào. Bạn có thể tìm ra cách sống, nhưng không tìm ra được giáo lí để thuyết giáo. Bạn có thể tìm ra tính cách nổi dậy hay tiềm ẩn nhưng bạn sẽ không tìm thấy chủ đề cách mạng nào được tổ chức.

“Lời tôi không chỉ là ngọn lửa. Tôi đang đặt thuốc nổ đây đó, chúng sẽ nổ tung trong nhiều thế kỉ. Tôi đang đặt nhiều hơn là sự cần thiết - tôi chưa bao giờ tính hết cơ hội. Gần như từng câu đều

dự định để tạo ra rắc rối cho bất kì ai muốn tổ chức tôn giáo quanh tôi.”

Osho,	Từ	cá	tính	tới	cá	nhân
10.	Tâm Kinh					1998
11.	Mùa của không, mây					1999
12.	Nhạc: cổ trung, nhạc, thiền					1999
13.	Lithomomograph: Con đường của Phật, t. 1					1999
14.	Con thuyền rừng					1999
15.	Tâm Tâm Minh: Sách về cái không					1999
16.	Tư duy: từ Thiền đến Phật					1999
17.	Tư Thiền: từ Thiền					1999
18.	Chuyện kinh Thiền: Tự do với chính mình					2000
19.	Vũ điệu của vũ trụ không					2000
20.	Hồ để đặt mọi Thiền sư và đại nhân					2000
21.	Và bạn của mọi người					2000
22.	Nhạc Ba khai bản, tập 1					2001
23.	Kinh nghiệm Mật tông					2001
24.	Hồn kinh cuối cùng, tập 6					2001
25.	Chuyến thăm lại cái bất					2001
26.	Bí quyết của thiền viết, tập 3					2002
27.	Con đường đến người mọi con đường					2002
28.	Không, mọi: không, trong					2002
29.	Con Mèo Phật: Hồn					2002

Sách Osho đã dịch sang tiếng Việt

1.	Con đường tôi con đường của mây trắng	1997
2.	Biến chuyển Mật tông	1997
3.	Ngón tay chỉ trăng	1997
4.	Thiền là gì?	1997
5.	Đi tìm điều huyền bí, tập 2	1998
6.	Thiền: Tự do đầu tiên và cuối cùng	1998
7.	Kinh Kim Cương	1998
8.	Tôi là lối cổng	1998
9.	Nhịp đập của tuyệt đối	1998

30. Nāgasaṃ: Thiên khải hành	2003
31. Juddha: Tướng, phần của sư tử	2003
32. Mā Tā: Tướng pāṇasaṃ, tướng, tướng	2003
33. Rāsaṃ: Huyết: huyết của thiên phật	2003
34. Dyaṇajā: Thiên Hecceit của Thiên	2003
35. Kasa: Khẩu, đến chùa trên trời xanh	2003
36. Kyaṇasaṃ: Chư người huyết: của Thiên	2004
37. Dyaṇsa Thiên sư: Tầm kiến và hân thành	2004
38. Yakaṇsaṃ: Tướng từ thiên chơn, quý	2004
39. Hā tām thiên huyến tả, tập 1	2004
40. Dhammapada: Chư đường, của Phật, t. 2	2004
41. Từ Thiên: từ Thiên (chánh B)	2004
42. Trāṇsaṃ thành: Trách thiên là chánh minh	2005
43. Sāṇsaṃ: Khẩu người sát: người bên trong	2005
44. Dyaṇsaṃ: Vua: tướng, kiến quý	2005
45. Dyaṇsaṃ: Khẩu cho hân hân	2005
46. Chā hāṇsaṃ thiên hân	2005
47. Ta là chủ chủ	2006
48. Tinh yếm, tự chủ, một minh	2006
49. Dhammapada: Chư đường, của Phật, t.3	2006
50. Kā hāṇsaṃ thiên viết -- tập 1	2006
51. Kā hāṇsaṃ thiên viết -- tập 2	2006
52. Kā hāṇsaṃ thiên viết -- tập 4	2007
53. Vua và: Hân phật: từ bên trong	2007
54. Chāṇsaṃ hāṇsaṃ của một minh từ một minh	2007
55. Nhāṇsaṃ hāṇsaṃ: Chư khẩu: tướng, tướng, của hāṇsaṃ	2007
56. Tự chủ: Dyaṇsaṃ: Chư là hân thiên minh	2007
57. Dhammapada: Chư đường, của Phật, t.4	2007
58. Trāṇsaṃ: Tướng: Tướng hân người hân	2007
59. Dhammapada: Chư đường, của Phật, t.5	2008
60. Dhammapada: Chư đường, của Phật, t.6	2008
61. Thiên hāṇsaṃ: Tầm tỳ hân thiên minh và	

người khác

Con đường của Phật, t.7

2008

2008 62. Dhammapada:

64. Phật lịch sử và giáo huấn	2008
65. Dhammapadam: Chư đấng của Phật, t.8	2009
66. Dhammapadam: Chư đấng của Phật, t.9	2009
67. Chết: sống, sinh yếu, chết, chết	2009
68. Dhammapadam: Chư đấng của Phật, t.10	2009
69. Dhammapadam: Chư đấng của Phật, t.11	2009
70. Dhammapadam: Chư đấng của Phật, t.12	2009
71. Phật -- Ba kinh luận -- tập 2	2010
72. Phật -- Ba kinh luận -- tập 3	2010
73. Phật -- Ba kinh luận -- tập 4	2010

63. Từ bi: Việc nở hoa tối thượng của tình yêu 2008

Table of Contents

Giới thiệu.	4
1 Một thuyền, hai lữ khách.	6
2 Truy tìm..	25
3 Hiền nhân trả lời	39
4 Bốn trạng thái của tồn tại	49
5 Cuộc tìm kiếm cá nhân.	59
6 Thể vật lí và năng lượng.	71
7 Thể trí và các thể nhận biết và phúc lạc.	83
8 Vượt ra ngoài giác quan.	99
9 Bạn là nhà tù riêng của mình.	111
10 Chúng ta là điều ta làm..	122
11 Vĩnh hằng là gì?.	137
12 Tình yêu là tự do.	150
13 Bạn còn nhiều hơn bạn tưởng.	160
14 Chấm dứt ảo tưởng.	168
15 Kẻ hầu đã trở thành chủ.	184
16 Bên ngoài tất cả - nhân chứng.	200
17 Như thế là bí ẩn này.	215
Về Osho.	227